

ĐINH KHANG HOẠT

Tự Dục Khang
Sinh quán: Ninh Bình, VN.

* *Nguyên giảng-viên:*

- Chính Trị tại Trung Tâm Biệt Chính/XDNT (1964-1967, Vũng Tàu)
- Ban Cao Đẳng Sư Phạm Nông - Lâm - Súc (1971-1973)
- Thanh Tra Nha Học Vụ Nông Lâm Súc, Sài Gòn, (1971-1973).

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Việt Sử Trường Ca (1994).
- Vấn Đề Văn Hóa Việt (Viết chung với Hoài Nguyên, 1994).
- Tinh Hoa Sử Việt, (1999).
- Điểm Sách “Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam, 2002.
- Con Đường Cách Mạng Việt - I, (2003).
- Bàn về Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, (2004).
- Con Đường Cách Mạng Việt - II, 2006 (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt).
- Những Tính Tốt & Xấu của Người Việt (viết với Ts. VõQuí Hân, (2005).
- Tìm Hiểu Kinh Dịch, (2007).
- Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc, (2008)
- Hai Dòng Văn Chương Việt: Bác Học & Bình Dân, (viết chung với Ts. VõQuí Hân, (2009)
- Tết (viết chung với Đinh K. Thanh Hà, (2009).
- Bản Sắc Việt Nam, (2010)
- Thời Cuộc Việt Nam & Thế Giới (Viết chung trong Nhóm Nghiên-Cứu Văn Hóa Việt), 2010.
- Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt , (2011)
- Vấn Đề Văn-Học Dân Gian (Viết chung với Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt), 2011.
- Vấn Đề Việt Ngữ, viết chung trong nhóm Quan Tâm Việt Ngữ, (2013).
- Nền Triết Học Việt Nam, (2013).
- Tương Quan Chung Tộc với Ngôn Ngữ (Viết chung với nhóm quan tâm Việt Ngữ, (1916).
- Nền Triết Học Việt Nam (Triết Học Tổng Thể Lý Đông A (2017).
- Sử Luận Hai Triều Hùng Thuộc. (2017)
- Ngọn Cờ Vạn Thắng (Tu Tưởng Lý Đông A Tuyển Tập) 2018.

BÁO CHÍ:

* *Chủ Nhiệm:*

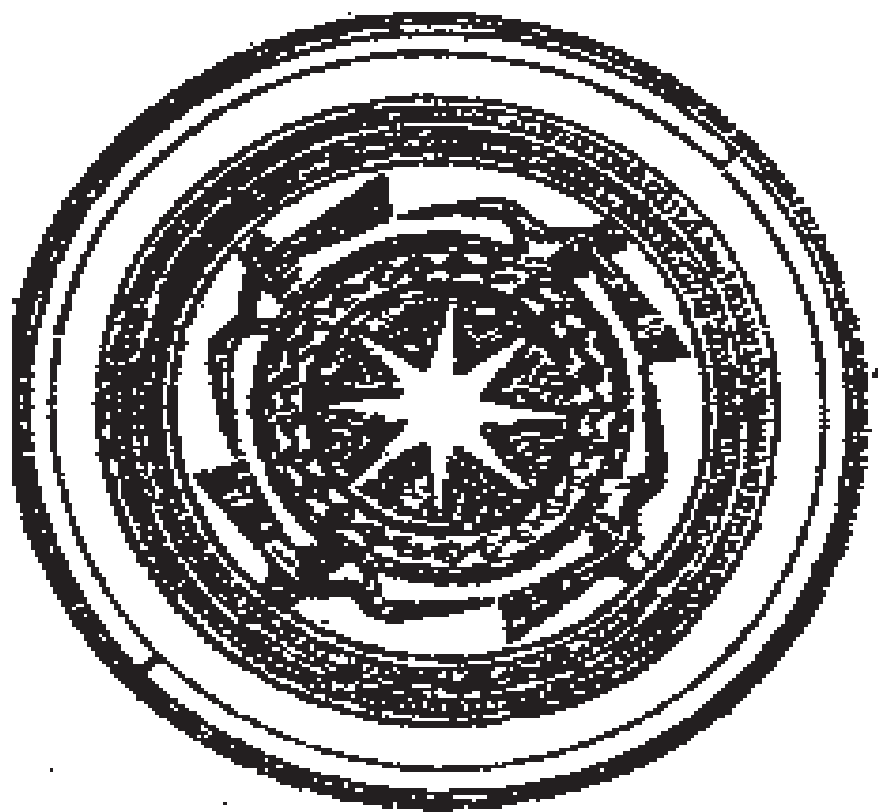
- Nguyệt San LUỐNG CÀ Y (1963)
- Nguyệt San CHÍNH KHÍ (1984)

* *Chủ Bút:* Nguyệt San DÂN Ý (1995)

NGỌN CỜ VẠN THẮNG

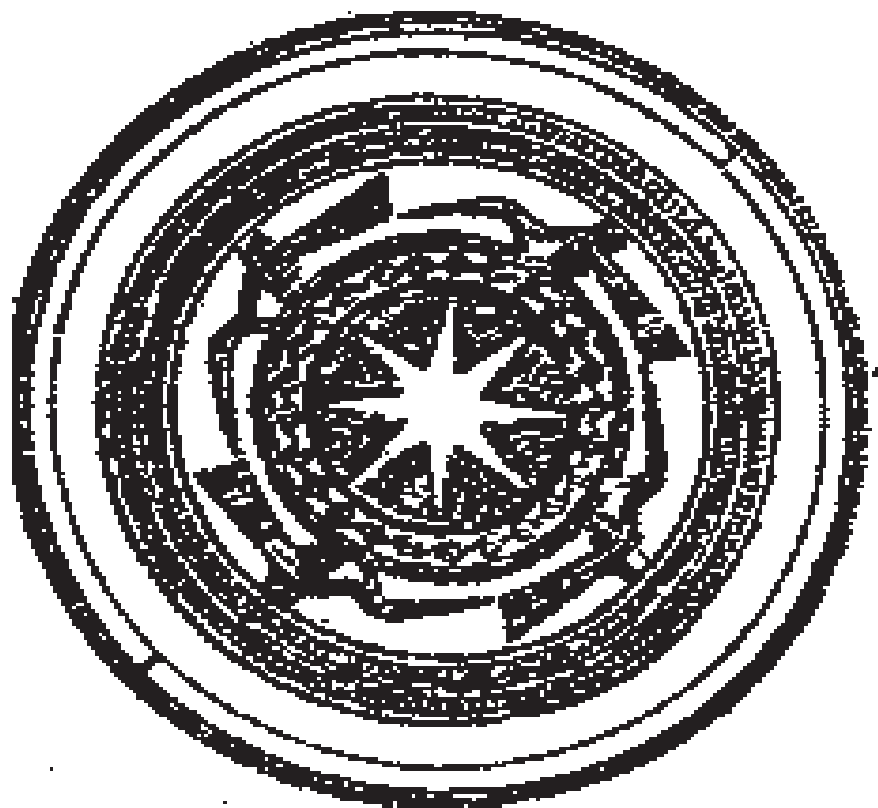
Tư Tưởng Lý Đông A

Tuyển Tập



Đinh Khang Hoạt
Biên khảo
2018

TƯ TƯỞNG LÝ ĐÔNG A





*Sinh vi nam tử yếu vi kỳ,
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di.*

Phan Bội Châu

Mục Lục :

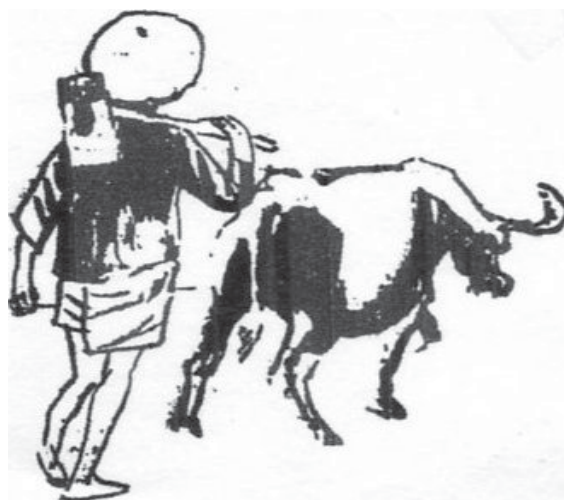
Thay lời tựa	vi
Tập I- Vấn Đề Tu Tưởng	1
I/-Những vấn nạn xưa nay	3
A-Các nòi giống bị linh-lạc, diệt vong	3
B-Các bộ tộc bị áp-bức, xâm-lãng, đồng-hóa	5
C-Việt sử thông luận.	10
D-Hậu-quả các cuộc chiến ác sát	12
Đ-Kinh-tế và bóc-lột	14
E-Các chế-độ gây phân-cách loài người	14
F-Tông-giáo và xã-hội.	17
2/ Sự thất-bại của ba chủ-nghĩa phổ-thông hiện-đại.	29
*-Chủ-nghĩa Duy Tâm (Duy Thần)	29
*-Chủ-nghĩa Duy Vật Karl Max	33
*-Duy Sinh Phái	37
*-Quan-điểm của nhà tư-tưởng Lý Đông A	43
*-Tính-chất & mục-tiêu của ý-thức-hệ lý-tưởng	43
*-Nguyên-lý căn-bản về trục tọa-độ	45
*-Luận về triết-học sử.	48
Tập II- Chủ-nghĩa Duy Dân, chủ-nghĩa nhân bản - Thái hòa	54
*-Bối-cảnh phát-sinh	55
*-Chủ-trương	55
*-Tuyên-ngôn của Việt Duy Dân đảng	55
*-Tổng-cương	55
* Bốn chìa-khóa của Thắng nghĩa	56
*-Nền-tảng triết-học Duy Dân	58
*-Nhu-cầu của triết-học	59
*-Biện-chứng pháp	60
*-Bàn đến sự phiến diện	61
*-Cấu-trúc của triết-học	61
*-Một số vấn-đề trong triết-học	62
*-Đồ-biểu cấu-trúc triết-học	63
*-Chín (9) quan-điểm chính-thống trong triết-học	64
*-Thế nào là nhân-bản	67
*-Nhân tính	70
*-Bảng tóm-tắt tính người	76
*-Duy Dân nhân chủ	78
*-Vũ-trụ quan	80

*-Giải-đồ tóm lược vũ-trụ vận-hành	82
*-Biện-chứng Duy Nhiên	82
*-Nhân-sinh quan	94
*-Biện-chứng Duy Nhân	94
*-Biện-chứng Duy Dân	97
*-Bình-sản kinh-tế	100
*-Bản-vị học-thuyết	102
Một đường-hướng giáo-duỡng theo chủ-nghĩa Duy Dân	107
1-Vấn nạn về nền-tảng giáo-dục.	108
2- Định-nghĩa về giáo-dục	109
3-Sự cân bằng và thống-nhất giữa khoa-học - sử-học và triết học.	112
4-Chu-trình giáo-dục	112
5-Chính-sách giáo-dục	113
6-Cứu-cánh của toàn dân giáo-dục	113
7-Bốn khoa-mục căn-bản	114
8-Hạch-tâm của giáo-dục	114
9-Nội-dung kiến-thiết giáo-dục	115
10-Mô phạm	115
11- Cách học	116
12- Hệ-thống tổ-chức	117
Đường Sống Việt.	119
I/ Đại-cương	119
II/-Dẫn giải	119
A- Chính-trị	119
B-Cách-mạng	120
- Cơ-Năng Hiến Pháp	121
- Chủ Đạo của Nhân-loại	123
- Cơ-năng hiến-pháp trong Đại Việt chính-thống.	123
Cơ-Năng hiến pháp kết cấu	124
* Cơ-năng quyền chế	125
* Chính-trị quyền cơ	125
*Phê phán công đường	127
* Chính-trị phù bật	128
*Hành-chánh tổng cơ	129
* Hành-chánh phụ cơ	131
Tổng tóm	132
C-Dân-tộc bản-vị	133
D-Độc-lập	133
Đ-Dân-chủ	135
E-Vận-mệnh	136
F-Đảng phái	137
G-Chủ-trương	137
H-Đường lối	138
I-Quốc-phòng	139
K-Khẩu hiệu	140
Sơ-Đồ tổ-chức các cơ-quan chính-phủ	141

Bảng tóm-lược Tam Duy	141
Hiến Pháp Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ	142
Tập III- Liên Bang Đại Nam Hải, thể phục-hưng & an-toàn cho các tiểu nhược Đông Nam Á.	151
I/ Lược khảo	152
- Việt Nam	153
* Bắc thuộc lần thứ nhất	157
* Bắc thuộc lần thứ hai	157
* Bắc thuộc lần thứ ba	157
* Tự chủ thời-đại	158
* Địa lý - chính-trị ViệtNam	158
* Việt Nam có 4 miền khí-hậu	159
* Điều-kiện tự-nhiên & .Tài-nguyên thiên-nhiên	160
* Mục-dích ổn-định chung trong vùng Đông Nam Á	162
* Tương-quan Ấn Độ với Việt Nam	163
- Xứ Cam-pu-chia	163
- Xứ Lào	165
- Mối ngộ nhận lịch-sử giữa 3 dân-tộc: Việt - Mên - Chiêm	166
- Thái Lan	170
- Miến Điện	171
- Phi Luật Tân	172
Mã Lai	174
- Nam Dương	176
- Dấu chân Bách Việt	178
- Nhu-cầu kết-hợp các quốc-gia Đông Nám Á	180
I I/ Mối Tương-Quan Chủng-Tộc & Ngôn-Ngữ	181
- Địa-bản tiếng Việt	181
- Bản đối-chiếu số từ căn-bản	182
- Lược sử Bách Việt	183
- Thể liên-hoành Bách Việt	185
- Phương-thức tiến tới thể liên-hoành	186
III/ Cần có cuộc cách-mạng toàn-diện - triệt-đê - hướng thượng	187
* Quốc-Gia nạn	188
* Dân-Tộc nạn	191
* Yếu-tố Dân-tộc.	193
* .Viễn-tượng toàn-cầu-hóa	195
TỔP IV- Kẻ thù truyền kiếp & Tối hậu của dân-tộc Việt	197
I/ Quá-trình xâm-lăng và Tàu hóa của nòi Hán	198
Nước Tàu, hình-thể tổng-quát.	198
II/ Truyền-thống xâm-lăng	203
* Sử luận	220
* Vua Quang Trung đại phá quân Thanh	225
* Trung Cộng	228

* Xâm lăng qua hình thức du khách	232
* Cầm lăng dưới hình thức thái thú	233
III/ Kết	
-Hai thực thể Việt - Tàu tại Trung Nguyên	241
-Những ngộ nhận về lịch sử Trung quốc.	245
- Nhu cầu cuộc cách-mạng nhân bản	250
TỔP V- Cảm luận Đạo Trường Ngâm.	260
1- Đạo Trường Ngâm	261
2- Chính Khí Việt	269
3-Xuân Tráng Sĩ	271
4- Lưỡi Gươm Việt	277
5-Tiên Long Châu Hành	281
6-Quốc Sĩ	296
7-Chim Mồi	303
8-Hận Mế Châu	305
9-Đường vua Đinh	311
10-Chiến Sĩ tư	314
* Điều kiện để trở thành một chiến sĩ cách-mạng Duy Dân	319
* Cương lĩnh cách-mạng Việt	332
*Đôi dòng về Thái Dịch Lý Đông A	334
*Những tuyên-ngôn của đảng cách-mạng Đại Việt Duy Dân	338
* Bị vong lục	354
*Quan điểm các công việc cấp bách phải làm	360
* Quan điểm về cuộc thống nhất mặt trận cách mạng	361
* Tóm lược chủ nghĩa Duy Dân	365
* Ngôi nhà biện chứng Duy Dân	369
* Hình cờ Duy Dân	370
* Thư mục Lý Đông A	374
* Sách tham khảo	384
* Sách tham khảo ngoại quốc	387

*



Thay Lối Tựa

Sống ở đời, muốn được chân hạnh-phúc. con người cần có một suy-nghĩ khoáng-đạt, thanh-thoát, cao rộng, thấu lý đạt tình.

Trang Tử xưa đã nói: “*Đường sống có bờ, mà đường biết thì không bến*”, Đối tượng của suy-tư là nhân-sinh và vũ-trụ. *Than thay nguyên-ủy của vấn-đề lại vô thủy, vô chung (vô cùng nguyên-nhân và vô cùng cứu-cánh) - Thật là bất khả tri luận ! Cho nên mới sinh câu chuyện “Chú bé tát nước biển vào lỗ sò của Thomas D’Aquin, và Herriot mới nói: “La connaissance c’est ce qui reste après qu’on a tout oublié, c’est ce qui manque qu’on a tout appris”*(Sự hiểu biết thường đi đến những gì mà người ta đã quên hết cả ,và là những gì còn thiếu khi người ta đã học đủ cả).

Có biết mới sống được, biết là tất-yếu của sống, biết là trục của sự sống, nên Descartes mạnh-mẽ phát-biểu: “*Je pense donc je suis.*”, (Tôi suy nghĩ tức là tôi hiện hữu, tôi đang sống).

“*Biết không những là công-cụ của sống mà còn là nền-tảng và yểm-hộ của sống. Có biết mới có khả-năng sống thực-tế, sống trong cái ý-vị dồi-dào của đời người.*

Miệng núi Fuji-Yama đã nuốt bao nhiêu thanh-niên Nhật, vì cái lý-tưởng quốc-gia chưa trọn vẹn của họ, vì cái phương-châm đời sống còn lỏng-lẻo, vì cái chưa biết, không thể biết ám-ảnh đem vùi thân vào cái chưa biết để tìm-tòi và an-ủi.

Cho nên công việc lập tâm cho trời đất, lập mệnh cho nhân-sinh, tức là ở nơi tìm cái

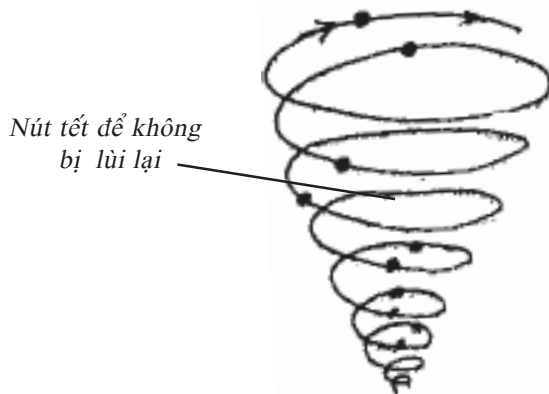
chốt trục của trung-tâm vạn vật, lấy cái đó để giữ vững mặt trời với địa-cầu, bởi loài người phải tin mãi rằng có tìm thấy cái đó mới tránh khỏi hủy-diệt. Đông, Tây, kim cổ: Nho thì cần biết tính, biết mệnh,... Phật thì cần minh tâm huân tính, tự giác, đại giác; Lão thì cần tu tiên học đạo, trường sinh, trường chân ...

Nói ra cái biết của loài người đi từ tuyệt-đối-luận (dogmatisme) đến vô tri luận (agnosticisme) cho đến kinh-nghiệm-luận (pragmatisme) hoặc giả vô-thần-luận (atheisme), hữu thần (théisme), phàm thần (panthéisme), hoặc-giả duy-tâm sử-quan, duy-vật sử-quan, duy-sinh sử-quan, ba bề bảy mối! ¹

Than thay, bốn mặt xoay vần, bởi muốn tìm cái sống ở nơi mình cho nên khổ vì muốn tìm cái biết.

Sự biết thì vô bờ, nên hãy tự giác (Connais-toi toi même), tự lập lấy một sinh-mệnh hệ-thống nó tự trong nơi mình. ”

Cuối lộ-trình của tư-tưởng là tổng-thể, tư-tưởng tác-dụng vào tổng-thể, nâng từ trạng thái thấp lên trạng-thái cao hơn. Do đó chu-trình của tư-tưởng là một vòng tròn xoáy tròn ốc có nút tết. Có nút tết (nút tết là nút chặn để không bị tuột hậu).



Có cái biết đơn độc. không song hành với tiếng nhịp của con tim, thì dù có tiến-bộ vượt bậc càng làm cho cuộc đời tức-tưởi, lo âu!

Hai quả bom nguyên tử ném xuống đất Phù Tang (Nhật Bản) đã làm cho thế-giới kinh-hoàng !

“O ! horror ! O horror ! O horror !

(Ôi ! Gớm quá ! Gớm quá ! Gớm quá !)

Một chiến tranh ác sát tám trùng dương ²

Suốt nhân-gian quần-quãi với đau thương

Cuộc giáp chiến thư hùng ³ tranh khí họa ⁴

Trang hòa-bình quyết-liệt giá vô dương. ⁵

Một sáng kiến phi thường thép nở hoa

Đảo Phù-tang áp phục ⁶ giải can qua

Ngày thắng trận khí tranh hùng vũ-trụ

Sức dã-man tàn hiệu đã bùng ra

1- Lý Đông A, Đường Sống và Đường Biết/Tâm Lý Thần Linh Học, 1944.

2 Tám trùng dương: cao gần tới trời. 3- Khí họa: Khí giới gây tai họa. 4- Vô dương : vô địch.

5-Đảo Phù Tang: Một tên khác gọi nước Nhật.: 6- Áp phục: Làm áp lực buộc đối phương hàng phục.

Một văn minh tiếc hận tự ngàn thu
Cõi Sa-bà¹ đường hạnh-phúc mít-mù
Những kỹ nghệ hùng-hồn thôi chớ nữa.
Nhân-gian còn pháp-phông giữa khi-khu.²

Một trách-nhiệm ghê hồn trước kỷ-nguyên
Đòi nhân-luân chinh-phục được đương nhiên
Dầu cao ngất, oai-hùng qua trí dũng
Thiếu hòa-bình, chiến-thắng cũng nguy diên.³

Một phán-đoán sau cùng đến chửa chẳng?
Từ muôn xưa gió bụi đã đối-dăng
Phải giác-ngộ bằng hồi ôi ! đảo lộn
Trong tái sinh hò-hẹn chốn siêu đẳng.⁴

Một siêu-đẳng hiện-diện trở ngành hoa
Phải đem nền **nhân chủ** đắp xây ra
Phải đã thắng bằng thắng qua thắng trận
Phải nhân-gian bốn bể lẫn một nhà.

Nguyễn Tử Đan /Lý Đông A

Ngày nay: nào phi đạn xuyên dương, tàu ngầm hạt nhân lặn sâu dưới biển hàng ngàn mét, bom tinh-khôn xuyên qua mọi cản trở để tiêu-diệt đối-thủ; Có trong tay ít nhiều phi đạn hạt nhân mà nước bé Bắc Hàn hù-dọa lung-tung, cả gan dồn mặt với chú SAM khổng-lồ đất Mỹ. . .

Đã đến lúc:

- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi-phục bản-vị “**Người**” sánh cùng **Trời - Đất** (Tam Tài).

- Tự tu, tự tạo nhìn thẳng vào thời-đại với suốt mặt và **tập-đại-thành các tư-tưởng để tháo gỡ những nút biển, khai-thông cho thế-hệ tương-lai.**

- **Giải-phóng con người khỏi thân nô-lệ**, không những trong lối sống, mà ngay trong lối cảm nghĩ, lẽ ra phải thiết-lập được nền nhân chủ ngay trong đợt cảm nghĩ - “**Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.**” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “**Ni Dieu, ni loi**”, không thần-linh, không luật-pháp, vì hễ theo “**nhân chủ**” thì đạo sống lấy tiêu-chuẩn nơi con **NGƯỜI**.

- Giác-ngộ triệt-để về “**nhân chủ**”; mọi kiến-thiết cần đặt trên “**nhân bản**” mới có thể đem lại an-bình cho nhân-loại.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì **mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.**

1-Cõi Sa-bà: cõi nhân gian.

2- Khi-khu : Gập ghềnh, trắc-trở.

3-Nguy diên : Nguy ngập và diên đảo.

4- Siêu đẳng : Hướng thượng.

Nêu cao “**Đạo Sống Việt**” để phục-hồi và ứng-dụng điều “**thương người như thể thương thân**”, không điều-kiện, không giáo-điều, không lý-thuyết xuông, thì cuộc sống mới thực-sự an lành, và thực-sự thanh-bình.

Dân Việt đã trải quá nhiều đau thương của các thời-đại! Vì vậy, người Việt có quyền tuyên xưng “Ngọn đuốc Việt sẽ là nguồn sáng để đưa dẫn Dân Tộc và Thế-giới thoát khỏi những vùng lầy thời-đại.”

Đứng trước cửa ngõ thời-đại mới, cần đi đến một phán-đoán tối hậu:

- Đem trí thức loài người đối chiếu với sự thực bộc-lộ;
- Để xác-định cái giới-hạn của chân-lý.

Chính nhờ có tư-tưởng mà con người khác với mọi động-vật khác. Chỉ có loài người mới tạo nên lịch-sử, văn-hóa. Chính ở điểm này, mà coi con người đồng hạng với mọi sinh-vật, hay coi con người là tối mọi của một thần tượng không tưởng, thì đó là điều hạ nhục vai-trò người nếu không muốn nói là ‘**phi nhân**’.

Có biết thế nào là đáng chết, mới hiểu thế nào là đáng sống. Sự sống thật là quý, nhưng biết chết nhiều khi còn cao quý hơn. Trong lịch-sử có nhiều anh-hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở, như

Bình Trọng nhơn-nhơn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngàn-ngật xung chín lần...
(Luỗi Gươm Việt)

Sống không những sống cho mình mà còn cho gia-đình, quốc-gia, dân-tộc, và nhân loại. Sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ-vãng, và tương-lai.

Luật-tắc khoa học đã quy-định xã-hội chi-phối từng người, ngược lại ý-chí từng người có thể chuyển biến được xã-hội, **nhân định thắng thiên** là thế.

Ý-thức nhân bản đã vượt thắng qua nhiều giai-đoạn: từ bộ-lạc lẻ-tẻ tới một quốc-gia chặt-chẽ; từ thần tặc sang đế tặc, từ xâm-lược thuộc-địa sang độc-lập hợp-tác; từ đế-chế độc-tài sang phân quyền dân-chủ; từ mỗi quốc-gia riêng rẽ sang hợp -tác từng vùng; và từ ổn-định từng vùng (từng Châu) tới ổn-định thế-giới. Liên hiệp quốc không còn là nơi để các thế-lực mạnh ngồi họp để chia-chác. để mượn danh-ngĩa toàn cầu trong những mưu-đồ úc-hiếp tiểu nhược,...

Tiếng trống “**Nhân bản**” đang thôi-thức tâm tư mọi người: Hãy mở cửa sổ tâm-hồn để hít thở không-khí anh-hùng, phải phá tan đi những màn che, cho ánh sáng, hơi thoáng chiếu vào cho loài người khỏi tăm-tối, cho hạt giống của hoa quý dưới mục nát, bùn lầy hôi tanh, đượm hơi mai và không-khí trong sáng mà nở lên những hoa trái tươi màu.

Nếu loài người duy vật thật, tất chỉ có khoa-học vật-chất, luật tắc.

Nếu loài người duy tâm thật, tất chỉ có tôn-giáo qua nhận-thức.

Yêu thương là huyết tính của loài người, vút yêu thương thì còn gì là lẽ sống. Con người là trụ cột của nhân sinh. Mọi kiến thiết và xây dựng nếu không **y quy vào nhân bản** thì giá-trị định vào đâu?

Tin tưởng vào tinh-thần nhân-bản, loài người mau bước qua giai-đoạn “**nhân bản thành lập**” để bước sang giai-đoạn “**nhân bản ổn định**” để cùng vui tươi hạnh-phúc trong khung-cảnh “**nhân đạo thái hòa**”.

Oregon, Đinh Dậu 26 tháng 7 năm 2017

Cẩn đề,

Đinh Khang-Hoạt

TỔP I

Vấn Đề Tư Tưởng

Chân ngôn :

Tiến-hóa làm bằng sự tự-giác của thời-đại trên một phản-tỉnh đối với việc đã qua, một phản quang đối với vũ-trụ, một tiên kiến đối với tương-lai.

Tiến-hóa phải có một lý-tưởng và một phương-châm, một cường-thường luôn-luôn sẵn-sàng có trong tay mình những vũ-khí vô cùng sắc bén, những công-cụ tinh-thần và vật-chất luôn-luôn tiến-hóa.

Lịch-sử là một cuộc vận-động theo biện-chứng Duy Dân của cả toàn-thể loài người coi là một thể, một thể lấy hun-đức lên bằng tất cả cái tinh-hoa đặc-thù làm một tinh-hoa rất lớn và sáng, sự tiến-hóa thiên lệch bao giờ cũng là biện-chứng của diệt vong.

Sinh mệnh với văn-hóa phải tiến lên theo bề cao tức là hướng thượng, phải tiến-hóa lên bằng khoáng-trưởng và nung-đúc. Đó là sự đồng-nhất-hóa. Chỉ có cái gì gồm được hết cả trong sự nung-nấu tinh-thần và thực-tiến mới mong sự tiến-hóa có năng-lực. Sự chuốt-lọc nghĩa là đem hết cả cái tinh hoa đi, đặc-sắc hóa bằng tác-dụng thăng-hoa lên chân-lý.

Cái quốc-túy nhất là cuộc sáng-tạo tự-lực của nòi-giống. Cái quốc-hồn độc nhất là sự sống trên sáng-tạo của nòi-giống.

*Lại có một chân ngôn: Sống nghĩa là đang còn và không còn. Chết nghĩa là không còn mà cũng không hết. Chỉ dấu văn-minh Việt là **S** , hãy giác-ngộ ý-nghĩa và chân ngôn của nó.*

X.Y. Thái Dịch Lý Đông A

4822 Tuổi Việt (1943)

I/ Những Vấn Nạn Xưa Nay :

A- Các nòi giống bị linh-lạc, diệt vong !

- Trước hiện-tình thế-giới, những vũ-khí tối-tân đương hằm-hè tiêu-diệt loài người, nào phi đạn xuyên dương, nào tàu ngầm hạt nhân lặn sâu hàng ngàn mét, nào các chiến hạm đương vờn nhau trên đại-dương, nào đủ các loại bom đương chờ dịp thi-thố, **đều nói lên sự thất-bại của các luồng tư-tưởng, chủ-nghĩa, chế-độ** trong công-cuộc kiến-thiết nhân sinh!

- Các kế-sách cũng như chủ-nghĩa đã **đặt sai đối-tượng** (không lấy con người làm gốc, ...), mà đặt đối tượng là thần? vật? quyền lực? v.v..., **đã dựa vào đối tượng sai lạc** mà hoạch-định chương-trình, nên không phục-vụ cho con người (**phi nhân bản**).

- Mỗi chủ-nghĩa phôi-thai từ một hoàn-cảnh xã-hội đen tối, thành ra từ một sai trái này sang một thiên-lệch khác, có khi gây tồi-tệ hơn, tỷ như từ hoàn-cảnh phân chia giai-cấp cũ sang mâu-thuân hủy diệt mới, nói cách khác cũng chỉ là **“Đi bạo dịch bạo”** (lấy thiên lệch thay sai trái, hay lấy bạo-ngược thay hung tàn.)

- Có những chủ-nghĩa đem những luật-tắc trong một lãnh-vực này áp-dụng vào lãnh vực khác, thật là **chéo cẳng ngỗng**; chẳng hạn đem luật-tắc trong thiên-nhiên (vũ-trụ vô tình-diễn, khách-quan) vào xã-hội người (chủ-quan) thì làm sao thích-hợp với loài người nếu không muốn gọi là **phi nhân tính**.

- Các chủ-nghĩa thường vá-víu, phiến-diện, thiên-lệch, **thiếu tính-cách toàn-diện và nhất-quán**, khác nào truyện **nấm anh mù sờ voi** - anh nào cũng tự nhận chính mình sờ thấy, thì chỉ duy mình mới đúng. Do đó làm sao có được **chân-lý toàn-diện** !

Lịch-sử loài người là một diễn-tiến đấu-tranh không ngừng để **sống, còn, tiến, nổi, hóa** sao cho sinh-mệnh **“người”** được sống cho ra sống...Người ngày một tiến lên để giải-phóng “người” trước ác lực của thiên-nhiên, nhân giới và sự cần-lao. Toàn bộ cuộc sống “người” được chuyển-hóa nhịp-nhàng theo bước tiến của thời-gian vô tận, khiến vận-hành của “nhân đạo” sớm đến bước ổn-định.

Cuộc đấu-tranh của nhân-loại tùy theo sự tiến-triển của trình-độ tiến hóa “nhân đạo” và kỹ-thuật khoa-học của mỗi thời-đại mà tính-cách thể-hiện đấu-tranh để sống, còn, nổi, tiến, hóa trước thiên-nhiên và trước loài người, mỗi thời một khác. Thành-quả tổng-hợp qua cuộc đấu-tranh của “con người” trong quá-khứ, diễn-tiến liên-tục của thời-gian, thì lịch-sử loài người đã và sẽ kinh-quá các tiến-trình: **Nhân đạo sơ khai - Nhân đạo thành lập - Nhân đạo tinh-tiến - Nhân đạo ổn-định**.

Thời-kỳ “Nhân Đạo Sơ Khai” là thời-kỳ con người sống ăn lông ở lỗ trong hang sâu núi thẳm. Con người sống trong tự-nhiên như loài muông thú, tranh-đấu với thiên-nhiên để được sống, còn.

Thuở ban đầu, trong thiên-nhiên sản-phẩm có nhiều, đói thì ăn trái cây sẵn có trong rừng, tôm cá dưới sông, dưới ao; khát đã có nước sông, nước suối. Tới lúc sản-phẩm thiên nhiên trở nên khan-hiếm, con “người” phải tranh-đấu để được sống còn, tranh-đấu với thiên nhiên để duy-trì mạng sống, tranh-đấu lẫn nhau để thỏa-mãn các nhu-cầu căn-bản theo luật **“mạnh được yếu thua”**.

Thời kỳ “nhân đạo sơ khai”, con người mới chỉ biết kết-hợp với nhau thành “đàn”, còn

ở trong chế-độ “mẫu hệ” hay “vật tính”. Tư-tưởng giới chưa tham-dự vào đời sống của con “người”, nên con người chưa sống thành “xã-hội”, và chưa có “xã-hội tính”, chưa có “vận-động hướng thượng” để đời sống càng ngày càng cao đẹp hơn, càng “người” hơn. (Marx đã chọn tập đoàn người này làm “xã hội cộng sản nguyên-thủy”, theo kinh-tế tự-nhiên nên đã sai khớp với lịch-sử khi tư-tưởng-giới tham-dự vào đời sống con người, do đó “chủ-nghĩa duy vật” xa rời thực tại, đi đến chỗ thất-bại là điều không thể tránh được).

* Cái lầm lẫn chí tử của Grothius (Hugo Grothius 1583-1645, nhà văn Đức chuyên viết về luật công pháp quốc-tế), Rousseau (Jean Jacques Rousseau 1712-1778, triết-gia Pháp chuyên viết về giáo-dục và chính quyền.), và Marx cho xã-hội tự tính là xã-hội cộng sản nguyên-thủy, vì hễ còn tranh-chấp, cướp-bóc lẫn nhau, chưa có **nhân vi** thì có thể gọi là xã-hội sao được! ¹

Trong thời-kỳ sơ-khai, con người yếu đuối trước sự tấn-công của thiên-nhiên (bão tố, lũ-lụt, động đất,...), loài người bắt-đầu cầu xin thần-linh phù-trợ để con người có đủ khả-năng chống-chọi với mọi khó-khăn, con người chưa thể làm chủ trong cuộc sống, nói cách khác vắng bóng tinh-thần “**nhân chủ**”.

Sau một thời-gian dài của thời-kỳ “nhân đạo sơ khai” loài người bắt đầu nhận ra sự khác-biệt giữa “người” và “tự-nhiên”, giữa “người” và “thú vật”.

Do sự “hướng tâm” và “hướng tha” vận-động, con “người” đã biết kết-hợp rộng-rãi để thành thị tộc, bộ-lạc, dân-tộc. Con người đã sống trong “xã-hội” để thỏa-mãn “tự-vệ tính” và “xã-hội tình”. Hoạt-động của con người đã vươn lên từ nhu-cầu sống, còn lên nhu-cầu nói, tiến, hóa. Vận-động hướng thượng đã phát-sinh để đời sống con người mỗi ngày một đẹp hơn.

Tuy sống trong đoàn-thể, con người vẫn cảm thấy trơ-vơ. Sự xuất-hiện tín-ngưỡng là dấu-hiệu đặc-biệt của thời-kỳ “nhân-đạo thành-lập”. Loài người thờ nhiều thần: thần Sấm, thần Sét, thần Mưa, thần Gió, v.v...Thời-kỳ thần tặc này còn phảng-phất nhiều di-tích về nguyên lai động-vật, do đó ta thấy tập-tục “hèm” (Tôtem) áp-dụng vào một số bộ-lạc. Về sau quan-niệm “đa thần” biến-đổi và đặt-định duyên khởi vũ-trụ trong tay một vị thần cao-cả thiêng-liêng, từ “thần tặc” sang **đế tặc**: Thần Zeus của người Hy Lạp, thần Allah của người Hồi, thần Brahma của người Ấn Độ, Ngọc Hoàng thượng Đế của người Tàu, và người Việt.

Ở Á Châu, trong thời-kỳ “nhân-đạo thành-lập”, nòi Việt đã có nền văn-minh Môn. Trong cuộc tranh-chấp để chiếm đoạt được ngôi đứng đầu ở Thái Sơn, người Việt đã chiếm được ba lần. Vì ghi lại cuộc chiếm được Thái Sơn, nên người Thái còn lấy quốc hiệu là Thái Lan, có ý tái kiến Đại Thái năm 1942.

Trước sự xâm-lăng của nòi Hán, một số các bộ-tộc có mặt ở Trung Nguyên bị linh-lạc, một phần theo dãy núi Tây Tạng chạy sang Miến Điện, Ấn Độ tức nòi Môn, tức Pégouan, một phần xuống miền Nam tức là dân-tộc Nam Dương, Mã Lai, Khmer, một phần tỏa ra Vân Nam rồi xuống Xiêm và Ai Lao, tức người Thái người Miên. Đó là kết-quả thứ nhất khi nòi Hán tiến từ Tây Bắc sang Đông.

Lần hai từ Bắc xuống Nam, dân từ Bắc Hoàng Hà xuống đến nam lưu vực Dương Tử giang, (Năm Hồ, Ngũ Lĩnh). Lần này, dân Việt biết không thể phục-hung ngay được nên dùng biểu-hiệu để di-truyền con cháu như nhuộm răng, ăn trầu, chia trăm ngã để duy-trì sống còn. Đường Việt, Âu Việt, Lạc Việt, Mân Việt từ đây mà phát-xuất. Cùng từ đây mà sinh truyện trăm trứng. Nòi Việt bị tan-tác, nhưng ở đâu cũng cố tái lập Bách Việt.

Người Môn đã lập đế-quốc Phù Nam (Founam).

Người Thái đã lập đế quốc Thái.

1- Lý Đông A, Chu Tri Lục, Gió Đáy xuất bản, Sài Gòn 1969.

Người Khmer đã lập đế quốc Khmer....

B- Các bộ-tộc bị áp-bức, xâm-lãng, đồng-hóa.

Trong bài đối luận với Liu Ya-Zhou học-giả Trung quốc, ông Lê Văn-Xương viết ngày 27 tháng 8 năm 2010:

“ Khi ông Liu phân-biệt Trung Hoa với Trung quốc thì mặc-nhiên ông Liu đã cho rằng người Trung quốc **không dám tự nhận là chủ của văn-hóa Trung Nguyên**, và người Hán chưa bao-giờ có thể thống-nhất văn-hóa Hoa Lục do người Hán cai-trị. Đúng về mặt nhân-chủng, người Liuijiang sống trong Tây Bắc Quảng Đông bấy giờ xuất-hiện đồng-thời với người Malta sống trong vùng Sibéria ngày nay thuộc Nga cách nay 15,000 năm. Người Liuijiang đến cư-ngụ tại Mỹ châu cách nay trên 10,000 năm, có thể được coi là người đến Châu Mỹ đầu tiên, người Malta từ Sibéria đến châu Mỹ sau người Liuijiang. Điều này được giới khảo-cổ chứng-minh khi khám-phá tử thi một phụ-nữ tại Mexico có hiện-đại trên 10,000 năm còn nguyên-vẹn, thử-nghiệm DNA cho thấy hầu như hoàn-toàn phù-hợp với người Bách Việt phương Nam.. .

“Nếu Hoàng đế được coi là khởi-đầu quyền-lực Hán cách đây 5000 năm thì thời Hoàng đế cũng chỉ xuất-hiện sau văn-hóa Hoàng Sào đến trên 2000 năm mà thực-tế cho thấy, nhân-vật Hoàng đế cũng chỉ được đưa vào lịch-sử Hán vào thời-kỳ xung-quanh năm 459 BC mà thôi. Tưởng Giới-Thạch đã cho tiến-hành nghiên-cứu về lịch-sử Tàu đã bất-ngờ cho ngưng công-trình nghiên-cứu tìm nguồn-gốc văn-minh Tàu thật chẳng có gì lạ vì càng tiến sâu vào việc truy tìm nguồn-gốc, họ càng thấy toàn là Hoàng Sào, Liuijiang mà thôi. Chính trên căn-bản này, ta có thể chia văn-minh Hoa Lục làm các thời-kỳ: Thuần Việt trước năm 5000 BC, Việt Hán từ 3000 BC đến đời nhà Chu , Hán Việt từ thời Chu đến nay, trở lại với Việt hiện-đại nhờ kết-hợp tinh-hoa Việt với văn-minh phương Tây, từ thế-kỷ 21 trở về sau..

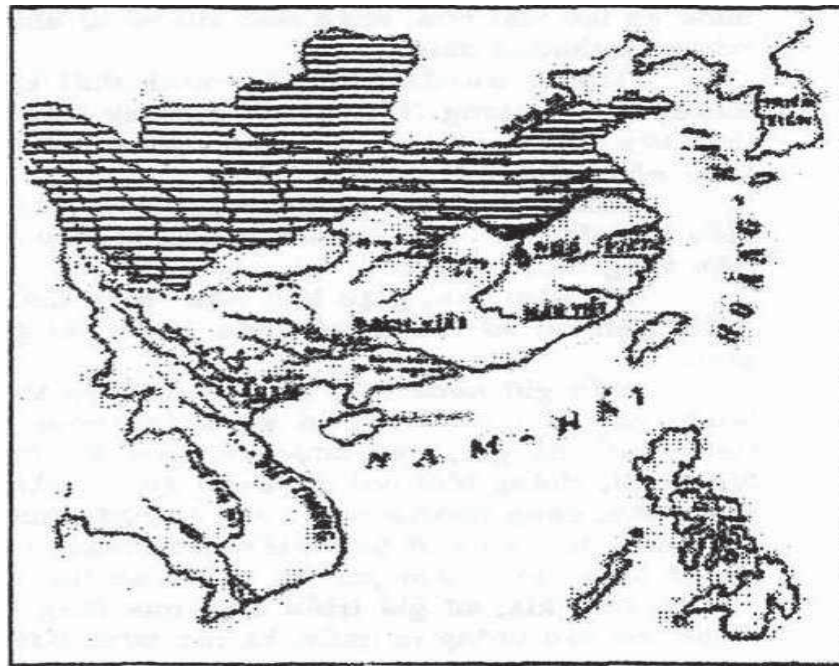
“Một nước Trung quốc không thể được hình-thành dựa trên nền-tảng chủng-tộc thống-nhất được gọi là Trung Hoa trên vùng lãnh-thổ ngày nay. Một quốc-gia được coi như thực thể pháp-lý mà không có căn-cước thì quốc-gia ấy là quốc-gia gì? Như thế cái gì làm cho Trung quốc đã tồn-tại suốt mấy nghìn năm qua, nếu không phải là **cước bóc của thiểu số chủng-tộc**. Hán đối với rất nhiều chủng-tộc khác sống chung-quanh Hán, trong đó đa số là người thuộc chủng-tộc Liuijiang ngay từ 15,000 năm trước đã định cư tại vùng đồng-bằng Hoa lục ngày nay...

“Một khi đã không có một chủng-tộc thống-nhất thì khái-niệm liên-quan đến quốc gia Trung Hoa cũng chẳng thể hình-thành được, **chỉ có một nhà nước Trung Hoa trong thực thể Trung quốc mà thôi. Cho nên bức tranh về văn hóa, văn minh cũng như quốc gia Trung quốc trở thành loang-lổ với các chấp-vá và thay-đổi liên-tục là vậy**. Một khi chỉ có nhà nước được cai-trị bởi nhóm này, mai được cai-trị bởi nhóm khác thì xã-hội ấy không thể tạo-dựng được nhà tư-tưởng, mà chỉ có nhà mưu-lược. ..”

Qua các tiến-trình lịch-sử, ta thấy tương-quan “*mạnh được yếu thua*” là tương-quan giữa động-vật với động-vật, nằm trong giai-đoạn I (*nhân đạo sơ khai*) của loài người. Quan-niệm này đã đưa đến mô-hình “*Kim tự tháp*”, động vật mạnh nhất ngự-trị trên đỉnh “*kim tự tháp*”, và động-vật yếu nhất ở đáy “*kim tự tháp*”.

Tương-quan giữa “*người*” với “*người*” là tương-quan “*đồng nhân*”, “*hòa hài*”. Những kiến-trúc hay mô-hình “*kim tự tháp*” cần được thay thế bằng kiến-trúc “*hạch-tâm thể*”.

Vì không lấy người làm đối-tượng phục-vụ (*nhân bản*) nên lịch-sử nhân loại đã gây ra nhiều tội ác:



== Lãnh-thổ Trung-Quốc thời Hiên-Viên Hoàng-Đế



Bản đồ xưa, phân-biệt hai sắc dân Du-mục và các bộ tộc khác trong Vùng.

Từ khi Hoàng Đế (*Vua thủy-tổ của Tàu*)...*Chiến Suy Vưu, bình Miêu tộc...*, kẻ thắng (du mục) và người bại (Miêu Việt) đi đến giải-pháp tạm chung sống hòa-bình mà trong cổ sử Tàu gọi là thời-kỳ “*Phong kiến truyền hiền*”.

Tiếp sau, các triều: Hạ, Thương, Chu, nhà Tần thống-nhất được miền bắc Trung Quốc và một số lãnh-thổ miền Nam sông Dương Tử, các sắc tộc nhỏ dần-dần bị suy-sụp, chỉ có Mân Việt, Đông Việt và Nam Việt (*nhà Triệu, bao gồm Âu Việt + Lạc Việt*) là còn tự trị. Sang đến thế-kỷ thứ I trước T.L., các nước này cũng bị nhà Hán thôn-tính nốt. Trải qua thăng trầm của lịch-sử, phần lớn lãnh-thổ Trung Nguyên đã bị sáp-nhập vào bản đồ Trung Quốc, và rất nhiều văn-minh *trồng lúa nước* dần-dần hòa nhập, góp thành nền văn-minh đồ-sộ cho Trung quốc ngày nay.

Những mỹ từ như : “*tứ hải giai huynh đệ*”, thực-sự chỉ là chiêu-bài để thôn-tính các dân-tộc phía Nam Hoàng Hà cho đến Lương Quảng. Ngày nay, họ đang “*hài hòa*” với Tây Tạng, Tân Cương,..? Hai hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhất là hơn 720 cây số vuông dọc biên-giới Việt - Trung ? Họ đang chuẩn-bị “*hài hòa*” ở vùng Trung Á để chứng-tỏ với thế-giới họ là dân-tộc coi trọng “*hòa*”?

- Kinh sách của Hán Nho đề cao vai-trò “*người*” như “*nhân giả kỳ thiên địa chi đức*” (*người là cái đức của trời đất*) nhưng thực-tế, theo tiến-sĩ Trần văn Đoàn, giáo sư thính giảng tại nhiều đại-học Âu Châu và Á Châu:

“*Tuy Nho giáo chấp-nhận con người làm chủ, vai “người” như là một nền đạo đức. Song tiếc thay, xã-hội do Nho gia thống-trị lại đề cao ngôi “vua, chúa”, và coi người dân như cỏ rác, công-cụ. Trong lịch-sử Tàu, Khổng Nho chưa bao-giờ ghi lại sự-kIỆN người dân làm chủ. Sự thần-thánh-hóa vua chúa chứng-minh một cách chua-chát cho quan-niệm “dân vi quý”. Điều này chỉ xuất-hiện trong đầu óc triết-gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà nho mà thôi.*”

Suốt thời-kỳ Xuân Thu (1135-770 tr. T.L.) và Chiến Quốc (770-256 tr. T. L.), Trung quốc đại loạn. Theo Will Durant xã-hội do Chu Công kiến lập, vì lấy văn-hóa du-mục làm chủ đạo, nên bề-tôi giết vua, con bỏ cha, vợ lìa chồng... cửa nhà tan nát, dân-chúng khổ-cực, nạn đói xảy ra hàng ngày ở khắp nơi!

- Khổng Tử cũng đã mong đem giai-cấp “*nho sĩ*”, giai-cấp “*trung dung*” tập đại thành lại mà làm tông-chủ của lịch-sử “*vạn thế chi vương*”!

- Mặc Tử đối đầu với Dương Chu chỉ là tổng hòa những mồ-hôi róc-rách chảy vào những tấm lòng lao-động. Mặc Tử là đại-biểu đấu-tranh trong xã-hội giai-cấp. Sự chia-rẽ của Chiến Quốc là do sự lũng-đoan của thành-phần nắm đặc quyền. Giai-cấp đặc quyền phải bỏ đi những phù-hoa, xa-xỉ để đem lại “*bình*” cho đời sống đại-chúng. Những bất-bình của xã-hội phải bị phá tan bằng “*nhân ái*”. Mặc Tử đã đi bộ suốt ngày đêm, mười buổi sang Sở, mang trí-thức và học-vấn xác-thực của mình để phá tan sủy-đồ của Sở trước, mang tinh-thần hy-sinh của chính mình và học-trò ra tiêu-diệt tai-vạ của chiến-tranh. Chỉ có hy-sinh và chiến-tranh để tiêu-diệt chiến-tranh - Chỉ có lý-tưởng tối cao, **chân - thiện - mỹ** ra phá tan được bất-bình.

- Từ xa xưa, “*đại đồng*” trong Lễ ký cũng chỉ nên hiểu một cách thực-tế là “*đại-dồng trong sự coi-sóc của nòi Hoa (Tàu)*”. Quốc sách Tàu xưa ghi rõ “*Tam niên dưỡng chi, giai chi tất giai ngô dân*” (*3 năm nuôi dạy tất thành dân Hán*)...

Vì “*Hội Chứng Đại Hán*” (*coi mình là nhất*) nên coi các sắc dân chung-quanh là

“*Tứ Di*”, chủ-trương Hán Hóa nên chính-sách đô-hộ rất hà-khắc bạo-ngược. Nguyễn Trãi trong “*Bình Ngô Đại Cáo*” đã viết: “*Nướng dân đen vào lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống hầm tai vạ... bại nhân-nghĩa, nát cả càn khôn... Độc-ác thay! Trúc rừng không ghi hết tội. Dơ bẩn thay! Nước bể không rửa sạch mùi*” Nhưng bọn họ luôn-luôn giả nhân giả nghĩa, lớn tiếng khoe-khoang một cách dối-trá, nào là khai-hóa man di, `nào là truyền-bá đạo lý thánh hiền...” Thâm hiểm nhất là chính-sách thực-dân văn-hóa, ra công-sức xóa bỏ gốc nguồn lịch-sử, hủy-hoại công-trình văn-hóa cao-cả của dòng giống Việt, ngô-hầu dễ bề đồng-hóa. Xét như trường-hợp thái-thú Nhâm Diên, đến xứ Việt, ông đã kính-phục mà thờ cao-sĩ Đồng Trọng Nghi làm thầy, lại chiêm-ngưỡng bái-phục Long Khâu Trường là bậc thánh ngang hàng với Bá Di. Nhân phong Việt đã hun-dúc nên những bậc mà Nhâm Diên phải cúi lạy tôn thờ, lẽ nào dân Việt cần nhờ Nhâm Diên dạy điều lẽ nghĩa. Luận điệu thực dân văn hóa xuyên-tạc nhân phong người Việt nơi Hậu Hán thật đúng là ngu ác.”

Biết bao nhiêu nhân-tài Việt đã bị trưng-dụng, hay bắt về Tàu:

* Theo “*Bách Việt Tiên Hiền Chí*”, ông Thái Luân, người Việt đã rèn kiếm quý, chế giấy viết, hiệu-đỉnh kinh truyện cho nhà Đông Hán. Thuật làm giấy này được truyền sang Ấn Độ và từ đấy lan rộng sang khắp vùng Trung Á vào năm 751. Khi xảy ra cuộc chiến giữ nhà Đường (Tàu) và các vương quốc Ả Rập, trong trận chiến do tướng Cao Tiên Tri thống lĩnh, Tàu thua. Trong số tù binh bị Ả Rập (người Tàu gọi là *Đại Thực Quốc*) bắt, có thợ làm giấy. Năm 793, Iraq có xưởng làm giấy và từ đó lan ra khắp các nước láng giềng, năm 900 đến Ai Cập....

* Năm 1406, vua nhà Minh nhân việc rối loạn ở Việt Nam, mượn tiếng giúp nhà Trần, sai Trương Phụ đem 80 vạn quân sang đánh Việt Nam. Quân Trương Phụ đánh bại quân nhà Hồ, bắt được Hồ Quý Ly và các con cháu, vợ-vết sách vở, cướp của bắt người đem về Kim Lăng, đổi nước Việt đặt làm quận huyện. Trong số người bị bắt, có cả trẻ em còn ít tuổi, gọi là “*giao đồng*” (đồng trẻ đất Giao Chỉ). Trương Phụ đem các giao đồng ra lựa chọn, kén trẻ nào tuấn tú, thông-minh đem dâng vua Minh. Nhưng trước khi phát vãng, Trương Phụ đem thiến cả đi để trở thành thái giám (quan thị). Trong các nhi đồng này có Phạm Hoàng, Vương Cẩn, Nguyễn Lăng và Nguyễn An. Tất cả đều chưa đến 19 tuổi. . . .

Đối với Việt Nam, chính sách “*bình thiên hạ*” đã được thi-hành truyền tiếp qua các triều-đại:

- Nhà Tần xâm lăng Âu Lạc, nhưng không thành công.
- Nhà Triệu chiếm Âu Lạc (năm 179 tr. T.L.) lập ra Nam Việt.
- Nhà Hán, Tùy, Đường cai-trị Việt Nam trên 1000 năm (11 trc. T.L. đến 938 T.L.)
- Nhà Tống xua quân đánh Việt Nam hai lần nhưng đều thất-bại, ngược lại bị Việt Nam đem quân phá Tống (*Lý Thường Kiệt đột phá châu Ung và châu Liêm - Lấy công làm thủ*).
- Nhà Nguyên đánh Việt Nam 3 lần đều thất bại (1258 - 1284 và 1285).
- Nhà Minh đánh chiếm đất Việt trong 20 năm, sau bị bại bởi vua Lê Lợi.
- Nhà Thanh đánh Việt Nam, nhưng anh-hùng Nguyễn Huệ đã đánh bại chúng...

Chỉ có sự tự-nguyện, nhận lấy khốn-khó trong tinh-thần mạo-hiểm, giặc-ngộ và sáng-tạo mới thể-nghiệm thắm-thía quyền sống, còn, độc-lập chính-nghĩa. Chính nhờ những kinh-nghiệm trong đấu tranh cho lý-tưởng cao-cả mà có được một chế-độ tự-do, dân-chủ, phồn-thịnh.

Một văn minh mới như đoá hoa tươi-tốt nở bùng ra, ví như đất Mỹ đã trải qua một thời bị xâm-lược, kỳ thị. Máu và nước mắt, tội ác hôi tanh đã nở ra “**Hoa tháng Năm**” bốn tuổi bằng những chất-tổ lịch-sử của mồ đồng hôi tanh.

Tội ác của thực-dân phải đền bù bằng sự hối-hận thâm kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng-phạt cho khỏi lờn-vỡn hình bóng tối-tăm của tội ác. Đó là trường hợp 1865, *Nam -Bắc chiến tranh cho lý-tưởng cởi mở dân tộc da đen*. Cuộc chiến tranh này phải là cuộc *chiến tranh thần thánh*, thuần vì lòng yêu-thương, và nghĩa công đạo. **Cuộc chiến này phải là cuộc chiến vị-tha, không tư-lợi và không vị kỷ.**

* Trong thời-kỳ “*Tư-bản chủ-nghĩa kinh-tế*”, biết bao tội ác đã gây ra!

Xuất gia (đi tu) là lối đề-kháng tiêu-cực trong phương-thức tông giáo của biện-chứng-pháp Ấn Độ - Lao động vô-sản là kết-luận tích-cực trong phương-thức đấu-tranh của duy-vật biện-chứng-pháp.

Cả hai lối này đều đã thất-bại, vì kiến-thiết xã-hội là kế-hoạch chính-trị đi đôi với phương-pháp khoa-học. Chế độ tiến-bộ của loài người là một chế-độ hợp-lý hơn chế-độ cũ, tiến-bộ hơn, hòa-hài hơn, tươi đẹp hơn,...

Cho nên không thể ca-tụng đặc thắng xưa kia, nếu những đặc thắng ấy không phải đặc thắng của buồn rầu, đau khổ, áp-bức,... Chỉ có thể ca-tụng những “*đặc thắng*” không tội lỗi, thuần túy trên loài người không chia thắng với bại, không chia phải với trái, cái đặc thắng vô ngã, không còn một chúng sinh nào “*mất mùa và mất cúi*”. Như thế, lịch sử nhân loại mới đạt đến lý-tưởng, và đời sống loài người mới chân đại đồng, đó là **chân đặc thắng của yêu thương**.

“Có sinh-trưởng thì có tàn lụi. Nền văn-minh nào cũng tùy-thuộc những đặc-tính di-truyền của nòi giống. Sự thoái-hóa (degeneration) của một nền văn-minh, theo đúng nghĩa là sự suy-nhược của chủng loại (genus), dòng-dõi hay nòi giống. Các dân tộc chỉ thoái-i-hóa vì dòng máu bị pha với dòng máu các dân-tộc họ đã chiến thắng. Do đó mà người da trắng ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại không kết-hôn với người da Đỏ?”

Năm 1899, Houston Stewart Chamberlain, một người Anh coi nước Đức là tổ-quốc của mình, xuất-bản cuốn *Die Grundlagen des neunzehnten Jahrhunderts* (Nền tảng của thế kỷ XIX), trong đó ông ta ráng chứng-minh rằng giống người có óc sáng-tạo không phải là toàn thể giống Aryen mà chỉ gồm riêng giống Teuton (giống Nhật Nhĩ Nam tức giống Đức).

Những thực-tế, những công-trình kiến-trúc uy-nghi của người Maya, người Aztèque và người Inca ở Mỹ Châu từ thời Christophe Colomb chưa đặt chân lên xứ họ. Một học-giả Ấn Độ tuy nhận rằng giống người Aryen đã xâm nhập Bắc Ấn khoảng 16 thế kỷ trước C.N. nhưng sẽ nhắc cho chúng ta rằng dân-tộc Dravidien da đen ở Nam Ấn đã sản-xuất được nhiều đại kiến-trúc-sư và nhiều thi-hào; những đền ở Madras, Madoura và Trichinopoli là những kiến-trúc đẹp nhất thế-giới. Tháp điện Angkor Vat của người Khmer lại còn làm cho ta kinh-dị. Hơn nữa lịch-sử không biết tới màu da, và một nền văn minh có thể phát-triển ở bất cứ nơi nào, miễn là có đủ hoàn-cảnh thuận lợi.

Trên giải đất Á Đông mà ngày nay gọi là Trung Quốc, theo khảo-cứu của một bác học Hoa Kỳ thì rất xa xưa có 3 dân-tộc từng tranh nhau để chiếm trung châu miền sông Hồng Hà lên tới Thái Nguyên (Tàu) để tranh lấy núi Thái Sơn, hầu chiếm lĩnh nơi đó để khống-chế vũ-trụ. Ba giống người đó là Việt - Hán - Di.

- Thế nào gọi là Việt ? - Viêm Đế, Hải Đại vì ở tỉnh Hải Đại (Sơn Đông),

-

Miêu: thời kỳ đấu tranh với giống Hán.

- Thế nào gọi là Hán? - Vì phát-tích ở sông Hán Thủy, và còn gọi là “Hoa” (núi Hoa Sơn), và “Hạ” vì quần tụ ở Hoa Hạ.

- Thế nào gọi là “Di” ? - Dân ở phía Đông Bắc Trung Hoa, như Sơn Đông, Triều Tiên, Nhật Bản, v.v...

C/ Theo “**Việt Sử Thông Luận**” của nhà tư-tưởng Lý Đông A, viết vào năm 1943, (tài liệu đánh máy):

“Trong lịch-sử dân-tộc Việt, cứ mỗi thời dân-tộc bị uy-hiếp rất mãnh liệt, có thể đưa giống nòi đến diệt vong thì tự nhiên lại bật lên một lực-lượng rất mạnh để đối phó, để bảo-vệ giống nòi, hoặc xây-dựng một nền-tảng mới, hoặc sửa-soạn một thời quá độ cho một giai-đoạn vinh-quang tiếp đó. Mỗi thời đều có người anh-hùng đứng ra tiêu-biểu. Từ sau Hồng Bàng cho tới nay, ta có thể ghi 9 điều giáo huấn:

“1- Lúc nhà Tần thống-nhất Trung Nguyên, sai Đồ Thư với Nhâm Ngao cùng Triệu Đà sang xâm lấn nước Việt. Dân tộc Việt đã cương dũng chống lại, mà người Tàu gọi là Cường Lương hay Lục Lương (bọn dân cứng cổ). Đại-biểu cho Cường Lương là Cao Lỗ và Thục Phán An Dương vương.

“2- Khi nhà Hán đã diệt nước Nam Việt của Triệu Đà, liền sáp-nhập Nam Việt vào bản đồ của họ, rồi cắt quan cai trị. (Tuy vậy lối chiếm lãnh của Hán tộc thời ấy chỉ là lối “**thực quan**” (cho quan cai trị) chứ không phải thử thực-dân gần đây, vì vậy dân-tộc Việt vẫn được tổ-chức đời sống riêng. Nhưng về sau, sự áp-bức của các quan lại nhà Hán càng ngày càng tàn bạo nên ông Thi Sách đứng lên vận-dộng chống lại. Việc bị lộ, ông bị tử hình - Vợ và em vợ là Hai Bà Trưng đã thay ông đem lực-lượng dân-tộc mà chống lại. Chỉ trong thời-gian rất ngắn, hai Bà thu được toàn quốc khiến Mã Viện chật-vật trong 3 năm mới đánh tan được sức đối chọi của ta.

“3- Sau cuộc thất-bại của hai Bà Trưng, dân-tộc chia làm hai xu-hướng: Một phe yên giữ đất cũ, lấy năng-lực dân tộc ngấm-ngâm, vừa chịu đựng dưới sự đè-ép của nòi Hán, vừa chờ đợi thời-cơ mà quật-khởi. Một phe khác, đại-biểu là ông Khu Liêm, tự đem thế lực riêng vào phía Nam, lập ra nước Lâm Ấp tự trị.

“4- Đời Ngũ Quí nước Tàu loạn-lạc, chia-rẽ, dân-tộc Việt đã biết lợi-dụng cơ-hội thuận-tiện đem lực-lượng tranh-dấu, từ ông Khúc Hạo, Kiều Công Tiễn, v.v... Hàng mấy chục năm vừa khôn-khéo ngoại giao, vừa cương-quyết đối phó cho đến hết đời ông Ngô Quyền, một lực-lượng Vạn Thắng của Đinh Tiên Hoàng xuất-hiện để thống-nhất tất cả, đánh dấu một thời-đại hoàn-toàn độc-lập của dân-tộc ta.

“5- Hết đời Đinh rồi đến đời Lê, rồi đến đời Lý, nhờ vị anh hùng thao-lược Lý Thường Kiệt xuất-hiện. Nhân lúc bất lực của nhà Tống đem quân đánh thẳng sang đất Lương Quảng để tỏa-triệt tham-vọng của nhà Tống qua chính-sách của Vương An Thạch.

“6- Qua thế kỷ 13, quân Mông Cổ rất mạnh đã xâm chiếm nước Tàu và chinh phục gần hết thế-giới, tới sát cực bần của Âu Châu (Tiệp Khắc). Trước nguy-cơ vong quốc này, dân tộc ta đã xếp hàng-ngũ sau vị anh-hùng Trần Hưng Đạo.

“7- Đến cuối đời Trần, Hồ Quý Ly gây nội loạn trong nước, bên Tàu lúc ấy nhà Minh đã đuổi được Mông Cổ, thế lực đương mạnh. Lợi-dụng tình thế rối-ren ở nước ta, đã tràn sang xâm chiếm. Trong 20 năm trời vừa giết chóc, vừa Hán hóa ta, vừa tiêu-hủy văn-hóa ta một cách triệt-để, thì lịch sử nước ta xuất hiện vị anh-hùng Lê Lợi. Sau 10

năm phần đấu khôi-phục nền độc-lập cho nòi giống.

“8- Nhà Hậu Lê trị vì được 300 năm, đến khi gần mạt, trong nước lại xảy ra việc Nam - Bắc phân tranh. Trịnh Nguyễn hai họ tranh-giành luôn tiếp 200 năm, đến khi lực-lượng càng sút kém thì vị anh-hùng xuất chúng Nguyễn Huệ đột xuất đã dẹp tan dã tâm tham-lam của nhà Thanh (Tàu).

“9- Nhà Tây Sơn thống-nhất nước ta hơn 10 năm, lúc ấy thế-lực Âu Châu đã tràn cả Á Châu, Nguyễn Gia Long với cơ-đồ yếu đuối phải thỏa-hiệp với Pháp. Sự thỏa-hiệp dẫn đưa nước vào vòng đô-hộ của người Pháp. Thời kỳ I, từ 1800 - 1884, việc chống Pháp là của triều-đình. Thời II, từ 1885 - 1900, việc chống Pháp do Văn Thân, lúc ấy triều-đình đã hàng Pháp.”

Thời kỳ III, từ 1900 - 1945 việc chống Pháp hoàn-toàn do dân chúng. Thời-kỳ IV, từ 1945 - 1954 việc chống Pháp do sự đóng góp của toàn dân, nhưng bị Việt Minh Cộng Sản lợi dụng danh nghĩa cầm đầu cuộc kháng-chiến.

- Từ 1954 - 1975 cuộc chiến Tranh Nam - Bắc được ủy-nhiệm bởi hai thế-lực Quốc Tế Cộng Sản và Tự Do Tư Bản. Mẽ Việt Nam thảm bại. Hai đầu sỏ Cộng Sản và Tự Do chẳng bên nào thắng, bên nào bại, kết cục “chạy làng” để bày sang thế trận khác.

- Từ 1975 đến nay, tuy phe Cộng Sản Bắc Việt thống-nhất được đất nước, nhưng lạc-lõng trên đường xây-dựng.

Đất nước Việt vẫn tiếp-tục nằm trong nguy-cơ diệt vong bởi tham vọng xâm-lăng của Trung Cộng, cũng như trong chiến-lược toàn cầu, “Hoàn-toàn mới trong một trật-tự mới từ Tây sang Đông” của một số tư-tưởng gia Tây Phương.

Trong “Lời Thú Tội của một Sát Thủ Kinh Tế” (*Confessionss Of an Economic Hit Man*) của John Perkins đã nêu rõ:

“Nhiều người trong chúng ta đã nhận-thức được rằng chúng ta đang bị cỗ máy kinh tế bóc-lột. Cỗ máy đó đang khơi gọi lòng tham vô-độ đối với các tài-nguyên trên thế-giới và thúc-dẩy chế-độ nô-lệ. Chúng ta sẽ không bao-giờ tha-thứ cho nó. Chúng ta sẽ đánh giá lại vai-trò của chúng ta trong một thế-giới mà ở đó có một số ít người đang bơi trong sự giàu sang, số đông còn lại bị nhấn chìm trong nghèo đói, ô-nhiễm và bạo-lực. Tự chúng ta sẽ không thể hưởng tới lòng bác-ái, nền dân-chủ, và công-bằng xã-hội cho tất cả mọi người...

“Thủy điện Agoyan với công-suất 156 megawatts cung-cấp năng-lượng cho các ngành công-nghiệp đã giúp cho một vài gia-đình ở Equador trở nên giàu có, đồng-thời đó cũng là nguồn-gốc những nỗi khổ khôn xiết của những người nông-dân và người bản-địa sống dọc con sông này. Nhà máy thủy điện chỉ là một trong rất nhiều những dự-án được xây-dựng nhờ vào những nỗ-lực của các sát-thủ kinh-tế (EHM = Economic Hit Man) . Những dự-án như vậy, chính là nguyên-nhân tại sao hiện nay Equador là một thành-viên của đế-chế toàn cầu, chúng cũng là lý-do tại sao các bộ-tộc Shuars và Kichwas cùng những bộ-tộc sống trong vùng lân-cận đe-dọa tuyên chiến với các công-ty dầu lửa.”

Vì các dự-an do EHM làm cho Equador ngập chìm trong nợ nước ngoài, và phải dành phần lớn ngân sách quốc gia để trả nợ. Cách duy-nhất để Rquador trả nợ nước ngoài là bán những khu rừng nhiệt-đới của họ cho các công-ty dầu lửa hay nhượng biển dầu nằm dưới khu-vực rừng Amazon cho **Đế chế toàn cầu** đòi nợ dưới dạng quyền khai-thác dầu.”

D- Hậu Quả Các Cuộc Chiến Ác Sát:

Lịch-sử loài người là một diễn-tiến đấu-tranh không dứt để sống, còn, tiến, nổi, hóa; sao cho sinh mệnh “*người*” được *sống cho ra sống*... Người gây một tiến lên để giải-phóng “*người*” trước ác lực của thiên-nhiên, nhân giới và sự cần lao. Toàn bộ cuộc sống “*người*” được chuyển hóa nhịp-nhàng theo bước tiến của thời-gian vô tận, khiến vận hành của “*nhân đạo*” sớm đến bước ổn-định.

Hậu Quả tai hại của các cuộc Thế Chiến I, Thế Chiến II và Chiến Tranh Ủy Nhiệm tại Việt Nam:

-Thế giới chiến tranh I (1914-1918):

- *1,298,293 các quốc-gia khác.
- * 364,800 Hoa Kỳ.
- * 975,000 Thổ Nhĩ Kỳ.
- *2,197,900 Ý.
- *3,189,235 Anh.
- *9,150,000 Nga.
- *6,160,000 Pháp.
- *7,020,000 Hung
- *7,142,000 Đức.

-Thế giới chiến tranh II (1945-1954):

- * 62,000 Ba Lan.
- * 300,000 Đức.
- *1,013,000 Xôviết.
- * 470,000 Tiệp.
- *1,400,000 Pháp.
- *10,000,000 Tàu.
- *2,710,000 Nhật
- *6,000,000 Anh,
- và ***7,700,000** các quốc-gia khác. ¹

- Chiến-tranh Đông Dương

- Gần 1 triệu chết vì chính-sách “*cải-cách ruộng đất*” do chế-độ Cộng sản ;
- Gần 4 triệu chết vì Chiến-tranh Đông-Dương II;
- Gần 500 ngàn chết vì Chiến-tranh Đông-Dương III;
- Gần 400 ngàn thuyền nhân chết trên biển cả đi tìm tự-do;
- ? tù cải tạo.

Hiện chưa có con số tổng-kết, nhưng các tài-liệu nghiên-cứu về chiến-tranh Việt-nam cho thấy khoảng 10 triệu người chết từ khi có sự xuất-hiện đảng Công-sản.

Chiến-tranh Việt-Nam không những chết-vì cuộc chiến mà còn mang ý-*nghĩa xa xôi, lẫn-khuất, oan-khiên* để đến ngày nay vẫn còn là mối nhức-nhối cho dân-tộc Việt và cho thế-giới.

“Dân-tộc Việt không chết cho mình. Việt-Nam bị phân thành hai chiến tuyến, tự ghép mình vào mỗi bên, nhận lấy cái thân-phận Horace và Curiace xưa kia, bị đẩy

1- Trích theo tài liệu của Ủy Ban Tư Pháp, Thượng Viện Hoa Kỳ - January, 27, 1975)

vào kiếp “gà chọi” đau thương, để bị ném tung ra đấu trường ! Hai người thân cùng nhà bị cưỡng-bức nhìn nhau trong hận thù đối-thù ! Cả hai miên-man đi trong niềm tự-hào lý-tưởng của mình, thi-đua bắn giết hăng-say. Rồi ngày về trong vòng hoa chiến-thắng, giữa tiếng hoan-hô mừng đón rập-rình, thoát-nhiên thấy giữa loạn cuồng huyên-náo một rỗng không nhạt-nhẽo lê-thê ! Ngôi nhà thân yêu không còn những giai-diệu của ngày xưa và không còn tiếp mình trong niềm vui hồn-nhiên thuở trước. Những chiếc lọ cổ bể nát bị ném vào xó-xĩnh, hoặc bị quăng đi không thương tiếc...”¹

Không riêng gì Việt Nam, còn nhiều quốc gia khác hiện nay cũng đang bị cuốn xoáy trong vòng bão lũ của cục diện **Công nghiệp, thương mại Toàn cầu hóa** do bàn tay thống trị của Tài phiệt Ngân Hàng Thế Giới.

Như Napoléon đã nói. “Một khi chính phủ lụy vào nguồn tiền vàng của một ngân hàng, các ngân hàng sẽ đóng vai trò nắm giữ cục diện của chính phủ, bởi vì kẻ trao tiền bao-giờ cũng có thể hơn kẻ nhận tiền...”

Tương tự, Lincoln, tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ: “Tôi có hai kẻ thù chính: quân đội miền Nam và cơ-cấu tiền tệ sau lưng. Trong hai thế-lực này, sự đe-dọa của kẻ đứng sau lưng mới là nguy-hiểm nhất. Tôi nhìn thấy một nguy-cơ trong tương-lai đang đến gần chúng ta, khiến chúng ta lo-sợ cho sự an nguy của đất nước. Sức mạnh của đồng tiền sẽ tiếp-tục thống-trị và làm tổn thương đến người dân, và đến khi những đồng tiền cuối cùng tích-tụ lại trong tay một số kẻ thì đất nước của chúng ta sẽ bị phá hủy.”

Cho nên “Nếu cuối cùng người dân Mỹ để cho ngân-hàng tư nhân khống-chế được sự phát-hành tiền-tệ của quốc-gia thì những ngân-hàng này trước hết sẽ thông qua việc tăng lạm-phát tiền tệ, sau đó thông qua việc thắt chặt tiền tệ để tước-đoạt tài-sản của người dân, cho đến một ngày, khi con-cái họ thức-tỉnh thì họ đã mất đi nhà cửa, vườn tược của mình và miền đất mà cha ông họ đã từng khấn hoang khai-phá.”²

Thomas Jefferson, tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ. Jefferson đại diện cho lợi ích của nhân dân, ông cho rằng chân-lý sau đây không cần phải chứng-minh:

“Mọi người sinh ra đều có quyền bình-đẳng, tạo-hóa cho họ những quyền không ai có thể tước-đoạt được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự-do và quyền mưu-cầu hạnh-phúc.”

Sau một thời-gian dài đấu-tranh bằng lý-luận cũng như bạo-lực, “con người” sẽ tìm ra chân-lý, hạnh-phúc của con người nằm ngay ở nhân đạo. Con người cần phải bảo-vệ và phát-triển “nhân đạo”. Con người sẽ đạt tới thời-kỳ “nhân đạo ổn định”.

Đó là thời-kỳ mà con người không còn dã tâm, thú tính, không còn tranh-chấp hận thù, mọi dân-tộc, mọi người đều sống trong hòa hài, hạnh phúc.

Thời kỳ mà loài người đã đứng trên nền-tảng vững-chắc “**Nhân chủ**”, giác-ngộ rõ-rệt về nguyên-tắc “**nhân bản**” của xã-hội trong vũ-trụ, kiến-thiết được sống còn theo hoàn-toàn “**nhân tính**” của loài người.

Thời-gian hiện-tại chỉ là thời-kỳ chuyển hình dưới áp-lực của “**HƯỚNG TÂM CÁCH MẠNG**” để tất-yếu sẽ hình-thành một **THẾ GIỚI MỚI QUỐC TẾ TẬP ĐOÀN AN TOÀN**.

(1- Nguyễn Thùy, “Việt Nam Địa Bàn Được Chọn”, nguyệt san Dân Ý, số 22 tháng 7/1996

2- Chiến Tranh Tiền Tệ, dịch giả Hồ Ngọc Minh, viện Nghiên Cứu Tin Học và Kinh tế ứng dụng.

Bánh xe lịch-sử nhân-loại đã tiến tới con đường “Hòa Hài”, thì không một quốc-gia nào có thể đi ngược con đường tiến-hóa chung, và dầu Trung Cộng không từ bỏ “*truyền kiếp xâm lăng và Hoa hóa*” thì tất-cả các quốc-gia trong vùng Đông Nam Á quyết quật-ngã nó, như lịch-sử Tiểu Việt đã minh-chứng.

D/ Kinh-tế và bóc-lột:

Nhà sử học Durant đã ví trái tim của xã-hội giống như lịch-sử kinh-tế. Khi trái tim đập chậm-chậm, trong thời-gian trái tim phồng ra, của cải được một thiểu số tập-chung lại, để rồi tới thời-gian trái tim bóp lại thì của cải sẽ phải phân-phát ra để lưu-thông. Đó là luật lưu-thông trong kinh-tế học.

“*Bá nhân bá nghệ*”, mỗi người một khả-năng riêng biệt, và trong hầu hết xã-hội, đa số các khả-năng thường tập-trung vào một số người, do đó sự tập-trung tài-sản vào một số ít người, hay thành-phần là hậu-quả tự-nhiên trong kinh-tế. Nếu trong hoàn-cảnh tự do, mọi điều-kiện đều cho phép thì mức-độ tập-trung có cơ hội càng cao. Lịch sử đã cho thấy từ năm 1776, dân Mỹ tương-đối bình-đẳng mà đưa đến tình-trạng cách-biệt về thể-chất, trí-tuệ, kinh-tế để đến nỗi hiện nay “*hố ngăn cách*” giữa người giàu và kẻ nghèo càng sâu rộng hơn bao giờ hết!

Vai-trò kinh-tế quan-trọng đến nỗi người ta đã dùng kinh-tế để giải-thích lịch-sử, nên gọi là “*Kinh-tế sử quan*”.

Trong cuốn “*The Lessons of History*” (Bài Học Lịch Sử) Will & Ariel Durant đã nêu ra: “*Karl Marx cho lịch-sử là tác-động của kinh-tế. Sự cạnh-tranh giữa các cá nhân, các tập-đoàn, các giai-cấp và các quốc-gia để giành nhau thực-phẩm, nhiên-liệu, nguyên-liệu. Các chế-độ chính-trị, các giáo-đoàn, giáo-hội, các công-trình văn-hóa, hết thảy đều xây dựng trên kinh-tế....*”

Ngay đến quyết-định của giáo-hoàng La Mã chia đôi thế-giới cho Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sau khi hai nước này có công ngăn-chặn quân Nguyên (Mông Cổ) là một quyết-định đảo lộn cục-diện tranh-chấp giữa Trung Đông Ả Rập với Tây phương. Có thể nói đây là đòn chiến-lược nhằm thâu tóm quyền-lợi kinh-tế thương mại do Ả Rập nắm giữ trong thời-gian hơn 1,300 năm, và làm cho Ả Rập Trung Đông suy yếu đi từ-từ.

Những sử-kiện trong thời thượng cổ, La Mã tấn-công Ba Tư, rồi thời Trung cổ Thập Tự quân qua đánh chiếm Jerusalem là để *kiểm-soát con đường thương mại* sang Đông phương, nhưng không phải cuộc chiến nào cũng chỉ do kinh-tế đơn-thuần, mà còn nhiều yếu-tố khác, như vai-trò của lòng tín-ngưỡng cuồng-nhiệt trong những đạo quân Hồi giáo, hoặc Y Pha Nho; vai-trò lòng ái quốc mãnh-liệt trong hàng ngũ quân đội “Thần Phong” của Nhật,...

E/ Các Chế-độ gây phân cách loài người:

Trong thời-kỳ Tây Phương cường-thịnh, *các đế-quốc thực-dân như Anh, Pháp, Bồ, Tây Ban Nha, ... chiếm được nhiều thuộc-địa.*

Đối với Anh, chính sách xâm-chiếm lãnh-thổ chia làm hai cách:

Chiếm đóng di dân và chiếm đóng khai-thác. Loại chiếm đóng di dân thì họ dồn người thiểu-số bản xứ vào một nơi, rồi dần-dần sự tranh sống tự-nhiên sẽ đào-thải. Kế ’chinh-phục chiếm lấy đất-dai và lập thành những quốc-gia mới.

I- National Geographic Society, “*Consive History of The World*”, gười dịch, Lê Văn Xương, bản thảo 2009.

Đối với loại chiếm đóng khai-thác, người Anh lấy kinh-nghiệm sự chiếm đóng của họ ở Bắc Mỹ. Lúc người Mỹ đánh đuổi dành độc-lập, và cho rằng nếu họ không loại được người bản xứ thì sớm muộn gì họ cũng phải có ngày trả lại độc-lập cho dân bản xứ. Quan-niệm này dẫn-dắt đến một chính-sách dài hạn, lưu lại được cảm-tình với dân bản xứ sau khi họ ra đi. Đây là đặc-điểm khôn-ngoa và hiệu-quả của chủ-nghĩa đế quốc thực-dân Anh.

Trái lại, đế-quốc chủ-nghĩa Pháp, Hòa Lan và Bỉ thì chỉ biết thực-dân khai-thác hiện tại.

Chính-sách đế-quốc kiểu này đã lưu lại cho các dân-tộc bị trị những hậu-quả tai-hại, vì sau khi trả độc-lập, sự thiếu người lãnh-đạo các ngành là một trở-lực vô cùng to-tát cho công-cuộc phát-triển đất nước cho dân tộc bị trị”.

. * Chế độ quân chủ cha truyền con nối như ở Trung quốc và Việt Nam trước đây.

Chế-độ này bắt nguồn từ “*thần quyền*” sang *đế quyền*. Vị vua coi như “*thay trời trị dân*” và là một chức-năng thiêng-liêng của một đồng tộc. Gặp một vị vua tài-giỏi, dân-chúng đỡ khổ đối. Chẳng may bị kẻ bạo-ngược, ngu dốt cai-trị thì vận mạng của đất nước thật là bi-đát!

* Chế độ “*Quốc Dân Đại Biểu*” (Khởi từ cuộc Cách Mạng Pháp 1789).

Các đại biểu thay mặt quốc dân đưa ra những kiến nghị, quyền quyết định vẫn thuộc thẩm quyền của nhà vua.

* Chế-độ “*Quốc Hội Lập Hiến*”, chế độ phân quyền: Lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng như những quyền tự-do căn-bản của cá-nhân.

* Chế-độ “*Quốc Hội Lập Pháp*” (được thành-lập ngày 1-10-1791 thay thế cho Quốc Hội Lập Hiến, trong thời cách-mạng Pháp 1789).

* Chế-độ “*Quốc Ước Hội Nghị*”, bầu theo phổ thông đầu phiếu.

. * Chế-Độ “*Tự Do phủ quyết*” Liberation veto.

Chế-độ này đã thực-hiện ở Ba Lan từ năm 1652. Chính vì “*tự do phủ quyết*” các nghị-viên có quyền ngưng cuộc thảo-luận, hủy-bỏ các quyết-định trong khi hội-thảo. Hậu-quả gây ra nhiều hỗn-loan, suy-nhược, nên đến năm 1791 chế-độ này bị phế bỏ.

* Chế-độ “*Dân chủ nghị viện*”, Có từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh trong thế Chiến II.

Nhật Hoàng là vị hoàng-đế đại-diện quốc gia về mặt nghi lễ.

Đứng đầu hành pháp là thủ-tướng.

Lập pháp có hai viện thượng viện và hạ viện.

* Chế độ “*Cộng Hòa Pháp*”.

Đứng đầu quốc-gia: Tổng-Thống.

Cầm đầu hành-pháp: Thủ-tướng (chia sẻ quyền hành với tổng thống).

Cơ-quan lập-pháp gồm lưỡng viện quốc-hội.

1- Nghiêm Xuân Hồng, “*Cách Mạng và Hành Động*”, nhà xuất bản Quan Điểm, 1962.

* Chế-độ “*Tổng-thống chế Hoa Kỳ*”.

Đứng đầu quốc-gia và cơ-quan hành-pháp là Tổng-thống do bầu-cử. Nhiệm kỳ là 4 năm. Tối đa 2 nhiệm-kỳ (8 năm). Các viên-chức trong hành-pháp do tổng thống đề-cử nhưng phải thông qua cơ-quan lập-pháp.

Lập-pháp gồm lưỡng-viện quốc-hội, và cơ-quan tối-cao pháp viện.

* Chế-độ “*Cộng Hòa Nhân Dân*”, hay “*Độc Tài, độc đảng*” như Trung quốc Cộng sản và Việt Nam (mệnh-danh *Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa*).

Trong khi thế-giới đã tiến xa trên bước đường “*dân-chủ*” và “*hòa-hài*” thì Trung Cộng và Việt Nam lại thụt-lùi, dậm chân tại chỗ ở chế-độ “*độc tài*”, “*độc đảng*”.

Trong quốc gia chỉ có một đảng duy nhất nắm quyền thống-trị quốc dân.

Cầm đầu một nước là vị “*chủ-tịch*”, do đảng tôn cử.

Cầm đầu cơ-quan hành-pháp là một *thủ-tướng* (cũng do đảng đề-cử), nhưng mọi chính-sách quốc-gia do tổng bí-thư đảng đề ra.

Gọi là “*quốc-hội*” hay *cơ-quan lập-pháp* nói là dân bầu, nhưng thực-sự chỉ là chấp-nhận những người được đảng chọn lựa, đề-cử, giống như hội-đồng nhân-dân xã là do đảng chọn người và tổ-chức bầu ra, đồng-thời lại dùng hiến-pháp để tôn lên là “*một cơ-quan quyền-lực cao nhất*” trong nước ! Cách tổ-chức, và cầm quyền của đảng đã trói các cơ-quan ở mọi cấp của chính quyền, mọi cơ-cấu xã-hội vào vòng thao-túng của “*đảng*” qua sự bố-trí:

* Quyền-lực tập-trung vào Quốc-hội dưới sự lãnh-đạo của “*đảng*”!

* Đảng quyết-định đường lối, chính-sách, phương-hướng hoạt-động của nhà nước, bộ máy nhà nước phải phục-tùng và thực-hiện mọi đường lối, chính-sách và chỉ-thị của “*đảng*”!

* Đảng lãnh-đạo các cơ-quan đại-diện nhân dân từ việc bầu-cử cho đến các phiên họp, từ việc chuẩn-bị các dự-án pháp-luật cho đến việc thông qua các dự-án đó, khiến cho các cơ-quan là một tập-thể thi-hành đúng như sự chỉ-dẫn của đảng !

* Tổ-chức cán-bộ là nhân-tố quyết-định việc thi-hành. Do đó, đảng lãnh-đạo nhà nước là dùng lực-lượng cán-bộ của “*đảng*” làm nòng-cốt cho nhà nước!

Nói tóm lại, tuy nói nhân-dân “*làm chủ*”, nhưng dân chẳng khác “*bù-nhìn*” giữ dũa, Quốc-hội, chính-phủ đều là công-cụ của đảng. “*Đảng lãnh-đạo, nhân-dân làm chủ, nhà nước quản-lý*” quả là mỹ-từ chua-chát về chính-trị của thời-đại !!! Nhà nước Việt-Nam ngày nay có thể nói là một nhà nước “*Phi Hiến*” (Có quốc-hội mà cũng như không có).

Ngay trong hiến-pháp của CHXHCN Việt-Nam, điều 4 đã quy-định: “***Đảng cộng-sản Việt-Nam là lực-lượng lãnh-đạo nhà nước và xã-hội***”. Do đó, tất-cả các hệ-thống văn-bản pháp-luật bao gồm lập-pháp hành-pháp và tư-pháp, kể cả định-hướng cơ-bản cho chính-sách đối ngoại cũng do nơi các nghị-quyết, các chỉ-thị của bộ Chính-trị và ban bí-thư đảng.

Qua các chế-độ nêu trên, ta thấy chế-độ dân-chủ *tương-đối* đem lại nhiều lợi ích hơn các chế-độ khác.

Chế-độ đó làm cho đời sống xã-hội thêm hứng-thú, cho ta sự tự-do cần-thiết cho sự phát-triển của tư-tưởng, khoa-học và kinh-doanh, đồng-thời cũng đã phá được những

hàng rào đặc-quyền và giai-cấp, và trong mỗi thế-hệ tạo cơ-hội cho hạng người tài-giỏi xuất đầu lộ diện bất-kỳ ở trong giai-cấp nào...

Ngày nay ở Anh, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Gia Nã Đại, Pháp,... chế-độ dân-chủ mạnh-mẽ, vững-vàng... Chế-độ này đã can-đảm, cương-quyết chống lại sự tấn công của các chế-độ độc-tài. Nhưng nếu chiến-tranh tiếp-tục phá hoại đời sống các quốc gia trên, hoặc nếu tham-vọng xấu-xa muốn chiếm cả thế-giới làm cho nó quân-đội-hóa hơn nữa, thì rất có thể các tự-do dân-chủ lần-lượt mất hết. Nếu các chiến-tranh chủng-tộc, giai-cấp chia rẽ thành những phe đảng thù nghịch nhau, thì rất có thể một trong những phe đảng sẽ thay chế-độ tuyển-cử bằng uy-lực của lưỡi gươm. Và nếu chế-độ kinh tế tự-do không phân-phối tài-sản một cách “bình” và “hòa” thì con đường độc-tài sẽ mở rộng cho kẻ nào khéo thuyết-phục quần-chúng rằng mình có thể bảo-đảm sự an-toàn cho mọi người.

Sự bất-bình-đẳng coi như là bẩm sinh. Thực-tế, bất-cứ một phát-minh nào, hoặc khám-phá nào cũng đều do những cá-nhân xuất-sắc tạo ra và lợi-dụng khiến cho người khỏe lại khỏe thêm và kẻ yếu hóa ra yếu hơn. Phát-triển kinh-tế gây ra sự chuyên-môn-hóa các chức-vụ, dị-biệt-hóa khả-năng. Do đó mà có kẻ quý, người hèn đối với tập-thể ... Cuộc sống và lịch-sử đã thể-hiện ra như vậy!

Phải chăng: Cuộc đời thật là trở-trêu khi nói đến tự-do và bình-đẳng. Được cái này thì cái kia phải mất? Như đã xảy ra ở Anh và Mỹ vào thời-kỳ tự-do kinh-doanh trong thế-kỷ XIX.

Tương-tự: Muốn duy-trì sự quân-bình giữa nhân số với thực-phẩm thì nạn đói, bệnh dịch, và chiến-tranh cần được duy-trì ?

F/ Tông Giáo với Xã-hội :

Đọc lịch-sử thế-giới, ta thấy một số tông-giáo trên thế-giới có ảnh-hưởng sâu rộng đến ngày nay:

1- Đạo “Thờ Cúng Tổ Tiên” (Đạo Ông Bà).

Nếu hiểu tông-giáo là một tín-ngưỡng tin vào một đấng thiêng-liêng tối cao, ngự-trị và bảo-vệ tất cả, hiểu như thế thì người Việt không có tín-ngưỡng.

“Thờ Cúng Tổ Tiên” có phải là một tông-giáo (đạo) hay chỉ là một phong-tục?

- Nếu coi việc thờ cúng có bàn thờ với hương hoa, đèn, nhang, ảnh tượng, có lễ-nghi, có điển-sách là những đặc-tính của tông-giáo thì việc “thờ cúng Tổ Tiên” là một tông-giáo như các tông-giáo khác.

- Nhưng nếu lấy quy-tắc “độc tôn” của mọi tông-giáo (Đã theo tông giáo này thì không được tiếp-nhận một thờ phụng khác). Ở điểm này, ta thấy ở việc “Thờ phụng Tổ Tiên”, tư-tưởng bao giờ cũng cởi mở, sẵn-sàng tìm hiểu giáo-lý của mọi tông-giáo khác, và nếu thấy được thuyết-phục thì có thể theo.

Xét riêng ở điểm này, người “Thờ Phụng Tổ Tiên” không là một tín-đồ tông-giáo, bởi không có tín-ngưỡng tuyệt-đối Tổ Tiên, không có đối-tượng “thần thoại hóa” của thờ cúng. Nhìn rộng hơn nữa, Việc “Thờ Kính Tổ Tông” chỉ là một “khâu” văn-hóa trong hệ-thống đi từ gia-đình đến xã-hội. Thấy những nét trong một nếp sống là thấy con người. Cao hơn nữa, và rõ-ràng hơn là những tư-tưởng của con người. Tư-tưởng và những nét trong nếp sống không tan rã theo với cái tan rã

của một cơ thể, mà đã in dấu và lưu-truyền ở con, cháu, ở dòng tộc, ở dân tộc.

Như vậy, Tổ tiên **như** tồn-tại ngay trên, và trong con cháu. Tổ tiên vốn tồn-tại trên cả ba mặt: vật, tâm, sinh. Vì vậy mới nói:

“Chết là thể phách, còn là tinh anh.”

(Kiều/ Nguyễn Du)

Ngoài ra, người Việt thường đem cái vô hình xuống cuộc đời hàng ngày, họ sống với thế-giới thần bí ấy nhờ có những cái gì họ tưởng đã thấy được. Trái lại, người Âu Tây sống bên lề cái vô hình, và không thân-mật, phủ-nhận nó nữa, vì không biết có nó.

Vũ trụ quan Trời - Phật, đối với nông dân Việt là để tiêu-chuẩn-hóa lý-tưởng, ý-hướng, thái-độ hành xử:

Lâm-râm khẩn vái Phật - Trời.

Xin cho cha mẹ ở đời với con.

(Ca Dao)

Người Việt nhìn thế-giới sự vật đều nhìn qua khía-cạnh tâm linh. Tin vào thần linh như một thế-lực siêu-nhiên thần-bí, huyền-nhiệm, bàng-bạc khắp nơi. Tinh-thần này, ta có thể nói là tinh-thần tổng-hợp “*Hiện-thực với siêu-nhiên*” :

*“Trông ra ngọn cỏ, lá cây,
Thấy hiu-hiu gió, rừng hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai...”*

(Kiều - Nguyễn Du)

“**Tổ Tiên Như Tại**” bốn chữ trên bức hoành phi treo nơi từ đường (*nhà thờ họ, nơi thờ phụng Tổ Tiên*) là câu trả lời cho những ai thắc-mắc về sự “sống” với sự “chết”.

Chữ “**Như**” nên hiểu một cách linh-động và uyển-chuyển “**còn hay hết là do tâm thành của con cháu.**”

Học giả Phạm Quỳnh, cuối thời Nguyễn đã viết: “*Tổ Tiên ta không chết mất hẳn đâu, mà vẫn sống một đời siêu-việt, linh thiêng. Sự sống đó sẽ loãng tan và nhập vào đại khối, nhưng ta có thể làm cho trở thành thực-tại hơn bằng sự tưởng nhớ, bằng sự thờ phụng mà ta có bổn-phận giữ tròn đối với người đã khuất. Thực ra người chết còn sống là do nơi lòng tưởng nhớ của chúng ta, do nơi mãnh-lực và sự thiết-tha của tình cảm gọi là lòng hiếu đễ...*” Tính tình thể-hiện lên thành một nếp sống trong sinh-hoạt gia-đình và gia-tộc, thôn ấp, huyện tỉnh, đến quốc-gia, xã-hội.

Văn khấn trong ngày lễ, bao giờ cũng mở đầu bằng danh hiệu quốc-gia đương thời, danh hiệu địa-phương, rồi đến niên hiệu của triều vua. Thí dụ: *Việt Nam quốc, Ninh Bình tỉnh, Yên Mô huyện, Cộng Hòa, tuế thứ lục niên....*sau đó mới đến tự giới-thiệu người chủ lễ, như: *Thập đại tăng tôn trưởng Lê Quốc Hùng cung kính thỉnh anh linh Cao Tăng Thủy Tổ húy Lê tức Quận công hợp đẳng tiền nhân chư vị lai lâm chứng giám (cháu đời thứ 10, trưởng tộc tên Lê Quốc Hùng kính cẩn cầu khẩn anh linh vị Tổ, Lê.... tức quận công cùng chư vị tiền nhân chứng giám).*

Tóm lại, sự thờ-phụng Tổ Tiên qua biểu-tượng “*nhang (hươngthơm), đèn (ánh sáng)*” là những nét đặc-thù trong văn-hóa Việt, **một nhân-tử-quan thật “nhân bản” (người thờ người)**, đúng như điều nhận xét của P. Mus “*Quay về dĩ-vãng không*

như một tập truyền bất động, nhưng là nguồn suối luôn-luôn hiện đại của mỗi luật tắc và cả đến tư-tưởng... nguồn của mọi sự thiện.” (Tourner vers la passé non comme tradition inerte, mais comme vers la source toujours actuelle et sans date des règles et des pensées même aux sources de tout bien comme de toute la réalité.)

*Cây có gốc mới tươi cành xanh ngọn,
Nước có nguồn tạo biển cả sông sâu.*

(Ca Dao)

* **Khổng Tử** (551-474 trc C.N.)

Khổng Tử tên thật là Khổng Khâu, tự Trọng Ni, người quận Xương Bình nước Lỗ, nay thuộc miền Sơn Đông phía bắc Trung Hoa, thân phụ là Thúc Lương Ngột, mẹ là Nhan Thị;

Khổng Khâu mồ-côi cha khi lên ba tuổi. Thiếu thời thích chơi trò cúng tế.

Khổng Tử nhà nghèo, năm 19 tuổi mới thành gia thất, nhận chức ủy lại, coi việc thóc lúa trong kho, lại coi việc nuôi bò để dùng vào việc cúng tế. Năm 29 tuổi đến học ở Lạc ấp là kinh sư nhà Chu, Khổng Tử đã xem xét và khảo-cứu tường-tận về chế-độ nơi miếu đường, cùng những nơi tế giao, tế xã. Tục truyền, Khổng Tử cũng đến hỏi Lão Tử về Lễ, và hỏi Tráng Hoành về nhạc.

Sau trở về nước Lỗ, học trò theo học càng ngày càng đông. Tuy vậy, vua nước Lỗ vẫn không dùng ông.

Năm 35 tuổi (517 trc. C.N.), vì nước Lỗ loạn lạc, Khổng Tử bỏ sang Tề. Ở đây, bắt đầu học nhạc Thiệu, và bị quan đại phu là Án Anh dèm pha, vua Tề không dùng Khổng Tử.

Cho đến năm 50 tuổi, vua Lỗ mời Khổng Tử giữ chức Trung Đô Tế ví như kinh thành thủ doãn, sau một năm lên chức đại tư khấu (*hình bộ thượng thư*). Được 4 năm, lại được cử làm nhiếp tướng sự, quyền nhiếp việc chính-trị trong nước.

Sau vua Lỗ bị kế phản gián của nước Tề, bỏ bê việc triều chính, nên thầy trò Khổng Tử rủ nhau bỏ Lỗ sang Vệ, rồi sang Trần, sang Tống, tiếp lang-thang sang nước Trịnh (*phía bắc Hồ Nam bây giờ*). Sau lại trở về Vệ vào lúc đã 63 tuổi.

Khổng Tử qua đời vào năm 474 trc. C.N., thọ 73 tuổi.

Khổng Tử trước hết là một nhà giáo dục (*Tử viết: “**Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ**” : Thuật lại mà không sáng tác, tin mà yêu cổ xưa.*) và cũng là tiên phong cho hàng sỹ phu (*không sống bằng nghề sản-xuất và cũng không thuộc hàng thống trị quý tộc*).

Hàng nho sỹ này nảy-nở trong thời Xuân Thu và bắt đầu từ Khổng Tử, nên đã lấy Khổng Tử làm tị tổ. Khổng Tử là nhà trí giả, giảng dạy nhiều môn (Lục nghệ), đồng thời trong sự học vấn, chú trọng đến chính-trị.

Theo cách nhìn Tây phương, Khổng Học không phải là một tôn-giáo, mà chỉ là học thuyết tổ-chức xã-hội dựa theo đạo trời làm gốc. Về sau các chế-độ quân-chủ bá quyền Trung quốc đã dựa vào Khổng Nho, cho chủ-nghĩa bành-trướng Hán tộc.

* **Mặc Tử** (?)

Theo truyền-thuyết, Mặc Tử sinh vào khoảng từ năm thứ mười hai đến năm thứ ba mươi đời Chu Kinh vương, mất vào khoảng giữa từ năm thứ nhất đến năm thứ mười đời Chu Uy Liệt. Ngày sinh Mặc Tử nhằm khi Khổng Tử năm sáu mươi tuổi. Còn về sinh quán của Mặc Tử, có người cho là người nước Lỗ, có người như Lương Khải Siêu cho là người nước Tống, căn-cứ vào tài-liệu của Nghệ văn Chí trong Hán thư.

Mặc Tử xung đột với Khổng học. Mặc Tử không chú trọng vào lý-tưởng người quân-tử, mà chú-trọng vào cái “dụng” của quần chúng.

“Nhất là vấn đề nhân nghĩa đạo đức, không phải là vấn đề lý-thuyết suông, định nghĩa rỗng. Nó là hành-vi, là thái-độ giữa người với người trong nhân quần xã-hội. Một người con hiếu, không phải là kẻ nói giỏi về hiếu, mà là người con đã từng làm việc hiếu...Gọi là người nhân nghĩa, chứ phải đâu như kẻ đạo đức giả, ngồi đâu cũng thuyết nhân nghĩa, mà đến việc phải hy-sinh chút lợi nhỏ cũng lưỡng-lự. Nếu chỉ tìm “chính danh” thì làm sao đủ cho người ta trở về với đạo đức, nhân nghĩa. Cho nên Mặc Tử tích-cực hơn Khổng Tử về đường nhập thế hành đạo.

“Thiên mệnh” chủ ở Khổng giáo - Còn Mặc Dịch chủ Thiên Chí. Trung tâm giáo-lý của Mặc Tử chủ ở điểm thực-hành thuyết “tương ái”, “tương lợi”.

Mặc Tử căn-cứ vào nguyên-tắc ứng-dụng ích lợi để xây dựng **thuyết kiêm ái**, tuyệt nhiên không dă động đến lý do siêu-hình thần-bí.

Mặc Tử chống lại chế độ “quý tộc”, “thế tập”. Cho nên đề cao người tài đức trong dân chúng không phân-biệt giai-cấp quý tiện. Quan không sang mãi, dân không hèn mãi. Đó là chính-sách “thượng hiền” hay “chính trị hiền nhân” của Mặc Tử.

Mặc Tử cho Lễ và Nhạc không thể chữa được bệnh của thời đại, đó là nước lớn đánh nước nhỏ, kẻ mạnh nạt kẻ yếu, kẻ đông ăn hiếp kẻ ít, kẻ lấu-lĩnh đánh lừa kẻ ngu đần...Đối với Mặc Tử thì cần đến chính-sách “tiết dụng” và tăng dân số.

“Phàm thiên hạ quần bách công, luân xa quỹ bào đào dã tử tượng, sử các tông tử kỳ sở năng, phàm túc dĩ phụng cấp dân dụng tắc chỉ. Chư gia phi bất gia lợi vu dân giả, thánh nhân phát tri” : Tất cả trăm nghề thợ trong thiên hạ, thợ xe, thợ da, thợ gốm, thợ rèn, thợ mộc, khiến cho ai nấy làm theo tài năng của mình, hễ đủ cung-cấp cho dân chúng thì thôi. Những cái thêm phí mà không thu lợi cho dân, thánh nhân không làm.” và “Tích giả thánh vương vì pháp viết: Trượng phu niên nhị thập vô cảm bất xử gia, nữ tử niên thập ngũ vô cảm bất xử nhân” = Thánh vương đời xưa ra pháp lệnh: con trai hai mươi tuổi, không ai dám không lấy vợ, con gái mười lăm tuổi không ai dám không lấy chồng.” Đó là muốn tiết dụng và chữa bệnh chiến tranh làm hao tổn sinh-mệnh của nhân dân. /

* Lão Tử :

Theo sử ký của Tư Mã Thiên, Lão Tử người họ Lý, tên Nhĩ tự là Bá Dương, thụy là Đàm, người huyện Hồ thuộc nước Sở (nay thuộc tỉnh An Huy), sinh đồng thời với Khổng Tử, vì trong sử chép, có lần Khổng Tử đến thăm Lão Tử để hỏi lễ. Lý Nhĩ có làm quan với nhà Chu, sau bỏ đi.

Lão Tử có để lại cuốn “Đạo Đức Kinh”. Sau có Liệt Tử và Trang Tử diễn giải và truyền bá tôn-chỉ của Lão Tử.

Nội dung của “Đạo Đức Kinh” mang một nguyên-lý huyền diệu mà sinh ra trời đất và vạn vật. “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh...” (Cái đạo mà nói rõ ra được thì không phải cái đạo thường hằng - Một vật đã có thể gọi tên ra được thì không phải là cái vật thường vẫn có ấy nữa...)

1- Nguyễn Đăng Thục, “Lịch sử Triết Học Phương Đông”, xuất bản t/p HCM, in lần thứ 3, 2001.

Đạo tự-nhiên hỗn thành trước khi có trời đất, mờ-mờ, mịt-mịt, im lặng một mình trong khoảng không-gian ở đâu cũng có, mà bao-giờ cũng thế...

Và cũng theo Lão Tử, nhân sinh với thiên-nhiên là một: “ *Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.*” Điểm này, tương-tự Trang Tử đã thuyết: “ *Người chân-thật ngủ không mộng, ăn không cốt ngon, thở thì thâm sâu. Người chân thật xưa không biết ham sống, không biết ghét chết, lúc ra đi hờn-hở, lúc trở về không vô-vấp, phát-phơ đi đi, phát-phơ mà lại, thế thôi...*” - Không khác gì Khổng Tử về già đạt tới điểm cảm-thông thiên-nhiên mà nhất cử nhất động đều thuận với đạo (*Tòng tâm sở dục, bất du cử = Theo lòng mình muốn mà không vượt ra ngoài mực thước*).

Tư-tưởng của Lão Tử quá cao thâm, ít người lĩnh-hội. Vì thế sau biến đổi thành một tông-giáo mang ít nhiều dị-đoan và ảo-thuật (*thành đạo tu tiên và luyện trường sinh bất tử*), và tôn Lão Tử thành *Thái Thượng Lão Quân*.

Thành phần học-thức xem sách của Lão Tử và của các môn đồ như Liệt tử, Trang tử thì nhiệm tư-tưởng phóng-khoáng, cầu an-nhàn, tự-do.

*** Phật Thích Ca:**

Phật Thích Ca sinh vào năm 563 trc C.N, và mất vào khoảng 483 trc C.N., thọ 80 tuổi.

Ròng-rã 80 năm, trải qua một phần lớn thế-kỷ thứ V trc. C.N. đây là cả một cuộc đời của Phật Thích Ca.

Hoàng tử Tất Đạt Đa (Siddharta) là con một của vua Tịnh Phạn Vương thuộc thị tộc sinh ở kinh-đô Gia Tỉ La (Kapila) nước Kosala, một tiểu-bang thuộc phía Nam xứ Népal, bên bờ sông Hằng.

Hoàng tử Tất Đạt Đa sinh-trưởng ở chốn quyền quý, rồi đức vua cha lấy vợ cho hoàng tử là cô em họ Yatada. Nàng sinh hạ được một con trai, đặt tên là Lahula (La Hầu La). Sau khi sinh La Hầu La, hoàng tử ý-thức được sứ mệnh lớn-lao của mình. Nhà vua đã ra lệnh: Hễ lúc nào hoàng tử qua thành để ra vườn ngự lâm thì không được để cho người già lão, bệnh tật hay đám ma tang diễn ra ở đường phố. Nhưng các hiện tượng về bệnh tật, già lão, chết chóc, và cảnh đạo sĩ đi hành khất vẫn hiện ra. Khi hoàng tử Tất Đạt Đa nhìn thấy những cảnh-tượng ấy, và đến khi được người đánh xe tên là Chanara báo cho ngài biết tất-cả loài người đều phải chịu bệnh tật, già lão và sinh tử, riêng chỉ có kẻ đạo sĩ hành-khất là thoát được ra ngoài vòng sinh, lão, bệnh, tử chi phối. Ngay lúc ấy, hoàng-tử nảy ra ý nghĩ đi tìm thuốc để chữa cho nhân loại khỏi chứng bệnh hủy-hoại. Ngài đi tìm cái bí-quyết của sinh, tử.

Một đêm kia, Tất Đạt Đa sau khi ngắm nhìn một lần chót vợ con đang nằm ngủ, lặng-lẽ nhảy lên mình ngựa, bèn phi ngựa ra ngoài. Ngài đi vào trong rừng, lột bỏ khăn áo, cắt tóc, đuổi ngựa về, và từ đấy sống một đời đạo-sĩ hành-khất.

Trong rừng, hoàng-tử đã gặp những đạo-sĩ khổ hạnh Bà La Môn. Sau đấy ít lâu, ngài một mình theo đuổi con đường tinh-tiến riêng. Rồi ngài sống một cuộc đời cực khổ hạnh, thiếu một chút thì chết đói. Nhưng ngài đã giác-ngộ một điều là khi nào thân thể và những năng khiếu tinh-thần mệt-mỏi kiệt-quệ, người ta không thể đến được cõi giác. Chính cõi giác ấy là mục-tiêu mà Ngài đang theo đuổi. Ngài bèn nhặt bát bố-thí rồi lại đi hành-khất thực-phẩm ở những làng xóm lân-cận.

Giờ chính giác của ngài đã điểm. và nhờ các mộng triệu hiện ra, ngài đã có thể

²kết-luận: “*Chính ngày hôm nay ta đã thành Phật!*” Cả ngày hôm ấy ngài nghỉ-ngơi, đến buổi chiều ngài đến gốc một cây bồ-đề, dọn một chỗ ngồi, nhất trí tiềm tu, quyết tâm cho đến khi nào thực-hiện được mục-đích.”

Đức Bồ Tát đi sâu vào các trạng-thái tinh-thần trầm tư mặc tưởng. Ngài liên-tiếp đạt tới trình-độ nhận định về các kiếp trước của mình, trình-độ thiền định có thể hội thông những căn-nguyên của lý nhân quả, và sau cùng đến lúc bình-minh thì ngài tới cõi viên-giác đại ngộ (*Mahasambhavi*) = *Tam diệu, tam bồ đề*). Cái quá-trình thuần-túy kinh-nghiệm này có một giá-trị quyết định trong đạo lý của Phật giáo.

Theo sách Ấn Độ giải-thích cuộc thực-nghiệm tâm lý của đức Phật thì Thích Ca đấng đạo sau khi giác-ngộ được 4 bậc tinh-thần như sau:

- Thông tỏ các việc kiếp trước.
- Trừ-khử các ác căn ở trong lòng và được các huệ nhãn để thấu hiểu mọi việc.
- Lý hội được “*Thập nhị nhân duyên*” là cái lưới giam chúng-sinh trong vòng luân hồi.

- Phát minh được “*Tứ diệu đế*” 4 điều căn-bản để giải-thoát khỏi vòng sinh tử.

Ngay sau khi ngài viên giác, sau một cuộc đấn đo giữa hai tiếng gọi “*Niết Bàn*” và “*Đau khổ*” ngài động lòng thương xót chúng-sinh mà nhất quyết rời cõi niết-bàn để mở đường giải-thoát cho nhân-loại.

* Giáo chủ **Zarathustra**:

Còn gọi là tôn giáo Zoroastrianism, xuất-phát từ Iran. Có rất nhiều huyền thoại về tuổi trẻ của giáo chủ giáo phái **Zoroastriannism**. Giáo phái này chỉ tin thờ một thượng đế là Ahura Mazda (Thần Vĩ đại). Nhiều khái-niệm sau này được Chúa Zéus lấy làm gợi hứng như thiên đàng với địa ngục, ngày phán xét cuối cùng, con đường đại hạnh, cầu nguyện, ngay cả ba vua trong đạo Chúa được mô tả là ba giáo sỹ thuộc tôn giáo Zoroastrianism được triều đại Darius I xứ Persia coi là quốc giáo, mở rộng từ sông Indus phía Đông đến vùng biển Aegean phía Tây.²

* **Thiên Chúa Giáo**:

Lược tóm Cựu Ước & Tân Ước:

Thời các tổ phụ:

- Tổ tiên của Abraham sống ở miền Lưỡng Hà (Mésopotamia)
- Vào khoảng 1,800 tcn, nhóm của Abraham di cư sang miền Palestine.
- Vào khoảng năm 1,700 tcn. Giacôp và con cháu sang Ai-Cập.

- Thời Môse và Giosuê:

- Vào khoảng 1,250 tcn, dưới thời vua Ai Cập là Ramxét II, Môse đưa dân Israel ra khỏi Ai Cập.

- Vào khoảng 1,220-1200 TCN, Giosuê đưa dân Israel vào chiếm miền Palestine.

Thời các thủ lãnh và các vua đầu tiên (1,200-931)

- Vào khoảng 1,200 tcn, Người Philitinh xâm lăng Ai Cập nhưng bị đẩy lui và đến định cư ven bờ biển Palestine.

1- Lê văn Xương, “*Lược Sử Tôn Giao - Cần Biết Mình, Biết Người*”, (Tài liệu dành máy - 1/2010).

2-Trích theo Phương Ngô, “*Tóm Lược Lịch Sử Thời Cựu Ước & Tân Ước*”, Sat 9/19/09, 11:10 AM.

- Vào khoảng năm 1,200-1030 tcn. thời các thủ lĩnh.
- Vào khoảng 1030-1010 tcn. Salê là vua đầu tiên của Israel, thắng người Ammôn và Philitinh, nhưng sau lại thua người Philitinh.
- Vào khoảng 1,010-970 tcn, David lên làm vua, chiếm Giêrusalem làm kinh đô, thắng các dân chung quanh: Philitinh, Môáp, Aram, Ammôn, Êdom.
- Vào khoảng năm 970-931 tcn, Salomôn làm vua, xây đền thờ Giêrusalem, phát triển ngoại giao, mở-mang thương-mãi. Nền văn-chương chớm nở, cham ngôn và sử-ký.
- Thời-đại vương quốc Giuda và Israel (931-721 tcn)
 - Năm 931 tcn, Rôbôam lên nối ngôi Salomôn, khiến các dân tộc miền Bắc ly-khai lập nước Israel và tôn Giêrôbôam làm vua. Rôbôam và dòng họ chỉ còn làm vua nước Giuda (miền Nam).
 - Thế kỷ thứ IX tcn. tại Israel, Omri (885-874) lập một triều đại mới và đặt kinh đô tại Samari. Vua Akháp (874-853 tcn) xây đền thờ Baal.
 - Thế kỷ VIII tcn, bắt-đầu xuất-hiện các (ngôn sứ văn sĩ). Tại Israel: Amốt, Hôsê. Tại Giuda: Isaia, Mica.
 - Đế quốc Assyri bành-trướng. Năm 721 tcn, kinh đô Samari bị thất thủ, dân bị đưa đi đày, nước Israel bị tiêu-diệt.
- Thời các vương quốc Giuda (722-587 tcn)
 - Thế-kỷ thứ 7 tcn, vua Êdêkia (716-687 tcn) cải tổ tông giáo và cố gắng thoát-ly ảnh-hưởng của Assyri, nhưng không thành-công. Vua Giôsia (640-609 tcn) cũng cải-tổ tông giáo và cố gắng khôi-phục nền độc-lập. Đế quốc Assyri sụp đổ, đế quốc Babylon bắt đầu bành trướng.
 - Năm 597 tcn, Nabucôđônôso lấy thành Giêrusalem lần thứ nhất, đưa dân đi đày.
 - Năm 587 tcn, Nabucôđônôso lấy thành lần thứ hai, phá thành và đền thờ, đưa dân đi đày.
 - Năm 582 tcn, lưu-đày đợt thứ ba.
- Thời lệ-thuộc Ba Tư (538-533 tcn)
 - Năm 539 tcn, Kyrô vua Batur lấy thành Babylon.
 - Năm 538 tcn, Kyrô ra chiếu chỉ cho phép người Do Thái hồi hương.
 - Năm 520-515 tcn: Tái thiết đền thờ Giêrusalem.
 - Thế kỷ V tcn: Ếtra cải tổ tôn-giáo, công-bố luật (Ngũ Thư).
- Thời lệ-thuộc Hy Lạp ((332-63 tcn)
 - Năm 336 tcn: Alexandre, vua Macêdonia thắng đế quốc Ba Tư.
 - Năm 332 tcn: Alexandre chiếm Palestine. Sau khi vua chết (323 tcn) các tướng lĩnh chia nhau đế quốc. Nhà Laghít (Ptôlême) chiếm Ai Cập, nhà Solucô chiếm Syri và Babilon.
 - Năm 319-200 tcn: Miền Palestine thuộc quyền các vua Laghít. Tại Aicập, sách cựu ước được dịch ra tiếng Hy Lạp.
 - Năm 200-142 tcn: Miền Palestine thuộc quyền các vua Solucô.
 - Năm 167 tcn, vua Antiôcô IV bắt bớ đạo Do Thái. Mat-ta-thya và các

con (Giuda, Giônathan, Simon) khởi-nghĩa.

- Năm 164 tcn, Giuda lấy lại đền thờ và làm nghi lễ thánh tẩy.
- Năm 142-63 tcn: Con cháu của Simon làm vua người Do Thái.

Thời lệ-thuộc Rôma (từ 63-Simon) khởi-nghĩa.

- Năm 164 tcn, Giuda lấy lại đền thờ và làm nghi lễ thánh tẩy.
- Năm 142-63 tcn: Con cháu của Simon làm vua)
- Năm 63 tcn : Pompê, tướng của Rôma, chiếm Giêrusalem, Palestine trở nên một tỉnh của đế quốc Rôma.
- Năm 27 tcn-14 scn: Hoàng đế Augusto trị-vì.
- Năm 7-6 tcn: Giêsu ra đời.

- Vào khoảng 5-10 scn: Phaolô sinh ra tại Tarxê.

- Năm 26-36 scn: Phongxiô Philatô làm quan trấn thủ Giudê và Samari.
- Năm 27 scn: Đức Giêsu khai-mạc sứ vụ.
- 30 scn: Lễ vượt qua, đức Giêsu chịu đóng đinh.
- Vào khoảng 30-37 scn: Stêphanô tử đạo.

- Vào khoảng 43-44: Tông-đồ Giaccôbê, em của Gioan bị chém đầu.

- Vào khoảng 48-49 scn: Cộng-đồng Giêrusalem.

- Năm 61-63 scn: Phaolô bị giam ở Rôma.
- Năm 66 scn: Người Do Thái ở Palestine nổi loạn.
- Năm 70 scn: Titô, tướng của Rôma chiếm Giêrusalem, đốt đền thờ.

Thực ra, Tân Ước được viết ra bởi nhiều học-giả gốc Hy Lạp, Syria, kể cả Ai Cập bằng việc tổng-hợp “Cựu Ước” với thực-tế của việc rao giảng mà từng bước hình thành tông quyền Thiên Chúa giáo.

Chính tính tổ-chức được *gợi hứng* từ tông quyền La Mã đã trở thành nền-tảng xã hội Âu Mỹ để thích-nghĩ với xã-hội dân sự được cai-trị bởi “luật” dựa trên tinh-thần dân chủ với thị-trường tự do hình-thành cách nay mấy trăm năm.

Dựa vào thông-điệp “*Sự Phát Triển của các Dân Tộc*” của giao hoàng Bênêdictô XVI, Hồng Y Phạm Minh Mẫn đã đưa ra theo tinh-thần của một linh-mục Vatican:

“Tình-hình thế-giới liên tục xuất-hiện những vấn-đề nghiêm-trọng và chương kỳ của những bất-bình-đẳng rõ-ràng đang tiếp-tục tồn tại bất-chấp những nỗ-lực trong thời-gian qua.

“Một mặt xuất-hiện những dấu-hiệu về sự mất cân đối trầm-trọng trong lãnh-vực xã-hội cũng như kinh-tế. Mặt khác từ nhiều phía, có lời kêu gọi cải-cách, không thể trì-hoãn nữa, nhằm thu hẹp khoảng cách phát-triển giữa các dân-tộc. Hướng đến mục-đích đó, hiện-tượng toàn cầu hóa có thể là một cơ-hội, nhưng chính vì lẽ ấy, điều quan-trọng là khởi động một cuộc đổi mới sâu xa về luân lý và văn-hóa, là có một sự phân định mang tinh-thần trách-nhiệm đối với những quyết-định hướng đến công ích. Một tương-lai tươi sáng hơn là điều khả thể cho mọi dân tộc, khi tương-lai đó được xây trên nền-tảng sự tái khám-phá những giá-trị căn-bản của đạo đức. Điều cần là có một hoạch-định mới về tài-chính nhằm tái-thiết tổng thể công cuộc phát-

triển trên nền-tảng tinh-thần trách-nhiệm đối với Thiên Chúa cũng như đối với nhân loại là tạo vật của ngài.

“Thông điệp nhắc lại những nguyên-tắc căn-bản cần thiết cho công cuộc phát-triển con người trong những năm sắp tới. Những nguyên-tắc đó gồm có trước hết là mối quan-tâm đến sự sống con người, được coi như trọng-tâm của công-cuộc phát-triển chính thực, thứ đến là sự tôn trọng tự do tôn giáo là điều luôn-luôn gắn liền với sự phát-triển con người, và từ bỏ quan-điểm xác-quyết chỉ có con người là tác giả tuyệt đối của vận mạng mình...

“Mặt khác không thể nào thiếu sự tham-gia có trách-nhiệm của mọi người dân trong lãnh-vực chính-trị quốc-gia và quốc-tế, một phần nhờ sự dấn thân mới của các liên-đoàn lao động hướng đến thiết-lập những hiệp hội quốc-gia cũng như quốc-tế. Trong lãnh-vực này, các phương-tiện truyền thông xã-hội phải đóng vai-trò hàng đầu nhằm gia tăng đối-thoại giữa các nền văn-hóa cùng truyền thống khác nhau...

“Nhân loại là một gia-đình và cuộc đối-thoại giữa niềm tin cùng lý-trí chỉ phong-phú-hóa gia-đình nhân loại, chỉ làm cho công việc từ thiện trong đời sống xã-hội có hiệu-quả hơn, đồng thời mở ra một lối đi cho sự hợp-tác giữa người tín-hữu với người không tín-ngưỡng cho mọi người cùng đồng hành trên con đường kiến-tạo công lý và hòa-bình cho thế-giới hôm nay...”

*** Hồi Giáo:**

Sự hình thành Hồi giáo là một khúc quanh lịch-sử, nó đánh dấu sự trỗi dậy của người Ả Rập, nhờ họ nắm được đường dây vận-chuyển hàng-hóa từ Tàu và Ấn chuyển qua thị-trường Âu Châu bằng đường biển xuyên qua Ấn Độ Dương, ngoài ra nhờ đường dây buôn bán vàng từ duyên hải thuộc Somalia.

Giáo chủ Muhammad lập đạo từ năm 622 AD khi bị đẩy khỏi Mecca đến tá-túc tại Medina. Giáo chủ Muhammad tái chiếm Mecca, giáo chủ Muhammad mất năm 632 AD.

Hồi giáo phát-triển rất mau nhờ biết kết-hợp giữa “*thần quyền*” và “*thế quyền*” và hoàn cảnh La Mã trong thời-kỳ đen tối. Byzantium hầu như bỏ ngỏ vùng Lưỡng Hà, trong khi Iran, Ai Cập cũng lâm vào cuộc khủng-hoảng thiếu người lãnh-đạo tài giỏi.

Trên nguyên-tắc, Hồi giáo là tôn-giáo có mục-đích khôi-phục lại niềm tự hào của vùng Trung Đông khỏi bị các đe-dọa từ La Mã. Hồi giáo được toàn vùng chấp-nhận dễ-dàng. Chính quyền và nhân dân trong vùng theo Hồi giáo không bị đế quốc Hồi giáo cai-trị như lực lượng ngoại xâm (*thực ra không có đế quốc Hồi giáo vì tất cả tín đồ đều là anh em cùng thờ phượng đấng Allah vĩ đại*). Các quốc gia Hồi giáo lâm vào chiến-tranh phân rã vì mâu-thuẫn giữa quyền lợi quốc gia và vì sự tranh-chấp giữa hai hệ-phái Sunni và Shia về quyền thừa-kế giáo chủ.

*** Các khủng-hoảng Tông Giáo trên Thế Giới:**

Tông giáo thường là tấm gương phản-chiếu những mối lo sợ và những khát-khao của xã-hội con người trong một giai-đoạn phát-triển của nó. Vì thế, tông giáo thường phải canh-cải để phù-hợp với tiến-bộ của con người. Nhịp tiến của nhân loại cũng đem theo những thay đổi về tông giáo, từ bái vật, ma thuật bước sang thần quyền (đa thần) rồi độc thần, sang đế quyền, tiếp dân-chủ, nhân-chủ...

Chủ nghĩa “*Thế tục hóa xã hội*” (Secularism) hiện là quan-niệm mới về tông giáo: **Việc chính đáng của con người là mong lợi-ích cho con người, chứ không**

thể bắt con người phải hy-sinh để phục-vụ thần linh.

Theo quá-trình của tông giáo, và kinh-nghiệm lịch sử của nhân loại, cho thấy “Kitô giáo đã trở thành một tông-giáo thuần nhất là do ý muốn riêng của hoàng đế Constantine vào đầu thế-kỷ IV. Constantine đã biến đạo này thành một công-cụ để chinh-phục thế-giới. Y đã tuyên bố: “Dưới dấu hiệu **thập tự giá**, ta sẽ chiến thắng.”

Trong tác-phẩm “Man’s Religious”, John B Nooss có viết “*Công Giáo Tây Phương mang ý nghĩa toàn cầu với ý định bành-trướng lãnh-thổ của giáo-hội ra khắp thế-giới (Catholic in the West has required the meaning of extension of Universal in the sense of the geographical the church through out the world - p. 457)*

- Cách nay hơn 370 năm, Galilée khám-phá ra trái đất quay, nhưng Thánh Kinh thì nói quả đất đứng yên. Vì vậy Galilée bị đưa ra tòa án của giáo hội xử. Giáo hoàng bắt Galilée muốn được tha mạng thì phải quỳ xuống và viết câu: “*Tôi từ bỏ, nguyên rủa, và ghét các điều sai và mang tính phản giáo lúc nói rằng quả đất chuyển động.*” Sau đó giáo hội lại giam ông chết đói ở thành phố Florence ngày 8-2-1642!

- Cộng Đồng Vatican I (1870) tuyên xưng như là một tín lý, *không ai có thể được cứu rỗi, ngoài giáo hội.*

- Trải qua gần 2000 năm lịch-sử của đạo Kitô, biết bao triệu người Do Thái đã chết thảm, chỉ vì cái tội chối bỏ Jésus là Thiên Chúa Kitô.

- Đối với Tin Lành thì đã có chiến tranh thực sự giữa hai phe. Chiến tranh bùng nổ tại Pháp vào năm 1562 và kéo dài đến 1594; 30 năm tại Đức (Saxony, Moravia).

- Đối với Hồi giáo (Islamism) thì có 6 “*đại thánh chiến*”: Đệ nhất thánh chiến (1096-1143); đệ nhị thánh chiến (1147-1149); đệ tam thánh chiến (1189-1192); đệ tứ thánh chiến (1202-1204); Đệ ngũ thánh chiến (1216-1217); Frederic II thánh chiến (1228-1229); đệ lục thánh chiến (1248-1254).”

Có lẽ để bảo-vệ chủ quyền quốc-gia và giữ thái độ công-bằng đối với tất cả các tông giáo khác trong một quốc-gia, vì thế:

“Năm 1054, các giáo hội Công giáo tại Hy Lạp, Nga Sô và Đông Âu đã đồng loạt tuyên-bố tách rời khỏi Vatican. Sử gia John B. Noss đã ghi nhận sự-kiện này không phải do xung-đột về giáo-lý mà là để chống lại ý-đồ bành-trướng lãnh-thổ của đế quốc La Mã. Tác-giả đã viết trong cuốn Man’s Religion: “Catholic in the West [Vatican] has required the meaning of Universal in the sense of the geographic extension of the church throughout the world” (Trong thế giới phương Tây của Vatican, danh từ Công Giáo với nguyên nghĩa “toàn cầu”, trong ý nghĩa thật của nó là bành-trướng lãnh-thổ của giáo-hội ra khắp thế-giới.)

- Đầu thế kỷ XVI, hoàng đế Anh quốc Henry VIII chính-thức tách rời giáo-hội Anh quốc khỏi công giáo La Mã để bảo-vệ nền độc-lập quốc-gia. Năm 1539, quốc hội Anh thông qua đạo luật qui định: Vua nước Anh là người đứng đầu giáo-hội Anh, có quyền bổ-nhiệm các giám-mục để cai quản các con chiên. . .

Một tông giáo tốt chưa hẳn có thể giúp cho xã-hội loài người cơm no, áo ấm.

Thiên-đàng, niết-bàn và địa-ngục đều là các lời hứa sẽ thành hiện-thực sau khi chết. Tiếc rằng, cuộc sống là ở ngày nay, hôm nay, lúc này. Con người cần ăn để sống, không muốn bị áp-bức, bóc-lột. Con người muốn được an bình,... Tất cả những thứ này, không tông-giáo nào có thể đem lại cho loài người, ngoại trừ khi con người nắm vững khoa-học để cải tiến cho cuộc sống (*Tán thiên địa chi hóa*

dục), thực sự “*nhân chủ*” thoát khỏi các lồng chup siêu-hình, và thế-giới sống hòa-hài.

Dù sao, “*tông giáo*” còn tồn tại, vì tông-giáo gợi óc tưởng-tượng người ta, gây niềm hy-vọng cho con người, an-ủi kẻ nghèo làm cho đời sống của họ đẹp lên, nhất là trong các tông-giáo nào cũng có những tu-sĩ khả ái, nêu cao tinh-thần từ bi, hỷ xả, bác ái, đem sự yêu thương tốt đẹp tình người.

Các vấn-đề nêu trên, trước ngưỡng cửa thời-đại, chúng ta cần:

- Mạnh dạn vạch trần những sai-lầm và phiến-diện, phi nhân-chủ, phi nhân-bản của các chủ nghĩa.

- Phá bỏ những giả-mạo, bip-bợm của các chế độ, tổ-chức, đã gây ra biết bao tai hại trong đời sống.

“Loài người bị Tinh và Ma thống-trị. Người với Tinh và Ma đấu-tranh không dứt ở trong đau khổ, không bờ bến, nhưng mà Người, Tinh và Ma là thể thống-nhất trên chế-độ của loài người....

“Người khi hút máu người, đè nén người, mê-ly trong cõi điên-cuồng của dục vọng không chán, đó là Tinh và Ma. Thế-giới lúc nào cũng đen tối vì Tinh, Ma thống-trị. Loài người cần ánh sáng và thanh thoảng. Chỉ có cuộc thánh chiến giữa Người với Tinh, Ma khi Người thắng mới mang được đến ánh sáng và thanh thoảng cho loài người.

Sinh mệnh của toàn thể loài người là chế-độ người đi đôi với bối-cảnh của chế-độ. Loài người hiện nay đang trong cuộc hỗn loạn giữa Tinh, Ma và Người. Đêm tối đang dày vò và hôi tanh đang sặc-sụa mà lý-tưởng là ánh sáng và sự thanh thoảng. Cầu khẩn đi! Nhưng cầu khẩn là hèn nhát. Tìm tòi đi, nhưng tìm tòi là dò-giẫm. Chỉ có đấu tranh mới giải-quyết được ly- tưởng.

“Sự cải-tạo làm lên trên thối nát, hôi-tanh và mục nát. Chính từ thối nát, hôi tanh mà mọc lên đóa hoa thơm lý tưởng đầy chân - thiện - mỹ.” 1

Chúng ta cần phát-động các cuộc cách-mạng khắp mọi nơi để giải-phóng và xây dựng cho con người. Cách-mạng không thể quan-niệm là một vận-động chiếm chính quyền và xử-dụng chính quyền để thi-hành một chính-sách mờ tối. **Cách mạng nên quan-niệm là một vận-động tiến-hóa**, một nỗ-lực hòa nhập giữa những thực-tại đối-lập để thiết dựng một sống mới tốt hơn cho cái chung và riêng (*La vraie nature d’une révolution est un mouvement progressif, un effort d’inter-intégration entre des réalités contradictoires pour établir une vie nouvelle à la fois pour l’ensemble et pour chacun*). Nói cách khác, **cách-mạng là một nỗ lực đưa ta vào người, đưa người vào ta, đưa chủ vào khách, đưa khách vào chủ, đưa đơn vị vào toàn bộ, đưa toàn bộ vào đơn-vị, đưa hiện-tại vào tương-lai, hay ngược lại.**

Trên phương-diện đấu-tranh, cách-mạng là do nhu-cầu, khi dân chúng không còn chịu đựng nổi những bất bình, thối nát, phải đứng dậy để tu cải đời sống, lập nên một cuộc đời mới tốt đẹp hơn.

Vườn hoa tương-lai của nhân-loại phải là vườn hoa muôn màu, muôn sắc, và muôn hương. Trách-nhiệm của thời-đại mới :

- Làm sao khôi-phục các sắc dân bị linh-lạc, có những sắc dân đã lẫn tránh nơi rừng sâu nước độc, nơi ngày không thấy mặt trời, chân không bước trên bình địa, những nơi thật là hoang liêu cô quạnh, để cùng hưởng một nền văn-minh khoa-học tiến bộ đầy ắp tình

1- Lý Đông A, *Chu Tri Lục*, Gió Đáy xuất bản, 1969.

người...

- Còn gì nực cười cho xứ Tàu ngày nay coi sắc dân Mông Cổ và Mãn Thanh, (một thời hùng mạnh, cai trị nước Tàu của nòi Hán) - thành dân thiểu số của nước gọi là Cộng Hòa Nhân Dân trung Quốc ?!

- Làm sao hồi-phục được các nền văn-hóa cổ như Hoàng Sào, Liujiang, Maya. Aztèque, Luca, Dravian, Cổ Việt, v.v...

- Làm cho thế-giới an hòa thực sự và đồng tiến, không còn cảnh nơi thì thừa thãi, nơi trẻ em 5. 6 tuổi theo bà đi chợ bán rau kiếm chưa đủ chén cơm đầy!

- Còn biết bao tiếng kêu than trong những nhà tù đầy bất công và oan khiên của những bạo quyền!

- Nói gọn lại, những vấn-đề “**Thời Đại, Thế Giới và Nhân Loại**” là cả những vấn đề nhức nhối mà chúng ta cần phải nhìn lại và tu chỉnh sao cho đúng con đường Nhân Ban tiến bộ..

Hơn bao giờ hết, chúng ta cần ngẫm vang khắp nơi bài thơ “*Vịnh Tam tài*” của chí sĩ Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không?
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong.
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất cùng Ta một chữ đồng.
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động,
Ta thay Trời mở Đất mênh-mông
Trời che, Đất chở Ta thông-thả.
Trời Đất Ta đây đủ hóa công.*

và làm thế nào để

*”Cho lúa ngập vàng đồng, nong vàng kén
Chon trắng trong, gió quạt, sáo điều du
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù....”*

(Lạc Nguyên Chương)



2/ Sự Thất Bại của Ba Chủ Nghĩa Hiện Đại

Tổng Quan:

* Chủ Nghĩa Duy Tâm:

Theo tư-tưởng-gia Lý Đông A: Gọi là “*duy tâm phái*” không đúng lắm, mà nên gọi bằng “*duy thần phái*”, vì bản lai của muôn sự, muôn vật là “*thần*”. Cho nên “*thần*” là tối-cao căn-cứ của chủ-nghĩa. Nghiên-cứ lại chữ “*thần*” là một phạm-trù siêu-hình-học (metaphysics) không thể lấy khoa-học gì mà nắm chắc được. Trên bản-thể lý luận về “*thần*” ta có thể lấy câu chuyện ông Thomas D’Aquain dạo chơi trên bờ biển gặp chú bé múc nước đổ vào cát trên bãi biển, đổ ngần nào cát ngấm ngần ấy. Ông Thomas hỏi chú bé tại sao làm công việc đồ-dại như vậy. Chú bé trả lời: Cũng không đồ-dại bằng công việc của ông lúc nào cũng cố công mất sức tìm-tòi cái bản-thể của trời đất, vì bản-thể kia là bất khả tri luận.

Nay nhận xét trong lịch-sử, phạm-trù “*thần*” phát-sinh trong xã-hội vào hai thời-kỳ “*thần tặc*” và “*đế tặc*”. Thời-kỳ “*thần tặc*” còn phảng-phất nhiều di-tích về nguyên-lai động-vật, do đó ta thấy tập-tục hèm (tôtem) áp-dụng vào một tập-thể. Dần-dần quan-niệm ấy biến đổi và đặt định duyên khởi vũ-trụ trong tay một vị thần tối cao. Quan-niệm thống-nhất này đã bước sang thời-kỳ “*đế tặc*”.

Đem phạm-trù “thần” ra nghiên -cứu, ta thấy hoạt -động tinh-thần chỉ được đặt ngang hàng với chủng-tộc và vật-chất, vì vốn liếng tinh-thần cũng là do sự tích-lũy đời-đời của kinh-nghiệm, hành-động và trí-thức của loài người...

Sang đến diễn dịch phần xã-hội xuất-phát là y cứ vào nền trật-tự sẵn có. Phái “*duy tâm*” cho đó là sự biểu-hiện tối cao mà mọi người đều phải phục-tùng. Luận về tính thì cho rằng tính con người vốn thiện, và sang thực-tiễn lý-luận thường thiên về giáo-dục lấy trật-tự để thực-hiện, cải-tạo và duy-trì lấy cương-thường.

Về hiệu-quả lịch-sử và văn-minh lý-luận đưa đến “*định mệnh*” chủ-nghĩa. Văn minh luận chủ-trọng sự biểu-hiện đức tính hơn hưởng-thụ.

Về Phương-châm: Đặt sự sống của con người y theo luân-lý của đấng tối cao hay tinh-thần màu-nhiệm mà ra.

Về phương-thức:

- Lấy đạo-đức làm cốt cán cải-tạo con người.
- Đem những thuyết đặt ra những phương-cách xử thế cho con người.
- Đem những tư-tưởng thần quyền ra nắm giữ lòng người.
- Lập một xã-hội y theo một tôn-ti trật-tự vững chắc. Căn-cứ vào trình-độ tinh-thần, gia-phong đức-độ để chi-phối con người.

Về phương-pháp:

- Căn-cứ vào nền-tảng xã-hội cũ (*chính-trị quân chủ, tài chủ*) mà cải-tạo dần-dần con người cho thích-hợp.
- Lấy thuyết định mệnh, số mệnh làm luật-tắc ấn-định sự sống của con người.
- Lấy giáo-dục, trật-tự để thực-hiện, cải-tạo và duy-trì cương-thường.

Phương-pháp lý-luận thường dùng là *Tam Đoạn Luận*, phải đợi đến thế-kỷ 18, Hegel mới tu-chỉnh lại mà đặt ra *Duy Tâm Biện Chứng pháp*, song *Thần* thiếu giá-trị trong những điều-kiện thiếu xác-định.”

Công-cụ lý-luận của Duy Tâm trọng về tĩnh hơn là về động. Chủ-trương diễn-dịch hơn là quy nạp, nhất là thời kỳ để tặc chuyển sang thời kỳ danh tặc (nominologie). Phương pháp lý luận thường dùng là “*tam đoạn luận*”. Đợi mãi đến thế kỷ thứ XVIII, Hégel mới tu chỉnh lại mà đặt ra “*duy tâm biện chứng pháp*”. Song đặc-điểm vẫn là ở chỗ cho rằng mọi sự biến đổi đều tùy theo tinh-thần tuyệt-đối.

* Về hành-động có tinh-thần cuồng tín và bạo lực:

Diễn-hình là các tông-giáo (bề mặt của Duy Thần chủ-nghĩa). Căn-cứ chính ngay vào sự thú nhận của các nhà truyền giáo, như đạo Gia-Tô chỉ xâm nhập hay duy-trì trong các xứ được truyền đạo nhờ vào sự can-thiệp của lưỡi gươm. Paul Lesourd đã viết: “*Biết bao lần các nhà truyền giáo sẽ không làm việc gì vững-chắc nếu không có sự giúp đỡ của các nước thuộc địa, dù rằng chỉ là để bảo-vệ những kẻ mới theo đạo chống lại kẻ thù tà giáo như ở Châu Đại Dương.*”

(Cao Huy Thuần, *Đạo Thiên Chúa và Chủ Nghĩa Thực Dân tại Việt Nam - Luận án Tiến Sĩ Quốc Gia, Khoa Học Chính Trị Đại Học Paris trang 6, Hương Quê xuất bản 1988*).

Hầu hết các tông giáo Á Đông đều nhắm phục-vụ con người, riêng Thiên Chúa Giáo **lấy con người phục vụ tông giáo**. Bởi quan-niệm rằng muốn được ban ơn phước, giáo dân phải thờ lạy Thượng Đế, và **con người chỉ là những tôi-tớ hèn-mọn của Thương Đế** !

* Giáo-hội La Mã đã thiết-lập một tông-giáo lộng-lẫy, nhưng tại sao mạo-nhận theo gương Chúa Jesus có đời sống nhũn-nhận và nghèo khó?

Một triết-thuyết phù-hợp với con người phải lấy con người làm đối-tượng nghiên-cứu, lấy cách-thức sống của con người làm điểm xuất-phát tối sơ của suy-luận, lấy xã-hội loài người làm căn-cứ tối định, vĩnh-cửu với thời-gian.

Duy Tâm phái thiên về tĩnh, nên có tính cách bảo-thủ, do đó không bám sát thực-tại, gây ra nhiều bất công xã-hội, không đem lại hạnh-phúc cho loài người.

* Hệ luận :

Chủ-nghĩa Duy Tâm lấy căn-cứ tối cao là **Thần**. tiền đề tối định là **tuyệt đối tĩnh thần** (chi-phối cả vũ-trụ) và xuất-phát tối sơ cũng là sự phát sinh và cứu-cánh của **Thần**.

Qua cách nhìn tổng-thể, chúng ta cũng thấy, con người không thể sống đơn độc, con người phải sống trong đoàn-thể, nên có thêm một tính khác: “*thành tựu tính*” hay “*xã hội tính*”. Ngoài ra, con người vượt lên trên mọi động-vật nhờ có tư-tưởng để luôn-luôn có vận-động *hướng thượng*, tạo đời sống ngày một tiến-bộ, tốt-đẹp hơn. Do đó, ta có thể nói: **Con người là mẫu-mực thống-nhất cả ba phạm-trù “tự-nhiên, xã-hội và tư-tưởng.”**

Nói cách khác, các quy-luật chi-phối thiên-nhiên là các quy-luật vật-chất tự-nhiên, đó là các quy-luật khoa-học của vật-chất, có tính-cách khách-quan, không thay đổi dù có hay không có sự hiện-diện của con người. Khi con người khám-phá ra các quy-luật chi-phối thiên-nhiên thì các quy-luật đó chỉ áp-dụng cho vũ-trụ khách-quan.

Sang xã-hội loài người, các quy-luật trong vũ-trụ tự-nhiên phải biến-đổi sao cho thích-hợp với đời sống của con người. Con người biến-đổi các quy-luật thiên-nhiên để phục-vụ con người. Nói cách khác, con người dùng tư-tưởng để làm chủ vũ-trụ vật-chất khách-quan.

Ngoài ra, nói đến chân lý, ta cần phân biệt ba tầng “chân lý”: Chân lý trong tự nhiên có tính **vô nguyên và tương đối** - chân lý trong con người có tính **nhất nguyên và tuyệt đối** - và chân lý trong xã hội người có tính **đa nguyên và tương đối**.

Mấy quan niệm trên tỏ ra rằng nền triết học mới phải giúp loài người giải-quyết mấy

điều sau:

- Phải đưa đến một giác-ngộ “**nhân chủ**”. Loài người là thể sống tự trị trong toàn-thể vũ-trụ, cho nên những luật-tắc vũ-trụ muốn chuyển dịch sang nhân-loại đều phải tu-chỉnh lại một cách thức-giác.

- Trong vấn-đề nhận-thức, nêu rõ nguyên-tắc sau này mà Kant cũng đã tìm thấy, đó là sự phân giải giữa **mục-đích khách-quan** và **mục-đích chủ-quan** của muôn vật.

Một sự vật gì thường có hai mục-đích khách-quan là có tính-cách đương-nhiên của sự vật, tỷ như mưa là mưa - còn mục-đích chủ-quan là xét theo cái công-hiệu thực-dụng cho loài người. Vì thế, nói đến chân lý, có thể chia ra từng tầng. Ở phương-diện hoàn-toàn khách quan, vũ-trụ là biểu-hiện cho cái **chân lý đương nhiên**.

Song sang xã-hội tự tính, chân-lý không còn tính-chất đương-nhiên khách-quan mà đã sang **tuyệt đối chủ quan**. Trên quan-niệm loài người nhất tính, song thực ra, xã-hội loài người tiến-hóa hạn định khí-hậu, điều-kiện phân-bố, kinh-nghiệm lịch-sử tích-lũy, cho nên từ quan-niệm nhất tính sang lập-trường thực-tế, chân-lý tuyệt đối trở thành **chân lý tương đối**. Do trên, khẩu-hiệu tối cao của các dân-tộc là chính kiến chân-lý vũ-trụ thông qua chân lý người và đặt định vào phương-diện dân-tộc riêng biệt. Sự chuyển dịch (transposition) được tính-chất chân-lý rất cần cho kiến-thiết loài người. Tóm lại, vũ-trụ trong khách-quan mục-đích là con số không (zéro) lớn, là “**vô nguyên**”. Sang đến loài người, chân-lý đã thành **nhất nguyên**, mà đứng trên lập-trường dân-tộc cần nắm giữ được chân lý **đa nguyên**.

Vì những lý lẽ này, loài người tập-đại-thành lại ý-thức và hình-thái nhân-loại bằng sự nắm giữ được luật-tắc chuyển dịch giữa ba tầng “*duy nhiên*” - “*duy nhân*” và “*duy dân*”. Duy nhiên phần vũ-trụ-quan, duy nhân là phần nhân-loại, xã-hội thuần-túy quan, duy dân là phần chính-trị-quan.

Tam-đoạn-luận của phái “*duy tâm*” chỉ phát-biểu được một đoạn “*tĩnh*” của thực-tại. Biện-chứng của “*duy vật*” chỉ được có một đoạn “*động*”, còn trong biện-chứng của Lý Đông A có đặc-điểm:

- Bao gồm tự-kỷ và ý-tha vận-động, tuyệt-đối và tương-đối vận-động.
- Bao gồm kết-hợp và vận-động làm hồ-tương nguyên-nhân.
- Bao gồm toàn thể, toàn trình, toàn-diện thành nhiều thế-hệ biện-chứng.

Căn-cứ vào biện-chứng duy nhiên để chuyển dịch sang phần duy nhân và duy dân có thể thành-lập được biện-chứng duy nhân và duy dân...

* Sự thất bại của Duy Tâm (Duy Thần):

Nói đến “*thần*”, “*thượng đế*”, “*trời*”, ... chỉ là ngoại tầng chân-lý, không thể nào kiểm-chứng. Nói cách khác, chân-lý về thượng đế là chân-lý khách-quan, vô nguyên (*sức biết con người đến đâu, vũ trụ có tên đến đó*).

Căn-cứ vào khoa “*triết sử*”, nhà tư-tưởng Việt Lý Đông A đã đưa ra nhận-định:

- “*Sự phát-sinh ra Duy Tâm, Duy vật, Duy sinh là sự **giác-ngộ ấu-trĩ** của loài người; Ấu-trĩ vì các thuyết trên thiết-lập cách nay đã hàng trăm năm, ngàn năm, nên đã lạc-hậu.*

- *Sự tìm tòi của họ là một y quy vũ trụ làm đề-uẩn cho sống còn. (Nếu cho nguồn-gốc vũ-trụ là “thượng đế” là “trời”, loài người sẽ tuyệt-đối phục tùng “thượng đế”. Kết-quả của sự trói buộc bởi vũ-trụ-quan sẽ ra sao ?*

Phải chăng như một lãnh-tụ Hồi giáo chống chính-quyền ở Algérie đã thẳng thắn tuyên-bố: “Chúng tôi sẵn-sàng hy-sinh hai phần ba nhân dân để một phần bà con còn lại được phép quay trở lại lối sống của Thượng Đế.”?

- *Là các điều-kiện của loài người chưa thoát ra khỏi sự trói-buộc tinh-thần của vũ-*

trụ-quan.

Qua cách nhìn tổng-thể, chúng ta cũng thấy, con người không thể sống đơn độc, con người phải sống trong đoàn thể, nên có thêm một tính “*xã hội tính*”. Ngoài ra, con người vượt lên trên mọi động-vật nhờ có tư-tưởng để luôn-luôn có vận động *hướng thượng* tạo đời sống ngày một tiến-bộ, tốt đẹp hơn. Do đó, ta có thể nói [*Con người là mẫu-mực thống-nhất cả ba phạm-trù “tự nhiên, xã hội và tư tưởng.”*]

Nói cách khác, các quy-luật chi-phối thiên-nhiên là các quy-luật vật-chất tự-nhiên, đó là các quy luật khoa-học của vật-chất, có tính-cách khách-quan, không thay đổi dù có hay không có sự hiện-diện của con người. Khi con người khám-phá ra các quy-luật chi-phối thiên-nhiên thì các quy-luật đó chỉ áp-dụng cho vũ-trụ khách-quan mà thôi.

Sang xã-hội loài người, các quy-luật trong vũ trụ tự nhiên phải biến đổi sao cho thích-hợp với đời sống của con người. Con người biến -đổi các quy-luật thiên-nhiên để phục-vụ con người. Nói cách khác con người dùng tư-tưởng để làm chủ vũ-trụ vật-chất khách quan.

Trong sách Trung Dung, dựa vào học-thuyết của Khổng Học, Mạnh Tử nói về tính thiện là lấy sự tu-dưỡng mà khuếch-sung bản-tính của nhân loại: Từ triết học giáo-dục đi tới triết-học chính-trị. Mạnh Tử thừa kế Khổng Tử, lấy cái sáng-sủa của hệ-thống triết-học thực-tế của Khổng Tử, xây-dựng nền móng lâm lý học cho luân lý học của phái Nho, bèn xướng lên thuyết “tính thiện”.

“Lương tri = tri thức tự-nhiên mà có, không cần phải học tập, cũng có thể gọi là bản năng. Nói theo Nho học, lương tri là quà tặng của thượng đế, nên hành sử theo lương tri là hành sử theo thiên ý. Nói cách khác, lương tri là sự hiểu biết tự nhiên, ngay tức khắc về phải, trái - thiện và ác.

(*“Năng chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả, sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri giả. . .”* = Người ta có những điều chẳng cần học tập với ai mà tự mình hay được, là cái lương năng. Có cái điều không cần suy nghĩ mà tự nhiên biết được là cái lương tri vậy.)

Tựa vào ý trời “Đại đức viết sinh” (Đức lớn của trời đất là nuôi dưỡng vạn vật) mà nói “*nhân chi sơ tính bản thiện*” là không phân biệt giữa vũ trụ khách quan với con người hữu tình và chủ quan. Hơn nữa, nói đến chân lý, ta thấy “*Chân lý chỉ có giá-trị trong những điều-kiện được xác-định*”.

Về giá-trị của triết-học, theo nguyên lý “*đổi quy chiếu*” đứng trên lập-trường thiên-nhiên thì chỉ để giải-quyết vấn đề thiên-nhiên, giải-quyết “*tính người*” thì phải đứng trên lập-trường con người để giải-quyết. Đem lập-trường thiên-nhiên mà giải-quyết vấn đề con người là *sai quy chiếu*.

Theo Cáo Tử thì tính có thể thiện, có thể ác: “*Tính khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất thiện, thị cố Văn Vũ hưng tặc dân hiếu thiện. U Lệ hưng tặc dân hiếu bạo*” hoặc viết: “*Hữu tính thiện, hữu tính bất thiện. Thị cố dĩ Nghiêu vi quân nhi hữu Tượng, dĩ Cổ Tẩu vi phụ nhi hữu Thuấn, dĩ Trụ vi huynh chi tử, tả dĩ vi quân, nhi hữu Vi Khải Tử, Vương tử, Tử Can*”.

Tính có thể làm ra thiện, có thể làm ra bất thiện. Vì thế cho nên vua Văn, vua Vũ dấy lên thì dân ưa điều thiện. Vua U, Lệ dấy lên thì dân ưa điều tàn bạo. Có kẻ nói: Có tính thiên, có tính bất thiện. . .

Cáo Tử còn cho rằng: “*Sinh gọi là tính?*” Ở điểm này, Mạnh Tử mạnh dạn bác bỏ: “*Trắng của lông trắng cũng giống như trắng của Tuyết. - Nếu vậy thì tính của chó cũng như tính của trâu, tính của trâu cũng giống như tính của người hay sao?*”

(Cáo Tử thượng - Mạnh Tử).

Ở đây, nếu luận về giá-trị của triết học, ta thấy luận cứ của Cáo Tử cũng phạm vào lỗi lầm sai “*quy chiếu*”:

- Đành rằng con người cũng là sinh vật, nhưng con người khác với các động-vật là ở người có những đặc-tính người, không thể đồng-hóa con người với mọi sinh-vật khác.

Hàn Phi Tử, một cự phách trong hàng pháp gia cho rằng: “*Nhân tình hữu hiếu ố, cố thưởng phạt hữu dụng.*” = *Bản tính con người có tính tình tốt hay xấu, đáng yêu không đáng yêu - Cho nên có thể áp dụng thưởng và phạt*”.

Ta thấy Mạnh Tử chú-trọng về thiên-nhiên, còn Tuân Tử chú trọng về nhân sinh, hành vi. Phương-pháp tôn tâm dưỡng tính của Mạnh Tử thì đi từ bên trong ra bên ngoài - còn phương-pháp tu dưỡng của Tuân Tử thì lấy ngoài ảnh-hưởng vào trong.

Luận về tính, quan-niệm của Khổng Nho có thể thuyết-minh như sau:

- Phẩm tính trí năng phú bẩm của người ta có sự khác nhau.

- Phẩm tính trí năng có thể bị ảnh-hưởng của hoàn-cảnh mà thay đổi.

- Sự cao thấp phẩm tính trí năng là do 1 phần tiên thiên phú bẩm, một phần do ảnh-hưởng hoàn-cảnh.

- Giáo-dục có thể làm tăng tiến phẩm-tính trí năng...Tóm lại, các lý thuyết năng lực nhất nguyên, tuyệt-đối tinh-thần, tam giới duy tâm, duy vật hay duy sinh ở một căn-cứ siêu hình “hình nhi hạ”:

- Thỏa-hiệp vì duy tâm là kết-quả suy-tư của nhân-loại tiến bộ sau bước nhân loại thành-lập.

- Thần, chỉ là một tin-tưởng, một hiện-tượng không thể nào kiểm nghiệm vì vô nguyên và khách-quan. Nói cách khác: “Thần thiếu giá-trị trong những điều-kiện thiếu xác-định.”

Một triết thuyết phù-hợp với con người phải lấy con người làm đối-tượng nghiên-cứu, lấy cách-thức sống của con người làm điểm xuất-phát tối-sơ của suy luận, lấy xã-hội loài người làm căn-cứ tối định, vĩnh-cửu với thời-gian.

- Do Thái giáo: “Thượng đế đã tạo ra loài người theo hình ảnh của ngài”.

- Heidegger: “Con người chỉ thực-hiện toàn mẫn bản-chất của mình khi nhận thức rằng mình đã sáng-tạo ra thế-giới”.

*** Chủ Nghĩa Duy Vật, Karl Max :**

Duy Vật chủ-nghĩa căn-cứ ở sự quan-hệ của vật-chất, lấy đó làm nguyên-nhân lập nên và chi-phối sự sống của con người. Căn -cứ vào vật-chất, nên Duy Vật chủ-nghĩa chú-trọng đến kinh-tế, và coi kinh-tế là nền-tảng duy nhất của sự sống

Tối cao căn-cứ là vật-chất (matière). Nhưng thế nào là vật chất? Kiểm-thảo bằng tiến hóa khoa-học, ta khám-phá ra nguyên-tử, điện-tử, lượng-tử, năng-tử... Từ chỗ cực vi đến vũ-trụ, hai cái thái-cực để đối-chiếu lẫn nhau làm ta không quyết-định được tính-chất tuyệt-đối của vật-chất làm tối cao căn-cứ.

Trong lịch-sử nhân-loại, khi con người tiến từ thời-kỳ thần-tắc sang đế-tắc, danh-tắc, lý-tắc, sự khám-phá luật-tắc nghiêm-ngặt khách-quan của vũ trụ là điều kiện chủ-yếu nắm giữ chân-lý. Sự sùng bái lý tắc làm nảy nở ra chủ-nghĩa “duy vật”. Đem phạm-trù “vật” đặt định vào công-thức nghiên -cứu, vật-chất hoạt-động phải bình quân giải-quyết với tinh-thần và chủng-tộc. Nếu nắm giữ thiên-lệch vật-chất sẽ được siêu-hình-hóa và kết thành “*duy vật chu -nghĩa*”. Tiền-đề tối-định của duy-vật chủ-nghĩa là vật-chất vạn năng. Phát-xuất tối sơ và cứu -cánh vũ-trụ đều do vật-chất kiến-lập.

Sang công-cụ lý-luận, duy-vật phái thiên về động mà thành-lập “*duy vật biện-chứng pháp*”. Nhận-thức-luận chỉ biết có khách-quan mà không cần đến chủ-quan.

Sang diễn-dịch về thuần-túy lý-luận, duy-vật phái mang tự-nhiên khoa-học (science de la nature) áp-dụng một cách không tiến-hóa vào đời sống xã-hội. Vì tin tưởng tuyệt đối vào vật-chất, nên chỉ đề-xướng có thế-lực và quyền-lợi (force et droit). Xã-hội lý-tưởng rập mẫu theo nguyên-thủy cộng-sản và theo tự-nhiên kinh-tế. Thực ra, thời-đại cộng-sản nguyên-thủy còn theo mẫu hệ, di-tích của nguyên-lai xã-hội và chưa có mô-hình tổ-chức xã-hội của loài người. Còn bốn chữ tự-nhiên kinh-tế tự mâu-thuẫn. Kinh-tế bao giờ cũng bao-hàm một thủ-đoạn nhân-vi trái ngược với hai chữ tự-nhiên.

Triết học duy-vật cứ vào lý-tưởng mô-hình đó là điều nhầm lẫn. Quan-niệm quyền lực và quyền lợi mang đến sự phân chia giai-cấp mà duy vật biện-chứng lấy làm công-cụ đấu tranh. Trung tâm luật-tắc lịch-sử là sự tiếp tục đấu-tranh giai-cấp không ngừng. Luận về tính con người, tính vốn ác. Trên thực-tế lý luận, chính-trị là mặt nạ bóc-lột giai-cấp, quốc-gia là công-cụ đấu tranh giai-cấp. Cách mạng luận đưa ra mấy điều:

- Giai-cấp lao-động cách-mạng đưa đến độc-tài vô sản.
- Chủ-lực cách-mạng thuần-túy vô sản.

Theo Marx thì xã-hội sẽ đi đến cao độ cộng-sản, mà con người vô sản trần-truồng sẽ nắm giữ chính quyền.

Về lịch-sử luận, lịch-sử chỉ là một sự tiến-hóa cơ-giới của các điều-kiện vật-chất của thời-đại. Về vận-mệnh luận, tất-nhiên duy-vật đi tới xã-hội và vũ-trụ định mệnh chủ nghĩa bằng viễn ảnh đẹp-đẽ một xã-hội vô giai-cấp đoàn-kết chặt-chẽ đấu tranh với tự nhiên.

*** Sự thất bại của Duy vật:**

- Vật-chất đem lên làm thủy-tổ của vũ-trụ cứu cánh là *quan-diểm siêu hình không toàn bộ được chứng thực*.

Như ta thấy, thế nào là vật-chất? Là nguyên-tử? điện-tử? lượng-tử?...là những thứ cực nhỏ? hay vũ-trụ là thứ cực lớn? Như thế, làm sao quyết-định được tính-chất tuyệt-đối của vật-chất làm căn-cứ tối cao? Hoạt-động vật-chất phải bình-quân với tinh-thần. Duy Vật phái thiên về “*động*” mà thành-lập biện-chứng. Hủy-diệt nhân tính, coi con người như súc vật, xa-rời thực-tại nên gây ra đau khổ triền-miên cho loài người!

Về thuần-túy lý-luận, Duy vật phái mang tự nhiên học (science de la nature) áp-dụng một cách không tiêu-hóa vào đời sống xã-hội. Lại tin-tưởng tuyệt-đối vào vật-chất, nên chỉ đề-xướng có thế-lực và quyền lực.

Xã-hội lý-tưởng rập mẫu theo nguyên-thủy cộng sản, và theo tự-nhiên? Thực ra thời-đại nguyên-thủy cộng sản còn theo mẫu hệ, chưa có mô-hình tổ-chức xã-hội của loài người.

Bốn chữ “*tự-nhiên kinh-tế*” tự mâu-thuẫn chính nó, vì kinh-tế bao-giờ cũng bao-hàm một thủ-đoạn nhân vi, trái-ngược với chữ “*tự-nhiên*”.

Trong lịch-sử nhân-loại, khi con người tiến từ thời kỳ thần tác sang đế tác, danh tác, lý tác, sự khám phá luật tác nghiêm ngặt khách quan của vũ trụ là điều kiện chủ yếu nắm giữ chân lý. Sự sùng bái lý tác làm nảy nở ra chủ-nghĩa Duy Vật. Phạm trù vật đặt định vào công-thức nghiên-cứu, vật-chất hoạt-động phải bình-quân giải-quyết với tinh-thần, khôn thước cho các tổ-chức, đoàn-thể làm căn-bản đường lối cho những giao-tế, văn động, tuyên-truyền,...

Hết thấy các vận-động của loài người chỉ là những điều-kiện với phạm-trù tự-nhiên thắm-thấu vào sinh-hoạt mà phát-sinh. Sự tìm hiểu của loài người y-qui vũ-trụ của tinh thần trên quá trình khám-phá và khai-quật vũ-trụ làm đề-uẩn của sống còn.

Phát-sinh điều-kiện của loài người đang vật lộn khỏi sự trói buộc tinh-thần về vũ-trụ quan. Sở-di mệnh danh là Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh là đem đối-tượng tối cao của mỗi triết học là tâm, là vật hay là sinh mà xây-dựng lý-luận và ứng-dụng.

- Vũ-trụ vận động quy-định bằng luật-tắc căn-bản là vật-chất khách-quan vận-động, chỉ là khám-phá quảng phiếm và đương nhiên của vũ-trụ-quan ở một căn-cứ siêu-hình.

- Đối-tượng tối cao của duy vật là duy-nhiên bộ-phận với *biện-chứng tiêu-cực*.

- Xuất-phát tối sơ của duy vật là loài người trong duy nhiên *động-vật trạng thái*.

- Và căn-cứ tối định của duy vật là kinh tế tiến hóa vận động bắt đầu bằng *phi kinh-tế, tự-nhiên kinh-tế*?

Sự thất-bại trên cơ-bản lý-luận duy vật ở ngay sự *vận-động biện-chứng sai khớp với lịch-sử*.

Sự thất-bại ở ngay sự *mù tịt bản-thể nhân loại trên kiến-thiết nhân-loại*.

Ở ngay sự thất-bại trong *thực-tế cách-mạng 1917*.

Cộng sản chủ nghĩa chỉ là *lý tưởng quá độ của vô chính phủ chủ nghĩa*.

Về mặt phương-pháp, Marx tưởng rằng đã cải tạo được biện chứng duy tâm của Hegel thành biện chứng duy vật, nhưng trong thực tế Marx đã bất lực không làm được điều đó.

“Thay vì vậy, những khoa học hiện-thực như thống-kê-học để làm phương-tiện, Marx và nhất là những môn đệ của ông như Lê-nin, đã lấy cái ý-thức của mình làm phương tiện để tư-duy, suy-luận nên nó luôn-luôn xa rời với thực-tế, nó trở thành duy ý-chí, trở thành thủ biện-chứng duy tâm đích-thực, nên nó sai, nó hổng. Hégel dùng biện-chứng duy tâm để nói chuyện trên trời nên nó ít tai hại. Marx mang phương-pháp đó ra lý-giải chuyện dưới đất thì nó tai hại vô cùng.”

Triết-gia Trần Đức Thảo, khi về già đã đánh giá lại tư-tưởng Marx về phương-pháp cách mạng đấu tranh giai-cấp, dùng hận thù giai-cấp đánh gục giai cấp tư sản, để xây-dựng thế-giới đại đồng với một xã-hội không còn giai-cấp bóc lột. Lénine, Staline, Mao rồi Hồ chí Minh, Kim Nhật Thành, Fidel Castro cho tới Pol Pot,... mỗi con người ấy, vị trí lãnh đạo, đã tùy tiện khai triển cách-mạng theo lời dạy của Marx. Qua những kinh nghiệm lịch sử ấy, cùng những di sản thảm khốc của nó để chỉ ra rằng ý-thức cách mạng đã sai từ gốc, nghĩa là từ Marx!...

Bởi cuộc cách-mạng này đã dựng lên cả một hệ thống chính-trị chuyên quyền, giam hãm, kìm kẹp con người. Hệ thống chính trị ấy lại còn bóc lột giai cấp lao động gấp bội phần so với sự bóc lột của giai-cấp tư sản. Mà quyền lực chuyên chính không cho phép công nông phản đối sự bóc lột ấy...

Khởi đầu, nhà tư-tưởng đã tung ra một học thuyết thật hấp dẫn, thật là cuốn hút nhân loại, nhất là thành phần lao-động nghèo khổ. Nhưng rồi học thuyết ấy, ý thức hệ ấy đã làm khổ con người, đã phản bội con người và đã không hề giải-phóng con người. Chính cái phần xây dựng mô hình thế giới đại đồng của Marx đã làm hổng học thuyết ... Bước qua phần lý luận căn bản để xây dựng xã-hội mới bằng cách nêu mô hình thế giới đại đồng mà mọi người mơ ước, thì Marx đã lúng-túng trong biện-chứng. Vì cái mô-hình thế-giới đại đồng ấy là không có giai-cấp, không có bóc lột. Nó được coi là nền tảng của khái-niệm của ý-thức đấu tranh giai-cấp. Cái mô hình ấy thật ra là chưa hề thấy, chưa hề có ở đâu trong

lịch sử. Nó chỉ là một ảo tưởng, một mong ước trong tương lai ! Đây là lối lý luận với nền tảng siêu hình, đúng là thứ biện-chứng của Hégel. Biện-chứng đó không có chút gì là Duy Vật sử quan nữa...

“Biến khái niệm, biến học thuyết đấu tranh giai cấp chống bóc lột thành ý-thức cách mạng, lấy hận thù giai cấp làm nền tảng phát động. Đây là một phát minh ý thức hệ vô cùng sắc bén và tinh vi! Bởi nó có sức bùng phát phi thường, khơi dậy tâm lý hận thù. Không cần lý luận sâu xa, chỉ nghe qua lý thuyết ấy, bất cứ người dân cùng khổ nào cũng tin như thế là đúng, như thế là sẽ thắng. sẽ là đại thắng!

“Với niềm tin tất thắng, ai cũng có thể tưởng tượng ra đủ thứ kết quả tốt đẹp... Để rồi cuồng tín đến độ sùng bái ý thức hệ ấy như là một thứ thánh kinh ‘đảng’ trở thành linh hồn của cách mạng, là ‘hội thánh’. lãnh-tụ là vị giáo hoàng ! Ý-thức-hệ ấy làm cho con người sẵn sàng hy-sinh tất cả cho nó! vì nó!

“Thế nhưng cho đến nay, những ai đã từng sống cả cuộc đời trong sự vận hành cách mạng do Lenine phát động, do Staline triệt để khai thác, do Mao hò hét vận động. đều đã thấy rõ kết quả tồi tệ của một tổ chức mang danh đảng của giai-cấp công nông. là một nhà nước chuyên-chính vô sản cầm quyền...

“Thực tại trong xã-hội chủ nghĩa vẫn còn giai cấp bóc lột. Đó là giai-cấp chuyên chính, chuyên quyền của đảng cộng sản cầm quyền! Lớp người vô sản vùng lên cướp đoạt chính quyền, đồng thời nó cũng đã cướp đoạt tài sản của giai cấp tư sản để tự nó trở thành một nhà nước tham lam sở hữu toàn bộ đất đai, toàn bộ tư liệu sản xuất, nắm toàn bộ guồng máy quản lý xã-hội, vừa nặng tính chuyên quyền, vừa toàn quyền lũng-đoạn kinh-tế!”

Triết gia Trần Đức Thảo, thời trẻ hoan-ngheñh chủ nghĩa Karl Max bao nhiêu thì vào những năm cuối cuộc đời, ông đã bác-bỏ chủ nghĩa Duy Vật một cách triệt-để.

“Nay tôi đã già rồi, gần đất xa trời mới có cơ-hội nói ra. Khổ thế đấy! Vì vậy mà quyền lực đã muốn bịt miệng tôi, đã xua đuổi tôi ra khỏi quê hương...Tôi đã chấp nhận ra đi, dù là vào lúc tuổi già, sức yếu, để có cơ-hội hét lớn cùng thế-giới rằng: **Thủ phạm gây ra đại bi kịch cho nhân loại, chính là Marx!** ”¹

Đại ý những gì mà ông Thảo thấy sai trong cương-lĩnh của Marx : -

“ Marx sai từ những điểm cơ bản và cả từ phương-pháp Về cơ-bản Marx đã chủ trương hy-sinh hiện-tại để xây dựng tương-lai, hy sinh cá nhân để xây dựng tập-thể ...

Như vậy, triết gia Trần Đức Thảo làm theo phép biện-chứng duy vật “**Phủ định của phủ định.**”

Trong tuyên-ngôn của đảng Cộng sản đã viết: “Lịch--sử của một xã hội tồn tại cho tới nay là lịch sử của những cuộc đấu tranh giai-cấp”

Đây là điểm sai lầm của Marx vì gây tai-họa quá lớn trong lịch sử loài người. Trong xã hội, lịch sử có mâu thuẫn mới có tiến bộ. Mâu thuẫn hay đối nghịch không có nghĩa đi đến tiêu diệt nhau. Âm - dương, phải trái,...tuy đối nghịch nhưng thống-nhất trên một trục, như hai cực Bắc Nam trên địa-bàn, như cha với mẹ trong gia-đình, là lý “Thái hòa” trong trời đất,...

Sự sống bắt nguồn từ nước. Nước cần-thiết cho sự sống của con người, nhưng nước cũng là mối hiểm-họa đe dọa con người, nào là chết đuối, đắm thuyền, sóng thần, mưa bão,

1-Trí Vũ - Phan Ngọc Khuê, Trần Đức Thảo , Những Lời Trăng Trối, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, 2014. các trang 369, 370, 384,

lũ lụt. Nước là một tai họa lớn mà dân Việt xưa đã phải lo chống đỡ vất-vả, nạn lũ-lụt ở đồng bằng sông Hồng đã phản-ảnh trong câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh...

Từ kinh-nghiệm sống cụ-thể cho thấy nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể làm cho đắm thuyền. Triết-lý sống đó được huyền-thoại hóa và bác-học hóa qua biểu-tượng tổ kép Tiên Rồng với óc tưởng-tượng vô cùng phong-phú đầy sáng-tao trên nền-tảng tư duy của đối ứng với cái nhìn liên tưởng: Tượng và dụng của Rồng là dương, nhưng thể của Rồng là âm (*ở dưới nước, tiềm-phục*); tượng và dụng của Tiên là âm, nhưng thể lại là dương (*ở trên núi, tươi sáng*).

Bao-quát trong vũ-trụ, không một chốn nào, phút nào không có âm dương. Trong “*âm có dương, trong dương có âm*”. Diễn rộng ra: *non - nước, dương nóng - âm lạnh, cứng - mềm, động - tĩnh*,... tuy hai mặt nhưng một thể. Bất cứ vật gì cũng có “*âm và dương*”, cả hai là một, không thể tách rời nhau. Không có khí (*dương*) thì không có cái *sinh*, không có *âm* thì không có *hình*. Khi âm cực thì dương bắt đầu mạnh nha; ngược lại dương cực thì âm nảy nguồn (*Âm - dương tiêu trưởng, phản phục tuần hoàn*”, đó là lý vận hành của trời đất.)

Tâm tư người Tây phương thích-hợp với luận lý đơn-thuần, hay là hay, dở là dở, không có cái hay dở cùng chung trong một thể duy nhất. Họ khó tưởng tượng được có cái bao gồm được cả vuông tròn, đầy vơi vào một thể...

Lối tư-duy đối ứng là tụ điểm hóa-giải đối-lập, vượt thoát mâu-thuẫn, đưa đến tổng-hợp hòa-hài (đối-lập thống-nhất). Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu tượng đối ứng, diễn đạt quan-niệm đối-lập thống-nhất trong tư duy người Việt cổ.

Về lịch sử luận, lịch-sử chỉ là sự tiến-hóa cơ giới của các điều- kiện vật chất thời đại.

Về vận mệnh luận, tất nhiên duy vật đi tới xã hội và vũ trụ định mệnh chủ nghĩa bằng viễn ảnh đẹp-dẽ, một xã hội vô giai cấp để đoàn kết chặt chẽ đấu tranh với trở ngại thiên-nhiên, đến sự phân chia giai cấp mà duy vật biện chứng lấy làm công-cụ đấu-tranh. Trung-tâm luật-tắc lịch-sử là sự tiếp-tục đấu-tranh giai-cấp không ngừng.

Tương-đối đối-lập giữa các vật thể, tư-kỷ liên-hệ tương-đối với nhau mà vận-động cùng đi đến thế quân bình. Ở đời có dị biệt nên có mâu-thuẫn. Song có dị biệt mới có kết-hợp hòa-hài như hai cực từ-trường của một thỏi nam châm. Áp-dụng vào xã-hội, chính trị, có *chấp nhận dị biệt mới có tự-do dân-chủ*.

Tư tưởng của Marx đã là khởi điểm của Lênin, Trosky luôn tin rằng cách mạng Nga sẽ trở thành một tín hiệu cho cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây. Sau năm 1917 đã dẫn tới sự xuất hiện của chủ-nghĩa Stalin và đã đặt ra khuôn-khổ của lịch-sử loài người trong 70 năm!

Tại Trung quốc, Mao Trạch Đông cũng tự thể-hiện mình là người thừa-kế của Marx. Chủ-nghĩa Marx Lênin được thể-hiện bởi Mao, được quốc-tế gọi là chủ-nghĩa Mao!

*** Duy Sinh Phái .**

Chủ-nghĩa Duy sinh chủ-trương căn-cứ con người do ở sinh-lý phát-triển mà lập nên sinh-hoạt, duy-trì bằng sinh-nguyên. (*thực ra sinh-nguyên chỉ là tế-bào của hữu-cơ sinh-vật*) phát-sinh ra vũ-trụ, xã-hội! Tiền đề tối định là SINH TỒN vận-động - xuất phát tối-sơ là sinh-thể.

Duy sinh phái là triết phái trung-dung, tìm dung-hòa, vá-víu *tâm* với *vật*.

Thực ra, Duy Sinh phái chưa hẳn thành một hệ-thống, nên các lý-thuyết-gia của phái đó vẫn còn dò tìm manh-mối để bổ-túc các thiếu sót của chủ-nghĩa. ***Loài người không phải chỉ có một mục-đích cầu sinh như thú vật, mà phải sinh***

sống theo cách-thức loài người.

Thế nào là “sinh nguyên”? - Là “Tế bào”? Như vậy đâu là nguyên-ủy sự sống? Duy Sinh phái chỉ chú-trọng đến hiện-tượng vật-chất sinh-hoạt trong vũ-trụ. **Điều-kiện nhân-chủng hoạt-động trong xã-hội bị siêu-hình hóa thành ra vũ-trụ-quan!**

Chủ-nghĩa Duy sinh là một chủ-nghĩa thiên-lệch, thiếu-sót, vá-víu TÂM và VẬT. Chủ-trương chủng-tộc ưu-việt, tiêu-diệt nòi giống yếu đuối bằng chiến-tranh, hoặc nô-lệ hóa các dân-tộc nhỏ yếu.

Thực-tại cho thấy: Mỗi phái chỉ phản-ảnh được một mặt của đời sống, chứ không bao-gồm được toàn diện đời sống con người (*Nhìn một khối hình mà chỉ nhìn một diện*). Ta thấy, không có con người, cây cối núi sông, thú vật trong thiên-nhiên - Có cũng thế, ma không có cũng thế. Hiện-tượng sống không có. Nói cách khác, có con người mới có hiện-tượng sống. Như vậy **NGƯỜI chính là nguồn-gốc của hiện-tượng sống.**

Duy sinh chỉ chú trọng về những hiện tượng vật-chất sinh-hoạt, có thể lấy câu: trong vũ-trụ, điều-kiện nhân chủng hoạt động xã-hội bị siêu hình hóa đi thành vũ-trụ-quan. Cho nên tiền đề tối định là sinh tồn, vận-động và xuất-phát tối-sơ là sinh thể (être et vitalité).

Sang công-cụ lý-luận, ta có thể phát-quật trong kinh Dịch một công-cụ biện-chứng cho Duy Sinh : Về vũ-trụ luật-tắc có thể lấy câu: *âm dương tương ma, bát quái tương thành...(Khí âm khí dương cọ sát mà thành ra bát quái, tám quẻ biến-hóa mà thành ra vạn vật...)*

Vào xã hội lấy câu: *Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, nhi nhiên hậu hữu phu phụ... (Có trời đất có vạn vật và sau đó có vợ chồng...).*

Sang phần diễn-dịch, phái Duy Sinh phải mang luật-tắc âm dương của vũ-trụ áp dụng vào xã-hội để thành lập một thứ Freudisme (*Kiền giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...*). Còn trung tâm luật tắc là câu sống còn.

Luận về tính người cho rằng loài người là tinh-thần phối-hợp với vật-chất.

Về thực-tiễn lý-luận như bàn về chính-trị, duy sinh phái chủ-trương chủng-tộc và giáo-dục.

Về kiến-thiết-luận, theo thực-dụng chủ-nghĩa, chủ-trương kiến-thiết giai-đoạn luận: quân chính, hiến chính.

Về quan-niệm lịch-sử, theo lý luận nhà Nho cũ. Bản thể là chủng tộc, song sự tốt - xấu, một phần lớn do người lãnh-đạo quyết định.

Về vận-mệnh-luận, theo lối số-học lý-tắc.

Về văn- minh-luận, văn minh là sự phát hiện năng lực tối cao sinh tồn của chủng tộc.

*** Vũ-trụ quan của Duy sinh phái::**

Nguyên lai phái này chưa thành hẳn hệ-thống, cho nên muốn phân tích cần phải phát quật trong các sách có những bộ phận thiếu sót để bồi bổ thêm vào. Trong sách “Chu Lễ”, thiên “Đại Đồng Lễ Vận” có câu “*thiên đạo duy sinh, hay thiên đức hiếu sinh*” có thể lấy làm danh tắc được Tôn Văn thành lập “Tam Dân” chủ nghĩa. Trong bộ “Kiến Quốc Phương Lược”, thiên “Tâm Lý Kiến Thiết” có đặt để một cách bất tri giác, cái nhúm đầu của “duy sinh chủ nghĩa” là cái sinh nguyên (cellule) làm căn cứ tối cao. Thực ra nó chỉ là cái “tế bào”, song muốn biểu hiện hết ý nghĩa triết học của nó, Tôn Văn cho sinh nguyên là cái thể thành tựu vũ-trụ, xã-hội.

Trong triết học sử, phạm trù “sinh” này thường lẫn lộn trong hai thời-kỳ “danh tắc” và “lý tắc”. Trong sự đấu tranh của hai trận doanh của “duy tâm” và “duy vật” đã bật ra thứ

triết trung-bình-diện ”duy sinh”.

Nếu đem phạm trù “sinh” để nghiên-cứu, ta thấy “duy sinh” chỉ chú-trọng về những hiện-tượng vật-chất sinh hoạt trong vũ-trụ, điều kiện nhân chủng hoạt-động trong xã-hội bị siêu-hình-hóa đi thành ra vu- trụ-quan. Cho nên tiền đề tối định là sinh tồn, vận-động và xuất phát tối sơ là sinh thể (être et vitalité).

Sang công-cụ lý luận, ta có thể phát quật trong kinh Dịch một công cụ biện chứng cho duy sinh phái:

* Về vũ trụ luật tắc, có thể lấy câu: “âm dương tương ma, bát quái tương thành....” (khí âm, khí dương cọ sát mà thành ra tám quẻ, tám quẻ biến hóa mà thành ra vạn vật.)

* Vào xã-hội, lấy câu “hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, nhi nhiên hậu hữu phu phụ...” (có trời đất mới có vạn vật, và sau đó có vợ chồng).

Sang phần diễn dịch, phái “duy sinh” phải mang luật tắc âm dương của vũ trụ áp dụng vào xã hội để thành lập một thứ Freudisme (*Kiên giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...*). Còn trung tâm luật tắc là cầu sống còn. Luận về tính người cho rằng loài người là tinh thần phối hợp với vật chất.

Về thực-tiễn lý luận, bàn về chính trị, “duy sinh phái” chủ trương chủng- tộc và giáo-dục. Về kiến-thiết luận, theo thực-dụng chủ-nghĩa, chủ trương kiến thiết giai đoạn luận: quân chính, hiến chính.

Về quan niệm lịch sử, theo lý luận nhà Nho cũ, bản thể là chủng tộc, song sự xấu tốt một phần lớn do người lãnh đạo quyết định.

Về vận mệnh luận, theo lối số học lý tắc (Logistique) phân chia âm dương như trong kinh Dịch.

Về văn minh luận, văn minh là sự phát hiện năng-lực tối cao sinh tồn của chủng-tộc.

Sau khi đã kiểm-điểm ba chủ-nghĩa trên, ta thấy:

- Mỗi chủ-nghĩa đều xây đắp một nền-tảng triết-học trên quan-niệm về vũ-trụ.
- Phạm-trù vũ-trụ-quan thường thiên về siêu hình mà thiếu mất khoa-học thực-tiễn.

* Sự thất bại của Duy Sinh:

Cầu sinh trên thuần-túy cầu sinh và tuyệt-đối cầu sinh không phải là chân thực mục-đích của loài người, chỉ là chân thực mục-đích của hạ cấp động vật. ***Loài người cố nhiên phải là động vật nhưng mà là động vật theo cách-thức loài người.***

Nếu chúng ta đồng ý “nhân đạo” là đường sống của loài người dựa trên ba yếu-tố: Nhân bản, nhân tính và nhân chủ.

- Nhân bản là lấy loài người làm gốc, lấy xã hội loài người trên tự tính, lấy nhân dân làm gốc, lấy toàn thể thế-giới nhân loại làm gốc của tất cả các kiến-trúc, kiến-thiết xã-hội.

* Lấy “người” làm gốc thì mọi hiện-tượng sống được tạo ra bởi người, vì người và cho người. Do đó, sứ mệnh của con người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người, cho người chứ không phải vì sự, vì vật.

Trong cuộc sống của con người phải lấy “bình” làm chuẩn (*không người nào bị chèn-ép trong sự thỏa-mãn các nhu-yếu về tinh-thần cũng như thể-chất*).

Tự-vệ tính (*tranh đấu để tự tồn*) và xã-hội tính hay tập-đoàn tính (*hợp quần*) của người phải lấy “hòa” làm chuẩn, nghĩa là không ai bị áp-bức, bóc-lột.

Tính thứ hai là “*sắc tính*” (*Tính truyền chủng hay tình nam nữ*). Sắc tính của người phải lấy “*trinh*” làm chuẩn, nghĩa là lòng trung thành song phương giữa nam và nữ, vợ chồng là của riêng nhau, không bị chung chạ, hiếp-đáp.

Trăm năm tính cuộc vương tròn,

Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông.

(*Kiều*)

- Nhân tính: Để cho loài người thực sự có hạnh phúc, nền chính-trị phải lấy ***nhân tính*** làm nền-tảng cho mọi chương-trình kiến-thiết.

Sau khi đã kiểm điểm ba chủ nghĩa trên, ta thấy:

- **Mỗi chủ nghĩa đều xây đắp một nền tảng triết học trên một quan niệm về vũ trụ.**
- **Phạm trù vũ trụ quan thường thiên về siêu hình mà thiếu mất khoa học thực tiễn.**
- **Mỗi triết học chỉ nghiên cứu một điều kiện hoạt động của xã hội, như thế chỉ nắm giữ được một mặt mà không tung hợp được toàn thể sự thực, Cho nên một chủ nghĩa mới để được xứng đáng làm tiêu chuẩn cho nhân sinh vạn cổ phải chú trọng vào mấy điều sau:**

* Giải phóng cho loài người khỏi bóng tối siêu hình của vũ trụ quan và tỏ ra rằng loài người là một thể sống đặc biệt, một vũ-trụ đơn độc tự trị trong vũ trụ toàn thể, khác với sự vận động của vật chất.

* Quyết định hẳn cái chân lý, lấy chân lý làm y quy cho đời sống tinh thần và nền tảng cho đời sống thực tiễn. Sự quyết định một chân lý cần yếu cho loài người để đi đến sự thành-thực giác-ngộ.

* Tập-đại-thành tất-cả các ngành, ngọn, học, hiểu từ xưa tới nay, tóm lại,

-Duy Tâm suy tư về một nguyên-lý vận-hành các hiện-tượng.

- Duy vật nắm bắt hiện-tượng ngay trước mắt.

- Dịch lý suy luận ra các quy-tắc vận-hành.

- Duy sinh nắm bắt dòng sinh mệnh không cần biết nó bắt nguồn từ đâu.

Cùng-đích của suy tư giống như “ *Các thiền giả ngồi trước vách Bích Nham để nghe tiếng vỗ của một bàn tay, hay để ngắm diện mạo mình trước khi hiện hữu* ”.

**Tối cao đối tượng của loài người là “Người”.*

*Tối sơ xuất phát của loài người là sự tiến hanh đời sống người, thực tế người trên nền tảng thành lập xã-hội người.

*Tối định căn-cứ của loài người là nhân đạo.

*Tối thực luật tắc của loài người là sự thực hiện lịch-sử của phạm-trù người, lý tưởng người.

*Nói chung, các nền triết-học **Duy Tâm, Duy vật, Duy Sinh đã vi-phạm :**

- **Nguyên-lý đối lãnh-vực:** Ở tọa-độ của mặt phẳng, ta chỉ cần 2 chiều (x,y ở mặt phẳng) nhưng ở không-gian, thì tọa độ phải có 3 chiều: x, y, và z.

Áp-dụng nguyên-lý đối lãnh-vực khi đối phạm-trù, ta thấy:

* Duy-vật đã áp-dụng thẳng tuột các định-luật của thiên-nhiên vật-lý vào lãnh-vực xã-hội loài người.

* Duy Tâm đã dùng trực-tiếp các định-luật của tư-tưởng cho xã-hội loài người!

* Duy Sinh đã dùng các định-luật của sinh-vật áp-dụng thẳng cho xã-hội người. (Người khác vật).

- Vũ-trụ đối với loài người là cực chất, vô-hạn lượng tính, vô-hạn duyên-khởi, vô-hạn phương-trình thức, vô-hạn cứu-cánh (*sức biết đến đâu, vũ trụ có tên đến đó.*).

Quan niệm trên tỏ ra rằng nền triết học mới phải giúp loài người giải quyết mấy điều sau:

- Phải đưa đến một giác ngộ “**nhân chủ**”. Loài người là thể sống tự trị trong toàn thể vũ trụ, cho nên những luật-tắc vũ-trụ muốn chuyển dịch sang nhân loại đều phải tu-chỉnh lại một cách thức giác.

- Trong vấn đề nhận thức, nêu rõ nguyên tắc sau này mà Kant cũng đã tìm thấy, đó là sự phân giải giữa **mục-đích khách-quan** và **mục-đích chủ-quan** của muôn vật.

Một sự vật gì thường có hai mục-đích khách-quan là có tính cách đương nhiên của sự vật, tỷ như mưa là mưa - còn mục-đích chủ-quan là xét theo cái công hiệu thực dụng cho loài người. Vì thế, nói đến chân lý, có thể chia ra từng tầng. Ở phương-diện hoàn toàn khách quan, vũ trụ là biểu hiện cho cái **chân lý đương nhiên**.

Song sang xã-hội tự tính, chân lý không còn tính chất đương nhiên khách quan mà đã sang **tuyệt đối chủ quan**. Trên quan niệm loài người nhất tính. Song thực ra, xã hội loài người tiến hóa hạn định khí hậu, điều kiện phân bố, kinh nghiệm lịch sử tích lũy, cho nên từ quan niệm nhất tính sang lập trường thực tế, chân lý tuyệt đối trở thành **chân lý tương đối**. Do trên, khẩu hiệu tối cao của các dân tộc là chính kiến chân lý vũ trụ thông qua chân lý người và đặt định vào phương diện dân tộc riêng biệt. Sự chuyển dịch (transposition) được tính chất chân lý rất cần cho kiến thiết loài người. Tóm lại, vũ trụ trong khách quan mục đích 1 con số không (zéro) lớn, là “**vô nguyên**”. Sang đến loài người, chân lý đã thành **nhất nguyên**, mà đứng trên lập trường dân tộc cần nắm giữ được chân lý **đa nguyên**.

Vì những lý lẽ này, loài người tập-đại-thành lại ý thức và hình thái nhân loại bằng sự nắm giữ được luật tắc chuyển dịch giữa ba tầng “*duy nhiên*” - “*duy nhân*” và “*duy dân*”. Duy nhiên là phần vũ trụ quan, duy nhân là phần nhân-loại, xã-hội thuần-túy quan, duy dân là phần chính-trị quan.

Tam đoạn luận của phái “*duy tâm*” chỉ phát-biểu được một đoạn “*tĩnh*” của thực-tại.

Biện chứng của “*duy vật*” chỉ được có một đoạn “*động*”, còn trong biện chứng của Lý Đông A có đặc-điểm:

- Bao gồm tự-kỷ và y-tha vận-động, tuyệt-đối và tương-đối vận-động.
- Bao gồm kết-hợp và vận-động làm hồ-tương nguyên-nhân.
- Bao gồm toàn thể, toàn trình, toàn diện thành nhiều thể-hệ biện-chứng.

Căn-cứ vào biện-chứng duy nhiên để chuyển dịch sang phần duy nhân và duy dân có thể thành-lập được biện chứng duy nhân và duy dân...

Đời sống loài người được giải thích tùy theo tư tưởng của mỗi triết phái;

Phái “**duy tâm**” cho rằng chỉ duy có tinh thần (yếu tố vô hình) là sản sinh ra mọi hiện tượng sống; phái “*duy vật*” lại quan niệm rằng hiện tượng sống là do vật chất (yếu tố hữu hình) sản sinh ra; phái “*duy sinh*” là triết phái trung dung, tìm cách dung hòa, vá-vúu tâm và vật, chủ trương hiện tượng sống khởi điểm từ sinh nguyên, thực ra chỉ là cái tế bào của hữu cơ sinh vật.

Tất cả ba triết phái đó đều là những xu hướng thiên-lệch giải quyết sự sống, còn, tiến,

nối, hóa của loài người.

Thực tại cho thấy rằng đời sống của loài người do sự vận động và kết hợp của ba phạm trù: *vật, tâm, sinh*. *Duy tâm, duy vật, duy sinh thống nhất*.

Ngày nay, nhiều triết gia đã có ý nghĩ về sự tổng hợp cả ba nền triết học “duy tâm”, “duy vật” và “duy sinh”, nhưng họ chưa tìm ra được những quy-luật căn-bản của một chu nghĩa mới.



* Quan Điểm của nhà tư-tưởng Lý Đông A:

- Một thể-hệ trọn-vẹn gồm hết các kết-cấu thành-phần, từ quy-nạp đến diễn-đạt và cả hiệu-quả, một thể-hệ triết-học mà chưa đầy-đủ, trọn-vẹn được các điều-kiện đó chỉ có thể gọi là **chủ-thuyết**, chưa mệnh-danh là **chủ-nghĩa** được.

Muốn thẩm-thấu một chủ-nghĩa cần phải khám-phá ra những luật-tắc căn-bản, cốt nghĩa được, nắm giữ và vận-dụng được.

Xét về lịch-sử triết-học:

- Hegel cho rằng: “*Lịch-sử triết-học là biểu-hiện lịch-sử tối-cao và tối vĩnh-viễn của tuyệt-đối tinh-thần.*”

Theo quan-điểm của Duy Vật: “*Lịch-sử triết-học là sự mâu-thuẫn đòi-dòi của hai trận doanh Duy Vật và Duy Tâm.*”

“ ” Nếu xét về Hegel, ta thấy nhiều trận-doanh triết-học đấu-tranh lẫn nhau, không có cái nào là biểu-hiện thống-nhất của tuyệt-đối ý-chí, tuyệt-đối tinh-thần.

Nhược điểm của Duy Vật là trong các đấu-tranh thường yêu-cầu một kết-hợp tung hợp.

Theo quan-điểm của Duy Dân :

Tất-cả các cuộc đấu-tranh triết-học đều đem đến một kết-hợp tung hợp trong một nhân đạo chủ-nghĩa.

- Duy nhiên là ngoại tằng chân-lý, **vô nguyên** (vô cùng nguyên-nhân).

- Nhân-chủ duy nhân là tuyệt-đối chân-lý. Tất-cả mọi thứ đều đổi thay, tan-rã, **nhưng chân-lý bất di, bất dịch là nhân-loại đã sống đến hôm nay và còn sống đến ngày mai.** Chân lý này là chân-lý tuyệt-đối. Tuyệt-đối ở chỗ nhân-loại còn thì chân-lý đó vĩnh-viễn không thay-đổi. Nếu vạn nhất mà loài người bị diệt-vong thì còn ai để lên tiếng tranh-luận.

- Duy dân tương-đối là ứng-dụng chân-lý. Khoa nhân-chủng-học đã chứng-minh là không có dân-tộc nào thực-sự là thuần chủng cả. **Như vậy chân-lý về dân-tộc là chân-lý tương-đối.**

- Tính-chất và mục-tiêu của một ý-thức-hệ lý-tưởng.

Một chủ-nghĩa xứng-đáng làm tiêu-chuẩn, phải:

- Giải-thoát loài người thoát khỏi cái lồng chụp siêu-hình vũ-trụ-quan.

- Chứng-tỏ **loài người là thể sống đặc-biệt.**

- Sự **quyết-định một chân-lý cần-yếu** cho loài người để đi đến sự giác-ngộ chân-thực.

- **Tập-đại-thành** tất-cả các ngành, ngọn, học hiểu từ xưa tới nay.

- Mục-đích của nền triết-học mới là đưa loài người đến **giác-ngộ nhân-chủ.**

- Trong vấn-đề nhận-thức, cần nêu rõ, phân biệt: mục-đích khách-quan và chủ-quan của muôn vật. Vũ-trụ-quan sẽ ra sao? Có thể kết-quả rất nhẹ-nhàng như với thuyết duy-tâm của Hegel. Nhưng kết-quả có thể rùng-rợn như sự việc xảy ra ở Algeria (Tại Algeria, một lãnh-tụ của một tổ-chức Hồi giáo nổi loạn chống chính-quyền đã tuyên-bố: “*Chúng tôi sẵn-sàng hy-sinh 2/3 nhân-dân để 1/3 còn lại được phép quay trở lại lối sống của Thượng-đế*”).

Lãnh-tụ một tổ-chức nổi loạn khác cũng tuyên-bố “*Để làm sạch đất nước này, chúng tôi sẵn-sàng thanh-toán 2 triệu dân.*” (*Rebels’s struggle*)...” The O.C. Register, 24/10/97, News, trg. 29,33).(0, x, y, z)...

Đời sống nhân-loại ngày nay được coi là tiến-hóa nhờ ở các thể-hệ qua đã thực-hiện được phần nào lý-tưởng của nhân sinh. **Tiến-hóa tức thực-hiện tự mình đến thực-hiện xã-hội.** Sự tiến-hóa đó là để thể-hiện sự đồng-hóa hay “**nhất như**” hòa mình với vũ-trụ, cho mình với vũ-trụ khai-thông, hoàn-thành một chân ngã trang-nghiêm và *cao-quý*.

Con người cũng là một động-vật, nhưng duy con người mới có văn-hóa và lịch-sử, nên Nho gia mới nói: “*Nhân linh ư vạn vật*”. Con người hơn tất cả các động vật khác ở “*giác-ngộ tính*”, “*sáng-tạo tính*”, “*xã-hội tính*”, và có lý-tưởng, mục-đích cho cuộc sống.

Cuộc sống tuy thường bị chi-phối phần nào bởi hoàn-cảnh, luật-tắc, nhưng ý chí con người, trái lại có thể chuyển biến được hoàn-cảnh, luật tắc,

Nên “*Có Trời, mà cũng có Ta*”,
hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”

Bước tiến-hóa của nhân-loại là một cuộc hành trình có dự-định, một dự-định hoàn-thành một mục-tiêu có ý-nghĩa, có giá-trị cho nhân sinh, và trong mỗi quá-trình đãi-lọc các tinh-hoa cùng kinh-nghiệm quý giá- Đó là theo ***nguyên lý hướng thượng***, hay là chiều hướng thăng-hoa theo chu-kỳ “*vòng tròn xoáy tròn ốc có nút tết.*”

Tiến-trình tiến-hóa của nhân-loại đã trải từ “*Nhân đạo sơ-khai*” tiếp đến “*Nhân đạo thành-lập*”, tiến đến “*nhân đạo tăng-tiến*” và sẽ hoàn-thành “*nhân đạo ổn-định*”.

Hiện nay, đang tiến bước trên hành-trình “*nhân đạo tăng-tiến*”, nên lịch-sử loài người đã ghi được những thành-tích đáng kể, như:

-Đạo luật bảo-đảm an sinh cho những người tàn-phế...Chẳng hạn trẻ bị khuyết tật sẽ được hưởng trợ-cấp tàn-phế,....

-Xây-dựng con người khởi đầu bằng giáo-dục.

-Xây-dựng gia-đình khởi đầu bằng hôn-nhân.

-Xây-dựng xã-hội khởi đầu bằng thể-chế...

-Vấn-đề kỳ thị màu da đã được chấm dứt:

Năm 1804, Đan Mạch bãi bỏ việc buôn nô lệ,

1807 đến lượt Anh,

1808 Hoa Kỳ,

1810 Venezuela và Mễ Tây cơ,

1811, Chilê,

1812 Á Căn Đình,

1813 Thụy Điển,

1818 Pháp.

Những hối-hận trên tiến-trình nhân-bản, nhân-chủ và nhân tính: Văn thư ngày 14-11-1994, giáo-hoàng **John Paul thừa-nhận trách-nhiệm** về sự bức-hại giáo-phái Tin lành trong các tòa-án Thánh Linh và vụ tàn-sát người Do Thái bởi Đức quốc xã, cũng như ngài **đã chính-thức xin lỗi dân-tộc Maya (Nam Mỹ) về vụ giáo-hội đã tàn-phá nền văn-minh của họ.**

Đầu tháng 10/1997, Giáo-hội Ky Tô Pháp đã xin thương-đế và dân-tộc Do Thái tha-thứ về tội đã im hơi lặng tiếng khi chính-phủ Vichy nộp 67,000 người Do Thái cho Quốc xã Đức trong thế chiến II.

Ngày 7-10-1997, vua Harald V nước Na Uy cũng chính-thức xin lỗi dân-tộc Sami” (hoặc Lapp) về việc chính-phủ Na Uy trước đây đã cưỡng-bách họ đồng-hóa với người Na Uy.

Giác-ngộ nhân-chủ là nền-tảng của nhân-chủ, chính là **nhân-chủ tự-giác**.

Chiếu nguyên-lý hưởng thượng, ta thấy chủ nghĩa Duy vật đem con người sánh cùng với mọi động-vật khác nên đã hạ thấp giá-trị con người, **mất đi tính hưởng thưởng**, một đặc-tính của loài người. Cũng như Duy Thần và Duy Sinh, một đảng lỏng con người vào “*vũ-trụ quan*” siêu-hình không thể kiểm-chứng bằng khoa-học, một đảng chủ “*cầu sinh*” không những thiếu viển kiến, đánh mất tính “*sáng tạo*” và “*hưởng thượng*” của con người, nên không thể giải-tỏa.

- Nguyên-lý căn-bản về trục tọa-độ.

Sự tranh cãi không đi đến một hợp-đề là vì các sự tranh cãi, mỗi phái đứng trên một lập-trường (*nền-tảng: vũ-trụ - con người, hay lịch-sử xã-hội*).

- Theo lý-tắc, đứng trên lập-trường (*nền tảng, tọa-độ*) nào thì giải-quyết vấn-đề đó mới hợp lý, giống như toán học, điểm A trên mặt phẳng thì có hoành-độ “x”, và tung-độ “y”, nhưng khi ở không gian thì có 3 chiều: x, y, và z.

Hiện-tượng tranh-cãi và chống-đối nhau mà không giải-quyết được vấn-đề vì các hệ-phái tư tưởng Duy Vật, Duy Tâm, Duy Sinh, Duy Lý, Duy...đã không đặt ra quy-tắc để tranh luận!

-Nếu các thành-phần hòa-hài về mọi phương diện, tổng-thể ở trong trạng-thái ổn-định.

Đặc-biệt theo Lý Đông A, triết không những giải-quyết vấn-đề căn-bản mà còn là dụng-cụ sắc bén để nghiên-cứu, phân-tách, khám-phá trong tất-cả mọi lãnh-vực của tri-thức.

Đời người vốn nhiều mặt, với mỗi mặt ứng với 1 giải-pháp riêng, chân-lý cũng vậy. Đó là “*chân-lý đa diện*” của triết-học Lý Đông A.

Đời sống của loài người do sự vận-động và kết-hợp của ba phạm-trù VẬT - TÂM - SINH.

Ngày nay, có nhiều triết-gia có ý-nghĩ tổng-hợp cả ba nền triết-học Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh, nhưng họ chưa tìm ra được **những quy-luật căn-bản của mỗi phạm-trù**: Vũ-trụ (thiên-nhiên), Con người (tư-tưởng), và Xã-hội.

Về phương-pháp thiết-lập, triết-học có thể chia làm hai loại: Triết-học suy luận (triết-học thuần lý hoặc diễn-dịch = speculative, rational, deductive), và triết-học quy-nạp (inductive).

Triết-học suy luận ở chỗ các triết-gia đưa ra một thực-thể quan-trọng nhất, thiêng-liêng nhất (*căn-cứ tối-cao*) đầu mối của tất-cả mọi sự, rồi từ đó suy-niệm ra mọi quy-luật (xuất-phát tối-sơ).

Triết-học quy-nạp là tổng-quát hóa những nguyên-lý rút ra từ các môn học chuyên-biệt.

Việc nghiên-cứu vật-chất đi vào một giai-đoạn mới, từ thập niên 20 với sự thiết-lập môn Cơ Học Nguyên Lượng (*hoặc Lượng tử - Quantum Mechanics*) và sự chế-tạo các máy gia-tốc.

Hiện thời, người ta đã khám-phá các hạt hadron, trong đó có proton và neu-

-

tron (tìm ra năm 1911 và 1932), được cấu-tạo bởi các vi-tử cơ-bản gọi là “quark ” (up, down, strange [1963], charmed [1974], bottom [1977], top [1984]...). Ngoài ra vật chất còn gồm hai loại hạt khác nữa: tepton, gauge particle.

Khai-triển thuyết tương-đối tổng-quát (1915), các nhà vũ-trụ-học lý-thuyết khám-phá ra rằng:

“ Cách đây khoảng 15 tỷ năm, vũ-trụ còn nhỏ hơn một hạt bụi, trong đó không có vật-chất, không có thời-gian lẫn không-gian, chỉ có năng-lượng, rồi “bùng một cái, nó nổ tung và trong một khoảnh-khắc ngắn vô cùng , sinh ra neutron, proton, điện tử,... Các hạt này dần-dần tụ lại thành tinh-vân, thiên- thể,... Vậy trước khi vũ-trụ là “một hạt bụi” thì nó là cái gì? Các nhà khoa-học cho là lúc đó chưa có thời-gian, vậy không có vấn-đề “lúc trước. Nói như vậy chỉ có nghĩa vấn-đề ấy ở ngoài tầm nhận-thức của con người.”

Thuyết tương-đối đặc-biệt chứng-minh là vật chất và năng-lượng tương-đương với nhau, như vậy vật-chất không còn là một thực-thể đơn-giản như người ta tưởng vào thế-kỷ 19.

Đó là ý-nghĩa câu nói của nhà tư-tưởng Lý Đông A: *“vũ-trụ là vô nguyên ”*(vô cùng nguyên nhân).

-Thuyết tương-đối đặc-biệt hủy-bỏ tính-chất tuyệt-đối của không-gian, thời-gian, khối-lượng,... và chứng-minh sự thống-nhất giữa không-gian với thời-gian.

- Vào thế-kỷ 19, sự sùng-bái lý-tắc làm nảy-nở chủ-nghĩa Duy Vật. Nhưng vào cuối thế kỷ 20, đưa đến một kết-quả khác, đó là sự thống-nhất hai thuyết Duy Vật và Duy Tâm.

Thực tế: -Duy vật là cách nhìn thiên-nhiên dưới dạng bản-thể vật-chất. Duy Tâm là cách nhìn thiên-nhiên dưới dạng các quy-luật. Hai cách nhìn bổ-túc cho nhau chứ không chống-đối nhau. **Nhưng chưa nêu được bản-chất đặc-thù của phạm-trù “người ”.**

*** Chín (9) quan-điểm của nhà tư-tưởng Việt Lý Đông A:**

“Quan điểm 1: -Học là cái phương châm, phương thức và phương-pháp tìm dò, giải thích nắm giữ và vận dụng trước sự thực.

“Hiểu là tác-dụng của học đạt được tới yêu-cầu trên.

“Dạy, là truyền-thụ cho người cái học đó.

“Quan điểm 2: - Triết-học sử là vận-động biện-chứng và cơ-năng của các ý-thức hình-thái doanh-lũy Duy Tâm, Duy Vật và Duy sinh tranh-đấu nhau, điều-hợp nhau, để cuối cùng tung-hợp, thống-nhất và rộng nghĩa vào một ý-thức tập-thể là Duy Dân.

“Nhân loại hay nhân văn v.v... chỉ là dây rợ lịch-sử, không phải cái tranh-đấu đời kiếp của phái duy tâm và duy vật không có rút cục và sự điều-hòa duy sinh (hay lưỡng nguyên).

“Không phải cái phản-ảnh bình-diện và mơ-hồ của mục-đích cầu sinh.

“Không phải cái vận-hành định-mệnh và kiệt-tác của tuyệt-đối tinh-thần hay là thượng đế tối cao.

“Quan điểm 3: - Làm gì có một đời sống loài người thuần-túy duy vật trên luận lý triết học duy vật? Làm gì có đời sống loài người trên thuần-túy triết-học duy tâm? Làm gì

có một đời người trên thuần-túy triết-học duy sinh?

“Sự thực là trên nền-tảng loài người và vận-động lịch-sử của loài người, Duy tâm, duy vật và duy sinh là những điều-kiện với phạm-trù tự-nhiên thẩm thấu vào hoạt-động đó.

“Quan-điểm 4: Sự thất-bại trên cơ-bản lý luận của duy vật triết-học ở ngay sự vận dụng biện-chứng sai khớp với lịch-sử. Sự thất-bại trên thuần-túy lý luận của duy vật triết học ở ngay sự mù-tịt cái bản-thể nhân loại trên kiến-thiết nhân loại. Sự thất-bại trên thực tiễn lý-luận ở ngay sự thất-bại sự thực của Cộng sản cách mạng 1917. Cộng sản chủ-nghĩa chỉ là quá độ của vô chính-phủ chủ-nghĩa. Không thể có được vô chính-phủ chủ-nghĩa cũng như không thể có được chủ-nghĩa cộng sản thuần-túy bởi nhân tính và bản-thể của loài người

“Quan-điểm 5: Những quan-điểm siêu-hình về ‘thần’ phát-hiện nên bởi cái tiến-hóa của tri-thức trên tinh-thần hoạt-động của loài người, mang lên siêu-hình không phải đã hẳn được mang nó vào duy nhiên bộ-phận là cứu-cánh. ‘Thần’ chỉ là phản-ảnh cái tâm-lý quan trọng của loài người từ sau ngày xã-hội đã tương-đương tiến-bộ và dừng lại trên giai-đoạn hưởng-thụ và bảo-thủ.

“Quan-điểm 6: Cái sinh nguyên mà lý luận Tam Dân đặt định vào làm thủy-tổ vũ-trụ chỉ là cái tế-bào của hữu-cơ sinh vật. Thà nói thẳng rằng sinh-vật là khởi điểm của triết học duy sinh. Cái trung-tâm quy-luật cầu sinh mục-đích là tối cao tiêu-điểm và vận-động của xã-hội không có được tác-dụng quyết định cho tiêu-chuẩn chân-lý loài người. Loài người cố nhiên phải sinh sống, nhưng sinh sống phải là điều-kiện thông qua một nền tảng gì? một điều-kiện gì? bằng một phương-thức nào? Có một chỉ-đạo nào?

“Quan-điểm 7: Loài người khi nào đã đứng trên nền-tảng vững-chắc nhân chủ, giác ngộ rõ-rệt cái nguyên-tắc nhân bản của xã-hội trong vũ-trụ, kiến-thiết được sống còn theo hoàn-toàn nhân tính là khi ấy không còn nghi-ngờ gì nữa về tuyệt-đối chân-lý có tìm được cho loài người không?

“Quan-điểm 8: Phạm-trù luật-tắc, phương-pháp thuần-túy khác với các thủ biện-chứng (duy tâm biện-chứng, duy vật duy sinh biện-chứng, thực-dụng lý-tắc, v,v,,) bởi ở cái căn-cứ, xuất-phát và nền-tảng vận-dụng quyết-định phương hướng và thành-tựu của nó.

“Quan-điểm 9 : Tạo-hóa ở tự-nhiên, mà sống chết ở loài người. Sự khám-phá ra cả một thể-hệ học hiểu tung-hợp nhân-loại và cao độ đưa đến sự xây-dựng cả một thể-hệ văn minh.

(Lý Đông A, “Chu Tri Lục 6”, 4822 tuổi Việt, 1943)



- Luận về triết-học-sử.

Còn gì sau cổ sử Á Đông? Một thời Xuân Thu Duy Dân; Còn gì sau cổ sử Hy Lạp? Một thời phục-hoạt Duy Dân?

Dân ở đây có nghĩa là nhân-dân, dân-chúng, quần-chúng, không có nghĩa là dân-tộc như người ta có thể hiểu lầm và trở nên “*dân-tộc quá-khích chủ-nghĩa*”, hoặc *chủng-tộc ưu việt*.

Triết-học-sử không phải là sự đấu-tranh đời-đời của duy tâm và duy vật, không có rút-cực sự điều-hòa của duy sinh (*hay lưỡng nguyên*). Nhưng thực ra, lịch-sử đã mặc-nhiên giải-quyết mâu-thuẫn này, bằng lý-tưởng Duy Nhân như Phan Bội Châu đã nhận-định “*Dân chẳng duy tâm, duy vật mà duy dân.*” nên Lý Đông A mới nói “*Xuân Thu Duy Dân*” và “*Phục hoạt Duy Dân*”.

Mặt khác,

* Triết-học-sử không phải là phản-ảnh bình-diện (*phiến diện*) và mơ-hồ của mục-đích cau sinh.

*Triết-học-sử không phải là cái vận-hành định-mệnh và kiệt-tác của tuyệt-đối tinh-thần hay thượng-đế tối-cao.

Tuyệt-đối tinh-thần hay Thượng-đế thuộc lãnh-vực siêu-hình, trong khi đời sống con người thuộc lãnh-vực cụ-thể. **Không thể đặt nền-tảng cái cụ-thể trên cái mơ-hồ.** Đời xưa, Nho học cũng nhận-định: “*Việc người sống còn chưa biết, nói chi đến việc quỷ thần?*”

- Sự tu-chỉnh thực-tiến của Tam Dân hoàn-toàn căn-cứ vào hình-thức lý-tắc của chủ-nghĩa thực-dụng dung tục, không phải là công-tác sáng-tạo.

- Sự hình-thành và cấu-trúc “Động lực học” của Lý Đông A.

“*Vận-động và kết-hợp là hổ-tương nguyên nhân*”, tung hợp được cả hai công-cụ mà đào-luyện nên công-cụ mới.

Khi Hegel dùng chữ “*biện-chứng-pháp*” để chỉ quy-luật vận-động của vạn vật, vì theo quan-niệm Duy Tâm, thiên-nhiên chỉ là phản-ảnh của tuyệt-đối tinh-thần, nghĩa là trừu-tượng mới là bản thể chân-chính của cái cụ-thể. Trái lại, Duy Vật “*bản-chất của vạn vật là cụ-thể*” để chỉ động-lực học của vạn vật cụ-thể.

Tóm lại nếu chủ-nghĩa xây-đắp một nền-tảng triết-học trên quan-niệm về vũ-trụ. Như vậy, vũ-trụ-quan thường thiên về siêu-hình mà thiếu mặt khoa-học thực-tiến, hoặc triết-học chỉ nghiên-cứu một điều-kiện hoạt-động của xã-hội, rồi đem áp-dụng mọi nơi, mọi thời - Tất-nhiên chỉ nắm giữ được một mặt, mà không tung-hợp được toàn thể..

Cho nên, cuộc cách-mang Pháp 1789 đã chứng-tỏ một thất-bại bi-thảm? Vì nó không phải là một cuộc cách-mạng “*Nhân chủ tự-giác*”.

Tiêu-chuẩn tối-cao và tối-định của chân-lý tùy-theo hoàn-cảnh và sở-thích cá-nhân mà chọn một trong ba triết-học.

* Bí-quyết để thực-hiện cả ba triết-thuyết trong một lúc là phân-định được khu-vực giá-trị của mỗi triết-học. **Sự phân-định khu-vực giá-trị được gọi là sự đối tóa-độ.**

- Nhân-chủ duy nhân là tuyệt-đối chân-lý. Tất-cả mọi thứ đều đổi thay, tan-

* Duy dân tương-đối là ứng-dụng chân-lý. ☯️ trên đã nêu 🖥️ Khoa nhân-chủng-học đã chứng-minh là không có dân-tộc nào thực-sự là thuần chủng cả. **Như vậy chân-lý về dân-tộc là chân-lý tương-đối.**

- Chân-lý về thiên-nhiên là **chân-lý vô nguyên, đương-nhiên**, dù ở đâu và bất cứ lúc nào.

- *Chân-lý về dân-tộc là tương-đối.*

Nhưng tác-giả các thuyết cử tửởng mình đã nắm được chân-lý tối hậu, nên sư giá-c-ngô chỉ là ấu-trĩ.

Là con người, ai cũng có lần tự hỏi: “*Ai sinh ra loài người? Ai sinh ra vũ trụ?*” Câu hỏi này rất quan-trọng vì nếu chưa tìm ra được câu trả lời thì sự thắc-mắc này còn tồn tại.

Câu trả-lời có thể là “Ông Trời”, “Thượng Đế”, “Đấng sáng tạo”, v.v... hoặc theo phái Duy Vật là “vật chất”.

Nếu nhân sinh, xã-hội-quan tùy-thuộc vào quan-niệm nguồn-gốc vũ-trụ, người ta đã bị trói buộc bởi vũ-trụ-quan. Nếu cho nguồn-gốc vũ-trụ là “*thượng đế*”, người ta sẽ phải tuyệt-đối phục tùng thương-đế, đánh mất vai-trò “người” trong cuộc sống!

* *Giải-quyết sự tranh-chấp ý-thức-hệ.*

Tìm kiếm chân-lý là nhu-yếu của tri-thức. Trong sinh-hoạt xã-hội người có nhiều khuynh-hướng. Chính nhờ vậy mà có tiến-bộ. Truyện “*Năm thầy bói mù sờ voi*” ta thấy chỉ vì muốn cho mình là đúng, tương-tự trong lịch-sử tôn-giáo thế-giới đã nói lên những tàn hại về sự độc tôn, độc quyền tư-tưởng!

Thầy bói sờ voi, nói cách khác “*anh mù*” có mắt cũng như không. Mù thì không thể nhìn sự vật một cách toàn thể. Tiếng Việt có nhiều tiếng để chỉ rõ từng trường-hợp: Khi không hiểu rõ thì gọi là “*mù mờ*”; khi cuồng-nhiệt tin-tưởng không còn biết phải, trái thì gọi là *mù quáng*; khi không nhìn thấy gì thì gọi là *mù mịt*, khi chìm ngập trong cảnh mê loạn thì gọi là *mê tín*, ...

Đây là cơ-sở ảnh-hưởng sự hình-thành tinh-thần tổng-hợp và dung-hóa của dân-tộc Việt trên nền-tảng của cái nhìn và là lối tư-duy đối-ứng. *Tinh-thần tổng hợp và dung-hóa.*

Voi là “toàn diện ” của mục-đích đi coi voi. Con voi giống như cột nhà, con

địa, cái quạt hay cái chổi chỉ là do sự sờ thấy mỗi anh “xẩm” mà thôi.

Như vậy ở triết-học cần phải có cái nhìn **“toàn-diện”** (*toàn-diện vấn-đề*).

Toàn Diện là sự kết-hợp, hòa-hài của tất-cả các bộ-phận trong một tập-thể thành một toàn bộ thống-nhất, tự đầy-đủ về các phương-diện: cấu-trúc, vận-hành và mục-tiêu.

Các thành-phần của toàn-diện:

- Tuân theo các quy-luật nội tại cá-biệt (*đạo kỷ*).
- Nương nhau hoạt-động (*y tha*).
- Kết-hợp hòa-hài.

-Để thực-hiện mục-đích chung (*hỗ-tương nguyên-nhân*).

Hệ-quả của nguyên-lý tổng-thể là gom các đối-lập thống-nhất lại với nhau trong một phạm-trù bao trùm các đối-lập. Đó là nguyên-lý **“Đối-lập thống-nhất”**

*** Xã-hội người với tự-nhiên đối-lập thống nhất.**

Quá-trình sống của loài người là quá-trình vừa đấu-tranh với thiên-nhiên, vừa nương-tựa thiên nhiên để sinh-tồn.

Thiên-nhiên luôn tấn-công con người về khí-hậu, thời-tiết, thiên-tai, địa-hình, v.v. Về tinh-thần, tự-nhiên tấn công “người” bằng “*vật tính*”, đánh đuổi “*nhân tính*”.

Khi bị tấn-công, “người” không thể hủy-diệt thiên-nhiên, mà tìm cách phối-kiểm toàn-bộ các quy-luật về “nhiên” và “nhân” để điều chỉnh thiên-nhiên phục-vụ cho con người. Như vậy, người đã chuyển từ thể “đối-lập” sang thể hợp-tác, hay nói cách khác, “thống-nhất” tự-nhiên “thiên-nhiên” với “con người” (Xã-hội).

Sự nhầm lẫn của Duy Vật Karl Marx là đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật của tự-nhiên vào xã-hội “người”, mà quên đi điều-kiện “cộng thông”, dựa vào thiên-nhiên để biến-cải thiên-nhiên, (*Tán thiên địa chi hóa dục*) để sinh-tồn.

Trong tự-nhiên gồm những quy-luật cạnh-tranh và đào-thải. Giữa loài người và tự-nhiên cũng phải theo những quy-luật đó. Tuy nhiên, trong quá trình tiến-bộ của loài người, ta thấy biết bao công-trình đã tựa vào thiên-nhiên để hữu dụng cho con người,

Trong thơ, văn Việt có những câu:

“ Cho lúa ngập vàng đồng, nông vàng kén,

Cho trắng trong, gió quạt sáo điều vu,

Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù...”

(*Lạc Nguyên Chương*)

đều đã nói lên sự biến-cải thiên-nhiên để phục-vụ con người, hay sự thống-nhất giữa loài người với thiên-nhiên, không phải sự mâu-thuẫn (đối lập) đi đến hủy diệt.

- Cá-nhân với tập-thể đối-lập thống-nhất.

Lý-do những sóng gió gây ra trong đời sống xã-hội là tình-trạng đối-lập về “cơ-hội”, về “nghĩa vụ”, và về “quyền-lợi” giữa cá-thể với tập-thể.

Cần dứt-khoát vứt bỏ quan-niệm sai lầm này, mà thay thế bằng chính niệm “*Cơ-năng và bản-vị*” hay “*Cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân*”. Cá-thể là cơ-năng, tập-thể là bản-vị. *Cá-thể và tập-thể đối-lập thống-nhất*. Cho nên xã-hội quy hạn cá-nhân - ngược lại, cá-nhân có thể đồng-hóa tập-thể tính.

Vợ chồng là cơ-năng, gia-đình là bản-vị; gia-đình trở thành cơ-năng đối với

dan-tộc là bản vị, và dân-tộc trở thành cơ-nang đối với nhân-loại là bản-vị.

- Cơ-năng và Bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân, hay Đối lập thống nhất.

Muốn cho bản-vị được tồn-tại và bền-vững, các cơ-năng tạo thành bản-vị phải vận-động kết-hợp chung một hướng gọi là “*trung tâm bản vị*”, ví như vợ, chồng và con cái phải chung một hướng về bản-vị trung-tâm là gia-đình. Rộng ra, gia đình, đoàn-thể chức-nghiệp là các cơ năng. Vận-động và phát-triển của quốc-gia dân-tộc là trung-tâm bản-vị. Tương-tự, mỗi dân-tộc là một cơ-năng - Sinh-hoạt của xã-hội quốc-tế là trung-tâm bản-vị. Tất -cả những tổ-chức quốc-tế là những cơ-năng. Quốc tế nhân-văn là trung-tâm bản-vị.

- Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống-nhất.

Bảo-thủ là thai-độ muốn giữ những cái cũ, làm trì-trệ sự chuyển-động của bánh xe lịch-sử. Ngược lại, cấp-tiến muốn cải-tiến xã-hội, tăng vận-tốc của sự chuyển dịch bánh xe lịch-sử để hướng nhanh về tương-lai.

Trên thời-gian vận-động, một đảng bảo-thủ, một đảng cấp-tiến. Cái vi-diệu của phối-hợp là làm sao nắm được cái nút vận-động giữa bảo-thủ và cấp-tiến. Trong quá-trình vận động phải đi đến một kết-hợp. Sự kết-hợp phải do vận-động lịch sử, dùng các chất và lượng của thời-gian trước mà có. Vì vậy hiện tại có thể có của quá-khứ, và tương-lai (*Vì hiện-tại là thời-gian trước của tương lai*): Quá khứ, hiện tại đối-lập thống-nhất - hiện tại, tương-lai đối-lập thống-nhất. Chất và lượng hỗ tương nguyên-nhân, bảo-thủ và cấp-tiến hỗ-tương nguyên-nhân, nói cách khác “*Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống-nhất*”.

- Tĩnh - Động nhất quán (Đối-lập thống nhất).

Tĩnh là thường thái, đưa dất tới sự ổn-định, còn “động” là bất-thường thái, hoặc bệnh thái đưa đến sự bất ổn-định. Bất-thường thái hay bệnh thái bao-giờ cũng có khuynh-hướng tìm về thường thái (ổn-định). Động bao giờ cũng tìm lại tĩnh. Đối-lập bao-giờ cũng tìm lại thống-nhất.

Dân luôn-luôn tìm trở về “nhân”. Đó là xu-thế của lịch-sử DÂN tìm về NHÂN là thái độ bám-sát thực-tại. Đó là xu-thế loài người muốn sống ổn-định. Ngoài ra,

- Đạo học - khoa học - sử học thống-nhất. Điều này vào năm 1943, hội triết-học Hoa Kỳ cử ra một ủy-ban đặc-nhiệm có nhiệm-vụ nghiên-cứu chiều-hướng phát-triển cần phải thúc-đẩy của trí thức cùng sứ-mạng của triết-học. Năm 1945, ủy-ban báo-cáo kết-quả cuộc nghiên-cứu trong cuốn sách nhan đề “*Philosophy in American Education*” do nhà xb. Harper ấn hành.

Brand Blanshard, một trong 5 thành-viên của ủy-ban, ghi nhận trong báo-cáo:

Các yêu-cầu lớn về triết-học là thống-nhất trí-thức, thống-nhất tâm-thức, tái định-nghĩa dân chủ và triết-học nhân sinh.” (*integration, community of mind, interpretation of democracy and philosophy of life*).

Thực-tế, ta cũng thấy, trong một khối thể, nếu các thành-phần của khối thể hòa-hài về mọi phương-diện, khối thể sẽ ở trong trạng-thái ổn-định. Nếu có sự đối-ngịch về một số phương-diện, khối thể sẽ ở trong trạng-thái bất ổn.

-Nguyên-lý hướng thượng.

Chỉ có sự thực: Duy nhân là

* Tối-cao đối tượng.

* Tối-sơ xuất-phát.

* Tối-định căn-cứ.

* Tối thực luật-tắc... làm y-cứ triết-học: tung hợp - thống-nhất - và rộng nghĩa của triết-học tổng thể Duy Nhân.

Tối-cao đối-tượng của loài người là *người*.

Tối-sơ xuất-phát của loài người là sự tiến hành đời sống người, thực-tế người trên nền-tảng thành-lập xã-hội.

Tối định căn-cứ của loài người là *Nhân đạo*.

Tối thực luật-tắc của loài người là sự thực-hiện lịch-sử của phạm-trù người, lý tưởng người.

Quan-niệm triết-học của Heidegger: “*Con người chỉ thực-hiện toàn mãn bản-chất của mình khi nhận-thức rằng mình đã sáng-tạo ra thế-giới.*”

Xưa kia Chính Nho trong Lễ Vận có viết:

“*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí...*” (Người là cái đức của Trời Đất, giao-điểm của âm dương, nơi quỷ thần tụ hội, tú khí của ngũ hành...).

Đời sống nhân-loại ngày nay được coi là tiến-hóa nhờ ở các thế-hệ qua đã thực-hiện được phần nào lý- tưởng của nhân sinh . **Tiến-hóa tức thực-hiện tư mình đến thực-hiện xã-hội**. Sự tiến-hóa đó là để thể-hiện sự đồng-hóa hay “**nhất như**” hòa mình với vũ-trụ, cho mình với vũ-trụ khai-thông, hoàn-thành một chân ngã trang-nghiêm và *cao-quý*.

Con người cũng là một động-vật, nhưng duy con người mới có văn-hóa và lịch-sử, nên Nho gia mới nói: “*Nhân linh ư vạn vật*”. Con người hơn tất cả các động vật khác ở “*giác-ngộ tính*”, “*sáng-tạo tính*”, “*xã-hội tính*”, và có lý-tưởng, mục-đích cho cuộc sống. Cuộc sống tuy thường bị chi-phối phần nào bởi hoàn-cảnh, luật-tắc, nhưng ý chí con người, trái lại có thể chuyển biến được hoàn-cảnh, luật tắc,

Nên “*Có Trời, mà cũng có Ta*”,
hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”

Bước tiến-hóa của nhân-loại là một cuộc hành trình có dự-định, một dự-định hoàn-thành một mục-tiêu có ý-nghĩa, có giá-trị cho nhân sinh, và trong mỗi quá-trình đãi-lọc các tinh-hoa cùng kinh-nghiệm quý giá- Đó là theo **nguyên lý hướng thượng**, hay là chiều hướng thẳng-hoa theo chu-kỳ “*vòng tròn xoáy tròn ốc có nút tết.*”

Tiến-trình tiến-hóa của nhân-loại đã trải từ “*Nhân đạo sơ-khai*” tiếp đến “*Nhân đạo thành-lập*”, tiến đến “*nhân đạo tăng-tiến*” và sẽ hoàn-thành “*nhân đạo ổn-định*”.

Chiếu nguyên-lý hướng thượng, ta thấy chủ nghĩa Duy vật đem con người sánh cùng với mọi động-vật khác nên đã hạ thấp giá-trị con người, **mất đi tính hướng thượng**, một đặc-tính của loài người. Cũng như Duy Thần và Duy Sinh, một đảng lồng con người vào “*vũ-trụ quan*” siêu-hình không thể kiểm-chứng bằng khoa-học, một đảng chủ “*cầu sinh*” không những thiếu viễn kiến, đánh mất tính “*sáng tạo*” và hướng thượng của con người.

*



Di ảnh nhà Cánh-mang Phan-Bội-Châu

TỔP II

CHỦ NGHĨA DUY DÂN

Chủ-nghĩa Nhân Bản - Thái-hòa.

Chủ Nghĩa Duy Dân

A/ BỐI CẢNH PHÁT SINH :

* Sự thất-bại ê-chề kiếp sống con người do những tư-tưởng, chủ-nghĩa thiên lệch như: Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh,...

* Thảm cảnh đọa-đày của nòi giống Việt cùng các sắc dân khác và giai-tầng bị áp-bức, thúc-đẩy một phản-tỉnh sâu rộng.

* Sự tàn sát nhân-loại do phát-triển tối cao độ của khoa-học đem phục-vụ cho chiến-tranh, phân chia theo tư-tưởng thiên-lệch. Do đó phát-sinh một giác-ngộ lớn lao của loài người.

B/ CHỦ TRƯỞNG :

* Đối với dân-tộc Việt, lấy **“Cứu quốc tồn chủng”** làm cốt-cán,

* Về tư-tưởng, phản-tỉnh chân ý nghĩa toàn-diện của loài người.

* Lấy kiến-thiết đời sống con người ở chính bản-vị người. Vật-Tâm-Sinh thống-nhất.

“...Con đường với phương-hướng chính-trị mỗi dân-tộc đều do ánh sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ nẻo, quy-định hết cả vận-mệnh và xuất lộ của mọi chính-trị và cách-mạng...”

“Hết thảy các chủ-nghĩa, chế-độ hay pháp-luật đều từ nơi quốc-dân mà sinh ra mới thích-hợp, mới đúng chắc và thiết-thực giải-quyết những nhu-yếu, hy-vọng và lý-tưởng của quốc-dân...”

C/ Tuyên Ngôn của Việt Duy Dân Đảng

“...Chủ nghĩa “Z” không vì cái sáng-lạn của mỗi phương trời rớt lại cho một ánh hoàng hôn; cũng không vì cái cập lợi của mỗi thế-lực thí-bỏ một thìa cháo cúng, huyền-hoặc mà cả gan bỏ cái lộ-tuyến của dân-tộc mình đem áp-dụng một chủ-nghĩa nào ra thành một chính-cương rồi mong thực-hiện nó ra một chế-độ cho dân-tộc...”

“Chủ-nghĩa Duy Dân lấy sức lũi và nền-tảng gốc 98% quốc-dân ra làm chủ-lực của quốc-gia, nhưng không mạt sát 2% quốc-dân khác. Duy Dân nguyện vì toàn dân Việt mang hết sức ra cống-hiến...”

“Lập trường dân-tộc chân-chính quyết không thể làm đuôi cho bất cứ một đế-quốc chủ-nghĩa nào để tưởng cầu thí-bỏ cho một hứa hẹn độc-lập hay “giả độc-lập” nào. Vì thế,” Mặt Trận Gốc” nước nòi của nhân-dân Việt phải tổ-chức nên, quyết tâm nhắm hướng SỐNG, CÒN tự mình...”

D/ TỔNG CƯƠNG :

* Xã-hội NGƯỜI lấy con NGƯỜI làm gốc.

* Lấy TÍNH NGƯỜI y-cứ cho tổ-chức xã-hội.

* Làm cho con người tự **nắm giữ được đời sống, sinh-mệnh** mình.

* **Tổ-chức chính-trị** là phương-kế **tổ-chức nhân sinh** (sự sống cho con người).

* Lấy **kinh-tế** làm **căn-bản cho quyền lực** NGƯỜI.

* Lấy **hôn nhân duy-trì sinh tồn** nòi giống, loài người.

* Lấy **giáo-dục giác-ngộ tự chủ** con NGƯỜI.

* Giải-quyết đồng-thời **hòa hợp các phương-diện: chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, hôn-nhân.**

* Lập một nền **dân chủ, nhân chủ**, duy-trì bằng **công dân tăng chế và cơ-năng hiến-pháp.**

Đ/ Bốn chìa khóa của Thắng Nghĩa:

Triết học Duy Dân lấy xuất phát tối xưa là “NGƯỜI” ở trong xã-hội kể từ ngày thành lập cái đoàn thể thứ nhất của loài người, là xã-hội bình sản nguyên thủy, là tổ-chức “teuton” ở Đức, “lạc-chế” ở ta vào đời Hồng Bàng. Quan-niệm này khác với xuất-phát tối sơ của duy vật phái là cộng-sản nguyên-thủy và mẫu hệ.

Thực tại cho ta thấy rằng hiện-tượng sống bao giờ cũng được sản sinh ra bởi ba phạm trù: Tự-nhiên, xã-hội và tư tưởng. thường hằng vận động và kết hợp.

Tất cả những hiện tượng nào không do con người chủ động tạo ra thuộc phạm vi tự nhiên. Con người sống trong xã-hội thì những hiện-tượng nào do sự vận-động và kết-hợp của người này với người khác thuộc phạm-trù xã-hội. Những hiện-tượng nào khởi điểm từ những sinh-hoạt liên-quan đến tinh thần của con người thuộc phạm-trù “tư tưởng”.

Thực tại cho thấy đời sống con người gắn bó chặt chẽ với tự nhiên (thiên nhiên), con người thường hoạt động. luật tắc của ba phạm trù “tự nhiên”, “xã-hội” và “tư tưởng” cộng thông với nhau là một sự vận-động kết-hợp và thống-nhất.

Tự-nhiên, xã hội và tư-tưởng thống-nhất là **căn bản nghĩa**.

Ba phạm-trù đã thống nhất thì những môn học về ba phạm-trù đó cũng không thể tách rời nhau khi muốn tìm hiểu tận nguồn gốc hiện tượng sống.

Khoa học là môn học tìm tòi sự thực của “tự nhiên”.

Sử học là môn học tìm hiểu những qui luật về mọi vận-động và phát triển của xã-hội.

Đạo học là môn học nghiên-cứu các qui-luật về mọi vận-động và phát triển của “tư tưởng” (trên tâm lý, triết học, lý học ở thâm đáy loài người).

Theo căn bản nghĩa, “tự nhiên”, xã-hội”, và “tư tưởng” thống nhất thì không thể tách rời ba môn học này, không có sự phân chia sử học, khoa học và đạo đức. Ba môn học đó phải thống nhất thành một môn học duy nhất, thích-đáng tung-hợp lại thành những nguyên lý và luật tắc làm nhận thức cho xã hội loài người.

Khoa học, sử học và đạo học thống nhất. Đó là **căn bản học**.

Triết học có ba bộ-phận nền tảng cần yếu làm căn bản luận, giúp cho con người đi sát với thực tại. Thực tại là tiêu-chuẩn của chân-lý. Đó là: bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận.

* Bản thể luận là suy cứu những nguyên lý về bản chất và cứu cánh của sự thực. Nghiên cứu một hiện-tượng là tìm hiểu hiện tượng đó là gì? Hiện tượng đó từ đâu đến và sự kết thúc ra sao?

* Nhận thức luận là tìm tòi những quan-hệ giữa tư tưởng và hiện-tượng (tâm và xác, tinh thần với vật chất, chủ quan với khách quan, loài người với vũ trụ,...) Nói một cách khác, nhận thức luận tìm hiểu tương quan giữa chất và lượng của hiện tượng, sự vận hành của hiện tượng và những liên hệ của hiện tượng đó với các hiện tượng khác trong vũ trụ.

* Phương pháp luận là tìm tòi những đường lối, cách thức dẫn dắt tư tưởng, kiến lập tư tưởng, truyền thông tư tưởng để biến tư tưởng thành hành động, ta phải tiến hành theo phương pháp nào?

Trên nền tảng “tự nhiên, xã-hội và tư tưởng thống nhất” ta phải hợp nhất ba bộ phận trên.

Bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận thống nhất, đó là **“căn bản luận.”**

Đời sống loài người được giải thích tùy theo tư-tưởng của mỗi triết phái;

Phái “duy tâm” cho rằng chỉ duy có tinh thần (yếu tố vô hình) là sản sinh ra mọi hiện tượng sống; phái “duy vật” lại quan niệm rằng hiện-tượng sống là do vật chất (yếu tố hữu hình) sản sinh ra; phái “duy sinh” là triết phái trung dung, tìm cách dung hòa, vá-vítu tâm và vật, chủ trương hiện-tượng sống khởi điểm từ sinh nguyên, thực ra chỉ là cái tế bào của hữu cơ sinh vật.

Tất cả ba triết phái đó đều là những xu-hướng thiên-lệch giải-quyết sự sống, còn, tiến, nổi, hóa của loài người.

Thực tại cho thấy rằng đời sống của loài người do sự vận-động và kết-hợp của ba phạm trù: vật, tâm, sinh. Duy tâm, duy vật, duy sinh thống-nhất, đó là **căn bản quan**.

Căn bản nghĩa, căn bản học, căn bản luận, căn bản quan là **bốn chìa khóa thiết yếu** để ta có những tư tưởng mới.

Ngày nay, nhiều triết gia đã có ý nghĩ về sự tổng hợp cả ba nền triết học “duy tâm”, “duy vật” và “duy sinh” nhưng họ chưa tìm ra được những quy luật căn bản của một chủ nghĩa mới. May thay, cách đây gần 50 năm, nhà tư-tưởng Lý Đông A đã đưa ra một chủ-nghĩa mới, chủ-nghĩa Lý Đông A làm nổi bật bốn chủ-điểm:

- * Tiền đề triết học NGƯỜI
- * Biện chứng DUY NHIÊN
- * Biện chứng DUY NHÂN
- * Biện chứng DUY DÂN

Sau khi khám-phá NGƯỜI là đích-thực tiền đề của triết-học, Lý Đông A đã chứng minh được: Muốn tổ-chức được đời sống hạnh-phúc cho con người, chúng ta phải hiểu rõ và vận-dụng thật đúng ba phần biện-chứng: DUY NHIÊN, DUY NHÂN và DUY DÂN nhất quán liên-hệ nghĩa là thường hằng thống-nhất.

* Biện-chứng DUY NHIÊN gồm những tự nhiên quy luật, nhất quán tất cả các quan hệ và hình thức khoa học, lịch sử, triết học làm then chốt cho sự an định một nền-tảng nhân sinh. Cho nên BIỆN CHỨNG DUY NHIÊN là phần vu- trụ-quan, y quy và căn cứ cho tinh thần của nhân sinh, là lý tính thuần túy ở trong nhận thức của loài người, còn như đứng trên sự quan hệ của vũ trụ với nhân sinh thì đó lại là khách-quan mục-đích.

* Biện chứng DUY NHÂN gồm tất cả quy-luật nhân loại quan sát theo hình thái, BIỆN CHỨNG DUY NHÂN là phần nhân-sinh-quan y cứ vào một lý-tưởng hỗn-hợp của thuần-túy và thực tiễn nghĩa là của “thiên tính” và “thành tựu tính”, đó là chủ-quan mục-đích của loài người.

* Biện chứng DUY DÂN gồm các quy luật nhân loại kết-cấu trên các đặc-tính của dân tộc (tự nhiên phân bố, lịch sử tích-lũy, văn hóa, xã hội biện chứng, v.v...hợp lại thành một đặc điểm của dân tộc trên mặt sống thực), là lý tính thực tiễn của loài người. Biện chứng DUY DÂN là phần dân sinh chính-trị-quan.

Chủ nghĩa Duy Dân hay chủ nghĩa Lý Đông A là ba phương-pháp biện-chứng tung hợp ba thành phần lớn: Duy nhiên, duy nhân và duy dân. Vận-dụng biện-chứng “duy nhiên” vào “xã hội tự tính”, mang quy luật vũ trụ thông qua “duy nhân” có nghĩa là các quy luật vũ trụ thấm thấu vào loài người phải được tu-chỉnh và phải có điều-kiện hạn định trong sự vận hành. Sự tu chỉnh và hạn định lại càng sâu xa khi biện-chứng duy nhiên qua gạch thực-tiễn mà vào tầng “duy dân”.

Ta có thể nói phần “duy nhiên” là biện-chứng thông-thường về khoa-học tự-nhiên (sciences naturelles), còn phần “duy dân” là biện -chứng về khoa-học ứng dụng (sciences effectives).

Tóm lại, Tự nhiên - xã-hội - tư tưởng thống-nhất; nhiên - nhân - dân thống-nhất.

Đ/ Nền tảng Triết Học Duy Dân.

* Định-nghĩa của Triết-học:

Nói đến “*triết học*”, thực-sự ở Phương Đông, hai chữ triết-học chỉ mới xuất-hiện từ khi có phong-trào văn-hóa Âu Tây du nhập. Trước đó, người ta thường chỉ bàn đến: *Đạo học, Tâm học hay Lý học*. . . Tuy nhiên, nếu nghiên-cứu kỹ về lịch-sử tư-tưởng với mục-đích hoạt-động của tinh-thần, thì có thể nói: không những Tây, mà Đông Phương đều đã có triết-học từ lâu.

Triết, nghĩa đơn-giản, là phép lý-luận, tư-duy giúp ta hệ-thống-hóa những gì ta thấy, biết.

- Triết là câu trả lời về những vấn-đề căn-bản, như “**Sống**” và “**chết**”? Bản-thể sự vật (*nhân-sinh-quan, xã-hội-quan, đạo-đức-quan, thế-giới-quan,...*).

- Triết, theo Hồ Thích trong “*Triết-Học Sử Thực Dụng*” là môn nghiên-cứu những vấn-đề thiết-yếu, từ nguồn-gốc của nhân-sinh để tìm ra một giải-quyết căn-bản.

-Triết là câu trả lời về những vấn-đề như vấn-đề con người - từ đâu? Vũ-trụ? Bản-thể học? Huyền-học?, Đạo học? Lý học?, Siêu-hình? Lý hóa sinh?, v.v...

-Câu trả lời của triết nằm ở đâu?

- Thừa, nằm ở mọi nơi, toàn bộ đời sống loài người.

Theo triết-gia Emile Bréhier (1876-1952):

“Triết-học là một hoạt-động của tinh-thần có hệ-thống. Triết-học không thể cắt hẳn liên-hệ của nó với toàn thể đời sống tinh-thần. Đời sống tinh-thần còn diễn-tả bằng các khoa-học, tôn-giáo, nghệ-thuật, cuộc đời xã-hội và luân-lý”.

- Triết-gia để ý đến tất-cả giá-trị tinh-thần của thời-đại mình để phán-đoán, bình-phẩm hay cải-biến chúng. Không có nơi nào mà không có một cố-gắng để tổ-chức xếp-đặt các giá-trị cho có thứ-tự.

Triết-học, theo Tây phương, “*philosophia*” = yêu-thích sự thông-thái, sự hiểu biết căn-kề của con người về vũ-trụ, xã-hội mà con người sống, còn, tiến, nổi, hóa.

Theo chiều-hướng này, bất-cứ một triết-gia của một dân-tộc nào, không thể xa-rời căn-bản thực-nghiệm, mà phải giới-hạn vào trong biên-giới của quốc-gia. Trong văn-hóa, bất-cứ một tác-giả vĩ-đại nào, đều đã thâm-nhập vào trong ảnh-hưởng của dân-tộc ấy ...

Cho nên Jame Dewey đại-diện cho cá tính dân-tộc Mỹ; Bacon, Descartes, Bergson đại-diện cho cá tính dân-tộc Pháp; Hegel, Schopenhauer đại-diện cho cá-tính dân-tộc Đức. Tinh-thần văn-hóa của ba khối dân-tộc ấy đều có điểm khác nhau, như Anh, Mỹ thì sùng-thượng thực-nghiệm, Pháp thì sùng thượng lý-tưởng, Đức sùng-thượng ý-chí.

- Triết-học theo Đông Phương là khoa-học về các quy-luật chung, mà cả sự tồn-tại (*tức giới tự nhiên và xã-hội*) lẫn tư-duy của con người, quá-trình nhận-thức, đều phải phục-tùng.”

Nếu phân-tách theo cách “*hội ý*” của chữ Nho, chữ “*triết*” hợp bởi bộ “*thủ* = tay + chữ “*cân*” (*cái rìu*) bên phải, chữ “*khẩu*” ở dưới. Nghĩa là khôn-ngaoan,

sáng-suốt, hiểu rõ sự lý. Gom lại, lấy lời lẽ phân-tích, mổ-xẻ gọi là “*triết*”.

Đây là **phương-pháp biện-luận có chứng-minh** (*dialectic*), là **biện-chứng pháp**, một danh-từ dùng trong luận-lý-học Tây phương.

Cũng theo “*The American Heritage Dictionary of the English Language*”, New College 1980, Published by Houghton Mufflin Company,

E/ Nhu-cầu của triết-học.

1- Biết về nguyên thủy: Ngay từ xa xưa, biết bao nhiêu vấn-đề đã nêu lên, nào là *ông trời, bà đất* (vũ trụ), nào là *thế sự*, nào là *thân phận con người*. ... Cùng một câu hỏi, nhưng tùy theo lập-trường, chính-kiến, quan-điểm,... mà có câu đáp khác nhau.

Khi con người gặp cơn khốn-khó, ngẩng nhìn lên trời, dậm chân trên đất, tự hỏi phải chăng trời, đất kia đã gây nên?

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên.
Xanh kia thăm-thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này!...*

(Chinh Phụ Ngâm)

Không thoát khỏi số phận ai-oán, chỉ đành thổn-thức trong chốn phòng không hiu-quạnh:
*Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ-mờ nhân ảnh như người đi đêm....*

(Cung Oán Ngâm Khúc)

Coi cuộc đời như mộng ảo, thúc-thủ trước sự an bài của Tạo-hóa:

*Kìa thế cục như in giấc mộng,
Mấy huyền vi mở đóng khôn lường,
Vẻ chi ăn uống sự thường
Cũng còn tiền định khá thương lạ.
Đòi những kẻ thiên ma bách chiết
Hình thì còn, bụng chết đòi nẫu
Thảo nào khi mới chôn rau (cắt rốn)
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra...*

(Cung Oán Ngâm Khúc)

Sâu-rộng, bao-quát hơn:

*Một vòng không đáy, đầy sinh người
Ngảnh lại trông đi mấy việt khơi
Thường vậy vô danh vắng-vắng
Mà hay hữu thực bồi-bồi...*

(Thái Dịch)

Tất cả những lời vấn, than trên đều là những vấn-đề của Triết Học lưu tâm tới.

Trang Tử nói: “*Đường sống có bờ, đường biết thì không bến*”. Cho nên tìm biết là tìm chết. Nhưng từ xưa tới nay, có biết mới sống được, biết là điều cần-thiết của sống. Sống đi đôi với biết...

Biết là cái trục của sống, *Descartes* nói: “*Je pense donc je suis = Tôi sống vì tôi biết*”. Biết là công-cụ của đời sống, đồng-thời là nền-tảng và yểm-trợ của sống.

Sự biết của loài người có thể chia làm ba phương-diện:

* Cái căn-cơ của trời đất, từ đâu mà sinh ra, cái “*tối thái sơ*”, cái *tư kỷ nguyên-nhân* (la cause en soi), cái *lý-tắc hoàn-thành vũ-trụ*. Biết đến đâu, vũ-trụ có tên đến đó. Biết thăm-thấu từ cái cực nhỏ đến cái cực lớn, cho đến cả vô cực.

* Căn-nguyên của sự vật, ở đâu mà đến (*là lý? là tâm? là lực?*)

2- Sự biết về cứu-cánh:

* Cứu-cánh ý-nghĩa của nhân sinh - *Sống để làm gì?*

* Cứu-cánh giá-trị của nhân sinh - *Sống có ý-vị gì?*

* Cứu-cánh y-quy của nhân sinh - *Sống gửi thác về, biết đâu là quê ở?*

3- Biết về chân tướng:

* Chân tướng của tự mình. *Chủ ngã ở nơi đâu? Lấy gương nào mà soi tỏ?*

* Chân tướng của sự vật: Xã-hội với tự nhiên, thật là *hỗn-mang, phức-tạp!*

* Chân tướng của chân-lý: Ôi thôi! *Thật là mịt-mù, lấy đâu làm tuyệt-đối?...*

Đông, Tây, Kim, Cổ:

Nho thì bàn đến “*tính*”, “*mệnh*”;

Phật thì cần “*minh tâm huấn tính*”, “*đại giác*”, “*tự giác*”.

Lão thì cần học “*tu tiên*”, “*trường thọ*”, “*tồn chân*”.

Gia Tô cần “*thánh linh mặc-khải*”, thể nghiệm Chúa Trời.

- ...

Rồi ra, cái biết của loài người đi từ *tuyệt- đối luận* (dogmatisme) đến *vô-tri luận* (agnosticisme) cho đến *kinh-nghiệm luận* (pragmatisme), hoặc *giả vô thần* (athéisme), *hữu thần* (théisme), *phàm thần* (panthéisme), hoặc *duy tâm sử quan*, *duy vật sử quan*, *duy sinh sử quan*,... ba -bè- bảy-mối! Thật là khốn-khó khi muốn tìm cái biết, cái sống nơi mình...

F/ Biện-chứng-pháp là một *phương-pháp diễn-tả* bằng cách cho thấy những *mâu-thuẫn* trong một cuộc *đối luận*, để đi đến một sự thật (*Dialectic is the art of arriving at the truth by disclosing the contradictions in an opponent's argument and overcoming them.*) ”.

Những điều nêu trên, ta có thể tóm gọn rõ-ràng, và khúc-chiết. Về triết-học hay đạo học, trong đời sống con người có liên-hệ chặt-chẽ với thiên-nhiên và xã-hội, nên ba mặt: **Vũ-trụ - Xã-hội và tư-tưởng thống-nhất.**

Thật vậy, con người không thể sống ngoài thiên-nhiên, cũng như ngoài xã-hội, và cũng có tư-tưởng mà loài người mới có lịch-sử và văn-hóa.

Trong **biện-chứng pháp** thường có ba mệnh-đề được đặt ra: *hiện đề* (thésis), *phản đề* (anti-thésis), và *hợp đề* (synthésis).

Hiện đề là một hiện-trạng của một thực-tại... Trong mỗi hiện-đề đã chứa-chất mầm-mống mâu-thuẫn, đối-chọi với chính nó. Nhờ sự đối-kháng này mới phát-sinh tiến-bộ. Sức đối-kháng này được gọi là “**phản đề**”. Có thể nói bất-cứ một “hiện đề” nào, tự nó đều có thiếu-sót, bất toàn. Do đó, cần có một “**phản đề**” để bổ-túc cho nó. Chính “**phản đề**”, tự nó cũng không hoàn-toàn đúng. Bởi vậy, cần liên-kết “**hiện đề**” và “**phản đề**” lại với nhau, làm thành một “**hợp đề**”. Hợp đề

chính là kết-quả của sự thanh-lọc những cái dở, và chỉ giữ lại những điều đúng trong “hiện đề” và “phản đề”. Trong quá trình tiến-triển của tư-tưởng để tìm ra chân-lý, trí khôn con người luôn áp-dụng phương-pháp biện-chứng. Do đó, “hợp đề” tự nó trở thành một “hiện đề” mới, rồi mâu-thuẫn với chính nó để phát-hiện ra “phản đề” mới. Hai bên dung-hòa với nhau để tạo thành “hợp đề”. Cứ như thế, biện-chứng pháp lập đi lập lại.

Áp-dụng trong đời sống tinh-thần, văn-học, kinh-tế, chính-trị, biện-chứng pháp tạo ra sự tiến-bộ, tinh-thần dân-chủ của Âu Mỹ. Lòng cầu tiến, luôn đổi mới, nhờ phê-bình, đối-lập, tranh-luận, để tìm cách dung-hòa các lập-trường khác-biệt, mà tiến dần đến sự hoàn thiện, hoàn-hảo, chứ **không khư-khư cho mình là đúng, trong khi chưa nhìn được toàn diện của vấn-đề**.

G/ Bàn đến sự “phiến-diện, hay nhìn một mặt”, (thiếu tính-cách “toàn diện”), truyện “Năm anh mù sờ voi” kể lại: “Một hôm có một đoàn xiệc đến một thành-phố. Vì là đoàn xiệc nổi tiếng, và có nhiều thú vật biểu-diễn những trò ngoạn-mục. Khi đoàn xiệc vào thành-phố, các trẻ-em chạy coi rất đông, nhất là khi thấy đàn voi, con biết đưa vòi quăn người lên lưng voi, con biết quỳ hai gối trước, con biết đưa một chân trước để vẫy,...các em hoan-hô rầm trời, làm mấy chú xẩm ngồi các hẻm phố cũng náo-nức muốn biết voi hình thu ra sao, là giống vật như thế nào mà tinh-khôn đến thế.

Năm ông thầy bói mù (xẩm) liền rủ nhau đến rạp xiếc để coi voi (thực sự là đi sờ voi). Sau khi được chủ đoàn “xiếc” đồng ý, anh nài coi voi dẫn 5 ông thầy bói mù lại lều voi. Năm ông thầy bói mù, mỗi ông sờ một bộ phận của voi. Ông sờ vòi voi thì nói “nó thun như con đĩa vĩ-dại”, ông sờ vào chân voi nói “nó giống như cái cột nhà”, ông sờ vào tai voi thì nói “nó giống như cái quạt to”, ông sờ vào đuôi voi, nói “nó giống như cái chổi”, ông sờ vào ngà voi thì hô nó giống như cái đòn xóc gánh lúa”.

Thế là năm ông cãi nhau, ông nào cũng cho chỉ mình là đúng, vì chính tay mình sờ thấy, kết-quả cuối cùng năm ông dùng gậy dò đường đánh nhau! Quả là một ngụ ngôn lý-thú! Mỗi ông thầy bói đều nói đúng sự thực, đúng theo hiểu biết riêng mình, nhưng trở-trêu là mỗi ông chỉ sờ được một bộ-phận của voi!

Tìm kiếm chân-lý là nhu-yếu của tri-thức. Trong sinh-hoạt xã-hội người có nhiều khuynh-hướng. Chính nhờ vậy mà có tiến-bộ. Năm thầy bói chỉ vì muốn cho mình là đúng, tương-tự trong lịch-sử tông-giáo thế-giới đã nói lên những tàn hại về sự độc tôn, độc quyền tư-tưởng!

Nói đến chân-lý của vấn-đề, xưa nay thường bị lẫn-lộn giữa *chân-lý tuyệt-đối* và *chân-lý tương-đối*, hay chân-lý khách-quan của vũ-trụ và chân-lý chủ-quan của con người.

Câu truyện “Năm anh mù sờ voi”, cổ nhân Việt cốt tránh cho chúng ta rơi vào vòng cố-chấp.

H/ Cấu-trúc của triết-học.

Từ lâu, các triết-gia hằng băn-khoăn, cố-gắng tìm hiểu ý-nghĩa của hiện-tượng sống, đặc-biệt đời sống của con người.

Loài người đã khám-phá ra rằng: Hiện-tượng sống không phải do yếu-tố “vô hình” như Duy Tâm chủ-trương, hoặc do vật-chất như Duy vật giải-thích. Một sự thực không thể chối-cãi “Loài người được sống đến ngày nay, và còn được sống đến ngày mai”. Thực-tại cho thấy: hiện-tượng sống bao-giờ cũng được sản-sinh ra bởi ba phạm-trù: **TỰ NHIÊN, XÃ HỘI và TƯ TƯỞNG, luôn-luôn vận-động và kết-hợp**.

Bốn điều : ***Căn Bản Nghĩa, Căn Bản Học, Căn Bản Luận và Căn Bản Quan*** là bốn điều căn-bản hay là ***bốn chìa-khóa*** để mở cửa vào triết-học.

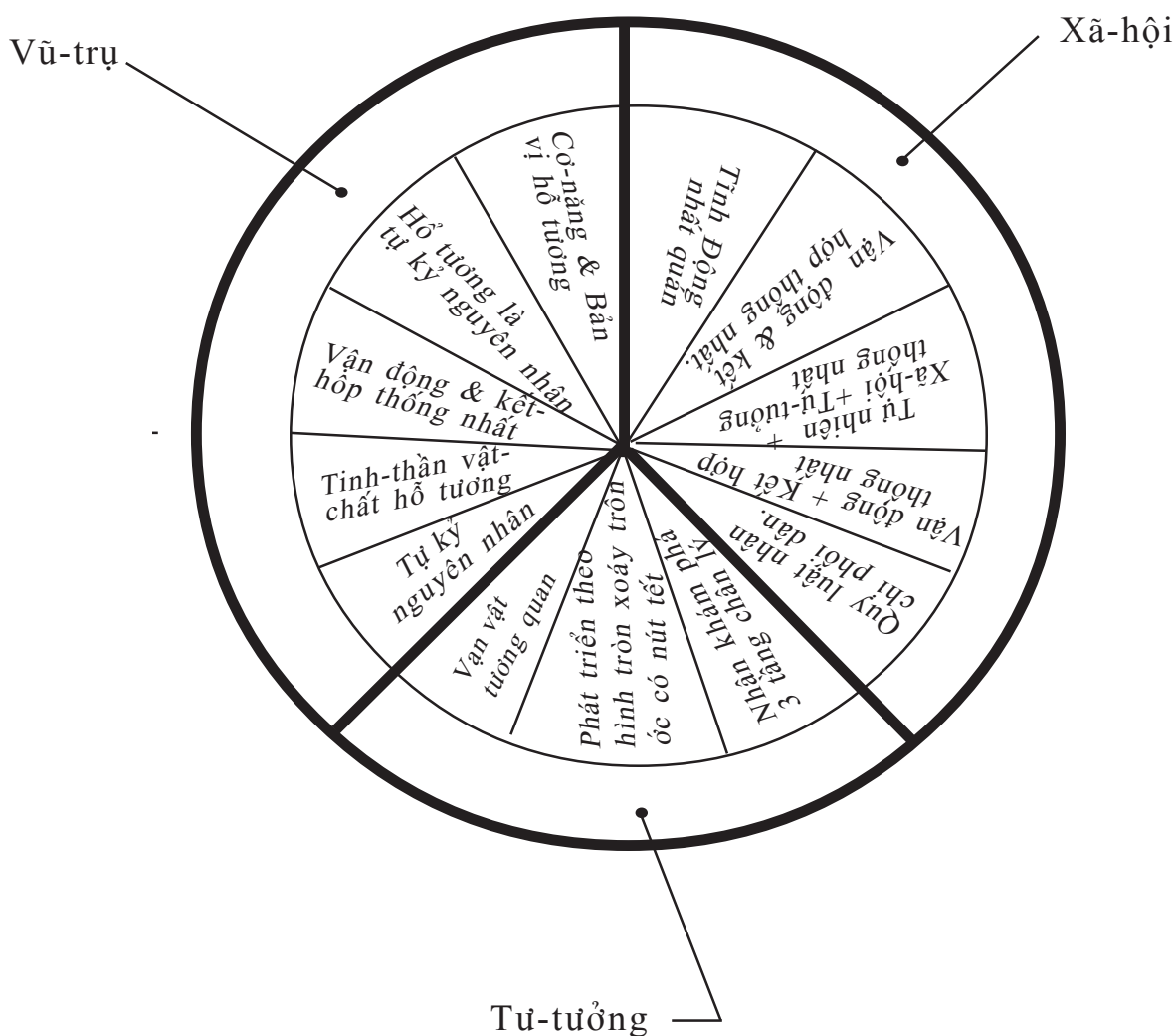
I/ Một số vấn-đề trong triết-học:

- Đối-tượng để suy-tư (*thiên-nhiên huyền-bí; sống chết vô thường,...*)
- Yếu-tố suy-tư (*óc phê-phán tìm-tòi, khả-năng trí-tuệ,...*)
- Điều-kiện suy-tư (thời gian và sự tĩnh-mặc).
- Kỹ-thuật sáng-tác, (tác phẩm mang dấu ấn xã-hội, và thời-đại (cá nhân, xã-hội, tập thể).



K/ ĐỒ BIỂU CẤU TRÚC TRIẾT HỌC

(Theo nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A)



L/ 9 Quan-điểm chính-thống trong triết-học.

Quan điểm 1: Học hiểu là đi tìm chân-lý của sự-thực, và cũng phải thống-nhất trên lập-thể với tọa-độ 4 chiều (không gian 3 chiều + 1 chiều thời gian). Có như vậy, mới có thể tìm ra chân-lý của sự-thực, với cái nhìn toàn-diện, tiêu-chuẩn-hóa được mọi nhận-thức để ổn-định được nhân-sinh.

Học là tìm phương-châm, phương-thức là giải-thích được sự-kiện, và nắm-giữ cùng vận-dụng được sự-thực. Hiểu là tác-dụng của học, đạt được các yêu-cầu trên.

Dạy là truyền-thụ cho người về học hiểu.

Quan điểm 2: Luận về triết-học-sử cần theo cách nhìn của **triết-học tổng-thể Duy Nhân**. Triết-học-sử là sự nghiên-cứu các ý-thức-hệ theo dòng thời-gian dưới quan-điểm tung-hợp, thống-nhất và rộng nghĩa. Bởi triết-sử:

- Không phải là lịch-sử tranh-đấu đời-đời kiếp-kiếp của hai phái Duy Tâm và Duy Vật, cũng không phải rút-cực và sự điều-hóa của Duy Sinh (hay lưỡng nguyên).
- Không phải là phản-ảnh bình-diện và mơ-hồ của mục-đích cầu sinh.
- Không phải là cái vận-hành định-mệnh và kiệt-tác của tuyệt-đối tinh-thần hay là thượng-đế tối-cao.

Quan điểm 3: Chân-lý tối hậu dùng làm cơ-sở lý-luận cho nền triết-học thực-tiễn, nhân-bản, nhân-chủ, nhân-tính - 3 tầng chân-lý.

- Chân-lý thiên-nhiên là chân-lý **vô nguyên**.
- Chân-lý về con người là chân-lý **tuyệt-đối**.
- Chân-lý về xã-hội là chân-lý **tương-đối**.

Duy-Tâm, Duy-Vật và Duy-Sinh phát-sinh ở sự giác-ngộ sơ khai của loài người trên tiến-hành sinh-hoạt, nó phát-sinh ở sự tìm-tòi của loài người, một y-quy vũ-trụ của tinh-thần, trên quá-trình khám-phá và khai-quật vũ-trụ làm đề-uẩn cho sống còn. Nó phát-sinh dưới điều-kiện loài người đang vật-lộn, chưa thoát ra khỏi điều lẫn-quẩn tinh-thần về vũ-trụ-quan. Làm gì có thuần-túy duy-tâm, duy vật với duy-sinh trên toàn-bộ thể-hệ mình. Cũng chẳng phải là sự không thuần-túy ấy, nguyên-nhân ở sự hấp-thụ lẫn nhau về lý-luận trên quá-trình tranh-đấu triết-học-sử.

Cơ-sở của triết-học mà thế-giới cũ 1940 trở lại gọi là đệ nhất lưu triết-học; còn các triết-học chi-phái, chur tử thì quá tạp-nhập... Còn các triết học đệ tam lưu, lấy môn học tự thân làm đối-tượng, xuất-phát và căn-cứ như khoa-học chủ-nghĩa, nông nghiệp chủ-nghĩa,...chỉ là thu-đoạn nghiên-cứu trong bao nhiêu thu-đoạn.

Tất-cả những hiệu-quả học- hiểu của loài người Đông, Tây, kim, cổ một mối thống-nhất là **Triết-học Duy Nhân toàn-bộ của toàn-thể, toàn trình và toàn-diện**. Lột hết những mũ nón, lột hết những bì vỏ của các chủ-nghĩa ra, chỉ còn cái nội-dung Duy Nhân, chỉ còn **một đạo thống kim, cổ Đông, Tây một mối thống-nhất là triết-học Nhân chủ Duy Nhân**.

Quan-điểm 4: Chỉ có sự học - hiểu tung-hợp, thống-nhất và rộng nghĩa của triết-học **tổng-thể Duy Nhân mới triệt-để chối-bỏ được triết-học duy-vật thiên-lệch và hẹp nghĩa**.

Cái vật-chất đem lên làm thủy-tổ của vũ-trụ chứng-thực... Cái đối-tượng tối-

cao của triết-học Duy-Vật là duy-nhiên bộ-phận trên toàn biện-chứng tiêu-cực, mà cái xuất-phát tối-sơ của triết học Duy-Vật tất là loài người trong duy nhiên động vật trạng-thái, cái căn-cứ tối-định của triết-học Duy-Vật là kinh-tế tiến-hóa vận-động bất-đầu từ phi kinh-tế. Giai-cấp đấu-tranh luận là nhập dụng của kinh-tế căn-cứ. Vô sản thống-trị luận là nhập dụng của tiêu-cực biện-chứng. Công-nghiệp thuần-túy hóa là nhập dụng của tự-nhiên kinh-tế. Từ duy nhiên duyên-trường vào duy nhân và duy dân, cái hư-vô đi-đôi với thủ-đoạn lý-luận.

Tinh-chỉ của chủ-nghĩa Duy Vật là cái tác dụng của sự tiến-hóa của lịch-sử, quy-định sự hữu ích trên nền-tảng và điều-kiện thời-đại thế-kỷ XIX.

Quan điểm 5: Theo quan-điểm triết-học tổng thể Duy Nhân mới có thể triệt-để chối-bỏ được triết-học Duy-Tâm siêu-hình, thiên-lệch và hẹp nghĩa.

“Thần” chỉ là phản-ảnh tâm-lý quán tượng của loài người từ sau ngày xã-hội đã tương-đương tiến-bộ, và dừng lại trên giai-đoạn hưởng-thụ và bảo-thủ. Gọi trận-doanh triết-học này là Duy Tâm cũng không hẳn đúng bằng gọi nó là Duy Thần.

Quy-luật trung-tâm là tinh-thần vận-động khách-quan thực-tại không lấy gì mà chứng-thực để mang phục-vụ cho loài người.

Nếu vị thần tối-cao được xem như vị đã sáng-tạo ra tất-cả và được độc-tôn là tới giai-đoạn “độc thần” như Do Thái giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Bái Hỏa giáo, Du Già giáo,...

Quan điểm 6: Phê-phán về triết-học Duy Sinh:

Cái “sinh nguyên” mà lý luận Tam Dân định đặt vào làm thủy-tổ vũ-trụ, chỉ là cái tế-bào hữu-cơ sinh-vật. Thà nói thẳng rằng sinh-vật là khởi-điểm triết-học của duy sinh. Cái trung-tâm quy-luật cầu sinh mục-đích là tối-cao tiêu-điểm và vận-động của xã-hội, không có được tác-dụng quyết-định cho tiêu-chuẩn chân-lý loài người. Loài người cố-nhiên phải sinh sống, nhưng mà sinh sống phải là điều-kiện thẩm-thấu, và thông-qua một nền-tảng gì? Một điều cứu-cánh là quan-niệm siêu hình không toàn bộ? bằng một phương-thức nào? Có một chỉ-đạo gì? Cầu sinh trên thuần-túy cầu sinh và tuyệt-đối cầu sinh không phải là chân-thực mục-đích của loài người, chỉ là chân thực mục-đích của hạ cấp động-vật.

Quan điểm 7: Luận về triết-học tổng thể Duy Nhân.

Tất-cả những tiền đề Tâm, Vật, Sinh, Thức, v.v... ví như những ngẫu-tượng, nếu nắm được, đem lý-tắc hóa, đều chỉ là trừu-tượng!

Chỉ có sự thực “Duy Nhân” là:

- Người là tối-cao đối-tượng của loài người.
- Lấy người làm tối-sơ xuất-phát, sự tiến-hành đời sống người - Thực-tế người trên nền-tảng thành-lập xã-hội người.
- Lấy nhân đạo làm tối-định căn-cứ của loài người.
- Sự thực-hiện lịch-sử của phạm-trù người, lý tưởng người là tối thực luật-tắc của loài người.
- Lấy nhân đạo làm tối-định căn-cứ của loài người.
- Sự thực-hiện lịch-sử của phạm-trù người, lý tưởng người là tối thực luật-tắc của loài người.

Phạm-trù, luật-tắc, phương-pháp thuần-túy khác với các thứ biện-chứng (Duy Tâm, duy Vật, duy Sinh biện-chứng, thực-dụng lý-tắc, v.v...) bởi ở cái căn-cứ, xuất-phát và nền-tảng đệ nhất của vận-dụng quyết-định cái phương-hướng và thành-tựu

của nó.

Quan điểm 8: Cấu-trúc “Vận Động” và “tiến-hóa” của Lý Đông A.

Các phạm-trù của luật-tắc và phương-pháp của biện-chứng là công-cụ và vũ-khí tinh-thần của loài người khám-phá ra để chinh-phục vũ-trụ và mở-mang nhân-đạo.

Duy Dân biện-chứng đã vận-dụng nguyên-tắc toàn trình (Vận-động và kết-hợp là hổ-tương nguyên nhân), tung-hợp được cả hai công-cụ đó mà đào luyện nên công-cụ mới.

-Vận-dụng nguyên-tắc vô nguyên, nhất nguyên và đa nguyên, tung-hợp biện-chứng, phân tích được những đặc-thù để phối-hợp thành biện-chứng tung-hợp.

-Vận-dụng nguyên-tắc duy nhiên, duy nhân, và duy dân, tùy theo lãnh-vực đặc-thù trên lãnh-vực thống-nhất.

Quan điểm 9: Áp-dụng triết-học Duy Nhân vào việc kiến-thiết.

- Nhân-loại phát-triển theo quy-luật nội tại (Đạo kỹ).

- Nhân-chủ là sự chủ-tể vũ-trụ và vận-mệnh bằng loài người.

- Sự chủ-tể chính-trị loài người bằng loài người, bằng hoạt-động công-cụ của mọi người. Nó là chân-chính dân trị.

- Sự phát-minh ra triết-học Duy Nhân là vì nhu-yếu tung-hợp thúc-bách của thời-đại:

* Đem loài người về bản-thể loài người.

* Về chủ-đạo tự-giác và tự-chủ của loài người.

* Đem quốc-dân về bản-thể quốc-dân.

* Đem quốc-gia hoạt-động về tự-giác và tự-chủ của quốc-dân.



Di tượng Trạng Trình, Nguyễn Bình Khiêm

Một thực thể nhân-loại thống-nhất ngày nay đang manh-nha cần phải vượt qua nhiều vận-động khó-khăn mới có thể trưởng-thành đến sinh-hoạt hòa-đồng, đồng tiến. Ngay cả khi đạt được đến tuổi trưởng-thành ấy thì sinh-hoạt hòa-đồng cũng là một vườn hoa trăm sắc, muôn hương, chứ không phải một sắc, hương nào.

Lịch-sử nhân-loại xưa nay đã có biết bao nhiêu tư-tưởng. Nhiều tư-tưởng đã làm căn-cứ cho tông-giáo, làm nền-tảng cho cương-thường đạo-lý, làm khuôn thước cho các tổ-chức, đoàn-thể; làm căn-bản, đường-lối cho giao-tế, vận-động, truyền-truyền...

Diễn hình các hệ tư-tưởng lớn như: Duy Tâm (Duy Thần), Duy Vật, Duy Sinh, Duy Thức, v.v.... đã gây nên những biến-cổ vĩ-đại trong lịch-sử nhân-loại, nhưng chỉ vì hiểu sai hay chưa rõ về ‘**nhân tính**’, và ‘**nhân bản**’ nên con đường xây-dựng cho nhân sinh còn gặp nhiều trắc-trở.

M/ Thế nào là ‘**nhân bản**’ ?

Con người khi hình-thành là **một tổng-thể của tâm - vật - sinh**. Cuộc sống của con người trở thành một bản-vị có sinh-mệnh tính, nghĩa là cuộc sống có “*hướng tâm*”, “*hướng tha*”, và “*hướng thượng*”, vận-động có tự chủ tính, tự-do tính, và có mục-đích.

Do “*hướng tâm*” vận-động, mà con người tự thương mình, và những gì liên-quan đến mình, cùng có tư hữu tính... Do “*hướng tha*” vận-động mà con người tạo-lập xã-hội, thiết-lập gia-đình, thị-tộc, bộ-lạc, dân-tộc nương theo nguyên-lý “*vận-động và kết hợp là hỗ tương nguyên-nhân*”. Do “*hướng tha*” vận-động nà loài người có nhu-cầu tập-thể, sáng-tạo ngôn-ngữ, nghệ-thuật, văn-hóa, luật-pháp, cơ-cấu, định-chế, v.v... để cùng sống với nhau.

Hướng thượng vận-động là xu-hướng đặc hữu của con người, **chỉ “người” mới có**, khiến người tiến cao mãi hơn các động-vật khác (*nhân linh ư vạn vật*).

Sự vận-động của ba xu-hướng “*hướng tâm, hướng tha và hướng thượng*” của con người trong thời-đại và các tác-động trên thiên-nhiên, trên loài người mà làm nên các lãnh-vực kinh-tế, chính-trị, văn-hóa, xã-hội,...

Sự biến-chuyển lịch-sử của loài người chính là những biến-chuyển qua sự vận-động của ba xu-hướng hướng tâm - hướng tha và hướng thượng. Nói cách khác, chính con người làm nên lịch-sử.

Đặt con người làm chủ đạo nhân-sinh, tích cực phấn-đấu để xây-dựng tư-thế, cải-tạo hoàn-cảnh, lấy tự-chủ, con người có trách-nhiệm cho chính mình. Trong các truyện thần thoại, thi ca Việt đều đặt vị-thế con người làm chủ thể cuộc sống. Con người là gạch nối giữa Trời và Đất. Truyện ông Bàn Cổ không do thần linh, mà tự mình xuất-hiện, “*phán định âm dương*”. Ông Bàn Cổ lớn đến đâu, kích-thước vũ-trụ lớn rộng đến đó (*Sức biết con người đến đâu thì vũ-trụ có tên đến đó*).

Nhà chí sĩ Trần Cao Vân đã để lại bài thơ bất hủ ,

“Vịnh Tam Tài”

*Trời, Đất sinh ta có ý không?
Chưa sinh trời, đất có ta trong.
Ta cùng trời, đất, ba ngôi sánh
Trời đất cùng ta một chữ đồng
Đất nứt ta ra, trời chuyển-động,
Ta thay trời , mở đất mênh-mông.
Trời che, Đất chở, ta thông-thả,
Trời , Đất, Ta đây đủ hóa công.*

Song-song với tinh-thần **nhân bản** là tinh-thần nhân chủ. Con người hơn các động vật khác do có giác-ngộ tính, sáng-tạo tính, xã-hội tính, và có tư-tưởng, có mục-đích cho cuộc sống. Cuộc sống tuy bị hoàn-cảnh chi-phối, nhưng ý-chí con người có thể xoay-chuyển được hoàn-cảnh, cho nên cụ Nguyễn Du đã viết:

“ Có trời mà cũng có ta ”

hay “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.

Người là nguồn-gốc, đồng-thời là cứu-cánh của xã-hội. Nhân bản là lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội loài người trên tự tính làm gốc; lấy nhân-dân làm gốc, lấy toàn thể-giới nhân-loại làm gốc của mỗi kiến-chế, kiến-trúc và kiến-thiết xã-hội. Cho nên sứ mạng của người trong xã-hội là **phục-vụ người, vì người và cho người**.

Tinh-thần đấu-tranh để sinh-tồn, trong truyện “*Cổ Tích Nước Nam*” còn để lại câu truyện ngộ-nghĩnh, và vui-nhộn, là truyện “*Cóc đi kiện ông Trời*”:

“Ngày xưa ngày xưa, cóc vẫn sần-sùi, xấu-xí, nhưng cóc nổi tiếng giữa muôn loài là một con vật tuy bé nhỏ, nhưng rất gan-dạ. **Gan cóc tiá** mà lại. Vào một năm, không rõ năm nào, trời làm hạn hán khủng-khiếp! Nắng lửa hết tháng này đến tháng khác, thiêu cháy cây-cối, hút cạn nước sông ngòi, đầm hồ. Muôn loài không còn một giọt nước để uống. Các con vật to lớn hùng mạnh xưa nay, tác oai tác quái trong rừng đều nằm lè lười mà thở để chờ chết, không ai nghĩ được kế gì để cứu mình, cứu muôn loài. Sức mạnh của chúng chỉ để bắt nạt nhau, chứ đâu có thể làm gì nổi ông trời. Duy có anh chàng Cóc Tía bé nhỏ, xấu-xí kia mà có gan to.

Anh tính chuyện lên thiên-đình kiện trời để làm mưa cứu muôn loài. . . .

Khởi đầu, chỉ có một mình, nhưng anh đâu có nản. Đi qua một vùng đầm khô, Cóc Tía gặp Cua Càng. Cua hỏi Cóc đi đâu? Cóc bèn kể rõ sự tình và rủ Cua cùng đi kiện trời. Ban đầu Cua định bàn ngang. Thà chết ở đây còn hơn, chứ Trời xa thế, đi sao tới mà kiện với tưng. Nhưng những con vật ở quanh Cua nghe Cóc nói lại tranh nhau mà bàn ngang bàn lùi, làm cho Cua nổi giận. Nói ngang, bàn ngang là chuyện của Cua, thế mà họ lại dám tranh mất cái quyền ấy, cái quyền được phép “ngang như Cua” cơ mà. Thế là Cua làm ngược lại. Cua tình-nguyện cùng đi với Cóc.

Đi được một đoạn nữa, Cóc gặp cạp đang nằm phơi bụng thở thoi-thóp. Gấu đang chảy mỡ ròng-ròng và khát cháy họng. Cóc rủ gấu và cạp đi kiện trời. Cạp còn lưỡng-lự thì gấu đã gạt đi mà rằng:

- Anh Cóc nói có lý, chẳng lẽ chúng mình cứ nằm ở đây đợi chết khát cả ư . . .Ta theo anh Cóc thôi. Đến ngang như anh Cua còn theo anh Cóc được thì tại sao chúng mình không theo.

Cả bọn nhập lại thành đoàn. Đi thêm một chặng nữa gặp đàn ong đang khô mật, và con Cáo bị lửa nướng cháy xém lông. Cả hai con vật này cũng hăng-hái nhập đoàn loài vật đi kiện trời do Cóc cầm đầu.

Cóc dẫn các bạn đi mãi, đi mãi đến tận cửa thiên đình. Khi đi trên đường, cả bọn đều hăng-hái, nhưng đến trước cửa Trời oai nghiêm, bọn cạp, gấu, cáo, ong, cua đều sợ, duy chỉ có Cóc là gan liền, dong-dạc ra lệnh:

- Bây giờ các anh phải nghe lời tôi. Kia là chum nước của Trời, anh Cua vào nấp trong ấy. Anh Cáo nấp ở phía bên trái tôi, anh Gấu nằm ở phía bên phải tôi, còn anh Cạp chịu khó nằm đằng sau tôi. Các anh có nghe lệnh của tôi thì mới mắng được trời.

Tất-cả đều nghe lệnh của Cóc. Sắp đặt xong đâu đấy, Cóc mới nhảy lên mặt trống

đánh ba hồi âm vang như sấm động.

Ngọc Hoàng đang ngủ trưa một cách lười biếng, bị tiếng trống lôi-đình đánh thức dậy nên bực-tức, bắt thiên-lôi ra xem có chuyện gì? Thiên Lôi lười biếng vội phủ bụi và mạng nhện giăng dây trên lưỡi búa tầm-sét, cầm cổ chạy ra. Thiên Lôi ngạc-nhiên, vì ở ngoài cửa thiên-đình chẳng thấy có một người nào cả, chỉ thấy mỗi một con cóc xù-xì xấu-xí đang ngồi chễm-chệ trên mặt trống của nhà trời. Thiên Lôi hết nhìn con Cóc lại nhìn lưỡi búa tầm-sét khổng-lồ của mình, và thở-dài vì cái búa to quá mà Cóc nhỏ quá, đánh chưa-chắc đã trúng được. Thiên Lôi bèn cầm cổ vào tâu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe xong, bực lắm, bèn sai con Gà trời bay ra mổ chết chú Cóc hỗn-xược kia.

Gà Trời vừa hung-hăng bay ra thì Cóc đã nghiêng răng ra hiệu, lập-tức chàng Cáo nhảy ra cắn cổ gà tha đi mất. Cóc lại đánh trống lôi đình. Ngọc Hoàng càng giận-dữ, sai chó nhà trời xổ ra cắn Cáo. Chó vừa xông-xộc chạy ra thì Cóc lại nghiêng răng ra hiệu. Lập tức anh Gấu lừng-lững xổ ra đón đường tát cho Chó một đòn trời giáng. Chó chết tươi.

Cóc lại thúc trống lôi-đình, đánh thức Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng bèn sai Thiên Lôi ra trị tội gấu. Thiên Lôi là vị thần trời có lưỡi tầm sét, mỗi lần vung lên thì thành sét đánh ngang trời, thành sấm động bốn cõi. Sức mạnh của Thiên Lôi không ai bì được. Ngọc Hoàng yên trí lần này cử đến ông Thiên Lôi ra quân thì cái đám Cóc, Cáo ắt hẳn là tan xác. Vì thế khi ông Thiên Lôi vác lưỡi tầm sét đi, Ngọc Hoàng lại co chân nằm trên ngai vàng mà ngủ tiếp. Thiên Lôi vừa hùng-hổ vác búa tầm sét ra đến cửa thiên đình, thì Cóc đã nghiêng răng ra lệnh, lập tức chàng Ong nấp trên cánh cửa bay vù ra, và cứ nhè vào mũi Thiên Lôi mà đốt. Nọc Ong đốt đau lắm, mũi Thiên Lôi rát như phải bỏng. Nhớ là ở cửa trời có chum nước. Thiên Lôi vội-vàng vớt cả búa tầm sét, nhảy ùm vào chum nước trốn. Nào ngờ, vừa nhảy ùm vào chum nước, thì anh Cua Càng nấp trong đó từ bao giờ, đã chờ sẵn để giương đôi càng như đôi gọng kìm, cặp chặt lấy cổ. Thiên Lôi đau quá, gào thét, vùng-vẫy vỡ cả chum nước nhà trời. Thiên Lôi tìm đường chạy trốn thì Cóc Tía lại nghiêng răng ra lệnh. Lập tức Cọp nấp sau Cóc Tía nhảy bổ ra gầm lên một tiếng vang động, xé tan xác Thiên Lôi. Ngọc Hoàng thấy thế sợ quá bèn xin giảng hòa với Cóc, và xin Cóc cho nhận lại xác Thiên Lôi để cứu chữa. Cóc bằng lòng ngay. Theo lệnh nghiêng răng của Cóc, Cọp và Gấu vác xác Thiên Lôi xếp ở giữa sân điện triều-đình. Ngọc Hoàng ra tay làm phép, tưới nước Cam-lồ. Nhờ phép của Ngọc Hoàng, Thiên Lôi mới được sống lại. Ngọc Hoàng nghĩ mình đường-đường là một ông Trời mà lại chịu thua Cóc thì thật là điều sỉ-nhục, định lại sai Thiên Lôi phục hận. Cóc biết thế nào Ngọc Hoàng cũng lật-lọng. Cóc lại nghiêng răng. Lập-tức các bạn của Cóc dàn trận. Ong giương nọc, Cáo giương nanh, Cọp giương vuốt, Cua giương càng, Gấu giương cánh tay đầy sức mạnh. Thiên Lôi vừa thoát chết hoảng quá, lùi lại không dám tiến lên, thụt-lùi nấp sau chiếc ngai của Ngọc Hoàng. Các tướng nhà trời oai-phong lẫm-liệt thấy đến ông Thiên Lôi còn sợ-sệt thì hoảng quá, tìm kế thoái lui. Thấy tướng nhà trời của mình như vậy, Ngọc Hoàng biết không thể thắng nổi Cóc, bây giờ Ngọc Hoàng mới thực bụng giảng hòa, và hỏi Cóc lên tận thiên-đình có việc gì. Cóc oai-phong, dong-dạc thưa:

- Đã bốn năm nay, dưới trần-gian hạn hán, muôn cây khô héo, vạn-vật chết khát....Tuởng Ngọc Hoàng bận gì hoặc là giận gì trần-gian mà ra phúc họa. Ai ngờ lên đây mới biết Ngọc Hoàng và các tướng nhà trời ngủ quên, không nhớ đến việc làm mưa, cứu muôn vật, muôn loài dưới trần thế... Chúng tôi phải lên tận đây đánh thức Ngọc Hoàng, xin Ngọc Hoàng làm mưa ngay cho trần-gian được nhờ.

Ngọc Hoàng vội an-ủi: - Cóc với ta là chỗ thân tình, ta sẽ sai thần mưa, thần gió xuống hạ giới làm mưa ngay bây-giờ.....

Cóc lay tạ, và thưa:

- Muôn tâu Ngọc Hoàng, trần-gian được một trận mưa cứu khát, thật là đội ơn Ngọc Hoàng. Nhưng nếu ở hạ giới mà hề bị hạn hán thì anh em chúng tôi lại lên đây kêu với Ngọc Hoàng.

Nghe thế, Ngọc Hoàng hốt-hoảng xua tay:

- Thôi khỏi, thôi khỏi phải bận như thế. Cóc không phải lên thiên-đình nữa. Khi nào có hạn hán, cậu muốn ta làm mưa, chỉ cần nghiêng răng là ta nghe thấy liền. Từ đó, hề Cóc nghiêng răng là trời lập-tức đổ mưa, nên đồng-dao có câu hát rằng: Con cóc là cậu ông Trời, Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho.

N/ Nhân tính : Bàn về nhân bản, mà không luận đến nhân tính là chỉ bàn đến cốt lõi vị trí của con người, mà chưa nói đến nội-dung, bản tính ra sao? Chính ở điểm không hiểu rõ ‘Tính Người’ mà nhiều học-thuyết về xã-hội đã thất-bại trên đường xây-dựng nhân sinh.!

* Bàn về tính người, , Khổng Học cho rằng:

“Khắc kỷ phục lễ vì **nhân**” (nghiêm-trị tư dục nơi mình là khắc kỷ, hồi-phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân.) dù đã được diễn rộng ra.

“Những cơ thể nơi thân mình như: con mắt, cái miệng, lỗ tai, thân xác, đó là kỷ, muốn khắc kỷ, trước phải lưu ý ở bản thân, hề điều gì không đúng với lễ trời tức là phi lễ, đã phi lễ tức là tư dục, nếu chiều theo, tức là không khắc được kỷ, không phục được lễ, nên phải thường hồi trong lòng hề có cái gì phi lễ ở trước mắt thời chớ dờm, biết được cái gì phi lễ ở bên tai thời chớ nghe, những lời lẽ gì mà phi lễ thời miệng chớ nói ra, những công việc gì biết phi lễ thời thân chớ làm. Những cái phi lễ đã đoạn-tuyệt tức khắc phục lễ (**phục được thiên lý**). Bỏ hết được cái trái, thời cái phải hiện ra, làm nhân đâu có khó gì?

- Sách Trung Dung có câu: “Nhân giả, nhân dã”. Gọi bằng đức nhân chỉ là cái lòng tốt của người.

- “Đương nhân bất nhượng ư sư” = thấy việc nhân thì dù thầy mình cũng không nhường.

Đều là những lý-luận vu-vơ, ngoại trừ một đôi điều có thể chấp-nhận, vì khi nói đến ‘tính người không dời xa con người, như:

- “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối-đãi với người.

Nhân theo Khổng học là **tâm đức**; Nhân là bậc thí, lòng “nhân” nơi con người được ví như thiên lý? “Năng chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả, sở bất lự nhi tri giả, kỳ lương tri giả. Hải đề chi đồng vô bất tri ái kỳ thân giả; cập kỳ trưởng giả, vô bất tri kính kỳ huynh giả. Thân thân nhân giả, kính trưởng nghĩa dã, đạt chi thiên hạ giả. (Người ta có những điều chẳng cần học tập với ai mà tự mình hay được là cái **lương năng**. Có cái điều không cần suy-nghĩ mà tự-nhiên biết được là cái **lương-tri** vậy. Đứa bé con, miệng vừa biết cười, tay vừa biết nắm (hải đề nhi đồng) không đứa nào là không yêu cha mẹ nó; đến khi 9, 10 tuổi) không đứa nào không biết kính trọng anh nó. Cái biết như thế tức là lương-tri, lương tri nảy ra lương năng.

Nói cách khác, lương tri và lương năng tức là lương tâm, nên Mạnh Tử cho tâm người **tính thiện**.

Ngược lại, Cáo Tử lại cho rằng: “Tính do soạn thủy giả, quyết chư Đông phương tắc Đông lưu, quyết chư Tây phương tắc Tây lưu.” Nhân tính chỉ vì vô phân ư thiện, bất thiện giả, diệc do thủy chi, vô phân ư đông, tây giả. (Tính người ta như dòng nước chảy, trở sang Đông thì nó chảy sang Đông, trở sang Tây thì nó chảy sang Tây. **Tính người không phân biệt thiện với bất thiện, cũng như dòng nước không phân biệt Đông với Tây vậy.**)

Ông cho rằng **tính là do sinh-hoạt**, “*Sinh chi vị tính. Thực sắc tính dã.*” = Sinh-hoạt mà sinh ra tính. Ăn uống và sắc thái là tính (*Cáo Tử, thượng*).

Chú đến siuh-hoạt là chú trọng đến kinh-nghiệm. Nói cách khác, đó là quan-niệm thực-nghiệm về tính, khác với chủ-trương chú-trọng vào bản năng con người như Mạnh Tử. *Mạnh Tử* bác ý này: “*Thủy tính vô phân ư Đông Tây, vô phân ư thượng hạ hồ?*”

Tính của nước không phân Đông - Tây nhưng há không phân cao thấp sao? Người ta có lúc bắt phải làm điều bất thiện cũng như nước, có lúc bắt buộc phải lên cao đó vậy.

Theo Mạnh Tử, trong tính thiện có 4 mối:

1/ Lòng bất nhẫn hay trắc ẩn.

2/ Tâm tu ố: Biết cái việc đáng làm xấu mà sinh ra lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố.

3/ Lòng từ nhượng: Đụng lấy việc, không thừa nhận, không cạnh-tranh mà sinh ra lòng từ-chối nhân nhượng.

4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy chuyện trái mà trong lòng cho là trái.

Ở đây, ta thấy nếu căn-cứ vào *thiên lý hay thiên mệnh* (“*Thiên mệnh chi vị tính*” hay “*Nhân chi sơ tính bản thiện*”), hoặc *Mạnh Tử* đã lý luận : “*nước bao giờ cũng chảy xuống thấp*” mà cho tính người là thiện. Đó là một điều lầm lẫn (*lấy điều-kiện ở thể chất hay thiên-nhiên mà suy luận vào con người*) !

Tính người lúc sơ sinh, chính là tính **bẩm sinh (vô kỷ tính)**, và nước bao giờ cũng chảy xuống thấp do ảnh-hưởng sức hút của trái đất, nên không thể cho tính bẩm sinh hay nước chảy xuống thấp, mà cho tính người là “*vốn thiện*”!

Mỗi sự vật trong vũ-trụ được quan-niệm có hai mục-đích khách-quan và chủ-quan. Mục đích chủ-quan là căn-cứ trên các công-hiệu thực-dụng cho con người. Thí dụ cách người xử-dụng mưa tùy theo mục-đích; mục-đích khách-quan thường mang tính-chất đương nhiên của sự vật, như mưa là mưa. Nhưng tùy theo hoàn-cảnh mà khác nhau. Mưa đối với người đang phơi lúa là xấu, đối với người đang gieo mạ thì lại là tốt.

Vũ trụ thiên-nhiên trong mục-đích khách-quan là sự hiện hữu vô tình hay luật-tắc tự-nhiên. Đó chính là những luật-tắc khoa học khách-quan. Sang con người khai-thác quy luật khách-quan thiên-nhiên để phục-vụ cho con người, con người nắm được các luật-tắc thiên-nhiên tức là con người đóng vai-trò làm chủ vũ-trụ vật-chất.

Có một sự thực không thể chối cãi được là tự nhiên (thiên-nhiên) có trước loài người. Vũ-trụ đối với loài người là cực chất, là vật chất *vô hạn lượng tính, là vô hạn duyên khởi, vô hạn cứu cánh*. Tự nhiên thẩm-thấu vào con người, nên con người có tính “*bẩm sinh*” tức là tự-nhiên tính. Con người lại không thể sống đơn độc, con người phải sống trong đoàn-thể, trong xã-hội nên có thêm một tính khác (*thành tựu tính, xã-hội tính*). Con người lại vượt lên trên mọi động vật, mọi thú vật, nhờ có tư-tưởng dẫn-dắt để luôn-luôn có vận-động hướng thượng, sao cho đời sống mỗi ngày một tươi đẹp. Nói cách khác, con người không những có *tư kỷ tính, vị tha và hướng thượng tính*.

Ta có thể nói: Người là nguyên-nhân tạo ra sự thống-nhất của ba phạm-trù: “tự-nhiên”, “xã-hội” và “tư-tưởng” trong mọi hiện-tượng sống.

Ta cũng thấy rằng: không có người thì không có hiện-tượng sống. Do đó, *người chính là tiền đề đích-thực của triết-học*, chứ không phải là “**thần**”, là “**vật**” hay là “**sinh**”

nguyên”.

Người khác động vật là vì có nhân tính. Xã hội người chính là một tổ-chức có nhân tính. Nhờ nhân tính mà con người hình-thành xã-hội. Nhân tính nguyên khởi để cấu-tạo xã-hội là **“nhu -yếu tính, sắc tính, tự-vệ tính, và xã-hội tính.”** Đó là bốn đặc tính căn-bản của con người khi thành-lập xã-hội.

Nhu-yếu tính của con người phải lấy **“bình”** làm chuẩn, nghĩa là không có người nào bị chèn ép trong sự thỏa-mãn những nhu-yếu tinh-thần cũng như vật-chất. Sắc tính của người phải lấy **“trinh”** làm chuẩn, nghĩa là lòng trung thành song phương giữa nam và nữ.

Tự-vệ tính và xã-hội tính của người phải lấy **“hòa”** làm chuẩn. Liên-hệ giữa người và người là liên-hệ hòa-hài. Sống trong một xã-hội hòa-bình, đó là liên-hệ **cơ-năng bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân**.

Nhờ tư-tưởng quan-sát về vũ-trụ, tìm tòi các quy-luật trong vũ-trụ, áp-dụng định-luật khoa-học để giúp ích cho đời sống (*tán thiên địa chi hóa dục*), xã hội biểu-hiện các thành quả khách-quan, kinh-nghiệm tích-lũy qua các thời-đại, các sáng-tạo thấu nhận trong tập thể, xã-hội là phản-ảnh của tư-tưởng. Do đó, như trên đã tóm: *tư-tưởng - xã-hội - và vũ trụ thống-nhất và thường-xuyên vận-dộng*.

Vũ-trụ tự-nhiên là vũ-trụ vật-chất hiện hữu chung quanh con người. Bản thể của vũ-trụ vật-chất là **vô cùng nguyên-nhân, vô cùng duyên khởi, vô cùng cứu cánh, vô hạn lượng tính, vô hạn phương trình**. Quy-luật của vũ-trụ là các quy-luật khoa-học của vật-chất, trong đó các khoa-học-gia đã khám-phá được một phần chân-lý.

Trong nhận thức người, vũ-trụ vật-chất là thuần-túy khách-quan, là lý tính thuần-túy. Các quy luật khách-quan khi áp-dụng cho loài người cần được áp-dụng thích-nghi, hợp với bản-chất người và lợi ích cho con người. Do đó **vũ trụ và con người tuy tương-quan nhưng phải được phân-biệt để người không bị đồng-hóa với vật-chất và bị chi-phối bởi quy-luật thuần-túy vật-chất khách-quan**.

Áp-dụng tính-chất khách-quan của vật-chất vào con người tức là tiêu-hủy nhân tính và nhân phẩm, hạ giá-trị của người ngang hàng vật-chất.

Nếu **“thiên mệnh”** liên-hệ với tính người, hoặc **“thể mệnh”** liên-hệ mật-thiết với tâm linh, và **“thượng đế”** thì mờ đi vai trò nhân bản, và không thể nói:

“Có trời mà cũng có ta...”

hay *“Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.”*

(Kiều)

Đạo lý chữ **“nhân”** và tâm thuật người nhân tất bỏ **“lợi”** và **“mệnh”** (*vận mạng, mệnh số, hoặc sinh hoặc tử, hoặc họa hoặc phúc*) ra ngoài. Chân tinh-thần của chữ **“nhân”** là một thứ vô hình, vô ảnh, vô thanh, vô xứ. (*Phan Bội Châu Toàn tập/ tr. 89/ tập 9*)

Ngoài Mạnh Tử, còn có:

* *Tuân Tử, người nước Triệu, họ Tuân, tên Huống, tên chữ là Khanh, sinh thời Chiến Quốc, sau Mạnh Tử 40 năm. Ông chủ-trương: **Tính ác - Thuyết Phi mệnh**.*

* *Mặc Tử là đại-biểu đấu tranh trong xã-hội giai-cấp. Sự chia rẽ của Chiến Quốc là do sự lũng-đoạn của thành-phần nắm đặc quyền. Giai-cấp đặc quyền phải bỏ đi những phù hoa, xa-xỉ để đem lại **“bình”** cho đời sống đại chúng. Những bất-bình của xã-hội phải bị phá tan bằng **“nhân ái”**. Mặc Tử đã đi bộ suốt ngày đêm, mười buổi sang Sở, mang trí-thức và học-vấn xác-thực của mình để phá tan sùy-đồ của Sở trước, mang tinh-thần hy-sinh của chính mình ra tiêu-diệt tai-vạ của chiến tranh. Chỉ có hy-sinh và chiến-*

tranh để tiêu-diệt chiến-tranh. Chỉ có lý-tưởng tối cao, chân - thiện - mỹ ra phá tan được bất-bình.

Ta có thể nói Mặc Tử là tổng hòa những mô-hôi rách-rách chảy vào những tấm lòng lao-động.

Người ta đã so-sánh phần dị - biệt về tư-tưởng giữa Mạnh Tử với Tuân Tử, ngoài vấn-đề “*tính thiện*” với “*tính ác*”, còn có những điểm: Mạnh Tử thuộc về chủ-nghĩa “*tiên nghiệm*”, Tuân Tử thuộc về chủ-nghĩa “*kinh-nghiệm*”.

- Mạnh Tử chú trọng về “*tâm tính*”, nhằm xây dựng một hệ-thống triết-lý cho Nho học; Tuân Tử đề ý về chính-trị, xã-hội nhiều hơn.

- Trong phần tu dưỡng tâm tính, Mạnh Tử chủ trương “*quả dục*”, Tuân Tử chủ trương “*túc dục*”.

- Về phần bổn-lộc, Mạnh Tử giữ nguyên thể-chế thế tập, Tuân Tử chủ-trương “*vô đức bất quý, vô năng bất quan*” (kẻ thiếu đức không hưởng địa-vị cao sang, người thiếu tài không nên trọng dụng). Ông muốn giải-thoát con người ra khỏi chế-độ phong kiến.

- Mạnh Tử cố-chấp về giá-trị lý-tưởng cao-cả, Tuân Tử thích-ứng với trào-lưu mới, luôn-luôn nhấn mạnh làm sao cho quốc gia phú cường.

Tuân Tử tuy cho tính người là ác, nhưng ông cũng nhìn nhận giữa con người và vũ-trụ có tương-quan chặt-chẽ. Vì thế, ông có nói: “*Tính giả thiên chi tự*” (khi sinh ra người ta đã sẵn cái tính tự nhiên). Tính tự nhiên ví như tờ giấy trắng, nhuộm màu gì sẽ ra màu ấy. Sở dĩ nhân tính có thể thành ra ác là bởi lòng người nảy sinh dục-vọng: “*Kim nhân chi tính, sinh nhi háo lợi yên, thuận chi, cố tranh đoạt sinh, nhi tử nhượng vong yên... Sinh nhi hữu nhĩ mục chi dục, hữu háo thanh sắc yên, thuận chi. Cố dâm loạn sinh, nhi lễ nghĩa văn lý vong yên. Nhiên tắc tùng nhân chi tính, thuận nhân chi tình, tất xuất ư tranh đoạt, thập ư phạm nhân loạn ly, nhi quy ư đạo... Dụng thử quan chi, nhiên tắc nhân chi tính ác minh dĩ...*” (Tính người ngày nay, trời sinh có kẻ hiếu lợi, do đó mới sinh ra vấn đề tranh-đoạt mà mất đi tính khiêm-nhường...)

Trời sinh người ta có thứ dục vọng bởi tai mắt, thích nghe cái hay, nhìn cái đẹp, do đó mới sinh ra vấn đề dâm loạn, mà mất đi lễ nghĩa, đạo lý văn hóa. Vậy thì, nếu cứ chiều theo tính của con người thì sẽ diễn ra cảnh tranh giành, phạm tội loạn ly, rồi quy hết về bạo lực...

Cứ theo đó, thì quá rõ , tính người là ác vậy...”

Trong Nho Hiệu, Tuân Tử nói:

“*Tính dã giả, ngô sở bất vi năng dã, nhiên nhi khả hóa dã. Chú thố tập tục, sở dĩ hóa tính dã. Tích nhất nhị bất nhị sở dĩ thành tích dã. Tập tục di chí, an cửu di chất... Đồ chi nhân bách tính tích thiện nhi toàn tận vị nhi thánh nhân., Bĩ cầu chi nhị hậu đắc, vi chi nhị hậu thành, tích chi nhị hậu cao, tận chi nhị hậu thánh. Cổ thánh nhân dã giả, nhân chi sở tích dã. Nhân tích nhục canh nhi vi nông phu, tích tạc tước nhi vi công tước, tích phản hóa nhi vi thương cổ, tích lễ nghĩa nhi vi quân tử công tước chi tử, mạc bất kế sự, nhi đô quốc chi dân an tập kỳ phục. Cư Sở nhi Sở cư Việt nhi Việt, cư Hạ nhi Hạ. Thị phi thiên tích dã, tích mỹ sử nhiên dã.*” = Tính là cái ta không làm ra được, nhưng có thể hóa đi được. Tính là cái không phải tự-nhiên ta có, nhưng có thể làm cho ta có được. Chú-ý làm-lụng tạo thành thói quen, để hóa thành cái tính, gồm cả làm một mà không hai để thành ra cái tích chứa.

Tập trung ý chí, yên lâu đổi cái khí chất. Người thường bình-dân tích điều thiện mà

toàn vẹn được thì gọi là bậc thánh nhân. Ai có cầu thì mới có được.

“Có làm thì rồi mới có nên. Có tích mãi thì mới lên cao. Có cái thiện thì rồi mới là cái thánh, cho nên thánh nhân là người tích nhiều đức hạnh. Người tích việc cày cấy mà làm nông phu; người tích việc đục đẽo mà làm thợ; tích các hàng hóa mà làm lái buôn; tích lễ nghĩa mà làm quân tử. Người làm thợ không ai là không quen lối của mình. Ở nước Sở mặc theo lối nước Sở; Ở nước Việt mặc theo lối nước Việt, ở đất Trung Hạ mặc theo lối Trung Hạ, ấy không phải là thiên tính, nhưng là thuận theo cái tính tập mà hóa ra vậy.”

*** Nhân” theo Lão Giáo:**

Thân thế của Lão Tử:

Viết về thân-thế của Lão Tử, không ai là không gặp điều trở-ngại vì không một sử sách nào cho biết rõ năm sinh, năm mất và quê quán của ngài.

Dựa vào những tài liệu liên quan, như Khổng Tử đến hỏi Lão Tử về “lẽ”, mà người ta dự đoán Lão Tử sinh vào khoảng thế kỷ VI - V trước Công Nguyên.

Tác-phẩm duy nhất của Lão Tử còn để lại là bộ sách “Đạo Đức Kinh”, một loại sách về “Tâm linh học”, có tính-cách tâm truyền. Trong bộ sách này, đặc-biệt chương 20, Lão Tử đã tự vẽ chân dung mình:

Lão Tử viết: “Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như xuân dăng đài. Ngã độc bạc hê kỳ vị triệu. Như anh nhi chi vị hài, luy hê, nhưc vô sở quy. Chúng nhân giai hữu dư. Nhi ngã độc nhưc di. Ngã ngu nhân chi tâm dã tai ? Độn độn hê. Tục nhân chiêu chiêu.

Ngã độc hôn hôn. Tục nhân sát sát. Ngã độc muộn muộn. Đạm hê kỳ nhưc hải, liêu hê nhưc vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngang tự bỉ. Ngã độc dị ư nhân. Nhi quy thực mẫu.” = Đại chúng hơn hơ như hưởng thịnh tế, như ngày xuân bước lên đài. Một mình ta riêng đậu ở bến, chưa có hình tướng, như đứa hài nhi chưa cười, loanh-quanh như không biết về đâu. Đại chúng đều có thừa mà một mình ta như bỏ không ham nữa. Ta là kẻ ngu sao ? Ngu độn thấy! Đại chúng có vẻ sáng tỏ. Riêng ta như hôn mê. Đại chúng xét-nét, riêng ta tối-tăm. Phẳng lặng thay như mặt bể, phơi-phới thay như không ngừng. Đại chúng đều có ý vào việc, riêng ta thì khinh-bỉ, riêng khác với mọi người, mà chỉ quy về sống nơi lòng mẹ.”¹

So-sánh giữa “Nước” với “Tính Người” trong “Đạo Đức Kinh”:

1- “Thượng thiên nhưc thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ đại.” (Bậc thượng thiên giống như nước, nước khéo lợi cho muôn vật mà không tranh, ở vào chỗ mọi người ghét nên gần với đạo.)

2- Tri kỳ hùng thủ kỳ thư, vi thiên hạ khô. Vi thiên hạ khô, thường đức bất ly, phục quy ư anh nhi.”(Chương 28) = Biết con trống, giữ con mái, làm khe nước, cho thiên hạ. Làm khe nước cho thiên hạ thường theo đức không lìa, lại trở về trẻ thơ.

3- Thí đạo chỉ tại thiên hạ, du xuyên cốc chỉ ư giang hải. = Ví đạo lưu hành trong thiên hạ, như là suối hang chảy ra sông biển. (Chương 32).

4- Ngư bất khả thoát ư uyên. Quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân = Cá không thể thoát khỏi vực. Lợi khí của nước nhà không bảo cho người biết.(Chương 36).

5- Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc

1-Nguyễn Đăng Thục, “Lịch Sử Triết Học Đông Phương”, tập 2, tr.138, nhà xb. T/P HCM, năm 2001.

vương. = Sôngbiển sở dĩ có thể làm vua trăm hang. Bởi vì nó khéo ở dưới trăm hang. Cho nên có thể làm vua trăm hang. (Chương 66)

6- Thiên mạc nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng = Thiên hạ yếu mền không gì hơn nước, mà đánh nổi cứng mạnh không gì hơn nổi nó. (Chương 78).

*** Tính người ” theo Phật học:**

A/ Thời đại Bà-La-Môn - Phật học, một hệ-thống tư-tưởng không thể tách rời với hoàn-cảnh lịch-sử, điều-kiện thời-gian đã thúc-đẩy nó xuất-hiện.

Xứ Ấn Độ lúc này chưa phải là một đế-quốc rộng lớn, thống-nhất. Trong lưu-vực hai dòng sông lớn là Ấn và Hằng, dân chinh-phục Aryen đã trà-trộn với dân bản xứ Dravidien. Đời sống sơn lâm bắt đầu nhường đất cho những tiểu-bang, những nhu-cầu sinh-hoạt trong đô-thị trù phú. Tiếng nói phổ-thông tuy là tiếng Phạn (Sanskrit) nhưng cũng còn nhiều tiếng địa-phương vẫn thấy dùng. Kinh Veda được coi như thánh giáo, nhưng tục-lệ sau này kết tập thành luật Manu vẫn còn mãnh-lực hiệu nghiệm.¹

Sự thật có không-khí náo-nhiệt trong giới tư-tưởng. Có tư-tưởng-gia chủ-trương tinh-thần với linh hồn là một, lại có phái phân-biệt tinh-thần với linh-hồn. Có phái chủ-trương Thượng đế là nhân-loại, có phái chủ trương Thượng-đế ở trên tất cả, v.v...Nào duy thần, nào duy vật, nào hoài-nghi, nào nguy-biến, thậm chí ở đất tinh thần truyền-thống xưa nay như Ấn Độ mà có kẻ như Saccaka dám tuyên-bố:

“ Ta không biết thánh giáo Samana - Veda hay là chủ nghĩa Brahmana, không thầy, không sư, không tổ của một tôn phái nào hết, ta cũng không biết cả đến người tự xưng là đức Phật tối cao thần hóa, người mà nếu chúng ta tranh-biến sẽ không lung-lay, run sợ và không toát mồ-hôi. Và nếu ta đả-kích một cái cột đá vô-tri vô-giác với khoa nói của ta thì nó cũng lung-lay, run sợ và lão-đảo; thử hỏi nếu ở trường-hợp một người thì như thế nào?”(p.70, Oldenberg: Buddha).”

Giai-cấp giáo-sĩ Bà La Môn cố-chấp vào dòng máu quý tộc mà độc chuyên thánh giáo Veda. Xã-hội lâm vào các chứng bệnh hiểm nghèo, chính giữa cảnh vô chính phủ trong tư-tưởng mà đức Phật ra đời, tự xưng là một thầy thuốc, tìm thuốc chữa bệnh thời-đại.

“Ở Ấn Độ thời cổ xưa cũng diễn ra như ở trong thế-giới Hy lạp là những hệ-thống siêu-hình bao-quát và rộng-rãi hơn của Platon và Aristote đã có những suy-luận về luân-lý nhân sinh . Khi nào nền móng của triết-học trở nên lung-lay thì các tư-tưởng-gia lại chú-ý vào những nguyên-lý của hành-vi. Nếu luân lý học lại lập cước trên đám cát biển chuyển của siêu-hình hay thần-học thì nó không có một sự tôn nghiêm vững-chắc. Phật muốn xây-dựng luân lý tôn nghiêm trên tảng đá của thực-nghiệm tâm lý. Nguyên thủy Phật giáo tương-tự như chủ-nghĩa thực tiễn, cố **vận-động chuyển dịch trung tâm điểm từ sự phụng sự Thượng đế sang phụng sự người**. Đức Phật không nhiệt-thành về sự việc xây-dựng một biểu-đồ mới về vũ-trụ hơn là chú-ý vào việc giảng dạy một ý nghĩa mới về bốn phận. Chính ưu-điểm của Phật là mở đường cho **một tôn-giáo biệt-lập với tín điều và giáo-hội, nghi lễ và thánh hóa**. Phật chỉ nhấn mạnh vào sự hóa thành tâm hồn tự bên trong và vào một hệ-thống tự tu đạo. Ngài chứng minh rằng sự cứu rỗi không ở tại sự thu nhận một mớ tín điều đáng nghi-ngờ hay là những việc làm đen tối để làm nguôi lòng một thượng đế biết giận dữ. Sự cứu-rỗi cốt ở sự tu sửa tính cách và sùng tín điều lành.

Theo Phật, mê muội là nguyên-nhân của đau khổ. Phủ nhận giá trị luân lý của chủ

1- Đại Học Sư Phạm Hà Nội, “Đạo Gia và Văn Hóa, Nhà xb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 2000.

nghĩa khổ hạnh nghiêm-khắc, bác-bỏ tín ngưỡng phổ-thông, miệt-thị chủ-nghĩa nghi lễ Brahmana. Tóm lại, tạo một tông giáo bằng triết-học, đây là một sự suy luận hết sức phiêu-lưu, một sự liều-linh mà chúng ta không có thể thưởng-thức chính-xác được, chúng ta nhận thấy ở nguyên thủy Phật giáo ba đặc-tính này là một lòng nhiệt thành về luân lý, không có khuynh-hướng thần học, và ác cảm với suy luận siêu hình.”

(Radhakrishnan - Indian philosophy p-358).;

**/ Bảng Tóm Tắt Tính Người*

Triết Học Tông Giáo	Chủ-trương
-Duy Tâm (Duy Thần)	Vì y-cứ vào sự sắp-đặt sẵn của đấng tối cao “<i>thần</i>”, nên mọi người đều phải phục-tòng; Trung tâm luật tắc trên lịch-sử học: “<i>Lịch sử là biểu hiện của ý chí tối cao.</i>” Luận về tính thì cho rằng tính con người vốn thiện, áp-dụng sang thực-tiễn lý luận thường thiên về giáo-dục, lấy nhân nghĩa làm chủ động trong cải-cách kiến-thiết xã hội.
-Duy Sinh	Hiệu-quả của lịch-sử và văn-minh lý luận đưa đến định mệnh chủ-nghĩa! Sang phần diễn dịch, phái “duy sinh” mang luật tắc âm dương của vũ-trụ áp-dụng vào xã-hội để thành lập một thứ Freudisme. (Kiền giả, dương vật dã, khôn giả âm vật dã...). Còn trung tâm luật tắc là cầu sống còn. Luận về tính người cho rằng loài người là tính thần phối hợp với vật chất
NhoGiáo: *Khổng Tử	“Khắc kỷ phục lễ vi nhân” (nghiêm-trị tư dục là khắc kỷ, hồi phục được chân lý của trời là phục lễ, thế là nhân.) - “Dân chi ư nhân giả, thậm ư thủy hỏa; thủy hỏa ngộ kiến đạo nhi tử giả hỹ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.” = Nước lửa vốn quan hệ cho cuộc sống, nhưng mà sự sống quan-hệ với đức nhân càng mật thiết hơn. - “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” = Những điều mình không muốn thì chớ đem đối đãi với người. “Nhân theo Khổng học là tâm đức; Nhân là bác thí, lòng “nhân” nơi con người được ví như “thiên lý”. - Mạnh Tử chủ trương tính thiện. Trong tính thiện có 4 mối:
* Mạnh Tử	1/ Lòng bất nhẫn hay trắc ẩn. 2/ Tâm tu ố: Biết cái việc đáng làm xấu thẹn chê ghét mà sinh ra lòng xấu thẹn, chê ghét, đó là lòng tu ố. 3/ Lòng từ nhượng: Đụng lầy việc, không thừa nhận, không cạnh tranh mà sinh ra lòng từ chối nhân nhượng. 4/ Lòng thị phi: Thấy được chuyện phải mà trong lòng cho là phải; thấy chuyện trái mà trong lòng cho là trái.

*Tuân Tử:	- Chủ tính người vốn ác. “Bỏ người mà nghĩ trời thì sai mất cái tính thật của vạn vật” tỏ ra tinh thần thực tiễn, nhưng không là duy vật. Tuân Tử nói: “Mục biện bạch hắc, nhĩ biện thanh âm = mắt phân biệt trắng, đen; tai phân biệt âm thanh . Tuân Tử chú trọng vào đạo “người” hơn là đạo “Trời”. - “Đạo giả phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo, nhân chi sở đạo dã, quân tử nhi sở đạo dã” (Nho Hiệu) Tuân Tử chú trọng vào sức hóa thành của con người, của nhân quần xã hội. - Chủ Phiếm Ái (Rất gần với Mặc Dịch) “Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã.” (Trang Tử - Thiên Hạ).
*Huệ Thi:	Huệ Thi chủ trương sự vật đều tương đối và biến đổi không ngừng. Do đó không có sự khác nhau tuyệt đối của sự vật trong vũ trụ. Tất cả đều biến hóa không ngừng, đều tương quan mật thiết.” Học thuật của chư Tử đối Tiên Tần từ thời đại Xuân Thu đến Chiến Quốc, nói chung đều có khuynh hướng trọng về thực nghiệm, thực dụng, coi nhẹ bản thể siêu hình. Chủ tính vô thiện, vô bất thiện., như tờ giấy trắng. “Tính do soạn thủy giả, quyết chi Đông phương tắc Đông lưu; quyết chi Tây phương tắc Tây lưu.
* Mặc Tử	Chủ “kiêm ái”: Kiêm = chung. Mặc Tử nói: “Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, nhân ái phụ huynh dĩ quân nhược dĩ kỳ thân, ố thì bất hiếu...thị tử đệ dĩ thân nhược kỳ thân, ố thì bất từ, cố bất hiếu bất từ vô hữu. Do hữu đạo tắc giả hồ ? Thị nhân chi thất nhược kỳ thất, thủy thiết ? Thị nhân thân nhược kỳ thân, thủy tắc? Cố đạo tắc vô hữu...”= Nếu khiến thiên hạ gồm yêu nhau, ai ai cũng yêu cha anh cùng vua như yêu thân mình, ghét làm hiếu. Coi con em và bề tôi cũng như thân mình, ghét những điều bất từ, thì điều bất hiếu bất từ sẽ không có...
* Lão Tử	- “Thượng thiên nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ đại.” (Bậc thượng thiện giống như nước, nước khéo lợi cho muôn vật mà không tranh, ở vào chỗ mọi người ghét nên gần với đạo.). - “Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương. = Sông biển sở dĩ có thể làm vua trăm hang. Bởi vì nó khéo ở dưới trăm hang. Cho nên có thể làm vua trăm hang. - “Thiên mạc nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng = Thiên hạ yêu mến không gì hơn
* Phật Học	Phật tại tâm - Tâm tức Phật. Từ bi theo Phật giáo chia làm 3 cấp: * Chúng sinh, duyên tự, khởi tâm đền ơn, mong mỗi chúng mà khởi tâm từ bi, đạo đức thế gian. * Pháp duyên tự: (cấp 2) duyên nơi pháp và khởi từ bi (quán thân bình đẳng), bình đẳng tâm. * Đồng thể đại bi: Vô duyên đại tự, không phân biệt, không điều kiện.

* Thiên Chúa Giáo Theo Tinh-thần Việt. Triết học Lý Đông A	Nghĩa chính của hai chữ “<i>từ bi</i>”, theo hòa thượng Thích Huệ Đăng giải thích: Từ là cho vui, bi là cứu khổ. Từ bi không lấy cái ngã làm trung tâm xuất phát mà là kiến lập trên thể tướng <i>bình đẳng</i> đối với tất cả chúng sinh đều cùng một thể không sai khác. Bác ái là do Thượng Đế ban cho qua chúa Thánh Thần (La Mã 5:5). - Dù Bác ái phản ứng trên bản năng cảm quan, nhưng cần có ý thức và lý trí. - Hành động của bác ái là đặc-trưng tình-cảm giữa con người với Thượng Đế (St. John 14.23; 15:14). <i>Con người do Thượng Đế tạo dựng, tất nhiên tốt lành, nên ta có thể nói tính người là thiện (tất nhiên phải tốt lành). tuy nhiên theo tín lý Thiên ChúaGiáo: con người sinh ra đã mắc tội ‘tổ tông truyền’ thành ra không hiểu là thiện hay ác?</i> <i>Căn cứ vào các câu ca-dao, tục ngữ Việt, ta thấy quan niệm của người Việt:</i> ‘- Có thực mới vực được đạo, hay Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn’ nói cách khác Nhu yếu sống còn. - Tiếp nối sự sống, ‘ Có âm dương có vợ chồng Dầu từ thiên địa cũng vòng phu thê. - Nương tựa nhau cùng sống ‘Thương người như thể thương thân’ - Tinh thần thăng hoa ẾThực chứng tính bốc hơi của nước. - Vô kỷ tính.

P/ Duy Dân Nhân Chủ ra đời là để xây-dựng một xã-hội “*Người*” cho thật “*người*”, cho con người được thực-sự hạnh-phúc, được thực-sự giải-phóng và cuộc sống được thực-sự chủ động. Muốn được vậy,

- *Nhân Bản* phải là tối-cao căn-cứ (*chứ không phải là vật-chất hay thần-linh*).
- *Nhân chủ* phải là tối-định tiền đề.
- *Nhân tính* phải là tối-sơ xuất-phát.

Người là nguồn-gốc, đồng-thời là cứu-cánh của xã-hội. Nhân bản là lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội loài người trên tự tính làm gốc; lấy nhân-dân làm gốc, lấy toàn thể-giới nhân-loại làm gốc của mỗi kiến-chế, kiến-trúc và kiến-thiết xã-hội. Cho nên sứ mạng của người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người và cho người.

Nhân-chủ là lấy loài người làm chủ đạo sinh hoạt cho loài người, lấy loài người làm chủ-đạo sinh-hoạt cho vũ-trụ. Người làm chủ vũ-trụ vật-chất, làm chủ các quy-luật khách-quan khoa-học vật-chất và làm chủ tâm-linh.

Người không để người bị chi-phối, lệ-thuộc bởi ngoại vật, khiến người chìm đắm trong vong thân vật-chất hoặc siêu-hình.

Để phục-vụ người cho thực có hạnh-phúc thì phải lấy nhân tính làm xuất-phát điểm, và là nền-tảng cho việc thành-lập xã-hội.

Muốn xã-hội người có hạnh-phúc thì nhân tính phải là yếu-tố nền-tảng cho các kiến-thiết nhân sinh. Duyên khởi cấu-tạo xã-hội là *nhu-yếu tính, tự-vệ tính, sắc tính, và tập-đoàn tính*. Con người tự thân nhỏ yếu trước thiên-nhiên, muốn có đủ cái ăn, nơi ở, đồ mặc,... con người cần đến sự tương trợ của nhau để thỏa-mãn nhu-yếu tính... Trước đe dọa của các loài ác thú, bão lụt, sấm sét, thiên tai, động đất, con người một mình không đủ sức đối-phó, con người cần đoàn-kết với nhau để chống đỡ ngoại vật. Có đoàn-kết mới có hiệu-năng an-ninh, nhu-cầu tự-vệ tính được đáp-ứng và bảo-đảm.

Bốn nhân tính cơ-bản trên đã khiến tập-đoàn người hình-thành. Bốn nhân tính được mãn thích, khi nhu-yếu phẩm được phân chia bình-đẳng (*bình*). Vợ, chồng là của riêng, không bị chung-chạ, hiếp-đáp, gia-đình, nòi giống được bảo-vệ (*trinh*), và người-người không ai bị bóc-lột, được sống với nhau một cách hòa-hài (*hòa*).

Để thực hiện **nhân chủ**, trong Chu Tri lục đã nêu ra 9 chỉ nam::

1- Tán dục : Triệt để cải tạo tự nhiên cho nên chính sách nhân chủ thứ nhất là bằng công-tác tài-bồi được tảo hóa, điều-lý được âm dương (khí-hậu), v.v...

2- Kiến chế :

* Duyên sơn chính sách: Địa động quốc phòng lên một thành hiệu chắc-chắn, đem sinh-hoạt quốc-gia thủy-chuẩn-hóa. Kế-xã chính-sách: Thành thị hóa thôn quê.

3- Cương-thường:

Cương-thường là tất cả các qui định tự tính và đương nhiên của công nhận loài người. Thế-giới hòa-bình và hạnh phúc phải ở các quốc gia các người đều lấy DUY NHÂN CƯƠNG THƯỜNG làm chủ luật thực-tiễn chính-trị trên bản-thể thực-tiễn kỹ-thuật, thái-độ và học thuật.

4- Cơ năng :

Quốc-thể phải là cơ-năng liên hợp. chính-phủ phải thành-lập trên hiến-pháp phân công, quốc dân hoạt-động phải theo nguyên-tắc duy dân dân-chủ. Ba điều ấy ở trong dân chủ có vận-động quốc-dân tâng,, có chuyên-môn tính, có tư-cách tính, có tự-giác tính. quốc-dân đoàn là cơ-sở tổ-chức của nhân dân toàn thể thừa- tùy nhân chủ. Triệt-để dân chủ trên tam phân (*phân công, phân mệnh, phân lợi*) và ba yếu-tố (biện-chứng dân chủ: cơ-hội nghĩa-vu, quyền-lợi) thống nhất trên bình-đẳng).

5- Tiểu gia: Cương-thường, cơ-năng, nội tắc, kiến-chế, tiểu gia, kiện khang, bộ mệnh, v.v... đều là các chủ-trường để xã-hội cải tiến trên căn bản *xã hội tự tính nhân chủ*.

6- Bộ Mệnh: Sự giao-du trai gái được tự-do mà trong sạch. Làm sao cho tình dục được điều-hòa, sinh-lý khỏi bị thiên kỳ phát triển, khỏi bị xã hội bệnh hoạn.

7- Bình sản : Một chế độ dân chủ trên kinh tế phải bằng tự chủ và bằng quốc gia bảo ác,bằng xã hội hợp tác, phát triển cơ năng nhân loại.

8- Kiện khang :

Yếu tố thứ ba của nhân chủ chính trị là giáo dục. Giáo dục phải nhân-bản hóa, nhân chủ hóa, nhân tính hóa mới là *giáo dục nhân loại*. Một nền kiện khang giáo dưỡng của sinh hoạt giáo dục bằng khoa học giáo pháp, lý tưởng giáo khoa, viễn đề giáo trình v.v...

9- Vận hội :

Sự chi phối được vận mệnh là bản tính nhân chủ của loài người bằng trí huệ và tự giác viên-mãn trong tự động điều chỉnh và trí tuệ chỉ huy của quốc dân sinh hoạt và quốc

gia hoạt động.

Q/ Vũ Trụ Quan: :

- Giải-thoát con người khỏi lồng chup về vũ-trụ quan - Thần quyền - Mê-tín - Thiên mệnh - Đế quyền.

- Vứt bỏ đi những ủy-mị, ảo-hóa vong thân để khôi-phục bản-vị “Người” sánh cùng Trời - Đất (Tam Tài giả).

- “**Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo - Nhân chủ sở đạo dã.**” (Tuân Tử), hoặc như Granet: “Ni Dieu, ni loi”.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.

- **Luận về vũ-trụ**, theo thuyết tương-đối tổng-quát (1915), các nhà vũ-trụ-học khám-phá ra rằng cách đây khoảng 15 tỷ năm, vũ-trụ còn nhỏ hơn một hạt bụi, trong đó không có vật-chất, không có thời-gian lẫn không-gian, chỉ có năng-lượng, rồi “bùng nổ tung và trong một khoảnh-khắc ngắn vô cùng, sinh ra neutron, proton, điện-tử,... Các hạt này dần-dần tụ lại thành tinh-vân, thiên thể,...”

Song-song với khoa “Cổ Địa Lý” cũng đã tìm ra, “Khoảng 4 tỷ năm, trái đất đã thành hình, vỏ ngoài tụ thành một khối ở giữa, hai bên là vực sâu.

Vừa khi ấy, trái đất quay chậm hẳn lại, và nhiệt-độ cũng giảm từ $14,500^{\circ}F$ xuống $500^{\circ}F$, Một số lượng vĩ-dại Oxygen đã giúp “lò cừ” (lò tạo-hóa) tức trái đất hoàn-thành công-trình này. Tiếp đó, nhiệt-độ trái đất giảm dưới mức bốc hơi, khiến hơi nước, kể cả hydrogen và oxygen từ lòng trái đất bốc ra, đã tụ thành nước, rồi mưa lũ liên-tục trong vòng 50,000 năm tuôn xuống, tưới ẩm vỏ trái đất. Từ đây chính là lý-do khiến bầu khí-quyển thuở ấy chỉ còn rất ít oxygen, mặc-dù sau này oxygen là chất hơi dẫn đầu nơi vỏ trái đất với 46.6% theo trọng-lượng phân-tử. Mưa lũ vừa dứt, nhìn lại vỏ trái đất chỉ thấy toàn là biển nước, ngoại-trừ một số đảo nhỏ trơ-vơ cô-lập cùng các vùng biển cạn.

“Tiếp đến thời kỳ mà giới khoa-học gọi là thời-kỳ tạo đất. Mặc-dẫu bên ngoài trái đất coi có vẻ bình-thường, nhưng bên trong vẫn còn hàng trăm ngàn trái bom khổng-lồ đủ loại, lớn nhỏ đang âm-ĩ chờ giờ phát-động, để rồi tuần-tự từ thời “tiền cổ sinh” tới “cổ sinh” và “trung sinh”, các dãy núi mọc lên kèm theo các đại trường giang đua nhau xuất-hiện, khiến bộ mặt thế-giới đã phân hai: một bên là đại-dương biển cả, một bên là đại lục núi cao sông dài. Tuy-nhiên, gần nhất hai nguyên đại “tiền cổ sinh” và “cổ sinh” chịu ảnh-hưởng của thiên-nhiên, vũ-trụ, Nước biển đã nhiều lần tràn ngập mặt đất, đôi khi che lấp cả đồi cao núi thấp. Cho tới đầu thời-đại PERMIAN 280 T BP. qua hiện-tượng lập núi cũng như sự tích-lũy của các lớp trầm-tích-thạch (Geosyn Clines), kể cả sự bồi-đắp phù-sa của nước biển, mặt đất đã cao vượt mực nước biển, và nhiều đồng-lầy trở nên khô cạn.

“Tới đợt thứ nhì, có thể tạm coi như đợt cuối cho đến nay. Do lực tương-tác của vũ-trụ phối-hợp với hiện-tượng lực-địa trôi, vỏ trái đất đã tách ra nhiều mảnh, rồi di-chuyển đi các phía tạo thành “ngũ đại châu” và “ngũ đại dương” như hiện tại, và vừa khi đình bộ đã gây nên một trận đại hồng thủy vô tiền khoáng hậu, trải rộng khắp địa-cầu vào cuối thời-đại Cretaceous, 135 T - 70 T năm BP.).

Nguyên-dại Tân Sinh bao-gồm nguyên-dại Đệ Tam và đệ tứ tầng địa-chất là thời

của muôn loài động-vật, ngoài một số động-vật của các nguyên đại đã qua còn sót lại, đặc-biệt đây là thời của loài có vú với dạng lớn mà đa-số bị tiêu-diệt ngay trong nguyên đại. Còn những loài khác, nhất là ngựa, voi, lạc-đà và nhiều loài ăn thịt đạt tới mức tối-đa vào nguyên đại đệ tứ.

“Chủng-loại người cổ đại xuất-hiện vào những thời-đại cuối của nguyên đại đệ Tam (Miocene, Pliocene) đã liên-tiếp thay đổi dạng hình khác nhau, và có lẽ chủng-loại người là động-vật xuất-hiện cuối cùng, vì sau chủng-loại người không còn chủng loại động vật mới nào nữa (Không kể một vài loại côn-trùng, sâu-bọ nhỏ bé.).

Vậy vũ-trụ hiện-hữu trên tự mình, tức là “**tư kỷ nguyên nhân**”, và con người không biết rõ đầu, cuối của nó đến cùng cực được, đành chịu “**bất khả tri**”, hay “**vô nguyên**”.

Do đó, vũ-trụ là một thực-thể, tự nó hiện-hữu và sinh-động từ một lực ở tự thân nó. Nói cách khác mọi vật (thực-thể) đều là **tư kỷ** và **tự hữu nguyên nhân**. (Tư = cái riêng, kỷ chính mình. Tư kỷ = cái bản thể riêng, ý-niệm. So-sánh với Âu-châu, tư-kỷ có thể dịch là **Ego**.).

Gống như Phật học đã ghi lại: Đức Phật khi mới sinh đã đi 7 bước đầu tiên, đã chỉ tay và phát biểu: “*Thiên thượng địa hạ, duy “ngã” độc tôn.*” Ngã đây là “*chân ngã*” hay “*đại ngã*” tức là bản-thể vũ trụ, mà con người là “*tiểu vũ-trụ*”.

Tương-tự, Thiên Chúa giáo có nhắc lại lời Chúa: “*Ta là bản thể của mọi vật thể*” (*Je suis Être des êtres*) (Ta là bản-thể của mọi bản-thể).

Cả hai điều trên, cho thấy Phật giáo cũng như Thiên Chúa giáo đều nhận có “**Tư-kỷ**” trong mình và ở mọi vật-thể khác.

Nhiều tông-giáo khác đều nêu ra một vị tối thượng, coi như là bản-thể vũ-trụ, làm nguyên động -lực tạo ra các vật, các việc: **Chúa Trời** của Cơ Đốc giáo, **Thượng Đế** hay **Ngọc Hoàng** của Dân dã, **Alha** của Hồi giáo, **Đạo** của Lão Đam, Trang Chu; **Thái cực** của Nho, **Tinh thần** của Cao Đài giáo, . . . **Độc tôn tối-cao** đó chính là một “**Tư-Kỷ**” vận-hành rất linh-động.

Vậy “**Tư-Kỷ**” là một thực-thể tự-nhiên, tự hiện hữu, bản-thân nó với đầy-đủ các điều-kiện cấu-hợp để có cái đặc-tính riêng-biệt. Nói giản-dị, “**Tư-Kỷ**” là cái riêng mình tự hiện hữu cùng Thời - Không - Lực để hoàn-thành một sự-kiện.

Một ý nghĩ, một sóng âm-thanh, một thoáng ánh-sáng, mỗi cái đã có một giá-trị nội tại của riêng nó để hoàn-tất một việc của nó, tự nó đã là một “**tư kỷ**”. Vậy, “**Tư-kỷ**” là một thực-thể tự hiện hữu với đầy-đủ cấu-trúc của nó, là đặc-tính riêng nó, để có một nguyên-lực có thể sinh-động trong thời-gian và không-gian của nó với tỷ-lệ cần-thiết.

Lực để hoàn-thành một sự-kiện.

Vậy, “**Tư-kỷ**” là một thực-thể tự hiện hữu với đầy-đủ cấu-trúc của nó,

$$\text{Bản thể vũ trụ} = \frac{\text{Tư-kỷ} \times \text{Lực}}{\text{Thời} \times \text{Không}} \quad (2)$$

1- Nguyễn Huy Hân, “*Nguồn Gốc Loài Người*”, bản thảo, năm 2008.

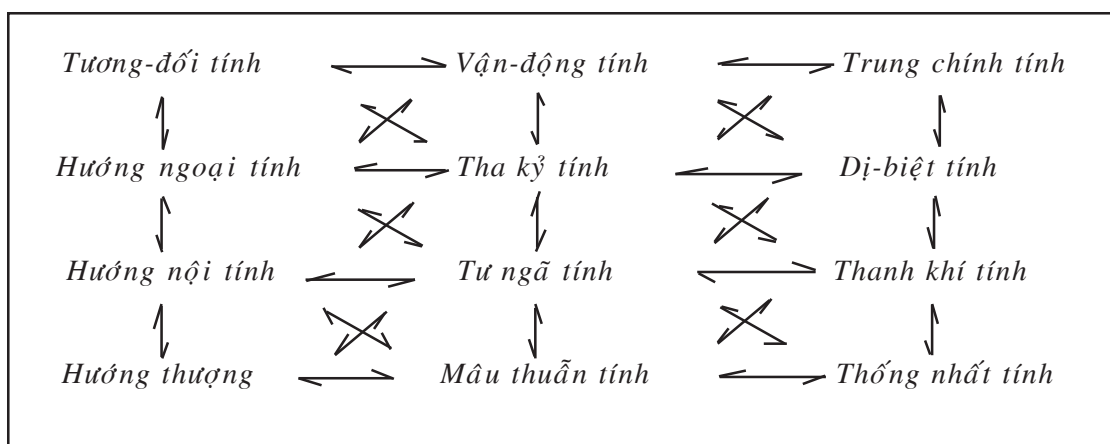
2- Mai Chi, , “*Căn Cơ*” (*Tìm Một Căn Cơ Cho Việt Học*). bản thảo. 1998.

Trong tính này có hàm-chứa tính kia, kể cả hàm-chứa tính mâu-thuẫn. Luật này giằng kéo với luật kia, thúc-đẩy nhau, mài giũa hay tương sinh, khắc lẫn nhau tạo nên một hoạt-động-lực vô-cùng phong-phú. Hoạt động không dứt điểm (vô-cùng duyên khởi), cũng như kinh Dịch chấm dứt bằng quẻ “vị tể” (chưa dứt, chưa xong), các chu-kỳ liên-tiếp nhau..

R/ GIẢN ĐỒ TÓM LƯỢC

Vũ-trụ vận-hành

12 Đặc-tính hay luật-tắc thiên-nhiên, vật-lý:



S/ Biện-chứng Duy Nhiên (Vũ-trụ quan) của triết-học Lý Đông A:

Đây là quy-luật vận-động và phát-triển của vũ-trụ, hay là “Cấu-thức (formule competente) năm điểm về Vũ-trụ-quan.”

Quy-Luật I: Tự Kỷ Nguyên Nhân hay là Đạo kỷ.

Ta hãy lấy một thí-dụ để hiểu rõ các từ-ngữ trong quy-luật.

Ai cũng biết trái đất quay chung-quanh mặt trời theo một quỹ-đạo nhất-định; mặt trăng quay chung-quanh trái đất theo một quỹ-đạo riêng của mặt trăng.

Ta có thể nói, bản thể của trái đất hay của mặt trăng TỰ NÓ mà tự hữu. Sự vận-động và diễn hóa của bản-thể do TỰ THÂN nó mà hình-thành. Nguyên-nhân TỰ CHÍNH NÓ nghĩa là “**tự kỷ nguyên nhân**”. Bản-thể của trái đất, sự vận-động của trái đất (quỹ đạo của trái đất) là “đạo kỷ”, tự nó mà có, tự thân nó mà ra, và nguyên-nhân của chính nó -

Đạo kỷ là “tự-kỷ nguyên-nhân” có nghĩa là sự hình-thành bản-thể một hiện-tượng, sự vận-động và phát-triển của hiện-tượng đều theo các quy-luật, các nguyên-tắc của chính nó, tự thân nó (tự kỷ), bởi nó mà có, chứ không phải do sự can-thiệp của loài người, hay của thần-linh.

Quy luật 2: “Vận-động và kết-hợp là hỗ-tương nguyên-nhân:

Vận-động là nguyên-nhân của kết-hợp. Thực tại cho thấy vận-động là để hình-thành một kết-hợp. Không có kết-hợp nào lại không hàm-chứa vận-động, nên kết-hợp là nguyên-nhân của vận-động. Như vậy, vận-động và kết-hợp là hỗ-tương nguyên-nhân.

Sự kết-hợp hydro và oxy thành một bản-vị mới là nước (H_2O), là kết-quả đương-nhiên của vận-động.

Sự vận-động của nam và nữ đi đến kết-hợp một bản-vị mới là gia-đình, những bản-vị mới đó từ phát-sinh một tình-trạng đối-lập thống-nhất và quân-hành để đi đến một hướng tâm vận-động và hướng thượng vận-động, ngõ-hầu bảo-toàn bản-vị (nước, gia đình) phát-triển và viên-mãn hơn.

Kết-hợp cần phải thích tính, đặc vị, tận phần và hợp-lý. Khác với điều trên, vận-động không phải là thường thái, mà là bệnh thái. Do đó không thể đem các quy-luật về bệnh thái áp-dụng cho thường-thái. (Marx đã phạm sai-lầm rất lớn khi đem các quy-luật phủ-định hay “mâu-thuần” áp-dụng cho thường-thái, nên đã xa-rời thực-tại, do đó sự thất-bại là lẽ dĩ-nhiên. Các vận-động “phủ-định” toàn thể hay “mâu-thuần” hủy-diệt đều phải biến-đổi thành “đối-lập thống-nhất”, và kết-hợp để bản-vị không bị yếu-hèn, hoặc tan rã.

Quy-Luật 3: Tinh-thần và vật-chất là hỗ-tương nguyên-nhân.

Trong thiên-nhiên, muôn vật cũng như loài người đều do sự vận-động và kết-hợp hỗ-tương nguyên-nhân với các tác-dụng sinh, khắc, chế, hóa từ đối-lập thống-nhất và kết-hợp mà sinh sinh, hóa hóa. Thực-tại cho ta thấy rằng không thể có một đời sống thuần-túy tinh-thần, cũng như thuần-túy lượng (vật-chất). Chất và lượng thường hằng suy-động lẫn nhau, gắn-bó với nhau.

Tinh-thần và vật-chất là hỗ-tương nguyên-nhân. Tinh-thần cần đầy-đủ, và hiệu dụng - Vật-chất cần bền-chặt và linh-hoạt. Giữa tinh-thần và vật-chất, không có yếu-tố nào quan-trọng hơn yếu-tố nào [Marx đã chọn yếu-tố vật-chất (lượng) làm tiền đề triết-học, nghĩa là chọn “lượng” (vật-chất) giữ vị-trí số 1, nên xa-rời thực-tại!]

Quy-Luật 4: Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.

Bản-vị là một đơn-vị cơ-bản. Tự nó có thể tồn-tại và có khả-năng vận-động và kết-hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Như vậy, một bản-vị có thể đóng hai vai-trò: bản vị cơ-bản và bản-vị thành phần của một bản-vị lớn hơn.

Thí dụ: Hydro, oxy là hai bản-vị cơ-bản. Vận động và kết-hợp thành nước H_2O (nước). Nam, nữ là những bản-vị cơ-bản, vận-động và kết-hợp thành gia-đình, và trở nên bản-vị thành-phần của gia-đình.

Mỗi bản-vị khi tự thành hình đã có riêng cho nó một tính đặc-biệt, và có riêng một trục lõi, một trung-tâm bản-vị (đặc-tính của hydro, oxy, của nam, nữ, trục của trái đất, mặt trăng; bản ngã của con người nam hoặc nữ).

Mỗi “bản-vị thành phần” (gọi là cơ-năng) chịu chung một hướng tâm xu-thế của bản-vị mới lớn hơn. Như vậy bản-vị là nguyên-nhân của cơ-năng và cơ-năng là nguyên-nhân của bản-vị. Nói cách khác, bản-vị và cơ-năng là hỗ-tương nguyên-nhân. Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn-tại và phát-triển. Đó là **chân ý-nghĩa của sinh tồn**. Do đó, bản-vị cần phải hiệp-điệu và thống-nhất. Cơ-năng cần phải phân công và hợp-tác.

Trong thiên-nhiên, nếu có một sự mâu-thuẫn phát-sinh ra giữa bản-vị và cơ-năng do bất-cứ một lý-do nào, trạng-thái quân-bình sẽ không còn và bản-vị sẽ tan vỡ.

Trong xã-hội loài người, nếu có một sự mâu-thuẫn phát-sinh giữa bản-vị và cơ-năng, bản-vị sẽ sống trong tình-trạng bệnh thái, yếu-hèn nên khó mà tồn tại (Đó là tội ác rất lớn của Marx đã chủ-trương sự mâu-thuẫn giữa các giai-cấp trong một quốc-gia cho nên quốc-gia ngày một suy yếu và nhân-dân sẽ lâm vào tình-cảnh đói khổ). Sự mâu-thuẫn giữa các dân-tộc (cơ-năng) trong nhân-loại (bản-vị) nếu có mâu-thuẫn sẽ gây

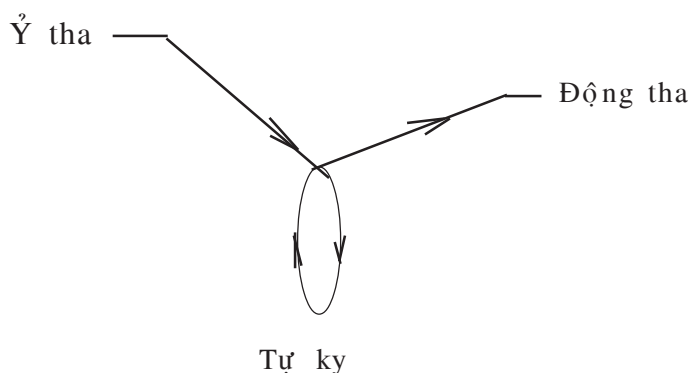
ra chiến-tranh. Như thế trái với NHÂN ĐẠO, nghịch với xu-thế lịch-sử, nên sự thất-bại của chủ-nghĩa DUY VẬT là điều không thể tránh được.

Quy-Luật 5: Hối-tương nguyên-nhân là Tự kỷ nguyên nhân.

Vận-động để đi đến kết-hợp - Kết-hợp sẽ đi đến hình-thành bản-vị mới. Quy-luật “hối-tương nguyên-nhân” chính là nguồn-gốc của đạo kỷ (vận động của đạo hay đạo vận-động).

Mỗi bản-vị khi vận-động sẽ phát-sinh ra một sức qui tâm và một sức ly tâm để quân-hành trạng thái. Đối với trái đất, sức qui tâm là sức hút, và sức ly tâm là sức đẩy của trái đất. Ở con người, sức qui tâm là sự hướng tâm (hướng về mình), sức ly tâm là sự hướng tha. Các sức hướng tâm và hướng tha vận động phát-sinh cùng lúc để phát-triển, củng-cố và bảo-toàn bản-vị, đồng-thời tạo ra sức vươn lên (vận-động hướng thượng) của con người.

Quá trình “hối-tương nguyên-nhân” có thể diễn ra dưới đây:



(Tự kỷ là tự thân, tự ngoài vào mình (sức hút). động tha là vận động tự mình ra ngoài (sức đẩy ra ngoài))

* Tự kỷ, ý tha và động tha hối-tương và kết-hợp mà sinh ra vạn vật. **Đó là nguồn-gốc của sự hình thành các bản-vị trong vũ-trụ, vạn vật và nhân-loại.**

Dưới thời “Đế chế độc quyền” của Đông Chu, Tần , Hán, Tống , Nguyên, Minh, Thanh Nho, cũng như Âu Châu đã biến quan-niệm “**Trời**” (thiên lý đương nhiên) thành một hình-tượng có đầy-đủ uy-quyền tuyệt-đối (Thượng Đế), để rồi coi vua thành “Thiên tử” !

Theo “Đại Tự Điển Tiếng Việt”, do nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 1998, chữ “Trời” có nhiều nghĩa:

a/ Dùng như một danh-từ, thì “Trời” có nghĩa là một khoảng không-gian bao-phủ trên không, như:

Kiếp sau, xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa **trời** mà reo.”

(Nguyễn Công Trứ)

b/ Dùng như tính-từ, có nghĩa là hoang-dại, một khoảng thời-gian. Như **ngõng trời**, của trời cho, **mười năm trời** xa cách,...

c/ Dùng như tán-thán từ. Thí-dụ: **Trời ơi, đất hỡi! Đố trời đánh!** Đội đá vá trời. trẻ tạo, thiên cơ, khuôn xanh,...

*“Trẻ tạo-hóa đành-hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi ...”*

(Cung Oán Ngâm Khúc)

hay *“Xanh kia thăm-thăm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nổi này...”*

(Chinh Phụ Ngâm)

*“Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh có biết vuông tròn hay không?”*

(Kim Vân Kiều truyện)

Đa số chữ “Trời” trong ca-dao, tục-ngữ thường làm bối-cảnh, để tăng ý cho câu văn. Thí-dụ:

*Trời mưa cho lúa chín vàng,
Cho anh đi gặt, cho nàng đem cơm.*

hay: *Vái trời đừng gió, đừng mưa
Để trăng sáng tỏ, anh đưa em về.*

Trời đối với nông-dân chỉ là bầu thiên-nhiên khách-quan, và chỉ thời-tiết:

*Non kia ai đắp mà cao,
Sông kia ai bồi, ai đào mà sâu?*

Hay: *Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.*

hoặc: *Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.*

hay *Cơn bên đông, vừa trông vừa chạy,
Cơn đằng Nam, vừa làm vừa chơi.*

Trời, nhiều khi được nhân-cách hóa, gần-gũi với thiên-nhiên, như:

*Bắc thang lên hỏi ông trời:
Sao không bố thí cho tôi tấm chồng?*

Trong văn-chương Việt Nam, hai chữ “Trời “ và “thiên” được dùng thay thế nhau: Cơ trời, mệnh trời, đạo trời, con tạo, trẻ tạo, thiên cơ, khuôn xanh,...

*Lạy trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy đầy bát cơm
Lấy rơm đun bếp.*

(Ca Dao)

Hoặc để than trách:

*Trời ơi có thấu chăng trời,
Công ta vun xới cho người hái hoa!*

hay: *Trời ơi! Trời ở chẳng cân,
Người ăn chẳng hết, người lần không ra.
Người thì mớ bầy, mớ ba,
Người thì áo rách như là áo tơ!*

Và trong những truyện cổ-tích hay thần-thoại đã nói đến, những kỳ-tích nơi con người, dựa vào thiên-nhiên khai-hóa những gì thiên nhiên đã có sẵn mà biến tạo thành những hữu dụng cho đời sống (*Tán thiên địa chi hóa dục*):¹

“Sông kia rây đã nên đồng,
Nơi làm nhà cửa, nơi trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò...”
(Trần Tế Xương)

Trong nhận-thức người, vũ-trụ vật-chất là thuần-túy khách-quan, là lý tính thuần-túy. Các quy-luật khách-quan khi áp-dụng cho loài người, cần được áp-dụng thích-nghi, hợp với bản-chất người và lợi-ích cho con người. Do đó, vũ-trụ và con người tuy tương-quan nhưng phải được phân-biệt để người không bị đồng-hóa với vật-chất và bị chi-phối bởi quy-luật thuần-túy vật-chất khách-quan...

Áp-dụng quy luật vật-chất khách-quan hay đem tư-tưởng thiên mệnh áp-đặt vào con người, tức là tiêu-hủy nhân-tính, nhân-phẩm...

Trong cuốn “*Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo*”, trang 367, tác-giả Cao Phương Kỷ đã trích-dẫn trong Nho Giáo, quyển hạ: “*Từ đời thượng cổ, người Tàu đã có tư-tưởng cho người ta sinh ra, ai cũng bẩm-thụ cái tính của Trời. Cái tính ấy tức là một phần thiên lý. Vậy trời với người quan-hệ nhau rất mật-thiết. Bởi thế, mới lấy pháp tắc tự-nhiên của trời làm mô-phạm của người và cho thiên luân là nhân luân. Thiên đạo là nhân đạo...*” Đây là một điều sai-lầm, không phân-biệt được sự khác nhau giữa vũ-trụ với con người! Đã nhập-nhằng “*thiên lý đương nhiên*” thành một hình-tượng có đầy-đủ uy-quyền tuyệt-đối!

Chính Nho khác hẳn với các tông-giáo khác. Chính Nho không chối bỏ cuộc sống đang có, không nói chuyện thiên-đường, địa-ngục. Với Chính Nho, cuộc sống đang có là rất quý, xâm-phạm nó, đốn -tỏa nó là phạm tội-ác.

Cũng trong cái nhìn đặt hẳn vào cuộc sống đang có. Chính Nho mong cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn (*Nhật nhật tân, hựu nhật tân*). Sự đau khổ nhất của một dòng sống là bị chấm dứt, không có nối tiếp (*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại...*). Hậu đây không phải chỉ ở dòng sinh lý, mà những nối tiếp về tư-tưởng, về nền-nếp, về sự-nghiệp và dân sinh.

Người nho sĩ chân-chính rất bình-tĩnh trước cái chết của một cơ-thể cá-nhân, nhưng luôn-luôn lo đến dòng sống ở những thế-hệ sau. Khi hỏi Khổng Tử về sự chết, Khổng Tử đã trả lời: “*Chuyện sống còn chưa biết, hỏi chi đến chuyện chết?*”

“Trời ” trong chính Nho luôn-luôn tác-động theo hướng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (*Đức hiếu sinh của Trời Đất*) giúp cho sự sống của muôn vật.

Trời trong Nho học là **thiên lý**, không phải là một người, dù là vô hình.

Trời sinh voi, trời sinh cỏ.

Nho học khác hẳn với các tông-giáo khác. Nho học không chối bỏ cuộc sống đang

1- Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt, Hoa Kỳ “ *Vấn Đề Văn Học Dân Gian*”, xuất bản 2011.

có, không mơ-tưởng một cuộc sống Tiên Phật, hay đời-đời bên cạnh Chúa.

Sống người cùng với rời đất là ba trụ điểm trong cuộc sống (*Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả*). Vị thế tuy khác nhau, nhưng trọng yếu như nhau. Con người kính trời, hành xử theo ý trời (thiên lý) tức theo cái lý đương nhiên bằng-bạc trong Trời Đất. Ở sống người, nó là bản tính hướng thiện.

Chính trong nhận-thức này mà Nho học nhìn Ý Dân là ý Trời. Vì sống người cùng với Trời, Đất là 3 ngôi chính trong cuộc sống. Cho nên tuy thờ Trời, kính trời nhưng con người không tự hèn, tự hạ, xưng tụng, cầu van gì ở trời. Tư-tưởng này có hệ-luận là tinh-thần tự -trọng, hiên-ngang, bất-khuất của kẻ sĩ.

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
Chí làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây,
Cho phỉ sức vẫy-vùng trong bốn bể.
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử?
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.
Đã hấn rằng ai nhục, ai vinh,
Mấy kẻ biết anh-hùng khi vị ngộ.
Cũng có lúc mưa dầm, sóng vỗ.
Quyết ra tay buồn lái với cuồng phong.
Chí những toan xẻ núi lấp sông,
Làm nên đáng anh-hùng đâu đấy tỏ.
Đường mây rộng thênh-thang cử bộ,
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo,
Thảnh-thơi thơ túi, rượu bầu.*

(Chí làm trai/Nguyễn Công Trứ)

Không nói chuyện thiên-đường, địa-ngục. Với Nho học, cuộc sống đang có là rất quý, xâm-phạm nó, đốn-tỏa nó là phạm tội ác.

Khi “Trời” trong chính Nho biến thành “*thiên mệnh*” , “*Mệnh vua là mệnh trời*”. Vua phán chết là phải chết - Không chết là bất trung cũng là thời-kỳ nặn ra một *bọn bầy-tôi nô-lệ, tranh nhau xu-phụ cường quyền*, ngược lại với tinh-thần nho sỹ thời “*Phong kiến truyền hiền*” chỉ nhắm vào cái lý đương-nhiên, hay thiên-lý bằng-bạc trong trời đất.

Chân-lý về vũ-trụ là chân-lý đương-nhiên (*Thí dụ: hai phân-tử Hydro hợp với một phân-tử Oxy ở nhiệt-độ bình-thường sẽ thành nước, dù thí-nghiệm ở bất-cứ nơi nào hay thời-gian nào ở địa-cầu*).

Vũ-trụ tự-nhiên là vũ-trụ vật-chất hiện hữu chung-quanh con người. Bản-thể của vũ-trụ vật-chất là vô cùng nguyên-nhân, vô hạn duyên-khởi, vô cùng cứu-cánh, vô hạn lượng tính, vô hạn phương-trình. Quy-luật của vũ-trụ tự-nhiên là các quy-luật khoa-học của vật-chất, trong đó các khoa-học-gia đã khám-phá được một phần chân-lý.

Dân Việt chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận-dụng quy luật “*Vạn vật tương-quan và hỗ-tương ảnh-hưởng*”. Do đó, đất, nước, gió, mưa,... vô-tình diễn, nhưng qua sức cải-tạo con người, mới có cảnh:

“Cho lúa ngập vàng đồng, nông vàng kén,

*Cho trăng trong, gió quạt, sáo điều vu
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù...”*

(Sinh Thành)

Cái biết phân-biệt hai đầu cực-đoan - *có không, tốt xấu, thiện ác*, v.v... là nguyên-nhân phát-sinh các tư-tưởng “*duy*” (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần*,...) đối-nghịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến-tranh triền-miên khắp nơi. Đó cũng là nguyên-nhân phát-sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc trong xã-hội, làm khổ-lụy con người trong đời sống vật-chất và tinh-thần...

Bức tranh lý-tưởng của nông dân là bức tranh “*thái hòa*”, “*an lạc*”:

*Làng ta phong cảnh hữu tình
Dân cư an khúc như hình con long
Nhờ trời hạ kế sang đông
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi
Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề.
Trời ra gắng, trời lặn về
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân chuyên.
Dưới dân họ, trên quan viên,
Công bình giữ mực, cầm quyền cho hay.*

(Ca Dao)

Nền-tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương-dung đối-ứng, nó hóa giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực-đoan của cái biết phân-biệt.

*** Để “hòa” cùng vũ-trụ, để cải hóa vũ-trụ và nhân sinh- Dứt bỏ quan niệm sai lầm “*Đối lập mâu thuẫn*” mà thay thế vào “*Đối-lập thống-nhất*”.**

Có những chủ-thuyết đã cho rằng “*Có đối lập tức có mâu-thuẫn - Có mâu-thuẫn tất có đấu tranh - Có đấu tranh tất đưa đến hủy diệt*.”. Điều sai lầm này đã đùn-đẩy nhân-loại nhiều tranh-chấp khổ đau, và suy-tàn như ngày nay!

Vì quan-niệm sai lầm “*Con người đối-lập với thiên-nhiên*.” nên sinh ra ý-niệm hủy-diệt thiên-nhiên, thắng vượt thiên-nhiên, thống-trị thiên nhiên,...

Ý tưởng ngạo-mạn này đã phát-sinh từ lâu, từ khi con người tự vỗ ngực “*tạo dựng ra vũ-trụ, ra loài người, ra vạn vật*”, nên chúng ta đã được chứng kiến những tháp chuông cao vút, và nhọn hoắt vút tận trời xanh! những mộng-ảo đem tôn-giáo thống trị toàn cầu! Đem văn-minh này tiêu-diệt văn minh khác!. Những con thoi vượt địa-cầu lên hanh tinh . . . Nhưng thử hỏi những thứ đó đã đem lại một niềm hạnh-phúc nào cho con người?

Vì muốn thắng vượt thiên-nhiên, nên vấn-đề ô-nhiễm là một vấn nạn lớn ngày nay:

- Ô nhiễm môi-trường không khí, làm cho không-khí không sạch, hoặc gây ra có mùi khó chịu, giảm tầm nhìn xa do bụi. Môi-trường khí-quyển đang có nhiều biến-đổi rõ-rệt, và có ảnh-hưởng xấu đến con người cùng vạn vật. Hàng năm, con người khai-thác và sử-dụng hàng tỷ tấn than đá, dầu mỏ, khí đốt; đồng-thời cũng thải vào môi-trường một lượng lớn các chất thải.

Ô-nhiễm môi-trường khí-quyển tạo nên sự ngột-ngạt và sương mù, gây nhiều bệnh cho con người... Nó còn tạo ra các cơn mưa axit làm hủy diệt các khu rừng vào các cánh đồng.

Theo các tài-liệu khí-hậu quốc-tế, trong vòng hơn 100 năm qua, nhiệt-độ trái đất tăng 0.40°C . Một hậu-quả nữa của sự ô-nhiễm khí-quyển là hiện-tượng “*lỗ thủng*” tầng Ôzôn.

- Ô-nhiễm môi-trường đất: Do hậu-quả các hoạt-động của con người như các nguồn sử-dụng tài-nguyên đất vào hoạt-động sản-xuất nông-nghiệp, nhịp-độ gia-tăng và tốc-độ phát-triển công nghiệp, hoạt-động đô-thị hóa, khi đất bị nhiễm các chất hóa-học độc-hại do khai-thác khoáng-sản, sản-xuất công-nghiệp, sử-dụng phân bón hóa-học, thuốc trừ sâu quá nhiều.

Việc xả-hơi chứa bụi và các chất hóa-học, các khí độc như cacbon mônôxít, điôxít lưu-huỳnh, các chất cloro-florocacbon, và oxit-nitơ,...

- Ô-nhiễm môi-trường nước: Do các loại chất thải và nước thải công-nghiệp được thải ra lưu-vực các con sông mà chưa được xem xét đúng mức; các loại phân bón hóa-học, thuốc trừ sâu ngấm vào nguồn nước ngầm và nước hồ ao, nước thải được thải ra từ các khu đông dân cư ở ven sông gây ô-nhiễm trầm-trọng, ảnh-hưởng đến sức khỏe con người dân trong khu-vực!

*** Tránh mô-hình tổ chức “kim tự tháp”, từ trên xuống dưới một chiều, bất bình-đẳng.**

Như đã trình-bày ở trên, con người sống trong vũ-trụ, nên sự vận động phát-triển của “*nhân*” liên-đới với các quy luật của “*duy nhiên*”. Mọi vận-động là đi đến kết-hợp, là hỗ-tương nguyên-nhân, không có kết-hợp nào mà không do vận-động và không vận-động nào là không mong đi đến một kết-quả.

Mỗi cá-nhân coi như một cơ-năng, và tổ-chức là bản vị. “*Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên nhân*” và “*Vận động là đi đến kết hợp*”.

Sự vận động và kết hợp ở “*người*” trong tiến trình “*nhân bản*”, vừa có tính cách đương-nhiên, vừa vô cùng xúc-tích, toàn triệt. Sức quy tâm (*hướng tâm vận động*) ở người không có nghĩa là “*vị kỷ*”, vì như vậy không có chỗ cho “*hướng tha*”, không đạt được sự quân hành trạng thái, và không đạt được sự kết-hợp, tiến-bộ. Sự hướng tâm vận-động ở người, đúng nghĩa là sự nỗ-lực ý-chí của chính mình phối hợp với các kỹ-thuật (khoa học), tinh-thần (phương-pháp tu-dưỡng), trí-tuệ (phương-pháp suy tưởng) để phát-triển toàn bộ sinh mệnh “*người*”. Hướng tâm vận-động đưa mình ngày một cao đẹp hơn.

“*Hướng tâm vận động*” mà thành tựu thì “*hướng tha vận động*” sẽ phát-triển rộng lớn, kết quả phi-thường. Phong-thái, phong-cách sự sống mỗi ngày một thanh-thoát hơn - Gia-đình, dân-tộc, nhân loại sung-mãn, thịnh-vượng, hạnh-phúc, hài-hòa. “*Hướng tâm vận động*” sa-đọa thành vị kỷ, tất gây sung-khắc, giai-cấp chia cách, kết-quả đưa đến băng hoại cho gia-đình, xã-hội suy-thoái rồi tan-rã.

- Tiểu gia phải là cơ-bản kiến trúc của xã-hội. Gia-đình có vui hòa, thì những cơ-năng trong gia-đình (*cha mẹ, con cái*) mới phấn-chấn, hưng thịnh.

Xưa nay, các tổ-chức, đoàn-thể, từ gia-đình đến xã-hội đều theo mô hình “*kim*

1- Bách Khoa Toàn Thư, “*Ô Nhiễm Môi Trường*”, <http://vi.wikipedia.org/wiki/>.

tự tháp". Chính mô-hình này mới xảy ra tình-trạng "*chồng chúa vợ tôi!*", như đôi đũa lệch so sao cho vừa! về chính trị, "*lệnh vua bảo chết. bầy tôi phải chết, không chết là bất trung*" (*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung!*); về công nghiệp mới nảy sinh "*giai cấp thợ thuyền hay nô lệ tranh chấp với giai cấp chủ nhân ông*"; nông nghiệp ở Tàu tạo ra "*địa chủ*": với "*nông nô*",...

Quan-hệ trong tổ-chức là quan-hệ giữa "cơ năng" với "bản vị". Sự hỗ-tương càng cao thì sự đối lập thống nhất trong bản vị càng ổn cố, và sự kết-hợp càng ngày càng phát-triển.

Bản-vị và cơ-năng hiệp điệu thì có an bình, thất điệu sinh tai họa. Đối với quốc gia và quốc tế, nếu quốc gia ức-chế quốc-tế mà thành *xâm-lược*. Giai-cấp khuynh loat quốc gia mà thành "*vật trị*" - Gia tộc ức-chế quốc-gia mà thành "*quân chủ*" - đoàn thể ức chế quốc-gia mà thành "*đảng trị*", "*độc tài*",...

- **Tiểu gia-đình là tế-bào của kiến-trúc.** Tiểu gia-đình là miếng đất tiên khởi, gieo hạt giống hạch-tâm-thể cho toàn bộ xã-hội. Quốc gia phải lấy tiểu gia đình làm đơn vị phân mệnh (*dân luân*), phân công (*phân ngạch*), và phân lợi (*bình sản*).

Vượt khỏi phạm-vi gia-đình là quốc-gia mà guồng máy quản-trị từ trước tới nay được tập-trung vào trong tay nhà nước.

Trong hầu hết mọi trường-hợp, nhà nước là một hệ-thống quyền lực, công-cụ của giai-cấp, hay của một thiểu số được ưu-dãi dùng để thống-trị và bóc-lột quảng-đại quần-chúng. Với cơ-chế nhà nước ấy, xã-hội luôn-luôn bị phân-hóa thành giai-cấp. Mối mâu-thuẫn "*thống trị*" và "*bị trị*" và sự xung đột mãi-mãi là mối liên-hệ "*chủ*", "*nô*".

Với loại "*nhà nước*" này, thực sự không có vấn đề "*quản-trị*" quốc gia, mà chỉ có vấn-đề "*thống trị*", "*áp-bức*".

Việc quản-trị quốc gia trong chiều hướng "*nhân bản*" y-cứ trên một số điều chủ-yếu:

- **Chủ quyền quốc gia** không thể là thứ quyền lực chuyển nhượng một lần từ quần chúng sang cho lãnh đạo, mà là *một sinh-ý-lực của cộng-đồng, lúc nào cũng thuộc toàn-thể nhân-dân*.

- **Tương quan "bình đẳng".**

Thay tương-quan chủ - tớ bằng tương-quan thân hữu, nghề-nghiệp, tương-quan giữa người với người trong quan-niệm con người là cứu-cánh.

- **Điều-hòa pháp trị và nhân trị (Tình - lý tương thông).** Pháp trị không nhân trị là cơ-cấu thống-trị. Nhân trị không pháp trị thì nền-tảng quản-trị không có những điểm tựa vững-chắc, trường-cửu.

Trong một xã-hội như Việt Nam xưa, nhân trị không bao giờ biến mất vào pháp trị. Nhân trị vẫn ở trong nền-tảng sinh-động của cộng-đồng. Cơ-sở trên tình và cảnh, tiềm-tàng trong đối-đãi, liên-hệ giữa các cá-thể trong xã-hội. Chính cách "nhân trị" này tạo nên một thứ trật-tự tự-nhiên, uyển-chuyển, thư-thái, và an-hòa giữa tình và cảnh. Trong khi trật-tự-do pháp-trị tạo nên một thứ trật-tự cứng chắc, bất dịch của lý và pháp!

Sự điều-hòa tốt đẹp giữa nhân trị và pháp trị sẽ đưa việc quản trị quốc gia tiến đến độ điều hòa được cuộc sống cộng-đồng và cuộc sống cá-nhân.

Quan-niệm này, xưa đã được thể-hiện qua chế độ “*phép vua thua lệ làng*”, địa-phương phân quyền.

Sự phân quyền cho địa-phương không những tránh được sự công-kênh ở trung-ương mà còn là biện-pháp bảo-đảm tinh-thần dân-chủ. Chủ-trương phân quyền địa-phương đáp-ứng được nhiều mục tiêu:

. Công việc của người dân do chính người dân tự giải-quyết. **Cơ-quan công quyền chỉ giữ vai-trò điều-hợp**. Như vậy, tránh khỏi vướng vào guồng máy thư lại với những thủ-tục phức-tạp. Dân chủ có tính cách trực-tiếp, và mọi giải-quyết được mau lẹ, sát với môi-trường địa-phương.

. Tránh được một hệ-thống cứng chắc, làm trì-trệ các sinh-hoạt của nhân dân, đồng-thời chuyển đạt trách-nhiệm đến nhân dân.

. Vì người dân không bị chi-phối bởi một hệ-thống quyền-lực, mà là tự tham-dự vào việc quản-trị địa-phương trong một môi-trường hòa-hài giữa “*phép vua và lệ làng*”. Tránh được sự phân-ly, kỳ-thị giữa nông thôn với thành-thị.

Việt Nam lâu đời đã áp-dụng thể-chế phân quyền này, đã điều-hợp được quyền lợi của địa phương với quyền lợi của trung-ương đưa đến sự ổn định chính-trị, đồng-thời đáp-ứng được khát-vọng và nhu-cầu của quần chúng địa-phương mà vẫn tôn trọng quyền lợi của tập-thể, và sự thống-nhất quốc gia. Truyền-thống này cần được phát-huy bằng cách cải-tiến chế-độ cho phù-hợp với thời-đại.

Theo “*Mở Quyền*” trong “*Việt Duy Dân Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho*”, nhà tư-tưởng Việt Lý Đông A đã viết:

*“Cho đến nay, thế-giới còn điều-linh, thống khổ, chứng-tỏ sự thất-bại của những luồng tư-tưởng trong công-cuộc kiến-thiết cho loài người. Người ta đã có lúc lầm tưởng **máy-móc là chúa tể, nhưng rồi đều vỡ mộng!***

Phục Hy xưa kia đã nói: “Cơ giới sinh cơ tâm. Ta chưa thể dạy dân máy-móc, vì trình-độ dân còn thấp kém”. Sau những cuộc chiến-tranh tàn sát, mục-kích cảnh “xương khô máu chảy”, mới cảm thấy câu nói sâu xa của Phục Hy là có giá-trị.

“Hiện nay, tuy những đạo giáo có giáo-hóa dân, nhưng hoặc quá thiên về phương-tiện, nên chỉ dạy người làm lành tránh ác, đừng mắc tội hơn là cứu vớt người, hoặc yếm-thế chỉ mê-man trong công việc hàng ngày, câu kinh, bài kệ, bùa chú,...cho nên không giác-ngộ được người đương thời.

“Hoặc giả, có một vài vị sa-môn đạt tới chỗ giác-ngộ, thì lại ẩn mình nơi non xanh nước biếc, cho nên loài người chìm đắm trong vật-chất!

“Nhiều chủ-nghĩa không kiến-thiết nổi con người, bởi vì:

*“1, Mỗi chủ-nghĩa tìm một đối-tượng thiên lệch, thiếu-sót, rồi căn-cứ vào đấy mà kiến-thiết con người, thành ra không hợp với **nhân tính**.*

*“2. Mỗi chủ-nghĩa phát-sinh để phản-đối hoàn-cảnh đối-bại, cho nên là **một thiên-lệch này bước qua một thiên-lệch khác** quá-khích hơn.*

*“3. Mỗi chủ-nghĩa đã có một mục-dích, nhưng chỉ là **vá-vú không nhất-quán**, cho nên đã thất-bại.*

*“4. Mỗi chủ-nghĩa phát-sinh ở một thời-kỳ nên đã cống-hiến những phương-án vào từng phương-diện của con người, mà **không thể-hiện được toàn bộ, toàn trình**.*

Có những chủ-nghĩa áp-dụng luật-tắc ở phạm-vi này vào phạm-vi khác, mà không có tu-chỉnh khi chuyển tọa-độ!

“Cuộc chiến-tranh tới sẽ là **cuộc chiến-tranh toàn diện**, hủy-diệt mọi nền văn-minh vá-vúu của thế-giới một cách khốc-liệt. Cùng với những kiến-trúc do các chủ-nghĩa thiên-lệch, tất-cả sẽ cáo chung.

“Thế-giới đang đòi-hỏi những tư-tưởng mới, một phương-hướng mới, và những phương-án kiến thiết mới-mẻ hơn.

Ấm Thị Biểu

Phần	Rộng Nghĩa	Duy Tâm	Duy Vật	Duy Sinh	Z Thắng Nghĩa
Q U Y N A P	a/Tối cao căn cứ b/ Tối định tiền đề c/Tối sơ xuất phát	<u>CƠ BẢN LÝ LUẬN</u>			a/ Người b/ Nhân đạo c/Xã hội tự tính, xã hội bình sản
		a/Tâm hay thần b/Tuyệt đối tinh thần c/Phát sinh và cứu cánh vũ trụ do Thần.	a/Vật chất b/Vật chất vận năng. c/Phát sinh và cứu cánh vũ trụ do vật chất	a/Sinh nguyên b/Sinh tồn vận động c/Phát sinh và cứu cánh vũ trụ do sinh thể.	
		<u>CÔNG CU LÝ LUẬN</u>			
		Tam đoạn luận Hegel biện chứng pháp.	Duy Vật biện chứng pháp	Duy Sinh biện chứng	Tập đại thành DD biện chứng thông qua 3 thành phần: Nhiên, nhân, dân.
D I Ể N D I Ể N	a/ Xã hội xuất phát. b/ Trung Tâm luật tắc. c/ Tính luận	<u>THUẦN TÚY LÝ LUẬN</u>			a/ Xã hội có sẵn là do lỗi tổ chức còn thiên về nhân tính mà thiếu nhân đạo nhân chủ. b/Lịch sử là cuộc vận hành của xã hội tự tính thông qua nền tảng và điều kiện đặt định thời đại và dân tộc. c/Vô kỷ tính.
		a/Xã hội sẵn có là biểu hiện lẽ phải.	a/Xã hội sẵn có là do thế lực và quyền lợi tạo nên.	a/Xã hội có sẵn là do vận động sinh tồn diễn dịch theo luật tắc âm-dương.	
		b/Lịch sử là biểu hiệu ý chí tối cao .	b/Lịch sử không ngừng giai cấp đấu tranh.	b/Lịch sử là sự cầu sống không ngừng của loài người.	
		c/Tính thiện	c/ Tính ác	c/Tính là do sự hợp hoá tính thần và vật chất.	
N D	a/ Chính trị luận b/ Cách mạng luận.	<u>THỰC TIỄN LÝ LUẬN</u>			a/ Chính trị là sự thiết kế và chấp hành nhân sinh... b/Cách mạng cần thiết để thăng hoa đời sống người.
		a/Duy trì nền tổ chức xã hội hiện thời. b/Cải cách cho đến sự biểu hiện của ý chí.	a/Chính trị là mặt nạ của sự bóc lột giai cấp b/Giai cấp lao động cách mạng chủ lực là vô sản	a/Chủ trương chủng tộc. b/Cách mạng là để bênh vực quyền lợi dân.	

Âm thị biểu (tiếp theo)

C H	c/ Kiến thiết luận.	c/ Chú trọng giáo dục	c/ Vô sản bình đẳng (không tướng)	c/ Quân, huấn hiển chính.	c/Bình quân, bộ mệnh, bình sản kinh tế, kiện khang giáo pháp, sinh hoạt giáo dục
H I Ệ U Q Ủ A		A- LỊCH SỬ LUẬN			
		Lịch sử là biểu hiện của ý chí tối cao qua các thời đại.	Lịch sử là sự tiến hóa cơ giới của các điều kiện vật chất qua các thời đại	Lịch sử là sự biến hóa của bản thể chủng tộc dưới sự lãnh đạo của những người tài đức.	Lịch sử là sự khám phá ra thời cơ luận nắm giữ tính chất đương biến của lịch sử.
		B- VẬN MỆNH LUẬN			
		Định mệnh chủ nghĩa.	Định mệnh chủ nghĩa nhưng còn chủ trương đấu tranh để tu chỉnh vận mệnh.	Định mệnh chủ nghĩa theo số học lý tắc âm dương . Sự tu tâm dưỡng tính cũng thay đổi vận mệnh.	Phải giác ngộ nhân chủ để tự nắm giữ vận mệnh mình.
		C- VẬN MINH LUẬN			
		Vận minh là biểu hiện đức tính chứ không hưởng thụ lợi lộc, vật chất.	Vận minh là lý luận chú trọng hưởng thụ.	Vận minh là sự phát hiện tối cao sinh tồn của chủng tộc.	Vận minh tự giác và nhân chủ.



T/ Nhân sinh Quan: :

Chủ yếu:

- Giác-ngộ triệt-để về **“nhân chủ”**; mọi kiến thiết cần đặt trên **“nhân bản”** mới có thể đem lại an bình cho nhân-loại.

- Lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội người trên tự tính làm gốc thì **mọi hiện-tượng sống tạo ra bởi người, vì người và cho người.**

- Trở về với “Đạo Sống Việt” để phục-hồi và ứng-dụng điều **“thương người như thể thương thân”**, không giáo-điều, không lý-thuyết suông, thì cuộc sống mới thực-sự an lành, và thực-sự thanh-bình.

Những luật-tắc thiên-nhiên khi áp-dụng vào loài người cần được biến-hóa sao cho thích hợp.

U/ Biện chứng Duy Nhân gồm các luật tắc:

1- Đạo kỷ là tự kỷ nguyên nhân.

Đạo kỷ là trông về trước, ngoái về sau, đứng vào lập trường của loài người tìm con đường đạo. Nó khinh-thường nhất nguyên, chân như với vô cực. Tự nó là không-gian với thời-gian trong khoáng-trường và khai tịch của tri-thức, của sống còn, của thiết -thực và khoa-học.

2- Tinh-thần và vật-chất là hỗ-tương nguyên-nhân.

Tinh thần với vật chất, nhiệt với thành, tâm với vật, thể với dụng, tính với tình, biết với làm, năng và lực, chất với lượng, . . . tất cả những tương-đối phạm-trù đó súsy-động lẫn nhau mà sinh ra vận-động với kết-hợp. Đó là chân ý nghĩa của sinh-mệnh.

3- Vận động và kết hợp là hỗ-tương nguyên-nhân.

Suy động thành vận-động. Vận động thành nguyên nhân của kết hợp. Mục đích và kế hoạch là kết hợp, vì vũ trụ không thể không có quỹ đạo nên sinh mệnh không thể không có định hướng. Kết hợp là pháp thể hợp tướng. Đã có kết hợp, tất nhiên kết hợp đó phát sinh một đối lập thống nhất và quân hành trạng thái để đi đến một hướng tâm vận động (sinh mệnh chủ ngã) và hoạt động thực hiện, đồng thời từ cái thể vận-động đó phải tự kỷ vận động mà lại là nguyên nhân vận động. Đó là chân ý nghĩa của sinh hoạt.

- Vận động cần phải chính đáng và kinh hằng.

- Kết hợp cần phải thích tình, đắc vị, tận phần, hợp lý.

4- Bản vị và cơ năng là hỗ tương nguyên nhân.

Do vận động và kết hợp hỗ tương nguyên nhân mà sinh ra Bản vị và cơ năng hỗn tương nguyên nhân. Từ vận động đi đến kết hợp, kết hợp sẽ đi đến bản vị hợp tướng tức là bản vị hình thành, cái bản vị đó là những thành phần và bộ phận. Mỗi thành phần và mỗi bộ phận chịu chung cái hướng tâm xu thế mà mỗi đảm nhiệm có một tác dụng, nghĩa là thành một cơ năng, đồng thời cơ năng lại là nguyên nhân của bản vị. Đó là chân ý nghĩa của sinh tồn.

Bản vị cần phải hiệp điệu và thống nhất.

Cơ năng cần phải phân công và hợp tác.

5- Hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân. Đó là chân ý nghĩa của đạo kỷ.

Ta thấy 5 luật tắc trên là cả một chuỗi mắt xích có trình tự kết cấu thật chặt chẽ, giúp ta hiểu rõ được ý nghĩa chân thực của Đạo Kỷ. Đạo kỷ là đường đi của chính mình, tự

minh, đường đi của con người tự giác, tự nguyện, tự chủ, tự động hoàn thành cái sống đạo của con người (Nhân Đạo).

Con người là một sinh vật trong tự nhiên, nhưng con người là một sinh vật đặc-thù, biết nắm giữ được những quy luật tự nhiên . Tự kỷ và hỗ tương vận động làm nguyên nhân lẫn cho nhau, nên chỉ có con người mới chủ động đời sống của mình, lại có thể biến đổi và tạo mới các điều kiện sống để thăng tiến mà làm nên lịch sử từ sơ-khai đến văn-minh hiện tại.văn hóa của con người

Các quy-luật chi-phối vũ-trụ thiên-nhiên là các quy-luật vật-chất tự-nhiên. Đó là các quy-luật khoa-học của vật-chất, có tính-cách khách-quan, nghĩa là các quy-luật đó không thay đổi, dù có hay không có sự hiện-diện của con người. Khi con người khám-phá ra các quy-luật chi-phối vũ-trụ tự-nhiên thì các quy-luật đó chỉ áp-dụng cho vũ-trụ khách-quan ..

Sang đến xã-hội NGƯỜI, các quy-luật trong tự-nhiên phải biến-đổi sao cho thích-hợp với đời sống của con người. Con người khai-thác các quy-luật thiên-nhiên, biến-đổi để phục-vụ con người, tức là con người dùng tư-tưởng để làm chủ vũ-trụ vật-chất khách-quan (Tán thiên địa chi hóa dục). Điều này khác với Duy Vật chủ-nghĩa đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật tự nhiên vào nhân-loại !

- Chính đây cũng là điểm sai của Khổng giáo mà linh-mục Đường Thi Trương Kỷ đã dẫn lại để tuyên xưng! Nếu đem pháp-tắc tự-nhiên của trời (vũ trụ) áp-dụng thẳng tuột vào nhân luân, thì quả là không phân-biệt giữa tính-chất khách-quan của vũ-trụ tự-nhiên với tính-chất chủ-quan của loài người.

Những lý-thuyết năng-lực nhất nguyên, tuyệt-đối tinh-thần, tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, v.v... chỉ là kiến-thức tích-lũy của cơ-sở “duy thần”, tiến-hóa lên. Những lý-thuyết duy lý, thực-dụng và v.v... chỉ là thỏa-hiệp của duy tâm với duy vật, hay duy sinh ở một căn-cứ siêu-hình. Bởi vì duy tâm là tác-dụng nhân-loại tiến-bộ sau khi nhân-loại thành-lập, duy vật là thuyết siêu-hình “hình nhi thượng” (bởi vật là điều-kiện của tự-nhiên vận-động), từ duy nhiên thẩm-thấu vào duy nhân phải thiết-định rằng tự-nhiên có trước loài người. Cái quy-luật trung-tâm là tinh-thần vận-động khách-quan thực tại không thể nào lấy gì mà chứng-thực được, để mang vào phục-vụ cho loài người.

Nói đến duy tâm đúng nghĩa thì chỉ có “thần trị” (théocratie) sự trực-giác lãnh-đạo chính-trị (chính-trị không thể thành được khoa-học ở lãnh vực duy tâm), chỉ là một lập thuyết bảo-thủ của dân-chủ tư-bản (duy vật là ý-thức của tích-cực phá-hoại, duy tâm là ý-thức của bảo-thủ tích-cực) dùng cho tự-nhiên, sự thực trói-buộc và áp-bức loài người, không có tinh-chỉ trong vũ-trụ.

Cho nên không thể có được duy-tâm (duy thần) cũng như nói không thể sống được bằng hương hoa tưởng-tượng của tinh-thần, không thể có được một xã-hội “thần trị”, không thể có được một xã hội vô vi, không thể có được một xã-hội tự thân, tự sinh, tự nở, không thể có được một xã-hội bằng tâm trông, tâm nghe, tâm làm, tâm ăn, tâm đi...

Nói đến duy tâm triết-học đây là nói rộng chung cả lý-tưởng chủ-nghĩa, hình-tượng chủ nghĩa, thượng-đế chủ-nghĩa, duy-thức, duy-cảm, duy-tính, vân vân... không tránh được điều cơ-bản lý-luận duy thần.

Xưa nay, biết bao nhiêu cuộc đối-thoại của các tông-giáo, triết-học, tư-tưởng không đi đến kết-luận chung cũng vì mỗi lập-trường đứng trên một nền-tảng

khác nhau! một bên, trên nền-tảng “*thần linh*”, kẻ trên nền-tảng “*vật chất*”, người trên căn-cứ *thời-điểm lịch-sử của xã-hội*, ...

Đã không cùng đứng trên một nền-tảng thì khó mà chung đi đến một kết-luận.

Thật đúng là cảnh “*Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*” hay “*Ông nói gà, bà nói vịt*”.

Theo Dịch lý, “*trong vũ-trụ, âm dương có giao-thoa vạn vật mới thành hình. Nhờ âm dương giao-thoa mà thành bát quái.*” Nếu bát quái chỉ có 3 nét (*Quái đơn*) thì cũng chưa đủ, vì “*tam tài*” mới chỉ là “*nhất nguyên*”, nên phải thêm mỗi nét trong quái đơn (*đơn quái thành trùng quái*) mới trọn nghĩa “*âm dương chi vị Đạo*”.

Tượng truyện của quẻ “Thái” trong kinh Dịch có nói: “*Thiên địa giao thái, hậu dĩ tái thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân...*” (*Công việc của trời đất tạo thiết ra, nhờ người sửa-sang lại cho hoàn-thành, vật-chất do trời đất vun trồng, nhờ người chấn-chỉnh cho thỏa đáng.*). Có như vậy vai-trò “*người mới sánh cùng Trời - Đất (Thiên - Địa - Nhân trong Tam Tài).*”



Chữ Đạo : Đạo lý, con đường nên theo.

Những luật-tắc của thiên-nhiên áp dụng vào loài người phải thay đổi (khác với Duy Vật) . Toàn thể loài người là một **đặc-thù, không phải từ “khỉ”** mà ra. Nếu từ “khỉ” mà ra, thì tại sao quá-trình tiến-hóa từ khỉ thành người lại bị gián-đoạn?

Con người dù da trắng, da vàng, da đen **đều nhất quán là người, cùng một tính, tình, chí**. Loài người xưa nay đều hướng về chân, thiện mỹ. nói cách khác là **trình, bình, hòa**. Cho nên nói **“Nhân loại là nhất nguyên”**.

Bản tính của loài người, chân-lý chỉ là một, khi phát-hiện vào mỗi dân-tộc, do hoàn-cảnh phân-bố, tập-quán phong-tục sinh ra khác-biệt. Tinh-thần mỗi dân-tộc cần được tôn-trọng để tư-tưởng và văn-hóa loài người được phong-phú nên từ nhất nguyên sang **“đa nguyên”**

Triết-lý Lý Đông A đã định được sự liên-hệ giữa thiên-nhiên và loài người, lại còn định được sự liên-hệ giữa loài người và các dân-tộc.

Duy Dân là cơ-sở phát-triển đặc-biệt của các dân-tộc. Sự phát-triển ấy phải được **tự-do, bình-đẳng** cho một chính-sách Nhân Văn Phục Hoạt, cũng như chính-sách **“Đồng Nhân”** để bảo-đảm nhân-loại tính, và dân-tộc tính của toàn-thể.

Theo Lý tiên sinh, sự liên-hệ luật-tắc thiên-nhiên (Duy nhiên) với luật-tắc con người (Duy Nhân) và luật-tắc xã-hội (Duy Dân) như sau:

Trong nhân-loại, mỗi cá-nhân là một đơn-vị cơ bản. Nam cũng như nữ là các bản-vị có thể sống độc-lập. Sự vận-động tự kỷ, ý tha hổ-tương và kết-hợp khiến nam và nữ trở nên vợ chồng và hình-thành một bản-vị mới là gia-đình (kể thêm con cái về sau nữa). Các gia-đình bản-vị lại tự kỷ, ý tha hổ-tương vận-động và kết-hợp mà thành dân-tộc. Các dân-tộc tự kỷ, ý tha vận-động và kết-hợp mà thành nhân-loại.

Hổ-tương nguyên-nhân và hổ-tương vận-động kết-hợp các dân-tộc thành bản-vị nhân-loại.

Dân-tộc là một hợp thể sinh-mệnh; dân-tộc bản-vị được hình-thành cũng do quy-luật tự kỷ, ý tha hổ-tương vận-động và kết-hợp của các bản-vị cá nhân có các yếu-tố đồng chất về chủng-tộc, diễn-tiến lịch-sử, phong-tục tập-quán, ngôn-ngữ và hoàn-cảnh địa-lý phân-bố. Mỗi dân-tộc có một tính riêng-biệt gọi là **“dân-tộc tính”**, sinh-hoạt theo các qui-luật riêng của dân-tộc mình. Gia-đình, giai-tầng, đoàn-thể, chức-nghịệp là những cơ-năng trong bản-vị dân-tộc.

Muốn cho dân-tộc được điều-hòa thống-nhất, dân-tộc đó phải có sự phân công hợp-tác theo nguyên lý của kết-hợp, phải thích tính, đắc vị, tận phần và hợp lý thì sự vận-động mới có tiến-hóa. **Do đó, giai cấp xung-đột là những bệnh-thái. Khoáng-trương đấu-tranh giai-cấp - Đó là tội ác của Karl Marx.**

V/ Biện-chứng Duy Dân (Xã-hội quan).

Quy-Luật 1: Các quy-luật của biện-chứng trong “nhân” chi-phối mọi vận-động và phát-triển của “Dân”.

Vì “nhân” là gốc của “dân”, nên đời sống của dân ví như một con thuyền trôi-trành trên biển cả, nghiêng bên này, nghiêng bên kia trong sóng gió. Nhưng bao-giờ cũng cố-gắng tìm cách trở về với vị-trí thăng bằng. Tương-tự, “dân” sống trong động thái, lao-đao bất ổn nên luôn-luôn cố gắng tìm về “nhân”, nghĩa là tìm cách trở về với tĩnh thái, nghĩa là sống ổn-định. Nhân biết vận-dụng tư-tưởng để tổ-chức mọi hiện-tượng sống ăn khớp với **“Cấu trúc 5 điểm của tự-nhiên”**, và điều-chỉnh sao cho đời sống của “dân”

hợp với các quy-luật của biện-chứng “duy nhân”. Suy ở đó, “Dân” phải chịu sự chi-phối các quy-luật của “nhân”, và cũng phải có các quy-luật riêng của “dân” để “dân” có thể trở về tĩnh thái (sống ổn-định).

Quy Luật 2: Xã-hội duy dân đối với tự-nhiên đối-lập thống-nhất.

Từ ngàn xưa tới nay, quá-trình sống của loài người là quá-trình vừa đấu-tranh với tự-nhiên vừa tựa vào thiên-nhiên để sinh-tồn. Người luôn-luôn bị thiên-nhiên tấn-công về cả hai mặt thể-chất và tinh-thần. Về thể-chất, thiên-nhiên tấn-công người bằng khí-hậu, thời-tiết, thiên-tai, địa-hình..., về tinh-thần, thiên-nhiên tấn-công người bằng vật tính đánh đuổi nhân tính.

Khi bị tấn-công, người không thể hủy-diệt thiên-nhiên, mà phải tìm cách phối-kiểm toàn bộ các quy-luật của nhân, điều-chỉnh những quy-luật bị thực-hiện lệch-lạc, nghĩa là người đã chuyển sang vị-thế chủ-động đối với thiên-nhiên, buộc thiên-nhiên phải phục-vụ người, nói cách khác, người đã chuyển thể đối-lập của thiên-nhiên sang thể hợp-tác, nghĩa là thống-nhất thiên-nhiên với con người.

Đó là ý nghĩa của quy-luật “**Xã-hội Duy Dân với tự-nhiên đối-lập thống-nhất**”.

Sự nhầm-lẫn của Karl Marx là đem áp-dụng thẳng tuột các quy-luật của thiên-nhiên vào loài người.

Thiên-nhiên gồm những quy luật cạnh-tranh và đào-thải. Giữa loài người và thiên-nhiên cũng phải theo các quy-luật đó. Tuy-nhiên giữa loài người một khối với thiên-nhiên còn có xung-khắc, chế-hóa tác dụng. Cho nên con người trong lòai người có thể kết hợp thành một hợp-thể sinh tồn được, vì con người phải duy-trì “Trung tâm sinh mệnh” của mình cho điều hòa và hiệp tiến. Đó là chân ý nghĩa của loài người.

Quy-Luật 3: Cá-thể với tập-thể đối-lập thống-nhất.

Đời sống của “dân” trong xã-hội khó được ổn-định bởi nhiều lý-do. Một trong những lý-do gây ra sóng gió, phiền-toái trong đời sống của “dân” là tình-trạng đối-lập về “cơ-hội”, về “nghĩa-vụ” và về quyền-lợi giữa cá-thể với tập-thể. Thực-tại cho thấy kết-quả khốc-hại của tính đối-lập này.

Muốn giải-trừ tình-trạng đối-lập giữa cá-thể với tập-thể, con đường duy-nhất là chuyển hóa hiện tượng đối-lập thành hiện-tượng “**cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân**”. Cá-thể là cơ-năng, tập thể là bản-vị. Cá-thể và tập-thể hỗ-tương nguyên-nhân, là hỗ-tương đối-lập thống-nhất. Cho nên, xã hội quy-hạn cá-nhân, đồng-thời cá-nhân có thể đồng hóa tập-thể tính.

Dân-tộc bản-vị với nhân-loại bản-vị cũng tương tự như thế. Dân-tộc là cơ-năng của bản-vị nhân-loại. Cái tính chung đó (Cá-tính, tập-thể tính đồng-hóa với nhau) bao giờ cũng còn. Đó là chân ý-nghĩa Dân Tộc.

Quy-Luật 4 :Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống nhất.

Bảo-thủ là thái-độ muốn giữ những cái cũ tuy đứng trong hiện-tại, làm ngưng-trệ sự chuyển-động của bánh xe lịch-sử. Ngược lại, cấp-tiến lại muốn cải-biến xã-hội, tăng vận-tốc của bánh xe lịch-sử để hướng nhanh về tương-lai.

Trên thời-gian vận-động, một đảng bảo-thủ, một đảng cấp-tiến, hiệu-năng của công-việc là ở chỗ nắm giữ được cái nút vận-động giữa bảo-thủ và cấp-tiến.

Mỗi thời-gian trong quá-trình vận-động phải đi đến một kết-hợp gọi là hiện-tại. Cho nên, mỗi kết-hợp đó phải do sự vận-động lịch sử đúng các chất và lượng của thời-gian trước mà có, vì vậy hiện-tại có thể có của quá-khứ và tương-lai. Quá-khứ, hiện-tại đối-lập thống-

nhất; hiện-tại tương-lai đối-lập thống-nhất; chất và lượng hỗ-tương nguyên-nhân, bảo-thủ và cấp-tiến hỗ-tương nguyên-nhân, nói cách khác, “Bảo-thủ và cấp tiến đối-lập thống-nhất”.

Cách-mạng y-cứ trên nguyên-tắc đó mà kiến-thiết - Đó là chân ý-nghĩa của cách-mạng.

Quy-Luật 5 :Tĩnh Động nhất quán.

Tĩnh là thường-thái, đưa dẫn tới sự ổn-định , động là bất-thường thái, hoặc bệnh thái đưa đến sự bất ổn-định. Bất-thường thái hay bệnh thái bao-giờ cũng tìm lại tĩnh (ổn định).

Đối-lập bao giờ cũng tìm lại thống-nhất.

Dân luôn-luôn tìm cách trở về nhân. Đó là xu-thế của lịch-sử. Dân tìm về nhân là thái-độ bám-sát thực-tại. Đó là xu-thế sống của loài người muốn sống ổn-định.

Quy-Luật 6 :Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân sản sinh ra bản-vị học-thuyết.

Muốn cho bản-vị được tồn-tại và bền-vững - Các cơ-năng tạo thành bản-vị phải vận-động kết-hợp cùng chung một hướng, gọi là “trung-tâm bản-vị”. Trung-tâm bản-vị là đời sống, vai-trò và nhu-cầu của bản-vị. Ta cũng nên nhớ rằng: Vận-động phải chính thượng và thường hằng; kết-hợp phải thích tính, đặc vị, tận phần, hợp lý.

Trong xã-hội thực-tiến, có muôn hình vạn trạng bản-vị. Sau đây là mấy bản-vị điển-hình trong Duy Dân xã-hội thực-tiến).

a/ Bản-vị nhân-loại:

-Mỗi dân-tộc trên thế-giới là một cơ-năng. Sinh hoạt của xã-hội quốc-tế là trung-tâm bản-vị.

-Tất-cả những tổ-chức quốc-tế là những cơ-năng. Quốc-tế nhân văn là trung-tâm bản-vị.

b/ Bản-vị dân-tộc:

Gia-đình, giai-cấp, đoàn-thể chức-nghịệp là các cơ-năng. Vận-động và phát-triển của quốc-gia dân-tộc là trung-tâm bản-vị.

c/ Bản-vị gia-đình:

Cha mẹ, con cái là các cơ-năng. Cơ-hội, nghĩa vụ và quyền lợi của toàn-thể gia-đình là trung-tâm bản vị. (Gia-đình ổn-định là **gia-đình bản-vị hệ**, chứ không phải gia-đình mẫu hệ hay phụ-hệ).

Bản-vị và cơ-năng hiệp điệu , đó là an-bình, thất điệu là tai họa, chiến-tranh. Cho nên quốc-gia ức-chế quốc-tế mà thành xâm-lược; giai-cấp ức-chế quốc-gia mà thành “vật tri”; gia-tộc ức-chế quốc-gia mà thành quân chủ; đoàn-thể ức-chế quốc-gia mà thành đảng trị, độc-tài.



X/ **Bình Sản Kinh Tế**

“**Kinh-tế tư hữu bình-sản** là chủ-trường then-chốt của Nhân Chủ Duy Dân, rút từ tinh-hoa truyền-thống kinh-tế của Dân-tộc Việt qua chính-sách quân điền, quân thổ cổ-truyền.

Kinh-tế tư hữu bình -sản là nền-tảng để thiết -lập nhân đạo, xây-dựng nhân sinh và thành-lập nhân cách, thực-hiện Duy Dân Nhân Chủ.

Kinh-tế tư hữu bình-sản là nền kinh-tế trong đó con người có tài sản tư nguyên bằng nhau, hưởng những cấp-duỡng cơ-hội như nhau và đóng góp nghĩa-vụ bình-đẳng.

Thực-hiện kinh-tế tư hữu bình-sản là làm sao cho tư hữu được tôn-trọng để dân chúng tự bảo-vệ được tự do nhân phẩm của chính mình. Sao cho tư hữu không được quá độ và trở thành công cụ của người đi bóc-lột người. Tư hữu không phải là nguyên-nhân của giai-cấp, của bóc lột. Tư hữu tính là một phần của nhân tính. Điều lý nhân tính bằng bình-sản thì giai-cấp và bóc lột tính bị triệt tiêu, mà nhân cách được bảo-đảm.

Bốn nguyên-tắc của kinh-tế tư hữu bình-sản là công bản, công lao, công phối, công độ.

a/ **Công bản:** Chế-độ công bản là chế-độ đặt các tài-nguyên căn-bản (Resources) của quốc gia thuộc quyền chung của quốc dân, không của riêng một cá-nhân hay giai-cấp.

Quyền tư hữu và sự xử-dụng quyền tư hữu được tôn-trọng, những nguyên-tắc tư hữu phải bảo-chuống được cứu-cánh ‘bình’ trước hết là bình-đẳng về tài sản, và duy-trì được sự phát-triển của cơ-năng kinh-tế cá-nhân.

Chính-sách kinh-tế sẽ đi từ kế-hoạch kinh-tế hướng-dẫn hay chỉ đạo đến kinh-tế tập chế, tức tập-thể tự nguyện chung sức sản-xuất. Các nguyên-tắc và tự do hỗ tương phải tuyệt-đối được tôn-trọng và thực-hiện.

Quốc gia đảm-trách công-tác quốc phòng và các công-tác đại quy-mô mà tư nhân không thể đảm-trách.

Các tỉnh, huyện, xã là các đơn-vị tự trị, cón tài sản riêng.

Về công nghiệp tư hữu. công nghiệp đặt trên nguyên-tắc cổ phần và hợp-tác. Việc quản-ly, ngoài tư bản, kỹ-thuật còn có quản-ly sinh-hoạt - người có tài-sản (chủ, nhà nước) và người trực-tiếp sản-xuất (thợ) đặt trên tương-quan bình-đẳng.

Về công nghiệp - tư hữu ruộng đất được thực-hiện theo chính-sách quân điền, quân thổ, lấy xã thôn làm bản vị tự trị. Việc phân điền, phân thổ lấy tiểu gia-đình làm bản-vị.

Chế-độ quân điền, quân thổ là chế-độ được áp-dụng tại Việt Nam thời cổ xưa trước và sau đời Trần - theo đó các đất ruộng công đặt dưới quyền sở hữu của nước mà mỗi đơn-vị quản-trị là làng.

Mỗi làng y cứ vào các xuất-đình trong làng từ 18 tuổi trở lên và tình-trạng gia-đình mà chia số ruộng đều cho mỗi xuất-đình, mỗi gia-đình hay xuất-đình được bốc thăm để nhận phần đất của mình may rủi theo tốt, xấu, xa, gần.

Khi bốc thăm được ruộng đất, các gia-đình hay xuất-đình sẽ làm chủ miếng đất đó trong 3 hay 5 năm tùy lệ làng. Các gia-đình dựa theo kế-hoạch chung của nước mà toàn quyền trồng hoa màu theo ý muốn và hoa lợi thu được, được xử-dụng theo ý muốn.

Chương trình canh-tác hoặc tự làm lấy, hoặc thuê người, hoặc tìm cách hợp-tác đổi công theo tinh-thần tự nguyện.

b/ **Công lao:**

Công lao là sự đóng góp công sức của quốc dân. Sự đóng góp công sức của quốc dân y-cứ trên hai tiêu-chuẩn:

- Tự-do về thực-hiện.
- Bình-đẳng về cơ-hội, nghĩa-vụ và quyền-lợi.

Để thể-hiện hai tiêu-chuẩn trên, ba nguyên-tắc dưới đây được thực-hiện.

* Nguyên-tắc phân mệnh. Phân mệnh là quy-định phần vụ, sứ mệnh của mỗi người trong xã-hội để mọi người làm tròn bổn-phận mình. Mỗi người trong xã-hội tùy theo khả-năng nhận lãnh một nhiệm-vụ thích đáng với khả-năng mình sao cho công việc chung đạt được tối đa kết quả. Phương châm của nguyên tắc phân mệnh là **‘thích tính’, ‘đắc vị’**. Thích tính là công việc nhận lãnh hay giao phó phù hợp với bản tính, sở thích của mỗi cá nhân. Đắc vị là vị trí, chỗ đứng, chức chương của công việc phù-hợp với tài-năng, tu-cách, hiểu biết của từng người để họ thi triển được hết ưu-điểm, đóng góp công sức theo khả-năng cho tập thể.

Nguyên-tắc phân công: Phân công là phân-phối công-tác cho các phần-tử trong xã-hội theo nhu-cầu của tập-thể và khả năng, sở thích của mỗi phần-tử. Mỗi người tùy theo hoàn-cảnh, khả-năng cá-nhân và nhu-cầu của tập thể được giao-phó hay nhận lãnh thi-hành một số công tác, sao cho đem hết được sức mình đóng góp vào việc hoàn thành công cuộc chung đúng với thời hạn. Phương châm của nguyên-tắc phân công là **‘tận phần’**. Tận phần là mỗi người đóng góp được hết sức mình, đủ phận mình, và chính phận mình.

Nguyên tắc phân lợi hay phân hưởng: Phân lợi hay phân hưởng là đem các kết-quả, lợi-lộc thu-hoạch được, hoặc lợi-lộc vật-chất, hoặc lợi-lộc tinh-thần, hoặc các cơ-hội thăng tiến, phân-phối cho mọi người theo nguyên-tắc bình đẳng hợp với nghĩa vụ, công lao, hoàn cảnh của mọi người trong tập-thể, để mọi cá-nhân thỏa mãn được nhu-cầu căn-bản, bảo-đảm được độc lập, tự do, nhân-cách, tiến bộ và đồng thời tập thể cũng được bình hành phát-triển. Phương-châm của nguyên-tắc phân lợi là **‘hợp lý’, ‘hợp tình’**. Hợp lý, hợp tình là lợi lộc không cá nhân nào không được hưởng, dù là tật nguyên. Lợi lộc không tập-trung ở thiểu số người có quyền thế. Lợi lộc cũng không thuộc về tổ-chức, nhà nước mà thực-sự thuộc quyền của quốc-dân. Phân-phối được quyết-định theo đa số. Cá-nhân và tập thể phải bình hành phát-triển.

c/ **Công phối:** Công phối là chế-độ phân phối các vật phẩm cho mỗi quốc-dân, chế-độ tiếp-liệu các nhu-cầu cần dùng cho công việc tiêu-thụ và sản-xuất. Chế-độ công phối lấy tiểu gia-đình làm bản-vị và đặt trên nguyên-tắc bình đẳng về nhu-cầu. Công cuộc phân phối do quốc-gia chỉ huy và được các hợp-tác-xã địa-phương tự-trị phụ-trách.

d/ **Công độ:** Công độ là các chính-sách về tài-chánh, thương mại và lương bổng.

* Chính-sách tài chánh: Tài lợi của quốc-gia đặt nặng vào khả-năng tài nguyên của công sản và vào sự kinh-doanh của quốc-gia hay các địa-phương tự trị và đặt nhẹ vào thuế khóa trên lợi tức cá-nhân. Quốc gia quản trị chính-sách tiền-tệ.

* Chính-sách thương nghiệp: Sự mậu-dịch và chuyển ngân quốc-tế do quốc-gia đứng trung-gian phụ trách và các xã-hội công-ty trực-tiếp đảm trách.

Sự mậu-dịch quốc nội đặt nguyên-tắc trực-tiếp giữa tiêu-thụ và sản-xuất để giá cả khỏi bị lũng-đoạn. Quốc gia đứng trung-gian giữa tiêu-thụ và sản-xuất, điều chỉnh luật cung cầu. Kinh-doanh và sinh-hoạt kinh-tế tư nhân được quốc-gia bảo-đảm ở mức tối thiểu.

Tiêu-chuẩn-hóa sự sản-xuất các nhu-yếu phẩm trong phạm-vi phát-triển các tính sáng-tạo trong hệ-thống sản-xuất và tiêu-thụ.

* Chính-sách lương bổng: Thực-hiện nguyên-tắc bình đẳng giữa nhân-viên tư nghiệp cũng như công nghiệp, trong kỹ-nghệ, thương-mại cũng như nông lâm.

Lương bổng thành-phần gồm:

Lương căn-bản: Căn cứ vào quân bình điểm giá cả sinh hoạt của quốc gia và địa phương, định mức căn bản có tính-cách cưỡng-chế thi-hành.

Phụ-cấp đặt trên sự thỏa-thuận giữa chính-phủ, chủ và thợ mà mức-độ thay đổi. Phụ-cấp gồm phụ cấp chức nghiệp, phụ cấp gia đình, phụ cấp ốm đau, phụ cấp giáo dục, phụ cấp bảo hiểm sức khỏe. ”

*

Y/ Bản Vị Học Thuyết & Biện Chứng (Vận-động và kết-hợp)

I/ ĐỊNH NGHĨA

* **Bản Vị:** Bản có nghĩa là gốc, “vị” là ngôi (thứ vị, địa vị). “Bản vị” là một đơn vị căn bản. Bản vị học thuyết là một học-thuyết giải-thích một nguyên-nguyên, hình-thành, kết-cấu, vận-động của các đơn vị căn-bản trong vũ-trụ. Vạn vật, nhân loại y cứ trên luật hỗ-tương của vũ-trụ và con người.

Trong chủ-nghĩa Duy Dân, nói đến “**bản vị**” là nói đến một đơn-vị cơ-bản, tự nó tồn tại, tự nó có khả năng vận-động và kết hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Các bản-vị hydro, oxy, nam, nữ khi vận-động thì hỗ-tương suy động để kết-hợp thành bản-vị mới (nước H₂O, gia đình - trong bản vị mới này, các bản vị cơ bản trở thành cơ năng, đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận động của cơ năng trở thành mối tương-quan của bản-vị mới, Ngược lại, bản-vị mới khi vận động phải hỗ-trợ các cơ-năng vận động có hiệu-quả hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ mỗi hành-động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với hướng tâm xu thế của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh phúc cho cả gia đình). **Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn tại và phát triển. Đó là chân ý nghĩa của sự hình thành và phát triển trong vũ trụ.**

* Biện-chứng:

Biện chứng pháp là một danh từ dùng trong luận lý học Tây phương, là phương pháp biện luận có chứng minh (dialectic) .

Theo “The American Heritage Dictionary of the English Language” , New College Edition, 1980, Published by Houghton Mifflin Company, “Biện chứng pháp là một phương pháp diễn tả bằng cách cho thấy những mâu thuẫn trong một cuộc đối luận để đi đến một sự thật (Dialectic is the art of arriving at the truth by disclosing the contradictions in an opponent’s argument and overcoming them.) ”.

Theo “biện chứng pháp” thường có ba mệnh đề được đặt ra: hiện đề (thesis), phản đề (anti-thesis), và hợp đề (synthesis)

“Hiện đề là một hiện trạng của một thực tại.... Trong mỗi hiện đề đã chứa chất mầm mống mâu thuẫn, đối chọi với chính nó. Nhờ sự đối kháng này mới phát sinh tiến bộ. Sức đối kháng này được gọi là “phản đề”. Có thể nói bất cứ một “hiện đề” nào, tự nó đều có thiếu sót, bất toàn. Do đó, cần có một “phản đề” để bổ túc cho nó. Chính “phản đề”, tự nó cũng không hoàn toàn đúng. Bởi vậy, cần liên kết “hiện đề và “phản đề” lại với nhau, làm thành một “hợp đề”. Hợp đề chính là kết quả của sự thanh lọc những cái dở, và chỉ giữ lại những điều đúng trong “hiện đề” và “phản đề”.

“Trong quá trình tiến triển của tư tưởng để tìm ra chân lý, trí khôn con người luôn áp dụng phương-pháp biện-chứng. Do đó, “hợp đề” tự nó trở thành một “hiện đề” mới, rồi mâu thuẫn với chính nó để phát hiện ra “phản đề” mới. Hai bên dung-hòa với nhau để tạo thành “hợp đề”. Cứ như thế, biện-chứng-pháp lập đi lập lại. “Áp dụng trong đời sống tinh-thần, văn-học, kinh-tế, chính-trị, biện-chứng-pháp chính là óc tiến bộ, dân chủ của Âu Mỹ, luôn cầu tiến, đổi mới, phê bình, đối lập, tranh luận, để tìm cách dung hòa các lập trường khác biệt, và tiến dần đến sự hoàn thiện, hoàn hảo.”

Theo Biện chứng của Chủ Nghĩa Duy Dân có năm (5) qui-luật để diễn-giải về “Bản Vị Học Thuyết”:

Qui luật 1: Đạo kỷ là tự kỷ nguyên-nhân.

Đạo là cái uyên nguyên, bản thể của sự, vật và sự vận động của bản thể ấy.

Kỷ là các quy luật, giềng mối, cách thức đường lối phát triển của bản thể được phát sinh trên đường điều hòa của chính bản thân ấy.

Tự-kỷ nguyên-nhân là do bởi tự mình, do mình mà có. Ta hãy lấy một thí-dụ trái đất quay chung quanh mặt trời theo một quỹ đạo nhất định, mặt trăng cũng quay chung quanh trái đất theo một quỹ đạo riêng của mặt trăng. Bản thể của trái đất hay mặt trăng do đâu mà hình thành? Sự vận động và điều hòa của bản thể đó từ đâu mà ra, từ đâu mà có?

- Ta có thể nói: Bản thể của trái đất hay của mặt trăng tự nó mà có, tự nó mà ra ; sự vận động và điều hòa của bản thể do tự thân nó mà hình thành. Nguyên nhân tự chính nó nghĩa là “tự kỷ nguyên nhân”. Bản thể của trái đất, sự vận động của trái đất (tức là đường đi của trái đất hay quỹ đạo của nó) là “đạo kỷ”, tự nó mà có, tự thân nó mà ra.

Đạo kỷ là tự kỷ nguyên nhân có nghĩa là sự hình thành bản thể một hiện tượng, sự vận động và phát triển của hiện tượng đó đều theo các qui luật, các nguyên tắc tự chính nó, tự thân nó (tự kỷ), bởi nó mà có, bởi nó mà ra chứ không phải do sự can thiệp của loài người cũng như do sự tạo dựng của thần thánh.

“Đạo kỷ” là “tự kỷ nguyên nhân” là qui-luật áp dụng cho mọi phạm trù trong vũ trụ (Tự nhiên, xã-hội và tư tưởng).

Trong vũ trụ và xã hội loài người, vì lấy người làm đối tượng nên “đạo kỷ” là sự “trông về trước, ngoái về sau”, đứng trên lập trường người mà dương đạo. Đạo của người tức là đường sống của loài người, là nhân đạo.

Muốn xây đắp nhân đạo, ta phải lấy bản chất người (nhân bản), bản tính người (nhân tính) làm y cứ mà xây dựng xã hội loài người, chứ không thể y cứ trên vật chất hay tinh thần, hoặc các phạm trù siêu hình.

Qui luật 2: Vận Động và Kết Hợp là hổ-tương nguyên-nhân.

Vận động là nguyên nhân của kết hợp vì kế hoạch và mục đích của vận động là kết hợp. Thực tại cho thấy rằng vận động là để hình thành một kết hợp, không có kết hợp nào lại không hàm chứa vận động, nên kết hợp là nguyên nhân của vận động, cho nên **vận động và kết hợp là hổ tương nguyên nhân**.

Sự vận động của các bản-vị tự nó mà có đó là “tự kỷ vận động.” (Thí dụ trái đất tự quay quanh nó, vận động của các chất hydro, oxy trong vũ trụ). Sự kết hợp hydro và oxy thành một bản vị mới là nước, là kết quả đương nhiên của vận động.

Mỗi bản vị khi tự hình thành có riêng tự nó một tính đặc thù (Hydro, Oxy, Nam, nữ) và sẵn có riêng tự nó một trục lõi, một trung tâm bản vị (trục của trái đất, bản ngã của con người).

Quanh trục lõi, các bản vị tự phát sinh một sức quy tâm và một sức ly tâm (Ở trái đất là sức hút và sức đẩy - Ở người là sức hướng tâm, hướng tha và hướng thượng). Sức quy tâm là sức hướng tâm vận động. Sức ly tâm là sức sinh hoạt vận động hướng tha và hướng thượng. Các sức hướng tâm vận động và hướng tha vận động phát sinh cùng lúc, vừa tạo ra sự củng cố, bảo toàn, phát huy nội lực, vừa tạo ra sức vươn tới, phóng ngoại. Cả hai vừa tạo ra sự đối lập vừa tạo ra sự thống nhất trên trục lõi. Nói khác đi, sức vận động quy tâm và ly tâm của mỗi bản vị hổ tương tác động nhau, phát sinh tình trạng **đối lập thống nhất** trong kết hợp tại mỗi bản vị.

- Để tạo nên một quân hành trạng thái ở mỗi bản vị - khiến bản vị tồn tại.

Các bản vị trong cuộc vận động sinh tồn vừa nỗ lực hướng tâm vận động để bảo toàn bản vị, vừa nỗ lực hướng tha và hướng thượng vận động để thực hiện hoạt động kết hợp hầu bản vị trở nên viên mãn, phát triển hơn. Mỗi bản vị trong các xu hướng vận động ấy gặp gỡ nhau, bổ túc cho nhau để đi đến một kết hợp mới, thành hình một bản vị mới đầy đủ, viên mãn, lớn mạnh hơn (Hydro + Oxy = nước; Nam + nữ = gia đình).

Sức quy tâm, sự hướng tâm vận động ở NGƯỜI, đúng nghĩa không phải là sự vị kỷ, chỉ biết nghĩ đến cái lợi cho mình, vì như vậy không có chỗ cho sự hướng tha. không đạt sự quân bình trạng thái và không đến được sự kết hợp tiến bộ.

Sự hướng tâm vận động ở người, đúng nghĩa là sự sử dụng nỗ lực, ý chí của chính mình phối hợp với các kỹ thuật vật chất, tinh thần (phương pháp tu dưỡng), trí thức phương pháp suy tưởng, học hỏi) để phát triển toàn bộ sinh mệnh trên cả ba mặt: thể chất - tâm hồn và tri thức.

Hướng tâm vận động mà thành tựu thì hướng tha vận động phát triển rộng lớn, kết quả phi thường, sự sống, phong cách, phong thái cách sống mỗi ngày một đầy đủ, thoải mái, tự do, đầm ấm hơn, kết quả phi thường, gia đình, dân tộc, nhân loại sung mãn, thịnh vượng, hạnh phúc, hòa hài. Ngược lại, hướng tâm vận động sa đọa thành vị kỷ, kết quả cuộc sống sẽ suy thoái.

Vận động cần phải thường xuyên (kinh hằng) và chính đáng; kết hợp cần phải thích nghi, đạt đúng vào vị trí, phù hợp với bản năng, nếu khác với các điều kiện này thì vận động không phải là thường thái mà là bệnh thái.

Ở điểm này phù hợp với quan điểm “trùng trùng duyên khởi” của nhà Phật.

Quy luật 3: Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.

Bản vị là một đơn vị cơ-bản, tự nó có thể tồn tại và có khả-năng vận động và kết hợp với bản-vị khác để hình thành một bản-vị lớn hơn. Như vậy, một bản-vị có thể đóng hai vai trò: bản-vị cơ bản và bản-vị thành phần của bản vị lớn hơn. Thí dụ hydro, oxy là những bản-vị cơ bản vận động và kết hợp thành nước H₂O, hydro và oxy trở thành bản-vị thành phần (cơ năng) của bản vị nước.

Mỗi bản-vị khi tự thành hình đã có riêng cho nó một tính đặc-biệt và có riêng một trục lõi một trung tâm bản-vị. Mỗi bản-vị thành phần chịu chung một xu-thế hướng tâm, của bản-vị mới và đảm nhận một tác dụng nghĩa là thành một cơ-năng. Do đó, bản-vị là nguyên nhân của cơ-năng và cơ-năng là nguyên nhân của bản-vị. Nói cách khác **“Bản-vị và cơ-năng là hỗ tương nguyên nhân.”**

Các cơ năng (hydro, oxy, nam, nữ) khi vận động thì hỗ tương suy động lẫn nhau để kết-hợp thành bản-vị mới (nước, gia đình), đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận động của cơ-năng (hydro, oxy, vợ, chồng rồi thêm con cái) trở thành mỗi vận động của bản-vị mới. Ngược lại, bản-vị mới khi vận động phải hỗ-trợ cho các cơ-năng để cho cơ-năng vận động có hiệu quả hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ, mỗi hành động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với xu thế hướng tâm của gia đình, nghĩa là phải đem lại hạnh phúc cho cả gia đình, không làm hại đến một người nào trong gia đình.)

Bản-vị và cơ-năng hỗ tương để tồn tại và phát triển, đó là chân ý nghĩa của sinh tồn. Do đó, bản-vị cần phải hiệp điệu và thống nhất.

Trong thiên-nhiên, nếu có sự mâu thuẫn phát sinh giữa bản-vị và cơ-năng do bất cứ lý do nào, trạng-thái quân bình sẽ không còn nữa và bản-vị sẽ tan rã.

Quy luật 4: Hỗ -tương nguyên -nhân là tự -kỷ nguyên-nhân.

Quy luật hỗ tương giữa bản vị và cơ năng, giữa vận động và kết hợp là quy luật tự nhiên trong vũ trụ, vạn vật, nhờ đó mà vũ trụ vạn vật tồn tại, không tan rã. Quy luật hỗ tương nguyên khởi ấy chính là bản chất của đạo, là “đạo kỷ”, giềng mối của “đạo” khi đạo phát tiết vận động. Quy luật hỗ tương có nguồn gốc ở tự nó, tự kỷ

nguyên nhân, tự nó nó có, tự nó chứa sẵn trong mỗi bản vị, để tồn tại và phát triển, cũng chính nhờ đó mà vũ trụ, vạn vật tồn tại và phát triển.

Tại mỗi bản-vị khi vận-động, sức hướng tâm, sức ly tâm cũng tự vận động hỗ tương, điều hợp để đạt trạng thái quân bình trên trục lối, để tồn tại, phát triển và để kết hợp. Nếu mâu thuẫn phát sinh, trạng thái quân hành không đạt được thì bản vị hoặc sẽ tan rã, hoặc tồn tại trong tình trạng bệnh hoạn, èo-uột, héo mòn, trước khi tan rã.

Cho đến nay vũ trụ, vạn vật và nhân loại còn tồn tại ấy chính là nhờ quy luật hỗ tương nơi các bản vị. Hỗ tương là quy luật thường thái. Mâu thuẫn, hủy diệt chỉ là quy luật “bất thường thái” trong thiên nhiên, hoặc là trạng thái bệnh hoạn nơi con người chưa nhân chủ.

Quy luật 5: Tự kỷ, y tha hỗ-tương vận động và kết hợp.

Tự kỷ, y tha, động tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành vạn vật. Đó là chân ý nghĩa của “đạo kỷ”. Đó cũng là uyên nguyên của sự hình thành, kết cấu, vận động của các bản vị trong vũ trụ, vạn vật và nhân loại.

Các cực chất khi vận động, gom góp các thành phần chất, lượng thành một hỗ tương có chủ thể, có tự ngã, có tự kỷ, đó là bản vị cơ bản. Các bản vị cơ bản đó lại vận động và phối hợp vận động với các bản vị khác mà hình thành vũ trụ, vạn vật, loài người.

Trình-thức biện-chứng tự-kỷ, y-tha, hỗ-tương vận-động và kết-hợp ấy cứ nối tiếp không ngừng theo mỗi cấp độ và tiến lên mãi theo các chu kỳ tiến hóa của vạn hữu. Dưới trình thức biện chứng và các quy luật trên mà các nguyên tử, phân tử, tinh cầu, thái dương hệ và vạn hữu trong đó có nhân loại được hình thành. Trong nhân loại, mỗi cá nhân là một bản vị cơ bản. Các bản vị cơ bản (nam, nữ) có thích tính tương đồng, tự kỷ - y tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành gia đình bản vị. Các gia đình bản vị tự kỷ - y tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành dân tộc. Các dân tộc tự kỷ - y tha hỗ tương vận động và kết hợp mà thành nhân loại. Phối hợp bản vị học thuyết và ba tầng triết lý là căn bản tư tưởng thuộc vũ trụ quan nền móng của Nhân Chủ Duy Dân.

Quan niệm “Bản Vị” theo triết học Đông Phương và Thiên Chúa Giáo - văn minh Âu Tây.

* Theo Thiên Chúa Giáo:

Biện chứng:

- Thiên Chúa giáo tin vào vị chúa tể vũ trụ cần khôn xếp đặt và điều khiển mọi vật, mọi loài theo một trật tự và một hướng đi để tiến đến cùng đích của chúng.... Vị chúa tể vũ trụ vừa là nguyên nhân (Alpha) và cứu cánh (Omega) của mọi loài.

- Ý niệm về lịch sử liên quan với ý niệm về Bản vị, Ngôi vị, Nhân vị.

(TCG & TG, tr. 161)

- Ý nghĩa của danh từ “nhân vị” hay ngôi vị theo Thiên Chúa Giáo (TCG & TG, tr. 324-325 của Cao Phương Kỷ)

“Nguyên tự Latinh “Persona” (Person, Personality, Personal) dịch ra Việt ngữ là “nhân vị” hay “ngôi vị”. Chữ “nhân vị”, xét về nghĩa đen, có thể gây ngộ nhận khi dùng danh xưng đó áp dụng vào Thiên Chúa...

- Ý niệm về nhân vị, ngôi vị:

Nhân vị là một cá nhân biết suy tư và biết truyền đạt tư tưởng bằng lời nói.

Nhân vị là một cá nhân chịu trách nhiệm đối với các hành vi luân lý, tham gia

chính trị, cải cách xã hội và là “anh hùng tạo thời thế”. Bởi vậy ý tưởng “nhân vị”, “ngôi vị” thường đi đôi với quan niệm về lịch sử và về ý chí tự do. (TCG & TG. tr. 325)

- Trong trang 329, đoạn “Nguồn Gốc Quan Niệm Ngôi vị trong Kinh Thánh:

“Kinh Thánh nhất là Cựu Ước đã mượn những danh từ thuộc loại thần nhân đồng hình (anthropomorphism) nghĩa là dùng những ý nghĩ, tình cảm, hành vi của loài người để ám chỉ theo nghĩa “tương tự” những hoạt động của Thiên Chúa, chẳng hạn như: Thiên Chúa nổi giận và trừng phạt. Ngài tha thứ và ân thưởng. Ngài là cha, là vua, là mục tử.... Thiên Chúa cũng mặc khải “tên” ngài ra tự xưng là “YaHWeh”, “Ta là Đấng Tự Hữu”....

(”Ta là Đấng Tự Hữu “ = Mỗi bản-vị khi tự thành hình đã có riêng cho nó một tính đặc-biệt và có riêng một trục lõi một trung tâm bản-vị.)

* Theo Triết học Đông Phương:

- Kinh Dịch Hệ từ: “Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hóa” = Đối lập thống nhất



Chữ “Xuân” viết theo lối chữ triện

z/ Một Đường Hướng
Giáo Dưỡng
Theo Chủ Nghĩa Duy Dân



Vấn Nạn về Nền Tảng Giáo Dục:

1/ Đông hay Tây, xưa cũng như nay, khi tính đến công-việc trọng-đại tất đặt yếu-tố “*nhân sự*” lên hàng đầu. Một kế-hoạch dù có chu-đáo đến đâu, với phương-tiện vật-chat phong-phú, nhưng nếu không có **nhân-sự thích-đáng** để đảm-trách, thì kết-quả cũng khó mà thành công như ý muốn.

Người xưa, ba yếu-tố “*thiên thời*”, “*địa lợi*” và “*nhân hòa*”, đều cùng nêu ra, nhưng yếu-tố “**nhân hòa**” vẫn là yếu-tố quan-trọng nhất, “*Thiên thời bất như địa lợi - Địa lợi bất như nhân hòa*”, (thời cơ đến không bằng phương tiện sung-mãn, phương tiện đầy đủ cũng chưa bằng nhân sự) là vậy.

Danh nhân thế-giới cũng như ở Việt Nam đã nêu rõ trong sử sách. Nhờ có George Washington (1732-1799) tài danh mới có quốc-gia Hoa Kỳ, và chính nhờ tài đức của ông, không tham quyền cố vị lâu dài, nên thời nhiệm của một tổng-thống tối đa là 2 nhiệm-kỳ, và mỗi nhiệm-kỳ là 4 năm. Nếu không có tổng thống Abraham Lincoln thì tình-trạng phân-biệt màu da ở Hoa Kỳ còn kéo dài, và ngày nay chắc hẳn chưa thể bầu được vị tổng thống là người da đen...

Riêng nước Việt ta:

Thời đại nào, triều đại nào cũng có những anh hùng, hào-kiệt đứng lên để cứu dân và bảo vệ đất nước trên đường độc lập và tự chủ.

Những anh-tài cái-thể dựng nên những sự-nghiệp lớn-lao, đa số đều không phải

là những bậc “trời sinh” hay “sinh nhi tri chi”, mà hầu hết như ở bản thân, quyết một tâm chí vì đại nghĩa, và cũng nhờ ở nền-tảng giáo-dục của gia-đình mà thành-tự.

Ngày nay, trước tình-thế suy vong của đất nước, trước nguy-cơ diệt vong của thế-giới bởi những đe dọa của vũ khí tối-tân đang có trong tay ở những bọn “khủng bố”, ở những tên giáo-chủ mặt người dạ thú, với những đầu óc tối-tăm vì danh lợi, người ta đang chờ-đợi sự ra đời, hay xuất-hiện của vị “cứu tinh” nhân loại, hay dân tộc.

Trái bom nguyên tử đã dội xuống đất Phù Tang làm cả nhân loại kinh-hoàng. Sức tàn sát dã-man, tuy là một sáng-kiến phi-thường song cũng là một lối văn minh đáng tiếc hận. Dĩ nhiên nói trách nhiệm con người trước kỷ nguyên này là phải chinh-phục thiên-nhiên, *nhưng* nếu văn-minh mà thiếu hòa-bình thì dù chiến thắng mấy đi nữa cũng sẽ phải nguy diên. Phải giác-ngộ, nhìn vào một hướng đi lên - tức là phải đem nền “*nhân chủ*” mà xây dựng văn-minh, đó mới là lối thắng, thắng vượt qua chiến trận, thắng vinh-quang và không hối-hận, thắng nhân gian hòa bình “*bốn bể một nhà*”.

Muốn được vậy, tất cả các nền giáo-dục hiện tại cần phải xét lại để tổng-hợp, cân bằng mọi mặt. Khoa học tiến bộ mà thiếu tâm đức dễ đi đến tàn sát nhân loại. Tâm đức như người xưa nhưng chậm tiến về kinh doanh, khoa học thì cuộc sống con người còn nhiều tối tăm, vất-vả. Cần quân bình cả ba mặt “*Khoa học, triết học, sử học phải thống-nhất.*”

2/ Định-nghĩa về giáo-dục:

. Theo Hán-Việt tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức: *Giáo là dạy dỗ, dục là nuôi. Giáo dục là dạy dỗ, gây nuôi về trí dục, đức dục và thể dục.*

. Theo “The Random House College Dictionary, revised edition 1988: *Giáo dục là phương-thức truyền đạt hay thấu-nhận những kiến-thức tổng-quát, là phương-thức khai-triển khả-năng lý-luận hay xét đoán;*

Là phương-thức truyền đạt hay thấu-nhận kiến thức chuyên-biệt, hay sở năng cho nghề-nghiệp, hay chức nghiệp.

Là trình-độ, thứ bậc, hay học hiệu.”

(*Education: The act or process of imparting or acquiring general knowledge and of developing the powers of reasoning and judgment;*

- The act or process of imparting or acquiring particular knowledge or skills, as for a trade or profession;

- A degree, level, or kind of schooling.)

. Theo chiết tự:

Chữ giáo gồm:

- Chữ thập: hoàn-toàn, trọn vẹn;
- Nét phẩy xuống: chỉ sự truyền dạy.
- Chữ tử: chỉ thiếu niên, con cái.
- Bên phải là chữ văn: vẻ đẹp.

Chữ dục gồm chữ vân là mây, nhẹ-nhàng;
và chữ nhục: chỉ thể-xác.

Giáo-dục bao gồm ý nghĩa vừa nuôi dưỡng cơ thể cho khỏe mạnh, vừa trao-truyền cho lớp trẻ những gì cao-đẹp và hoàn-hảo.

Qua các định-nghĩa trên, nói chung Đông cũng như Tây đã không đưa ra được một định-nghĩa nào trọn vẹn về giáo-dục trên nền-tảng “*nhân sinh*” mà “*con người*”

đóng vai chủ-động.

Vấn nạn này, phải chăng do một số tư-tưởng triết-học hiện-đại như “Duy Tâm”, “Duy Vật”. “Duy Sinh”, ... đã ảnh-hưởng đến chính-trị quan, xã-hội quan và giáo dục quan.

- Theo tiên-đề của triết-học “Duy Tâm”, thần linh là nguyên-ủy của mọi hiện-tượng sống. Duy Tâm phái cho xã-hội xuất-phát y-cứ vào nền trật-tự sẵn có, đó là biểu-hiệu tối cao mà mọi người đều phải tùng phục.

Thần thuộc phạm-trù siêu-hình học, nên không thể lấy gì mà kiểm-nghiệm được. Tất cả chỉ là những *tín điều, nghi lễ, huyền thoại*. Bởi vậy, mỗi tôn-giáo có một thần linh riêng, kinh sách riêng, nghi thức riêng,... mặc-dẫu tất cả tôn-giáo đều quả quyết thờ-phụng “*thượng đế*”, yêu thương người khác, nhưng qua các tín điều gây cạnh-tranh, chống-đối, ngờ-vực và nhất là ảnh-hưởng tới một nền giáo-dục “*đóng khung*” con người lại!

- Tiên đề của “Duy Vật”, ngược lại cho tối cao căn cứ là vật-chất. Cứu-cánh vũ-trụ đều do vật-chất kiến-lập. Xã hội lý-tưởng theo phái Duy Vật là rập theo khuôn mẫu nguyên-thủy cộng sản và theo tự-nhiên kinh tế!

Chủ thuyết Duy Vật đã hạ *giá-trị con người ngang hàng vật chất*; nền giáo-dục dưới chế-độ duy vật cộng sản chỉ nhằm phục-vụ, củng-cố cho “*dân*”. Trong khi đó, các nước tư-bản, mục-đích giáo-dục là đào-tạo các *chuyên-viên xuất-sắc, các nhân công giỏi cho kỹ-nghệ* hơn là *đào-tạo một con người toàn diện*.

- Theo Duy Sinh phái, tiên-đề tối-định là sinh tồn, vận-động và xuất-phát tối sơ là sinh-thể. Phương châm lập nên và chỉ-huy sự sống con người bằng một dòng máu ưu-việt. Phương-pháp thực-hiện là chính-sách “*phát xít*” và “*ưu việt chủng tộc*”!

Quan-niệm “*chủng tộc ưu việt*” đã gây biết bao tội ác về kỳ-thị chủng-tộc, những xâm-lược bất chính (*thiên triều chủ nghĩa của nòi Hán*), gây thù oán giữa người với người, những cuộc tàn sát tập thể!

Con người là tổng-hợp cả Tâm-vật-sinh. Ta thấy mỗi nền triết-học trên chỉ nghiên-cứu một điều-kiện sinh-hoạt của con người hay của xã-hội mà thiếu cái nhìn *nhất thể và quán diện*, không khác gì truyện “*Mấy anh mù sờ voi*”: anh sờ thấy chân voi thì nói “*con voi như cái cột nhà*”, anh sờ vào vòi voi thì cho “*con voi như con đỉa*”, anh sờ vào tai voi thì cho “*Con voi như cái quạt*”,... Anh nào cũng quả-quyết mình là đúng nhất, nhưng sự thật chẳng anh nào đúng cả!

Trên thực tế, con người đã khám-phá ra hiện tượng sống, Không con người, vạn vật có cũng thế, mà không có cũng thế. Nói cách khác, có con người, vũ-trụ mới có tên, sức biết con người đến đâu, vũ-trụ có tên đến có (*Hữu danh giả, vạn vật chi mẫu - Đạo Đức Kinh*). Người chính là gốc của của hiện-tượng sống. Người là tiên-đề của triết-học. Con người là đối-tượng của kiến-thiết.

Đời sống con người cần được giác-ngộ chân chính, không bị trói buộc vào những lồng chup về tinh thần, vật chất hay sinh lực, mà phải vận-dụng cả ba mặt vật-tâm-sinh để thăng-hoa cho cuộc sống.

Loài người cũng đã khám-phá ra rằng “hiện tượng sống không phải chỉ do yếu tố tinh-thần như phái duy tâm chủ-trương, hay vật chất như phái duy-vật khẳng định. *Hiện-tượng sống bao giờ cũng được sản-sinh bởi ba phạm-trù tự-nhiên, xã-hội và tư-tưởng. Ba phạm-trù này thường hằng vận-động, kết-hợp và thống-nhất.*

Để có một ý-nghĩa giáo-dục bao-quát hơn, nhân-bản hơn:

- Giáo-dục là sự học hỏi và tài-bồi cho người cầu học một phương-pháp, một tinh-thần thâm-thái., tu tạo trí-thức cùng năng-lực và ý chí sinh -tồn - tiến - nổi - hũa.

- Giáo-dục là tạo cơ-hội , phương-tiện mọi mặt để toàn thể quốc dân tu dưỡng, học hỏi, kinh-lịch hầu phát-triển ngày một thăng hoa.

- **Mục đích** của giáo-dục phải là xây-dựng con người có đủ khả-năng làm chủ sinh-mệnh mình và đóng góp chung cho xã-hội.

- **Học thuyết** của giáo-dục là biến hóa khí chất, bồi-dưỡng khí chất, và phát-huy khí chất.

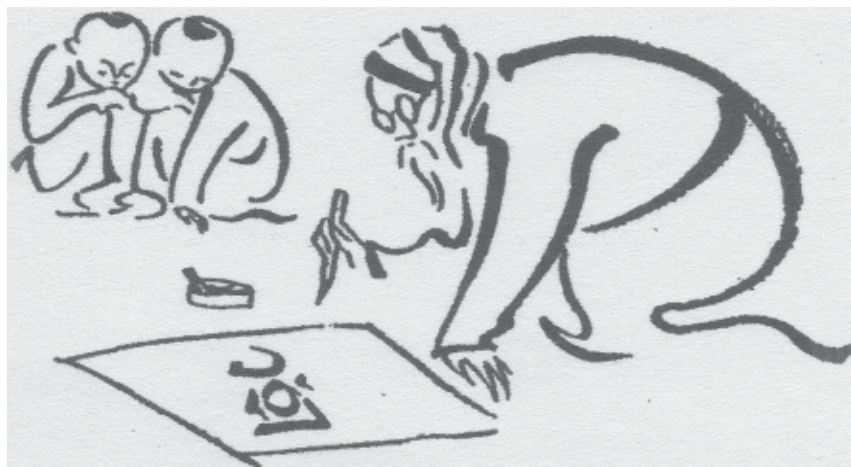
Khí-chất là là chủ yếu của con người. Giáo-dục sao cho có được một sinh-khí mạnh-mẽ (*thận vững, tim trong, óc sáng, tay mạnh, mình nhẹ, chân lẹ, ...*) tức là **kiện khang giáo dục**.

Giáo-dục sao cho có một tinh-thần cao-thượng: Tổ Quốc, chính nghĩa, lý-tưởng, nhân-cách và danh dự, tức là **“hoàn thiện giáo dục”**.

Giáo-dục sao cho có một hiệu-xuất thích-đáng để thăng-hoa cuộc sống chính mình và xã-hội. Do đó, châm-ngôn của giáo-dục là làm sao cho thân ta thành một thiện cụ cho chính ta, và cũng là khí cụ cho xã-hội.

- **Biện chứng** của giáo-dục là tu tiến, từ “*thủy tạo*” (*thiên tính, tính trời phú*) trở nên “*thành tạo*” (*qua giáo-dục trở nên phát-triển, kinh-lịch, óc sáng-kiến,...*)

- **Bản thể của giáo-dục** là đúc-kết thành-quả trong quá-khứ và hiện-tại để mưu-cầu cải-tiến và sáng hóa cho tương-lai. Nếu thiết-lập được một nền giáo-dục đúng-đắn tức thành-công trên văn-hóa. Cốt tủy của văn-hóa là sự phác-định con đường lịch-sử và chính-trị đúng đắn. Ở đó, tất có một quốc sách, một quốc lược sáng-suốt và bền-vững.



- **Yếu chỉ của giáo dục** phải nhân-bản hóa, nhân-chủ hóa, và nhân tính-hóa.

Nhân-bản là lấy người làm chủ, vì người và cho người. ***Sứ mệnh của con người trong xã-hội là phục-vụ người, vì người và cho người.***

Nhân chủ: Lấy loài người làm chủ đạo sinh-hoạt cho loài người. Người là chủ động đối với tự-nhiên, xã-hội và chính mình. Bất cứ sự vi-phạm về nhân bản, nhân tính hay nhân chủ đều bị loài người sớm muộn phản-kháng. Sự phản kháng đó làm cho lịch-sử chuyển bánh và tiến-bộ.

Nhân tính là để cho người thực-sự có hạnh-phúc, nên chính-trị nhân-bản phải lấy nhân tính làm xuất-phát điểm và là nền-tảng cho việc thành-lập xã-hội.

3/ Sự Cần-thiết cân-bằng và thống-nhất giữa Khoa-học - Sử Học và Triết học:

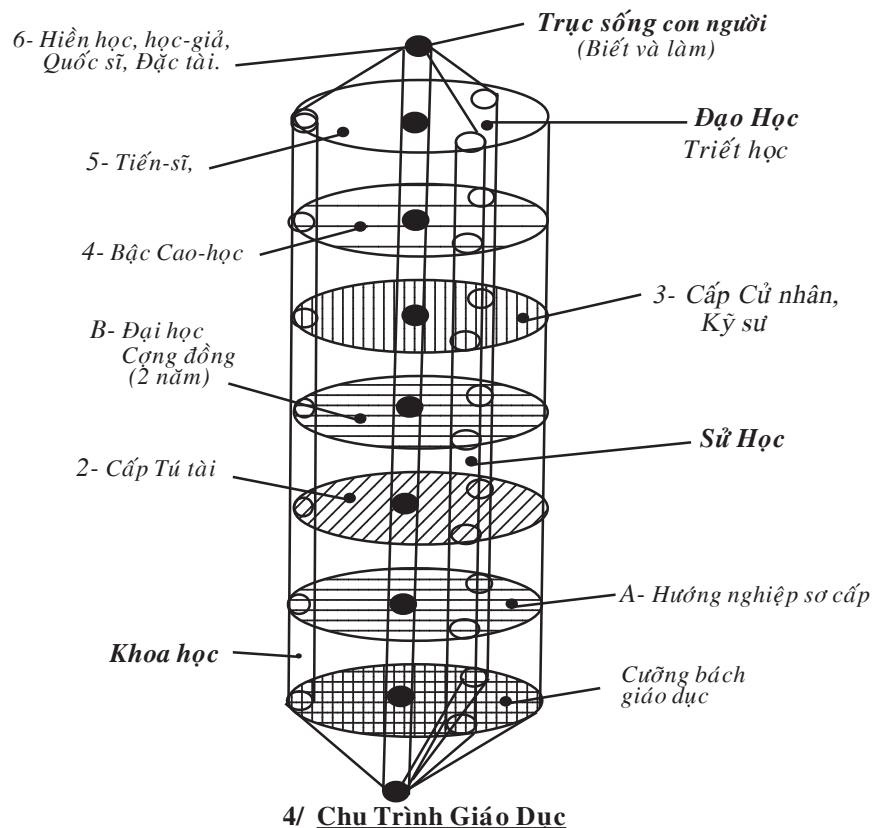
Tiến-trình của nhân-loại, từ đấu tranh với thiên-nhiên, cải-dụng thiên-nhiên để ích-dụng cho nhân-sinh.

Do “*xã-hội tính*” nơi con người mà hình-thành thi-tộc, bộ-lạc, dân-tộc. Những tư-tưởng phát-sinh là do đối chiếu xã-hội, do đó mà tư-tưởng, xã-hội và thiên-nhiên thống nhất. ***Rộng ra, khoa học, xã hội và triết học thống nhất.***

Khoa học là những môn học về quy-luật tự nhiên của vũ-trụ. Dùng khoa-học để cải-dụng cho nhân sinh, Nho học gọi là “*Tán thiên địa chi hóa dục*”.

Sử học là để suy ngẫm, tinh-lọc các quy-luật hoạt-động, phát-triển xã-hội.

Đạo học (tâm-lý học, triết học, lý học) là nghiên-cứu các quy-luật và vận-động phát-triển các tư-tưởng.



Thiết kế theo chiều: Hướng tâm và thống nhất ba phạm-trù:
Khoa học - xã-hội học và triết-học thống-nhất.

phát-triển các tư-tưởng.

* Chu-trình Giáo Dục:

Chu-trình của giáo-dục nên thiết-kế theo hướng tâm vận động (*theo hình tròn ốc*), và thống-nhất trên ba mặt: Khoa-học - xã-hội và đạo học.

5/ CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC :

* Đối Tượng và Nguyên Tắc:

Nếu đồng ý trên lý tưởng “nhân bản” thì *“Chính-trị phải là thiết kế và chấp hành nhân sinh lấy giáo dục làm khởi điểm và là chung điểm.”*¹

Quốc gia giáo-dục tất nhiên lấy bản thân “đại chúng” và “dân tộc” làm đối tượng. Giáo dục phải được tổ-chức và phổ-biến đến toàn dân, toàn quân. Thi hành vận-động giáo dục, vận-dụng giáo-dục, hoàn-thành giáo-dục, công dân giáo-dục phải tiếp-tục thường xuyên khắp toàn dân trên toàn quốc.

Có 4 nguyên-tắc:

- Toàn thể tính: Gọi là toàn dân, toàn quân nên không phân-biệt nam -nữ, lão ấu, cô quả, phế tật, giàu nghèo và địa-phương. Toàn thể đều là đối-tượng cho giáo-dục.

- Bình-đẳng tính: Như trên đã trình-bày, biện chứng của giáo-dục là từ “*thủy tạo*” đến “*tu tạo*” và “*thành tạo*” để “*thành quân*” (vật với tâm bình-hành thống-nhất; hiện-tượng bình-hành và thống-nhất với lý-tưởng) nên không phân-biệt giai-tầng xã-hội. Con người sinh ra là đồng nhất tính. Sở dĩ có kẻ kém người hơn là nhờ ở giáo-dục. “*Tính tương cận, tập tương viễn*” hay “*hữu giáo vô loại*” là ý đó.

- Trách-vụ tính: Giáo-dục và chính-trị cho đạt tới lý-tưởng “*đại đồng*” (xã-hội không còn bóc-lột, áp-bức, chính-trị không bị phế bỏ, tư-tưởng không đổ nát, đời sống dân chúng không đói rách, ngu dốt, tật bệnh) thì người hành-chánh không thể không có trách nhiệm.

- Tổ-chức tính: Giáo dục có tổ chức là giáo hóa sao cho toàn dân có kỷ-luật. Muốn có kỷ-luật và ý-thức rõ-ràng nên dùng lễ nghĩa để điều tiết, có thưởng phạt để khuyến-khích, răn đe; đề ra những sáng-tác để phục-vụ, lấy sinh-hoạt để điều lý.

6/ Cứu-cánh của Toàn Dân Giáo Dục:

Mục-đích của dân sinh là đưa quốc dân tới ba cứu cánh: **Trình - Bình - Hòa**. - **Trình**: Bẩm tính thứ nhất của loài người là “*phiên chủng*”, cho nên sự kết hợp và hợp-tác giữa đàn ông với đàn bà cần phải “*trình*” (chính đính, thủy chung) để điều-kiện nhân chủng được thuần-túy, kế-tục, kiện-khang.

- **Bình** : Bẩm tính thứ hai của loài người là cấp dưỡng. Toàn-thể cơ-cấu kinh-tế trên quá trình sản sinh, giao-dịch và phân-phối có được bình-đẳng, mãn túc và bảo-chương thì xã-hội mới có tiến-hóa bề ngang. Chính sách “*bình sản kinh tế*” là để thực-hiện chữ “*bình*”.

- **Hòa**: Bẩm tính thứ ba của con người là xã-hội tính (tập đoàn tính). Tất cả những tình-cảm, tâm lý, hành-vi, chế-độ,... nếu nguyên-lý cơ-năng (đơn vị trong tổ hợp) với bản vị (1 hình thành của 2 hay nhiều cơ năng) được điều-lý thích-hợp thì an lành, tốt đẹp.

1- Lý Đông A, “*Thiết Giáo*”

Trinh - Bình - Hòa là ba cứu-cánh và mục-đích của xã-hội nhân sinh để cơ bản nhân sinh được tối đa viên mãn.

7/ **Bốn Khoa Mục Căn Bản:**

- Về Đạo Lý: Khoa mục này nhằm tu dưỡng tính, tâm, thân mệnh để có một nhân cách, thể cách và phong cách.

- Về chính trị: Dân chúng cần được huấn-luyện cơ-bản về pháp lý, dân trị, và nhân trị, tư cách sống còn, quyền lợi của dân-tộc. Dân chúng cần có một hiểu biết các diễn-tiến của thời-cuộc, hiểu được nghĩa-vụ, quyền-lợi của một công-dân.

- Về quân sự: Mỗi quốc dân phải được huấn luyện đầy đủ những điều thường-thức về chiến-tranh, căn-bản chiến-lược, chiến sử, toàn dân tinh-thần, toàn dân hy-sinh, bảo-tồn nước nòi, **mỗi chiến sĩ là một dân tộc chiến sĩ**.

- Về kinh tế: Thực-tập phục-vụ đặc-biệt dành cho các ngành công, nông, thương.

8/ **Hạch Tâm của Giáo Dục:**

- Cá nhân: Cá-nhân và thời-đại là yếu-tố phát-triển biệ-n-chứng. Cá nhân đóng góp cho tập-thể những sáng-tác, suy-tư, hành-động, ngược lại tập-thể đối chiếu cho cá nhân những kinh-nghiệm, những hiện thực thời-đại các sáng-tác của những cá nhân khác. Cho nên hạch tâm chú-trọng trong giáo-dục là sao cho mỗi cá-nhân thành thiện cụ cho chính mình, và cũng là khí cụ cho tập-thể. Về tinh-thần sao cho mỗi cá nhân được cao-thượng, chính-nghĩa, lý-tưởng, nhân-cách, và danh-dự.

Người ta ở đời, về phần xác thịt không gì hơn sự sống. Sự sống ai cũng muốn, nhưng lại phải sống về phần tinh thần. Nếu vì không kiêm cả hai cùng lúc thì nên **bỏ cái sống nhất thời, mà chọn lấy cái nghĩa muôn thuở**.

Giáo-dục nhằm giúp mỗi cá nhân có một bản ngã trang-nghiêm, cao đẹp.

Giáo-dục cần vạch rõ cho cá nhân có ba cửa học: **nô tài, nhân tài và thiên tài**.

- Gia Đình: Tiểu gia-đình là tế-bào (đơn vị căn bản) của quốc-gia. Do đó, sinh-hoạt tiểu gia-đình là điều quan-trọng trong chương-trình quốc giáo.

Tiểu gia-đình gồm có cha mẹ, và con cái. Quốc gia lấy tiểu gia-đình làm đơn-vị phân công, phân mệnh và phân lợi. Tiểu gia-đình là miếng đất tiên-khởi gieo hạt giống hạch-tâm-thể cho toàn bộ xã-hội.

Đối với xã-hội, tiểu gia-đình là nơi truyền nối đạo thống, văn-hóa, di-dưỡng phong-tục, tập-quán dân tộc, là nơi đào-tạo căn-bản tài-năng, tư-cách công dân; chuẩn-bị sáng tạo, quan-trọng nhất là khởi dựng của “*yêu thương*”. Có yêu thương mới lo xây đắp cho chính mình, gia-đình và xã-hội.

Yếu-tố thứ nhất của xã-hội sinh-hoạt là hôn-nhân. Đề-cập tới hôn nhân là đề-cập đến nhân chủng. Nhân chủng có kiện khang thì gia-đình, xã-hội mới phát-triển và hưởng thụ.

Trong tiểu gia-đình, mỗi người có bốn-phận với chính mình, và gia-đình (cha mẹ làm tròn đạo cha mẹ, con cái làm tròn bốn phận làm con).

Tiểu gia-đình lấy quan-hệ hòa-hài giữa cha mẹ và con cái làm tiêu-chuẩn cho mọi sinh-hoạt. Vai-trò của cha, mẹ và con cái là vai-trò của 3 cơ-năng trong bản-vị gia-đình. Ba cơ-năng này vận-động và phát-triển lấy quyền lợi và hạnh-phúc của toàn-thể gia-đình làm **bản-vị hệ**, chứ không là “*mẫu hệ*” hay “*phụ hệ*”.

- Quốc Gia, Dân Tộc: Nhân loại là một, nhưng dân-tộc thì nhiều. Con người từ xưa tới nay, từ Đông sang Tây, đủ mọi màu da, loài người đều đồng bản thể “người”, đều có nhân tính (*nhu yếu tính, tự vệ tính, sắc tính và xã-hội tính*) nhưng vì hoàn-cảnh địa lý, phân-bố khác nhau, sinh ra nhiều phong-tục, tập-quán, ngôn ngữ, lịch-sử mà thành nhiều dân-tộc. Mỗi dân-tộc đều có dòng sống sử riêng, văn-hóa riêng, và là một cơ-năng trong bản-vị nhân-loại.

Nhân-loại tiến-hóa không phải do một dòng sống mà cần nhiều dòng giao-tiếp, chung-đụng nhau. Giả-tưởng một ngày nào đó, nhân-loại chỉ còn một dòng sống duy-nhất đã toàn thắng thì ngày ấy nhân loại cũng bắt đầu tàn lụi.

Do đó, giáo-dục dân-tộc phải dứt khoát loại khỏi học-đường các tư-tưởng, chủ-thuyết, hành-động “*siêu dân tộc*”, “*phi dân tộc*”.

9/ Nội Dung Kiến Thiết Giáo Dục:

- Quan-niệm về học đường: Như trên đã trình-bày, bản-thể của giáo-dưỡng là đức-kết quả-khứ và hiện tại để nhu-cầu cải-tiến và sáng hóa cho tương lai. Trong chiều hướng đó, có ba điều chính: **Cầu học - làm người và xử việc.**

- Cầu học phải phát-động từ cầu hiểu về nhân sinh và sự lý, lấy vũ-trụ làm vật chất, từ vật rất nhỏ đến vật rất lớn; lấy thời-gian từ vô thủy đến vô chung; lấy xã-hội từ rất tĩnh đến rất động làm đối-tượng. “**Cầu học có nghĩa là cầu sống, biết và làm.**” Cho nên, “**Học**” là chung đức vũ-trụ (*khoa học*), xã-hội và cá-nhân làm một. Như vậy, học không phải chỉ duy nơi trường sở, mà mọi nơi đều là học-đường. Học-đường bao gồm: công-lập, tư-thực, học-viện, võ đường, cơ-sở thương-mại, kỹ-nghệ, các trung-tâm sinh-hoạt xã-hội về văn hóa, mỹ-thuật, thể-thao,... Tóm lại, xã-hội tức học hiệu, sinh-hoạt tức giáo-dục, “**day - học - làm thống nhất.**”

- Học viên: Để thích-hợp với sự phát-triển về cơ-thể, và trí tuệ, học viên nên được phân lớp như sau:

- Dục anh (1-3 tuổi), tuổi cần bú sữa, săn-sóc, phù-trì.
- Ấu học: (3-5 tuổi) tuổi cần vỗ-về, khai-thác tính tình. mở đường biết thực tế xã-hội sinh-hoạt.
- Tiểu học: (5-10 tuổi) bồi-duỡng tính tình, hàm dưỡng lý-tưởng, khai-tu đạo-đức.
- Trung học: (10-17 tuổi) tuổi bồi-đắp nhân-cách, nâng cao lý-tưởng, mở-mang nhãn quan, vun đắp trí-năng thực-dụng.
- Đại học : (17-40 tuổi) tuổi rèn luyện tính, tâm, thân mệnh (*hoàn-thành lý tính, kiện-toàn tâm-lý, tu dưỡng tính, khí, thần, xúc-tiến sự-nghiệp, học hỏi chuyên-môn khoa-học, kỹ-thuật, nhân văn, v.v...*)
- Dưỡng lão: (50 tuổi trở lên) Tuổi cần tu đạo, nghỉ-ngơi, dạy trẻ, lập đức, lập nghiệp = thành quân.

Ngoài ra công việc giáo-dục cũng phải lưu-tâm đến những thành-phần ưu-tú (*thần đồng*), hay những em bất-thường-thái để có những chương-trình đặc-biệt.

10/ Mô Phạm:

- Nhà giáo (người dạy) đề nghị chia làm 4 ngành:
 - . Thầy dạy về các môn kỹ-nghệ và quản-lý; trông nom những vấn-đề lao-động công-tác, kỹ-nghệ sản-xuất sinh-hoạt đoàn thể, quản-lý chính-trị, coi xét kỷ-cương, công-tác lãnh-đạo, đốc-thúc và điều-chỉnh kế-hoạch.
 - Thầy dạy về khoa-học: Phụ-trách các môn khoa-học tự nhiên, toán học, khoa học thực-nghiệm.
 - Thầy dạy về văn, xã: Phụ-trách các vấn-đề khoa-học xã-hội, văn ngữ,

nghệ-thuật, quốc nghĩa và công-dân giáo-dục.

- Thầy dạy về thể-dục: thể-thao, võ thuật và quân-sự học-đường.

Nền giáo-dục hiện nay trên thế-giới phần đông bị thất-bại vì quá nhấn mạnh vào kỹ-thuật. Chỉ trau giồi tài-năng mà thiếu hiểu biết đến cuộc sống, thiếu thể-cách của tư-tưởng. Chính cũng do đó là nguyên nhân đã đưa đến những cuộc chiến-tranh, sự bất an trong cuộc sống. Giáo-dục tương-lai phải khám-phá ra nhiều phương-thức có ích-lợi của việc *sáng-tạo để phục-vụ cho nhân sinh* một cách tốt đẹp hơn.

Dạy với học thống nhất. Dạy tức là học, học tức dạy; học tức hành (tri - hành hợp nhất).

Đối với người dạy, điều trước tiên cần hỏi nơi chính mình, quyết định muốn dạy học thì phải tự mình minh-xác dạy những gì? (biết rõ điều mình dạy), và bao lâu việc dạy học coi là một nghề-nghiệp, một phương-tiện sinh sống mà không phải là xu-hướng hiến-dâng thì còn có một lỗ hổng to lớn trong ngành dạy học.

Công việc giáo-dục rất là quan-trọng, vì đó là cách “*trồng người*”, đòi hỏi rất nhiều công-phu và phương-thức thật tinh-vi, tế-nhị.

Cách dạy học của người xưa, cùng một điều mà tùy theo mỗi môn đệ mà giảng-giải một cách, để tùy khiếu nơi mỗi môn đệ mà nhận lãnh.

Tóm lại, cách dạy phải tế-nhị, linh-động hóa, nhiệt-thành trong khi dạy, biết rõ điều mình dạy, tôn trọng học viên - cụ-thể hóa, thực-hành hóa trường hợp cần-thiết; gợi ý nơi người học hơn là giảng giải sẵn, làm gương sáng cho học viên,...

Thể Học:

- Môn học, giờ học:

Tổng-quát ba ngành chính : Khoa-học -nhân văn - xã-hội phải thống-nhất và liên-hoàn với nhau cho từng trình-độ.

Mỗi ngành chia ra các môn cho thích-hợp với trình-độ, dòng sống sử và thời-đại.

11/ Cách học:

Đối với học viên cần hiểu rõ: Học cũ là nền-tảng, học mới là vật-liệu, hai bên vẫn có thể giúp nhau làm nên một tòa nhà hoa mỹ. Chẳng bao giờ không vật-liệu mà làm nên nhà, và cần thứ nhất là chẳng bao giờ không nền-tảng mà dựng nên nhà. Học không phải chỉ để cho biết, mà học còn là bất-chước, và học để mà làm (*tri -hành hợp nhất*).

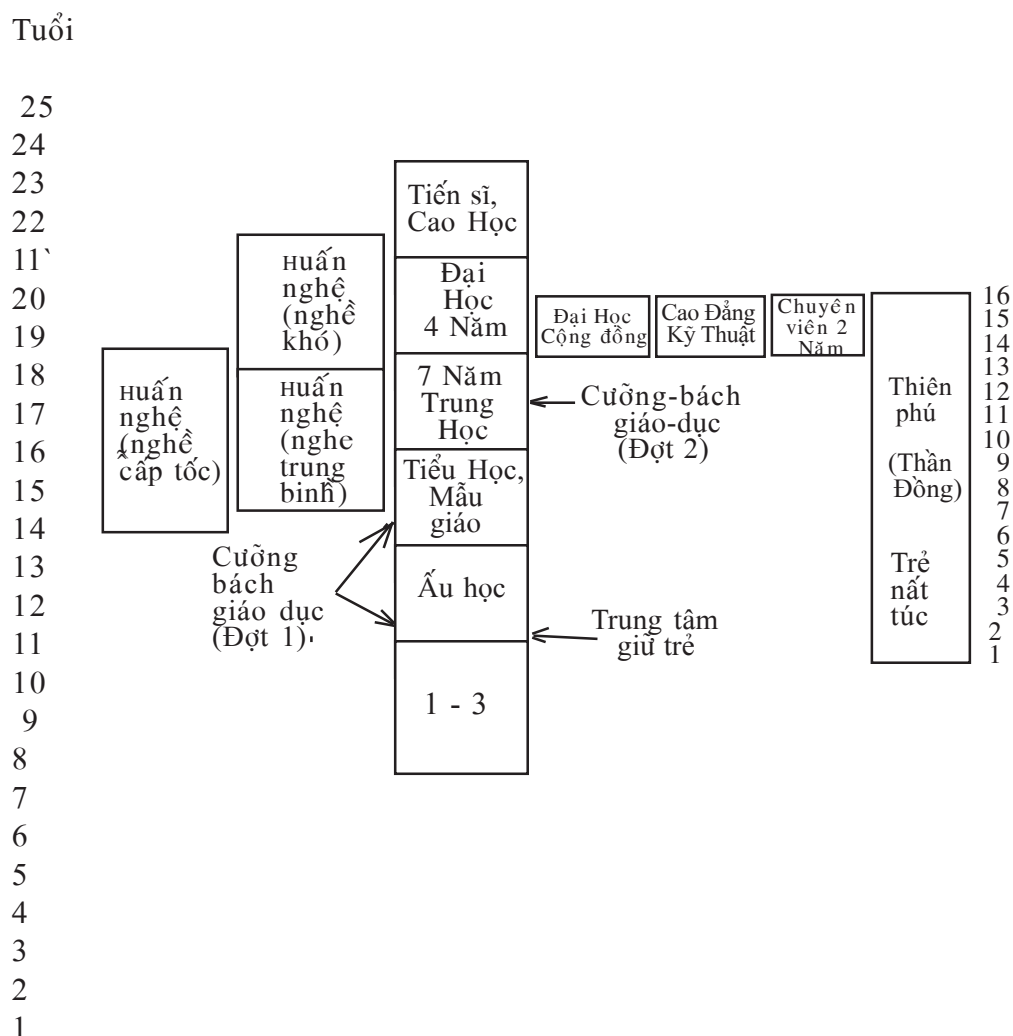
Học là gồm mọi phương-châm tinh-thần, phương pháp, thái-độ để tìm tòi, nắm giữ được, vận-dụng được tất-cả những tri-thức quan-hệ đến sự sống của loài người. Biết là trục của sống, học là cửa đi vào sự biết.

Tổng quát có 3 cách học:

- Đắc ý vong ngôn: cốt ở ý, không cốt ở lời.
- Nhập lý xuất sự: Vào lẽ ra việc.
- Nhập nhĩ xuất khẩu: vào tai ra miệng (vô ích).

*

12/ Hệ Thống Giáo Dục (Gợi ý):



13/ Sinh Hoạt Giáo Dục:

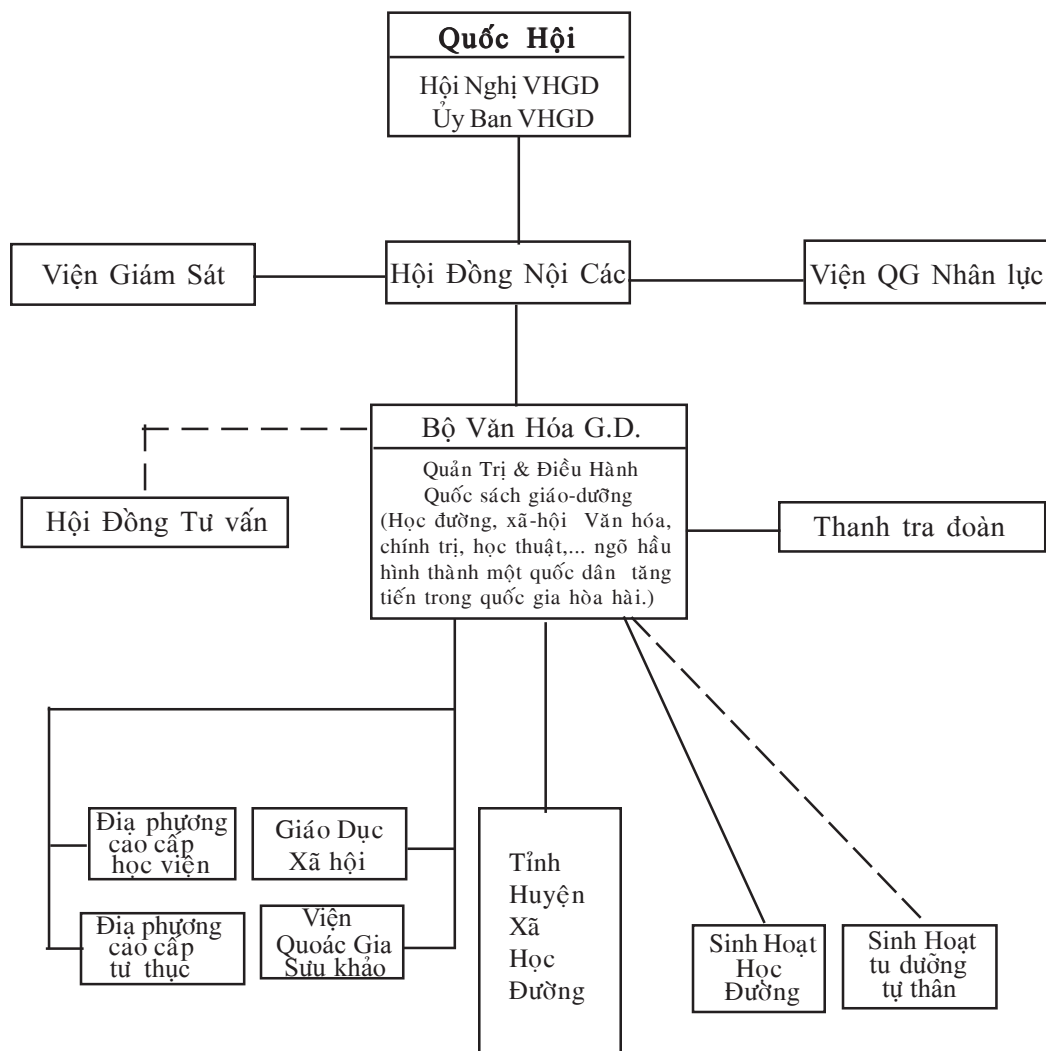
Sinh-hoạt học đường phải sinh-hoạt làm sao để thế-hệ học viên có:

- Một thể chất vững mạnh (thận vững, tim trong, óc sáng, tay mạnh, mình nhẹ).
- Một phong cách vì Tổ Quốc, vì chính nghĩa, cho lý tưởng, có nhân cách và danh dự.
- Một phong-thái điềm-đạm, suy xét sâu xa, phân tích rộng-rãi, hành-động thận trọng có giả-thiết, có chứng minh và thực-nghiệm.
- Giáo dục phải đi đôi với chính-trị, kinh-tế, xã hội, quân-sự.
- Giáo dục phải chiếu vào lý-tưởng cùng mục-đích của dân-tộc.
- Giáo dục phải đạt tới dân-tộc độc-lập, chính-trị có tự-do, kinh-tế có kiện-toàn, văn-hóa có thăng tiến, ngoại-giao có tự chủ,...
- Giáo-dục tu-dưỡng là để thành-lập một nền giáo dục nhân-bản và dân tộc, chương-trình sinh-hoạt tu dưỡng cần tu-tĩnh các bệnh thái:
 - Khinh thị tổ tiên.)
 - Kiêu nịnh tổ tiên.) Tâm lý lịch-sử.
 - Lầm lẫn nguồn gốc.)

- Giai-cấp đơn độc.)
- Cá-nhân đơn độc.) Tâm lý xã-hội.
- Dân-tộc đơn độc.)
- Cầu-thả sinh-hoạt.)
- Bạo-khí sinh hoạt.) Tâm lý tương lai.
- Dao-động sinh-hoạt.)

Ngoài từ bỏ những bệnh thái trên, học viên cần hàm-dưỡng tình, lý (gìn giữ sâu xa rung cảm, chậm rãi suy nghiệm sự việc, hành động, thế thái, ôn-nhu hoà hài xử thế). Phải thể nghiệm cảnh-trí đất nước, thực tâm thực-nghiệm trong lao vụ, kỹ-thuật; nên dầm mưa dãi nắng và thực chứng khổ hạnh.

14/ Hệ Thống Tổ Chức (gợi ý):



ĐƯỜNG SỐNG VIỆT

I/ ĐÀI CƯƠNG

Người Việt dù thuộc tầng lớp nào, nghề-nghiệp, tôn-giáo nào, trong thời-đại này, đứng trước tình-thế hiện nay không ai có thể xao-lãng được công-việc cần cấp, mà cũng là hợp điếu nhất là ***tìm lấy một Đường Sống Việt cho vững-vàng chân thật.***

Giờ phút này, sự sống còn của nòi Việt đã bị pha-trộn với biết bao *dây mơ rễ má*. Muốn hé mở lấy một Đường Sống Việt phải đồng-thời giảng-giải ý nghĩa cho rõ-ràng và đặt định cho chính-xác.

Những vấn-đề kia, ai là người biết nghĩ, không thể chộp mắt bỏ qua đi được, mà có nghĩ đến và quả quyết vào làm, thế nào cũng phải tìm hiểu. Mà không có một suy xét sâu-xa, nêu lên những vấn-đề đó dễ bị nhầm lẫn, lộng-bông ngu- hại.

Vấn-đề trước hết hiện nay phải quan-tâm hơn cả là **chính-trị** và **cách-mạng**. Hai điều này là điều chính cốt. mà nòi người dân Việt phải thực-hiện, lập nên một công cuộc cũng là điều phải định-đoạt cho minh-bạch kỹ-càng.

Nói tới chính-trị và các- mạng là phải nói tới **Dân Tộc**, là vì bản-vị bao giờ cũng là Dân Tộc. Mà công việc chính-trị và cách-mạng là phải phục-vụ cho Dân-Tộc. Ta cần biết làm thế nào để đứng được trên bản-vị dân-tộc đó.

Phục-vụ dân-tộc là đưa dân-tộc đến cội gốc **độc lập** trong tổ-chức **dân-chủ**, để đặt định **vận mệnh** của quốc-dân. Cái ý-nghĩa độc-lập, vận-mệnh và dân-chủ phải phân-tách cho rõ-ràng thấu suốt.

Những công-cuộc phục-vụ cho dân-tộc mà muốn được tiến mạnh, có thúc-đẩy đúng đắn, có khung-cảnh đường lối vững-vàng chắc-chắn, phải có một tổ-chức theo một lập-trường, đó là đảng. Nói đến **đảng** là nói đến **chủ-trương**, **đường-lối** phải trái như thế nào, và thế nào là **nhân-vật** chân-chính?

Tất-cả để xây-dựng nên một nền-tảng **quốc-phòng** và tỏa ra những **khẩu-hiệu thiết-thực**.

II/ DIỄN GIẢI

A- Chính-Trị

1- Chính-trị công dân:

Người là một động-vật và hơn các động-vật khác là người biết tổ-chức đời sống mình, biết tìm cách tồn-tại giống giống mình. Người, vì thế gọi là chính-trị động vật. Chính trị xem đó là cái điểm đặc-biệt biểu-hiện rõ sự sống và giá-trị con người của quốc-gia. Làm người, nhất là làm quốc-dân, phải đứng dậy phục-vụ cho quốc-gia, phải tham-dự chính-trị, vì không thể thì không bảo là hơn loài động-vật được.

2- Chính-trị hàng ngày

Chính-trị không phải là công việc cao-siêu ghê-gớm, lớn-lao, khó-khăn, xa lạ.

Chính-trị ở ngay trong đời sống hàng ngày. Đói rét mà chịu một bề, nhục-nhà mà cúi đầu im lặng, không biết đứng dậy đòi lấy sự sống còn, mà xếp đặt cho quốc-gia được no ấm, đó là hại cho mình và hại cả dân-chúng, tức là phản mình và phản dân-chúng.

3- Chính-trị phong-cách

Chính-trị ở ngay sự **giữ-gìn lấy phong-hóa**, trình-độ sống phải đúng đường của mình. Phải bảo-vệ lấy luân-lý, cái lẽ sống xứng-đáng của con người gọi là **nhân luân**. Cũng cần phải cố lấy lại cái cốt cách, sự cư-xử giao-thiệp trang-trọng của con người gọi là **nhân-cách** thì mới mở rộng, làm cho ăn sâu được công đức ở nơi quốc-dân. Như thế mới mong đạt được mục-đích chính-trị. Sự sống không có cốt-cách của con người, nhất là cái **quốc cách**, như thế thì không có gì sáng-sủa đẹp-đẽ, xứng-đáng, không đưa người ta đến đâu, mà trái lại có thể làm hại được nữa, đó cũng là phản dân-chúng.

4- Chính-trị sinh-mệnh

Trong thời-đại này, tới giờ phút hiện tại đây, loài người đứng trên ba nền-tảng suy-nghi và bàn-luận về sự sống còn của con người, ba nền triết-học tiên tiến nhất là Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh. Nói tóm tắt là lấy ngay ý nghĩa ở trong đầu đề kia mà nói:

-Phái Duy Tâm cho nguồn gốc sự sống là do một vị chúa tể cao-siêu hay một ý-thức siêu-hình nào đặt định và chỉ -huy.

-Phái Duy Vật cho là vật-chất xây nên sự sống.

-Phái Duy Sinh cho là con người sống do sự vận-động của tế-bào trong người.

Đó là những thuyết thiên-lệch về sự sống của con người. Thật ra, **người sống người** với ý nghĩa rằng **tự người**, với tất cả mọi điều-kiện, với tổ-chức đã thành trong sự kết-cấu nên hình thể. **Người tự chi-phối lấy vận mệnh mình về đủ mọi phương diện**, kể cả Tâm-Sinh-Vật. Cho nên áp-dụng sống theo một triết-học thiên lệch nào là không ăn đúng với tổ-chức con người. Đó là đi ngược đường lối chính-trị, tức là phản chính-trị.

B- Cách Mạng

1- Cách-mạng tiến-hóa.

Cách-mạng là do sự thấy cần của dân chúng không còn chịu đựng nổi những bất-bình, phải đứng dậy đập-đổ cho hết. Đứng dậy để **tự tu-cải đời sống riêng mình và toàn-thể, lập lên một cuộc đời mới hơn, hợp hơn, và tiến-hóa hơn**.

2- Chủ-trương đúng-chắc

Đúng về phương-diện nòi giống, cách-mạng là cái thể của nòi giống, y-cứ vào đây mà **tìm đường ra, tiến lên trong lịch-sử**. Đến một thời-gian nào, trong một thời-đại nào đó, nòi giống không thể đi theo mãi bước cũ, sống mãi dòng sống trì-trệ, cần phải có cuộc đời mới, đó là lúc cần đến hành-động cách-mạng. Nhất là đối với dân-tộc Việt hiện giờ, nòi giống Việt không có một chủ-trương cách-mạng đúng-chắc, thì đường đi trong lịch-sử sẽ bị bế-tắc, sự vui dập dưới sức đô-hộ của ngoại bang sẽ làm tiêu-ma tên tuổi và làm mất hết dây rợ tiến hóa.

3- Chính-trị lộ tuyến

Từ muôn đời xưa, nòi giống đã sống theo một tổ-chức đầy đủ, có một tính-cách đặc biệt, có một đường đi, một lối sống không hẳn giống các nòi giống khác. Đó là **chính-trị lộ tuyến** (đường đi chính-trị muôn đời của dân-tộc). Cho nên cách mạng, nhất là công cuộc cách-mạng Việt phải là sự **đưa dân tộc tiến lên**, làm thế nào để lấy lại chủ quyền

trên đất-dại, và đạt được ý-chí sống còn của nòi giống theo chính-trị lộ tuyến kia mới được.

4- Dân-tộc bản-vị

Nói đến cách-mạng mà không làm theo đúng điều mong muốn của dân-chúng, không đúng trên **bản-vị dân-tộc** thì không phải là chủ-trương cách-mạng mà thêm nữa, còn đi ngược cách-mạng. Vì như thế nếu gọi là cách-mạng thì không có một căn-cứ nào lấy làm lý lẽ mà đòi hỏi được, thành ra nếu không là xuẩn-động, thì chỉ là đầu-cơ, lợi-dụng thôi. Cách-mạng lỗi ấy là phi cách-mạng và phản cách-mạng.

Con người khi hình-thành là một tổng-thể của *tâm - vật - sinh*. Cuộc sống của con người trở thành một bản-vị có sinh-mệnh tính.

Sự biến-chuyển lịch-sử của loài người chính là những biến-chuyển qua sự vận-động của ba xu-hướng *hướng tâm - hướng tha và hướng thượng*, nói cách khác chính con người làm nân lịch-sử.

Song-song với tinh-thần **nhân-bản** là tinh-thần **nhân chủ**, tối định tiền đề và **nhân tính** là tối sơ xuất-phát. Nhân bản là lấy loài người làm gốc, lấy xã-hội loài người trên tự tính làm gốc, lấy nhân-dân làm gốc, lấy toàn thể-giới nhân-loại làm gốc của mỗi kiến chế,, kiến-trúc và kiến-thiết xã-hội. Cho nên **Duy Dân chủ nghĩa chỉ có một tinh-chỉ “Nhân loại pháp”** (*droit humain*), nó chỉ sự sống và vinh-dự của loài người.

Theo Duy Dân chủ-nghĩa, luật pháp chính là cương-thường căn-bản của nhân-loại, là nguyên-tắc đại đồng của chính-trị, là uyên-nguyên chủ-đạo điều-hòa nhân tính. Để xây dựng thể-chế. nhân-bản, Duy Dân chủ nghĩa nêu hiến pháp là **Cơ Năng Hiến Pháp**.

Hiến-pháp là pháp-độ hiến-chương, là cương-thường (*mối liên-hệ giữa người với người*), không phải là giao-kèo giữa nhân-dân với nhà cầm quyền.

Cơ-năng (mechanical energy power) - Cơ là máy, nói chung cái gì có giềng mối, năng là tài-giới như năng-khiếu, khả-năng. Cơ-năng nói chung là bộ-phận có thể kiến tạo năng-lượng để hoàn-thành chủ-đích của bộ-phận

Suy ra, **cơ-năng hiến-pháp là một pháp-độ hiến-chương** để an thích đời sống người dân xứng với danh nghĩa người. Dùng chữ cơ-năng để chỉ tính-cách linh-động, thống-nhất, hòa-hài như hệ-thống thần-kinh-hệ nơir con người. Quan-điểm này đưa vào *tinh-thần nhân bản, nhân chủ* khác với các quan-điểm dựa vào **duy** thiên-lịch.

Một xã-hội muốn tôn-trọng nhân bản và nhân chủ thì cơ-cấu của tổ-chức phải làm sao để hài-hòa trong cuộc sống, đáp-ứng nhân-tính và quốc dân thực sự được tôn-trọng.

Hiến-pháp tôn-trọng nhân-bản và dân quyền phải là một hiến-pháp qui đnh rõ-rệt quyền lực quốc-gia. Các lực chính như hành-pháp, lập pháp, tư-pháp và kiểm-soát (Giám sát) giằng-kéo nhau, giữ công-bằng trong tương-quan đối lập. Trung-ương, địa-phương, đoàn thể, đoàn viên, gia-đình gia tộc... giằng kéo lẫn nhau, liên hệ chặt-chẻ, nhưng không mất riêng tư trong dạy-dỗ, khu-xử với cái lý của nghĩa, tình ơn ích chung của tập thể.

Con dân cộng sinh với kinh-tế chung, giáo-dục chung một nền-nếp trao truyền nối tiếp. Cung-cấp của cá-nhân khi làm con dân của dân-tộc, và công-dân của quốc-gia. Con cái trong gia-đình cũng là con dân của dân-tộc; hội-viên trong một ngành nghiệp, đoàn viên trong một đảng phái đồng thời là công dân của quốc-gia. Cho nên có quyền-lợi và bổn-phận tham-dự, chi-phối thẳng vào quyền-lợi quốc-gia. Đối lại quyền-lợi quốc

gia chi-phối cả dân-tộc, gia-đình, đoàn-thể, . . . vẫn chi phối thẳng đến cá-nhân. Quốc-gia có bốn-phận nuôi dưỡng mỗi cá-nhân trong cái nôi **cộng kỷ** hội-nhập với cộng kỷ quốc-gia và nhân-loại.

Linh-động như hệ-thống thần-kinh của con người, đối-lập thống-nhất để không mất tính-chất hỗ-tương hài-hòa, giằng néo nhau. **đan quyền** để được vững-chắc, và cũng không lấy cộng kỷ tiêu-hủy tư-kỷ, hay ngược lại không lấy tư kỷ mà quên đi cộng kỷ.

Nói đến đan quyền (*giằng néo người với người để hòa-hài, thống-nhất*) ta cần nhắc lại những ý-nghĩa trong kinh dịch. Ngày xưa, người ta đã đem *Lạc Thư* ứng-dụng cho nhân sự: về chính-trị có *cửu trù*, địa- lý chia *cửu châu*, canh nông có *tĩnh điền* (chia đều ruộng công thành 9 ô).

Như trên đã nói. nhân bản là nền-tảng xây-dựng xã-hội người. Do đó hiến-pháp phải sản-sinh ra các cơ-cấu thích-hợp cho sự hoạt-động giữa người với người nên gọi là **cơ năng hiến pháp**. Những quốc-gia và quốc-dân phải có sự qui-định và trọng-yếu làm mẫu chốt. Đó là căn-bản quốc sách...

Lịch-sử tự nó tỏ lộ mọi thủ-đoạn và mục-đích của văn-hóa sống thực, nó là kết-quả tung hợp của máu toàn nhân-loại và thời-đại đã đem đến những kinh-nghiệm chí công và xác- thực.

Như thế thì các hiến-pháp cũ, ước-pháp trước chỉ có thể gọi được là những ước luật, ước lệ lâm-thời. Tự nó bị hạn-chế trong nền-tảng và các điều-kiện đương thời nên ta phải kiểm-thảo lại một lượt hết thấy để tung hợp một cách khách-quan lại thành những căn tính đồng-nhất, những lẽ-lối đồng-nhất của loài người, lập định những cương-thường không di dịch cho nay mai.

Duy nhân cương-thường phải trông theo một ý-nghĩa và tác-dụng hết sức rộng-rãi. Nó bao gồm: nghĩa-vụ, quyền-lợi và cơ-hội thống-nhất; chính-trị, xã-hội, kinh-tế thống nhất; luân-lý, tôn-giáo và pháp-luật thống-nhất - lịch-sử, khoa-học và triết-học thống-nhất. Nó gọi là cương-thường mà không phải là đạo đức nghĩa hẹp. Nó là mối-giềng đưa dắt người sống thực là người.

So-sánh các tinh-chỉ (esprit) của các chủ-nghĩa ta thấy: Duy Tâm đem đến thú tinh chỉ của tông-giáo pháp (droit divin), Duy Vật đem đến tinh-chỉ của vật chất pháp (droit naturel physique), Duy Sinh đem đến tinh chỉ của động vật pháp (droit des animaux), Thực dụng chủ nghĩa đem đến tinh chỉ của lợi dụng pháp (Utilitarisme), Số-học lý tắc đem đến hình nhi thượng pháp (métaphysique) - tất cả hoặc hồng tử gốc , hoặc hồng tử ngọn.

So-sánh tinh-chỉ của các hiến chương cũ, như Hán Cao Tổ ước pháp tám chương, Đường Thái tông ước pháp 12 chương chỉ làm được những điều ngành ngọn trong đời sống của dân chúng, tạm an tâm ở cái danh giáo thánh hiền mà họ không hiểu, không biết làm và không muốn làm. Dân La-mã quy định những chế độ (Constitution Romaine) không có tự giác. Vì không có tự giác nên ích-kỷ, tối tăm. Các hiến chương Solon và Licurgue cũng như các hiến-pháp các nước ngày nay **chỉ chăm-chú mục-đích dân-tộc hơn là bản thể nhân-loại**. Hiến-pháp của thái-tử Showa Nhật Bản đem sự sống gửi dựa vào các tư trào mông-lung mà không ấn định rõ cái tinh-hoa đệ nhất và căn-bản. Đại cách-mạng Pháp đem đến nhân quyền tuyên-ngôn (Déclaration des droits l'homme et du citoyen) hẹp nghĩa quá ! Đại cách mạng Nga sau sự phản động của Stalinism đem đến một hiến-pháp cũng chỉ có ngành ngọn của cơ-hội, nghĩa-vụ và quyền-lợi mà mất cái gốc chân

chính của nó. Cách mạng Tàu, Tân Hợi, sự đề cử ra hiến-pháp Tam Dân chỉ là mặt nạ của dã tâm ích-ký hại người, biểu-lộ từ trong bản-chất của chủ-nghĩa ấy mà ra.

Các hiến-pháp của các nước không nói đến bản-thể chính-trị, mục-đích, dĩ-nhiên sai lầm và nguy-hiểm, tự để lộ ra cái hình-thức bộ máy hành-chánh hình-thức (mécannique). Hiến pháp Reich 1921 cũng như ước-chương Pétain 1940 có một tinh-thần giống nhau trên chỗ dung tục của trí tuệ dưới lá cờ hàng. Ở đó mang đến sự phản-tỉnh không được sâu-sắc lắm, vì nó bị lôi kéo bởi thoả-hiệp với tất cả trong lẫn ngoài. Tinh-thần dân hữu, dân hưởng dân trị có thể cất nghĩa được bằng sự thoát tiết của hiến pháp Mỹ với Đại Tây Dương hiến chương (Atlantic charter), nó chỉ là cờ xâm-lược giả đạo nghĩa . ..

Chủ-đạo của nhân-loại là

- Sự kết-cấu giống người có trung-tâm để dẫn dắt
- Sự đoàn kết chung cả trên một trung-tâm.
- Sự tự-giác của loài người chung cả phối-hợp sự tự-giác của từng người..

Nhân đạo có chủ đạo thì mới đạt chung sự mãn-thích nhân-tính - Xã hội là nhân tính tổ chức- Cho nên mới gọi **chính trị là điều lý nhân tính**.

Gọi là xã-hội tư lương, tất-cả cái gì mà bây giờ người ta gọi là kinh-tế. Cho nên **xã hội là nền-tảng, chính-trị là kiến-trúc, văn-hóa là kiến-trúc thuật, mà kinh-tế là tài-liệu kiến-trúc...**

Sinh-mệnh con người phải có tổ-chức mà tác-dụng và mục-đích của tổ-chức là chỉ huy. Sự chỉ-huy phải căn-cứ trên cương-thường và chủ-đạo nhân-loại. Chính-phủ phải thành lập bằng **nguyên-tắc công-chế**.

Trong nguyên-tắc công-chế, nhân-quyền là xã-hội tự tính trên sự tự động điều-tiết của nhân sinh. Nhân cách là điều-kiện toàn-bị trong cuộc sống. Tự-do là sự điều-tiết thích nghi của cá-thể với cá-thể, cá-thể với đoàn-thể trên các ngành nghĩa-vụ, quyền-lợi và cơ hội. Bình-đẳng là sự đồng đẳng trên lập-cước-điểm của bản-thể sinh-mệnh. Bác-ái là sự công chính của chế-độ trên sự phân-phát cơ-hội....

Hiến-pháp của Đại Việt gồm:

a/ Nguyên-tắc của tinh-thần đạo-đức, mục-đích tối cao và cội gốc của ý thức lập quốc.

b/ Qui-dịnh thực-tiến của chế-độ Duy Dân Cơ Năng.

c/ Qui-dịnh thực-tiến của thao-lược Duy Dân cao công

Cơ-năng hiến-pháp trong Đại Việt chính-thống.

1/ Thời-đại Hồng Bàng: Thị tính dân-bản chính-trị.

2/ Hồn hóa thời-đại: Thực-dân-địa chính-trị, Họ Khúc: Nhiếp-chính chế-độ.

3/ Ngô - Đinh - Lê (tiền Lê): Dân-tộc phong-kiến chính-trị.

4/ Lý - Trần : Dân bản - quân chủ - bình quyền chính-trị.

5- Hồ (Hồ Quý Ly) : Dân-tộc phát-xít chình-trị.

6/ Thời Minh thuộc: Thực-dân-địa cực quyền phát-xít toàn-thể chính-trị.

7/Hậu Lê cho đến Thánh Tông: Trung-ương dân-tộc tập-quyền.

8/ Trịnh, Nguyễn, Mạc phủ: chính-trị trung-ương tập-quyền.

9/ Tây Sơn Nguyễn Huệ: Dân-tộc chuẩn chiến thống-chế chính-trị.

10/ Gia Long : Phân-quyền chính-trị.

11/ Minh mệnh : Đế-quốc chủ-nghĩa, tập-quyền chính-trị.

12/ Pháp thuộc: Phân quyền thống-thuộc thực-dân-địa chính-trị.

CƠ-NĂNG HIÊN-PHÁP KẾT-CẤU

1- Chính-trị tối cao quyền-lực: Quốc dân đại hội (Do đại hội quốc dân, chú không do một đảng, một guồng máy (như bộ chính-trị của cộng sản).

2- Chính-trị quyết-định: Do quốc dân khu mật viện (Bảo-toàn quốc sách, quyết định, thi chính.)

3- Chính-trị thiết-kế: Mưu kế, sắp đặt về hình trị. Lập pháp viện (thẩm-nghị chính sách đối nội, đối ngoại, dự toán tài chánh, quyết toán thẩm nghị, thiết- kế pháp luật, thảo định và thẩm-nghị).

4- Chính-trị chấp-hành (*chấp nhận và thi-hành*. Hành-chánh viện gồm các cơ-quan : Dân chính, Không chính, nội - ngoại, văn, vũ, tài, pháp, lộ (9 cơ quan).

5 Tư pháp viện: Quốc dân công lý (National justice).

6- Chính-trị bồi-duỡng (Feed up, improve, activate) : Quan-chính viện. Sự sáng-lập quan chính viện là để chấp-hành quốc-gia cán-bộ chính-sách, công độ chính-sách, tam phân chính-trị, phân-phối lợi nhuận chính-sách, có tác-dụng lớn ở chỗ:

* Hành-chánh cơ-quan không thao-túng được đãi-ngộ chính-sách.

* Công, tư xí-nghiệp không can-thiệp được đãi-ngộ chính-sách. Quốc dân sinh-hoạt về phần các chuẩn hợp-lý.

* Công, tư hành-chánh xí-nghiệp không thao-túng được chính-sách lợi nhuận phân-phối của quốc-gia, do quốc-gia có cơ-quan độc-lập chi-phối; không thao-túng được sự chi-phối các cấp. Công-độ chính-sách do quốc-gia đặt cơ-quan độc-lập chấp-hành; không thao-túng được nhân-sự chính-sách - Cán-bộ chính-sách do quốc-gia đặt quan chính viện, khảo-thí viện phụ-trách chấp-hành.

* Chỉ có cơ-quan chấp-hành độc-lập mới khỏi giai-cấp mâu-thuân (*Vì tư bản chi-phối thao-túng được lao-động thị-trường và chi-phối cả chính-phủ*), mới khỏi tham-ô, mới khỏi đầu tư chiến công (đem người tư vào lũng-đoạn hành-chánh), mới có lễ, nghĩa, liêm, sỉ được.

* Quan chính viện đặt:

Đãi ngộ: Quy định chính-sách chấp-hành.

Công độ: Chấp-hành.

Phúc lợi: Quân, công có phúc lợi.

Nhân tài : Điều-tra, đăng-ký, tổ-huấn chính-sách.

Cán huấn: Cao, trung, cơ-bản huấn,

Phụ đạo: Phụ đạo.

Phạm-vi: suốt từ trung-ương đến địa phương , thẩm-nghị công-lập đến tư lập cơ-quan quốc-doanh đến tư doanh xí-nghiệp . . .

7- Chính-trị tư-cách: Khảo-thí viện đặt các phần-vụ: Khảo-sát, tuyển-dụng, thẩm định tư-cách (Chính-sách quy-định, điều-tra, đăng-ký, chấp-hành ...)

8- Chính-trị cương-kỷ: Giám-sát viện đặt các phần-vụ: Điều-tra (nhân-sự, tình-báo, giám-đốc), kiểm-kê, khiển-trách...)

9- Chính-trị xúc-tiến: Tổng văn-hóa viện lấy sự tiến-bộ của văn-hóa mà xúc-tiến lịch-khoá định kỳ hay tức thời canh tiến.

10- Chính-trị khai minh: Chính-trị phê-phán viện. Quốc-dân chính-trị cần tránh khuynh-hướng bảo-thủ cực hữu . Vô-luận chính-trị chủ-nghĩa nào nên không đặt bảo-thủ quyền lực. Chính-trị phê-phán viện là sức sục-sắc động chính-trị cải-cách. . .

* **Cơ-năng quyền chế**

Quyền chế của cơ-năng hiến-pháp không phải tập quyền (Centralisation), cũng không phải là phân quyền (Decentralisation) như Hoa Kỳ, thực cũng chẳng như học-thuyết quân quyền (đều quyền) của Tàu.

Cơ-năng hiến-pháp quy-định quyền hạn bằng nguyên-tắc **đan quyền** . Dân sự thì chia các cấp tự trị, xong tất cả các mặt hành-chánh khác đều chia thành các khu-vực trực tiếp, đặt dưới quyền chỉ-huy trung-ương. Đây là truyền-thống lịch-sử của Việt trong các đời thịnh-trị như Lý, Trần, Lê Thánh Tông. Đan quyền là vạch chia quyền hạn ra . Phàm việc phải tùy. Đặc cách thì thuộc địa-phương, còn có tính cách đều cho cả nước thì thuộc về trung-ương. Đan quyền là nột đề cử sáng-suốt theo mục-tiêu của cơ-năng hiến-pháp, một mặt phải thích-ứng với tính-chất chính-trị là liên-hệ, trọn vẹn và hai chiều của Duy Dân Dân Chủ; một mặt phải thích-ứng với nguyên-tắc **tam phân tứ công** trong cơ-cấu bình-sản kinh-tế, còn một mặt phải thích-ứng với **tam phân chế độ**, đặt hết thảy các hoạt động của quốc gia lên ba tiêu-chuẩn: quốc kế - dân-sinh và nhân cách.¹

Cơ-năng hiến-pháp biểu-hiện ra quyền chế và tổ-chức đều có những đặc-tính toàn thể, cốt sao cho cơ-cấu hoạt-động của quốc-gia được động - tĩnh một nấc, quyền năng một mối, chính-trị một chốt, ngang dọc một thoi vậy. . .

Một vận, từ chính-trị động cơ, hành-chánh động cơ đến hành-chánh phụ cơ rồi quay về chính trị nguyên cơ, đó là trình-tự thống nhất vi diệu của triết học Duy Dân trên chế-độ.

* **Chính-trị nguyên cơ.**

1- Công-dân y pháp-luật từ cơ tầng định tư-cách truat lạc lên đến thượng tầng, tổ chức lên trung kiên chính-trị .

2- Các tầng công dân đoàn tổ-chức và công cử lên trung tâm hội nghị làm đại biểu cơ quan hành sử quyền lực lập pháp.

3- Các trung-tâm hội-nghị phải thỉnh thời thượng ở công-dân-đoàn.

4- Các tầng công dân đoàn thành một dãy chuỗi quán-xuyến từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới mà hành sử các chức quyền giám đốc lập pháp và lãnh đạo quốc gia với dân chúng.

5- Quốc dân trung-tâm hội-nghị là lãnh-tự của quốc dân

6- Toàn xã công dân đoàn chính lại là cơ-tầng ý chí và quyết-nghị sau rốt của các công việc quân quốc trọng sự.

7- Từ tổ-chức và lập một chương-trình, các tầng công-dân đoàn do quốc dân trung tâm hội-nghị thảo ra và quốc dân công dân đoàn hội-nghị quyết-nghị thi-hành.

8- Dân tầng trên tiêu tức và thăng giáng chính là cái tiềm cơ và hoạt lực duy nhất của quốc gia, là dẫn đạo của chính trị tổng cơ, nên nước suy thịnh là ở đó.

1- Thái Dịch Lý Đông A, *Duy Nhân Cương Thường* , nhà xuất bản Gió Đáy, 1969.

*** Chính-trị nguyên-cơ, tối-cao quốc thể.**

- 1- Từ tối-cao lập-pháp củ, trao toàn quốc-dân tuyền-củ chính-thức.
- 2- Tối-cao quốc thể là một bộ-phận của tối-cao quyền-lực, bộ-phận tinh định và thực-tiến.
- 3- Tối-cao quốc-thể đại biểu cả toàn quốc đối nội, đối ngoại trong hạn chức.
- 4- Tối cao quốc thể gọi là Đại Việt Quốc Trưởng.
- 5- Đại Việt Quốc Trưởng do trung-tâm hội-nghị tối cao, đa số công cử lên.
- 6- Kỳ hạn nhậm chức là chín năm, được liên nhiệm một lần.
- 7- Lĩnh trung-tâm trách-nhiệm trước trung-tâm hội-nghị toàn-quốc.
- 8- Tổng lý các chức quyền quân quốc, không được kinh-doanh tư tài.
- 8- Được phản bác lại các quyết án của trung-tâm hội-nghị ba lần.
- 10- Được miễn truy-tố trong nhiệm kỳ, trừ phạm phản quốc.
- 11- Được đàn-hạch bởi phê-phán viện trước trung-tâm hội-nghị.
- 12- Được đàn hạch bởi Kê Sát viện trước tự mình.
- 13- Không được thoái chức trong nhiệm-kỳ, trừ chết, cố tật. Khi vắng, do hành chánh viện trưởng tạm thay sáu tháng.
- 14- Không được giải tán Trung-Tâm Hội-Nghị.
- 15-Được giới nghiêm, giải nghiêm khi được Trung-Tâm Hội-Nghị truy nhận và thừa nhận.
- 16- Được tuyên chiến, đình, hòa khi được Trung-Tâm Hội-Nghị đồng ý hay truy nhận.
- 17- Được ân xá, đặc xá hay chung quyết các án tư-pháp, kê-sát.
- 18-Tuyển-bổ các viện-trưởng các viện, các bộ của tối cao quốc quyền (trừ lập-pháp, nghiên-cứu, kê-sát, tư-pháp được đề-nghị tuyền bổ).
- 19- Được triệu-tập Trung-Tâm Hội-Nghị thường kỳ hay lâm-thời.
- 20- Đề nghị dự toán với Trung-Tâm Hội-Nghị.
- 21-Ban ân quan, quân, dân.
- 22-Được có quyền hạn khác do Trung-Tâm Hội-Nghị qui-dịnh.

*** Tối cao lập pháp.**

- 1- Từ quốc dân đoàn xã chính-quyền tối quốc chính dân đoàn, đó là tối cao quyền lực thể.
- 2- Do quốc chính công dân tâng công cử. Trung-Tâm Hội-Nghị là trung-kiên của tối cao quyền lực thể, đại -iếu toàn-thể Đại Việt hành sử quyền tối cao luật pháp.
- 3- Các sự nghị sáng-chế, phác quyết,, tuyền quan, bãi quan hoặc tự hành-động, hoặc có thể từ hạ cấp dân đoàn thảo-luận đề lên quyết-định làm hay không làm.
- 4- Trung-Tâm Hội-Nghị từ 350 đến 400 người.
- 5- Bốn năm làm nhiệm-kỳ, được liên nhiệm hai lần.
- 6- Quyết-nghị của quốc-gia chính-sách, dự-toán án. quyết-toán án, pháp-luật cường

linh, hiến-pháp nguyên-tác.

- 7- Quyết nghị tuyên chiến, đình, hòa, động viên, kết-ước.
- 8- Thụ lý các án đàn-hạch của phê-phán nviện.
- 9- Tín-nhiệm hay không tín-nhiệm tổng-tư-lệnh.
- 10- Tín-nhiệm hay không tín-nhiệm các viện, bộ-trưởng.
- 11- Đề-cử người bầu tuyển quốc-trưởng, ba người do toàn quốc thảo-luận từ dưới lên trên, lấy quốc-chính dân đoàn tuyển-cử làm quyết.
- 12-Điều-lệ tổ-chức lấy pháp-luật mà định, tự chế ra do do phê-phán đồng ý.
- 13- Được bàn khi có 3/5 người dự kiến.
- 14-Không được thay đổi hiến-pháp, nhưng có thể đề ra hiến-pháp án trước quốc dân đoàn mà thủ quyết từ trên xuống dưới, lấy quốc dân đoàn xã-chính quyết làm chuẩn.
- 15- Nghị-viên phgải từ 40 trở lên, 60 tuổi trở xuống, đầy đủ các tư-cách quốc chính công-dân.
- 16- Được chiêu tập quốc-dân đoàn lâm-thời khi được 3/5 người đồng ý trong số họp.
- 17- Được triệu tập lâm thời hội-nghị của mình khi được 3/5 người đồng ý.
- 18- Khôngn được phục-vụ trong hành-chanh cơ-quan.
- 19- Không được chủ-trương trong kinh-tế đoàn nghiệp.
- 20- Quyết nghị các điều lệ tổ-chức, hội nghị của các tầng quốc dân đoàn, xã công dân đoàn, hạt chính, huyện chính, tỉnh chính và quốc chính.
- 21- Được chiếu qui định thi-hành các liên vận hay đề cử do các tầng công dân thi hành (điều tra, kiểm thảo,...)
- 22- Được bí mật hội nghị, được không bị can thiệp bởi hành chánh.
- 23- Được phác thảo, quyết nghị các quốc gia kế hoạch cho tới 10 năm một kỳ.
- 24- Được tu cải các quyết nghị án lớp trước khi được quốc chính dân đoàn đồng ý
- 25 Được phê chuẩn bpháp luật hay tu cải do lập pháp viện đệ lên.

*** Phê-phán công đường.**

- 1- Phê-phán là quyền phản-tỉnh trên sự nắm giữ vận-mệnh.
- 2- Phê-phán công đường là cơ-quan tối cao cho quyền phản-tỉnh, quan-sát và phê-phán
- 3- Phê-phán công đường là cơ-quan siêu-việt bất khả xâm phạm.
- 4- Phê phán công đường do các tầng công dân liên hợp, tổ lại từ 300 đến 500 người, từ 55 tuổi trở lên, 79 tuổi trở xuống. trong dân chúng phải là thạc đức. do trung tâm hội nghị họp với Kê Sát viện chủ tuyển. Hạn tuổi từ 60 trở lên, 75 tuổi trở xuống trong hiện chức.
- 5- Quan tuyển hạn 1/3 - dân tuyển hạn 2/3.
- 6- Mỗi nhiệm kỳ là 10 năm.
- 7- Mười năm một kỳ đại hội , 3 năm một lần tiểu hội.

- 8- Thường hội xét các án hành-chánh tố-tụng tâng.
- 9-Ba năm một lần hội nghị thường-trực.
- 10- Tiểu hội xét các án hiến pháp tố tụng.
- 11- Đại-hội bình-luận quốc chính, kiểm-thảo tình-thế, kiến-nghị hưng cách.
- 12- Đại-hội nhiều nhất là một tháng.
- 13- Kỳ đại hội Trung Tâm Hội Nghị phải thỉnh lệnh ở phê-phán công đường.
- 14- Kỳ đại hội, quốc trưởng phải xuất tịch báo-cáo và chịu huấn giới.
- 15- Kỳ đại hội, dân chủ công, chủ địa, khách chúng được tự-do dự-thính.
- 16- Được bí-mật hội-nghị khi quân quốc trọng sự.
- 17- Được đề-nghị tu cải hiến-pháp, mà không được quyết-định tu cải.
- 18- Được kiểm-thảo các pháp-luật.
- 19-Được đàn-hạch toàn quốc trên dưới do Trung Tâm Hội Nghị chấp-hành.
- 20- Được truy hạch các quốc-trưởng trước.
- 21- Ba mươi năm một lần khoáng-trưởng hội-nghị ba tháng.
- 22- Khoáng-trưởng được quyền triệu-tập hội-nghị toàn quốc tu-cải hiến-pháp khi được 4/5 người đến họp đồng ý.
- 23- Các kỳ hội phải có 2/3 người đến họp mới được bàn việc.

*** Chính trị phù bật.**

a/ Chính lý cơ

- 1- Chính lý cơ là cơ-quan khu mật và phù bật cho quốc trưởng trên các quân quốc trọng sự.
- 2- Chính lý cơ gồm 7 phòng: Chủ kế, chủ pháp, chủ viên, chủ binh, chủ công, chủ địa, khách kế.
- 3- Bảy tham chính viên coi 7 phòng, do quốc trưởng chọn 7 nguyên lão ủy-nhiệm.
- 4- Chủ kế cơ thành lập quốc kế, thống nhất các việc: Tuế kê, hồ kê, thống kê trong quốc gia.
- 5- Chủ pháp cơ trông coi các nguyên tắc lập pháp, mưu-lược, nghi-thức.
- 6- Chủ viên cơ trông coi các việc quan lại, động viên nhân lực.
- 7- Chủ binh cơ trông coi mưu lược, hành binh, quân chính.
- 8- Chủ công cơ trông coi nguyên-tắc, kỷ-luật, sinh-sản.
- 9- Chủ địa cơ trông coi chính-sách thổ địa.
- 10- Khách kế trông coi tình thế sự thực mưu-lược quốc-tế.

b/ Tham quan cơ

- 1- Tham quan cơ là cơ-quan khu mật và phù-bật cho quốc trưởng trên các sự nghị hành binh, phòng quốc.
- 2- Tham quan cơ gồm 5 phần vụ: Hiệp động, lục động, không động, hải động, tiềm động.
- 3- Năm tham quan viên do quốc trưởng chọn các quân giới có thực tài và cao cấp ủy nhiệm.
- 4-Hiệp động cơ coi về sự nghị toàn diện chiến tranh. Viên tham mưu hiệp động là toàn quốc tham-mưu tổng trưởng.

5- Lục động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng của lục quân và lục quân hàng không.

6- Hải động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng của hải quân, hải quân hàng không và hải quân tiềm đội.

7- Không động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng của không quân.

8- Tiềm động cơ là toàn-quốc tổng tham-mưu-trưởng về tiềm đình quân.

9- Các phần-vụ trên, các sự nghị chiến-tranh, quốc-phòng, quân chính, quân lệnh đều theo kiến chế mà đặt thuộc liêu.

*** Hành-chánh tổng cơ.**

a- Nghiên-cứu bộ-phận.

1- Nghiên-cứu viện là cơ-quan tối cao thừa-hành về tinh lõi nguyên-tắc về kỹ-thuật lập quốc. Trong đó có các việc tham-khảo, phát-minh và chế-tạo.

2- Nghiên-cứu viện coi các việc khai-thác tài nguyên, bổ-sung khí tài, nuôi dưỡng các cấp nhâ- tài, bổ lý cụ (biện-chứng), phát-minh khí cụ (đồ dùng), khảo-cứu học-thuật, tổ chức nhân-sự, mở-mang tinh-thần, sung-thực đạo-đức của quốc-dân.

3- Chia các ban lớn: đạo-đức, qui học, nhân-sinh khoa-học, xã-hội khoa-học, giáo dục khoa-học, nghệ-thuật và chiến-tranh khoa-học.(7 ban).

4- Mỗi ban gồm tối cao nhân-viên, từ 40-80 người, 5 viên thường-trụ, tổng thư-ký và thư-ký.

5- Bấy ban hợp lại một ban cao cấp: Đại Việt thông-chứng 60 người là Quốc-gia nghiên-cứu tổng trung-tâm.

6- Nghiên-cứu viện lãnh-đạo hết nhân-tài văn-hóa cơ-quan, đại-học chuyên-môn, học-hiệu nghiên-cứu sự-vụ trong nước.

7-Nghiên-cứu viện được thiết-bị trong công việc của mình các cơ-quan, nghi khí, đồ thư cần dùng.

8- Nghiên-cứu viện lãnh-đạo các đại-học khu trong nước, chủ-trương các cuộc khảo thí cao cấp về học-thuật.

9 Được tuyển các nhân-viên gọi là hiền-sĩ.

b- Lập-pháp viện.

1- Lập-pháp viện là cơ-quan tối cao thừa-hành về thảo-nghị pháp-luật,, dưới quốc trưởng chỉ đạo và Trung Tâm Hội Nghị chuẩn, bác.

2- Lập pháp viện trông coi việc thẩm-định luật-pháp, hình-pháp điều lệ , phương-pháp, chương-trình, cương-lĩnh, thành-lập lễ nghi, âm nhạc, thảo-định độ-lượng quyền hành, trông coi lịch độ.

3- Lập-pháp viện còn là cơ-quan trông coi về chính-trị và hành-chánh thiết-kế.

4- Lập-pháp viện từ 20 đến 30 viên, do quốc-trưởng sinh mệnh.

*** Chấp-hành bộ-phận.**

c- Hành-chánh viện.

1- Hành-chánh viện là cơ-quan tối cao thừa-hành về chính-trị, về hành-chánh đối nội, đối ngoại văn và võ.

2- Hành chánh viện có một tổng-lý phụ-trách với Quốc Trưởng, do Quốc Trưởng đề cử, Trung Tâm Hội Nghị đồng ý, trông coi các việc trong viện. Tổng-lý phù-bật Quốc Trưởng trên quốc sách, và thừa-lý các việc, các bộ đặt đại-lý nột người. Các hiệp lý đều do tổng-lý tiến lên, Quốc Trưởng ủy-nhiệm, đó là ban **nội-các chế**.

3- Hành-chánh viện đặt chín (9) bộ: Dân chính, văn chính, nội chính, không chính,, ngoại chính, vũ chính, lộ chính, tài chính, pháp chính.

4- Hành-chánh viện hội-nghị có các quyền:

- Đề cử dự toán án.
- Đề cử pháp-luật án.
- Đề cử chính-sách án.
- Đề cử ngoại-giao án.
- Xử-lý công việc cả viện và từng bộ
- Ủy-nhiệm nhân-sự.

5-Dân-chính bộ trông coi các việc xã-hội, giáo-dục quốc dân, huấn-luyện công dân, tổ-chức quốc-dân, dưỡng-dục quốc-dân, y-tế, cứu-tế, dân-sinh, hộ-tịch.

6- Không chính bộ trông coi các việc kinh-tế, quốc-doanh, công doanh, tư doanh, quốc-dân công-trình, công-dụng, v.v...

7-Nội chính bộ trông coi các việc quản-trị tỉnh chính, huyện chính, hạt chính, xã chính, quan lại tổng vụ, cảnh-sát chính trị, mật-vụ, v.v...

8-Văn chính bộ trông coi các việc văn-hóa, giáo-dục, hành-chánh chế thứ, lễ-nghi, quốc-dân xuất-bản, tuyên-truyền, luật lịch, lễ-lạc, phong-hóa, v.v...

9- Vũ chính bộ trông coi các việc quốc-phòng, quân-chính, lục, hải, không, tiềm, quân huấn, quân pháp, v.v... dân đoàn.

10- Tài-chánh bộ trông coi các việc lý-tài, tài-vụ hành-chánh , xuất nhập bảo-quản, thuế thu sự vụ, kim-dong, tòng viên, kinh-lý, kinh-kỷ, v.v...

11- Lộ chính bộ trông coi các việc giao-thông, lục lộ, hà giang lộ, hải lộ, thuyền xe, bưu dịch, thông-tin, v.v...

12- Pháp chính bộ trông coi các việc ngục hình, tư-pháp hành chánh, tư-pháp điều tra, v.v...

13- Ngoại chính bộ trông coi việc ngoại-giao, giao-thiệp trú xứ, tuyên-truyền, tình báo, văn-hóa, v.v... kiều ngụ.

14- Hành-chính viện phải do Quốc Trưởng ban bố mệnh-lệnh và pháp-luật, được quyền phó thụ.

d/ Quan chính viện.

1- Quan chính viện là cơ-quan tối cao thừa-hành về nhân-sự và cán-bộ chính-sách của quốc-gia.

2- Quan chính viện tổng lý do Quốc Trưởng tuyển miễn.

3- Quan chính viện trông coi các việc khảo-thí quan-lại, khảo-thí tư-cách các hậu tuyển viên, dân quyền truất trặc, cán-bộ huấn-luyện, trật-tự, huân hàm cán-bộ, ưu tuất phẩm ngạch, v.v...

4-Quan chính viện gồm các phần: quan khảo, thuyên tự, công độ, loại vụ.

5- Phàm quan-lại không thuộc về sinh ngạch đều do bản viện quản lý.

* Khảo-hạch bộ-phận.

e/ Tư-pháp viện.

1- Tư-pháp viện là cơ-quan tối cao thừa-hành và giải thích dân dụng pháp-luật, điều lệ, nghi-thức trong quốc-gia.

2- Tư-pháp viện gồm chung thẩm-viện là tầng tối cao tư-pháp phù-bật Quốc Trưởng trên phá án xét hình.

3- Phàm án-luật đều từ hạ cấp, sơ cấp, trung cấp, thượng cấp thẩm-phán.

4- Tư-pháp viện trông coi cả dân luật, quan luật, quân luật và hình luật.

5- Pháp qu an được độc-lập thẩm-phán, và có pháp-luật bảo-chương.

6- Pháp quan không được kiêm nhiệm.

7- Pháp quan được tuyển, có định ngạch theo pháp-luật. Quốc Trưởng pháp-luật không có quyền tự tuyển miễn.

8- Chung thẩm viện đặt năm viên tối cao pháp quan, một viên trưởng ở trong.

g/ Kê sát viện

1- Kê sát viện, cơ-quan tối cao thừa-hành về giám-sát, thẩm kêĐàn hạch công việc pháp-luật, tiền-tài, quan lại trong quốc-gia.

2- Kê sát viện đặt các phân viện toàn quốc.

3- Kê Sát viện đặt năm cao cấp kê sát viên tổng quản, một viên trưởng ở trong.

4- Kê Sát viện đặt các phân bộ: Giám-sát, thẩm-kê và đàn-hạch.

5- Ngôn luận trong viện, ra ngoài không chịu trách-nhiệm.

6- Kê Sát viện không được kiêm nhiệm.

7- Kê sát viện là định ngạch, y pháp-luật tựu chức, Quốc trưởng có quyền tự tuyển miễn.

8-Kê sát viện phụ-trách với Trung-Tâm Hội Nghị.

* **Hành Chánh Phụ Cơ.**

- Khu vực

1- Tư-pháp, quân chính, đại học, quan chính, v.v... tùy nghi theo đúng quốc-phòng và pháp luật phân khu ra toàn quốc để thừa-hành chức-vụ.

2- Phàm các tư vụ có tính-chất toàn thể đều phân khu ra toàn quốc để làm việc cho tiện việc tập quyền.

- Tỉnh trị

1- Tỉnh trung tâm hội nghị là quyền lực cơ quan (tham chính).

2- Tỉnh trưởng phụ-trách với Quốc trưởng trông coi việc tỉnh do Quốc trưởng ủy nhiệm.

3- Tỉnh là liên-lạc cơ quan giữa nước với huyện, thừa-hành mệnh-lệnh bên trên và giám-đốc tự trị bên dưới.

4- Phàm các việc có tính-chất riêng hàng tỉnh, lấy pháp luật định ra do cơ-quan tỉnh quyết-nghị và thi-hành.

- Huyện trị.

1- Huyện trung-tâm hội-nghị là quyền lực cơ-quan .

2- Huyện trưởng do huyện công cử, y pháp-luật do Quốc trưởng nhiệm miễn.

3- Huyện là trung tầng tự trị cơ-quan.

4- Phàm những việc có tính chất riêng hàng huyện, lấy pháp-luật định, do huyện cơ quan quyết-định và chấp-hành.

- Hạt trị.

1- Hạt trung-tâm hội-nghị là quyền lực cơ-quan.

2- Hạt trưởng do huyện trưởng đề cử, tỉnh-trưởng giám cử, Quốc trưởng nhiệm miễn.

3- Hạt là cơ-quan liên-lạc giữa huyện với xã, thừa-hành lệnh huyện mà giám-đốc các xã tự trị.

4- Phàm các việc có tính chất riêng từng hạt, do hạt cơ quan quyết nghị và chấp hành.

- Xã trị.

1- Xã trung-tâm hội-nghị là quyền lực cơ-quan.

2- Xã trưởng do xã công dân công cử, huyện trưởng giám cử, Quốc trưởng nhiệm miễn.

3- Xã là đơn-vị tự trị cơ-quan.

4- Phàm các việc có tính chất hàng xã, do xã cơ-quan quyết-nghị và chấp-hành.

*



Tổng tóm, **Cơ năng hiến pháp** (*fonctionnel*) y-cứ vào nguyên-lý **quốc-gia cơ năng**, chủ ý tung-hợp quốc-gia quyền lực, nhân-dân ý-chí, và nhân-sự luật-tắc. Quốc-gia lập quốc cần phải có quy-mô, chia ra pháp-trị và nhân-sự, hai hệ tung hợp lại thành một **cơ năng sinh-hoạt**; tung hợp chính quyền và trị quyền thành **chính trị nhất nguyên**; tung hợp từng hệ-thống và hoành liên hệ lại thành **tung hoành nhất quán**, tung-hợp động và tĩnh lại thành **động tĩnh nhất khu**; tung hợp quyền và năng lại thành **quyền năng nhất thống**; tung hợp chính trị và hành chánh thành một **quốc gia tổ chức hòa hài**.

Cơ năng hiến pháp thành lập trên hai triết học của **sinh mệnh** và **công việc** để đạt tới dân sinh và thực hiện của công việc và khoa học quản lý.

C/ Dân Tộc

Nói đến dân-tộc, phải nhìn vào bốn điều quan trọng và chính-cốt:

1- Toàn dân thực-thể

Làm sao cho cốt-cách phải do toàn dân lập nên. Cái nền-tảng nào lấy đặc-tính dân tộc ở toàn dân, **phải thấy sự hợp nhất của toàn dân trong bản-vị dân-tộc ấy.**

2- Sinh-mệnh thực-thể.

Gây nên một đời sống thực, sống chính đáng. **Đời sống sinh mệnh của dân tộc phải được hiểu biết đích xác.** Dân tộc ta thấy rõ-ràng có đủ sức sống và sống hân-hoi chính đáng.

3- Tiến-hóa thực-thể.

Lập nên một đường lối tiến hóa thật rõ-ràng. Sức sống đó theo một đường tiến hóa vạch sẵn rõ-ràng. Đó là một phương-hướng nhận định của dân tộc. Phải chủ trương **một cuộc tiến hóa không ngừng của dân tộc.**

4- Chính-nghĩa thực-thể.

Phải do một chính nghĩa bao trùm dẫn-dắt. Phải định rõ cái ý-nghĩa chính đáng. Nó chỉ nẻo cho đời sống dân tộc. Không có một chính nghĩa, không lấy y cứ đâu mà đặt định cái sinh mệnh và bước tiến hóa được. Đời sống và bước tiến- hóa của dân tộc không thể nào mù-quáng vô chủ-định được. Cho nên ta phải lấy **một chính-nghĩa toàn vẹn đầy đủ làm mục-dích chính, làm cái tiêu-chuẩn cho hành-vi dân-tộc.**

Không nói đến dân tộc, không lấy dân tộc làm lý lẽ đấu tranh, chỉ chú trọng cách mạng sẽ không có một căn-cứ nào vững vàng, sẽ lỏng-bông vô ý nghĩa.

Chủ-trương dân tộc mà không chú ý nói toàn dân, không vận động tới toàn dân, không tìm sức đấu tranh đến cả chính toàn dân thì chủ trương đó chỉ là đầu cơ, quan liêu vô ý-thức.

Nói đến dân-tộc, đặt nền tảng ở toàn dân mà không nghĩ đến sự sống còn của toàn dân, thứ nhất không có một chính nghĩa làm mức-độ cho sự sống còn tiến hóa kia, thì thật là chủ-trương mù quáng, ngây-ngơ. đi đến lầm lẫn, sai lạc không còn hối tiếc được.

Cho nên có thể nói: Không đứng trên **nền tảng toàn dân**, không làm theo **mục đích của trung tâm**, để sai lạc mất phương hướng, lại phá-hoại tiêu chuẩn, đó là phá-hoại dân tộc, lạc giòng và vô loại.

D/ Độc lập

Nói đến độc lập, bốn điều chính yếu nhất để thật là có ý-nghĩa độc lập là độc lập phải thực tại, căn bản, chân chính, và siêu nhiên.

1- Độc lập thực tại:

Độc lập nghĩa là tự mình sống. **tự mình làm, tự mình thu xếp, đặt định lấy bước đi cho đúng nơi ăn chốn ở của mình, tự mình y theo trí nghĩ của mình mà làm, tự có hướng sống mà mình vạch sẵn.** Độc lập như thế nghĩa là không để ai can thiệp. không đứng vào được những hành vi cử động của mình, và nhất là không một ai có thể dựa vào mà tìm cách làm sai lạc nguy hại cho đời sống của mình. Độc lập theo đúng ý nghĩa ấy mới thật là độc lập hân hoi, **Độc Lập Thực Tại.**

2- Độc lập căn bản:

Độc lập phải có cội gốc tự dân chúng. Phải do dân chúng toàn thể tự mình gây lấy nền độc lập ấy. Dân chúng tự mình xét xử lấy đời sống của mình. Cái gì qui định đặt rõ lấy qui mô mẫu mực, cách thức cho đời sống của dân chúng, đó là **chính thể** là hình vẽ của nền chính trị. Cái chính thể ấy **phải tự dân chúng tự quyết lấy** thì nền **độc lập** mới gọi là có **căn bản** được.

3- Độc lập chân chính:

Nền độc lập ấy phải có giá-trị đối với các nòi giống dân-tộc khác, phải bằng sự tranh đấu mà đạt tới làm cho được công nhận, hoặc phải bằng sự khôi phục cái cốt cách sẵn có khiến toàn thế-giới đồng tình mà kết nạp. Quốc tế phải chân thành mà công nhận trên ba điều là:

- a. Dân tộc tự mình **có năng lực tự quyết lấy sự sống còn**.
- b. Dân tộc tự mình **có quyền lợi ngang hàng**.
- c. Dân tộc tự mình có một **danh dự của quốc dân đối với các quốc dân khác**.

Điều quan trọng là nói quốc tế công nhận cái chủ quyền của nhân dân trên lãnh thổ mình đang sống.

Độc lập có như vậy mới là độc lập chân thực, chính cốt, **Độc Lập Chân Chính**.

4- Độc lập siêu nhiên:

Độc lập không phải chỉ có đất đai, đời sống bình thường và những công nhận chủ quyền trên quốc tế. Độc lập còn phải tính đến cả việc **không bị lệ thuộc vào văn hóa ngoại lai**. Đời sống tinh thần phải được hoàn toàn từ trí nghĩ, từ suy tưởng của mình, đặt ng trên cái cốt cách của mình, và như thế **vạch một chính nghĩa xứng đáng, ưa dẫn đời sống**.

Độc lập như thế là **linh hồn được giải phóng, quốc hồn được cởi mở, và tự lấy văn minh độc đặc của mình, nắm giữ và vận dụng được**. Đó là nền độc lập cao cả nhất, bao trùm hết. Một nền **Độc Lập Siêu Nhiên**.

Độc lập trên đây, như không thực hiện được đầy đủ thì không có ý nghĩa là độc lập. Nếu có gọi là độc lập thì chỉ là độc lập ngoài mặt, đi ngược lại ý nghĩa của độc lập, tức là **giả độc lập** và **phản độc lập**.



Đ/ DÂN CHỦ

Một nền dân chủ.muốn cho được triệt để, hoàn toàn và chân thực phải có đủ bốn điều-kiện: trực tiếp, toàn dân, thực tại, và nhân chủ.

1- Dân chủ trực tiếp:

Một nền dân chủ chính đáng phải có ý nghĩa chân chính của nó ở ngay chính chủ dân chủ, là dân **tự nắm lấy, tự chủ trương lên**. không thể do một đảng phái nào làm sai lạc, lợi dụng. Các cơ quan do dân bầu ra phải là chính dân tự chọn, tự cử lên, không thể do người nào trong đảng phái hay bất cứ tổ chức nào xâm nhập đầu cơ lũng đoạn. Đến **pháp luật thì phải tự dân sáng chế ra, mà lại có quyền công nhận hay bãi bỏ**.. Đó là **quyền phủ quyết**. Nền dân chủ như thế là thẳng tay **dân chúng nắm giữ** lấy gọi là **Dân Chủ Trực Tiếp**.

2. Dân chủ toàn dân:

Một nền dân chủ dựng đời nên là **có thể toàn dân được hưởng**. Nó **phải thấm suốt đến tận mọi người dân, mà nó phải tự sức toàn dân nắm lấy, chi-phối lấy**.

Nếu chia dân ra thành từng giai cấp, mà lấy một giai cấp nào riêng biệt nắm giữ chính quyền, đặt định ra pháp luật, thiết định lề lối tổ chức, đấy là độc tài, không phải dân chủ chân chính.

Nếu đã định ra xã-hội giàu nghèo. giành quyền lợi nhiều hơn, để ảnh hưởng của tiền bạc xâm nhập vào chính quyền,, thì dù hình thức dân chủ nào, thủ dân chủ ấy chỉ là **bị mua chuộc, lũng đoạn**, không phải ở toàn dân.

Hoặc là còn thủ dân chủ nào xây dựng lên do một thế lực **đàn áp, bắt buộc** dân chúng phải theo , phải hợp vào nền dân chủ ấy, nếu có ý của toàn dân cũng là giả hiệu.

Cho nên dân chủ của toàn dân **không có giai cấp chuyên chính, không có kim tiền lũng đoạn, không có thế lực uy hiếp**.

3. Dân chủ thực tại:

Muốn trở nên dân chủ có thực, có hẳn trên đất đai mình đang sống thì quyền người dân, chính người dân phải được nắm giữ trong tay. Cái gì bảo chứng thực tế nhất cho sự sống còn, đó là nền tảng kinh tế. Cho nên **phải có một tổ chức kinh tế làm sao cho được bình đẳng** (Kinh tế bình sản). Mỗi người dân tự mình đã có một sản lượng ngang nhau mới khỏi bị lũng đoạn. Thêm nữa trên sự tổ chức nên xã hội, sự hợp tác nam và nữ cũng là cần thiết. Sự chênh lệch giữa nam và nữ, sự ưu đãi riêng biệt phái nào phải gạt bỏ đi. Phải có **sự hợp tác giữa nam và nữ** thì nền dân chủ mới có thực tế ý nghĩa được.

4. Dân chủ nhân chủ:

Một đời sống của con người sở dĩ đáng sống và sống xứng đáng là giải quyết được ba vấn đề: cơ hội, nghĩa vụ, và quyền lợi.

- **Cơ hội** xảy đến biết đối phó, biết lợi dụng và biết trước mà đón, để nó khỏi làm lỗ hỏng việc, sai biệt chương trình đời sống.

- **Nghĩa vụ** mọi người dân phải gánh vác đối với xã hội phải sao cho được thấu hiểu, được nhìn nhận một cách thanh thản, nó không thể thành sự ép uổng mà nó cũng không thành một sự buông thả phó mặc.

- **Quyền lợi** được hưởng, đáng hưởng phải hưởng sẽ không vì riêng ai.

Nền dân chủ phải có bảo chứng, phải trên sự giải quyết cho con người trên ba điểm

cần thiết: **cơ-hội, nghĩa vụ, quyền lợi**. Mà phải giải quyết **ngang nhau** và **cùng một lúc**, như chỉ giải quyết có một vấn đề vậy. Thế có nghĩa là cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi ấy **phải thống nhất**.

Có như thế thì nền dân chủ ấy mới thực hản là dân chủ, một nền dân chủ kết nên do những người dân có đầy đủ quyền năng đối với đời sống mình . đó gọi là **Dân Chủ Nhân Chủ**.

Nền dân chủ ấy còn phải nhân chủ ở chỗ **thiết lập loài người ở một bản vị riêng biệt, không chịu sự chi phối của thiên nhiên**. Tự loài người có thể tự hiểu lấy đời sống phải sống như thế nào. Cần gì? Làm gì? và nghĩ gì? Tự mình mình hiểu và nắm giữ, vận dụng hoàn toàn đời sống đó.

Chính trị đặt định nên, chính là để **đưa dẫn con đường sống ấy cho phải đường, cho đáng vẻ làm người, giữ được vững vàng lẽ sống. còn, nối, tiến, hóa**. Chính trị như thế gọi là **thiết giáo**.

Nền dân chủ mà không thực hiện được bốn điểm kể trên thì không thể gọi là dân chủ được, mà còn mang ý nghĩa dân chủ di nữa, thì cũng chỉ là dân chủ ngoài mặt mà thôi. Đó gọi là **phi dân chủ và phản dân chủ**.

E/ Vận mệnh

Mỗi một người sống trên trái đất thành một cá nhân ở trong một xã-hội. Xã hội trên ảnh hưởng của địa dư, của thời đại, của tư tưởng, đã phân ra từng xã-hội riêng biệt gọi là **quốc gia**. Mỗi quốc gia trên sự sinh hoạt vận động lại có liên hệ với nhau, cho nên toàn thể loài người mà còn lập lên một dòng lịch sử chung. **Cá nhân, xã-hội, quốc gia, nhân loại đều có số mệnh riêng, mà mỗi số mệnh của từng bản vị kia lại có mật thiết quan hệ với nhau**. Cho nên:

1. Xã-hội điều chỉnh

Số mệnh của mỗi cá nhân hay đời sống của mỗi người là do xã-hội thu xấp đặt định nên, điều hoà và chỉnh đốn cho ăn khớp với nhau.

2. Quốc gia qui-định

Số mệnh của xã-hội do đời sống quốc gia qui định nên. Theo cái cốt cách nào, dẫn theo phương hướng nào. làm như thế nào, tính cách xã-hội hoàn toàn y theo tính cách quốc gia xoay chuyển.

3. Liên bang hiệp lực

Đời sống quốc gia phải hiệp lực với đời sống của các quốc gia khác, và toàn thể loài người bao giờ cũng **có những trường hợp giữa quốc gia và nhân loại**.

4. Nhân loại tổ thành

Đời sống quốc gia và nhân loại kết thành đời sống lịch sử loài người. Đời sống loài người **không phục tùng một luật tắc thiên nhiên riêng biệt**. Nó là sức sống của loài người đặt định nên. Nó **phải do loài người thúc đẩy và chi-phối lấy**.

Cho nên đặt định dân tộc lên bước tồn tại, kế tiếp, tiến hóa, phải nhận xét rõ-ràng như trên. Nếu không số mệnh sẽ bị phụ thuộc tức là nô lệ, làm sao nói đến chủ trương độc lập được ?

F/ Đảng phái

Mỗi xã hội, mỗi quốc gia khi lâm biến hay xảy ra một sự gì, một vấn đề gì nan giải, có ảnh hưởng đến vận mệnh đất nước, tất nhiên sinh ra những người, và nhóm người, mặc dầu có lợi dụng, nhờ tình thế mà gây ảnh hưởng, mắt họ chỉ nhìn tới chỗ cấp công cận lợi.

Hoặc có nhóm người mượn thế lực và chủ trương bên ngoài sẵn có, đem áp dụng vào để mong lợi dụng cuộc đấu tranh hòng nắm lấy một thế lực để chi-phối.

Nhưng còn những người nhằm đúng hẳn những điều cần muốn của quốc gia, đứng hẳn trên lập trường của toàn dân mà hoạt động đấu tranh, kết lập đấu tranh của toàn dân.

Những nhóm người ấy lập nên những đảng phái. Mọi đảng phái theo cách tổ chức, cách thiết lập như trên, có thể chia thành ba loại: Tư đảng - Công cụ đảng - Công đảng.

1- Tư đảng

Là của một nhóm người dự theo một kẻ lãnh tụ nào bỗng bột, mù quáng vì danh vì quyền lợi trước mắt, chỉ cốt hô-hào lợi dụng tình thế, cốt sao được chức trọng quyền cao, lợi lộc nhiều. Họ **không có một chính sách, không có một chủ trương nào**, hay nếu có cũng không có gì rõ-rệt. đúng đắn, thiết thực.

2- Công cụ đảng

Nhóm người này chỉ theo chủ nghĩa của người ngoài đề xướng ra, bị mê hoặc vì cái choáng lộn của lý thuyết, có lẽ chỉ hợp với điều-kiện địa-dư hay thời-đại nơi khác, nhưng lại rất sai lạc nếu thực hiện trên đất đai nòi giống mình. Họ ít suy nghĩ, kém sáng kiến, cấp công cận lợi, dựa vào thế lực, văn hóa người ngoài, hòng làm lu mờ dân tộc, mà thu hút đem vào làm thế lực cho mình. Thành ra cái tác dụng vì dân tộc mà làm chưa thấy đâu, hãy thấy đảng của họ lập nên **làm tay sai cho đảng phái ngoài, thành một đồ dùng đắc lực, một khí cụ sắc sảo để lũng-đoạn dân tộc mình.**

3. Công đảng

Cho nên, một đảng phái phải có ý nghĩa thâm sâu, là **một công cụ, là một tổ chức theo một kế hoạch có dự định đầy đủ trước sau để làm việc, để thực hiện mục đích tối cao của nòi giống.** Nếu đi đúng với điều mong muốn của quần chúng, dân tộc, trước xoay chuyển của thời đại và lịch sử, nếu xét rõ được con đường đi có bước tiến chắc chắn và tương lai cho nòi giống và loài người thì gọi là **công đảng.**

Công đảng là đảng của toàn dân, của dân tộc. Công đảng như thế không còn là một nhóm nào nữa. Nó **đứng trên các đảng phái** khác nữa. Nó **không có sự phân biệt** đảng này, đảng nọ nữa.

Công đảng như thế thành ra vô đảng. mà có vô đảng mới thực hiện được **cách mạng gốc, thực hiện được sự đổi đời từ dưới đáy tầng mà đi lên trên mặt iàng toàn thể.**

G- Chủ trương

Đứng trước thời-đại và tình thế biến chuyển, mỗi đảng phái, mỗi nhóm người có một thái độ riêng, một chủ trương khác, tùy theo tính cách với sự nhìn nhận đối với bốn phận phải gánh vác, hay đối với lợi ích công việc, ta có thể phân ra 5 chủ trương như sau:

1- Phi cách mạng

Có những người trước sự thôi-thúc của tình thế, hoặc vì bỗng bột sôi nổi, hoặc vì

thiện ý hay có tà ý lợi dụng, không còn tự nghĩ mình có một căn bản gì, với **hương về phía ngoài tìm phương cứu vãn**. Họ chủ trương quốc gia hay quốc tế? Họ muốn tìm một chủ nghĩa dân tộc nào đấy, hay chủ nghĩa cộng sản, những mong lấy một thế lực về hò hét với dân chúng, như thế không phải là thực sự phục vụ dân tộc.

Thực ra họ chỉ **cốt mê hoặc lòng dân**, lợi dụng lúc còn đang yếu-ớt, đau nhức, u mê của dân chúng, **chăm chú đến việc nắm chính quyền**. Chủ trương như thế không thay đổi được gì cho đời sống dân tộc.

Đó không phải là một chủ trương cách mạng, chỉ gọi được là một chủ trương **phi cách mạng**.

2- Phản cách mạng

Những người chủ trương như thế, nếu họ đi quá hơn nữa sẽ làm tay sai cho ngoại quốc một cách vô tình, hoặc thực tâm. Có bọn ra hăn mặt không còn nói gì đến dân tộc, **dựa hẳn vào ngoại xâm mà dẫn đường chỉ lối cho địch nhân** trong đất đai dân tộc mình. Đó là chủ trương **Việt gian phản cách mạng**.

3- Bất cách mạng

Có những người trông thấy sự hỗn độn lắt léo của những việc xảy ra, tự lấy làm ngại ngùng, hay đã từng gặp nhiều thất bại, những nỗi éo-le chua cay của công việc, hóa ra nản chí. Họ không dám có một ý chí cách mạng. Họ chủ trương **trung lập**. những thái độ đứng trước trách nhiệm phải làm, cần làm, chỉ là thái độ ươn hèn, cầu thả, cam chịu làm nô lệ. Đó là chủ trương **bất cách mạng**.

4- Lợi dụng cách mạng

Có thứ người lợi dụng tình thế xoay như chong chóng, theo thời, **gió chiều nào ngả chiều ấy**, chỉ cốt sao cho an thân sung sướng, không lúc nào bị những tai vạ đáng lo, chỗ nào cũng có thể dễ chui dễ lọt. Chủ trương như thế là **lợi dụng cách mạng**.

5- Chân chính cách mạng

Nhưng còn chủ trương ăn khớp với những điều cần thiết của dân chúng, theo đúng lộ tuyến và lập-trường của nòi giống, phục vụ hẳn cho dân tộc. Chủ trương **trong mọi hành động, mỗi tuyên ngôn. mỗi cách định thành kế hoạch, đều biết chịu trách nhiệm với lịch sử**. Như thế là biết lo biết liệu, biết rõ bước đã đi, bước sắp đi tới và cầu tiến của **dân tộc** và **nhân loại**. Chủ trương đó chắc chắn sẽ mang lại một cuộc đổi đời cho toàn dân. Chủ trương đó là **chân chính cách mạng**.

H- Đường lối

1- Một chủ nghĩa lập trường nghiêm ngặt Việt

Một chủ nghĩa nghiêm ngặt Việt muốn tranh đấu lấy độc lập và sống còn cho nòi Giống Việt mãi mãi, **phải đứng trên lập trường nghiêm ngặt Việt, hoàn toàn tìm nền tảng và điều kiện trên đời sống của toàn dân Việt**. Mỗi bước đi, mỗi bước nhìn, làm cho tới thành công, **đều vì nòi giống Việt mà hoạch định, xếp đặt và tiến tới**. Nó thành tất cả mọi sự ngoại viện mù quáng, tai hại nơi nhờ vả, ngóng chờ cầu xin.

2- Mỹ không cứu được Việt

Cho nên một chủ trương dựa theo **Tư bản chủ nghĩa** mong hòng cứu vãn tình thế Việt thì thật là sai lầm to. Truman không cứu được nòi giống Việt. Ngóng ngóng ở Truman chỉ là lợi dụng đầu cơ, mong đời sống của dân tộc Việt dựa theo mọi cử động của Mỹ, hay

nói một cách khác đưa toàn dân Việt vào nô lệ Mỹ, như thế là đi ngược với đời sống Việt, tức là **phản nòi**.

3- Nga không cứu được Việt

Dựa vào chủ trương **cộng sản**, những mong **quốc tế hóa** đời sống Việt, lại còn là sai lầm nguy hại hơn nữa. Nói cộng sản mà nói theo lối Staline là nhất nhất mọi hành động y theo chính kiến của Staline, làm sao cho ăn khớp với quyền lợi của Nga Xô. Thật là lối làm việc với sự phụ thuộc hèn hạ triệt để. Cuộc tranh thủ nền độc lập sống còn của nòi giống Việt **sẽ thất bại ngay từ bước mù quáng đó**. Cho nên Staline cũng không cứu được nòi giống Việt. Ngong ngóng ở Staline là đi ngược bước đường của nòi giống Việt, tức là **phản nòi**.

4- Tàu không cứu được Việt

Cho rằng lập trường **Tàu** và lập trường Việt giống nhau, chủ trương theo **Tam Dân Chủ Nghĩa**, để mong tranh dành lấy độc lập cho nòi giống Việt thì thật là tai hại lớn lao vô cùng. Như thế là **mở đường cho sự xâm nhập Việt của nòi Hán**. Thật là dễ dàng cho sự tái lập nền đô hộ nặng nề xưa Tưởng giới Thạch hay Mao Trạch Đông(cũng chủ trương Tam Dân) lại càng không cứu được nòi giống Việt. Ngong ngóng ở Tưởng Giới Thạch hay Mao Trạch Đông là đi ngược đường sống Việt, là **phản nòi**.

5- Vọng ngoại là tội nhân lịch-sử

Đem tình thế biến chuyển, đem thời cuộc của nước mình đi theo tình thế biến chuyển và thời cuộc của nước ngoài là tội nhân của lịch sử. Làm như thế là **mê muội, lệ-thuộc vào ngoại nhân**. làm như thế là bôi nhọ vào trang lịch sử đấu tranh của nước nòi.

6- Không tả, hữu, chỉ có gốc.

Nêu lên phái **Tả**, phái **Hữu** chỉ là chia rẽ lực lượng, chia rẽ dân tộc, **gây nên cuộc tương tan** và làm mờ cho sự lợi dụng của thực dân. Cái đó là một tai họa nguy nan. Cho nên không có Tả và Hữu, mà chỉ có Gốc. **Gốc là nòi giống Việt**, tất cả nòi giống Việt mới là nền tảng, mới là lực lượng vững vàng của đấu tranh.

I/ Quốc Phòng

Một nền quốc phòng phải đặt định nên những mấu chốt chính để gây cuộc phòng thủ quốc gia, tranh đòi lấy, chiếm giữ lấy đất đai của dân tộc, phải được nêu lên cho xác đáng.

1. Quốc Phòng Sát.

Phải bằng gươm dao giáo mác, súng ống, đứng dậy chống lại xâm lăng. Đó không phải là lời nói suông. Đó là lời nói có làm, lời nói đánh thật.

2. Quốc phòng máu.

Phải bằng hy sinh thân mệnh mình, mang hết năng lực quả cảm vào đấu tranh.

3. Quốc phòng lòng.

Phải có một chí khí dũng mạnh, bền bỉ thâm sâu, phải tự đáy lòng xúc khởi lên một ý chí kháng chiến.

4. Quốc phòng dân.

Phải đoàn kết toàn dân làm lực lượng đấu tranh. Phải có tổ chức nghiêm mật cẩn thận, phải có huấn luyện đầy đủ.

5. Quốc-phòng đất.

Phải đặt định những kế hoạch, những phương pháp, cách thức đánh một cách thấu suốt mọi phương diện. Đó là cả một thể-hệ quốc-phòng trong chiến-lược.

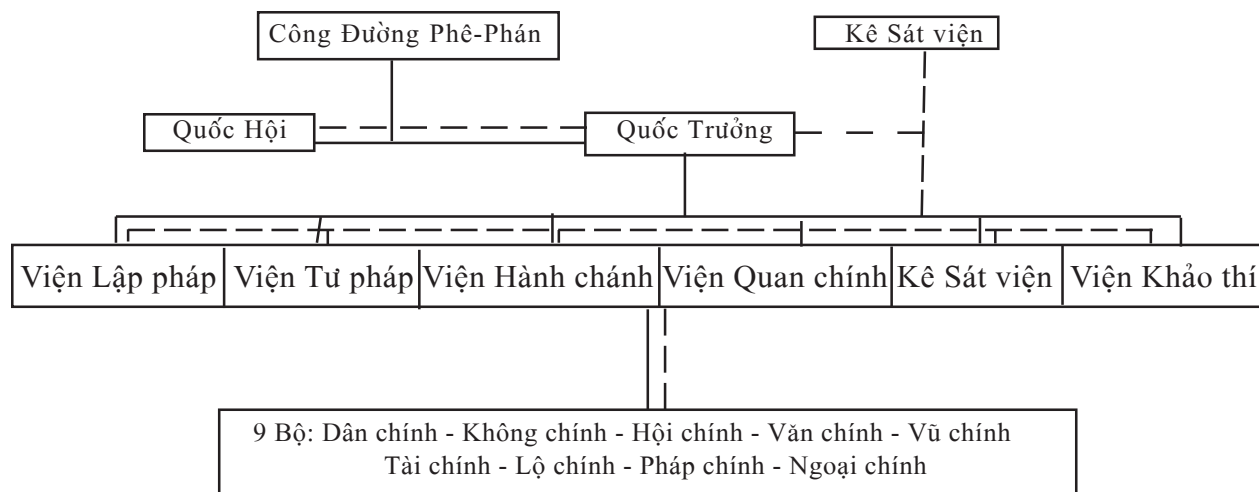
K- Khẩu-hiệu

Những khẩu hiệu thiết thực lúc này:

1. Đả đảo những kẻ mãi quốc nói suông, giết đồng bào, vét của dân.
2. Đả phá tất cả mọi hành động ra luồn vào cúi. mang vận mệnh nước nòi để cầu danh, cầu lợi.
3. Đả phá tất cả bọn chủ-trương độc-tài, đảng phái riêng tây, giết đồng bào, hại người Việt.
4. Đả phá tất cả những bọn lợi dụng thế lực áp bức, vơ vét của dân.
5. Quyết sống đời sống Việt. Ta là người Việt, ta sẽ chân chính sống là người Việt.
6. Quyết theo đời sống Việt. Ta sẽ sống theo đời sống Việt và lập thành đời sống vĩnh-viễn **È VẦN XUÂN Ế**.

XY Lý Đông A (1945)





Ghi chú: ————Hệ-thống chỉ-huy.
 — — — Hệ-thống đàn-hạch.

Sơ-Dồ tổ-chức các cơ-quan của chính-phủ.

*

Bảng tóm lược Biện-chứng Tam Duy

Duy Nhiên	Duy Nhân	Duy Dân
- Đạo ký: Tự kỷ nguyên - nhân. - Vận-dộng & kết hợp thống nhất. - Tinh thần & vật chất hỗ tương nguyên-nhân. - Hỗ-tương nguyên-nhân là tự-kỷ nguyên-nhân. - Bản-vị và cơ-năng hỗ tương nguyên-nhân. Chân-lý: Vô nguyên Đường nhiên.	- Vạn vật tương quan. - Nhân tiến bộ theo hình tròn xoáy tròn ốc có nút tết. - Nhân khám phá 3 tầng chân lý: Vô nguyên, tuyệt-đối và đa nguyên. Chân-lý: Nhất nguyên, tuyệt đối.	- Nhân chi-phối vận-dộng Dân. - Xã-hội & tự-nhiên thống nhất. - Cá-nhân & tập-thể thống nhất. - Bảo-thủ & cấp-tiến thống nhất. - Tĩnh động nhất quán. - Bản-vị & Cơ-năng hỗ tương nguyên-nhân. Chân lý: Đa nguyên, Tương đối.

Để dễ-dàng suy-cứu và đánh giá về Cơ-năng Hiến-pháp đan quyền với các hiến pháp phân quyền, xin nêu ra ở đây

Hiến Pháp Hợp Chúng Quốc Hoa-Kỳ.

Wikisource: Văn kiện lập hiến.
Người dịch: Nguyễn Cảnh Bình.

Lời mở đầu: Chúng tôi nhân-dân Hiệp Chúng quốc, với mục-dịch xây-dựng một liên-bang hoàn-hảo hơn, thiết-lập công lý, đảm-bảo an-ninh trong nước và sự phòng-thủ chung, thúc-đẩy sự thịnh-vượng liên-minh, giữ vững nền tự-do cho bản thân và các thế-hệ mai sau, quyết-định xây-dựng và ban-hành Hiến-pháp này cho Hiệp chúng quốc Mỹ Châu.

Điều 1 :

Khoản 1: Mọi quyền lập pháp được bản hiến-pháp này thừa nhận, được trao cho Quốc-hội Hợp chúng quốc, bao gồm thượng viện và hạ viện.

Khoản 2: Hạ viện gồm các thành viên được dân chúng ở các bang bầu ra, cứ hai năm một lần. Cử tri ở mỗi bang phải có phẩm-chất cần-thiết như phẩm-chất của cử-tri ở bang có cơ-quan lập-pháp đồng-đạo nhất.

Những người được bầu làm dân-biểu phải trên 25 tuổi và phải là công-dân của Hiệp-chúng quốc, ít nhất 7 năm và vào thời-điểm được bầu phải là cư dân ở bang mà người đó được lựa chọn.

Dân-biểu và các loại thuế trực thu sẽ được phân bố cho các bang trong liên-minh. Số dân của các bang theo dân số của mỗi bang sẽ xác-định bằng cách tính tổng số gồm những người tự do. Kể cả những viên chức nhà nước và 3/5 số những người còn lại, không tính những người da đỏ không nộp thuế. Việc tra dân số sẽ được tiến hành trong vòng ba năm, sau kỳ họp đầu tiên của quốc-hội Hiệp chúng quốc, và sau đây cứ 10 năm. tiến hành một lần theo cách thức do Quốc-hội qui định. Cứ 30,000 người lại có một đại biểu. Cho tới khi lần kiểm tra đầu tiên được tiến hành, Hạ viện sẽ bao gồm 65 đại-biểu. NewHamsphire sẽ được quyền bầu ba, bang Massachusetts bầu 8, bang Rhodes Island và các đồn điền quan phòng bầu một, bang Connecticut bầu năm, bang New York bầu sáu, bang New Jersey bầu bốn, bang Pensynvania bầu tám, bang Delaware bầu một, bang Maryland bầu sáu, bang Virginia bầu mười, bang Bắc California bầu năm, bang Nam California bầu năm và bang Georgia bầu ba đại-biểu.

Khi khuyết ghế đại-biểu ở bất cứ bang nào, thì cơ-quan hành pháp của bang đó sẽ ban hành những sắc-lệnh định-đoạt thể-thức cuộc bầu-cử để bổ-sung những chỗ trống đó.

Hạ viện sẽ bầu ra chủ-tịch và các quan-chức khác của viện, và là viện duy nhất có quyền luận tội các quan chức.

Khoản 3: Thượng viện Hợp Chúng quốc gồm hai thượng nghị sĩ của mỗi bang, do cơ quan lập pháp ở đó chọn lựa với nhiệm-kỳ sáu năm, và mỗi thượng nghị sĩ có một phiếu bầu.

Ngay sau khi nhóm họp lần đầu tiên, các thượng nghị sĩ sẽ được chia đều thành 3 nhóm. Thượng nghị sĩ nhóm một sẽ kết-thúc nhiệm-kỳ vào cuối năm thứ hai. thượng nghị

sẽ kết-thúc nhiệm-kỳ vào cuối năm thứ sáu. Sao cho cứ sau hai năm bầu lại 1/3 số thượng nghị sĩ. Nếu có những ghế trống do từ-chức hoặc nguyên-nhân nào khác trong thời-gian ngưng họp của cơ quan lập pháp ở bất cứ bang nào thì cơ-quan hành-pháp của bang đó có quyền tạm thời bổ-nhiệm người vào chỗ trống đó cho đến khi nghị viên tiểu-bang nhóm họp và quyết-định bổ-sung vào chỗ trống.

Những người được bầu làm thượng nghị-sĩ phải trên 30 tuổi và ít nhất 8 năm là công-dân Hiệp Chung quốc. đồng thời khi được bầu phải là cư dân của bang mà người đó được tuyển chọn.

Phó tổng-thống Hiệp chung quốc sẽ là chủ-tịch thượng viện, nhưng không có quyền bỏ phiếu, trừ Khi nhóm họp để xét xử trường-hợp có phiếu chống ngang nhau khi biểu quyết.

Thượng viện sẽ lựa chọn những viên chức khác cho viện mình, và một vị quyền chủ tịch khi Phó Tổng thống Hiệp chung quốc vắng mặt hoặc khi Phó Tổng thống đảm nhiệm chức-vụ Tổng Thống Hợp chung quốc.

Thượng viện là nơi duy nhất có quyền xét xử một vụ luận tội. Khi nhóm họp để xét xử các vụ án này, các thượng nghị sĩ phải tuyên thệ. Trong trường -hợp xét-xử tổng-thống chánh án tòa án tối cao sẽ là chủ tọa phiên tòa. Không ai bị kết án nếu không được 2/3 số thượng nghị sĩ có mặt đồng ý.

Mức án áp-dụng trong những vụ buộc tội này không vượt quá sự cách chức và tước quyền của bị cáo đang đảm-nhiệm một chức tước danh-dự, hoặc có lợi-lộc trong chính quyền Hợp chung quốc. Tuy nhiên, họ vẫn có thể bị truy-tố, xét xử, kết án và trừng-phạt theo luật định.

Khoản 4: Thời-gian, địa-điểm và cách-thức tiến hành bầu-cử thượng nghị sĩ và dân biểu của tiểu-bang nào, sẽ do cơ-quan lập pháp tiểu-bang đó qui định. Nhưng vào bất cứ lúc nào, Quốc hội liên bang cũng có quyền ban hành luật, hoặc thay đổi các qui định đó. trừ qui định về địa điểm bầu thượng nghị sĩ.

Quốc-hội sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần, và các kỳ họp này phải bắt đầu vào ngày thứ hai đầu tiên của tháng 12, trừ trườngn hợp quốc-hội qui định một ngày khác bằng một đạo luật.

Khoản 5: Mỗi viện có quyền qui định thể-lệ cuộc bầu cử của mình, về kết quả cuộc bầu cử đó và về những điều-kiện cần thiết của các nghị sĩ. Đa số trong mỗi viện có quyền thành lập một ủy ban điều-hành công việc, còn thiểu số có quyền trì-hoàn phiên họp và có quyền buộc những n thành viên vắng mặt phải tới họp theo đúng thể-thức, và phải nhận một hình thức kỷ luật theo quy chế của mỗi viện.

Mỗi viện có quyền qui-định những qui-chế của viện mình, thi-hành kỷ-luật những thành viên có hành-vi sai phạm và khai trừ thành-viên với sự nhất trí của 2/3 số thành viên.

Mỗi viện có quyền giữ một cuốn sổ ghi những hoạt-động của viện và theo định kỳ, phải công bố những điều đã ghi, ngoại trừ những việc mà viện đó cho là cần phải giữ bí mật. Những phiếu thuận và phiếu chống của các thành viên thuộc hai viện về mọi vấn đề phải được ghi vào cuốn sổ này, nếu có yêu cầu 1/5 các thành viên có mặt.

Trong thời-gian quốc-hội họp, không viện nào được nghỉ họp quá 3 ngày, hoặc chuyển địa-điểm khác với địa-điểm mà hai viện đã quyết-định, nếu không được sự đồng ý của viện kia.

Khoản 6: Các thượng nghị-sĩ và dân-biểu được nhận một khoản trợ-cấp cho công việc của mình do luật định, và được thanh-toán bằng ngân-khố của Hiệp chủng quốc. Trong mọi trường-hợp, trừ tội phản quốc, trọng tội và tội phá rối an-ninh, họ được hưởng đặc quyền không bị bắt giam trong thời-gian tham dự khóa họp của viện, trong khi tới dự cuộc họp và trở về nhà từ cuộc họp. Mọi những lời phát-biểu và tranh luận của họ trong cả hai viện này đều không bị chất-vấn tại bất kỳ nơi nào khác.

Trong nhiệm-kỳ được bầu của mình, không một thượng nghị-sĩ hay dân biểu nào được bổ-nhiệm vào mọi chức-vụ dân sự trong chính quyền Hợp chủng quốc, lương bổng của họ cũng không được tăng trong thời gian đó. Không một ai khi đang đảm nhiệm bất kỳ chức vụ dân sự trong chính quyền Hợp chủng quốc lại được bầu vào bất cứ viện nào của Quốc-hội.

Khoản 7 : Mọi dự luật về lợi tức, đều phải do Hạ-viện khởi xướng, nhưng thượng viện có quyền đề-nghị hoặc chấp thuận những điều sửa đổi trong các dự luật này như những dự luật khác.

Mọi đạo luật phải được thông qua bởi Hạ viện và thượng viện, nhưng trước khi trở thành luật gửi cho Tổng Thống Hiệp chủng quốc phê-chuẩn. Nếu tán thành, Tổng thống sẽ thể-hiện sự đồng ý của mình bằng việc ký vào đạo luật đó. Nhưng nếu thấy việc phê-chuẩn đạo luật này không chính đáng, Tổng thống sẽ trả lại viện đã khởi xướng đạo luật này cùng với ý kiến không tán thành. Việc này sẽ ghi chép tường tận những ý kiến không tán thành của Tổng thống vào sổ ghi chép của Quốc hội và tiến hành xem xét lại dự luật. Nếu sau khi xem xét, 2/3 thành viên của viện đồng ý thông qua, bất chấp sự phản bác của Tổng Thống, thì dự luật sẽ gửi cho viện kia, kèm ý kiến không tán thành của Tổng-thống để viện này xem xét. Nếu được 2/3 thành viên của viện đó phê chuẩn thì dự luật này sẽ thành đạo luật. Nhưng trong , mọi trường hợp, cuộc biểu quyết của mỗi viện được định đoạt bởi các phiếu thuận và chống. Tên của những nghị sĩ tán thành và không tán thành dự luật đó phải được ghi vào cuốn sổ hoạt động của mỗi viện. Những dự luật mà Tổng-thống không gửi trả lại trong vòng 10 ngày (không kể chủ nhật) sau ngày đệ trình lên Tổng thống sẽ trở thành đạo luật như trường- hợp tổng thống đã phê chuẩn, trừ trường-hợp Quốc-hội nghỉ họp nên Tổng-thống không thể gửi trả lại cho Quốc-hội được. Trong trường hợp đó, dự luật này sẽ không trở thành đạo luật.

Mọi mệnh lệnh, nghị quyết hoặc biểu quyết cần sự chấp thuận của thượng viện và hạ viện (trừ trường hợp Quốc-hội nghỉ họp) đều phải đệ trình lên Tổng thống Hiệp chủng quốc. Trước khi có hiệu lực, chúng phải được Tổng thống phê chuẩn. Nếu Tổng-thống không chấp thuận, cần phải có sự chấp thuận lần thứ hai của cả hai viện với 2/3 thành viên của mỗi viện, theo đúng các quy chế và giới-hạn được qui định cho các trường- hợp về dự luật.

Khoản 8 : Quốc-hội có quyền đặt và thu các khoản thuế để thanh toán các khoản nợ và chi phí cho công việc phòng thủ và phúc lợi chung của Hợp chủng quốc. Nhưng mọi khoản thuế quan và thuế môn bài thống-nhất trên toàn lãnh-thổ Hợp chủng quốc.

Vay tiền theo tín dụng của Hiệp chủng quốc.

Quy định việc thương mại với ngoại quốc, giữa các bang và với các bộ lạc Da Đỏ.

Ban hành những đạo luật thống nhất việc nhập quốc tịch và luật phá sản trên toàn lãnh thổ Hiệp chủng quốc.

Đúc và in tiền qui định giá trị của đồng tiền trong nước và đồng tiền nước ngoài, qui định các tiêu-chuẩn đo lường.

Trừng phạt những vụ làm giả trái phiếu, và đồng tiền đang lưu-hành ở Hiệp chủng quốc.

Xây dựng các trạm bưu-diện và mạng lưới bưu điện.

Thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và các nghề hữu ích bằng cách đảm bảo quyền tư hữu của các tác giả và nhà phát minh đối với các tác phẩm và phát minh trong thời gian hạn định.

Thiết lập các tòa án cấp dưới của tòa án tối cao.

Xác định và trừng phạt các tội cướp biển và trọng tội này xảy ra trên biển và những vi phạm luật pháp quốc tế.

Tuyên chiến, ban hành các văn bản tịch thu và trưng thu để trừng phạt kẻ thù và qui định các thể thức chiếm dụng tài sản trên bộ và mặt biển.

Thiết-lập và nuôi dưỡng một đội quân, nhưng không một khoản ngân-sách nào cho vấn đề này được kéo dài quá hai năm.

Thiết lập và duy trì hải quân.

Ban hành các luật lệ và các quy chế về lực lượng lục quân và hải quân.

Trù liệu việc xây dựng lực lượng dự bị nhằm thực thi luật pháp của Liên Bang, trấn áp các cuộc phiến loạn và đẩy lui xâm lăng.

Trù liệu sự tổ chức, vũ trang và duy trì kỷ luật các lực lượng dự bị của các bang, và chỉ đạo các lực lượng khi được huy động để phục vụ Liên Bang Hiệp chủng quốc, nhưng vẫn dành cho các Bang quyền bổ nhiệm sỹ quan và quyền huấn luyện lực lượng dự bị của mỗi bang, theo kỷ luật do Quốc-hội quy định.

Thực thi độc quyền lập pháp trong mọi trường hợp đối với một vùng đất (không rộng quá 10 dặm vuông) mà các tiểu bang thỏa-thuận nhường lại cho Quốc-hội, sau khi được Quốc-hội Liên Bang chấp thuận, vùng đất này sẽ thành trụ-sở của chính quyền Liên bang; thi hành quyền lực của Liên bang tại tất cả những nơi được mua lại với sự thỏa thuận của cơ quan lập pháp tiểu bang đó để xây dựng các pháo đài, kho vũ khí, xưởng chế tạo vũ khí, quân cảng và các cơ sở cần thiết khác, và

Ban hành một đạo luật cần thiết để thực thi những quyền nói trên, cũng như tất cả các quyền lực khác được hiến pháp này trao cho chính phủ Hiệp chủng quốc, hoặc cho bất cứ cơ quan nào, hay một quan chức nào của Hợp chủng quốc.

Khoản 9 : Nếu một trong các tiểu bang hiện tại xét có thể chấp thuận cho người nào đó được di trú hoặc nhập cảnh, Quốc hội không thể cấm đoán sự di-trú hay nhập cảnh này trước năm 1808. Nhưng một khoản thuế không quá 10 dollars cho mỗi người nhập cư có thể đánh vào sự nhập cư đó.

Đặc ân được xét xử theo đạo luật Habeas Corpus sẽ không bị tước-đoạt, trừ trường hợp có phiến loạn và xâm lược, hoặc do yêu cầu nhằm bảo đảm nền an ninh chung đòi hỏi.

Không được thông qua bất cứ đạo luật nào trừng phạt một con người mà không thông qua xét xử. Không được ban hành bất cứ đạo luật hồi-tổ nào.

Không được ban hành bất cứ loại thuế thân hoặc các loại thuế trực thu khác nếu không tương ứng với cuộc điều tra dân số kể trên trong điều này.

Không một loại thuế nào đánh vào các hàng hóa xuất khẩu từ bất cứ bang nào.

Trong những quy-chế về thương mại và thu nhập, không hải cảng của bất cứ bang nào được ưu tiên hơn so với hải cảng của những bang khác. Tàu, thuyền đến hay đi từ một tiểu bang nào đó, sẽ không bị bắt buộc phải cập bến, phải chịu sự kiểm tra, hay phải nộp thuế ở một bang khác.

Không một khoản tiền nào được lấy từ ngân khố Liên Bang, nếu không có một đạo luật cho phép. Bản báo cáo tài chánh thường kỳ về những khoản tiền thu - chi của công quỹ phải được công bố thường xuyên.

Hiệp chủng quốc không ban tặng bất cứ danh hiệu quý tộc nào nếu không được sự đồng ý của Quốc hội. Những người đảm nhận những chức vụ có lợi tức, hoặc tín nhiệm của Hiệp chủng quốc không được phép nhận bất cứ quà tặng, lương bổng hoặc bất cứ danh hiệu, tước vị nào do vua chúa, hoặc chính phủ ngoại quốc ban tặng.

Khoản 10 : Không tiểu bang nào có quyền ký kết một hiệp ước, gia nhập liên minh, hoặc liên hiệp nào, không được phép cấp giấy phép trưng thu hay trưng dụng, không được bắt giữ tàu thuyền nước ngoài, không được đúc tiền, phát hành trái phiếu nếu không dựa trên bản vịn vàng bạc để thanh toán các khoản nợ; không được thông qua các đạo luật gây tổn hại đến dân quyền; không được ban hành các đạo luật trừng phạt con người về một hành vi không vi phạm pháp luật. hoặc một đạo luật phương hại đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, không được ban tặng các tước hiệu quý tộc.

Nếu không được sự đồng ý của Quốc-hội, không tiểu bang nào được đặt ra thuế và thuế quan đánh vào hàng nhập khẩu và xuất khẩu, trừ trường-hợp tối cần thiết cho việc thực hiện các điều luật về thanh tra. Mọi thu nhập nhờ hệ thống thuế đánh vào hàng nhập khẩu hay xuất khẩu do một bang nào đó đặt ra đều thuộc quyền sử dụng của Ngân khố Hiệp chủng quốc. Đồng thời mọi điều luật này đều phải đệ trình lên Quốc-hội xét duyệt và kiểm soát.

Nếu không được sự đồng ý của Quốc hội, không tiểu bang nào có quyền đánh thuế tàu, duy trì các đội quân và tàu chiến trong thời bình, ký kết các hiệp định hay thỏa ước với một bang khác hoặc với lực lượng nước ngoài, hoặc tham-gia vào cuộc chiến tranh, trừ trường hợp thực sự bị xâm lược, hoặc lâm vào tình trạng cấp bách không thể trì hoãn.

Điều II.

Khoản 1: Quyền hành pháp sẽ được trao cho một vị tổng-thống Hiệp chủng quốc. Tổng-thống giữ chức vụ của mình trong nhiệm kỳ 4 năm. Tổng-thống và Phó Tổng-thống cũng được bầu ra theo nhiệm kỳ đó. Được chọn lựa theo thể thức sau đây:

Theo thể-thức do cơ quan lập pháp tiểu bang đó qui định, mỗi bang sẽ đề cử ra một số đại cử tri bằng tổng số thượng nghị sĩ và dân biểu của bang đó tại Quốc hội liên bang. Nhưng không một thượng nghị sĩ, dân biểu hoặc một quan chức nào đang đảm nhiệm chức vụ có lợi tức được hòng làm đại cử tri.

Các đại cử tri sẽ họp ở bang của mình để bỏ phiếu bầu hai người, và ít nhất một trong hai người không phải là cư dân trong cùng một bang với người kia. Họ sẽ lập bản danh sách về những người đi bầu và số phiếu bầu của mỗi người, ký và xác nhận vào danh sách. gán xi niêm phong và chuyển lên trụ sở của chính phủ Hợp Chủng quốc, gửi cho chủ tịch Thượng viện. Với sự có mặt của Thượng viện, chủ-tịch thượng viện sẽ mở các văn bản nói trên và đếm số lượng phiếu bầu. Người nhận được nhiều phiếu bầu nhất sẽ là Tổng-thống. Nếu như số phiếu bầu này chiếm đa số trong tổng số các đại cử tri được bầu

ta. Nếu có từ hai người trở lên, có đa số phiếu bầu, và có số phiếu bầu bằng nhau thì Hạ viện sẽ bỏ phiếu để chọn một trong những người đó làm Tổng-thống. Nếu không người nào có đa số phiếu bầu thì Hạ viện cũng theo thể thức như vậy, chọn trong 5 người có số phiếu bầu nhiều nhất trong danh sách để bầu ra tổng-thống. Nhưng trong việc bầu Tổng thống, công việc bầu cử tiến hành theo tiểu bang. mỗi nhóm nghị-sĩ của một bang chỉ có một phiếu bầu. Để tiến hành công việc này, cần có mặt 2/3 số tiểu bang. Mỗi tiểu bang có một hay nhiều đại biểu, nhưng đa số của tất cả các tiểu bang mới đủ quyền quyết định. Trong mọi trường hợp, sau khi bầu Tổng-thống, người có số phiếu nhiều nhất do các đại cử-tri bầu lên sẽ là Phó Tổng-thống. Nhưng nếu vẫn có hai người trở lên có số phiếu bầu bằng nhau. thì thượng viện sẽ bỏ phiếu chọn trong số đó một người làm Phó tổng-thống.

Quốc-hội quyết định thời-gian chọn lựa các đại cử-tri và ngày các đại cử tri bỏ phiếu chọn tổng-thống phải thống nhất trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc.

Không người nào có quyền được bầu làm Tổng-thống. nếu không phải là công dân sinh ra trên đất Mỹ, hoặc đã là công dân Hợp chúng quốc tại thời điểm bản hiến pháp này được chấp thuận, phải từ 35 tuổi trở lên và có trên 14 năm cư trú trên lãnh thổ Hợp chúng quốc. Trong trường hợp tổng-thống bị cách chức hoặc tạ thế, từ chức hoặc không đủ năng lực thực thi quyền lực và nhiệm vụ của chức vụ này, mọi quyền lực và nhiệm vụ tổng-thống sẽ được chuyển giao cho Phó Tổng-thống. Quốc hội có quyền bằng một đạo luật. bổ nhiệm một quan chức vào ghế trống trong các trường hợp truất quyền, tử vong, từ chức hoặc không đủ năng lực của cả tổng-thống và phó tổng-thống. Viên công chức thay quyền tổng-thống hoặc phó tổng-thống để thi hành nhiệm vụ cho đến khi tình trạng không đủ năng lực của tổng-thống hay phó tổng-thống bị xóa bỏ, hoặc khi một tổng thống mới được bầu ra.

Trong nhiệm kỳ của mình, tổng thống sẽ nhận một khoản tiền lương trả cho công việc của mình. Số tiền này sẽ không tăng và cũng không giảm trong một nhiệm kỳ. Tổng-thống không có quyền được nhận tất cả một khoản tiền nào khác của Hiệp chúng quốc hoặc bất cứ một bang nào.

Trước khi nhậm chức, tổng- thống phải tuyên thệ như sau: *Tôi trân trọng tuyên thệ rằng tôi sẽ giữ chức vụ Tổng-thống Hợp chúng quốc với lòng trung thành và bằng tất cả khả năng của mình duy trì, giữ gìn và bảo vệ hiến-pháp hiệp chúng quốc.*

Khoản 2:

Tổng-thống sẽ là tổng tư lệnh các lực lượng lục quân, và hải quân Hiệp chúng quốc, và các lực lượng dân quân của các tiểu bang khi có dân quân này được thực tập để phục vụ Hiệp chúng quốc. Tổng-thống có thể yêu cầu các quan chức của các bộ đề xuất ý kiến bằng văn bản về bất cứ vấn đề nào liên quan tới nhiệm vụ của họ. Tổng thống có quyền hủy bỏ bản án hoặc ân xá những tội chống lại Hiệp chúng quốc, trừ những trường hợp bị luận tội.

Theo thỏa thuận và sự đồng ý của thượng viện, tổng thống có quyền ký kết các điều ước với điều kiện được 2/3 số thượng nghị sĩ có mặt đồng ý. Theo thỏa thuận và đồng ý của thượng viện, Tổng thống sẽ bổ nhiệm các đại sứ, các thẩm phán của tòa án tối cao và một quan chức khác của Hiệp chúng quốc, không qui định theo bản hiến pháp này, miễn là những việc bổ nhiệm này không trái với những qui định và phải bằng một đạo luật. Nhưng quốc hội có thể trao cho Tổng thống toàn quyền bổ nhiệm các quan chức cấp dưới trong các tòa án hoặc các vụ viện, nếu họ cho là phù hợp.

Tổng-thống có quyền bổ sung vào những chỗ trống xảy ra trong thời gian Thượng

viện nghị hợp bằng cách cấp giấy ủy nhiệm hết hạn vào cuối khóa họp tới của Thượng viện.

Khoản 3:

Thỉnh-thoảng tổng-thống phải thông báo cho Quốc-hội biết tình hình của Liên bang và đề nghị quốc-hội xem xét những biện pháp mà tổng thống thấy cần thiết và thích hợp trong những trường hợp bất thường. Tổng-thống có quyền triệu tập cuộc họp của hai viện, hoặc một trong hai viện. Nếu hai viện bất đồng về thời gian hoãn họp, Tổng-thống sẽ quyết định về thời-gian hoãn họp đến thời điểm mà tổng-thống cho là thích hợp. Tổng-thống sẽ tiếp kiến các đại sứ và các công sứ, tổng thống phải đôn đốc việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn và giao phó nhiệm vụ cho tất cả các quan chức của Hiệp chủng quốc.

Khoản 4 :

Tổng thống, phó tổng-thống và các quan chức dân sự của Hiệp chủng quốc sẽ bị cách chức khi bị buộc tội phản quốc. tội nhận hối lộ, hoặc những tội nghiêm trọng khác.

Điều III.

Khoản 1: Quyền lực tư pháp của Hiệp chủng quốc sẽ được trao cho tòa án tối cao và những tòa án cấp dưới mà quốc-hội có thể thiết-lập trong một số trường hợp. Các quan tòa của tòa án tối cao và các tòa án cấp dưới sẽ giữ chức vụ của mình suốt đời, nếu luôn luôn có hành vi chính đáng. Trong thời gian đã nêu trên, họ được nhận khoản tiền lương cho công việc của mình và khoản tiền này sẽ không bị giảm đi trong suốt thời gian đó.

Khoản 2

Quyền lực tư pháp theo bản hiến pháp này sẽ đối với tất cả các vụ việc trên phương diện luật pháp và công lý phát sinh theo hiến pháp của Hiệp chủng quốc, theo các hiệp ước đã hoặc sẽ ký dưới thẩm quyền của Hiệp chủng quốc, với mọi trường-hợp liên quan tới các đại sứ. các công sứ và các lãnh sự, với mọi trường hợp liên-quan tới bluật pháp hàng hải và hải quân,, với những vụ tranh chấp mà hợp chủng quốc là một bên liên quan với tranh chấp với hai bang trở lên, giữa một bang với các công dân của bang khác, giữa các công dân của các bang khác nhau, giữa các công dân trong một bang tranh chấp đất đai do các bang khác nhau cấp, hay giữa một bang hoặc các công dân của bang đó với nước ngoài, hoặc các công dân và đối tượng nước ngoài.

Trong các trường hợp liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự, và trong những vụ mà một bang là một bên của vụ kiện thì tòa án tối cao có quyền tài phán sơ thẩm. Trong những trường hợp khác, tòa án tối cao có quyền tài phán phúc thẩm. Về pháp lý cũng như thực tế, trừ những ngoại lệ do Quốc hội qui định,

Mọi tòa án xét xử các vụ trọng tội, trừ những trường hợp bị luận tội, phải được xét xử theo thể thức bồi thẩm đoàn. Những phiên tòa xét xử đó phải mở tại bang đã xảy ra việc phạm tội. Nhưng nếu vụ việc không xảy ra trong bất cứ bang nào, phiên tòa sẽ họp một nơi hay những nơi mà quốc hội qui-định bằng một đạo luật.

Khoản 3 :

Sẽ chỉ coi là tội phản quốc chống lại Hiệp chủng quốc đối với mọi hành-động gây chiến-tranh tấn công các tiểu-bang hoặc ủng-hộ kẻ thù, hay trợ-giúp và ủy-lạo chúng. Không ai bị kết tội phản quốc nếu không có hai người làm chứng về hành-vi phạm tội hoặc bị-cáo thủ tội công-ăkhai trước tòa.

hành-vi phạm tội, hoặc bị-cáo thú tội công-khai trước tòa.

Quốc-hội có quyền định hình-phạt cho tội phản quốc. Nhưng không một sự tra tấn, hành hình hay việc tịch thu tài sản lại được thực hiện đối với người đó mà chỉ thực-hiện đối với bản thân họ mà thôi.

Điều IV.

Khoản 1:

Mỗi bang đều phải tin-tưởng tuyệt đối vào các điều luật, hồ-sơ và thủ-tục tố-tụng của các bang khác. Quốc hội bằng những đạo luật thông-thường qui-định thể-thức chứng thực các điều-luật, hồ-sơ và thủ-tục tố-tụng đó, cũng như hiệu-lực của chúng.

Khoản 2 :

Công dân của mỗi bang sẽ được hưởng mọi đặc-quyền và quyền bất khả xâm phạm như công dân của một tiểu-bang khác.

Cá-nhân bị truy-tố về tội phản quốc, trọng tội hoặc một tội nào khác mà trốn-tránh pháp-luật nếu bị tìm thấy ở một bang khác, khi có yêu-cầu của cơ-quan hành-pháp của bang mà người đó chạy trốn, sẽ bị trao trả lại và dẫn-độ về bang có thẩm quyền xét xử.

Không một cá-nhân nào, nếu bị câu-thúc phải lao-động hay làm việc theo như luật pháp ở bang này, bỏ trốn sang bang khác, lại có thể dựa vào luật lệ và qui-chế ở bang này. để trốn tránh những hình-phạt nói trên sẽ phải được trao trả lại theo yêu-cầu của bang mà cá-nhân đó buộc phải làm việc và lao động.

Khoản 3 :

Những bang mới có thể được Quốc hội chấp-thuận cho gia-nhập liên bang. Nhưng không một bang mới nào được thành lập, hoặc xây-dựng nên dưới thẩm quyền của bất cứ bang nào khác. Cũng không một bang nào được thành lập bằng cách sáp nhập hai bang trở lên, hoặc những vùng lãnh-thổ của các tiểu-bang, nếu không được sự đồng ý của cơ quan lập pháp ở các bang có liên-quan, cũng như của Quốc hội.

Quốc hội có quyền sử-dụng hoặc quyền ban hành một đạo luật và qui-chế cần thiết liên-quan lãnh-thổ hoặc các tài-sản khác thuộc Hiệp chủng quốc. Không một điều khoản nào trong hiến pháp này được giải-thích gây tổn hại đến bất cứ tuyên bố nào của Hợp chủng quốc hay của bất cứ một tiểu bang nào.

Khoản 4 :

Hiệp chủng quốc bảo-đảm cho mỗi bang trong liên-bang này một chánh thể Cộng Hòa và bảo-vệ một tiểu bang chống lại sự xâm lược theo lời yêu-cầu của cơ-quan lập pháp, hoặc hành pháp (khi cơ quan lập pháp không thể nhóm họp, để chống lại tình-trạng bạo động nội-bộ trong tiểu-bang đó).

Điều V.

Khi 2/3 thành viên của cả hai viện xét thấy cần thiết sẽ đưa ra những tu chỉnh án đối với hiến pháp này, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan lập pháp ở 2/3 các bang, Quốc hội sẽ triệu tập một hội nghị để đề xuất những tu chỉnh án. Trong cả hai trường hợp, những tu chỉnh án này đều có hiệu lực như một bộ phận của hiến pháp, nếu được các cơ quan lập pháp của 3/4 các bang, hoặc hội nghị của 3/4 các bang phê-chuẩn theo thể-thức do Quốc hội đề-nghị, với điều-kiện là không một tu chỉnh án được chấp-thuận trước năm 1808 nếu có ảnh-hưởng thay đổi đoạn 1 và đoạn 4 trong khoản 9 của điều. Không một bang nào

nếu không có sự đồng thuận của bang đó, lại bị tước-đoạt quyền bỏ phiếu bình đẳng trong thượng viện.

Điều VI.

Một khoản nợ đã ký kết và những cam kết ký trước khi bản hiến pháp này được thông qua, vẫn có hiệu-lực đối với hiệp chủng quốc được thành lập theo bản hiến pháp này, cũng như đối với liên-minh cũ.

Hiến pháp này, các đạo luật của Hiệp chủng quốc được ban hành theo hiến pháp này, mọi điều ước đã hoặc sẽ được ký kết dưới thẩm quyền của Hợp chủng quốc, sẽ là bộ luật tối cao của quốc gia. Quan tòa của mọi tiểu bang đều phải tuân theo những luật tối cao này. Bất cứ điều khoản nào trong hiến pháp, hoặc luật pháp của bang trái ngược với hiến pháp Liên bang đều không có giá-trị.

Các thượng nghị-sĩ và dân biểu, các thành viên của cơ quan lập pháp các bang, các quan chức trong cơ quan hành pháp và tư pháp của Liên bang và tiểu bang đều phải tuyên thệ ủng-hộ hiến-pháp này. Nhưng không một điều-kiện tôn-giáo nào bị coi là bắt-buộc như tiêu-chuẩn cần thiết, để bổ nhiệm vào bất cứ chức vụ, hoặc cơ quan nào trong chính quyền Hợp chủng quốc.

Điều VII.

Sự phê-chuẩn do các hội- nghị tiểu bang của 9 tiểu bang sẽ được coi là đủ điều kiện cần thiết để các bang tham gia phê-chuẩn thiết-lập bản hiến-pháp cho Liên bang.

Chữ ký

Làm tại hội-nghị lập hiến với sự đồng thanh chấp-thuận của các tiểu-bang có mặt vào ngày 17 tháng Chín năm Thiên Chúa giáng sinh 1787, và là năm độc-lập thứ 12 của Hiệp Chủng quốc Hoa Kỳ. Để chứng thực, chúng tôi những người có mặt tại đây, đã đồng ý và ký tên:

Go. Washington, chủ-tịch hội-nghị, Đại-biểu bang Virginia.

Bang New Hampshire, John Langdon, Nicholas Gilman.

Bang Massachusetts, Nathaniel Gorham, Rufus King.

Bang Connecticut, Win Saul Johnson, Roger Dherman.

Bang New York, Alexabder Hlmilton.

Bang New Jersey, Wil Livingston, David Brearley, Wm Paterson, Jona. Dayton.

Bang Pennsylvania, B Franklin, Thomas Mifflin, Robt Morris, Geo Clymer, Thos FitzSimons, Jared Ingersoll, James Wilson,, Goub. Morris.

Bang Delaware Geo Read, nGunning Bedfordjub, John Dickinson, Richard Bassett, Jaco Bröm.

Bang Maryland, Janes McHenry, Dan of St Tho Jenifer, Danl Carroll.

Bang Virginia, John Blair, James Madison Jr.

Bang Bắc California, Wm Brount, Richard Dobb Spaight, Hu Williamson.

Bang Nam California, J Rutledge, Charles Cotesworth Pinkney, Charles Pinkney, Pierce Butler.

Bang Georgia, Willian Few, Abr Baldwin.

Người làm chứng: William Jackson, thư ký.

*

TỔP III
Liên Bang Đại Nam Hải,
*(Thế Phục Hưng & An Toàn Cho
các tiểu-nhước Đông Nam Á)*

I/ Lược-khảo một số quốc-gia trong vùng Đại Nam Hải.

Diễn biến phức-tạp của lịch-sử và văn-hóa là mấu-chốt của cuộc thăng tiến trong cuộc sống loài người. Vì điều này mà người ta đưa ra nhiều cách nhìn, nhiều diễn giảng về văn-hóa, lịch-sử dẫn đến những chướng-ngại, xung-đột kéo dài có khi hàng thế-kỷ, cùng hàng triệu người gục ngã, lịch-sử loài người đã và đang trải nghiệm .

Lắng tâm suy-nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch-sử tương-đối khách-quan, đúng-đắn. Đây là phương-cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm-hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác về quá-khứ, hiện-tại và tương lai, tránh được hời-hợt, hồ-đồ theo thời.

Lắng tâm suy nghiệm về cách làm sáng cái tâm, biết cách mở lòng mình còn gọi là thức tâm. Suy nghiệm không hẳn là suy-tư, vì suy-tư nhiều khi ngả về cái lý xa-rời thực-tế, quên mất cuộc sống đang sinh động trước mắt, khi suy nghiệm phải nhìn vào thực tại, vào vấn đề, truy tìm về quá khứ để rút ra kết-luận cho tương-lai.

Lắng tâm suy-nghiệm là cách suy-nghĩ lấy mục-dịch là sự thức tâm để không bị lừa-gạt, phỉnh-nịnh. Cuộc đời này có làm việc, thoát nhìn thấy tốt đẹp, nhưng khi có thời-gian suy-nghiệm, đối-chiếu vào thực-tế thì lại hoàn-toàn không như ta tưởng-tượng.

Người xưa còn đưa ra cách nhìn những việc và người của quá-khứ để rồi suy nghiệm cho hiện-tại. Đây cũng là cách giúp ta tránh được những lầm lẫn.

Khi nói đến sai lầm, chúng ta lại thấy có những sai lầm nhẹ-nhàng thoáng qua, song cũng có những sai lầm mà di hại lâu dài, và nặng-nề nhất là những sai lầm về văn hóa, lịch-sử. Cứ lấy ngay cuối thế-kỷ 19, và thời-kỳ đầu thế kỷ 20, chúng ta đã thấy có biết bao nhiêu là những sai lầm về lịch-sử, về văn-hóa dẫn đến những hậu-quả tai-hại cho dân-tộc. Vì vậy, ngoài ra cho rằng nếu như ta mất tự chủ về kinh-tế thì chỉ vài ba kế-hoạch ngũ niên là có thể đổi mới; nếu mất tự chủ về chính-trị thì chỉ vài ba cuộc đảo chính là phục-hồi, nhưng nếu mất tự chủ về văn-hóa thì điều này phải mất nhiều đời, nhiều trăm năm chưa chắc. Cho nên nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A đã cảnh-giác: *“Nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài, nuôi thân sinh nô tài”*.

Trong tác phẩm “Huyết Hoa”, người đã nhắc-nhở:

“Nội dung và kết cấu của văn hóa, tự thân nó là tổng nghiệp của toàn thể loài người trong dòng sống lịch sử xã hội và thời đại.” Cũng trong dòng suy nghĩ đó, người đã quảng diễn là lịch-sử văn-hóa của loài người có đặc-trưng là *“Viết bằng máu”*, sự tiến-triển của xã-hội loài người được thể-hiện qua biện-chứng khoa học, từ quy-luật kinh-tế của xã-hội phát-triển không ngừng ảnh-hưởng tới những suy-tư của thời-đại, đó chính là nhân của tương-lai. Việc *“thay cũ đổi mới”* diễn tiến theo chu-kỳ vòng xoáy tròn ốc có nút thắt. Từ hạt nhân của thời-đại để diễn tiến theo đường vòng đi lên mở ra một xã-hội mới *“Xuất lộ cho dân tộc, quốc gia, xã hội...”* Như thế, ta thấy những bế-tắc của xã hội sẽ là *“xuất lộ”* cho một xã hội thăng tiến hơn.

“Lịch sử cuộc cách mạng 1789 ở thế kỷ 18 tại Pháp đủ bắt đầu nảy mầm từ những thế-kỷ trước với các nhà tư-tưởng, các triết-gia như Diderot, Montesquieu, J. J. Rousseau,... Những cuộc cải-tổ vươn lên đó phải là tiến-trình tư-tưởng quan-niệm của người dân phối hợp với những điều-kiện bên ngoài xã-hội gồm cả chủ-quan lẫn khách-quan dẫn tới cuộc bùng nổ rũ sạch cội đời cũ đầy mục nát, thối rữa của những tệ đoan, chọc thủng màn đen bằng đấu-tranh, hy-sinh và vun-bồi mà đưa lại những hương thơm, ánh-sáng và gió thoảng... Ánh sương mai đã thấm-nhuần những tia sáng bình-minh lóng-lánh, sóng tân sinh đang dạt-dào khắp trong lòng người.

- Việt Nam:

Cương-vực lãnh-thổ quốc-gia của một dân-tộc thường chỉ được đặt ra khi dân-tộc ấy đã có một nếp sống vững-vàng liên-tục, gắn-bó với lãnh-thổ này tạo cho mình quyền thủ-đắc, tức chủ quyền quốc-gia. Dĩ-nhiên với một trình-độ văn-minh khả quan, dân-tộc này ắt đã có một lịch-sử, nếu chưa được ghi trong những bộ sử, thì chắc-chắn cũng được dân gian truyền miệng dưới hình-thức dã sử. Cho nên, muốn tìm hiểu cương-vực lãnh-thổ một quốc-gia, ngoài sự dựa vào những tài-liệu sử sách khả dụng, khả tín mà còn cần đến những dã-sử, tộc-phả có tương-quan đến quốc-gia ấy.

Lần theo dấu-tích qua các tài-liệu sử sách khả dụng từ thời tối cổ đến ngày nay:

* Nước **Xích Quỷ** với các sắc dân Bách Việt. Trước hết cần lưu ý rằng Việt Nam chỉ có bộ Quốc Sử đầu tiên vào năm 1272 dưới triều Trần Thánh Tông chép từ Triệu Võ Vương 207 BC (*Bộ sử này được khởi soạn từ triều Trần Thái Tông bởi bảng-nhãn Lê văn Hưu có nhan-đề là “Đại Việt Sử Ký”. Tuy nhiên, trước đó đã có nhiều dã-sử truyền miệng về một số sự-kiện xảy ra từ 3,000 BC và nhất là cũng có những tài-liệu ghi trong các sách sử Tàu, hoặc các văn bản của người Việt viết dưới thời Đinh, Lê, Lý từ hơn 1,000 năm BC*).

Theo truyền-thuyết, Xích Quỷ là quốc-hiệu của nước Việt Nam cổ đầu tiên khởi lập từ 2879 BC. bởi vua Kinh Dương, cháu 4 đời vua Thần Nông bao gồm lãnh thổ Bắc Trung phần và Bắc phần Việt Nam hiện nay cùng với vùng Hoa Nam hay Lĩnh Nam (*phía Nam sông Dương Tử và rặng núi Ngũ Lĩnh*) tức một phần tỉnh Hồ Nam và Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam bây giờ.

Danh hiệu Xích Quỷ không thấy ghi trong bộ Quốc sử đầu tiên của Việt Nam, mà chỉ được chép vào phần *ngoại kỷ* của bộ quốc sử Việt Nam. Thứ nhì, không kể bộ sử chép việc đời Trần của Phan Phú Tiên, tức bộ “*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*” hoàn thành bởi Ngô Sĩ Liên năm Hồng Đức thứ 10 (1480), có lẽ dựa theo tập huyền thoại “*Việt Điện U Linh Tập*” của Lý Tế Xuyên soạn năm 1329, “*Lĩnh Nam Chích Quái*” của Vũ Quỳnh.

Ngoài ra trong các sách sử của Tàu viết về những truyền-thuyết liên-quan đến phương Nam hoặc các sắc dân Bách Việt vùng Lĩnh Nam cũng không hề nói đến danh hiệu nước Xích Quỷ, mà chỉ nhắc tới **thời vua Nghiêu có họ Việt Thường ở phương Nam dâng rùa thần**, hoặc nước Văn Lang có Lạc vương, lạc tướng, Lạc điền, Lạc dân.

- Có lẽ nước Xích Quỷ chưa hề hiện hữu trong thực-tế? Rất có thể, vua Thần Nông và họ Hồng Bàng Kinh Dương vương chỉ là biểu-tượng phổ-quát. Câu chuyện nguồn gốc uyên-nguyên mờ-mịt ấy lại thêm quốc hiệu Xích Quỷ, chắc hẳn được dựng lên bởi lớp người Việt cổ trong dân gian sẵn chút căn-bản văn hóa, sớm lắm cũng vào thời mà văn minh Hoa Bắc đã ló dạng (*Hạ - Thương - Chu*) hoặc có thể còn muộn màng hơn nữa về sau này thời Xuân Thu, Chiến Quốc, Tần, Hán để tạo cái tư thế phân lập Bắc - Nam, ngang-ngửa riêng một góc trời Đại Việt của khối dân Lạc Việt dưới quốc hiệu hoa-mỹ, duyên-dáng Văn Lang với nền văn-hóa thuần nông chuyên trồng lúa nước trải đã chục ngàn năm qua.

- Người Việt cổ đã sớm ý-thức vị-thế của họ với đại khối Bách Việt trong mối tương-quan môi-sinh thiên-nhiên: Khí-hậu nóng ẩm và nông-nghiệp, trải

rộng suốt một vùng bao-la từ phía Nam Dương Tử giang và Ngũ Lĩnh Sơn xuôi về Nam dọc theo ven biển Nam Hải Thái Bình Dương. Thành-thủ xét kỹ nước Xích Quỷ với cương-vực Lĩnh Nam hay đất Bách Việt thật rộng chỉ là mấy nét chấm phá nhạt-nhòa ẩn hiện của một bức toàn đồ dùng làm nền-tảng cho đồ bản chính-thức của nước Văn Lang, thực-sự xuất-hiện kế tiếp với cương-vực nhỏ hẹp nhưng rõ-rệt hơn và liên-tục tồn tại trên hai ngàn năm. Cũng vì thế sau khi nước Văn Lang ra đời, người Việt cổ chỉ còn truyền tụng những truyện tích thời vua Hùng, vua Thục. Tuy nhiên rồi đây, trong việc tìm hiểu thân phận con người Việt Nam từ xưa tới nay, mấy nét nhạt-nhòa của bức toàn đồ Lĩnh Nam nói trên lại là những điểm then-chốt giúp ta hình-dung được khung-cảnh hòa nhiên của một phần nhân-loại thời hồng hoang cũng như xã-hội Văn Lang của sắc dân Lạc Việt - Cái nôi điển-hình của nền văn-hóa thuần nông trầm lặng, an tĩnh, tương-đương với cái nôi văn-hóa **du mục** vùng lưỡng Hà Châu Tây Á, Trung Á đầy xáo-động đổi thay.

* Nước **Văn lang** với 18 đời vua Hùng:

Cũng theo truyền-thuyết Lạc Long Quân nối ngôi Kinh Dương vương, kết duyên với Âu Cơ, sanh hạ 100 con trai vốn dòng giống Rồng Tiên. Người con trưởng được phong làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng vương cai-trị sắc dân Lạc Việt truyền được 18 đời. Sau này người Việt Nam tôn Hùng vương là quốc tổ - Thành thủ **sắc dân Lạc Việt được coi là lớp người Việt Nam cổ xưa**, Và nước Văn Lang mới thực sự là lãnh-thổ khởi-thủy của quốc gia Việt Nam hiện tại. Theo sử sách Việt và Tàu thì nước Văn Lang: phía Bắc giáp Tàu, tiếp cận 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam (tên gọi ngày nay), đều là biên-giới thiên-nhiên với các đỉnh núi cao cùng rừng rậm và sông rạch ngăn cách, ngoại trừ một phần đất nhỏ ở cận biển Nam Hải giáp liền với ranh giới Quảng Đông mà sử đời nhà Hán gọi là *ít đất thừa* của Tượng quận. Dọc biên giới này, ngoài ít đất thừa vừa nói chỉ có hai nơi thấp dễ qua lại là cửa ải Nam Quan thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay đối diện với Quảng Tây và thung-lũng sông Hồng thuộc tỉnh Lào Kay ngày nay đối diện với Vân Nam. Có lẽ nhờ biên giới thiên-nhiên như vậy mà xưa nay giữa Việt Nam và Tàu ít xảy ra những tranh-chấp đáng kể về cương vực Bắc - Nam và sử Việt Nam cũng không xác-định rõ-ràng về lãnh-thổ nước Văn Lang. Dựa vào các bộ sử Việt, ta thấy nước Văn Lang gồm 15 bộ, trong đó có 3 bộ tiếp cận Quảng Đông, Quảng Tây là Ninh Hải (tức Quảng Yên sau này), Lục Hải (tức Lạng Sơn). và Vũ Định (tức Cao Bằng, Tuyên Quang). Mười hai bộ còn lại chạy dài xuôi Nam tới Cửu Đức (tức Hà Tĩnh) và Việt Thường (tức Quảng Bình, Quảng Trị). Như thế phần đất giáp giới Vân Nam (nay là Lào Kay) cùng vùng đất phía Tây nay là Lai Châu, Sơn La, Yên Bái.

Theo luật hiện-tại, nhờ biên-giới thiên-nhiên và không hề có sự tranh chiếm, phần đất giáp ranh Vân Nam mà nay là Lào Kay coi như thuộc về Văn Lang, nhưng còn là đất chưa khai-hóa nghĩa là chưa có tên, chưa thực sự chịu sự chi-phối của nhà nước Văn Lang. Trường-hợp này cũng tương-tự như Vân Nam, kể cả Lưỡng Quảng thời ấy với nước Tàu.

Thực tế, khi Hùng vương lập quốc thì Vân Quảng còn mang tên chung là vùng Hoa Nam, hay Lĩnh Nam hoặc đất Bách Việt. Mãi đến năm 214 BC, Tần Thủy Hoàng mới sai tướng Đồ Thư mang quân khai thông lối Ngũ Lĩnh để chiếm đất Bách Việt, rồi lập ra 3 quận: Nam Hải (tức Quảng Đông), Quế Lâm (tức Quảng Tây) và Tượng quận (tức nước Âu Lạc). Còn Vân Nam vì là đất cao nguyên ở kẹt vào góc Tây Nam lục địa Trung Hoa khá xa cách, cô lập cho nên tới thời nhà Hán mới có tên là quận Vĩnh Xương thuộc Diên Châu.

Mãi đến năm 1251, Hốt Tất Liệt bình nước Đại Lý, lập ty Tuyên phủ mới thực sự khai hóa đất này và trở thành tỉnh Vân Nam của Tàu. Vào thời nước Văn Lang, dọc biên-giới từ Lào Kay tới góc A-Pa-Chải (*tiếp cận với 2 nước nằm trên đất Vân Nam là Dạ Lang và Nam Chiếu*) được chiếm ngụ bởi những sắc tộc người Việt Cổ. Những sắc tộc người Việt cổ này cũng sinh sống tại các vùng đất phía Tây nước Văn Lang tức Lai Châu, Sơn La, Yên Bái ngày nay và có lẽ họ là nguồn gốc phát-tích dòng họ Thục để khai sinh ra nước Âu Lạc và hoàn thành cương-vực miền Bắc lãnh-thổ Việt Nam hiện tại.

- Nước Âu Lạc:

Sử chép rằng Thục vương hỏi con gái của Hùng vương thứ 18 làm dâu không được, lấy làm tức-giận, khi chết dặn con cháu lo đánh báo thù. Người cháu Thục vương tên là Phán lựa dịp đem quân chiếm được nước Văn Lang và Hùng vương thua chạy phải nhảy xuống giếng tự tử. Năm 257 BC, Thục Phán dẹp yên mọi nơi, sáp nhập lãnh-thổ hai nước Thục và Văn Lang làm một. Quốc hiệu là Âu Lạc, xưng là An Dương vương, di đô về Phong Khê, nay thuộc tỉnh Phúc Yên, rồi xây Loa Thành (*kế cận Vĩnh Yên, kinh đô của Hùng vương*). Tại đây, ta có một số nhận xét:

. Việc sáp-nhập lãnh-thổ hai nước Thục và Văn Lang làm một phải được hiểu là Thục với Văn Lang ở sát liền nhau. Như trường-hợp Triệu Đà sáp-nhập Nam Hải với Âu Lạc làm một nước Nam Việt, nhiều lắm cũng chỉ cách nhau bằng biên-giới thiên-nhiên.

. Nước Thục của Thục vương và Thục Phán không thể ở trong địa-hạt Vân Nam được, vì như đã nói, phần đất Vân Nam chạy dọc biên-giới Bắc nước Văn Lang đã là lãnh địa của nước Nam Chiếu và Dạ Lang. Dân hai nước này thuộc nòi Lào Thái và Tạng đã hiện-diện từ khi vua Hùng dựng nước, ngang với dân Hồ Tôn (Chiêm Thành) ở phía Nam.

. So sánh hai nước Âu Lạc và Nam Việt sau này tuy cùng thành-lập bởi sự sáp-nhập lãnh-thổ nhưng có khác nhau:

Triệu Đà sau xưng là Triệu Vũ Đế hùng cứ Quảng Đông, Quảng Tây có viết trong biểu dâng vua nhà Hán: *“Phương Nam ẩm thấp trong đám Mường Mọi nào Đông Mân (Việt Đông) ở Quảng Tây, nào Tây Âu (Âu Lạc) đều xưng vương hiệu cả. Lão đây xưng đế để tự làm vui một chút nào dám để đến tai thiên vương dâu.”* Vốn xếp Âu Lạc vào loại man di, vì thế khi gồm thâu Âu Lạc thành Nam Việt, chỉ coi như một thứ thuộc địa đã cắt cử các chức quan điền sứ sang cai trị các quận Giao Chỉ, Cửu Chân để khai-thác nhân-lực, tài-nguyên, còn tự mình vẫn trông coi đất cũ và vẫn đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Châu).

Đặc-biệt khi nước Nam Việt bị nhà Hán thôn-tính thì lãnh-thổ Âu Lạc của sắc dân Lạc Việt lại bị tách rời khỏi Quảng Đông, Quảng Tây và giữ tình-trạng lãnh-thổ như cũ.

Trường-hợp nhà Thục thì khác, chỉ là một lãnh-địa nào đó, còn kém văn-minh ở cạnh nước Văn Lang, lại thêm thân-thế Thục vương (*nếu lời chép trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên là đúng*) chắc cũng không xứng, cho nên mới bị Hùng vương 18 bác lời cầu hôn. -

Có điều rõ-ràng là sự sáp-nhập hai nước Thục và Văn Lang trở thành một thực thể lãnh thổ trường cửu, dù nước Âu Lạc không còn hiện hữu nữa, và sự việc Thục Phán đã di đô về cận đô cũ của vua Hùng, vùng phồn-thịnh nhất lúc bấy giờ,

tỏ rằng nơi phát-tích của họ Thục không mấy thuận lợi.

- Đất Phát Tích của Họ Thục:

Tham-chiếu sách sử cũ thấy ghi lãnh-thổ gồm 15 bộ của nước Văn Lang trước khi bị sáp-nhập thành nước Âu Lạc, và lãnh thổ nước Âu Lạc sau khi bị sáp-nhập vào nước Nam Việt quanh-quẩn vẫn chỉ gồm có 15 bộ cũ của nước Văn Lang. Chỉ có điều khác về danh hiệu đôi chút là 15 bộ này dưới thời nhà Triệu (Nam Việt) được chia ra 2 quận Giao Chỉ và Cửu Chân, còn dưới thời nhà Hán thì chia ra 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Thục ra vào thời thượng cổ ở nước nào cũng thế, Tàu hay Việt Nam danh hiệu châu, quận, bộ, chỉ có tính cách tương-đối tượng-trưng dùng để gọi và viết trên giấy tờ, còn cương-vực đất đai đều đại khái, thiếu rõ-rệt.

Như đã nói ở trên, nhiều vùng đất còn chưa được chính quyền khai hóa, do thổ dân chiếm cứ thường chưa có tên gọi chính-xác thì coi như thuộc vào châu quận lân cận.

- Man Châu: Phải chờ tới lần Bắc Thuộc thứ Ba (năm 679) với nhà Đường bắt đầu chính sách cai trị khắc nghiệt, khai-thác triệt-để thuộc địa, ta mới thấy tên gọi vùng đất phát-tích của Thục Phán, đó là **Man Châu**. Nhà Đường chia đất Giao Châu (nước Âu lạc cũ) ra làm 12 châu, lại đặt thêm một châu mới - châu thứ 13 tên là Man Châu ở phía tây bắc đất Giao Châu gồm những Mường ở mạn ấy (*Mường nghĩa rộng là một vùng đất có một bộ tộc cư trú*) tức là vùng có nhiều nhóm sắc tộc cư ngụ do các tù trưởng lãnh-đạo, rải-rác từ Lào Kay tới Lai Châu, Sơn La, Yên Bái. Với Man Châu, cương-vực miền Bắc lãnh-thổ Việt Nam ngày nay đã tạm ổn định.

- Lớp Người Việt Cổ: Riêng về nguồn gốc dòng họ Thục, ta có thể xác nhận rằng đó là lớp người Lạc Việt cổ. Dù sao để có cái nhìn tổng-quát và sáng-sủa hơn, tại đây xin tóm-tắt sơ lược rằng Thục vương, An Dương vương đều là chúa tể, đứng ra tù trưởng một sắc tộc Lạc Việt cổ miền Tây Bắc Văn Lang (*nay là nhóm người Kháng, Xinh Mul, La ha, sống tập trung đông ở vùng giữa Lai Châu, Sơn La và Yên Bái quanh sông Đà*) tương tự như sắc tộc Mường ở vùng Hòa Bình, Thanh, Nghệ mà theo ông Nhưộng Tống là người gốc dòng họ vua Lê Thái Tổ.

Người Thượng Lạc Việt cổ khác với những nhóm người Thượng gốc Bách Việt Hoa Nam đã di sang Việt Nam trước sự bành-trướng của Hán tộc thời Tần Hán hoặc vào các thế-kỷ sau đó vì tình-hình chính trị, loạn lạc hay sinh kế. Đó là những sắc tộc Nùng, hay Nong gốc Quảng Đông ở Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng; người Mán gốc Quảng Tây ở Cao Bằng, Hà Giang, Lao Kay, người Mèo gốc Miêu Tứ Xuyên ở Hà Giang, Lao Kay, Lai Châu, Sơn La, v.v....Người Thượng Lạc Việt cổ cũng khác những nhóm người Thổ, người Thái gốc Lào Thái di-cư sang miền Tây Việt Nam vào những thế-kỷ gần đây.

- Tần Thủy Hoàng Thôn Tính Đất Bách Việt và cải lập Tượng Quận:

Năm 214, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem quân vượt núi Ngũ Lĩnh chiếm đất Bách Việt, rồi lập thành 3 quận Nam Hải (tức Quảng Đông), Quế Lâm (tức Quảng Tây) và Tượng quận (tức Âu Lạc). An Dương vương sớm xin thần phục, cho nên vẫn giữ được quyền cai trị nước Âu Lạc (tức Tượng quân). Như vậy cương-vực lãnh thổ Âu Lạc không có gì thay đổi.

*** Nước Nam Việt:**

Nhân khi nhà Tần suy, năm 208 B.C. Triệu Đà, quan nhà Tần cai-trị quận

Nam Hải, thôn-tính lãnh-thổ của An Dương vương tức Tượng quận rồi sáp-nhập vào quận Nam Hải lập thành một nước tự chủ, quốc hiệu Nam Việt, xưng là Triệu Vũ vương, vẫn đóng đô ở chốn cũ là Phiên Ngung (*gần thành Quảng Châu bây giờ*) và chia Tượng quận ra làm 2 quận Giao Chỉ, Cửu Chân đặt dưới quyền 2 quan điền sứ trông coi, lo việc khai-thác tài nguyên. Như vậy 2 quận Giao Chỉ, Cửu Chân vẫn giữ nguyên ranh giới của Tượng quận cũ, và coi như thuộc địa của nhà Triệu.

*** Bắc Thuộc Lần Thứ Nhất:**

Năm 111 BC, Hán Vũ đế chiếm Nam Việt và Quế Lâm, cải gọi chung là Giao Chỉ bộ, chia ra 9 quận:

- Nam Hải (Quảng Đông)
- Thương Ngô (Quảng Tây)
- Uất Lâm (Quảng Tây)
- Hợp Phố (Phần đất thừa đứng riêng-rẽ của 2 quận Nam Hải và Tượng quận)
- Giao Chỉ
- Cửu Chân (các đất của Tượng quận cũ).
- Nhật Nam.
- Châu Nhai (đảo Hải Nam)
- Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam)

Vào thời Bắc thuộc lần thứ nhất, cương-vực cũ của nước Âu Lạc (cũng là của nước Văn Lang) bị cắt mất một phần đất nhỏ ở cận biển Nam Hải (gần Quảng Yên ngày nay, giáp liền với ranh giới Quảng Đông mà sử đời Hán gọi là ít đất thừa của Tượng quận (có nghĩa phần đất tách riêng không nằm trong biên-giới thiên-nhiên rõ-ràng). Cư dân cổ phần đất này là người Lạc Việt chuyên về ngư nghiệp, nhất là mò ngọc trai, bị quan cai trị Tàu bóc lột tàn-nhẫn, khiến nhiều người phải bỏ đi nơi khác. Chính những người này đã nổi lên theo về với Hai Bà Trưng sau này. Ta cũng nên lưu ý rằng đây là lần đầu tiên và cũng duy nhất danh hiệu Giao Chỉ được dùng để chỉ chung cả vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Âu Lạc cũ và đảo Hải Nam với danh xưng Giao Chỉ bộ, đồng thời với quận Giao Chỉ (tức quận Giao Chỉ thời Triệu Vũ vương, một phần Bắc Việt ngày nay).

*** Bắc Thuộc Lần Thứ Hai:**

- Thời nhà Đông Hán không có chi thay đổi đáng kể về lãnh thổ, ngoại trừ tên Giao Chỉ bộ được đổi là Giao Châu (204 AD Hán Hiến đế, Kiến An thứ 8)

- Thời Đông Ngô (Tam quốc) phân ra:

. Quảng Châu gồm Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm Hợp Phố, Châu Nhai và Đạm Nhĩ.

- Giao Châu gồm: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Bắt đầu có dấu hiệu giới cai trị Tàu muốn tách biệt vùng Lưỡng Quảng khỏi cương-vực Việt Nam hiện nay, và phần đất thừa của Việt Nam bị cắt cho Hợp Phố coi như trở thành vĩnh-viễn.

- Thời nhà Tấn và Nam Bắc triều với nước Vạn Xuân của nhà Tiền Lý không có chi thay đổi về lãnh thổ, ngoại trừ nước ta có một thời-gian ngắn tự-trị.

*** Bắc Thuộc Lần Thứ Ba:**

Qua nhà Tùy không có chi đáng kể; đến nhà Đường đất Giao Châu có tên mới

là An Nam. Với An Nam Đô Hộ phủ thuộc quyền một tiết độ sứ và được chia ra 12 châu, gồm đủ các đất đai cũ, ngoại trừ phần đất bị cắt cho Hợp Phố, nhưng có thêm trên giấy tờ Man Châu gần lãnh địa các sắc dân Mường ở mạn Tây Bắc Giao Châu.

Cuối thời Bắc thuộc lần thứ ba, bên Tàu là đời Ngũ Quý với nhà Hậu Đường, vì thế yếu phải chấp-thuận phong cho ông Khúc Thừa Dụ, một nhà hào phú ở Hồng Châu được dân chúng cử làm Tiết độ sứ Giao Châu. Tiếp đến nhà Hậu Lương, thay nhà Hậu Đường phong cho Lưu Ẩn làm tiết độ sứ Quảng Châu, phủ trị ở Phiên Ngung, có ý để lấy lại Giao Châu. Mấy năm sau Lưu Ẩn mất, em là Lưu Cung lên thay, vì có việc bất bình với nhà Hậu Lương bèn tự xưng đế, lấy quốc hiệu là Nam Hán. Sau khi bị diệt, Dương Diên Nghệ, tướng của họ Khúc nổi lên đánh đuổi quân Nam Hán tự xưng làm tiết độ sứ. Tiếp đến Ngô Quyền là tướng và là con rể Dương Diên Nghệ phá quân Nam Hán, cởi ách Bắc thuộc đã kéo dài hơn 1,000 năm, mở đường tự chủ cho dân tộc Việt Nam.

*** Tự Chủ Thời Đại:**

Tiếp thời-đại tự chủ từ Ngô, Đinh, Tiền lê, Lý, Trần dân tộc Việt lại bị 10 năm Minh thuộc, tuy nhiên bờ cõi đất nước vẫn nguyên như cũ. Kế tiếp nhà Lê tới nhà Nguyễn thì lại bị 80 năm Pháp thuộc. Trong thời Pháp thuộc, biên giới phía Bắc Việt Nam có bị sụt mẻ đôi chút không mấy quan trọng. Một vài châu, bản, đồng bào Thượng giáp ranh Trung Hoa đã bị giới bảo hộ Pháp vì quyền lợi mẫu quốc, chuyển nhượng cho Trung Hoa như khu-vực mở đồng Tụ Long Châu, Vỵ Xuyên tỉnh Tuyên Quang nay thuộc phủ Khai Hóa tỉnh Vân Nam (1884-1885).

Tóm lại, về Cương Vực Lãnh Thổ Quốc Gia Việt Nam.

Nếu dựa vào cương-vực lãnh thổ khởi thủy với nước Văn Lang và nước Âu Lạc thì qua hơn ngàn năm Bắc thuộc đến thời đại tự chủ, biên giới phía Bắc của lãnh thổ Việt Nam hiện tại cũng không khác mấy với thuở mở nước ban đầu, ngoại trừ ít đất thừa bị cắt cho Hợp Phố và một vài sụt mẻ bờ cõi không quan trọng do giới chức Bảo Hộ Pháp nhượng cho Tàu.

Tuy nhiên nếu căn cứ theo truyền thuyết Kinh Dương vương, Xích Quỷ, Lĩnh Nam, Bách Việt thì người Việt Nam ít ai mà không khỏi trăn niềm uất-hận nuốt tiếc, như lời phê của vua Tự Đức khi duyệt bộ Khâm Định Việt Sử : *“Xem suốt trước sau thì đất nước Việt ta đã mất vào Tàu hồ quá nửa. Tiếc thay các bậc vua mình, tôi giỏi các triều cũng có nhiều bậc là hạng không mấy đời có, thế mà vẫn không sao thu lại được một tấc đất, thật là việc rất ân-hận! Chứ chẳng những ngày nay lấy lại bờ cõi rất khó. Thương ôi!”*¹

*** ĐỊA LÝ & CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt-đới thuộc Bắc bán cầu. Không tính các quần đảo, tọa-độ địa-lý Việt Nam có điểm cực Bắc (Đồng Văn, Hà Giang) ở khoảng 23⁰24' Bắc vĩ-độ; điểm cực Nam (mũi Cà Mau, An Xuyên) ở khoảng 8 33' Bắc vĩ độ; điểm cực Tây (A Pa Cha, Lai Châu) ở khoảng 102⁰15' Đông kinh độ và điểm cực Đông (Mũi Nạy, giữa Tuy Hòa và Nha Trang) ở khoảng 109⁰44' Đông kinh độ.

Việt Nam có biên-giới đất liền với Trung Quốc 1,281. cây số, Lào (2,130 cây số), và Campuchia 1,228 cây số. Bờ biển dài 3,444 cây số, tiếp giáp với vịnh Bắc Việt, biển Đông và vịnh Thái Lan.

Diện tích nước Việt Nam khoảng 331,688. cây số vuông, 75% lãnh thổ là núi

1- Nguyễn Huy Hân, “Lịch Sử Việt Nam từ Tối Cổ đến 938 D.L. bản thảo 2009.

và cao nguyên, 25% còn lại là bình nguyên và sông ngòi.

Chiều dài lãnh thổ Việt Nam từ Đồng Văn đến mũi Cà Mau khoảng 1,650. cây số, chiều ngang rộng nhất là khoảng cách từ Lai Châu sang Móng Cáy chừng 600 cây số. Chiều ngang hẹp nhất là ở Đồng Hới, từ biên giới Ai Lao ra bờ sông Hải chỉ vào khoảng 37 cây số.

Miền Bắc có cao nguyên và vùng châu thổ sông Hồng, miền Trung là phần đất thấp ven biển, những cao nguyên theo dãy Trường Sơn, và miền Nam là vùng châu thổ sông Cửu Long. Điểm cao nhất Việt Nam là 3,144 mét, tại đỉnh Phan Si Păng thuộc dãy Hoàng Liên Sơn. Diện tích canh tác chiếm 17% tổng diện tích toàn quốc.

*** Việt Nam có bốn miền khí hậu:**

- Miền khí-hậu phía Bắc.
- Miền khí-hậu phía Nam.
- Miền khí-hậu Trung và Nam Trung Bộ.
- Miền khí-hậu biển Đông.

* Miền khí-hậu phía Bắc gồm phần lãnh-thổ phía Bắc dãy Hoàng Sơn. Miền này có khí-hậu nhiệt đới gió mùa với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đặc-điểm miền khí-hậu này thường thay đổi về nhiệt-độ và thời gian của các mùa.

* Khí-hậu miền Nam gồm phần lãnh-thổ thuộc Tây Nguyên và Nam Bộ. Miền này có khí-hậu nhiệt đới gió mùa, điển hình với hai mùa, mùa khô và mùa mưa. Khí-hậu miền này ít thay đổi trong năm.

* Khí-hậu miền Trung và Nam Trung Bộ (*gồm phần lãnh thổ phía Đông dãy Trường Sơn, kéo dài từ phía Nam dãy Hoàng Sơn tới Phan Thiết*) là miền khí-hậu chuyển tiếp giữa hai miền khí-hậu phía Bắc và phía Nam. Khí-hậu miền này, ta có thể chia làm hai vùng: Vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên Hải nam Trung Bộ.

- Khí hậu vùng Bắc Trung Bộ gồm vùng Bắc đèo Hải Vân. Khí-hậu vùng này đôi khi có thời-tiết lạnh, và đôi khi có thời-kỳ khô nóng. Về mùa Đông, do hình thể vùng này ở dọc bờ biển Đông, theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, trực đối với hướng gió mùa Đông Bắc; cộng với dãy núi Trường Sơn, đoạn Phong Nha - Kẻ Bàng và phía Nam đèo Hải Vân trên dãy Bạch Mã chắn ở cuối hướng gió mùa Đông Bắc, nên vùng này bị ảnh-hưởng thời-tiết lạnh do gió mùa Đông Bắc đem đến, và thường kèm theo nhiều mưa (*đặc biệt tại Thừa Thiên, Huế*).

- Khí hậu vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ là vùng đồng-bằng phía nam đèo Hải Vân thường nóng quanh năm.

* Khí-hậu miền biển Đông mang đặc-tính hải dương và tương-đối đồng nhất.

Dân số Việt Nam có hơn 83 triệu vào năm 2005. Tín ngưỡng “*Thờ cúng Tổ Tiên*”, Phật giáo và Thiên Chúa giáo là những tôn-giáo phổ-biến ở Việt Nam. Ngoài ra còn có các tôn-giáo khác như Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành, Hồi giáo.

Việt Nam nằm trên trục giao-thông của nhiều quốc gia, nên chiếm một vị-trí đặc-biệt về kinh-tế và chính-trị trong vùng Đông Nam Á.

Khu-vực Đông Nam Á gồm các nước trên bán đảo Trung Ấn (*Mianna, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam*), các nước trên quần đảo Mã Lai (*Indonésia, Philippine, Singapore, Brunei và Đông Timor*).

Trong lịch-sử Đông Nam Á chịu ảnh-hưởng các nền văn-minh Trung Quốc và

Ấn Độ. Từ thế-kỷ XVI đến nay chịu ảnh-hưởng của nhiều nước như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Hòa Lan, Hoa Kỳ,...

Vị-trí giao điểm đường biển quan trọng giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, eo biển Malacca có thể so sánh với eo biển Gibranta hay kênh đào Suez.

*** Điều-kiện tự-nhiên và tài-nguyên thiên-nhiên:**

Đông Nam Á là khu-vực giàu tài-nguyên. Lòng đất ở đây giàu vonphram, thiếc, sắt, than... Vùng thềm lục-địa rộng lớn. Nam biển Đông có nhiều dầu mỏ.

Tài nguyên nông nghiệp của khu-vực khá phong-phú. Các đồng-bằng châu thổ của các con sông Mékong, Menam, Iraoadi và các đồng-bằng duyên hải từ lâu đã là những vùng tập-trung dân cư hoạt-động nông nghiệp. Ở miền núi và trung-du còn có các khu-vực đất đỏ rất thích-hợp với cây công nghiệp. Khí-hậu của vùng là khí-hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa và cận xích-đạo. Điều-kiện nhiệt ẩm cho phép trồng được nhiều vụ trong năm, với nhiều loại cây ưa nhiệt ở vùng nhiệt đới.

Tài nguyên lâm nghiệp của vùng nói chung là giàu. Những nước còn nhiều rừng là Thái Lan, Lào, Mã Lai, Nam Dương, Mianma. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý như tếch, lim, nghiến,...và nhiều loài thú cũng như chim quý. Tài nguyên thủy sản cũng rất phong-phú, đặc biệt ở vùng Nam biển Đông và vịnh Thái Lan.

Điều-kiện tự nhiên và tài-nguyên thiên-nhiên khá thuận lợi, cho phép nhiều nước trong khu-vực Đông Nam Á phát-triển một nền kinh-tế phong-phú, trong đó có những mặt hàng xuất-cảng có số lượng cao như khoáng sản, lâm sản, nông sản nhiệt đới,...

Diện-tích Việt Nam so với Trung Quốc tuy nhỏ bé, nhưng lại cực-kỳ quan-trọng tại Viễn Đông.

Đối với Trung quốc, nước Việt Nam có thể ví như một cuống phễu, nếu Trung quốc thông được cuống phễu này thì dễ-dàng nối hai đầu cầu Taiwan và Singapore, khả dĩ làm bá-chủ Thái Bình Dương.

Đối với các cường quốc Âu, Mỹ muốn dễ xâm nhập ảnh-hưởng Trung quốc đều cần đến vị trí chiến lược Việt Nam.

Khu-vực Đông Nam Á được “*hân hạnh*” coi là lãnh thổ Trung quốc kể từ 1840, gồm có: Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Kam-Pu-chia, bán đảo Mã Lai, Sin-ga-pua, và chuỗi đảo Sulu (Phi-lip-pin)! Những vùng đất này vừa được vẽ vào bản-đồ đính kèm trong cuốn “*Tân Trung-Quốc Sử Lược*”, một tài-liệu ấn hành lần đầu tiên vào năm 1952 dành để huấn-luyện thanh thiếu niên Cộng sản Tàu, nhằm nung-nấu ý đồ xâm-lược.

Trường-hợp Việt Nam, ai nấy đều biết, sau trận Bạch Đằng vào năm 938, Việt Nam đã không khi nào còn chấp-nhận nền đô-hộ của Tàu. Việc triều cống sau này, chẳng qua chỉ là một hình-thức ngoại-giao để tránh khổ nạn chiến tranh cho dân tộc....

Chính quyền Tàu đã mang danh-nghĩa chống đế quốc để trừ-tính hành-động đế quốc hơn, bằng cách ghép luôn những nước bé nhỏ chung-quanh vào lãnh-thổ Tàu, và đưa vào dự-kế thống-trị qua mỹ từ “*giải phóng*”.

Vạch một biên giới bao rộng như trên, Tàu sẽ làm gì để thực-hiện ý đồ ấy?

- Hỏi tức là đã trả lời.

Cuối thế kỷ 20, sau khi thất-bại dạy cho Việt Nam một bài học hồi đầu năm 1979, Trung quốc chuyển sang thủ-đoạn “tầm ăn dâu”, lấn chiếm đất và biển qua những hiệp-ước bất-bình-đẳng:

- Hiệp-ước nhượng đất ngày 30 tháng 12 năm 1999: Để thực-thi hiệp-ước trên đất liền, vào 27 tháng 12 năm 2001, hai bên đã làm lễ cắm mốc để thiết-lập đường ranh giới mới.

Qua hiệp ước biên giới, Trung Cộng đã lấn chiếm đất của Việt Nam ở biên-giới như sau:

- Khu vực Nam Quan khoảng 0.62 km².
- Khu Bản Giốc (cột mốc 53) bị mất 0.8km².
- Khu huyện Cao Lộc (cột mốc 25,26, 27) ở Lạng Sơn.
- Khu vực Khảm Khâu (cột mốc 17,19) ở Cao Bằng.
- Khu Minh Tân (cột mốc 14) ở Hà Tuyên. Chiều sâu lấn vô hơn 1 cây số, và chiều dài hơn 4 cây số!
- Khu-vực cầu ngầm Hoàng Mô tỉnh Quảng Ninh bị mất khoảng cây số vuông.
- Các thị trấn Ái Điểm (cột mốc 43) thị trấn Bình Mãng bị chiếm mỗi nơi khoảng 0.5 cây số vuông.
- Khu vực Phia Un (cột mốc 94, 95) huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng bị mất khu vực núi Phia Un có mỏ măng-gan. Tổng diện tích là 2.2 cây số vuông.
- Khu vực Kim Mu, Kim Ngân, Mãn Sơn bị lấn sâu vào Việt Nam 2.5 cây số. Tổng diện tích là 22.5 cây số vuông.
- Khu vực Nà-Pàn, Léo Trình (cột mốc 29, 30, 31) ở Cao Bằng bị lấn sâu vào Việt Nam 1.3 cây số, tổng diện tích là 8.45 cây số vuông.
- Khu vực cột mốc 63-65 (Trà Lĩnh, Cao Bằng) dài 8 cây số, bị lấn sâu vào Việt Nam, tổng diện tích 16 cây số vuông.
- Khu Cao Pa Mờ (cột mốc 1 và 2) tỉnh Hà Tuyên dài 4 cây số, lấn sâu vào Việt Nam 2 cây số, tổng diện tích là 8 cây số vuông.
- Khu vực Trà Mần, Suối Lũng (cột mốc 136, 137) huyện Bảo Lạc, Cao Bằng có diện tích là 3.2 cây số vuông. Vùng này có mỏ than, chì.
- Khu vực xã Năm Chảy (cột mốc 2,3).

* Về hải phận, những quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Tàu gọi là Tây Sa và Nam Sa - Theo chứng-tích lịch-sử hiện còn tàng-trữ tại các văn khố Việt Nam cũng như quốc tế là một phần lãnh-thổ của đất nước Việt Nam.

*** Về Chính Trị:**

Trên ảnh-hưởng quốc tế, Việt Nam đã lần-lượt đạt được:

- Vào tháng 7 năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên chính-thức của Hiệp Hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- Thành-viên của tổ-chức Liên Hiệp Quốc (UN).
- Diễn Đàn khu vực ASEAN (ARF).
- Hội-nghị cấp cao Á - Âu (ASEM).
- Diễn Đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
- Phong-trào không liên-kết.
- Thành-viên chính-thức của tổ chức Thương Mại Thế Giới (WTO) vào 7

tháng 11 năm 2007.

- Thành-viên không thường-trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc vào ngày 16 tháng 10 năm 2007. - . . .

Tuy nhiên, về ngoại-giao cũng như về chính trị Việt Nam có tiến-triển, nhưng không có nghĩa là có “an ninh”:

* Trước 1975, Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam, không phải vì Việt Nam, mà vì yếu-tố chiến lược và địa dư chính trị của Việt Nam làm địa-bàn ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Cộng.

Những chiều hướng đã dần thay đổi:

- Bức tường Bá Linh sụp đổ và tiếp theo sự tan rã của Liên Xô.
- Việt Nam tìm thế đối trọng với Trung Cộng.
- Nhất là trong giai-đoạn này, không một nước nào lại muốn đối kháng với Trung Cộng, một nước có vũ khí nguyên tử và đang đi lên vị trí cường quốc, để bảo-vệ một quốc gia nhỏ bé không mang lại lợi ích gì cho họ.

*** Mục Đích ổn-định chung trong vùng Đông Nam Á:**

Muốn đi đến “*an ninh toàn cầu*” thì không thể nào không hoạch-định “*an ninh từng vùng*” trước. Do đó, nhờ vào mục-đích chung này mà Việt Nam có thể tồn tại, tránh được nguy cơ xâm lăng và tiêu-diệt của Tàu.

- Chính sách của Nhật:

Ngay từ trước 1970, Nhật đã mong muốn một nước Việt Nam hậu chiến ổn-định và trung lập trong sự ổn định của Cộng Đồng Đông Nam Á. Điều này đã được nguyên thủ tướng Nhật, Takeo Fukuda nêu lên tại Manille vào tháng 8 năm 1977:

- Nhật cam-kết sống hòa bình và không trở thành một nước có lực-lượng quân sự đe dọa.
- Nhật sẽ thiết lập quan-hệ hữu nghị với các nước trong Đông Nam Á.
- Nhật sẽ cộng-tác tích-cực và nỗ lực nhằm tăng -cường tình đoàn-kết với các quốc gia Đông Dương trên căn-bản tin cậy, lâu dài.

Nhật đã dùng phương tiện kinh-tế để hỗ trợ mục tiêu chính trị, nên ta thấy:

Ngay sau khi Sài Gòn thất thủ, Nhật đã viện trợ chính-thức về phát-triển cho Hànội 8.5 tỷ yen trong tháng 10/75; 5 tỷ khác cho tháng 9/1976; cho vay 10 tỷ tháng 7/1978; và 14 triệu Yen cho 1979.

Điểm quan-trọng trong đường lối của Nhật ở vùng Đông Nam Á là phù-hợp phần nào, miễn không có mâu-thuẫn với quyền-lợi của Hoa Kỳ.

- Chính sách của Hoa Kỳ:

“Chính-sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam nằm chung trong chính-sách Đông Nam Á. Trong thời-gian chiến tranh lạnh và hậu chiến-tranh lạnh, Hoa Kỳ cam kết song phương với các nước Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Thái Lan, Phi Luật Tân và Úc Đại Lợi, bảo-đảm sự có mặt của lực-lượng Hoa Kỳ tại khu-vực Tây Thái Bình Dương. Nhưng trong tình-thần hậu chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ đã thành lập một diễn-đàn địa-phương để đáp-ứng với tình-hình an ninh.”

An-ninh đây cần được hiểu rộng là gồm những vấn-đề dân-chủ, nhân quyền, giao thương và thịnh-vượng.

Bình thường hóa quan-hệ ngoại giao và tăng việc tiếp-xúc giữa hai nước là mong đi đến cải-tổ rộng lớn về kinh-tế và dân-chủ.

Một số người Hoa Kỳ đã tin rằng Việt Nam sẽ đi đến một chế-độ “*chuyên chế đa nguyên*”, một chế-độ pha tạp chủ-nghĩa xã-hội và kinh-tế thị-trường mà Việt Nam gọi là “*Kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Trong phạm-vi an-ninh khu-vực, có thể nói Hoa Kỳ và Việt Nam có nhiều điểm đồng quy, tuy nhiên chính sách căn-bản hiện tại của Hoa Kỳ là xây-dựng một quan hệ vững-chắc với Trung Cộng, nhưng đồng thời cũng có một quan-hệ song hành với Việt Nam về những vấn-đề an ninh khu vực với một đường lối thận-trọng.”

Trên tiến trình “*Dân chủ và thịnh vượng*”, có thể Hoa Kỳ đã quá cứng nhắc, **thiếu tính chất linh-động** về địa thế ở Đông Dương trong chiến lược “*an định từng vùng*”. Thay vì triển-khai sự hình thành một *liên bang Đông Dương* (để ba quốc gia Việt - Miên - Lào) khả dĩ đối ứng được với Tàu. Ngay sau khi Việt Nam đã dẹp được chế độ diệt chủng Pol Pot, một tập-đoàn tay sai của Trung Cộng, thì Hoa Kỳ thay vì duy-trì nền độc-lập riêng biệt mỗi nước, mà nên tiếp-sức để hình thành một liên-bang dân-chủ, thì ngày nay đã tránh khỏi sự khống-chế của Tàu ở 3 nước Việt - Miên - Lào.

* **Tương quan Ấn Độ với Việt Nam:**

Ấn Độ với Việt Nam có mối hữu nghị từ sau hội nghị Bandoeng tại Java năm 1955, đặc-biệt là với hiệp-hội các nước Đông Nam Á. Ấn Độ chia sẻ mối lo ngại với các nước trong vùng về sự tăng cường quân lực của Trung Cộng - Hạm đội Trung Cộng cũng đã có lúc xuất-hiện ở Ấn Độ Dương. Ấn Độ có khả-năng trong dài hạn tham gia vào nền an ninh của Việt Nam bằng cách tiếp-tế vũ khí và làm đối trọng cho sự hiện diện của Trung Cộng trong vùng.

- **Xứ Cam-pu-chia:**

Vấn-Đề Chủng-Tộc: Trong cuốn “*Việt-Nam Văn-Hóa Sử Cương*” của ông Đào-Duy-Anh: “*Theo nhiều nhà nhân-chủng học hiện-thời cho rằng vào thời thượng-cổ, giống người Anh-đô-nê-diêng bị giống dân A-ri-Ăng đuổi từ Ấn-Độ mà tràn sang bán-đảo Ấn-Độ Chi-na, làm tiêu-diệt giống người bản thổ đầu-tiên ở đây là giống Mê-La-nê-diêng, rồi một phần trong đám di-dân ở đây đi thẳng sang Nam-Dương quần đảo, còn một phần lưu lại tại Ấn-Độ China.*”

Thập niên 80 mới đây, một nhóm nhân-chủng học thuộc viện đại-học California (Hoa-kỳ) đã để hơn chục năm khảo-cứu về nơi phát-tích và những đường di-trú của loài người qua những chủng-tổ (gènes) của trên chục giống người. Kết-quả phù-hợp với những khám-phá của nhiều công-việc khảo cứu trên vật hóa thạch. Họ đã xác-định loài người phát-tích trong vùng thượng nguồn sông Nil, rồi từ đó theo sông này mà qua tới vùng Ethiopie, Ai-cập, và truyền lên vùng Lưỡng-Hà (Mésopotamie). Từ đây, loài người phân làm hai ngành Bắc-Á và Nam-Á.

Ngành Nam-Á theo triền sông Indus và Gange tiến về phía Đông bị nhóm Indo-Européan trở lại tranh đất, một phần tiến xa hơn rồi theo ngược các dòng Irraouadi, Salouen, Ménan, Mékong mà lên tới vùng Vân-Nam, Tứ-Xuyên để phát-triển theo triền các sông Trường-Giang

(Dương-Tử), Hồng-Hà, Tây Giang, tức là cả vùng Đông-Nam Lục-Địa Á-Châu...

Khoa khảo-cổ đã đào được rải-rắc khắp vùng Đông Nam-Á (kể cả Hoa-Nam) những trống đồng cùng một hình dạng, chứng-tỏ nhân-dân cả vùng đã có những thờ kính, lễ hội giống nhau. Như vậy phải nói khối gần tỷ người ngày nay tại Đông Nam Á là đồng chủng ? Họ đã quần cư “xé lẻ” trong những vùng đất-đai vừa thông nhau, vừa cách-biệt nhau do những khoảng rộng thiên-nhiên (biển cả, sông hồ, núi rừng...) và giao-tiếp với những trào-lưu văn-hóa khác nhau trong quá-trình tiến-hóa của nhân-loại, nên lâu ngày xa nhau thành những xã-hội mang những danh xưng khác nhau. Tuy-nhiên, sự khác nhau này chỉ là những biến-thiên địa-phương từ một gốc chung.

* Căn cứ vào sử Tàu cũng như sử Việt, vào thế-kỷ I (sau Tây Lịch), ngoài những nhóm đã thiên xuống Đông Nam Á, các bộ tộc Việt còn lại ở vùng Dương-Tử lần-lần bị đồng hóa. Số bộ-tộc ở Đông Nam Trung-Hoa bị người Tàu (Hoa) di-cư xuống chiếm các bình-nguyên màu mỡ. Ở Tây Nam Trung-Hoa, bộ-tộc Lý tức Thái đã quy-tụ thành tiểu quốc Đại-Lý. Còn ở Đông Nam-Á, hai vương quốc khác cũng lần-lượt hình-thành là Phù-Nam và Lâm-Áp (sau đổi là Chiêm-Thành).

Theo Sử Việt, khi quân của hai bà Trưng bị tan vỡ ở Cẩm-Kê (Vĩnh-Yên), vào thế ngật-ngheo hai Bà phải tự tận (năm 43 T.L.), bọn tùy tướng dẫn tàn quân về Cửu-Chân (Thanh-Hóa). Mã-Viện đem quân truy đánh, Đô-Dương bị thua phải đầu hàng, còn một số khác lui về phía Nam, phối-hợp cùng thổ dân (*bộ tộc Chăm trong nhóm Lạc-Việt*) giữ Tượng-Lâm và tiếp-tục kháng-cự.

Năm 192, người anh-hùng Khu-Liên (K'iu Lien) lãnh-đạo Tượng-Lâm (Hsiang Lin) chiếm huyện đường và giết tên huyện lệnh người Hán. Khu-Liên những mong đoạt lại đất Lạc-Việt cũ, nhưng lực-lượng quá nhỏ so với lực-lượng của nhà Hán, nên đành dừng lại phần đất, mệnh danh vương quốc Lâm-Áp (Lin Yi) gồm Tượng-Lâm và Nhật-Nam (Quảng-Bình, Quảng-trị, Thừa-Thiên ngày nay).

Năm 446, Tổng quân tiến đánh vào nội địa Lâm-Áp, tàn sát, đốt phá và cướp đi trên 100 ngàn cân vàng. Từ đó Lâm-Áp yếu dần, lui về phương Nam, và từ năm 808 đổi là Chiêm-Thành (Champa).

- Kề cận Lâm-Áp là xứ Phù-Nam (Funan) . Khởi đầu lập quốc ở vùng Đồng-Nai và châu-thổ sông Cửu-Long, xong lan qua Biển Hồ rồi vòng sang châu thổ Chao Phraya xuống bán-đảo Mã-Lai.

Căn-cứ vào số lượng vàng bạc, châu-báu mà người Tàu thường nhắc đến trong sử sách và số di-vật đào thấy, nên có giả-thuyết cho rằng thời-kỳ dựng nước Phù-Nam ứng vào thời-kỳ khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng. Khi Hai Bà thất-bại, nhiều nhóm quý-tộc di tản về Nam, sáng lập ra tân quốc-gia Phù-Nam này.

Trong suốt năm trăm năm, từ thế-kỷ I đến thế-kỷ V, Phù-Nam cường-thịnh, nhưng sang đến thế-kỷ VI, Phù-Nam yếu dần và bị Chân-Lạp (Chen-La) thôn-lĩnh.

- Về phần “*Dân-Tộc Khmer và Vương Quốc Kam-pu-Chia*” trong cuốn “*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*”, tác-giả đã viết: “*Trong khi Phù-Nam suy dần thì Chân-Lạp, một vương quốc nhỏ ở vùng nam Lào và bắc Kam-pu-Chia ngày nay bắt đầu bành trướng xuống vùng trung-tâm Phù-Nam. Chân-Lạp là quốc-gia đầu tiên của nhóm Khmer miền đông đã tồn tại từ năm 550 đến 802 với gần như không có biến-cố quan-trọng nào được ghi lại. Tới năm 802, một vương triều mới xuất-hiện do Jayavarman II lập nên, vừa thừa-hưởng văn-hóa Phù-Nam vừa tiếp-nhận và triển-khai văn-minh Ấn, đã bành-trướng đến độ cực thịnh vào thế-kỷ XII. Đó là đế quốc*

Angkor hay Khmer....

Đế quốc Khmer đã có thời choán khắp vùng trung-tâm Đông Nam-Á lục-địa. Văn-hóa Khmer được thế-giới biết đến nhiều nhất qua kiến-trúc Angkor Thom - Angkor Wat (Đế-Thiên, Đế-Thích)...

Sau thời-kỳ cực thịnh, đế quốc Angkor bắt đầu suy. Năm 1431, trong cuộc tấn công của Ayuthia, Angkor Thom thất-thủ, triều-đình KampuChia phải thiên về vùng Phnom-Penh (1434). Lui về Phnom Penh, người Khmer đã bỏ quên Angkor Thom và Angkor Wat không những trên thực-tế, mặc cho rừng cây che phủ cố đô, mà còn cả trên tinh-thần, đánh mất hẳn khả-năng tạo-tác của thời-đại huy-hoàng xưa.”

* Vương quốc Cam-pu-Chia rực-rỡ vào đầu thế-kỷ XII, thời vua Suryavarman II với ngôi đền vĩ đại Angkor Wat (Đế Thích), nhưng rất tiếc từ thế-kỷ XV, bị sự bành-trướng của Xiêm và Lào. Năm 1431 bị Ayuthia (Xiêm) tấn công, Đế Thiên (Angkor Thom) thất-thủ.

Tiếp đến cuối thế-kỷ XVII, vương quốc Cam-Pu-Chia bị kẹt giữa hai gọng kìm Xiêm (Thái) Việt, các triều-đại Miên luôn-luôn bị lệ-thuộc một trong hai nước Việt - Thái. Mỗi lần nội bộ vương triều Cam-Pu-Chia tranh-chấp là một lần cầu-viện Việt hay Thái. Sau khi thành-công, quốc vương Cam-Pu-Chia dâng đất tạ ơn, cho nên đến năm 1759, Việt-Nam có thêm 6 tỉnh miền Nam ngày nay là đất trước kia thuộc vương quốc Cam-Pu-Chia.

- Xứ Lào:

Nói đến xứ Lào phải nói đến điều mâu-thuẫn nghịch “*Thiên Lý*”, một dân tộc hiếu hòa thế mà suốt trong thời chiến-tranh Việt Nam (1945-1975) bị đẩy vào vòng khói lửa tang thương!

Theo “*Bách Khoa Toàn Thư*”, người Lào là một nhánh của các dân tộc sử-dụng hệ ngôn ngữ **Thái**, những người cho thế kỷ 8 đã thiết lập vương quốc Nam Chiếu. Trong các thế-kỷ 12, 13 người Thái thiết-lập lãnh địa Muong Swa (sau là Luang Prabang).

Thái là nhóm ngôn ngữ gồm người Lào, Xiêm, Sám Chay ở Đông Bắc Miến Điện, người Choang ở Quảng Tây Trung Quốc, và người Thổ, người Nùng ở phía Bắc Việt Nam.

Bước tiến về phía Nam của người Thái bị người Khmer chặn lại ở Champāsak. Dựa trên những địa-điểm sinh sống, người Lào chia thành nhiều nhóm: Lao Thoeng (*Lào ở những sườn núi dốc*), Lào Sưng (*Lào ở trên đỉnh núi*), nhóm có đất canh-tác tốt nhất và có sông làm đường vận chuyển trở thành nhóm giàu có là nhóm Lào Lum. Bởi vì sông Cửu Long bị chia thành ba vùng thủy vận riêng-biệt theo độ dốc: Giữa Luang Prabang và Vieng Chăn, giữa Viêng Chăn và Savannakhet, ba thành-phố đó trở thành những trung-tâm riêng biệt tượng-trưng của Lào Lum.

Vương quốc của người Lào hiện nay là Vạn Tượng (*đất nước triệu voi*).

Năm 1694, Vạn Tượng rơi vào cảnh tranh giành ngai vàng. Kết quả lãnh thổ Lan Xang (Vạn Tượng) chia thành 3 quốc-gia phụ thuộc vào quốc gia lớn nhất Luang Prabang ở phía Bắc, Vientianne ở trung-tâm, và Champasak ở phía Nam vào năm 1707.

Năm 1778, tướng Chakri dẫn một đội quân Xiêm tiến về phía Bắc, các vương quốc Lào lần-lượt trở thành các chư-hầu của vương quốc Xiêm.

Khi Anuvong ở Viêng Chăn lên ngôi vua (1804) bắt tay xây dựng lại sức mạnh

đất nước, Ánưvong xây dựng ngôi chùa Wat Sisakēt tráng-lệ để làm biểu-tượng cho sự hồi sinh của Lào. Ánưvong là vị vua đầu tiên kêu gọi sự đoàn-kết, thống-nhất và dẫn dắt các bộ tộc Lào.

Sau khi người Pháp chiếm Việt Nam, đặt Đông Dương dưới sự đô-hộ của Pháp, người Pháp thừa-hưởng lãnh-thổ Lào, xứ ít dân trong tình-trạng suy-đồi.

Trong số những người Lào trẻ đầu tiên được hấp thụ nền giáo dục Tây phương: con trai khác mẹ của Chau Bunkhong ở Luang Phrabang gồm hoàng tử Phexarāt (1890-1959), hoàng tử Suvannaphūmā (1901-1984) và hoàng tử Suphānưvong (1909-1995), những người này sau đó đã lãnh-đạo chính trị Lào trong nhiều năm.

Tháng 8 năm 1945, đất nước Lào bị tan rã vì nội chiến. Một sự tranh giành quyền lực đang bị bỏ trống. Những địch thủ chính là người Pháp theo De Gaulle, nhóm Lào theo chủ nghĩa quốc gia mới do Phetxarat lãnh-đạo, nhóm Lào Issara (Lào Tự Do). Hoa Kỳ phản đối người Pháp tái lập quyền cai trị ở Đông Dương, nhưng người Pháp không chịu từ bỏ Đông Dương mà không chiến đấu, nên Lào bị kẹt trong chiến tranh Đông Dương suốt từ 1945-1975!

Từ 1975 đến nay, ngày 2 tháng 12 năm 1975, nhà vua buộc phải thoái vị, nước Cộng Hòa Nhân Dân Lào được thành lập.

***Mối Ngộ-Nhận Lịch-Sử Giữa Ba Dân-Tộc: Việt - Miên - Chiêm ?**

Vấn-Đề Chung-Tộc: Trong cuốn “Việt-Nam Văn-Hóa Sử Cương của ông Đào-Duy-Anh: “Theo nhiều nhà nhân-chủng học hiện-thời cho rằng vào thời thượng-cổ, giống người Anh-đô-nê-diêng bị giống dân A-ri-Ăng đuổi từ Ấn-Độ mà tràn sang bán-đảo Ấn-Độ Chi-na, làm tiêu-diệt giống người bản thổ đầu-tiên ở đây là giống Mê-La-nê-diêng, rồi một phần trong đám di-dân ở đây di tản sang Nam-Dương quần đảo, còn một phần lưu lại tại Ấn-Độ China ; ở phía Nam thành người Chiêm-Thành và Cao-Man, sau đồng-hóa văn-hóa Ấn-Độ; ở phía Bắc pha-trộn với giống Mông-cổ mà thành người Việt-Nam.”¹

Thập niên 80 mới đây, một nhóm nhân-chủng học thuộc viện đại-học California (Hoa-kỳ) đã để hơn chục năm khảo-cứu về nơi phát-tích và những đường di-trú của loài người qua những chủng-tổ (gènes) của trên chục giống người. Kết-quả phù-hợp với những khám-phá của nhiều công-việc khảo cứu trên vật hóa thạch. Họ đã xác-định loài người phát-tích trong vùng thượng nguồn sông Nil, rồi từ đó theo sông này mà qua tới vùng Ethiopie, Ai-cập, và truyền lên vùng Lưỡng-Hà (Mésopotamie). Từ đây loài người phân làm hai ngành Bắc-Á và Nam-Á...

Ngành Nam-Á theo triền sông Indus và Gange tiến về phía Đông bị nhóm Indo-Européan trở lại tranh đất, một phần tiến xa hơn rồi theo ngược các dòng Irraouadi, Salouen, Ménan, Mékong mà lên tới vùng Vân-Nam, Tứ-Xuyên để phát-triển theo triền các sông Trường-Giang (Dương-Tử), Hồng-Hà, Tây Giang, tức là cả vùng Đông-Nam Lục-Địa Á-Châu...

Khoa khảo-cổ đã đào được rải-rắc khắp vùng Đông Nam-Á (kể cả Hoa-Nam) những trống đồng cùng một hình dạng, chứng-tỏ nhân-dân cả vùng đã có những thờ kính, lễ hội .

¹ Học-gia W.G.Sothiem, thuộc đại-học Hawaii đã vạch rõ việc đặt tên Ấn Hoa cho vùng Đông Nam Á phản ánh kiến-thức ấu-trĩ của Tây Phương về trào-lưu du-nhập văn-hóa. Ông đã chứng-minh ngược lại, ánh sáng văn-minh đầu tiên không phải từ Ấn và Hoa mà chính là từ Đông Nam tỏa lên Hoa và sang Ấn, do kết-quả khai quật từ 1963-1968.

giống nhau. Như vậy phải nói khối gần tỷ người ngày nay tại Đông Nam Á là đồng chủng ? Họ đã quần cư “xé lẻ” trong những vùng đất-đai vừa thông nhau, vừa cách-biệt nhau do những khoảng rộng thiên-nhiên (biển cả, sông hồ, núi rừng...) và giao-tiếp với những trào-lưu văn-hóa khác nhau trong quá-trình tiến-hóa của nhân-loại nên lâu ngày xa nhau thành những xã-hội mang những danh xưng khác nhau. Tuy-nhiên, sự khác nhau này chỉ là những biến-thiên địa-phương từ một gốc chung.

* Căn cứ vào sử Tàu cũng như sử Việt, vào thế-kỷ I (sau Tây Lịch), ngoài những nhóm đã thiên xuống Đông Nam Á, các bộ tộc Việt còn lại ở vùng Dương-Tử lần-lần bị đồng hóa. Số bộ-tộc ở Đông Nam Trung-Hoa bị người Tàu (Hoa) di-cư xuống chiếm các bình-nguyên màu mỡ. Ở Tây Nam Trung-Hoa bộ-tộc Lý tức Thái đã quy-tụ thành tiểu quốc Đại-Lý. Còn ở Đông Nam-Á, hai vương quốc khác cũng lần-lượt hình-thành là Phù-Nam và Lâm-Áp (sau đổi là Chiêm-Thành).

Theo Sử Việt, khi quân của hai bà Trưng bị tan vỡ ở Cẩm-Kê (Vĩnh-Yên), vào thế ngật-ngheo hai Bà phải tự tận (năm 43 T.L.), bọn tùy tướng dẫn tàn quân về Cửu-Chân (Thanh-Hóa). Mã-Viên đem quân truy đánh, Đỗ-Dương bị thua phải đầu hàng, còn một số khác lui về phía Nam, phối-hợp cùng thổ dân (bộ tộc Chăm trong nhóm Lạc-Việt) giữ Tượng-Lâm và tiếp-tục kháng-cự.

Năm 192, người anh-hùng Khu-Liên (K’iu Lien) lãnh-đạo Tượng-Lâm (Hsiang Lin) chiếm huyện đường và giết tên huyện lệnh người Hán. Khu-Liên những mong đoạt lại đất Lạc-Việt cũ, nhưng lực-lượng quá nhỏ so với lực-lượng của nhà Hán nên đành dừng lại phần đất, mệnh danh vương quốc Lâm-Áp (Lin Yi) gồm Tượng-Lâm và Nhật-Nam (Quảng-Bình, Quảng-trị, Thừa-Thiên ngày nay).

Năm 446, Tổng quân tiến đánh vào nội địa Lâm-Áp, tàn sát, đốt phá và cướp đi trên 100 ngàn cân vàng. Từ đó Lâm-Áp yếu dần, lui về phương Nam, và từ năm 808 đổi là Chiêm-Thành (Champa).

* Kề cận Lâm-Áp là xứ Phù-Nam (Funan) . Khởi đầu lập quốc ở vùng Đồng-Nai và châu-thổ sông Cửu-Long, xong lan qua Biển Hồ rồi vòng sang châu thổ Chao Phraya xuống bán-đảo Mã-Lai. Căn-cứ vào số lượng vàng bạc, châu-báu mà người Trung-Hoa thường nhắc đến trong sử sách và số di-vật đào thấy, nên có giả-thuyết cho rằng thời-kỳ dựng nước Phù-Nam ứng vào thời-kỳ khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng. Khi Hai Bà thất-bại, nhiều nhóm quý-tộc di tản về Nam, sáng lập ra tân quốc-gia Phù-Nam này.¹

Trong suốt năm trăm năm, từ thế-kỷ I đến thế-kỷ V, Phù-Nam cường-thịnh, nhưng sang đến thế-kỷ VI, Phù-Nam yếu dần và bị Chân-Lạp (Chen-La) thôn-tính.

* Trong phần “*Dân-Tộc Khmer và Vương Quốc Kam-pu-Chia*” thuộc “*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*”, tác-giả đã viết: “Trong khi Phù-Nam suy dần thì Chân-Lạp, một vương quốc nhỏ ở vùng nam Lào và bắc Kam-pu-Chia ngày nay bắt đầu bành trướng xuống vùng trung-tâm Phù-Nam. Chân-Lạp là quốc-gia đầu tiên của nhóm Khmer miền đông đã tồn tại từ năm 550 đến 802 với gần như không có biến-cố quan-trọng nào được ghi lại. Tới năm 802, một vương triều mới xuất-hiện do

¹ Phạm Việt-Châu, “Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh”, xb tại Hoa-Kỳ 1997.

Jayavarman II lập nên, vừa thừa-hưởng văn-hóa Phù-Nam vừa tiếp-nhận và triển-khai văn-minh Ấn, đã bành-trướng đến độ cực thịnh vào thế-kỷ XII. Đó là đế quốc Angkor hay Khmer...

Đế quốc Khmer đã có thời choán khắp vùng trung-tâm Đông Nam-Á lục-địa. Văn-hóa Khmer được thế-giới biết đến nhiều nhất qua kiến-trúc Angkor Angkor Thom - Angkor Wat (Đế-Thiên, Đế-Thích)...

Sau thời-kỳ cực thịnh, đế quốc Angkor bắt đầu suy. Năm 1431, trong cuộc tấn công của Ayuthia, Angkor Thom thất-thủ, triều-đình Kam-pu-Chia phải thiên về vùng Phnom-Penh (1434). Lui về Phnom Penh, người Khmer đã bỏ quên Angkor Thom và Angkor Wat không những trên thực-tế, mặc cho rừng cây che phủ cố đô, mà còn cả trên tinh-thần, đánh mất hẳn khả-năng tạo-tác của thời-đại huy-hoàng xưa."

- Dựa các sử kiện trên, ta thấy:

* Bộ-tộc Chăm cũng chỉ là một bộ tộc trong nhóm Lạc-Việt, cùng chung một chủng-tộc, cùng chung một chiến tuyến chống lại nhà Đông Hán.

Hai Bà Trưng thất-bại vào năm 43, nhưng tinh-thần quật khởi vẫn âm-ỉ. 59 năm sau, các vị anh-hùng của đất Tượng-Lâm như Khu-Liên (K'iu Lien), Phạm-Hùng (Fan Hsiung), Phạm-Văn (Fan Wen), Phạm-Hồ-Đạt (Fan Hu Ta),... đã làm cho thứ-sử Giao-Châu phải dâng sớ về Tầu cầu viện binh. Mỗi hùng tâm hằng ấp-ủ lấy lại đất Giao-Châu trong tay nòi Hán đã bao lần bập-bồng trong khói lửa.

Các triều-đại kế-tiếp, từ năm 808 về sau nếu có sự tranh chấp giữa Chiêm và Việt chỉ là sự tranh chấp quyền-lực giữa các triều-đại. Về mặt lịch-sử, dân Chăm cũng như dân Việt khi đã cùng sống trên một mảnh đất đều cùng một quyền lợi, và bình đẳng trên mọi mặt. Tuyệt không có một kỳ-thị hay thâm ý diệt chủng như các triều-đại Tàu áp-đặt nền đô-hộ lên các tiểu quốc lân bang.

Đến cuối thế-kỷ XVII, Chiêm-Thành đã hoàn-toàn sáp-nhập vào nước Việt, trên khía-cạnh chủng-tộc học, ta có thể nói đó là sự kết-hợp cần thiết của bộ-tộc Chiêm với khối gia-đình Lạc-Việt tức Việt-Nam ngày nay, một phòng-tuyến quan-trọng để giữ cho giống dòng Bách Việt bất diệt.

* Vương quốc Cam-pu-Chia rục-rở vào đầu thế-kỷ XII, thời vua Suryavarman II với ngôi đền vĩ đại Angkor Wat (Đế Thích), nhưng rất tiếc từ thế-kỷ XV, bị sự bành-trướng của Xiêm và Lào. Năm 1431 bị Ayuthia (Xiêm) tấn công, Đế Thiên (Angkor Thom) thất-thủ. Tiếp đến cuối thế-kỷ XVII, vương quốc Cam-Pu-Chia bị kẹt giữa hai gọng kìm Xiêm (Thái) Việt, các triều-đại Miên luôn-luôn bị lệ-thuộc một trong hai nước Việt - Thái. Mỗi lần nội bộ vương triều Cam-Pu-Chia tranh-chấp là một lần cầu-viện Việt hay Thái.

Ba sắc dân: Việt, Minh-Hương cùng Miên đã chung sống yên vui dưới mái nhà Việt-Nam. Cho đến nay không còn sự cách-biệt, mà hòa-đồng trong tiếng gọi thân thương "Đồng Bào Việt Miền Nam".

Ngày nay, đọc những trang lịch-sử đã qua, người dân Cam-Pu-Chia yêu nước không khỏi thống trách những triều vua trước của họ đã dâng đất nhường dân và căm thù Thái, Việt. Nỗi căm thù lịch-sử một cách quá khích đã gây ra cảnh "cáp duồn" (chặt đầu) vô nhân đạo,... !



Nếu chỉ nhìn quá khứ một cách giới-hạn để rồi hiện tại thù hận mà quên mất sự sống còn và phát-triển cho tương lai-thì không khác gì cảnh “chim kia ham mổ trước mặt mà quên đi một thợ săn đang nhắm mình trong bụi rậm, và chính bản thân người thợ săn lại không để ý chú mãnh hổ nhấp-nhóm vào mình!”

Như chúng ta đã biết, mối liên-hệ giữa Tàu và các liên-bang là mối liên-hệ thiên triều đối với tiểu quốc. Nòi Tàu vốn tự coi mình là những chú “trời con”, mà chịch-thượng coi các tộc chung quanh là mọi rợ (Nam Man, Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch).

Truyền-thống đế-quốc của Tàu được đời-đời kế-tiếp, thời nào cũng thế, dù Tàu quốc-gia hay Tàu Cộng, Tàu Bắc-Kinh hay Tàu Đài-Loan,...từ Hiên-Viên thị cho đến Mao-Trạch-Đông. Nếu xưa kia, tinh-thần “đại đồng” được phổ-biến tốt đẹp trong Lễ ký phải được hiểu một cách thực tế là nhân-loại đại-đồng trong sự coi sóc của nòi Hán (Hoa). Gần đây, trong dự-kế bành-trướng Mao Trạch-Đông đã muốn ghép các nước nhỏ chung quanh vào lãnh-thổ Tàu núp dưới mỹ-từ “giải-phóng”.

Dự-kế thống-trị toàn cõi Đông-Nam-Á của tàu Cộng đã không còn dấu-diểm khi những lãnh-thổ như Miến-Điện, Thái-Lan, Việt-Nam, Cam-pu-Chia, Lào, Mã-Lai, Singapore, Phi-Luật-Tân được vẽ vào một bản đồ, và coi là lãnh-thổ của Trung-quốc từ năm 1840 đính kèm trong cuốn Tân trung-Quốc Sử Lược, ấn-hành vào năm 1952 để huấn-luyện thanh, thiếu niên Cộng-sản Trung-Hoa.

Trong lịch-sử bành-trướng của Hán tộc ngày trước, điển-hình đã tiêu-diệt dân tộc Miêu, ngày nay chỉ còn lại hơn 2 triệu người, sống rải rác trên các vùng cao-nguyên căn-cổ. Dân Miêu, giống dân trồng lúa nước mà ngày xưa đông-đảo ngang hàng với nòi Hán (Hoa) và đã là chủ-nhân của bình nguyên rộng-rãi tại lưu vực sông Dương-Tử, nhưng thay ngày nay chỉ còn là sắc dân thiểu số tại Tàu!

Vụ tàn sát nhân-dân Y-khắc-Chiếu năm 1943, cuộc trấn-áp bằng lực-lượng vũ-trang ở Tân Cương năm 1944; vụ tàn-sát dân Hồi ở tỉnh Cam Tc; vụ tàn-sát tập thể trên 5000 người dân Đài-Loan (dân bản xứ) đòi độc-lập năm 1947,...đều là thừa kế chính sách đồng-hóa và diệt chủng các tộc khác của nòi Hán.

Dân số hơn tỷ người hiện nay, sự thiếu ăn truyền kiếp đeo-đẳng người Trung-Hoa như một định mệnh, với chế-độ Cộng-hòa Nhân-Dân Trung Quốc, một hình-thức tân đế-quốc nên đã có sẵn một dự-kế thống-trị, tất việc thôn-tính Đông-Nam Á, dù dưới hình-thức này hay hình-thức khác đều là diện quan-trọng trong quốc-sách của Tàu.

Nguyên-tắc chủ-yếu của lịch-sử Tàu là “Hưng Hoa Diệt Di”. Nguyên-tắc này đã được thực-thi qua nhiều mặt. Về văn-hóa, chủng-tộc được suy tiến theo đường-lối “tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân” (ba năm nuôi dạy tất trở thành dân Hán) ; về chính-trị là chiếm lĩnh, tất cả đều phục-tùng dưới lưỡi lê của nòi Hán, “Nhuông Di Địch, phạt Man Khương” hay “phổ thiên chi hạ, mạc phi vương hổ” (gầm trời trên đất không chỗ nào là không thuộc về vua Tàu);

Triều-đại Tưởng-Giới-Thạch, năm 1940, bộ Chính-Trị Địa-Lý đã ra bộ “Đông-Á Địa-Lý”, trong đó quy-định tám con đường phát-triển của nòi Hán:

- 1- Tây-Bá Lợi Á.
- 2- Tây-Tạng Ba-Tư.

Phạm Việt-Châu, “Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh”, Chương 15, xb. tại Hoa-Kỳ năm 1997.

2- Lý-Đông-A, “Chu-Tri Lục 3”, Sóng-Đáy.xb. 1967.

- 3- Tân-Cương.
- 4- Ấn-Độ.
- 5- Việt, Thái, Miến, Tân-Gia-Ba.
- 6- Nam-Dương liệt đảo.
- 7- Úc Châu.
- 8- Thái-Bình Dương Đông liệt đảo, Hàn...

- Về Kiều Vụ chính-sách, ngày 1 tháng 5 năm 1933, tờ Đại-Lộ Nguyệt-San ở Thượng-Hải đăng mục “*Nam Dương Hoa-Kiều Cộng-Hòa Quốc Vận-Động*”, chủ-trưởng dùng Hoa- kiều làm chủ-lực, xâm-lược lấy toàn đất Nam Dương.

Chủ-trưởng này đã bị đập tan vào năm 1965 khi có cuộc chính biến 30 tháng 9, nhờ vào tinh-thần quốc-gia và niềm tin nơi Thượng-đế của nhân-dân Indonésia.

Một điển-hình nữa, ngày 9-8-1965, Singapore một nước Tàu thứ ba sau Hoa-Lục và Đài-Loan (Taiwan) đã ra đời sau khi tách khỏi Liên-Bang Mã-lai...

Ngần ấy những dẫn-chứng đủ để các quốc-gia thuộc Đông-Nam Á còn lại phải làm gì để chặn đứng được ý-đồ khuynh-đảo, lũng-đoạn, chia rẽ để dễ bề thống-trị của đế-quốc Tàu.

“Các bộ-tộc trong Bách-Việt đã khốn-khổ điêu-linh từ ngàn năm trước, đã từ Hoa-Lục tản xuống vùng Đông-Nam Á trước mưu-đồ tiêu-diệt của nòi Hán, đã bị bóc-lột đến tận cùng xương tủy hàng trăm năm dưới thời-kỳ thống trị của thực-dân Pháp, đã dâm thuê đánh mướn cho các đế quốc hiện-đại hàng chục năm đủ gây nên những thương đau tang-tóc.

Trước họa diệt vong chung, phải cùng đi tìm lẽ sống. Trên đường đi tìm lẽ sống - còn đầy gian-khổ, bỗng nhận ra họ hàng thân tộc, dù nội ngoại xa gần há lại chẳng nên đùm bọc lấy nhau mà cùng tiến tới ?

- Thái Lan:

Lịch sử Thái Lan khởi từ những người dân Thái di cư vào khu vực Thái Lan hiện nay từ thiên niên kỷ thứ nhất. Người Thái thành lập quốc gia riêng của họ, quốc gia này bị đe-dọa bởi Miến Điện và Đại Việt, cũng như sự đối đầu giữa người Thái và người Lào.

Trong thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, Thái Lan là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc-địa của các đế quốc châu Âu.

Năm 1932, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế mà chuyển sang chế độ quân sự trong 60 năm rồi chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến như hiện nay

(Phỏng theo Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia)

Các nền văn minh Malay, Mon và Khmer từng phát triển thịnh vượng trên lãnh thổ Thái Lan. Khoa khảo cổ học đã tìm thấy tại Ban Chiang (Thái Lan) những công cụ đồ đồng và nền văn minh trồng lúa nước vào khoảng 3600 năm TCN

Người Khmer đã dùng người Thái làm lính từ thế kỷ XII. Vào năm 1218, người Thái ở Sukhothai đứng lên chống đối thuế sử dụng nước cho những lãnh chúa người Khmer, và đánh đuổi luôn những lãnh chúa đó ra khỏi vùng, thiết lập nên một nhà nước mới. Vị thủ lãnh mới là Sri Indradit chiếm lấy ngai vàng. Đối với người Thái coi vị thủ lãnh này như một người cha hơn là một vị vua. Dưới triều vua Ramkhamhaeng, người Sukhothai đã xâm chiếm lãnh thổ của người Khmer đến tận miền Nam Nakhon Si

Thammarat. Chính vị vua này đã tạo ra bảng chữ cái đầu tiên của chữ Thái. Nhưng sau khi vị vua này qua đời (1300) đế quốc Sukhothai suy đồi. Người Môn của Pegu tấn công và chiếm một phần bán đảo Malay. Cuối cùng vương quốc Ayuthaya (Siam = Xiêm La) được thành lập vào năm 1350, một nhà nước hùng mạnh nhất trong số các vương quốc Thái từng tồn tại đến ngày nay.

Năm 1431, vua Boromaraja đệ nhị cướp thành phố Khmer Angkor, buộc những người Khmer phải dời về Phnom Penh.

Đến năm 1569, Xiêm trở thành lãnh thổ của Miến Điện cho đến năm 1584. Naresuan lên ngôi vào năm 1590, trong vòng ba năm, ông đã đánh đuổi người Miến Điện ra khỏi đất nước.

Khi vương quốc Ayuthaya sụp đổ, một vị tướng Xiêm tên là Taksin tổ chức một đội quân chiếm lại được thành phố, nhưng phải dời thủ đô ra xa hơn, xuôi theo dòng sông đến Thonburi. Năm 1782, Taksin bị Chao Fraya Chakri (Rama đệ nhất) truất ngôi lên làm vua. Rama đệ nhất lại dời đô về Bangkok.

Từ năm 1818, Xiêm La mở cửa tiếp xúc với Tây phương, bằng những hiệp định với Bồ Đào Nha, với Anh vào năm 1826, và với Mỹ năm 1833.

Nền dân chủ của Thái Lan được thành lập sau sự kết-thúc của chế-độ độc tài quân phiệt năm 1992.

*

- Miến Điện.

Myanma (tên cũ là Miến Điện hay tên đầy đủ là Liên Bang Myanma) là một quốc gia ở Đông Nam Á, tây bắc bán đảo Trung - Ấn, có 2185 cây số đường biên giới với Trung quốc; 1800 cây số với Thái Lan, 1463 cây số với Ấn Độ, 235 cs với Lào, và 193 cs với Bangladesh. Đường bờ biển dài 1930 cs. Diện tích toàn quốc là 576,577 km vuông.

Miến Điện giành được độc lập từ Anh năm 1948 và trở thành Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Myanma vào 1974, sau đó đổi thành Liên Bang Myanma



vào 1988.

Năm 1989, hội đồng quân sự đổi tên tiếng Anh từ Burma thành Myanma. Nhiều nhóm người Myanma tiếp tục sử dụng tên Burma trong khi liên minh Âu sử dụng cả hai, Liên Hiệp quốc dùng tên Myanma.

Theo lịch sử, người Môn được cho là nhóm người đầu tiên tới vùng hạ lưu châu thổ sông Ayeyarwady (ở phía nam Myanma khoảng thập niên 900 TCN). Sau đó vào thế kỷ I TCN, người Pyu di cư tới.

Trong giai-đoạn Anawratha trị vì (1044-1077) người Miến Điện đã mở rộng ảnh-hưởng ra khắp Myanma. Vào cuối thế-kỷ XIII, Mông Cổ (Hốt Tất Liệt) đã xâm-lăng vương quốc Pagan (Đế chế Miến Điện thứ nhất), nhưng tới năm 1364 người Miến Điện đã tái lập vương quốc của họ tại Ava.

Vào năm 1527, người Shan cướp phá Ava, người Miến đã phải chạy khỏi Ava, thành lập vương quốc Toungoo năm 1531 dưới quyền Tabinshwehti, người đã tái thống nhất Miến Điện và lập ra Đế chế Miến Điện thứ hai.

Năm 1752, do cuộc nổi dậy trong nước của người Môn, với sự trợ giúp của Pháp, vương quốc Toungoo sụp đổ. Trong các cuộc chiến Anh - Miến (1823-26, 1852-53 và 1885-87), Miến Điện mất một số lãnh-thổ vào tay người Anh, và trở thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

Ngày 1 tháng 4 năm 1937, Miến Điện trở thành thuộc địa hành chánh riêng biệt.

Trong thế chiến 2, Miến Điện trở thành mặt trận chính tại mặt trận Đông Nam Á. Sau những thắng lợi ban đầu của Nhật trong chiến-dịch Miến Điện, người Anh bị đẩy lui khỏi địa phận Miến Điện. Sau đó Đồng Minh đã phản công. Tới tháng 7 năm 1945 Đồng Minh đã tái chiếm toàn bộ nước này.

Năm 1948, quốc gia này trở thành một cộng hòa độc lập với danh xưng Liên Bang Miến Điện. Sao Shwe Thaik làm tổng thống đầu tiên, và U Nu là thủ-tướng.

Năm 1961, U Thant khi ấy là đại-biểu thường-trực của Miến tại Liên Hiệp quốc được bầu làm tổng thư ký Liên Hiệp quốc.

Giai đoạn dân chủ kết thúc năm 1962 bởi một cuộc đảo chính quân sự do tướng Ne Win lãnh đạo.

Năm 1974, đám tang của U Thant dẫn tới một cuộc biểu tình đẫm máu chống chính phủ. Năm 1997, ủy ban *Luật Pháp Quốc Gia và Văn Hời Trật Tự* được đổi tên là *Ủy Ban Hòa Bình và Phát Triển Quốc Gia* (SPDC)

Ngày 23 tháng 6 năm 1997, Myanma được chấp nhận gia nhập *Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á*.

Ngày 27 tháng 3 năm 2006, hội đồng quân sự đã di chuyển thủ đô từ Yangon tới gần Pyinmana.

Hội đồng quân sự phải đối mặt với sự cô lập quốc tế. Sự thay đổi chính trị lớn ở nước này hiện khó thực hiện vì hội đồng quân sự này được Trung Cộng hỗ trợ tối đa!

- Phi Luật Tân:

Cộng Hòa Phi Luật Tân ở Đông Nam Á, thủ đô là Manila. Phi Luật Tân trải dài 1210 cây số, gồm 7107 hòn đảo (700 đảo có người ở). Tổng diện tích đất liền gần 300,000

cây số vuông, nằm giữa $115^{\circ}40'$ và $126^{\circ}34'$ đông; $4^{\circ}40'$ và $21^{\circ}10'$ bắc, biển Đông ở phía tây, và biển Celebes ở phía bắc. Đảo Borneo nằm cách vài trăm cây số về phía tây nam và Đài Loan thẳng phía bắc, Palau ở phía đông phần trên biển Philippines.

Thông-thường quốc đảo này chia làm 3 nhóm: Luzon, Visayas, và Mindanao. Cảng biển đông-đức Manila, ở Luzon, nơi đây là thủ đô, và là thành phố lớn thứ hai sau vùng ngoại ô của nó là thành phố Quezon



Ba miền của Philippines

Qua khảo cổ học và sinh vật học cho biết người hiện đại (*Homo sapiens*) đã hiện diện ở Palawan khoảng 50,000 năm trước, vào thời đại đồ sắt, những người dân thuộc hệ ngôn ngữ Nam Đảo đã đi qua lục địa tới định cư ở Philippines.

Năm 1521, Ferdinand Magellan, người Bồ Đào Nha, đi thám-hiểm cho các vị vua Tây Ban Nha lần đầu đặt chân lên quần đảo này.

Năm 1565, Miguel Lopez de Legazpi với 500 binh sĩ tới Cebu lập ra khu định cư cho người Tây Ban Nha trên quần đảo.

Các nhà truyền đạo “*Thiên Chúa giáo*” theo chân binh lính từ hòn đảo này sang hòn đảo khác để tìm kiếm con chiên thổ dân. Các thủy thủ Tây Ban Nha nhanh chóng lập ra các nhà thờ và pháo đài trong khi tìm kiếm vàng và các gia-vị.

Tân Tây Ban Nha (thông qua Mexico) cai trị Philippines cho tới khi Mexico độc-lập.

Con đường thương mại các thương thuyền theo đường Manila - Acapulco bắt đầu phát-triển từ cuối thế kỷ 16. Thời kỳ Tây Ban Nha cai trị Philippines bị gián đoạn vào năm 1862, khi quân đội Anh tấn công và chiếm quần đảo. Hiệp ước Paris (1763) khôi-phục sự cai trị của Tây Ban Nha.

Năm 1898, xảy ra cuộc chiến tranh giữa Tây Ban Nha và Hoa Kỳ. Trong những cuộc thương lượng, Tây Ban Nha buộc phải trao lại Guam, Philippines, và Puerto Rico cho Hoa Kỳ để đổi lấy 20 triệu US, khoản tiền mà sau này người Mỹ gọi là “*quà tặng*” cho Tây Ban Nha.

Năm 1946, 4 tháng 7 Philippines được trao trả độc lập.

Chính phủ Philippines được tổ chức kiểu cộng hòa nhất thể do tổng thống lãnh đạo. Tổng thống cũng là tổng tư lệnh các lực-lượng quân đội. Tổng thống được bầu cử theo phổ-thông đầu phiếu, có nhiệm-kỳ là 6 năm, trong thời gian đó, tổng thống sẽ chỉ định và chủ trì bộ máy chính quyền.

Nghị viện lưỡng viện gồm thượng nghị viện và hạ viện. Các thành viên của thượng nghị viện được bầu tự do và Hạ nghị viện theo vùng địa lý. 24 thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ 6 năm, một nửa sẽ nghỉ sau mỗi nửa nhiệm kỳ ba năm, trong khi đó Hạ nghị viện gồm 250 thành viên với nhiệm kỳ 3 năm

Về tư pháp, đứng đầu là tòa án tối cao, với 1 chánh án tối cao và 14 thẩm phán. Tất cả đều được tổng thống chỉ định từ danh sách do Hội đồng tư pháp và luật sư đệ trình. Các toà khác gồm tòa phúc thẩm, tòa án địa phương và tòa án thủ đô.

- Mã Lai (Malaysia)

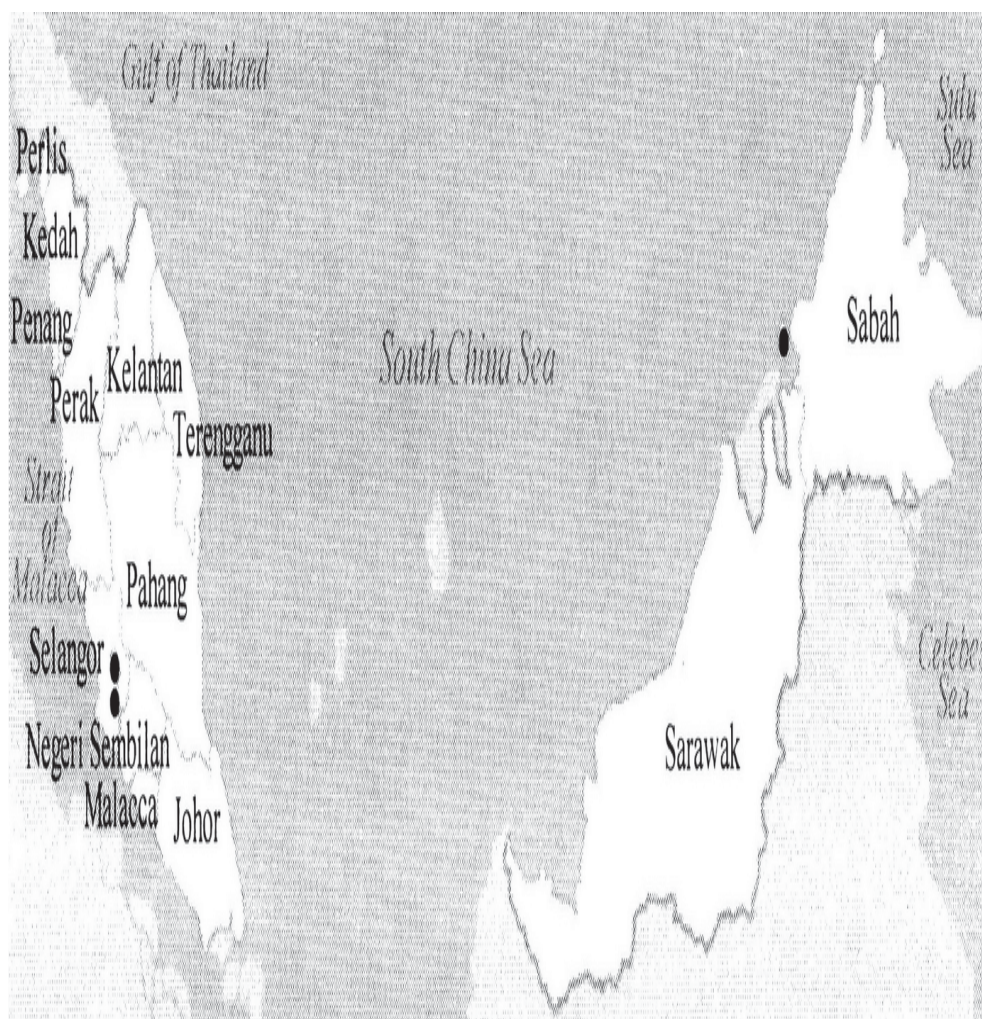
Vào ngàn năm trưước công nguyên, cả bán đảo Mã Lai và bờ biển bắc Borneo đều là nơi cập bến quan trọng cho các tàu buôn ở trong hệ thống thương mại đường biển nối Đông Nam Á với Trung Đông, Ấn Độ và Trung Hoa. Bán đảo Mã Lai Á (Malaysia) không những là nơi trú ẩn an toàn, là cơ sở chuyển hàng, và thu gom hàng hóa có giá trị trong vùng như vàng, thiếc, khoáng sản, gỗ quý, nhựa, lâm sản, đồi-mồi, và nhất là gia-vị.

Trong thiên niên kỷ đầu, người dân trên bán đảo Malay đã chấp-nhận Hindu giáo và Phật giáo, họ sử-dụng tiếng Phạn cho tới khi cải theo Hồi giáo.

Lịch sử Malaysia được cho là mở đầu ở Bắc Sumatra. Các học-giả tin rằng từ thế-kỷ thứ 7 đến 14, vùng Palembang, phía nam của Sumatra là tiêu điểm của đế quốc hàng hải quan trọng. Họ gọi đây là đế chế Sri Vijaya. Gần Vijaya còn có một vùng gọi là Melayu, có lẽ là thủ đô và là chiếc nôi của nền văn hóa Mã Lai.

Vào thế kỷ 14, đế chế SriVijaya bị vương quốc Majapahit của người Java tấn công để tranh quyền kiểm soát thương mại trên quần đảo.

Đầu thế kỷ 15, vương quốc Hồi giáo Malacca được thành-lập dưới một triều-đại do Parameswara, và đặt tên cho vương quốc là Melaka. Vương quốc Hồi giáo này đã kiểm-soát nhiều vùng hiện là bán đảo Malaysia, nam Thái Lan (Patani), và bờ biển phía đông Sumatra. Ở thời điểm hùng mạnh, Melaka đã thống-trị cả bán đảo xa tận về phía bắc của Perak, quần đảo Riau Lingga và phần lớn bờ biển đông Sumatra.



Hình thể Mã-Lai-Á.

Thời kỳ vàng son của Melaka đột-ngột chấm dứt vào năm 1511 sau một tháng bị vây hãm bởi người Bồ Đào Nha. Sau khi Malacca bị Bồ Đào Nha chinh-phục, lập ra thuộc địa, ba phe là người Bồ Đào Nha (tại Malacca), vương quốc Hồi giáo Johor, và vương quốc Hồi giáo Aeeh. Cuộc tranh giành này kéo dài đến tận năm 1641, khi người Hà Lan liên minh với vương quốc Hồi giáo Johor giành quyền kiểm soát Malacca.

Cuối thế-kỷ 16, đầu thế kỷ 17, vương quốc Johor trở nên thịnh vượng nhất khi người Hà Lan đến khu vực này, và đặt bản doanh ở Java.

Hậu quả của sự thống-trị thương-mãi của Hà Lan là tiêu-diệt sự cạnh tranh giữa các nhà nước với nhau. Điều này đã gây ra nội chiến kéo dài, đặc-biệt từ khi hoàng thân Mahmud của vương quốc Johor bị giết vào năm 1699, báo hiệu cho hơn một thế-kỷ quyền lực bất ổn trong vương quốc và các vương quốc khác trên bán đảo.

Năm 1819, công ty Đông Ấn - Anh đã chiếm đảo Singapore từ vương quốc Johor, năm 1824, sau cuộc chiến Anh - Hà Lan đã giao Melaka cho người Anh như là một phần định giới của hai cường quốc Châu Âu. Thỏa thuận của Anh - Hà Lan đã đưa người Anh nắm trọn bán đảo như một khu-vực của riêng họ. Còn Hà Lan chiếm giữ Sumatra và tất cả các đảo đến tận phía nam của Singapore.

Sau khi người Nhật chiếm Malaya trong chiến tranh thế giới 2, sự ủng hộ của dân chúng về một nền độc lập ngày càng tăng, và dẫn tới một chiến-dịch chống nổi dậy của quân đội khối Thịnh Vượng chung Anh ở Malaya, nền độc-lập cho liên-minh trong khối thịnh vượng chung được trao ngày 31 tháng 8 năm 1957.

Khoảng thập niên 1960 và giữa thập niên 1990, Malaysia trải qua thời-kỳ tăng-trưởng kinh-tế đáng kinh ngạc với thủ tướng Tun Dr. Mahathir Bin Mohamad, giai đoạn này cũng là chuyển đổi từ nền kinh-tế nông nghiệp sang chế-tạo và công nghiệp trong những khu-vực như máy tính và hàng điện tử tiêu dùng.

- Nam Dương (Indonesia)

Cộng Hòa Indonesia là một quốc gia nằm giữa hai lục địa Đông Nam Á và Châu Đại Dương. Indonesia gồm 17508 hòn đảo và với dân số khoảng 237 triệu người, đứng thứ tư thế-giới về dân số.

Tuy Indonesia gồm 17508 hòn đảo, nhưng khoảng 6000 đảo không có người ở. Các đảo nằm rải-rác ở cả hai phía đường xích đạo. Năm hòn đảo lớn nhất là Java, Sumatra, Kalimantan (phần Borneo thuộc Indonesia), New Guinea, và Sulawesi. Indonesia có biên-giới trên bộ với Malaysia, và Đông Timor. Innonesia cũng có chung biên giới với Singapore, Malaysia và Philippines ở phía bắc và Australia ở phía nam bằng giải nước hẹp. Thủ đô Jakarta nằm trên đảo Java là thành phố lớn nhất, sau đó là Surabaya, Bandung, Medan và Semarang.

Với diện tích 1,919,440 cây số vuông, Indonesia là nước đứng thứ 16 trên thế giới về diện tích đất liền. Mật độ trung bình 134 người/cây số vuông. Các sông lớn nhất nước nằm ở Kalimantan, và gồm các sông Mahakam và Barto, những con sông này là các đường giao thông quan-trọng nối giữa các khu định cư trên đảo.

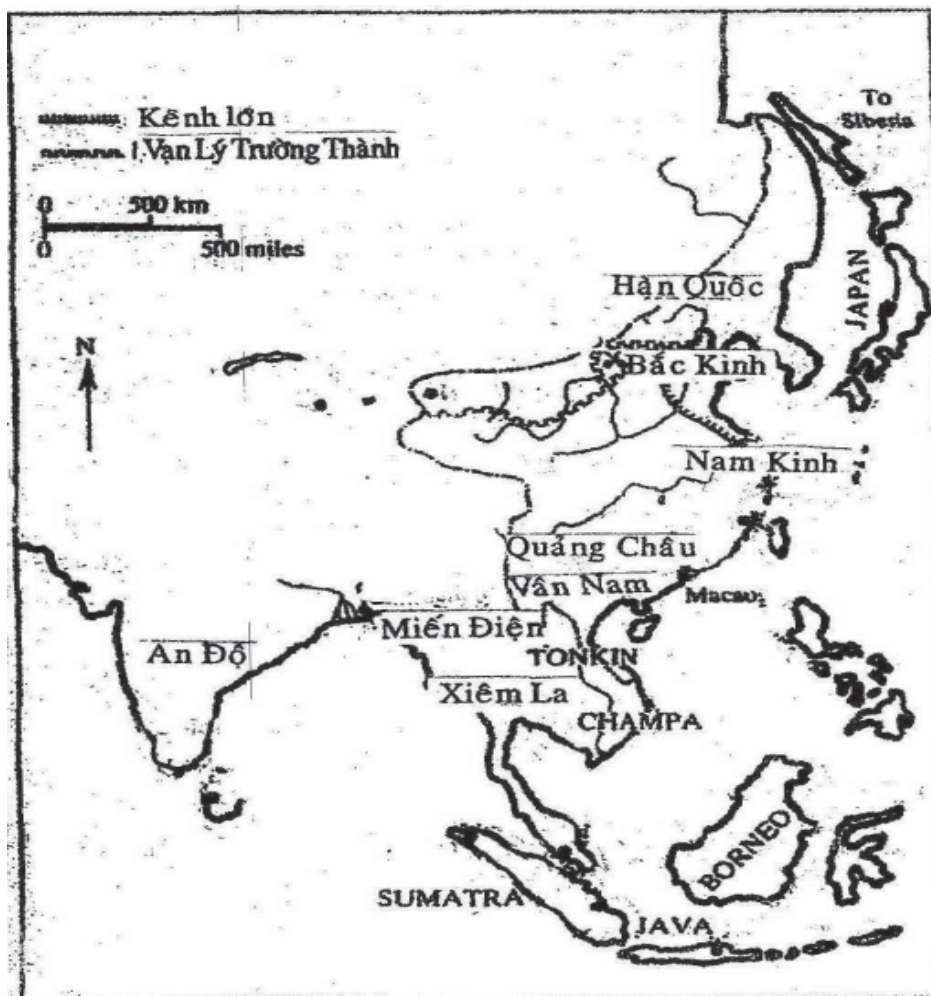
Nằm dọc theo xích đạo, Indonesia có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai mùa mưa và khô riêng biệt.

Lịch sử Indonesia bị ảnh hưởng bởi các cường quốc muốn nhòm ngó các tài nguyên thiên nhiên.

Sau ba thế kỷ rưỡi, dưới ách thực-dân Hà Lan, Indonesia đã dành được độc lập sau Thế chiến Hai. Với tư-cách là một nhà nước duy nhất, và một quốc gia, Indonesia đã phát-triển một tính đồng nhất được định nghĩa bởi một ngôn ngữ quốc gia, sự đa dạng chủng tộc, sự đa dạng tôn giáo bên trong. Khẩu hiệu quốc gia của Indonesia, “*Bhinneka tunggal ika*” (Thống nhất trong đa dạng). Indonesia là một kết-hợp của khoảng 250 chủng tộc, phần đông có họ hàng gần-gũi với nhau trên phương diện ngữ học và nhân chủng học thuộc nhóm tộc Mã Lai. Trên đảo Java đã đào được nhiều trống đồng cùng kiểu với trống đồng Đông Sơn. Nhiều sách giáo khoa lịch sử Indonesia, bài mở đầu với nền văn minh trống đồng.

Các di-tích hóa thạch của người *Homo Erectus*, thường được gọi là “*Người Java*”, cho thấy quần đảo Indonesia đã có người ở từ hai triệu năm tới 500,000 năm trước. Người Austronesian là cộng đồng dân cư đa số hiện tại. Họ tới Indonesia khoảng 2000 năm trước Công Nguyên, và đẩy người Mélanesian bản xứ về các vùng xa xôi phía đông.

Các điều-kiện nông nghiệp lý tưởng, và nền văn minh lúa nước xuất-hiện sớm, từ thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên.



Hình thể Đông Nam Á Châu

Từ thế-kỷ thứ 7, vương quốc hàng hải Srivijaya hùng mạnh nhờ phát-triển thương mại và các ảnh hưởng của Hindu giáo cùng Phật giáo được du nhập.

Những người Âu châu đầu tiên tới Indonesia năm 1512, khi các thương gia Bồ Đào Nha do Francisco Serrao dẫn đầu tìm cách thâu tóm các nguồn tài nguyên nhục đậu-khấu, đinh-hương và hạt-tiêu tại Maluku. Các thương gia Hà Lan và Anh nhanh chóng theo chân.

Trong hầu hết thời-kỳ thuộc địa, Hà Lan chỉ kiểm soát vùng đất này một cách lỏng-lẻo, cho tới thế kỷ 20 Hà Lan mới thực sự kiểm soát toàn bộ vùng đất này. Cuộc xâm lược và chiếm đóng của Nhật Bản trong thế chiến hai đã chấm dứt thời-kỳ cai trị của Hà Lan, và khuyến-khích phong-trào độc-lập từng bị đàn áp trước đó. Hai ngày sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh tháng 8 năm 1945, Sukarno, một lãnh tụ theo chủ-nghĩa quốc gia tuyên-bố độc-lập và được chỉ định làm tổng-thống.

Quân đội âm-mưu đảo chánh ngày 30 tháng 9 năm 1965 dẫn tới một phong-trào thanh trừng chống Cộng, trong đó đảng Cộng sản Indonesia bị tiêu-diệt. Tướng Suharto lãnh đạo quân đội được chính thức chỉ định làm tổng thống vào tháng 3 năm 1968. Chính sách “*Trật Tự Mới*” được Mỹ ủng-hộ và khuyến-khích đầu tư nước ngoài vào Indonesia. Đây là yếu-tố chính dẫn tới ba thập kỷ tăng-trưởng kinh-tế ổn-định sau đó.

Năm 1997 và 1998 Indonesia là nước bị ảnh hưởng nặng-nề nhất của cuộc khủng-hoảng tài chính Châu Á. Suharto bị từ chức ngày 21 tháng 5 năm 1998. Năm 1999, Đông Timor bỏ phiếu ly-khai khỏi Indonesia sau một cuộc xâm chiếm quân sự dài 25 năm.

- Dấu Chân Bách Việt:

Theo Ông Phạm Việt Châu, tác giả cuốn “*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*”, xuất bản năm 1997 tại Hoa Kỳ:

“Về những cuộc Nam tiến của các bộ tộc Bách Việt, qua những dữ kiện đã có, có thể chia làm 4 thời kỳ:

“Thời kỳ 1, vào giữa thiên niên kỷ III đến cuối thiên niên kỷ II trước Công Nguyên bao gồm các sắc dân Cựu Malay, Tân Malay và Lạc Việt.

“Những bộ tộc Bách Việt di tản xuống Đông Nam Á được nhiều nhà sử-học cho là đang ở thời-đại đồ đá, cũng có người cho là họ đã tiến sang thời-đại đồ đồng. Nhưng dù họ ở thời-đại nào, một đặc-điểm mà cùng công nhận nơi họ là phương pháp cấy lúa ruộng nước (thủy canh hay nông hệ sawah) mà họ đem theo...

Malay dợt sau thiên di ào-ạt hơn, tạo thành những tập thể lớn và choán các vùng mầu mỡ. Họ thường chiếm ngụ các vùng bình nguyên nhỏ ở duyên hải nên cũng còn được gọi là Malay duyên hải. Xét về nhân chủng, họ còn giữ được khá nhiều bản sắc “da vàng miền Nam” của các sắc dân Bách Việt. Ngày nay, họ là thành phần dân cư chính của Mã Lai Á, Indonesia, và Phi Luật Tân.

Khi choán các đảo, họ tiến từ Mã Lai sang Sumatra, Java rồi Borneo, Célèbes, sau cùng mới tới quần đảo Phi Luật Tân...

Thời kỳ 2: Thời kỳ này gồm người Môn và Khmer. Người Môn từ Nam nước Tàu xuống Đông Nam Á qua vùng Cửu Long thượng. Họ tiến vào Hạ Miến qua các hành-lang sông Salween và Sittang... Người Môn là những nhà nông giỏi, Họ cũng là những người thương gia, thợ đóng thuyền và nhà hàng hải thạo nghề. Nơi họ tiến xa

nhất là vùng bắc bán đảo Mã Lai do đường xuôi theo Chao Phraya. Tổ hợp Môn đầu tiên quy tụ như một quốc gia tọa lạc gần Lavo, cực bắc vịnh Thái Lan. Qua các cuộc tiếp xúc, buôn bán bằng đường biển, người Môn đã sớm tiếp nhận văn minh Ấn Độ mới. Sau này truyền thụ lại cho người Khmer, Miến và Thái.

Thời kỳ 3: Thời kỳ này là những đợt nam thiên của dân Pyu và Miến. Dân Pyu trước kia có lẽ là nhóm người quan trọng nhất về mặt chính trị ở trung tâm châu thổ Irrawaddy tại Miến Điện... Người Pyu lập quốc vào khoảng cuối thế kỷ 6 sang đầu thế kỷ 7, kinh đô là Srikshetra ở hạ lưu sông Irrawaddy. Ảnh hưởng chính trị của Pyu suy tàn dần và mất hẳn ở Hạ Miến vào thế kỷ 8 sau khi có cuộc tây tiến của người Palaung và Karen vào vùng Minbu-Magwe.

“Người Pyu rất giỏi về âm nhạc. Vào năm 800-802 vương quốc Đại Lý đã cống vua Đức Tôn nhà Đường nhiều nhạc công người Pyu. Người Pyu cũng rất thiện chiến, Trong đạo quân Đại Lý tấn công quân đô-hộ Tầu ở Giao Châu năm 863 cũng có rất nhiều chiến sỹ Pyu.

“Khi quốc gia Pyu đã suy thì lại có một nhóm dân khác có liên-hệ huyết tộc với Pyu, được gọi là bộ tộc Miến từ phía Bắc tràn xuống. Bộ tộc này họ cũng đã học được ở người Shan (Thái) thuật kỵ mã, thuật chiến đấu ở miền núi và cả cách làm ruộng bậc. Họ kết tụ thành một tập thể, trước ở Trung Miến, sau xuống phía nam vùng Minbu- Magwe. Sau cùng họ tiến về phía tây tới thung-lũng Chindwin và phía bắc tới vùng Shwebo, rồi kết hợp với những nhóm nam thiên trước mà tổ chức dần-dần thành quốc gia Miến Điện.

“Thời kỳ 4: Thời kỳ nam thiên này là của người Thái từ Vân Nam xuống.

“Vào đầu thế kỷ 2 bắt đầu dòm ngó vùng Vân Nam, một vùng gồm các giống dân Bách Việt, đa số là người Thái. Đến đời Đường đem quân chiếm khu vực Thái Hòa (thung lũng vùng hồ Đại Lý, vùng Cửu Long thượng, Salween, và Irrawaddy).

“Vào đầu thế kỷ 8, tiểu quốc Mông Xá thống nhất được cả sáu tiểu quốc lập ra vương quốc Đại Mông. Đại Mông sau đổi ra Đại Lệ, rồi Đại Lý (Tali).

Về nguồn gốc tập thể Thái của vương quốc Đại Lý có người cho là “Từ nhóm Bách Việt chủ yếu ở miền Nam sông Dương Tử thiên di theo hướng tây nam vào miền Nam Vân Nam...” Thật ra vùng Vân Nam từ trước đã có những bộ tộc Bách Việt sống rải-rác, nhưng chỉ sau khi đế quốc Nam Việt bị Hán thôn tính thì vùng này mới được quy tụ đông đảo. Người Thái chẳng phải đâu xa lạ, chính là bộ tộc Lý thuộc nhóm Âu Việt ở Quảng Tây. Vì không chịu sống dưới sự đô hộ của người Hán nên mới tự xưng là Thái có nghĩa là tự do, là thoát khỏi. Truyện Nam Chiếu trong “*Lĩnh Nam Chích Quái*” cũng có kể lại sau khi Nam Việt bị nhà Hán thôn tính, một phần dân Nam Việt đã bỏ nước ra đi lập ra nước Nam Chiếu (Đại Lý).

Sau Đại Lý suy dần. Năm 1253, Đại Lý bị tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai (Wouleangotai) phá vỡ hoàn toàn. Chính trong dịp này, dân Thái của vương quốc Đại Lý, lại một lần nữa bỏ quê hương, thiên di xuống Đông Nam Á theo hành lang Irrawaddy, Salween, Chao Phraya, Cửu Long để thâm nhập vào đất Miến, và đất Khmer.

Các vùng này, từ trước đã có người Thái ở, nhưng chỉ sau cuộc nam thiên lớn lao này, các bộ tộc Thái mới thực sự làm chủ khu trung tâm Đông Nam Á lục địa, và dần dần lập ra các vương quốc hùng mạnh như Ayuthia (1351), Lan Xang (1353) tiền thân của Xiêm (Thái Lan) và Lào.

- Nhu-cầu kết-hợp các Quốc Gia Đông Nam A:

Ý-chí kết-hợp đã nảy sinh từ thế-kỷ 19, trong khi toàn vùng còn chìm đắm trong vòng đô-hộ của Tây phương! José Rizal và Apolinario Malini người Phi Luật Tân đã từng nhắm tới việc hình thành một *tổ hợp dân tộc* Malay gồm Bornéo, Nam Dương, Mã Lai và Phi Luật Tân. Tại Nam Dương, lãnh tụ Tan Malaka cũng đã nghĩ đến một liên bang rộng lớn gồm cả Đông Nam Á lẫn Úc Châu mà ông gọi là “*Asia*”.

Vào năm 1939, Phibum Songkhram cùng nhóm cầm quyền đã bỏ quốc hiệu cũ “Xiêm” đổi thành “*Thái*” và tung ra chủ-trương giải-phóng các quốc gia gốc Thái tại Đông Nam Á lục địa. (*Một hội nghị Đại Đông Á được tổ chức ở Đông Kinh vào tháng 11 năm 1943 gồm có tổng thống José P. Laurel của Phi, thủ tướng Ba Maw của Miến, hoàng thân Waithayakon của Thái*).

Ở Việt Nam, nhà tư tưởng Thái Dịch Lý Đông A vào cuối thế chiến 2 đã đưa ra thuyết “*Liên Bang Đại Nam Hải*” để có nền hòa-bình lâu dài trong vùng, nhất là cho Việt Nam ở thế bên cạnh nước khổng-lồ Tàu xâm lăng.



II/ Mối Tương-quan Chủng-tộc & Ngôn-ngữ.

* Địa Bàn Tiếng Việt (Cái Nôi của Tiếng Việt).

Nếu dựa vào ngôn-ngữ-học của một dân-tộc, ta có thể tìm ra chủng-tộc. Ngược lại, từ lịch-sử và chủng-tộc-học, ta có thể tìm ra ngôn-ngữ của dân-tộc ấy.

Trong cuốn “Việt Nam Văn Hóa Sử Cương” (trang 21 và 22), ông Đào Duy Anh đã nêu: “Xét tính-chất người Việt Nam ngày nay, thì thấy người Việt Nam là giống ngấn đầu (chỉ suất 82.8), mình thấp, chân tay nhỏ, mặt xương, lưỡng-quyền cao, mắt đen và hơi xếch, mũi hơi tẹt, môi hơi dày, tóc đen và hơi cứng, râu cứng và thưa, dáng đi nhẹ-nhàng và chắc-chắn...”

Về khía-cạnh sử học, theo hai ông Cửu Long Giang và Toan Ánh trong cuốn “Người Việt Đất Việt” cho rằng: “Từ thượng-cổ ở lưu-vực sông Hồng Hà vốn đã có giống dân cư-ngụ. Đến khoảng trước Tây lịch bốn ngàn năm, người Anh-đô-nê-giêng ở Ấn Độ bị người A-ri-ăng đánh đuổi chạy sang bán đảo Trung Ấn, lên Tây Tạng, và sang lưu-vực sông Dương Tử. Nhóm người sang bán đảo Trung Ấn về sau lai giống với người Mê-la-nê-Giêng từ các hải đảo Nam Thái Bình Dương thành hợp-chủng Mê-la-nê Anh-đô-nê-Giêng. Nhóm lên Tây Tạng thì lai giống với dân bản địa thành Đông-nam-á. Nhóm sang lưu-vực sông Dương Tử là tổ tiên dòng Bách Việt. Về sau Đông-nam-á và Bách Việt bị Hoa tộc thôn-tính và đồng-hóa dần. Một số nhỏ lui xuống phía Nam để tránh nạn Hoa hóa, thế là cả hai dòng Nam Á và Bách Việt cùng nhau gặp-gỡ với giống dân Bản địa (tổ tiên nguyên-thủy của dân tộc Việt Nam ở trên lưu-vực sông Hồng Hà). Mặt khác, cùng với dân Mê-la-nê Anh-đô-nê-giêng đến từ các hải đảo, người Tạng Miến với người Lạc Việt đã đồng-hóa với dân bản-địa vốn cư-ngụ ở Trung Châu Bắc Việt từ thời thượng-cổ đã tạo ra dòng giống Việt Nam ngày nay.”

Sang thế-kỷ XX, số học-giả Âu Tây đã phát hiện mối liên-hệ giữa ngôn-ngữ Việt với tiếng Tạng-Miến và tiếng Môn-Miên (Henri Maspéro), giữa tiếng Việt với tiếng Mã Lai (A. Souvignier).

Một cách chuyên-môn và đối-chiếu sâu rộng theo phương-pháp ngữ-học lịch-đại và tỷ giảo (Historical & Comparative Linguistic), tác-giả bài “Tìm Về Nguồn Tiếng Việt” đã đưa ra sự dị đồng giữa các ngôn-ngữ trong ba chi lớn: Chi ở miền Nam và Đông cao-nguyên Tây Tạng (Tibet Burman); chi hai tại lục-địa Nam Á (Austro Asia), và chi ba tại Nam Việt Nam, Mã Lai trải rộng ra đại-dương trên các hải đảo miền Nam (Austroneasian) của đại tộc Bách Việt.

Tiếp theo, chi Mã Lai và Tạng Miến (Tibet Burma) đã góp phần vào việc chuyển-hóa tiếng Việt thuộc ngành Môn - Miên.

Theo L. Cavalli Storga Paolo Menozzi, Alberto Piazza: “Trong hai hay nhiều hơn sắc dân đã phân tán, bao giờ cũng phân chia cả gene lẫn ngôn-ngữ.” (In two or more population that have separated, there begins a process of differentiations of both gene and language.).

Nhà ngữ-học Hoa Kỳ Leonard Bloonfield nổi tiếng khắp thế-giới trong ‘Language’, năm 1930 đã khen: “Vietnamese is a great cultural language of Southeast Asia” (Tiếng Việt là một tiếng nói văn hóa lớn ở Đông Nam Á).

John Logan, nhà ngữ-học đi tìm gia-phả cho tiếng Việt từ năm 1859 đã viết trong *The Mon-Annam Formation, page nos. 152-183, Journal of the Indian Archipelago N.S/ Vol. III, 1859* ”: ‘*The vernacular Annamese language, though full of Chinese idioms, belonged to the same family as the MON in Burma*’ ‘ (Tiếng Việt bản xứ mặc dầu nhiều ngữ Hán nhưng vẫn thuộc về ngữ tộc Môn của Miến Điện.).

Trong Encyclopedia Britanica, 1999 và Encata Microsoft 2000:

“*The official language of Vietnam is the Vietnamese, a member of the Austro-Asiatic language family, a distinct language, although it has some similarities to other languages of Southeast Asia and to the Chinese. Its syntax is closer to Khmer.*” (Tiếng Việt là tiếng nói chính-thức của người Việt, một nhóm ngôn-ngữ của dòng họ Astro-Asiatic (Nam Á, miền Nam Á Châu), một thứ tiếng nói riêng biệt, mặc dầu nó có nhiều sự giống nhau với các tiếng nói khác ở Đông Nam Á và cả với tiếng Tàu nữa).

Để chứng-minh điều này, ta cũng có thể tìm thấy qua ‘*Bản Đối Chiếu Số Từ Căn Bản*’ của ông Mai ngọc Liệu trong Đặc San Quốc Tổ, Portland, OR. 1981. Các từ-ngữ trong bản đối-chiếu cho thấy sự “*đại đồng, tiểu dị*”. Đại đồng vì cùng một gốc chung, tiểu dị vì mỗi sắc dân chuyển-biến từ gốc theo hướng riêng nhưng vẫn không xa gốc.

* BẢN ĐỐI-CHIẾU SỐ TỪ CĂN-BẢN

Việt Nam	Mạ BaNa	Môn Mên	Mã Lai	Đa Đảo	Thái, Lào
Mắt	Mắt	Mắt	Muka	-	Nạ
Mắt	Mắt	Mắt	Mata	Mata	-
Mũi	-	Mu	-	-	-
Mồm	-	-	Mutu	-	-
Cổ	nkô	kô	-	-	kố
Tay	ti/tô	ti/tô	tanga	-	-
Chơn	zong	-	-	-	-
Cẳng	-	-	kaki	Kaki	-
Ruột	prốt	rốt	-	-	-
Úc/Ngực	-	-	-	-	Úc
Lưng	-	-	-	-	Lăng
Non/núi	bnon	phnom	gonong	-	PaNon/
Rú/rừng	bri	-	hutan/rimba	-	Nòi
Sông	-	ông-le	songai	-	kông
Ngòi/lạch	-	-	-	-	-
Cùlao	-	-	pulao	-	-
Rẫy.ruộng	sRê	sRẹ	daiRah	-	-
Đồng	-	-	-	-	thông
Đất	tia	-	tanah	-	dìn
Mây	Mhoan	-	-	-	-
Cây cối	ki/chi	ki	kayu	-	mây
Cối gốc	-	-	kok	-	cốc
Bông	-	-	bong	-	-
Mặt trời	mặt	-	mata han	-	-
Bố (Bác)	bap	bap	bapa	-	Po
Con	Kon	kon	-	-	-
.	. . .			. . .	. . .

Nhận-định này phù-hợp với quan-điểm của Keith Weller Taylor trong tác-phẩm “*The Birth of VietNam*”, tác-giả đã dẫn-chứng chữ “sông” của tiếng Việt ngày nay là do chuyển hóa từ ngôn-ngữ “Đại Dương” (Austroneasian) và chữ Văn Lang trong thời Hùng, có liên-hệ thanh âm với ngôn-ngữ thuộc nhóm sắc-tộc cư-trú giữa vùng Dương Tử giang và Mékong.

Tương tự, Ô. Terrien de Lacouperie trong ‘*Les Langues du Monde*’, 1887 đã viết: ‘*Tổ tiên người Annam và người Mường là kết-quả pha giống và pha tiếng nói của dòng Tai ở Hoa Nam với dòng Mon-Khmer của miền Đông Nam Á.*’

Nói cách khác, ***các tiếng nói Đông Nam Á gồm Khmer, Lào, Thái, Chàm, Malay, Indonesia, Nùng, Hmong, Bahnar, Radhe, cả thấy 57 ngôn ngữ*** bao-bọc tiếng Việt trong vòng dây thân-ái.

*** Lược Sử Bách Việt:**

Trong cuốn “*Trăm Việt Trong Vùng Định Mệnh*”, xuất bản tại Hoa Kỳ 1997, tác giả Phạm Việt Châu đã viết:

“*Theo Từ Hải, danh xưng này là tiếng để chỉ “chỗ hỗn tạp gồm bảy tám ngàn dặm của trăm giống Việt từ Giao Chỉ đến Cối Kê, mỗi xứ đều có dòng họ riêng”.*

“*Theo Ngô Thời Sĩ: “Xét theo thiên Vĩ Công, nước Việt ở về phía nam đất Dương Châu. Theo sách Thiên-quan từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên-ngưu đến sao Chức-nữ bảy độ là tinh kỳ. Kể về sao thì ở về ngôi Sửu, cùng một phận với nước Ngô. Cối Nam là Việt môn, có rất nhiều nước như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt, cho nên gọi là Bách Việt. Bởi vì miền này ở về phía nam Dương Châu nên gọi là Nam Việt. Vùng đất từ núi Ngũ Lĩnh xuống phía nam thuộc về Nam Việt.*

“*Đào Duy Anh kể rõ thêm một số địa điểm “U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở An Nam. Gần đây, Lăng Thuần Thành (Ling Shun Sheng), giáo sư đại học Đài Loan còn ghi thêm một vùng nữa cho dân Bách Việt, đó là tỉnh Hồ Nam, nơi trước kia vào thế kỷ 3 trước Công-nguyên, Tam Lư Đại Phu nước Sở là Khuất Nguyên đã bị đày tới. Trong khi bị đày, Khuất Nguyên đã phóng tác ra Cửu Ca (trong bộ Sở từ), và theo họ Lăng, nếu xét kỹ Cửu Ca, người ta sẽ nhận ra những hình ảnh mô tả các cuộc tế lễ tại địa phương này giống hệt hình ảnh đã được vẽ trên trống đồng Đông Sơn của dân Lạc Việt. Ông Lăng cũng chủ trương ”trước kia trung tâm đồng bằng Dương Tử là nơi cư ngụ của giống người Indonesian mà sử sách Tàu gọi là Bách Việt hay Lạc Việt”.*

“*Nói chung, các xứ Việt nằm kế tiếp từ hữu ngạn Dương Tử giang qua lưu vực Việt Giang, Hồng Hà tới tận bình nguyên sông Mã. Khu vực này được ghi nhận vào cuối đời Chiến quốc ở Tàu (thế kỷ 3 trước Công nguyên).*

“*Vào thời này, Thục Phán, thủ lĩnh Âu Việt đã thôn gồm được cả Lạc Việt, và hợp tên hai nhóm Việt này thành Âu Lạc. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất nước Tàu, Tần bèn sai Đồ Thư mang quân đi chinh phục Bách Việt (214 trước Công nguyên). Người Bách Việt bị bại trận bèn thiên di đi nơi khác, hoặc lui ẩn trong miền rừng núi. Chỉ có Âu Lạc ở miền cực nam nên tránh được loạn binh đao. Nam Việt tức Việt Nam Hải bị trực tiếp cai trị và cải là quận Nam Hải. Sau quan úy quận Nam Hải là Triệu Đà thôn tính được Âu Lạc và nhập chung cả ba xứ Việt cũ thành đế quốc Nam Việt. Lúc đế quốc Nam Việt thành hình thì phần lớn các xứ Việt nhỏ miền Bắc đã suy sụp, tuy nhiên chắc chắn còn lại hai nước Mân Việt và Đông Việt. Nhưng chẳng bao lâu sau, Mân Việt, Nam Việt và Đông Việt đều bị thôn tính.*

“*Như vậy sang đầu thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, không còn quốc gia Việt nào tồn tại, nhưng các tổ hợp Việt nhỏ vẫn sống rải-rác ở Hoa Nam và vùng Đông*

Nam Á. Nhiều tổ hợp vẫn tiếp tục đấu tranh và không bị Hán thôn tính. Bộ tộc Việt ở quận Chu Nhai thuộc Hải Nam đã bền vững chống Hán suốt nửa thế kỷ để giữ nền tự trị, cho đến năm 46 trước Công nguyên thì nhà Hán phải bỏ hẳn ý định xâm chiếm vùng này.

“Kể từ thế kỷ 1 sau Công nguyên, ngoài những nhóm đã thiên di xuống Đông Nam Á, các phần tử Việt còn lại ở vùng Dương Tử lần lần bị đồng hóa, còn các bộ tộc ở Đông nam Trung Hoa thì bị người Hán di cư xuống chiếm mất các bình nguyên màu mỡ và đẩy vào những miền đất cằn-cỗi.

“Ở Tây-nam Tàu, tộc Lý tức Thái đã quy tụ thành vương quốc Đại Lý. Còn ở Đông Nam Á, sau Lạc Việt (lúc ấy đã bị Tàu đô hộ), hai vương quốc khác cũng lần lượt thành hình trong thế kỷ đầu Công nguyên là Phù Nam ở miền Nam lục địa và Lâm Ấp (sau đổi là Chiêm Thành) ở Trung Việt ngày nay. . .

Vấn đề nguy hiểm về Hoa Kiều tại Đông Nam Á vì họ sẽ trở thành một đầu cầu vững chắc cho cây cầu xâm lược được bắc từ Trung quốc trong tương lai.

“Đối với Hoa Kiều cả hai chính phủ Tàu đều cùng can thiệp mạnh mẽ với các chính phủ liên hệ để giảm bớt các biện pháp có thể nguy hại đến quyền lợi (bất chính) của tập thể này tại các nước.

“Một nước Tàu nhỏ đã được thành hình trong lòng Đông Nam Á để sẵn sàng trở thành quân tiên phong ghi chiến tích đầu tiên trong cuộc bành trướng của người Tàu ở nơi này. Thật vậy, ngày nay không ai còn ngờ việc Sin-ga-pua đã trở thành một nước Tàu nhỏ, nhưng ngay từ 1960, dự kế Tàu-hóa đã được vạch rõ trong cương lĩnh của ban chấp hành trung ương đảng Nhân Dân Hành Đông do Lý Quang Diệu làm thủ lĩnh...

“Khu vực Đông Nam Á được “hân hạnh” coi là lãnh thổ Trung quốc kể từ 1840, gồm có: Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Kam-Pu-chia, bán đảo Mã Lai, Sin-ga-pua và chuỗi đảo Sulu (Phi-lip-pin). Những vùng đất này vừa được vẽ vào bản đồ đính kèm trong cuốn Tân Trung-quốc sử lược, một tài liệu ấn hành lần đầu tiên vào năm 1952 dành để huấn luyện thanh thiếu niên Cộng sản Trung-hoa nhằm nung nấu ý đồ xâm lược.

Trường hợp Việt Nam, ai nấy đều biết, sau trận Bạch Đằng 938, Việt Nam đã không khi nào còn chấp nhận nền đô hộ của Tàu. Việc triều cống sau này chẳng qua chỉ là một hình thức ngoại giao để tránh nạn binh đao....”

Vạch một biên giới bao rộng như trên, Tàu sẽ làm gì để thực hiện ý đồ ấy? Hỏi tức là đã trả lời.

Để cùng đối đầu trước ý đồ xâm-lược của Tàu, các tiểu nước trong vùng Đông Nam Á **cần thiết lập một thế liên hoành để sống, còn, tiến hóa chung.**

Qua lịch sử, chúng ta đã thấy Hoa tộc (Tàu) chiếm đất, giành dân và cướp đoạt văn hóa Việt (Bách Việt) từ khi Hoàng Đế (Vua thủy tổ của nòi Hoa) chiến Suy Vưu, chiếm lấy vùng Hoàng Hà và Dương Tử Giang. Tiếp sau đó dân Bách Việt phải linh lạc (Nam thiên) khắp nơi, kể ở lại thì bị đồng hóa, ngoại trừ chi Lạc Việt (ViệtNam) kiên cường đấu tranh để bảo vệ bờ cõi và không chịu Hán (Hoa) hóa.

Diện tích Lạc Việt tuy nhỏ bé, nhưng lại cực kỳ quan trọng tại Viễn Đông.

Đối với Trung quốc, nước Việt Nam có thể ví như một cuống phễu, nếu Trung quốc thông được cuống phễu này thì dễ dàng nối hai đầu cầu Taiwan và Singapore khả dĩ làm bá chủ Thái Bình Dương.

Đối với các cường quốc Âu, Mỹ muốn dễ xâm nhập ảnh hưởng Tàu đều cần đến vị trí chiến lược ở Việt Nam. Nói cách khác, ngày nào mà Việt Nam vẫn còn đơn độc trong khối Bách Việt (Lào, Miên, Thái, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Miến Điện) thì ngày đó Việt Nam vẫn còn là tuyến đầu tranh chấp của các siêu cường tại Thái Bình Dương. Mọi hoạt động đấu tranh cũng như kiến quốc nếu không nhìn xa tới khối Bách Việt thì dù có thành công, nhưng sự thanh bình cho đất nước cũng không được lâu dài.

***- Thế Liên Hoàn Bách Việt.**

A/ Vấn đề chủng tộc và văn hóa Viêm Việt:

* Dứt khoát tư tưởng: Tàu là Tàu, Việt là Việt, Việt khác Tàu”.

* Dùng khảo cổ học, chủng tộc học, di truyền học và lịch sử di dân để chứng minh người Việt Nam cùng chủng tộc trong khối Bách Việt.

* Sử học: “*Nước Việt ta thuở trước, vốn xưng văn hiến đã lâu, sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác...*”

* Khảo cổ học:

Tiến sĩ Wilhem G. Solheim II đã đưa ra nhiều giả thuyết mới:

+ Văn minh Yangshao (Ngưỡng Thiều) thuộc thời kỳ đồ đá mới là do nhánh văn hóa Hòa Bình truyền lên vào khoảng 8, 7 ngàn năm trước C.N.

+ Cả hai nền văn hóa Lungshan (Long Sơn) và Vangshao (Ngưỡng Thiều) phát xuất từ nền văn hóa Hòa Bình.

+ Vào thời kỳ 3000 năm trước C.N. đã có một số thuyền của người Đông Nam Á cập vào Nam Dương, và Phi Luật Tân. Các thuyền này đã chở theo nghệ thuật làm đồ gốm, khắc gỗ, vẽ mình và nhuộm áo.

* **Văn Hóa:** Viêm tộc chính là chủ nhân ông của nền “văn hóa Dịch Lý nông nghiệp”.

Khi nói đến văn minh Dịch Lý (Kinh Dịch là cuốn sách có từ lâu đời nhất ở Viễn Đông), điểm quan trọng là nên xét về mặt thực tế, nếp sống của dân tộc nào đã thể hiện và nắm vững tư tưởng chủ đạo sinh hoạt hay nhận thức vũ trụ quan làm môi sinh cho tập thể, từ đó quy định hướng sống và tác phong chung cho dân tộc. Nói cách khác, mối tương quan giữa “Dịch Lý” và nếp sinh hoạt của dân Việt thật chặt chẽ. Chỉ cần nêu lên một số dẫn chứng cụ thể, ta sẽ thấy sự ứng dụng rất ráo về kinh Dịch trong văn hóa Việt, như:

- Các nhịp 2, 3, 4 trong tiếng Việt : tỉ-mĩ, tầm tã, phát-phơ, lơ-tơ-mơ, cuống-cà-kê, luống-ca-luống-cuống, hốt-ha-hốt-hải, v.v....Nếu chỉ dùng các môn ngữ pháp, ngữ học thì không thể nào giải thích một cách thỏa đáng.

* Về kiến trúc: Cách lợp ngói âm - dương.

* Về triết học: Tư tưởng “âm dương đối nghịch hỗ tương luật tắc” là do từ kinh nghiệm nghề canh nông mà có. Nhà nông rất cần có “mưa thuận gió hòa”

* Về phong tục, tập quán:

Theo kinh nghiệm của nhà nông “*nhất nước, nhì phân, tam cần tứ giống*”. Bởi vậy mới nảy sinh một số tục ngữ, ca dao: “*nhân nào quả nấy*”, “*Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh*”; Uống một ngụm nước phải nhớ đến nguồn của dòng nước; ăn một chén cơm cũng phải nhớ kẻ đâm, xay, dầm, sàng. Đi xa hơn, đạo thờ cúng tổ tiên

và các vị anh hùng dân tộc được thịnh hành và mang một ý nghĩa sâu xa của người Việt...

- * Tia Sáng Hình Thành Thế Liên Hợp:

Tiếng gọi liên kết các nước tiểu nhược trong khu vực Đông Nam Á đã được cất lên, trước hết tại Thái Lan năm 1939, và sau đó tại Việt Nam vào năm 1943.

Đầu tháng 8/1963, ba nhà lãnh đạo Nam Dương, Phi Luật Tân và Mã Lai (Tổng thống Sukarno, Tổng Thống Phi Luật Tân Macapagal và thủ tướng Liên Bang Mã Lai Rahman) đã đưa ra hai văn kiện: Bản Tuyên Cáo Manila và Thông Cáo Chung khẳng định ba nước Malay đều sát cánh trong công cuộc “*chiến đấu chống lại chủ nghĩa thực dân và đế quốc*”. Điều quan trọng hơn hết, tuyên cáo nhấn mạnh hội nghị cấp cao ba nước là những bước đầu tiến tới thành lập Liên Bang Maphilindo. Tuy hình thức liên kết **Malphilindo** đã không thành, một phần lớn vì ảnh hưởng của các cường lực bên ngoài.

Ý thức Malphilindo đã và đang làm bố đước lý tưởng soi đường cho nỗ lực kết hợp của hậu duệ Bách Việt - Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (**ASEAN**) được thành lập qua tuyên ngôn Bangkok năm 1967 gồm 5 nước: Indonesia, Phillipines, MãLai, Thái và Singapore.

-* Phương Thức Tiến Tới Thế Liên Hoàn Bách Việt Trong Tương Lai

Con cộp Tàu qua hơn thế kỷ ngủ quên, nay chợt tỉnh giấc và đang cố vươn lên mọi mặt, nhất là về kinh tế, chính trị và quân sự. Các nhà lãnh đạo Trung quốc trong thâm tâm vẫn giữ chủ trương bành trướng lãnh thổ, lãnh hải. Riêng đối với Việt Nam, Tàu đã chiếm đóng toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và một phần quần đảo Trường Sa...

Đối với biển Đông, Tàu đã chính thức tự xác nhận chủ quyền của họ xuống tận quần đảo Nam Dương từ năm 1992. Trong năm 1993, Tàu đã chi 9% tổng sản lượng quốc gia vào chi phí quân sự.

Điều này hùng hồn chứng tỏ ViệtNam lại một lần nữa đóng vai trò lá chắn cho toàn vùng Đông Nam Á đối kháng sự bành trướng của Tàu.

Để hợp tác hay đối phó hữu hiệu với Tàu, các quốc gia thành viên khối ASEAN phải thật sự đoàn kết nội bộ dựa vào những nét chung về chủng tộc, về lịch sử đã cùng mối đau thương bị linh lạc do dã tâm Thiên triều chủ nghĩa (Tàu), về tương lai cho sự sống, còn, tiến nổi hóa.

*** Nguyên tắc vận động:**

- Dẫn chứng lịch sử trong mỗi quốc gia trong khối bách Việt đã ê-chề bị ngoại nhân thống trị hay tước đoạt quyền lợi.

- Đối với Việt - Miên - Lào cần giải tỏa sự sai lầm về mối thù truyền kiếp cận đại.

- Việt bị Hán và Pháp cai trị.
- Lào và Miên thời Pháp thuộc.
- Phi, Nam Dương bị Đức xâm chiếm.



III/ Cần Có Một Cuộc Cách Mạng Toàn Diện - Triệt Để và Hưởng Thưởng:

Cách mạng là một nhu-cầu thiết yếu để vươn lên trong một tiến trình: *sống, còn, tiến nổi, hóa*. Ý nghĩa của cách mạng là *tu chính con người, hoàn thiện xã hội* để cho sự tương quan giữa người với người được hợp lý hơn.

Cách mạng trên phá hoại địch thủ chỉ là thành công tương đối. *Thành công tuyệt đối là kiến thiết*. Nói cách mạng phải đi đôi với kiến thiết. Kiến thiết thất bại, chứng tỏ cách mạng chưa thành công.

Lịch sử đấu tranh gần đây, chứng tỏ sự thất bại về kiến thiết cho đất nước! Sự thất bại trên nhiều mặt: kinh tế, xã hội, giáo dục, y-tế, thương mại, kỹ thuật, chính trị,

- Về kinh tế, nói tiến bộ thì phải dựa trên cụ thể “tổng sản lượng quốc gia (GNP = Gross National Products). Tổng sản lượng quốc gia Việt Nam không cần so sánh ở đâu xa, chỉ so với Thái Lan, một nước có cùng kích thước với Việt Nam cách đây khoảng 30 năm, nhưng ngày nay mức sản xuất của Thái Lan đã cao hơn nhiều lần nếu so với Việt Nam. Lợi tức quân bình hàng năm trên đầu người chỉ đạt tới mức 200 mỹ kim trong khi người dân Singapore trung bình 25,000, dân Nhật 38,000 US.

Bọn cầm quyền từng hô hoán “*Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Nhưng thử hỏi: Định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào? Thì chính ban lãnh đạo Cộng sản Việt Nam cũng ú-ớ chẳng có câu trả lời rõ ràng và cụ thể! Điều này nói lên mức độ hết sức vô trách nhiệm của bọn đầu sỏ Cộng Sản Việt Nam hay Cộng hòa Xã Hội chủ nghĩa.

- Về xã hội: Nếp sống suy đồi ở Việt Nam hiện nay là kết quả của quá trình cải tạo con người dưới chế độ Cộng Sản hay Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhân tính được thay thế bởi chủ nghĩa hận thù. Tình người bị xóa bỏ dưới chủ trương bạo lực, khủng bố, hủy diệt sức sống quật cường bất khuất của dân tộc. *Sự đối trá* và những thủ đoạn “*chia để trị*” làm đảo lộn nếp sống gia đình, xã hội, *hủy diệt lòng thành tín, và làm nảy nở óc hoài nghi*.

Năm đợt “cải cách ruộng đất” (từ năm 1952-1956) đã tỏ rõ thực chất tàn bạo và âm mưu tiêu trừ truyền thống cùng cơ cấu xã hội của dân tộc!

Tuổi trẻ được đảng dạy theo dõi cha mẹ, hình dung ra những tội ác tưởng tượng, về hùa với đám đông trong việc hăng-hái *tố khổ* ông bà, cha mẹ chúng!

*Anh em ơi! Quyết chung lưng
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung, tử thù
Địa hào, đối lập ra tro
Lưng chừng phản động đến giờ tan sương...”*

(Xuân Diêu)

Ngày nay, lý tưởng của tuổi trẻ là vào “đảng”. Có là đảng viên đảng Cộng Sản mới có chức vụ, quyền uy, và có cơ hội vợ vét, làm giàu. Chính sách “*Hồng hơn chuyên*” đã làm thui chột trí thông minh, lòng lương thiện và tinh thần dũng cảm!...

Xã hội ngày nay đảo điên, truyền thống “vui vẻ cả làng” hay “hài hòa” đã không còn trong tâm khảm người dân Việt!

Khác với ngày nay, học đòi tư tưởng “Duy Vật” và cho đó là “*đỉnh cao trí tuệ*” nên đã đánh mất tinh thần “*dung hóa*” cao đẹp của cha ông đã rực sáng dưới thời Ly - Trần.

Ông cha ta đã dung hóa tài tình “*ba chân kiềng*” Lão học - Phật học và Nho học” chế hóa, bổ-khuyết cho nhau.

Đạo của Lão tử xa với thực-tế, nhưng lý-tưởng thanh thoát đã rọi rõ tính chất “trần tục”, “thô kệch” về tổ-chức xã hội với cương-thường, trật tự của Nho học.

Chính nhờ ảnh hưởng của Lão học, nên vua chúa dưới thời Lý - Trần không lòa quáng với danh-hiệu “thiên tử”, tránh những hành động chuyên chế, bạo lực.

Cùng một chiều hướng và có lẽ mạnh hơn Lão học là Phật học. Đặc tính của Phật học là không lưu ý đến vấn đề tổ chức và điều hành xã hội. Người đã cắt tóc đi tu mà còn lưu ý đến xã hội thì không phải là người thực sự tu hành theo Phật học.

Khi cả hai Lão học và Phật học đều được chú ý như Khổng học thì vua chúa tất coi ngai vàng đang ngồi chỉ là phương tiện để gánh vác một chức vụ nặng nề, chứ không phải là tặng phẩm trời cho hay đẳng cho. Vua chúa hai triều Lý - Trần thấy mình cũng là người như muôn nghìn người khác, chỉ khác nhiệm-vụ mà thôi.

Ngoài tính cách trên, nơi dân gian có sinh khí “*hòa hài*”, một tinh thần thanh thoát để cuộc sống được nhẹ nhàng. Nơi vua chúa coi nhẹ ngai vàng để đi tìm những ngày tháng thanh nhàn cho thần trí, nơi quảng đại nhân dân, sau những nỗ lực sinh tồn mệt mỏi thì hấp thụ thú an nhiên qua những tiếng chuông “*chiêu mộ*” vang vang từ những ngôi chùa núp sau những bóng đề nơi gần làng.

Cảnh sắc nước Việt xưa là cảnh sắc Đình, chùa, miếu và từ đường. Có bao nhiêu nơi thờ tự là có bấy nhiêu hội hè, đình đám. Đặc tính của hội hè là hoàn toàn miễn phí và có tính cách đại chúng, kể cả những múa hát, trình diễn trên sân khấu.

Những hội hè đình đám không phân biệt trai, gái, già trẻ, đẳng cấp mà là những cơ hội chung vui, cùng ăn, cùng chơi, vừa gây tinh thần tập thể chặt chẽ, vừa xóa đi những cách biệt, vừa giải tỏa những mệt mỏi, những căng thẳng trong những sinh hoạt thường nhật.

“*Ôn cố nhi tri tân*”, nếu chúng ta công nhận thời Lý - Trần là thời kỳ vàng son trong lịch sử thì chúng ta nên duy trì những cái hay của tiền nhân đồng thời tiếp thu thêm cái mới thay vì “*Tam Giáo Đồng Lưu*” thành “*Tông Giáo và khoa học đồng lưu*” để đời sống quốc dân được “*thái hòa*” trong thời đại khoa học.¹

* Quốc Gia Nạn:

Mặc-dù tập-đoàn Cộng sản Hà-nội đã cưỡng chiếm miền Nam, thống-nhất lãnh-thổ suốt từ Nam ra Bắc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trên danh nghĩa, tuy “*ôn-ào*”, hô to “*độc lập*” và “*thống nhất*”, nhưng tiếc thay, trên thực-tế mọi lãnh-vực của đất nước Việt đều bị nước ngoài chi-phối, và thao-túng!

Nói đến “*Quốc Gia*”, tiếng Pháp hay tiếng Anh gọi là “*Nation*”, bao gồm 3 yếu-tố: Về *vật-lý* chỉ tiếm phận, đất liền, không phận, và hải phận, về *sinh lý* là một xã-hội kết-hợp nhiều sắc-tộc chung sống với nhau; về *tâm lý* là cùng một ý-chí, một chiều-hướng tồn tiến để rạng sáng thành một *nền văn-hóa đặc-thù*.

Quốc gia lâm nạn khi một hay cả ba yếu-tố trên suy bại, khiến quốc dân không thể phát-triển, và nhân dân sống trong cảnh lâm-than, tủi-nhục!

Đối với Cao Bá-Quát trong thời Nguyễn:

“*Bình Dương, Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn,*

1- Thí dụ lấy “*từ bi*” trong Phật học với “*Bác ái*” trong Thiên Chúa giáo để hóa-giải hận thù; lấy Lão học để vui thú với thiên nhiên, để bồi dưỡng và bảo vệ môi sinh; lấy “*tứ ân*” của Hòa Hảo để nâng cao nền luân lý dân tộc, lấy tinh thần Cao Đài để thấy cái hay của nước người, lấy tinh thần khoa học mà loại bỏ những tín điều phản nhân loại, mù quáng; lấy Khổng học để giữ lấy điều “*lễ*”, “*nghĩa*” nơi công cộng; ...

Mục dã sơn điền hữu Võ, Thang”

thì “quốc gia nạn” chính là chế độ vua quan triều Nguyễn. Giải-quyết quốc nạn trong trường-hợp này, chỉ cần thay đổi chế-độ là xong.

Ngày nay, dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam do tập-đoàn Cộng Sản lãnh-đạo đã để Trung Cộng (Tàu) chiếm nhiều đất đai của nước Việt!

Những quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Tàu gọi là Tây Sa và Nam Sa.

“Cứ theo tài-liệu ghi trong Hồng Đức Bản Đồ dưới thời vua Lê Thánh Tôn (1460-1479), ông Đỗ Bá tự Đào Phủ biên soạn trong sách “Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ ” phổ-biến vào năm 1639 đã mô-tả về “một bãi cát vàng” dài ước chừng 400 dặm, ngang 20 dặm, chạy từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh (Sa Huỳnh) thuộc tỉnh Quảng Ngãi và cách bờ biển khoảng 135 hải lý. Bãi cát vàng được xác nhận là đảo Hoàng Sa. Ngoài ghi nhận kể trên, trong quyển I, Hoàng Việt Địa Dư Chí của Phan Huy Chú, quyển 6 bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đại Nam Hội Điển Sử Lệ của Quốc Sử quán triều Nguyễn, Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn, tất cả các tài liệu này có ghi chép nhiều dữ-kiện liên-quan đến Hoàng Sa..

Ngoài ra, Công pháp quốc tế đã ấn-định: Các đảo ở gần quốc gia nào thì thuộc quyền sở hữu của quốc gia đó. Sự ấn định về thêm lục địa càng rõ-ràng hơn . Thêm lục địa là phần đất nằm dưới mặt nước biển nối liền từ bờ biển của một quốc gia trải dài cho tới lúc có độ sâu 200 fathom (fathom = 18828 mét). Các quần-đảo Trường Sa và Hoàng Sa đều có thêm lục địa nối liền với bờ biển Việt Nam không có khoảng cách cũng như không có độ sâu quá mức công pháp quốc tế quy-định.

Những dẫn giải kể trên cho thấy rõ-ràng chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngoài ra, khi phái đoàn chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tham dự hội nghị quốc tế nhóm họp tại San Francisco năm 1951 không có quốc-gia nào phản đối về chủ quyền hai quần đảo này thuộc Việt Nam.

Thế mà do hiệp-định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Tàu ký tại Bắc Kinh ngày 25 tháng 12 năm 2000 giữa bộ trưởng ngoại giao Tàu Đường Gia Truyền và bộ trưởng ngoại giao Việt Nam cộng sản Nguyễn Duy Niên ký. Sự phân chia theo hiệp định là:

- 53.23% diện tích vịnh Bắc Bộ thuộc Việt Nam.
- 46.77% thuộc Tàu.

Tổng diện-tích toàn vịnh Bắc Bộ là 126250 cây số vuông.

Với sự phân chia cũ của hiệp ước Patenôtre (1885) theo tỷ lệ 62/38 - Đáng lẽ ta có đủ lý lẽ để đòi thêm, nhất là dựa trên công pháp quốc tế về luật biển thì ta đã bị Tàu ép buộc một cách vô lý để họ lấn tới. Diện tích bị mất thêm là gần 10000 cây số vuông!!! (Nếu dựa trên công pháp quốc tế về luật biển, như vậy, ta đã bị Tàu ép buộc một cách vô lý để họ lấn tới.)

- Về kinh tế:

- Tình trạng buôn lậu trầm-trọng ở biên-giới Việt-Trung gây nguy-cơ cho nền kinh-tế VN bị phá sản. Hiện nay có thể nói hàng hóa Tàu chế tạo từ xe đạp, bình thủy, bàn ủi, kim may, v.v.... đến vật dụng nhà bếp cũng tràn ngập từ thành thị đến thôn quê. Tình-trạng này dẫn đến sự bóp nghẹt các ngành sản-xuất Tàu. Đó là chưa kể đến mách-mung đút-lót các viên chức tham-những của chính quyền để nắm lấy các cơ-sở sản xuất, các mối đầu-tư béo bở. Lối lũng-đoạn kinh-tế như thế là cách xâm-lược không tiếng súng.

- Một thủ-đoạn vô cùng hiểm ác là Tàu đã đơn phương thực-hiện dự-án với kế-hoạch xây một chuỗi đập ở thượng nguồn sông Mekong. Họ đã thực-hiện xong 6 đập: Manwan, Bashaoshan,

1- Phùng Ngọc Sa, “Vì Sự Phản Bội của CSVN, Trung Cộng Chiếm Đoạt Hoàng Sa và Trường Sa:”, Báo Bách Việt, tháng 3/1995

Jinghong, Xiaowan, Naguzadu và Mengsong.

- Việc Tàu ngăn đập, tạo hồ lớn ở thượng nguồn Mekong sẽ gây ra những hậu-quả nguy hại cho dân Lào, Kampuchia và đặc-biệt là dân Việt Nam ở cuối nguồn. Đây là một đại họa trực-tiếp đe-dọa sự sống còn của dân tộc Việt Nam vì mất nguồn phù-sa bón ruộng, mất nguồn thủy sản để sinh sống. Mặt khác, nước biển sẽ tràn ngập đồng ruộng vùng đồng bằng sông Cửu Long, và từ đó nhận chìm cả vùng Cà Mau và vùng duyên hải Nam Việt Nam. Chuỗi đập đó có khả-năng chặn giữ khoảng 120 tấn phù-sa hàng năm. Hiện-tượng có cá sấu vào các vùng nước ngọt là vì vậy.

- Hàng hóa Tàu tràn ngập qua các ngã biên giới một cách dễ-dàng, giá rẻ hơn hàng nội địa từ 40 đến 50%. Biết bao nhiêu giai-đoạn Tàu nhằm triệt tiêu nền kinh-tế Việt Nam. Sau 1975, Tàu đã tung ra nhiều đòn:

- Mua móng chân trâu với giá cao làm nông dân ham tiền đã giết trâu, bỏ phần bán thịt, phần bán móng chân trâu bỏ với giá cao. Trong khi máy cày còn khan hiếm, thợ máy chuyên môn chưa sẵn-sàng, cộng chính sách “*hợp tác xã*” bỏ tư hữu, gây nhiều ruộng Việt đành bỏ hoang!

- Những năm đầu 1975, 76, 77 đồng tiền Việt Nam còn giá trị, sau đó liên-tiếp bị Tàu in ra bạc giả Việt Nam. Có lẽ để tránh nguy-cơ phá sản, bên Việt Nam bèn phá giá một đô-la ăn bằng nghìn mốt, ngàn hai, ngàn rưỡi tiền Việt!

- Tung tin “*thịt mèo ngon và rất bổ*”, mua mèo với giá cao, nên dân Việt bèn bán mèo sang Tàu gây nạn chuột đồng phá hại mùa màng!

Tàu còn áp dụng nhiều biện-pháp bổ sung như chính sách xuất khẩu bán phá giá, còn gọi là đầu mại (dumping), giá mặt hàng Tàu bán ở vùng biên giới rẻ hơn nội địa Tàu. Đó là mặt trái của quan-hệ Việt - Trung, mà mục-tiêu lâu dài là biến kinh-tế Việt Nam thành nền *kinh tế ngoại biên (économique périphérique)* theo định-nghĩa của Raoul Prebisch, tương-ứng với quan điểm “*Tứ Di*” của Tàu.

* Về hành-chánh, lãnh-vực lãnh-đạo quốc gia:

Tàu đã không cần đến vị-thế quốc gia! Để cho dân Tàu tự do qua lại Việt Nam, Tàu đã mua chuộc tay sai của chúng, một tên giám-đốc sở di trú mà lại có thẩm quyền như một bộ trưởng bộ ngoại giao để ký sắc lệnh “*không cần chiếu khán đối với người Tàu nhập cảnh Việt Nam!*”

Sự đi lại giữa hai nước Tàu và Việt Nam **không cần chiếu khán xuất nhập cảnh** là một nguy cơ về mặt dân số và đồng hóa. Người Hoa thường-trực ở Việt Nam dưới dạng du khách và thương gia, họ tiếp-tục vào Việt Nam không ồ-ạt nhưng liên-tục, tích-lũy từ triệu đến triệu rưỡi. Di dân người Tàu đang là một đe dọa khủng-khiếp cho Việt Nam. Đó là *đoàn quân thứ năm phát-triển đồng bộ với cuộc Nam tiến lấn đất ở biên-giới Việt Trung, giành đất ở Biển Đông và bao-vây ở biên giới Việt Lào.*

Vấn đề nguy hiểm về Hoa Kiều tại Đông Nam Á vì họ sẽ trở thành một đầu cầu vững chắc cho cây cầu xâm lược được bắc từ Tàu trong tương lai.

“*Đối với Hoa Kiều cả hai chính phủ Tàu đều cùng can thiệp mạnh-mẽ với các chính-phủ liên-hệ để giảm bớt các biện-pháp có thể nguy hại đến quyền lợi (bất chính) của tập-thể này tại các nước.*

“*Một nước Tàu nhỏ đã được thành hình trong lòng Đông Nam Á để sẵn-sàng trở thành quân tiên phong ghi chiến-tích đầu tiên trong cuộc bành trướng của người Tàu ở nơi này. Thật vậy, ngày nay không ai còn ngờ-việc Sin-ga-pua đã trở thành một nước Tàu nhỏ, nhưng ngay từ 1960, nằm trong dự kế Tàu hóa.*”¹

- Trung Cộng ra lệnh cho bọn tay sai ở bộ chính trị cộng sản Việt Nam làm xa lộ

1-Lê Đình Thông, “Mười năm Quan Hệ Việt Trung, Tham Luận hội thảo chính trị 96 tại Washington DC ngày 23, 24/4/ 96.

Trường Sơn để Trung Cộng lập các căn-cứ quân sự kiên-cố trong các hang núi cho chuẩn bị chiến tranh. (Biết đâu các căn-cứ này, chính là nơi đầu não Bắc Kinh trú ẩn để phòng khi Trung Cộng bị Hoa Kỳ oanh tạc. Bọn lãnh-đạo Bắc Kinh nghĩ là Hoa Kỳ không ngờ họ lại trú-ẩn ở vùng Trường Sơn, chứ không phải tại một căn-cứ bí mật nào đó trong hẻm núi ở nội địa nước Tàu mà Hoa Kỳ đã chấm sẵn tọa-độ oanh tạc). Xa lộ Trường Sơn này Trung Cộng có thể di chuyển quân nhanh chóng từ vùng Hoa Nam (tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây) đi qua Việt Nam, Lào, Campuchia xuống tận Thái Lan.

- Trung Cộng buộc cộng sản Việt Nam xây hơn 10 cây cầu bắc qua sông Hồng để tiện cho Trung Cộng đổ quân tràn khắp Việt Nam khi cần thiết. Trung Cộng viện trợ cho VC lập đường sắt chạy từ thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam nối tới Hà Nội để tiện việc buôn bán hay chuyển quân và vũ khí qua Việt Nam khi cần thiết.

Tinh thần “*dựa-dẫm*” (tay sai) của bộ chính-trị Cộng sản Việt Nam đã được chính bọn tay sai xác-định trong nghị quyết ngày 20-5-1988: “*Thay vì dựa hẳn vào một vài nước như trước đây ta đã làm, nay cần phải đa dạng hóa và đa phương hóa quan-hệ quốc tế.*” ?

Nếu quốc gia nạn được kịp thời giải-quyết thì những nứt rạn dân tộc được hàn gắn lại, Trường-hợp trái lại, quốc-gia nạn càng kéo dài, hoặc bị giải-quyết một cách lường gạt thì chẳng những quốc-gia nạn vẫn còn, mà dân tộc nạn càng sâu rộng, trầm-trọng thêm!

Dưới chế-độ Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam cộng thêm những mưu-toan xâm-lược dưới nhiều hình-thức của Tàu không những đã gây nên “**Quốc gia nạn**” đồng thời sinh ra “**Dân tộc nạn**”!

Dân tộc nạn là sự rạn nứt lâu dần đi đến tan rã khối tập thể nhân dân và nhất là sự **xâm-nhập những nét văn hóa ngoại lai và sự phá bỏ văn hóa dân tộc** trong một tinh thần **lợi danh vọng ngoại**.

Nếu quốc gia nạn được kịp thời giải quyết thì những nứt rạn dân tộc được hàn gắn lại, Trường hợp trái lại, quốc gia nạn càng kéo dài, hoặc bị giải-quyết một cách lường gạt thì chẳng những quốc gia nạn vẫn còn mà nứt rạn dân tộc càng sâu rộng, trầm-trọng thêm!

Dân tộc là một dòng sống kết tập từ nhiều nguồn hay từ một nguồn chính yếu. Dân tộc có một đời sống tập thể riêng, một cộng đồng có nếp sống văn hóa đặc thù, và một lịch sử chuyển biến thịnh suy. Dân tộc lâm nguy khi tinh thần tập thể tức ý chí sống còn, tiến hóa chung bị rã-rời, tinh thần bảo toàn nếp sống văn hóa bị suy yếu, và tinh thần tự hãnh ở nếp sống đặc-thù không còn. Nếu tình trạng này đi đến kết thúc tức là dòng sống dân tộc tịch diệt, mặc dầu về mặt sinh lý tuy vẫn còn những con người mang huyết chủng của dòng sống cũ đang sinh hoạt trên lãnh thổ hay tại một nơi nào khác nhưng chỉ là những **xác cũ hồn mới**!

Những sinh hoạt không hồn nếu có chỉ là những váng bọt vật-vờ trên dòng nước chảy, trước sau những huyết chủng này cũng tan hòa, biến mất trong dòng mà chúng bị cuốn theo. Đó là tình trạng những dân tộc bị tịch diệt.

Dân tộc Việt đang trên bờ vực thẳm qua hai mặt “quốc gia nạn” và “dân tộc nạn” do bọn cầm quyền Cộng Sản Việt.

Bản chất biến cố lịch sử mà dân tộc Việt bị mắc vào trong thời gian cận-thị của triều đình Nguyễn (*Nguyễn Gia Long*), tiếp là thời kỳ Pháp đô hộ, chuyển sang thời gian

đụng độ giữa hai siêu cường Nga-Mỹ lấy đất Việt làm trận tuyến, **tệ hại hơn ngày nay trên danh nghĩa độc lập và thống nhất, nhưng thực tế yếu hèn, lệ thuộc, van xin, cầu cạnh, băng hoại, bất lực.**

Tinh thần tập thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình tự dân tộc đã kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường gạt một cách quá sức tưởng tượng, một mặt chính những tình cảm ấy tuy không chính thức bị cấm đoán nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn giải “*yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa*”!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh, đê tiện, giả dối. Càng trẻ càng điêu ngoa, trăng tráo. Tập đoàn cộng sản đã đào tạo cho lớp trẻ thay vì nuôi dưỡng “*nghĩa khí, hào hiệp*” thì lý tưởng khao khát của thanh niên thời đại là làm sao được tuyển vào hàng ngũ tổ chức gọi bằng danh từ “*đảng*”, và khi được tuyển vào đảng chỉ biết bảo vệ quyền lợi đảng trên hết dù đi ngược lại quyền lợi dân tộc và đất nước! Tinh thần dân tộc đã hoàn toàn bị phá hoại. Những ngôn ngữ, những việc làm liên quan đến văn hóa, lịch sử dân tộc chỉ là những công tác hóa trang, tuyên truyền!

Tất cả những nét văn hóa truyền lại từ ngàn xưa tại nông thôn như tổ chức thôn ấp, đình miếu, tộc đường,... thậm chí đến cả gò đồng, cây đa, con ngòi cùng với danh hiệu, tất cả đều đã bị triệt phá, thay hình đổi dạng, khiến một người đi xa lâu ngày trở về không khác nào đến xứ lạ, và tất nhiên những thế-hệ trẻ lớn lên là lớn lên trong một khung cảnh hoàn-toàn không còn liên-quan đến quá khứ!

Những cứ điểm văn hóa dân tộc đã đương đầu với cả ngàn năm đồng hóa thời Bắc thuộc và hóa giải cả 8, 9 trăm năm cái học-thuật mị ngoại của thời vua chúa và cũng đã chối bỏ được văn hóa lai-căng, bồi đắp thời Pháp thuộc - ***Những cứ điểm làng mạc quê mùa ấy đã bị tập đoàn cộng sản triệt hạ! Trọng tội này, tập đoàn cộng sản Hồ Chí Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng đối với lịch sử dân tộc Việt?***

Những nguy kịch này không riêng ở trong nước, mà còn ở thành phần dân tộc nơi hải ngoại. Chỉ trong vòng ít năm tới đây, số người Việt ở hải ngoại còn nói được tiếng Việt trong giao tế hàng ngày với nhau liệu còn được bao nhiêu? Số người còn có những kiến thức về lịch sử, và thưởng-thức được những tinh-tế trong văn chương Việt lại càng thưa-thớt hơn nhiều! Những khối người nhỏ-nhoi trôi giạt khắp nơi trên thế-giới khác nào những tảng băng trôi giạt tới các biển nắng ấm đang tan rất mau những bản chất của dòng sống dân tộc Việt!

Quả là một tình trạng bi đát cho Mẹ Việt Nam!!!

*“Sống tủi làm chi đứng chật trời
Sống nhìn thế-giới hổ chẳng ai?
Sống làm nô-lệ cho người khiến
Sống chịu ngu si để chúng cười
Sống tưởng công danh không tưởng nước
Sống lo phú quý chẳng lo đời
Sống mà như thế đừng nên sống
Sống tủi làm chi, đứng chật trời!”*

(Phan Bội Châu)

* Yếu Tố Dân Tộc:

Dân-tộc phải lấy “*Sáu Dân*” làm chính-sách:

- 1- Dân-tộc độc-lập.
- 2- Dân-vực trọn vẹn.
- 3- Dân đạo phát-dương.
- 4- Dân sinh quảng đại.
- 5- Dân văn sáng-hóa.
- 6- Dân trị chỉnh-sức.

Thiếu một trong sáu (6) điều-kiện trên, dân-tộc lâm vào tình=trạng suy yếu.

1/ Thế nào là Dân Tộc Độc Lập?

Theo nhà tư-tưởng Lý Đông A được ghi trong “*Huyết Hoa*”, Gió Đáy xuất bản năm Kỷ Dậu:

“Dân tộc là một bản-vị mà gia-đình đoàn-thể, thành phần, cơ-cấu kinh-tế, chính-trị, xã-hội, quân-sự là các cơ-năng trong bản-vị dân tộc. Cơ-năng và bản-vị phải hỗ-tương thì dân tộc mới tồn tại, phát-triển.”

“Mỗi nòi giống có một trung tâm sống còn đó là quốc-gia. Quốc-gia là giai-đoạn cuối của sự hình thành dân tộc. Quốc gia do tự nòi giống ấy quản-lý lấy và do quyền nhân dân xử trí. Mỗi dân tộc có quyền lợi đương nhiên trên quốc dân mình, có chủ quyền siêu nhiên, có tư-cách lịch sử bình-dẳng quốc tế, có cơ-hội, nghĩa-vụ và quyền lợi đối với quốc-tế trong mối tương-quan nhân loại. Do đó, tính chất độc lập của mỗi dân tộc cần được tôn trọng”.

Ba tính chất “độc lập” cần được lưu ý là **“Độc lập chân chính”**, **“Độc lập thực tại”**, và **“độc lập siêu nhiên.”**

“ Sự độc lập thật sự của một dân tộc khi không bị can-thiệp ở trên ý chí đưa dẫn



*vận-mệnh dân tộc, nói cách khác, đối ngoại không bị ngoại bang nào can-thiệp, đối nội không bị một công cụ đảng của quốc-tế thao túng. Có đạt được một quốc cách hoàn-toàn trên độc lập của mình thì mới gọi là “**độc lập chân chính**”.*

Một khi toàn thể nhân dân đủ khả năng tinh-thần cũng như vật chất, tự mình làm chủ đời sống mình, không bị chi-phối bởi bất cứ một áp-lực dưới bất cứ hình thức nào mới được gọi là “**độc lập thực tại**”.

Và khi tinh thần của quốc dân không bị văn hóa hay chủ nghĩa nước ngoài chi-phối, nền văn minh dân tộc hoàn toàn tự lực mới gọi là “**độc lập siêu nhiên**.”

“Dân tộc phải được quan-niệm là một bản thể sống còn trên chính-trị quốc-tế, tập đoàn nhân loại, nơi gặp nhau theo tự nhiên phân bố và tích lũy mà thành một văn hóa đặc thù.

“Đối với quốc-tế, quốc-gia dân tộc chỉ là một cơ-năng có hết các cơ-hội, nghĩa vụ và quyền lợi đối với tác dụng và mục-đích của loài người. Quyền lợi đương nhiên của dân tộc ở ngay trên bản thể sinh mệnh của nòi giống. Tư cách lịch sử của mỗi dân tộc quyết định sự hoạt động bình đẳng trên quốc tế.”

2/ Thế nào là Dân Vực Trọn Vẹn?

- Dân vực là bản thể của tự nhiên phân bố đối với sống còn của dân tộc, quốc gia là trung tâm sống còn của nòi giống. Mỗi quốc gia có chủ quyền trên quốc phòng của quốc gia, có bốn-phận khai thông thông-thương quốc tế để thực-hành cương thường nhân loại.

Mỗi quốc gia có chủ quyền về lãnh thổ (không, hải, lục, tiếm) lấy đó làm bản thân của tự-vệ cho nòi giống đối với các hành-vi bất hợp pháp trên quốc tế về quân sự, hay kinh-tế.

Mảnh giang sơn gấm vóc là do biết bao công lao của tiền nhân để lại. Bởi vậy, con cháu có bốn phận giữ gìn, bảo vệ.

Có lẽ không một dân tộc nào trên thế giới lại thiết-tha và đổ nhiều xương máu cho hai chữ ĐỘC LẬP bằng dân tộc Việt Nam.

Trong cuốn “The Birth of Vietnam”, Keith Weller Taylor đã viết “*Tổng Quát Thời Đại Hùng Vương*”:

“Mười thế-kỷ nô-lệ, người dân Việt đã thực chứng dã tâm thống-trị cũng như lĩnh-hội những điều hay, lẽ phải của Trung Hoa, dân tộc Việt vẫn có thể tiếp nhận, thưởng thức những áng thơ Đường nhưng vẫn sẵn-sàng chiến đấu bảo-vệ quê hương mỗi khi bị xâm-lăng.

“Lịch-sử Việt trải dài bao nhiêu vinh nhục để dân tộc được sống còn trước một đế quốc hùng mạnh trên địa cầu. Chính sách của người Tàu không bao giờ từ bỏ tham vọng đô hộ Việt Nam. Suốt chiều dài lịch sử qua 10 thế kỷ, Việt Nam đã tạo dựng cho mình một tinh-thần dân tộc và một nền tự trị đối đầu được với mọi manh tâm, và tham vọng của người bạn láng giềng. Tinh thần quyết tâm sắt đá này được un đúc, nung nấu qua ngàn năm đô hộ của phương Bắc. Nó bắt rễ từ tâm hồn và ý chí dân Việt không muốn mình trở thành người Hoa, hoặc chư-hầu của một đế quốc to lớn kia. Tổ tiên Việt biết nhận thức về cơ-cấu quốc gia, biết xây-dựng nền triều chính, có vua quan, và một xã hội với các giai tầng rõ-rệt, quán-quít, thân-thiết với nhau trong tương quan quân thần, huynh đệ...”

Theo thời đại, ba yếu tố thiết yếu để tạo thành một nước là dân tộc, lãnh thổ và chính quyền. Một khi lãnh thổ bị xâm chiếm hay chủ quyền để cho người ngoại quốc định đoạt, và tệ hơn nữa khi hồn Việt không còn nơi người Việt thì ta gọi là “**mất nước**”

3/ Dân Đạo Phát Dương?

“Đạo thống của mỗi dân tộc thể hiện qua tinh hoa văn hóa truyền thống của dân tộc mình, gói ghém trong triết lý, truyền thuyết, phong tục, tập quán và nếp sống, sự sinh hoạt của mỗi dân tộc.

Để đời sống của mỗi quốc dân được sống phong phú, để văn minh nhân loại được phát-triển đầy đủ, mỗi dân tộc phải hết sức phát dương dân đạo của dân tộc mình. Các dân tộc cần yểm-trợ lẫn nhau để mỗi dân tộc phát dương được hết tinh hoa đạo thống của dân tộc ấy....

Mỗi dân tộc phát-huy tinh-thần, đức tính đặc thù của mình. Văn-hóa đặc thù của mỗi dân tộc được phát triển tròn đầy mà nhân chủ được thực hiện thì văn-hóa nhân loại được phong phú, trạng-thái hòa hài giữa quốc gia với quốc gia, người với người được thể hiện và đại đồng nhất nguyên tính được sung-mãn trong nhân loại.

”4/ Dân Sinh Quảng Đại?

Cũng trong tài-liệu trên, dân sinh được diễn giảng là đời sống thực-tiễn hàng ngày của quốc dân, bao gồm đời sống vật-chất lẫn tinh-thần.

Quảng đại nhân sinh là phát-triển cao độ các mặt văn-hóa, giáo-dục, kinh-tế, thương-mại, chính-trị, xã-hội, sinh-hoạt để tạo điều-kiện sung-mãn cho việc phát triển sinh-mệnh quốc dân sao cho được tròn đầy cả 3 mặt: vật - tâm - sinh để phát-triển theo đà tiến-hóa chung của nhân-loại.

5/ Sáng Hóa Dân Văn ?

Mỗi dân-tộc là một bản-vị đặc-thù, có riêng một nền văn-hóa truyền-thống. Nền văn-hóa truyền-thống của mỗi dân-tộc cần được bồi-đắp bằng sự du-nhập đãi lọc các tinh-hoa của các nền văn-hóa khác, và bằng sự sáng-tạo không ngừng của dân-tộc ấy.

Văn-hóa mỗi dân-tộc được sáng-hóa thì vườn văn hóa nhân-loại càng thêm phong-phú.

6/ Chính Sức Dân Trị?

“Chính sức dân trị” là làm sao chỉnh-đốn lại nền chính-trị dân bản cổ truyền cho hợp với thời-đại ngày nay, để cho sinh-hoạt chính-trị của dân-tộc được hưng vượng mãi lên. Chính-trị là thiết-kế và chấp-hành dân sinh theo ba điều-kiện: nhân đạo, nhân sinh, nhân cách.

* Viễn tượng “Toàn Cầu Hóa”:

Như chúng ta đã biết, thế-kỷ XIX là thế-kỷ phát triển của Âu Châu trên toàn thế-giới, dẫn đến chế-độ thuộc địa, tàn-bạo và bóc-lột. Khối cộng sản quốc tế nhờ dựa vào phong-trào giải-phóng thực-dân mà trở thành phản đề của tư bản.

Đối kháng lưỡng cực Tư-bản và Cộng sản từ sau đệ nhị thế chiến đưa đến nguy-cơ hạt nhân, khiến cả hai khối đều phải thay đổi chiến lược, dẫn đến sự tan vỡ của khối cộng sản quốc tế (*bức tường Bá Linh sụp đổ.*), và chuyển từ *lưỡng cực đối kháng* sang *đa cực hợp-tác*, để giải-quyết một cách bền vững những vấn-đề chung của toàn-thể nhân-loại. Nói cách khác, làm thế nào để có được nền an ninh chung cho toàn cầu?

Trên lý thuyết, giữa các quốc-gia theo chế độ dân chủ, sự xung-đột trầm-trọng không xảy ra. Sống chung hòa-bình là điều-kiện loại bỏ được mọi mầm mống chiến tranh. Tuy nhiên cần có một quốc gia với vai trò giữ trật tự chung và an ninh trên toàn thế-giới mà ý-thức-hệ trước đây đã tôn vinh Hoa Kỳ là *“Cảnh sát Quốc Tế”*.

Chúng ta cũng hiểu rằng không thể duy-trì trật tự chỉ bằng áp-lực quân sự khi mà thế-

giới còn có những thể-chế độc-tài, phi dân-chủ, phi nhân bản, đàn-áp dân chúng.

Cuộc tấn công của các phần tử Hồi giáo cực đoan ngày 11/9/2001 vào nhà trung tâm tài chính và đầu não chính trị đã đẩy tổng thống George W. Bush đưa ra thuyết *Can thiệp chủ động* (Bush Doctrine), ra tay về quân sự để phòng ngừa bất cứ một cuộc tấn công nào vào Hoa Kỳ.

Tính cách chính yếu của các học thuyết mà các chính quyền tiền nhiệm: Carter, Reagan, Bush cha, Clinton, là *quyền-lợi và an-ninh của Hoa Kỳ*.

Chính quyền Hoa-Kỳ, ngoài những điểm chính trên, mạnh bạo hơn là nói rõ đến *tính toàn cầu của tự do trên mạng internet*.

*

Trước tình thế hiện tại, mọi cơ cấu hoàn toàn bất lực và thất bại trên kiến thiết. *Tất cả người Việt hãy cùng nhau:*

“Đứng dậy anh em

Thét vang cho trời uất hận

Vung tay cho gậy xích xiềng

Đứng dậy anh em!

Cùng nhau phá tan bầu khí quyển,

Của uơn hèn, nhục nhã, đau thương,

Của Việt Nam đau khổ trăm đường.

Quét sạch chúng những tên da vàng nô vong khất nghiệt.

Vùng lên anh em!

Giữ vững quê hương của ngàn năm oanh liệt

Thu giang sơn về cho dân Việt kiêu hùng.

Hãy giương cao cờ đại nghĩa Quang Trung.

Phá cho sạch, đốt cho tan đêm mịt-mùng u-tối.

Theo ngọn lửa vinh quang

HÙNG ĐẠO VƯƠNG soi đường chỉ lối.

Đứng dậy thét vang!

Xua lang sói, hùm beo chạy tít về ngàn.

Bắt chúng

Trả đất sống,

Trả tự do,

Trả lại quyền làm người vươn cao ngẩng mặt...”

(Thái Hòa)



TỔP IV

Kẻ thù truyền kiếp & tối hậu của Dân Tộc Việt.

I/ Quá trình xâm lăng và Tàu hóa của nòi Hán

A- Nước Tàu hình-thể tổng-quát:

Nhìn vào bản đồ nước Tàu, đại thể ta thấy:

- 1- Thung lũng Tarim.
- 2- Sa mạc Gobi.
- 3- Cao nguyên Ordos.
- 4- Cao nguyên Tây Tạng.
- 5- Hy Mã Lạp Sơn.
- 6- Vịnh Bengal.
- 7- Rặng Tần Lĩnh.
- 8- Thung lũng Szechwan.
- 9- Cao nguyên Yunnan.
- 10- Hoa Bắc.
- 11- Bình nguyên.
- 12- Hoàng Hải.
- 13- Biển Đông.
- 14- Nam Hải.

Đại thể có hai miền trung lưu của hai triền sông Hoàng Hà (Yellow River) ở phía Bắc và Dương Tử (Yangtze River) ở phía Nam.

* Thượng và trung lưu triền Hoàng Hà là một cao-nguyên hoàng thổ, không do triền này tạo nên mà do gió mùa Tây Bắc thổi cát từ Hãn hải tới lấp các thung-lũng giữa những đồi núi mà thành. Trừ vài khu rừng núi phía Tây Bắc, mùa hè hay có mưa lớn, còn khí hậu cao nguyên này khô, mùa đông rất lạnh, mùa hè nóng. Hoàng Hà khoét dòng chảy quanh co qua cao nguyên rồi



Bản đồ 1. Hình thể tổng quát nước Tàu

1- Thung-lũng TARIM.	8- Thung lũng SZECHWAN.
2- Sa-mạc GOBI.	9- Cao-nguyên YUNNAN.
3- Cao-nguyên ORDOS.	10- Hoa Bắc.
4- Cao-nguyên Tây Tạng.	11- Bình Nguyên.
5- Hy Mã Lạp Sơn.	12- Hoàng Hải.
6- Vịnh Bengal.	13- Biển Đông.
7- Rặng Tần Lĩnh.	14- Nam Hải.

theo ven phía Nam mà đi về hướng Đông ra biển. Càng lên phía Tây Bắc, bờ các sông trong triền càng cao, nhiều nơi dòng chảy ở dưới sâu cách đồng điền ở trên hàng trăm mét. Cao nguyên này chất đất rất tốt, lợi cho đồng cỏ và những ngũ cốc cần rất ít nước như lúa mì, lúa mạch.

Hoàng hà đã tiếp tay với Trường giang mà tạo ra những đồng bằng Trung-nguyên bằng những trận lụt trong những mùa tuyết tan và mưa trên những núi rừng Trung Á. Dân cư nòi Mông cổ theo những bồi lấp này mà mở rộng vùng sống xuống phía Nam và tạo nên những tập thể sống trên những đất cao.

Thời thượng cổ, dân cư ở vùng này lực-lưỡng và thô-phác. Thành phần phía Bắc và Tây Bắc sống bằng du mục và săn bắn. Nhà cửa, quần áo hầu hết bằng da, len và da lông. Thành phần phía Nam và Đông Nam định cư trồng lúa mì, lúa mạch. Nguồn lợi kinh tế là săn bắn và chăn nuôi tại chỗ. Nhà cửa ở đây nhiều nơi là những hang khoét sâu vào hai bên bờ sông - ở nơi đủ cao để không bị ngập nước về mùa mưa và tuyết tan nhưng cũng đủ thấp để tiện việc lấy nước về mùa khô. Những hang này có hang dành cho người, có hang dành cho gia súc. Ưu điểm của hang là mát về mùa hè, và ấm về mùa đông. Ngựa là gia súc đặc lực trong việc canh tác chuyên chở và di chuyển.

Họ đã sáng tạo ra bánh xe để chế xe ngựa dùng vào việc chuyên chở và chiến tranh, họ cũng biết quan sát tinh tú để định phương hướng di chuyển trên những đồng cỏ mông-mên.

Chính vì những điều kiện thiên nhiên và đất đai mà chiều hướng phát-triển Tàu chia làm hai hướng: Khởi đầu từ **Tây Bắc sang Đông, sau từ Bắc xuống Nam**.

* Triền sông Dương tử lấp nên những thung lũng và những đồng bằng vùng Hoa Trung và Hoa Nam bằng phù-sa bào mòn từ những sườn đồi núi Tây Tạng, Tứ Xuyên và Hoa Nam. Cả vùng này khí hậu ẩm ướt, nhiều hồ đầm rừng rú, nhất là tre, nứa; mùa hè nhiều mưa lũ, mùa Đông mưa tuyết. Hoa Trung khí hậu ôn hòa, ấm về mùa Đông, mát về mùa hè. Hoa Nam khí hậu nhiệt đới - mùa hè thì nóng, mùa Đông lạnh nhưng không quá khác như ở vùng cao nguyên hoàng thổ. Thủy sản, lâm sản cũng như thảo mộc và muông thú thật phong phú.¹

Dân cư ở đây sống rải-rác thành những tập thể lớn, nhỏ trên các sườn đồi núi, ven những hồ đầm và trên những đồi đất cao ngày bồi thêm rộng để sau thành những đồng bằng lớn nhỏ vùng Hoa Trung và Hoa Nam.

Nhà cửa ở những ven hồ đầm và sườn đồi núi thường là những khóm nhà sàn, cất trên những hàng cọc cao. Nếu những nhà cửa dựng trên mặt đất, vật liệu có thể là tre, gỗ gạch, đá. Vật liệu nhà sàn hầu hết là tre, nứa và lá gồi.

Dân vùng này cấy lúa trên những ruộng nước. gieo lúa rẫy và trồng rau dưới các thung-lũng hay trên sườn đồi núi. Họ cũng săn bắn và nuôi gia-súc. Nguồn chất đạm và chất vôi chính là do các sinh-vật thủy sản như tôm, cua, trai, sò và nhất là cá. Họ trồng bông, nuôi tằm để kéo sợi. Chẳng những biết dệt vải, lụa mà còn biết nung sành - gạch (mỹ nghệ đồ sứ), biết xây cất nhà cửa. Như vậy, ở đây đã manh nha phần lớn văn-minh Tàu sau đó.

Hình thể và thể đất cao thấp ở vùng này khác với vùng cao nguyên hoàng thổ, nơi có những đồng cỏ hay đồng lúa mì mênh-mông cho con người rong ruổi trên lưng ngựa, mà ở đây đồi núi, sông hồ là những trở lực biên-giới tự nhiên cách biệt những khu cư trú thành những tập-thể rời-rạc giữa những cảnh vật hoang-nhiên cần luôn-luôn cảnh-giác. Việc liên lạc giao-thông ở đây thật khó-khăn, chậm-chạp, đòi hỏi những phương tiện khác nhau tùy hoàn-cảnh. Trợ lực cho con

1- Qua các khai quật có hệ thống trong vòng 10 năm nay, nhất là giai đoạn từ 1963-1968 tại Non Nok Thay Bắc Thái, nhóm chuyên viên thuộc hai trường đại học Otago (Tân Tây Lan) và Hawaii (Hoa Kỳ) đã chứng minh một cách khá chính xác về nông nghiệp, miền Đông Nam Châu Á đã trồng lúa từ trên 3000 năm trc. C.N., nghĩa là trước Ấn Độ và Trung Hoa ít ra là 1000 năm; về kỹ thuật miền Đông Nam Châu Á đã biết đúc đồng bằng khuôn đôi sa thạch từ 2300 đến 3000 năm trước C.N. nghĩa là trước Ấn Độ 500 năm và trước Trung Hoa 1000 năm. (National Geographic Magazine tháng 3/1971.)

người ở miền đồi núi là lừa ngựa, nhưng là giống lừa ngựa nhỏ, dai sức để leo những đường dốc, hẹp, quanh co. Quan-trọng hơn cả là các loại thuyền bè, từ những thuyền độc mộc đến những bè tre, nứa, những thuyền nan và những thuyền gỗ đủ cỡ to nhỏ đều vừa là phương-tiện giao-thông vận-tải vừa là phương tiện ngư-chài, và cũng là để cư trú.

Điều đáng lưu ý là dân cư vùng sông Dương Tử và Hoa Nam tuy được hoàn-cảnh thiên-nhiên phong phú hơn, thời tiết đỡ khắc nghiệt, nhưng phải chế hóa thiên-nhiên nhiều hơn là dân cư vùng cao nguyên hoàng thổ. Chẳng hạn như ở đây, người ta dựng cất nhà cửa, không những phải sử dụng tre gỗ một cách kỹ thuật mà còn phải nung gạch, đá để bảo vệ nơi ăn chốn ở chống mưa, chống lụt khác với việc dựng lều hay khoét hang. Quần áo cũng vậy, Hoa Bắc dùng da, lông, len, kỹ thuật chế tạo không mấy khó khăn, Hoa Nam phải nuôi tằm, trồng bông để chế thành sợi, phải phát minh cách dệt và cách may cắt, không kể những thêu thùa hoa mỹ. Đến cả việc săn bắn, Hoa Bắc dùng cung tên và đuổi theo trên mình ngựa - Ở Hoa Nam, dùng nỏ và bẫy, phải rình-rập và chờ thú tới mà hạ tại chỗ. Do đó chế nỏ và bẫy đòi hỏi nhiều kỹ-thuật hơn chế cung. Đến việc di chuyển, vận tải cũng khác nhau. Thuần phục ngựa rừng và chế xe ngựa ít công phu và kỹ thuật hơn là chế tạo thuyền bè đủ loại. Tục-ngữ Tàu có câu: ***“Bắc cưỡi ngựa, Nam chở thuyền”*** đã chỉ rõ sở-trường của mỗi miền.

Ngoài ra, trong sách Trung Dung đã nêu sự phân biệt tính tình người phương Bắc khác với người phương Nam: *“Dùng khoan nhu để dạy kẻ vô đạo, đó là cái dưỡng của người phương Nam, người quân tử nên theo đó. Nằm trên áo giáp, binh khí, chết mà không sợ, đó là cái cường của người phương Bắc...”*

Trong cuốn *“Ba Vấn Đề Khởi Đầu Văn Hóa Việt”* tác-giả Hoài Nguyên đã nêu rõ: *“Tại vùng hoàng thổ, thay vì biến chế tài nguyên làm nguồn trợ lực cho mình thì họ “gồng mình” thích-ứng với môi sinh. Sống theo thiên-nhiên nên thô phác, sơ lậu và “rừng rậm” hơn. Cũng vì rèn mình sinh-hoạt trực tiếp với hoàn cảnh khắc nghiệt nên con người Hoa Bắc, nòi Mông Cổ lực-lưỡng và hùng mạnh hơn người Hoa Nam. Trong sinh-hoạt phát-triển dụng độ với tập thể khác, thành phần du mục có nhiều ưu điểm như:*

- Khoẻ sức và to lớn hơn.
- Sinh hoạt giản-dị hơn.
- Trang bị nhẹ-nhàng hơn.
- Kết tập dễ, mau, và chặt-chẽ hơn.
- Tiến, lui nhanh-nhẹn nhờ sử dụng ngựa và chiến xa ngựa kéo thành thực hơn...

Những tập thể sinh-động nhẹ-nhàng này lúc nào cũng sẵn-sàng trở thành những đoàn quân sở trường về vận-động tốc chiến, tốc quyết. Dựa trên những thắng điểm ấy, thành phần du mục đã sớm khuất-phục được thành phần định cư, lập nên những tập thể rộng lớn hơn dưới một quyền lực thống lĩnh. Thành quả của sự thống nhất này thể hiện qua sự kiện Hoàng đế đã Nam tiến, chiến thắng được Suy Vưu (Bắc Thần Nông) mở đầu cho lịch-sử đế chế Tàu.

Về *“khảo cổ học”*, đặc-biệt ở Việt Nam nhiều chứng-tích khảo-cổ đã tìm thấy ở nhiều địa-điểm như ở vùng lưu-vực sông Mã, sông Cả, sông Lam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Sa Huỳnh, Quảng Nam, Đà Nẵng, ở vùng Óc Eo, Đồng Nai,... Đại thể những xương cốt tìm được ở những vùng đất này, nói chung người Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Miến Điện đều giống nhau về đại thể và đều thuộc đại chủng Nam Mongoloid, tất nhiên có pha chủng đại dương da đen tốc quần nhiều hay ít tùy thuộc từng địa-phương.

Qua phương-pháp phóng xạ C-14, người ta đã xác định được những sọ người đào được ở Ngưỡng Thiều, Long Sơn, đa số thuộc đại chủng Nam Mongoloid như người miền Nam¹Tàu ngày nay. Càng đi lần về phương Nam, người ta càng thấy càng gần trung tâm Hòa Bình của Việt Nam càng gặp những xương cốt có niên đại cổ hơn. Do đó ***văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam có những niên đại xưa hơn, nên coi như là gốc của một nền văn hóa Đông Nam Á.***¹

1- Cung Đình Thanh, *“Tìm Về Nguồn Gốc Văn Minh Việt Nam”*, Nhà xuất bản Tư Tưởng, Sydney, Australia, 2003, trang 203.

Cuộc hội thảo ở Berkeley vào năm 1978 đã đưa đến kết quả việc ấn hành cuốn “*The Origins of Chinese Civilization*”, nội-dung đã làm sáng tỏ những vấn đề về cổ sử Tàu, cổ sử Việt Nam và Đông Nam Á:

- Trong nội địa Tàu, văn hóa miền Nam nước Tàu có trước văn hóa miền Bắc.
- Văn hóa miền Nam Tàu có nhiều nét giống văn hóa Hòa Bình, và có sau văn hóa Hòa Bình.

Tác giả bộ sách “*Science and Civilization in China*”, giáo sư Joseph Needhan đã đưa ra nhận định là có sáu (6) nền văn hóa cổ đại đã hội-tụ thành văn hóa Tàu :

1/ Nền văn hóa gốc người Tung Gu Xích từ phương Bắc ảnh-hưởng đến lối sống người Ngưỡng Thiều và Long Sơn.

2/ Văn hóa từ Tây Bắc tới, có nguồn gốc là người Thổ (Turkish), chuyên nghề săn bắn và trồng lúa tấc, biết cách thuần hóa ngựa.

3/ Từ phương Tây đến, gốc cổ Tây Tạng.

4/ Còn bốn, năm và sáu từ phương Nam và Đông Nam truyền lên.

Nhìn vào hình thể tổng-quát Tàu , ta thấy ba phía: Bắc là sa-mạc Gobi, cao nguyên Ordos, Tây Bắc là thung lũng Tarim, phía Tây là cao nguyên Tây Tạng và dãy Hy Mã Lạp Sơn, phía Tây Nam là vịnh Bengal, phía Đông nhìn ra biển Thái Bình Dương, nên Tàu thời thượng cổ tựa như cô lập không tiếp xúc với các nền văn minh khác như Ai Cập, Luỡng Hà, Ba Tư, ...ngoại trừ các nền văn minh khác ở Châu Á.

Với các con sông lớn Hoàng Hà, Dương Tử, Tây Giang đều chảy từ tây qua đông hợp với các dãy núi mà chia Tàu thành các miền quan trọng:

- Phía bắc lưu vực sông Hoàng Hà gồm các tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây (*nước Tấn thời Chiến quốc*), Tuy Viễn, Ninh Hạ, Cam Túc,...

- Phía nam Hoàng Hà và phía bắc lưu vực sông Dương Tử gồm các tỉnh: Sơn Đông (*nước Tề thời Chiến Quốc*), Giang Tô, Hà Nam, An Huy, Hồ Bắc, Thiểm Tây (*trung tâm của thời Tây Chu*), Tứ Xuyên, ...

- Phía nam lưu vực sông Dương Tử (*gồm nước Sở, Ngô, Việt thời Chiến Quốc*) gồm các tỉnh: Chiết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Hồ Nam, Quý Châu, Côn Minh, Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây (chưa kể đến những miền như Mãn Châu, Mông Cổ, Tân Cương, và Tây Tạng mà nội Hoa mới chiếm mấy thế kỷ nay).

Chính vì Tàu rộng lớn, và chia thành 3 miền rõ rệt, ngay nội cánh đồng Tứ Xuyên cũng đã lớn hơn nước Việt, mà ta thấy có ba (3) nét chính:

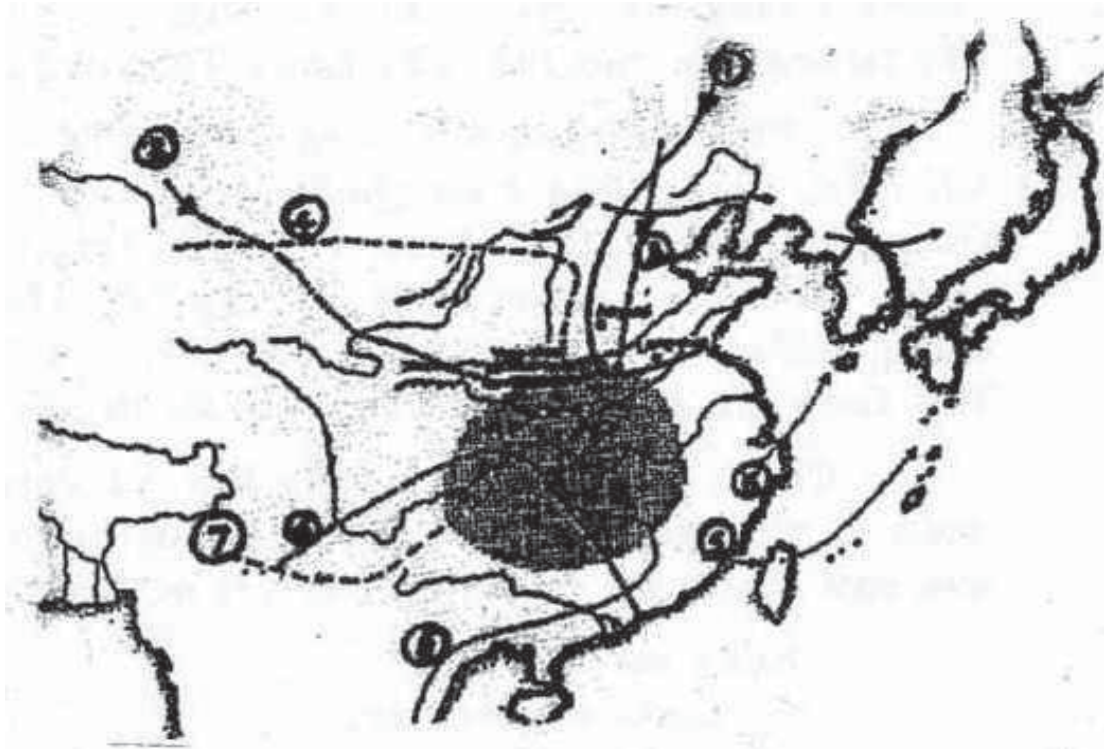
- *Rộng mênh-mông.*

- *Đa dạng và phức-tạp.*

- *Nhu-cầu truyền kiếp bành-trướng về phương Nam.*

Xưa nay, vẫn thường có quan-điểm về chủng tộc, nhất là về văn hóa đều cho là từ Bắc truyền xuống phương Nam, nhưng gần đây (*khoảng hai ba chục năm*) qua khảo cổ học đã được minh định rõ ràng qua phương pháp phóng xạ C-14, đã cung-cấp cho nhân loại những chứng cứ khả tín, “***Miền Bắc Việt Nam là một cái nôi cổ của người Nam Mongoloid, trước cả những trung tâm cổ ở Tàu***”.

Trong luận án của tiến sĩ J.M. Mathews, viện đại học Camberra, 1964, với nhan đề “*Văn Hóa Hòa Bình ở Đông Nam Á và những nơi khác*” đã coi Tứ Xuyên như một dạng địa phương của văn hóa Hòa Bình.



1- Văn Hóa Tung Xích	2- Văn hóa Mông Cổ
3- Văn hóa Thổ	4- Văn hóa Tây Tạng
5- Văn hóa Bách Việt	6- Văn hóa Thái
7 Văn hóa Đao	

*Các nền văn hóa gốc góp phần
 tạo nên văn hóa Tàu*
 (Dẫn theo Cung Đình Thanh, “Văn Minh Việt Nam”, trích của Andreas Lommel)

II/ Truyền thống Xâm Lăng

* Nhà Chu: (1122 - 256 trc CN.)

III-1-A/ Tây Chu (Western Chou 1122 - 771tr. C.N.)

Theo truyền-thuyết, tổ họ Chu là Chu Hậu Tắc tên là Khí, mẹ Khí là Khương Nguyên con gái dòng họ Hữu Khai, nguyên phi của Đế Cốc. Một hôm Khương Nguyên ra ngoài, thấy dấu chân lớn, ướm chân mình vào, cảm mà mang thai. Đến kỳ sinh nở được một trai, cho là điềm gỗ, đem bỏ vào chuồng trâu ngựa. Trâu ngựa đều tránh không đạp lên đứa bé. Bèn đem bỏ vào rừng, lại nghĩ rừng có người qua lại, e có thể nhặt đứa bé về nuôi, cho nên đem ra bờ sông mà bỏ. Các loài chim đem đồ ăn đến mổm cho đứa bé, Khương Nguyên biết con mình là bậc thần nhân, ẵm về chăm nuôi, đặt tên là Khí (*nghĩa là vứt bỏ*). Đời Nghiêu Thuấn, Khí làm tù trưởng đất Thai, gọi là Hậu Tắc. Không thấy nói đến họ của Khí, nhiều sử gia suy luận rằng nhà Chu vốn dòng du-mục, theo mẫu hệ. Đến cuối triều Hạ, bộ lạc này sống vùng Thiểm Tây, Cam Túc ngày nay. Họ bị các bộ lạc Nhung, Địch tiến đánh, phải lui vào sống ở Kỳ Sơn, (nay là đông bắc huyện Kỳ Sơn tỉnh Thiểm Tây). Với lãnh-thổ nhỏ bé như vậy, bộ tộc này cũng không lấy gì làm đông đảo.

Thủ lãnh của họ tương truyền là Cổ Công Đản Phụ. Cháu sáu đời của Cổ Công Đản Phụ là Cơ Xương, sau thành Chu văn vương,

Trạng-huống xã hội Tàu vào đời Ân Chu (Thương và Chu) mới bắt đầu định cư nông nghiệp, về trước sống đời bộ-lạc du-mục; trình-độ sinh-hoạt còn phôi-thai và khu-vực định cư giới-hạn trong lưu-vực Hồng Hà trung bộ, như Quách Mạt Nhược đã viết:

*“Cương vực cổ đại Tàu là Trung bộ sông Hoàng Hà tức là địa phương Hà Nam, Trục Lệ, Sơn Tây, Hiệp Tây ngày nay. Phía bắc Trục lệ, Sơn Tây thì gọi là Bắc Địch, phần lớn địa hạt Hiệp Tây thuộc Tây Nhung, hạ lưu sông Hoàng Hà thuộc Đông Di.”*¹

Mạnh Tử còn để lại đoạn văn tả bước đầu của dân tộc Tàu ở trung bộ sông Hoàng Hà để ca ngợi các vua thần thoại:

*“Đương thời vua Nghiêu, thiên hạ còn chưa bình định, nước lớn chảy ngang, đầy rẫy cả thiên hạ, cỏ cây rậm tốt, chim muông thịnh nhiều, năm thứ thóc chưa thành thực được, chim muông ở lẫn với người... Vua Nghiêu cử ông Thuấn ra trị việc thiên hạ; ông Thuấn sai ông Ích giữ việc lửa, đốt núi cho chim muông trốn nấu. Ông Vũ đào chín cái sông, khơi sông Tế, sông Loa cho chảy về bể, xẻ sông Nhữ sông Hán, khơi sông Hoài, sông Tứ chảy về sông Giang, rồi sau Trung quốc mới có thể cày cấy được mà ăn. ...”*²

Khoảng năm 1134 trước Tây lịch, nhà Tây Chu cấu kết với tộc Khương (*cổ Tây Tạng*) để diệt nhà Thương. Ba đời Hạ - Thương - Chu, sử Tàu gọi là “Tam Đại”.

Các sử gia Tàu chia thời Chu làm hai:

- Thời Tây Chu từ 1121 - 770 tr. C.N. Thời kỳ này nhà Chu đóng đô ở đất Phong (thuộc Thiểm Tây ngày nay).

Tương truyền Văn Vương xưa tên là Xương bị vua Trụ giam ở ngục Dữu Ly. Trong thời-

1- Âu Đại Nhậm, “Bách Việt Tiên Hiền Chí”, người dịch Trần Lam Giang, Lĩnh Nam Di Thư, Thư Viện Việt Nam xb 2006., tr.287). Qua huyền sử, chứng tỏ nhà Chu vốn gốc mẫu hệ.

Ông Vũ được vua Thuấn truyền ngôi. Sau khi vua Vũ mất không được truyền cho người khác mà lại truyền cho con - Chế độ truyền hiền chấm dứt.

Phần đất giữa trung lưu hai sông Hoàng Hà và Dương Tử là phần lõi trong sứ mệnh của thiên tử thời phong kiến và cũng là phần đất phì nhiêu nên được gọi là “Trung Hoa”. Danh từ địa lý Trung quốc gọi phần đất này là Trung Nguyên. Sau thời đế chế cực quyền, sử quan gọi gồm chung bốn phía quanh là “Tứ Di”: Bắc Địch Nam Man, Tây Nhung và Đông Di.

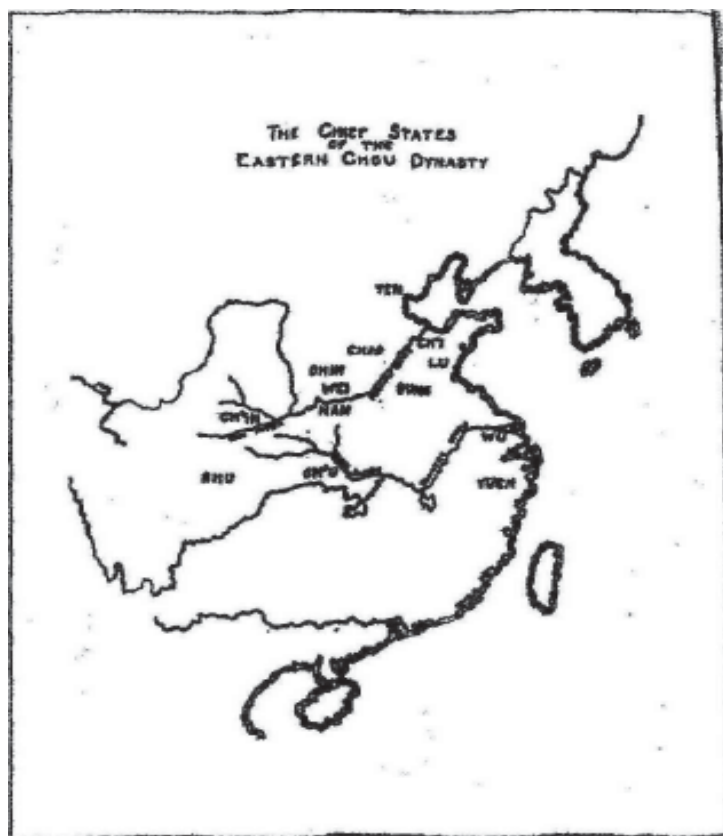
2- Nguyễn Đăng Thục, “Lịch Sử Triết Học Phương Đông, Tập I, tr. 115, 125 (Mạnh Tử - Đằng Văn Công Thượng); nhà xb. T/P HCM, 2001.

gian bị giam trong ngục, ông Xương đã nghiên-cứu 64 quẻ Dịch . Sau vua Trụ tha ông và phong làm Tây Bá, sai ông đi dẹp loạn, ông thắng rồi dời qua ở đất Phong (Thiểm Tây)

Ông mất, con ông là Phát nổi ngôi Tây Bá, hội chư hầu đánh Trụ, dứt nhà Ân (Thương) tự xưng là Chu Vũ Vương, truy phong cha là Văn Vương.

Như vậy, nhà Chu vốn là một bộ-lạc hiếu chiến đã diệt được một bộ-lạc khác văn minh hơn (nhà Thương) ở phía Đông. Sử kiện này, tiếp tục xảy ra nhiều lần, ***thời nào cũng bị các bộ-lạc du-mục phía Tây lấn áp***. Đó là điểm đáng chú ý trong lịch sử Tàu.

Theo Quách Mạt Nhược mà giáo sư Nguyễn Đăng Thực đã trích dẫn trong “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, tập 1, trang 114: “*Cương vực cổ đại của Tàu chỉ là Trung bộ sông Hoàng Hà, tức là địa phương Hà Nam, Trực Lệ, Sơn Tây, Hiệp Tây ngày nay vậy. Phía Bắc Trực lệ, Sơn Tây thì gọi là Bắc Địch, phần lớn địa hạt Hiệp Tây thuộc Tây Nhung, hạ lưu sông Hoàng Hà thuộc Đông Di.*”



Bên-dề thời Đông Chu
(trích theo Kenneth Scott Latourette, "The Chinese Their History and Culture". The Macmillan Company, N.Y. 1964.)

Vũ vương ở ngôi được 7 năm, đóng đô ở đất Cao (tỉnh Thiểm Tây) thì mất, con là Thành Vương còn nhỏ nối ngôi. May nhờ em Vũ vương là Chu Công Đán có tài cai trị, chế độ phong kiến nhà Chu được thi hành nghiêm-chỉnh làm rạng-rỡ trăm năm đầu cho lịch sử văn minh của Tàu.

Theo chế độ này, vua Chu chỉ nắm quyền trung ương ở Thiểm Tây (Gần Tân An ngày nay), còn thì chia đất cho họ hàng, người hiền hay công thần và các tù trưởng.

Trên nguyên tắc thì đất của thiên tử được ngàn dặm vuông và có 10 ngàn cỗ chiến xa (vạn thặng) dưới thiên tử có 5 tước: Công, hầu, bá, tử, nam. Mỗi chư hầu có ngàn cỗ chiến xa và đất được trăm dặm vuông. Riêng hai bậc tử và nam, đất phong chỉ được 50 dặm vuông và chiến xa là 50 cỗ. Chung quanh đồn là nhà dân chúng gọi là “lê dân”, quý tộc sống trong thành gọi là “bách tính”.

Bốn phần của mỗi chư hầu phải triều cống hàng năm cho thiên tử. ngược lại thiên tử có bốn phần che chở, giúp đỡ các chư hầu.

Thời Tây Chu đặt ra chế-độ quân dịch, đàn ông từ 20 đến 60 tuổi đều có nghĩa vụ đi lính tác chiến. Nửa năm hay một năm luân phiên thay thế. Khi tác chiến, phần nhiều dùng chiến xa. Trên mỗi cỗ xe có 3 chiến sĩ khí giới và cấp cung tên, gọi là “tam giáp sĩ”, hai bên và sau xe có 72 bộ binh, 25 người phu, cộng lại thành 100 người hợp thành một thặng. Thiên tử có vạn thặng binh xa, nên gọi là “vạn thặng chi quân”.

- Thời Đông Chu từ 770 - 256 tr. C.N.

Đời Chu Bình Vương, nhà Chu thường bị các dân Hiểm Doãn và Khuyển Nhung ở phía Tây uy-hiếp nên dời đô về Lạc Dương ở phía Đông (Hà Nam ngày nay), nên gọi là Đông Chu.

Ở Lạc Dương, mỗi ngày một nhỏ lại, nhà Chu chỉ còn danh hiệu thiên tử mà không có thực quyền. Tới thời Chiến quốc (482-221 tr. C.N.), chư hầu Tần có lần đòi chín cái đỉnh biểu-tượng quyền thiên tử của nhà Chu, nhà Triệu chiếm ruộng tế điền, ruộng gây hoa lợi dùng vào việc tế lễ của nhà Chu, và khi các chư hầu tự xưng vương mà không cần thiên tử nhà Chu cho phép tức tự coi mình ngang hàng với vua Chu.

Nhà Chu suy, chư hầu nào mạnh nhất đứng ra thay quyền thiên tử làm bá chủ các chư hầu. Thời Xuân Thu có “ngũ Bá”, năm chư hầu lớn: Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tấn, Mục công nước Tần, Tương công nước Tống và Trang vương nước Sở. Đến cuối thời Xuân Thu thêm hai vị bá là Hạp Lư nước Ngô và Câu Tiễn nước Việt.

Trong số “ngũ bá”, Tề Hoàn Công một thời thịnh nhất. Tề Hoàn Công được chư hầu tín dụng là nhờ ở tài chính trị của tướng quốc Quản Trọng.

Trong sách “Luận Ngữ”, Khổng Tử đã ca ngợi: “*Quản Trọng giúp Hoàn Công, khiến Hoàn công làm bá chủ chư hầu, thiên hạ quy về một mối, nhân dân đến ngày nay còn mang ơn ông. Nếu không có ông thì ngày nay chúng ta (người Tàu) phải gióc tóc, mặc áo có vạt bên trái (tả nhậm) như người Di Dịch rồi!*” [Thật là giọng điệu kỳ thị Hoa Di! Không hiểu khi Khổng Tử thú nhận là “**Thuật nhi bất tác**” (chỉ thuật lại chứ không sáng tác) những điều nhìn thấy, đọc thấy ở các chư hầu phương Nam mà nay quy về nòi Hoa Hán thì rõ thật là mạo hóa hay mạo nhận!!!]

Nhà Chu truyền được 37 đời vua, cộng 866 năm (1122-256 tr. T.L.). Suốt thời Xuân Thu Chiến Quốc, thiên hạ đại loạn trên 500 năm.

* **NHÀ TẦN** (221-206 tr. C.N.)

Theo sử ký của Tư Mã Thiên: Tần Thủy Hoàng Đế là con của Trang Tương vương nước Tần. Trang Tương vương làm con tin của Tần ở nước Triệu, khi gặp người thiếp của Lã Bất Vi lấy làm ưa thích; sau được Lã Bất Vi hiến tặng. Người vợ này sinh Thủy Hoàng vào tháng giêng năm thứ 48 đời Tần Chiêu vương ở Hàn Đam đặt tên là Chính. Khi lên 13 tuổi, Trang Tương vương chết, Chính được lập làm Tần vương (247 trước C.N.).

Lã Bất Vi được phong làm thừa tướng, hiệu Văn Tín Hầu.

Năm 221 tr. C.N., Tần thôn tính tất cả chư hầu, xưng Hoàng đế, *đế chế cực quyền* khởi từ đây.

Tần Thủy Hoàng nghe theo đình úy (*chức quan cao nhất về tư pháp*) là Lý Tư không chia đất cho anh em mà thống nhất tất cả thành quận, huyện rồi bổ nhiệm các quan lại từ trung ương cai trị.

Theo dòng lịch sử bành trướng về phương Nam kể từ đời Tần. Sau khi Tần Thủy Hoàng diệt Đông Chu đã thôn tính các chư hầu, thống nhất Trung Quốc. Nhà Tần phát khởi từ miền biên tải viễn Tây Trung quốc lúc bấy giờ. Trong thời gian ngắn-ngủi 15 năm mà nhà Tần đã bành trướng lãnh thổ từ Nam Mông Cổ xuống đến tận Lương Quảng.

Nhà Tần theo “pháp gia”, rất ghét Nho gia nên chủ trương đốt tất cả các sách sử, trừ những sách sử của nhà Tần. Trong dân gian, nếu từ hai người dám bàn đến Kinh Thi, Kinh Thư thì chém giữa chợ; Lấy đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ; quan lại biết mà không tố cáo thì cũng bị tội. Lệnh ban ra trong ba mươi ngày không đốt sách thì khắc vào mặt cho đi thú để xây và canh giữ Trường thành. Những sách không bị đốt là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây.

Tại Hàm Dương, Thủy Hoàng đã cho chôn sống hơn 460 nho sĩ, sau đó lại đầy ra biên giới nhiều người bị tội để đi thú.

Năm 214 tr. C.N. Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư đem quân xâm chiếm Bách Việt. Trong cuộc giao tranh dân Bách Việt đã giết được tướng Đồ Thư và tiêu hao quân Tần.

Năm 211 tr. C.N., Thủy Hoàng năm thứ 37 đi quan sát dân tình. Đi qua đất Ngô theo sông Trường giang và đi dọc bờ biển lên phía Bắc, tiếp đi về phía Tây đến bến Bình Nguyên ngã bệnh mà chết.

Con thứ hai là Hồ Hợi được Triệu Cao cùng thừa tướng Lý Tư tráo di thư của Thủy Hoàng lên nối ngôi là “Nhị Thế Hoàng đế”.

Nhị Thế Hoàng đế lên ngôi (năm 209 tr. C.N.) lúc 21 tuổi, hết sức tin dùng Triệu Cao, ban cho chức “*lang trung lệnh*”, tăng nhiều luật lệ. Nhị thế e-ngại các quan đại thần không phục, và sợ các thế tử tranh quyền nên lập mưu giết các đại thần và các thế tử.

Thời Thủy Hoàng cho triều đình ở Hàm Dương nhỏ, nên sai xây cung A Phòng, nhưng chưa xong thì mất. Nhị Đế cho xây tiếp. Ngoài ra trưng tập tất cả những kẻ bắn giỏi gồm năm vạn người lập đồn để bảo vệ Hàm Dương.¹

Với chính tình hà khắc, dân chúng nhiều nơi nổi loạn: Vũ Thần tự lập làm Triệu vương, Ngụy Cữu làm Ngụy vương, Điền Đam làm Tề vương, Bái Công nổi dậy ở đất Bái, Hạng Võ dấy binh ở Cối Kê.

Nhị Thế bị Triệu Cao giết rồi lập con người anh Nhị Thế là công tử Anh làm Tần vương.

Tử Anh giết Triệu Cao để nêu gương cho dân Hàm Dương, và làm vua Tần được bốn mươi sáu ngày thì tướng Sở là Bái Công đã phá quân Tần vào Quan Trung, sau đó đến Bái Thượng sai người khuyên Tử Anh đầu hàng.

Tử Anh buộc ấn phù của thiên tử đầu hàng ở gần Chỉ Đạo. Bái Công vào Hàm Dương niêm phong cung thất, các kho rồi về đóng quân ở Bái Thượng. Hơn một tháng, quân chư hầu

1- Theo sách Hoài Nam Tử, Quảng Châu Ký và Giao Châu Ngoại vực ký: Khoảng năm 221 tr. C.N. sau khi diệt được nhóm Đông Âu và Mân Việt, Tần Thủy Hoàng sai hiệu Úy là Đồ Thư đem quân xâm chiếm đất Lĩnh Nam, Lạc Dương, Quế Lâm (nay thuộc tỉnh Quảng Tây), Nam Hải (Quảng Đông). Đến lượt Tây Âu (Giao Chỉ) cũng bị xâm lăng của đạo quân Đồ Thư. Sau khi tù trưởng Tây Âu bị hại, nhân dân Tây Âu bèn cử Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tần. Cuộc kháng chiến kéo dài 10 năm, sau quân Tần bị hại rất nhiều, Đồ Thư bị giết, triều Tần phải ngưng lại, thiết lập bộ máy cai trị ở những nơi đã chiếm được, lập ra ba quận: Nam Hải (Quảng Đông), Quất Lâm (Quảng Tây) và Tượng Quận.

Tần Thủy Hoàng cũng cử Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân xâm lược Âu lạc. An Dương vương nhờ có nỗ lực, Triệu Đà đại bại, sau dùng kế trá hôn cho Trọng Thủy lấy Mỵ Châu để ăn cắp thuật nở thần, chiếm Âu lạc sau nhập chung thành Nam Việt.

kéo đến, Hạng Tịch cầm đầu chư hầu giết Tử Anh và các công tử của Tần. Diệt xong nhà Tần làm cỏ thành Hàm Dương, đốt cung thất.

Sau khi diệt xong nhà Tần, Hạng Vũ chia đất Tần cho ba vua gọi là Ung vương, Tắc vương, Địch vương hiệu là Tam Tần. Hạng Vũ làm Tây Sở Bá vương chủ việc chia thiên hạ, phong vương cho chư hầu.



Bản đồ Trung Quốc thời Tần

*** Nhà Tiền Hán (202 trc. C.N. - 9 C.N.):**

Khởi dựng nhà Hán là Lưu Bang (Cao Tổ), người làng Trọng Dương, quận Bái, cha là Thái Công. Khi lớn lên được làm đình trưởng ở sông Từ.

Khi Cao Tổ làm đình trưởng, một hôm dẫn giải những người bị đày đến Lịch Sơn, giữa đường nhiều người bỏ trốn, khi đến ngôi đền ở phía tây ấp Phong bèn dừng lại uống rượu, đêm đến thả hết những người bị đày, rồi cũng trốn theo. Hơn 20 tráng sĩ trong số những người bị đày tình nguyện theo Cao Tổ.

Năm thứ nhất đời Tần Nhị thế tức 209 trc. C.N., nhiều quận, huyện nổi lên chống Tần. Trong khi đó, huyện lệnh đất Bái muốn phản lại nhà Tần, nửa muốn hưởng ứng theo Trần Thiệp xưng vương hiệu là Trương Sở.

Lưu Bang (Cao Tổ) bèn dùng tên bắn thư vào thành, hô-hào phụ lão quận Bái giết huyện lệnh. Sau khi giết huyện lệnh, dân chúng mở cửa thành đón bọn Lưu Bang và tôn Lưu Bang làm Bái Công.

Bái công đem quân đánh đất Phong, nhưng không được. Sau Bái Công theo Hạng Lương. Hạng Lương đã hai lần đánh bại quân Tần, nhưng vì kiêu căng nên bị quân Chương Hàm phá tan.

Năm 207 trc. C.N. Sở Hoài Vương sai Bái Công đem quân vào Quan Trung, Hạng Vũ làm thứ tướng quân đem quân về hướng Bắc cứu Triệu; đồng thời có giao ước “Ai vào bình định Quan Trung trước thì sẽ cho người ấy làm vua”.

Lúc bấy giờ quân Hạng Vũ hơn bốn mươi vạn, Bái Công có hai mươi vạn, binh lực không đủ chống lại, nên đến Hồng Môn yết kiến và xin lỗi Hạng Vũ.

Hạng Vũ bèn đem quân đi về phía Tây làm cỏ và đốt các cung thất nhà Tần ở Hàm Dương. Hạng Vũ oán giận Sở Hoài Vương về lời giao ước bèn tự lập làm Tây Sở Bá vương, làm vua đất Lương, đất Sở, trị chín quận, đóng đô ở Bành Thành. Vũ bỏ lời giao-ước, lập Bái Công làm Hán vương, cai trị đất Ba, đất Thục và đất Hán Trung.

Sở và Hán nhiều lần giằng-cò, chưa ai thắng ai, dân tình khốn khó, trai tráng khổ vì đi lính, người già yếu mệt vì việc vận chuyển lương thực... Hán vương (Bái Công) và Hạng Vũ gặp nhau ở Quảng Vũ, Hán vương kể tội Hạng Vũ:

- Lúc đầu ta cùng người đều theo lệnh của Hoài vương: “Ai vào *Quan Trung* trước thì người ấy được làm vương”. Nhà người bội ước, phong ta làm vương ở đất Thục và đất Hán, đó là một tội.

- Nhà người giả mệnh lệnh của vua giết Khanh Tử Quân và tự tôn mình lên, đó là hai tội.

- Sau khi đã cứu Triệu, đáng lý nhà người phải quay về báo với nhà vua, nhưng lại chuyên quyền ép quân chư hầu vào Quan Trung, đó là ba tội.

- Hoài vương có giao ước: Vào đất Tần không được làm việc hung bạo, cướp bóc nhưng nhà người đốt cháy cung thất nhà Tần, đào mả Tần Thủy Hoàng, thu của cải của Tần, đó là bốn tội.

- Nhà người đã giết vua Tần đã đầu hàng là Tử Anh, đó là năm tội.

- Lừa dối chôn sống hai mươi vạn con em Tần ở Tân An, đó là sáu tội.

- Phong các tướng của người làm vương ở những nơi đất tốt, còn đầy đuổi chủ cũ của mình, khiến bọn bày tôi ở dưới tranh nhau làm phản, đó là bảy tội.

- Nhà người đuổi Nghĩa đế ra khỏi Bành Thành để đặt đô của mình ở đấy, chiếm đoạt đất của Hàn vương, thôn tính đất Lương, đất Sở, dành cho mình nhiều đất, đó là tám tội.

- Nhà người sai người ngầm giết Nghĩa đế ở Giang Nam, đó là chín tội.

Phàm làm tội mà giết vua, giết những người đầu hàng, cai trị không công bình, không giữ lời giao-ước của vua thì thiên hạ không thể nào tha tội phản nghịch vô đạo, đó là mười tội.

Hạng Vũ cả giận, giương cung bắn trúng Hán vương, Hán vương bị thương bèn ruổi ngựa vào thành Cao.

Khi khỏi bệnh, Hán vương đem quân về phía Tây, nhưng theo kế của Trần Bình và Trương Lương, tiến quân đuổi Hạng Vũ về phía Nam thành Dương Hạ thì dừng lại.

Năm 202 trc. C.N. Lưu Bang cùng quân chư hầu đánh quân Sở một trận quyết liệt ở Cai Ha. Hạng Vũ thua chạy, Hán vương sai kỵ tướng quân đuổi theo giết Hạng Vũ ở Đông Thành, bình-định được đất Sở.

Hán vương được suy tôn lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Lạc Dương, sau dời về Quan Trung.

Cao Tổ (Lưu Bang) mất ở cung Trường Lộc, Hiếu Huệ (con của Lữ Hậu vợ của Cao Tổ từ lúc còn hàn vi) nối ngôi.

Huệ Đế mất, thái tử lên ngôi. Tất cả các hiệu lệnh đều do thái hậu chuyên chế. Các mệnh lệnh của thái hậu gọi là “*chế*”. Chủ yếu của Lữ Hậu chỉ chú vào việc giành chính quyền cho họ Lữ, toàn là những việc giết nhau trong cung đình!

Từ Cao Tổ đến Cảnh đế (206 - 139 trc. C.N.) gần 65 năm; lúc đầu vẫn giữ theo chế-độ của Tần, sau đó dung hòa hai chế-độ “*phong vương*” và chia thành quận, huyện (*phong vương cho họ hàng và các công thần cai trị các yếu địa, còn các quận huyện dưới quyền trực thuộc trung ương*).

Nói chung thời “*tiền Hán*” (Tây Hán) có một số cải tiến như :

- Tổ chức hành chánh tập quyền (quân chủ).

- Tăng cường võ bị.

- Phát triển nông nghiệp nhờ canh tiến thủy lợi.

- Phân phát đất đai cho dân để giảm sự quá cách biệt giữa giàu và nghèo.
- Cho dân được đúc tiền đồng, nhờ đó sự trao đổi dễ dàng mà thương mại tiến bộ.
- Tập trung tài nguyên trong nước thuộc về nhà vua. Tư nhân không còn thể chiếm cứ các nguồn lợi của núi, biển làm của riêng mà thao-túng.
- Về binh bị, quy định không phân biệt sang, hèn, nam từ 23 đến 56 tuổi phải 2 lần làm binh dịch, một ở địa phương tập cưỡi ngựa, bắn cung, đánh trận gọi là “chính tốt” và 1 ở biên cương hoặc ở kinh thành gọi là “thứ tốt” hoặc “vệ sĩ” một năm 1 lần.

Điểm đáng chú ý, thời Võ đế (53 năm, từ 140 - 87 trc. C.N.) *bỏ hẳn chế độ phong kiến* mà thay vào là chế độ “*quân chủ chuyên chế*”. Võ đế đã dùng cả Nho lẫn Pháp để củng-cố chế độ. Từ Võ đế đã chuyển từ chữ “*trung với người đúng tư cách*” thành “*trung thần bất sự nhị quân*” hay “*quân xử thần tử, thần bất tử, bất trung*” = vua bắt bầy tôi chết bầy tôi cũng phải chết, không chết thì không trung.

Tiếp những năm Vương Mãn thoán ngôi, (9-23) quốc hiệu là Tân, năm thứ 8 sau Công Nguyên. Tuy triều đại Tân ngắn-ngủi, nhưng trong 15 năm (9-23) đã:

- Diệt chế độ nông nô, trở lại chính sách “tỉnh điền” (*chia đều đất cho dân cày*).
- Đánh thuế 1 phần mười lợi tức trên các nghề nghiệp công, thương.
- Đúc lại tiền mới.
- Đặt chức “*ngũ quân*” để bình giá hàng hóa.
- Đặt chức “*tuyên phủ*” để cho nhân dân vay tiền.

Vương Mãn bị Lưu Tú đánh bại tái dựng nhà Hán gọi là “Hậu Hán” hay Đông Hán. từ năm 23 - 220 sau C.N.).

Lưu Tú lên ngôi hiệu là Quang Võ, dời đô về Lạc Dương. ¹

Đời Hậu Hán đã đánh đuổi Hung Nô từ đông qua tây, chiếm Triều Tiên (Đại Hàn) và tiến quân về phía Nam làm đế quốc Tàu đã lan tới Quảng Đông và một phần đất nước Việt đặt ra ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng quận.

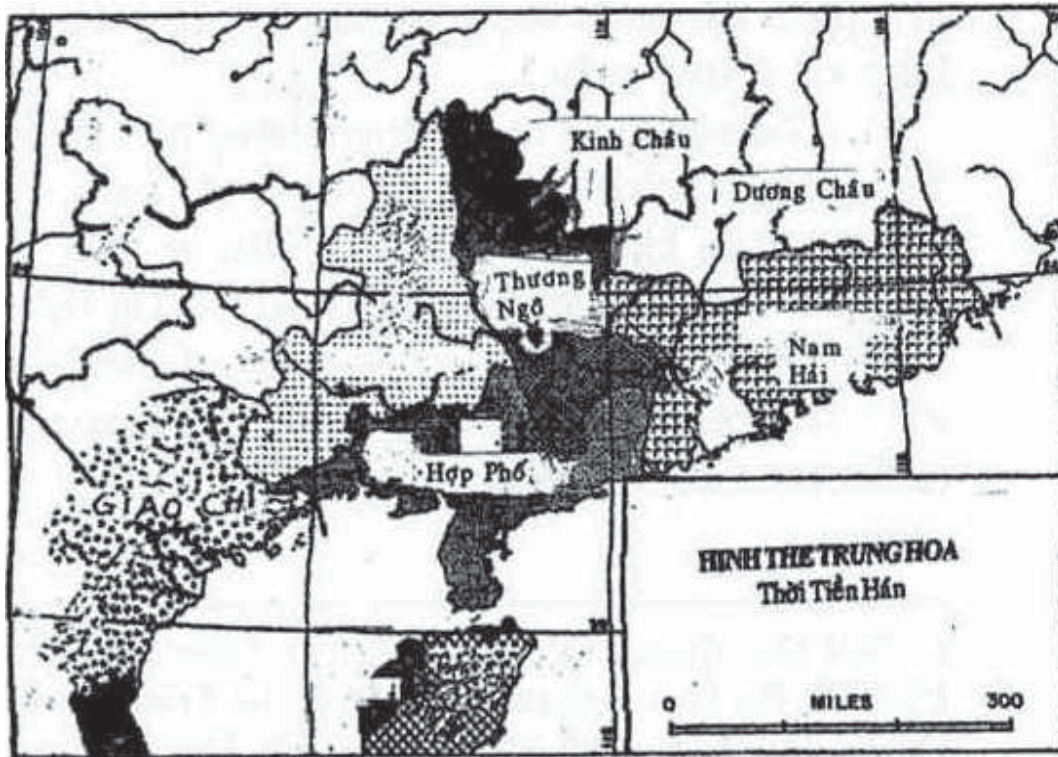
Do nhà Hán chủ trương không bán sắt cho Nam Việt, dân Nam Việt không đúc được khí giới và nông cụ nổi lên phản kháng. Người cầm đầu là thừa tướng Lữ Gia, giết những người thân Hán như Cù Thị thái hậu, Võ đế sai Lộ Bác Đức, Dương Bộc đem quân bình định Nam Việt, thu vào bản đồ Tàu, đặt làm chín quận, chiếm luôn đất Hải Nam.

Về pháp luật, Tiêu Hà đã thu thập pháp luật nhà Tần, chọn lấy những gì thích-hợp với thời-thế mới, đặt ra luật chín chương là pháp điển cơ-bản của nhà Hán. Cửu chương luật trên cơ sở sáu thiên: đạo, tặc, tù, bố, tạp, cụ tăng thêm 3 thiên: hưng, cứu, ho. Đời Hán cũng đã chế định một loạt các luật lệnh riêng lẻ như: Việt cung luật, Triều luật, Điền luật, Kim Bố luật, Tiễn luật, Dao luật, Trí lại luật, Hiệu luật, Truyền thực luật, Hành thư luật, Tạp luật, Quân Du luật, Sử luật, Cáo luật, Tử luật, Nô tỳ luật, và Man Di luật.

Thời Hán vũ Đế bãi truất Bách gia, độc tôn Nho thuật.

Trong gần bốn thế kỷ, nhà Hán đã làm cho đế quốc Tàu rộng lớn, phía bắc tới Mãn Châu, Triều Tiên; phía nam tới Đông Dương, bắc Miến Điện, phía tây tới Tây Tạng, phía tây bắc tới Trung Á.

1- Thời Hán Quang Vũ cử Tô Định làm thái thú Giao Chỉ. Tô Định rất tàn bạo, giết quan Thị Sách, Bà Trưng Chắc (vợ ông Thị Sách) bên cùng với em là Trưng Nhị đứng lên đánh đuổi Tô Định, giành quyền tự chủ được 3 năm. Mã Viện một mãnh tướng của nhà Hán đem binh đàn áp. Quân hai bà bị tan vỡ ở Cẩm Khê (Vĩnh Yên), tùy tướng còn lại dẫn tàn quân chạy về quận Cửu Chân (vùng Thanh Nghệ). Mãi đến năm 59 đời Đông Hán mới đặt xong nền đô hộ.



Trích theo Herold J. Weins,
"Han Chinese Expansion In South China",
 The Shoe String Press, Inc., 1967.

Bản đồ Trung quốc thời nhà Hán

Thực sự nhà Hậu Hán đã không còn quyền hành khi Tào Tháo làm thừa tướng dưới triều Hiếu đế, tự lập làm Ngụy vương. Đến năm 220, Tào Tháo chết, con là Tào Phi tiếm ngôi tức Ngụy Văn đế.

Quần hùng cát cứ phát sinh từ khi giặc Hoàng Cáo bị dẹp. Tào Tháo lộng quyền ở phương Bắc, Tôn Quyền ở phía đông, Lưu Bị ở Tây, chia Trung quốc làm ba khu vực, sử gọi là thời **"Tam Quốc"** (213-280).

Thời Tam Quốc kéo dài từ năm 213-280, nhà Ngụy tuy mạnh nhất, nhưng cũng không chiếm được trọn Trung Quốc vì Thục và Ngô liên kết với nhau tạo thành thế chân vạc. Sau khi Khổng Minh (Gia Cát Lượng) chết, Thục không còn người nào giỏi, tướng Ngụy là Tư Mã Chiêu diệt Thục (năm 263). Thục bị diệt tiếp đến Ngô cũng gần tàn, cho đến năm 280, nhà Ngô xin hàng nhà Tấn.

* Nhà **Tây Tấn** (265-317 sau C.N.)

Tư Mã Viêm kiến lập nhà Tấn vào năm 265, mãi mười năm sau mới diệt được nhà Ngô mà thống nhất Trung Quốc.

Tuy thống nhất được Tàu, nhưng nhà Tấn bất tài. nội bộ tranh giành nhau, hoàng đế chỉ dùng phe này để chống phe kia nên thời Tấn rất loạn-lạc. Tây Bắc có năm sắc dân gọi là **"Ngũ Hồ"**: Hung Nô, Yết (thuộc Kiết) chủng loại Mông Cổ, Tiên Ti (chủng loại Mãn Châu), Chi và Khương (chủng loại Tây Tạng), chiếm lấn dần-lấn lưu-vực Hoàng Hà và đất Trung Nguyên.

Năm 316, Hung Nô tấn công Tràng An, Mân đế nhà Tấn phải đầu hàng, nhà Tây Tấn diệt vong

Trong số các vương, tướng, quý tộc Tấn trốn chạy về phương Nam có người chất là Tư Mã Ý lập nghiệp ở Kiến Nghiệp, mở đầu nhà Đông Tấn. Trung quốc chia thành hai, sử gọi là Nam - Bắc triều: Phía Bắc các vua Hung Nô đổi là Tiền Triệu, phía Nam thuộc Đông Tấn, kéo dài gần ba thế-kỷ.

*** Nam - Bắc Triều (317 - 589 C.N.).**

Trong sử còn gọi là “Lục triều”. Thực-tế phía Bắc Tàu do các sắc dân Hung Nô, Tây Tạng, Mãn Châu, Mông Cổ chiếm cứ, miền Nam gồm các triều Đông Tấn (317-419), Tiền Tống (420-478), Nam Tề (479-501), Lương (520-556) và Trần (557-589).

Trong thời-kỳ Nam - Bắc triều về chính-trị cũng như kinh-tế không có gì đáng kể, ngoại trừ Đạo Phật phát triển thịnh hành hơn ở Ấn Độ.

*** Nhà Tùy (581-618)**

Thời Bắc Chu, nội bộ lũng-củng vì tranh giành quyền lợi. Cuối cùng bị Dương Kiên tự phong mình làm Tùy vương, dẹp các đảng phái khác, rồi ép vua Chu nhường ngôi, hiệu là Tùy Văn đế (581), bảy năm sau thống nhất được Trung quốc.

Rất tiếc nhà Tùy chỉ có hai đời vua, tồn tại được 37 năm sau khi thống-nhất được đất đai.

Trong số các hào-kiệt nổi loạn, người có tài nhất là Lý Thế Dân, cha là Lý Uyên được phong là Đường quốc công, làm thái-thứ phủ Thái Nguyên (*Sơn Tây ngày nay*). Lý Uyên nghe lời con đem quân chiếm Tràng An, tôn người cháu nội của Dạng đế lên làm hoàng đế còn Dạng đế phong làm thái thượng hoàng.

Năm 617, Lý Uyên cướp ngôi nhà Tùy, hiệu là Đường Cao Tổ, phong cho Thế Dân làm Tần vương.

*** Nhà Đường (618-907)**

Khổng Tử đã tôn thờ nhà Chu, các sử gia Tàu khác đều coi đời Hán và đời Đường đã đưa văn minh Trung Hoa lên cao điểm rực-rỡ. Rực-rỡ đến nỗi **người dân Tàu đã đồng hóa triều đại với chủng tộc “Hán dân”** (Hán nhân) và “*Thòong dân*” (Đường nhân).

Lý Uyên xưng đế, trong triều Thế Dân nắm hết quyền bính, thu phục được nhiều tướng tài, hết sức tận tâm như Lý Tĩnh, Uất Trì Kinh Đức, Tần Thúc Bảo, Lưu văn Tĩnh...

Hai năm 620-621, Lý Thế Dân, chỉ qua một trận thắng được hai nước Trịnh và Hạ, làm chủ trọn Hoa Bắc. Đến năm 625 bình trị luôn Hoa Nam, Trung quốc lại tái dựng thống nhất dài khoảng 130 năm.

Suốt từ thời Chu đến Đường, Tàu luôn luôn phải đối phó với các sắc dân du-mục ở phía Bắc và phía Tây.

Thời Đường có Đông Đột Quyết từ sa mạc Go-bi tới biên-giới phía Đông của Tàu, Tây Đột Quyết ở Trung Á, phía Bắc Thiên San; rợ Thổ Cốc Hồn ở miền Thanh hải, đông bắc Tây Tạng.

Năm 629 nhà Đường dẹp được họa Đông Đột Quyết, làm chủ được Nội Mông.

Năm 634, Tây Đột Quyết xin nộp cống làm danh tiếng nhà Đường vang dội khắp Trung Á, những bộ lạc xa xăm ở Tây Bá Lợi Á cũng tỏ tình hòa hảo.

Sau khi thái tử Kiến Thành chết năm 627),¹

Cao Tổ truyền ngôi cho Thế Dân mà lên ngôi Thái thượng hoàng, được một năm rồi

1- Thái tử Kiến Thành và Tề vương Nguyên Cát thấy Cao tổ quý Thế Dân và các tướng đều tuân lệnh Thế Dân nên đã hai lần mưu sát nhưng đều thất bại. Thế Dân biết được bèn lập kế ra tay, cùng với Uất Trì Kinh Đức núp trong vườn chờ Kiến Thành và Nguyên Cát vào chầu mà bắn chết.

qua đời, hiệu Đường Thái Tôn.

Thái Tôn có tài trị vì, và khi mất truyền ngôi cho thái tử Cao Tôn (650-684). Trong thời Cao Tôn, thực quyền trong tay Võ Hậu. Sau cùng năm 690, Võ hậu (Võ Tắc Thiên) phế vua Trung Tôn và lập ra nhà Chu, tự xưng là Tắc Thiên hoàng đế.

Năm 705, nhà Chu chấm dứt sau 15 năm thay nhà Đường¹

Nói đến nhà Đường, người ta thường nghĩ ngay đến Đường Minh Hoàng (Đường Huyền Tôn) 713-756, thời rực-rỡ nhất về thi ca. Những nhà thơ nổi tiếng trong thời này như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, v.v...được dịch ra nhiều ngôn ngữ.

Sau vụ loạn Hoàng Sào tới vụ nội loạn Tần Tôn Quyền. Đường Hi Tôn nhờ quân Sa Đà do Lý Khắc Dụng cầm đầu diệt tan loạn Hoàng Sào, và Chu Ôn tức Toàn Trung diệt Tần Tôn Quyền.

Năm 907, Toàn Trung dứt nhà Đường trở thành vua Thái Tổ nhà Hậu Lương. Nhà Hậu Lương cũng chỉ được hai đời vua (907-923).

Tiếp theo là các triều Hậu Đường (923-936), Hậu Tấn (936-947), Hậu Hán (947-951). Ba triều-đại này do ngoại nhân Sa Đà trị vì, ngoại trừ Hậu Lương (907-923) và Hậu Chu (951-960) do người Hán cầm đầu.

* **Bắc Tống (960-1127)**

Triệu Khuông Dẫn, một tiết-độ-sứ (*viên sứ có quyền hành, cai quan một trấn*) thời Hậu Chu được quân lính tôn lên làm vua, nhà Hậu Chu chấm dứt. Triệu Khuông Dẫn lên ngôi, đổi tên nước là Tống, đóng đô ở Biện Kinh (*Khai Phong ngày nay*) hiệu Thái Tổ (960-975). Đời Tống Thái Tổ Nam Hải xin triều cống, Ngô Việt xin thần phục. Như vậy cả miền Nam đã thu phục, ngoại trừ Bắc Hán (đất Vân, đất Yên), và Tây Hán (Vân Nam, Tây Khang).

Đời Thái Tổ dẹp bỏ phiên trấn, giải-nhiệm các tiết độ sứ, giải-trừ binh giáp. Đường Thái Tổ đặt ra chức “phán quan” và “chuyển vận sứ” thay thế chức tiết độ sứ: Phán quan (quan văn) coi cả việc quân và dân chính, mọi việc phải tâu về triều đình, chuyển vận sứ trông nom việc tài chính, số thu được sau khi trừ số chi tiêu trong châu quận phải nộp về triều đình.

Về quân đội, áp dụng theo phép “*canh nhung*”. Quân lính thay đổi (*mỗi năm cho cấm quân và lính ở biên trấn thay đổi nhau một lần để các quan cai-trị địa phương khó mua chuộc lòng binh lính mà gây thế lực*).

- **Chương-trình cải-tổ của Vương An Thạch:**

Vương An Thạch tự là Giới Phù quê ở Giang Tây là một trong “bát gia” (tám nhà viết cổ văn hay nhất đời Đường và Tống) có nhiệt tâm muốn làm cho nước Tàu giàu mạnh. Mãi đến năm 968 ông mới được Tống Thần Tôn dùng làm tể tướng để thi-hành kế hoạch mà Vương an Thạch đã đề ra. Chương trình làm cho nước giàu, binh mạnh gồm:

- Phép thanh miếu: mỗi năm khi lúa còn xanh (thanh miếu), nếu nông dân muốn vay tiền để chi dùng thì quan địa-phương lấy thóc trong kho cho vay. Tới mùa gặt nông dân trả lại cho nhà nước cộng phân lãi nhẹ theo nhà nước đã quy định.

- Phép mộ dịch: Để làm cho công khổ thêm dồi-dào và có tính cách công bằng đồng thời thêm công ăn việc làm cho một số dân thất nghiệp, nhà nước đặt ra tiền miễn dịch, người nào không muốn làm nô dịch (đào kinh, đắp đường, v.v...) thì nộp một số tiền để nhà nước mướn người làm thay.

1-Dưới thời Đường, năm 860 Dân Việt đã đuổi quân đô hộ, quan đô hộ nhà Đường là Lý Hộ phải bỏ thành Đại La (Hà Nội) chạy về Tàu.

Năm 863 quan đô hộ nhà Đường phải tự tử và tướng nhà Đường là Nguyên Duy Đức bị tử trận.

- Phép thị dịch: Đặt ra một cơ sở buôn bán ở kinh sư để thu nhập những hàng hóa nào vì đường giao thông tắc trở, tới nơi đã trái mùa bán không được thì cơ quan thị dịch sẽ mua hết, trả cho người bán giá phải chăng. Nhà nước tích-trữ hàng có lợi, đợi lúc nào có giá sẽ bán ra. Trường-hợp thương nhân không muốn bán đứt cho nhà nước thì có thể gửi hàng ở cơ quan thị dịch mà vay tiền. Như vậy là một cách giúp thương nhân khỏi phải bán giá rẻ mạt, hoặc phải vay lãi nặng.

- Phép quân thu: Đến mùa thuế để tránh cho dân khỏi nạn bán rẻ để lấy tiền đóng thuế. Thay vì nộp tiền thì dân có thể nộp bằng sản vật, nhà nước cứ tính theo giá trung bình ở mỗi nơi.

Về binh bị thì có:

-Phép bảo giáp: Lấy dân làm lính. Cứ 10 nhà làm một bảo, 500 nhà làm một đô bảo. Mỗi bảo đặt hai người chánh, phó để dạy tập võ nghệ. Làm như vậy tránh đỡ cho triều đình giảm được số tiền phải trả lương cho lính.

- Phép bảo mã: Nhà nước giao ngựa cho các bảo nuôi, mỗi hộ 1 con để khi chiến tranh có ngựa dùng, nuôi 2 con thì được miễn thuế, nhưng ngựa chết thì phải bồi thường.

Vương An Thạch lại có ý dòm ngó phương Nam. Bấy giờ có quan tri châu ở Ung Châu biết ý của Vương An Thạch nên dâng sớ mà tâu rằng: “*Nếu không lấy đất Giao Châu thì về sau thành mối lo cho Tàu.*” Vua nhà Tống nghe lời tâu, sai Lưu Di thu xếp mọi việc theo ý Vương An Thạch.

Bên Lý triều Việt Nam thấy tình sự như vậy, viết thư sang hỏi Tống triều, Lưu Di lại không chuyển thư về kinh. Lý triều bèn sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn quân chia làm hai đạo thủy bộ cùng tiến đánh hai châu Liêm (1076), Ung, lấy công làm thủ.

Năm 1085, Thần Tôn băng hà, Triết Tôn nối ngôi mới có 11 tuổi. Triết Tôn chết năm 1099, em là Huy Tôn nối ngôi, tiếp Khâm Tôn đến Cao Tôn lên ngôi năm 1127 thì dời đô xuống Nam nên từ đó gọi là Nam Tống.

* Nam Tống (1127-1279)

Như trên đã viết khi Cao Tôn nối ngôi muốn khôi phục các đất đã mất vào tay nhà Kim nhưng nghe lời nhóm chủ hòa (Tần Cối), bèn dời đô ở Lâm An (Hàng Châu ngày nay).

Năm 1141, Cao Tôn chịu Kim phong chức là Khang vương, phải cắt đất ở phía bắc Hoài Thủy và Đại Tân Quan, mỗi năm phải nộp 25 vạn tấm lụa cho Kim. Năm 1163 Hiến Tôn lên thay, số thuế cống nộp cho Kim được giảm bớt mỗi thứ chỉ còn 20 vạn.

Trước sau Tống vẫn bị áp chế, mất thêm đất, thêm tiền và chỉ còn giữ được lưu vực sông Dương Tử với vài tỉnh giáp biển ở miền Nam.

Đến cuối thế kỷ XII Tống - Kim đều suy, nhóm Mông Cổ (Thát Đát) thịnh lên rất mau, mới đầu diệt Kim, sau diệt Tống.

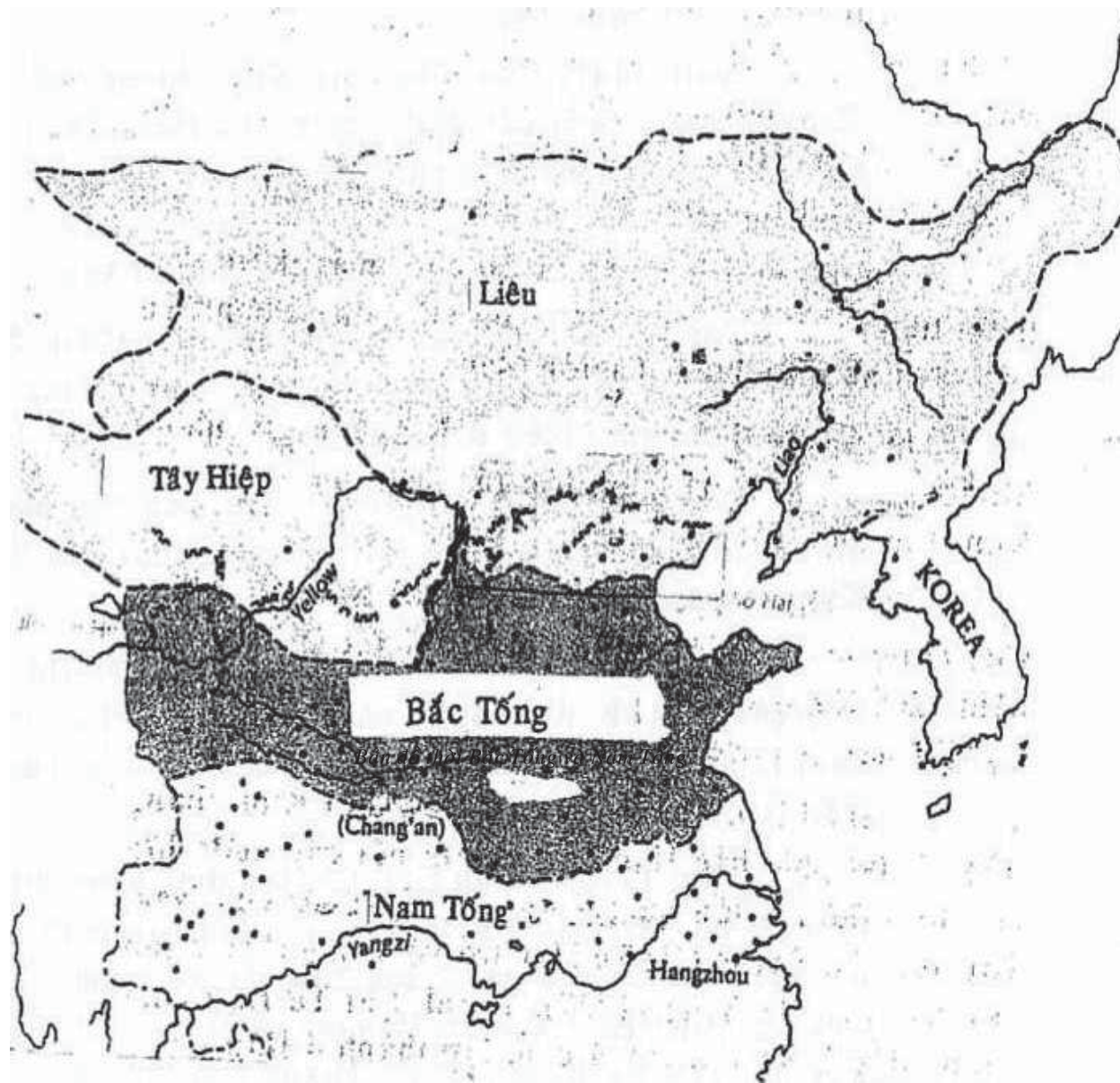
1- Nhà Tống không những bị rắc rối với Liêu và Tây Hạ còn bị họa lớn hơn là nhà Kim. Năm 1125 cuối đời Huy Tôn, nhà Tống nhờ nhà Kim diệt Liêu, nhưng phải nộp 1 triệu quan tiền thuế đất Yên Kinh. Tống chưa kịp nộp triệu quan thì nhà Kim đem quân đánh, hãm Yên Kinh. Khâm Tôn phải cầu hòa.

Đời Thiết Mộc Chân, thái tổ nhà Nguyên (Mông Cổ) càng mạnh, diệt được nhiều bộ lạc ở Tây vực, năm 1206 lên ngôi Đại Hãn (hoàng đế), hiệu là Thành Cát Tư hãn (Genghis Khan).

Năm 1210, Thành Cát Tư Hãn diệt Kim, thắng tiến tới bờ phía bắc Hắc hải, chiếm hết các nước lớn nhỏ trên đường tiến quân, sau cùng là Kiev của Nga. Tới Nga rồi, Thành Cát Tư Hãn trở về Trung Hoa, đánh Tây hạ. Tây Hạ hàng (1227), Thành Cát Tư Hãn chia những đất đã chiếm cho 4 con, lập thành 4 Hãn quốc. Bốn con nối ngôi sau đó còn Tây tiến chiếm Hồi quốc, Đông Âu, Nhật Nhĩ Nam và Tây bộ A-Tế-A. Sau chiếm trọn Trung quốc là công của Hốt Tất Liệt.

Năm 1260, Hốt Tất Liệt lên ngôi tức Thế Tổ Nhà Nguyên. Năm 1264 dời đô từ Karakorum về Yên kinh (Bắc kinh).

Năm 1279 nhà Tống dứt, chấm dứt trang sử thẹn thùng của Tàu .



*** Tài-liệu để chứng-tỏ thái-độ để chế tham-tàn, xâm-lãng, hống-hách của nhà Tống:**

- Tống Thái Tông truyền hịch nhằm khích-lệ quân lính sang xâm-lãng nước Việt.

Phiên âm:

Thái Tôn Thái Bình Hưng Quốc, Ngũ niên Bát nguyệt, Chinh Giao Chỉ chiếu:

“Quốc gia thanh giáo sở đàm, uy linh hàm ky, cố nãi Giao Chỉ chi cảnh, vị quy dư địa chi đồ. Thần tư nhất phương, cận tiếp Ngũ Lĩnh; Đường mặt ly loạn, khu nội phẩu phân, toại vi tiếm nguy chi bang, tư thành lung cổ chi tục. Cập Phiên ngung để định, chính sóc thủy ban. Tuy khế thủ dĩ xưng phiên, phá thiện binh nhi tự cố. Sự đại chi lễ đương như thị hồ? Điều dân chi hành cái bất đắc dĩ. Nghi cung hành ư thiên thảo, dụng phi biến ư man thù, nghi dĩ Tôn Toàn Hưng đẳng xuất sư tiến thảo.”
(An Nam Chí Lược, Quyển Nhị)

**太宗太平興國五年八月征交趾詔
(時黎桓篡丁氏)**

國家聲教所覃，威靈威暨，故乃交趾之境，未歸輿地之圖。矧茲一方，近接五嶺。唐末罹亂^①，區內(部)〔割〕分^②，遂爲僭僞之邦，思成變替之俗。及番禺底定，正朔始頒。雖稽首以稱藩，頗繕兵而自固。事大之禮，當如是乎？！弔民之行，蓋不得已。宜躬行於天討，用丕變於蠻陬，宜以孫全興等率師進討。

Tống Thái Tôn Thái Bình Hưng Quốc, Tháng Tám năm thứ Năm (979)

“Giáo hóa và uy linh của mướn ta đến khắp nơi, riêng đất Giao Chỉ nơi biên cảnh chưa được sát nhập vào bản đồ. Vùng đất này giáp với Ngũ Lĩnh, nhân cảnh ly loạn cuối nhà Đường, đất nước ta lâm vào cảnh chia cắt, bọn chúng lợi dụng tiếm quyền tự động lập quốc, dúi mù theo thói tục xấu. Nay đất Phiên Ngung đã bình định, lịch chính sóc được ban hành, đáng lẽ phải cúi rạp đầu để xưng phiên thần, thì Giao Chỉ lại tụ tập binh để tự thủ. **Lẽ nước nhỏ phải thờ nước lớn** chúng dám như vậy ư! Ta dùng quân điếu phạt cũng là điều bất đắc dĩ. Nay thì hành mệnh trời chinh thảo lũ man di; sai bọn Tôn Toàn Hưng cất quân đi chinh phạt.”

(Trích theo “*Những Nét Đặc Trưng về Lịch Sử Việt Nam*” của Hồ Bạch Thảo, Mister Print, Ca, 2002.) Với nội dung ngạo-mạn trên, ta thấy cuộc chiến tranh Lý-Tống là **sự xung-đột giữa thể-chế dân bản với thể chế đế quốc mà dân chủ quyết định “thắng”**.

Xã hội Tống đi theo con đường “*tư bản chủ nghĩa*” (kinh đô ở Hàng Châu với các thành thị lớn, công thương nghiệp phát đạt) trong khi nền tảng nông nghiệp vì sự lũng-đoạn của địa-chủ trong giới quan liêu mà sinh ra phân-hóa nhiều loạn. Vương An Thạch thuộc “pháp gia”, đề xướng “biến pháp”. Tu chỉnh lại quan-hệ kinh-tế của nông nghiệp nội bộ với công, thương nghiệp. Một mặt đem kinh-tế quốc dân lệ thuộc sự chỉ-đạo của chính-phủ, một mặt chính-phủ lấy chính trị xâm-lược phát-triển làm phương hướng. Sự thí nghiệm phát-triển đổ đầu vào nước láng giềng tiểu nhược Việt bằng sự cấm chợ, ngăn sông biên giới Quảng Tây và ăn cướp mỏ vàng ở Quảng Nguyên.

Tờ tuyên ngôn khai chiến phát ra từ chính phủ Việt phải được đưa vào chiến sử và phát huy giá trị. Cái kinh nghiệm trên quân sự là “*lấy công làm thủ*” ở cuộc chiến tranh Việt

Tống.

* **NHÀ NGUYỄN** (1277-1376)

Hốt Tất Liệt lên làm vua nước Tàu, đổi quốc hiệu là Nguyên, tức Nguyên Thế Tổ.

Dưới thời Thế Tổ tách làm hai chế độ: Phần phía Bắc Vạn Lý Trường Thành theo chế-độ của Mông Cổ, phong-tục tập quán Mông Cổ; Phần phía Nam Trường Thành theo chế-độ cũ Tàu.

Trong xã-hội chia làm 10 giai-cấp:

- 1- Quan lớn trong triều đình (đều là người Mông Cổ).
- 2- Quan nhỏ ở địa phương.
- 3- Lạt Ma (thầy tu).
- 4- Đạo sĩ.
- 5- Y sĩ.
- 6- Thợ và người làm tiểu công nghệ.
- 7- Thợ săn.
- 8- Con hát và những nghề đáng khinh.
- 9- Nhà nho.
- 10- Thành phần ăn mày.

Đế quốc Mông Cổ lan rộng từ Đông Á qua Trung Á tới Nga và một phần Tây Âu nên sự giao-thông từ Tàu qua Âu châu rất yên ổn.

Về hành chánh, nhà Nguyên theo chế độ Trung Hoa trước. Nhà nước gồm 3 cơ quan phân nhiệm: Trung thư tỉnh coi về chính vụ, khu mật vụ coi về binh bị, ngự sử đài coi về giám sát.

Ở địa phương chia nước Tàu thành 12 miền rất rộng tuy trực thuộc trung ương nhưng quyền rất lớn nên gọi thập nhị hành trung thư tỉnh. Dưới mỗi hành trung thư tỉnh có lộ, phủ châu, huyện.

Về binh chế chia làm hai bộ: Túc vệ và trấn thủ.

Quân phục-vụ ở triều-đình là quân túc vệ, quân ở địa phương gọi là quân trấn thủ. Quân túc-vệ thuộc quyền nhà vua hay một đại thần do vua ủy-nhiệm. Quân trấn thủ thuộc khu mật vụ phân phối.

Đời Nguyên thi hành chế-độ 4 cấp: Sảnh (Tỉnh), lộ, phủ, huyện.

11 sảnh: Lĩnh Bắc, Liêu Dương, Hà Nam, Thiểm Tây, Tứ Xuyên, Cam Túc, Vân Nam, Giang Triết, Giang Tây, Hà Quảng, Chính Đông [*Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Bắc trực thuộc trung thư tỉnh (trung ương)*].

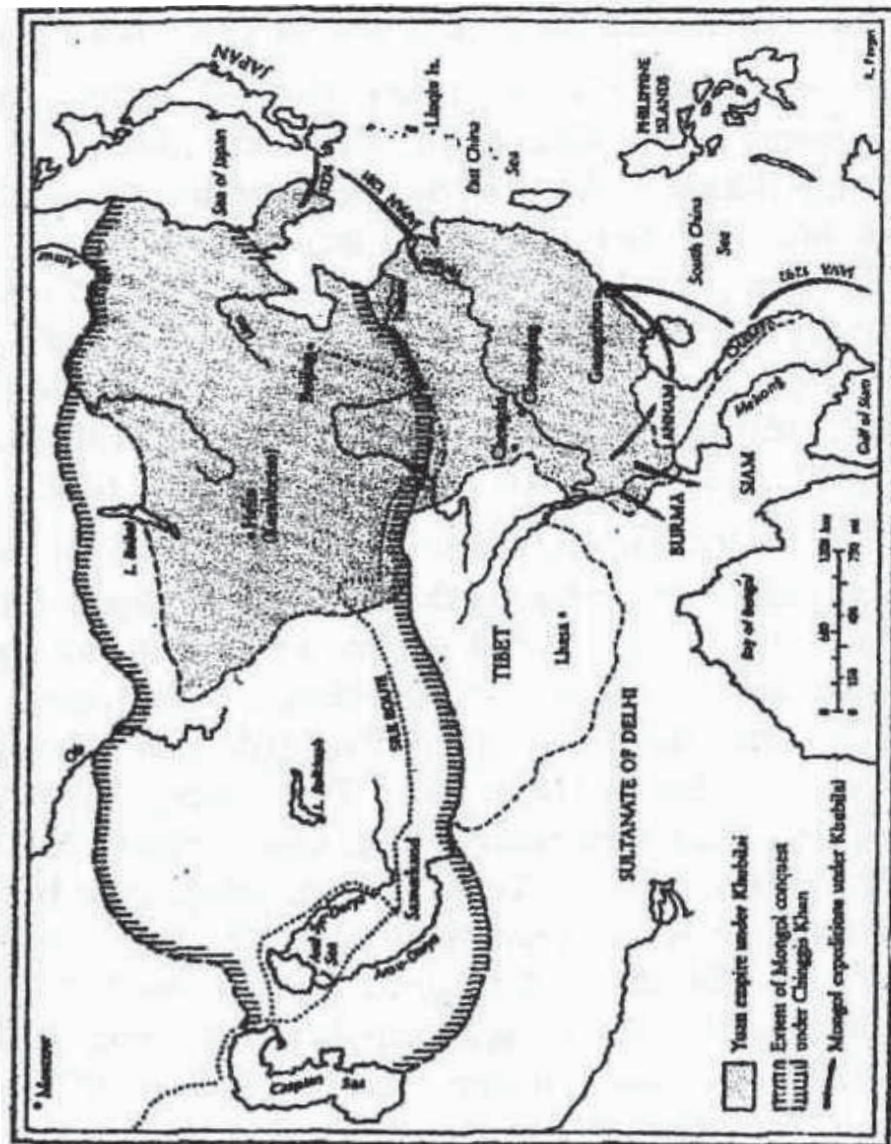
Cấp lộ, cả nước gồm 183 lộ. Cấp 3 là phủ, và cấp 4 gồm 1127 huyện.

Chính sách “*siêu quốc giới*” là chính sách chung của các đại hãn từ Đông qua Tây. Nó có lợi cho sự cai trị các thuộc địa.

Nhà Nguyên đã không dùng Nho sĩ Tàu mà chỉ tin dùng người Mông Cổ và sắc mục khác. Đế quốc Nguyên là một đế quốc rộng lớn, số quan lại ở kinh đô là một gánh nặng cho triều đình. Nào xây cất dinh thự, nào trưng dụng công nhân ở khắp nơi. Dân ở kinh đô tăng nhanh, tất phải bắt dân đài thọ chở lúa từ miền Nam nuôi họ. Năm 1289 nhà Nguyên sai lát đá một con đường dài 1000 cây số từ Hàng Châu lên Đại đô. Dân nghèo tất nhà nước không giàu được, nên giặc giã nhiều nơi nổi lên.

Chu Nguyên Chương, con một nông dân năm 1353 đã đứng lên khởi-nghĩa ở Hào Châu (An Huy ngày nay) thu phục được nhiều người trong giới sĩ, điền chủ. Mới đầu tiến chiếm Nam Kinh một cách dễ-dàng, rồi tiến chiếm hết các tỉnh trù phú ở Đông Nam. Từ năm 1355-1368 Chu Nguyên Chương đã lấy lại được trọn miền Nam. Năm 1368 đưa quân lên Bắc, chiếm được Bắc Kinh. Thuận đế vua cuối cùng của nhà Nguyên chạy trốn về Mông Cổ. Nhà Nguyên chấm

dứt.



Sức mạnh bành-trướng của nhà NGUYỄN (1279)
(Trích theo "China, A New History" của
John King Fairbank & Merlee Goldman)

*** NHÀ MINH (1368-1644)**

Như trên đã nêu qua về cuối đời Nguyên, Chu Nguyên Chương, con một nông dân năm 1353 đã đứng lên khởi nghĩa ở Hào Châu (An Huy ngày nay) được nhiều người trong giới sĩ, điền chủ hưởng-ứng

Năm 1355-1368 Chu Nguyên Chương đã chiếm trọn miền Nam, tiếp đưa quân lên Bắc, chiếm được Bắc Kinh, lên ngôi, đổi quốc hiệu là Minh triều, đóng đô ở Kim Lăng (Nam Kinh ngày nay).

Khi Chu Nguyên Chương lên ngôi lại bắt chước chính sách của nhà Hán, phong cho con cháu trấn cứ các yếu địa thành các nước chư hầu. Chính vì chính sách này, ngay sau khi Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương) qua đời, chỉ 4 năm sau Yên vương (con thứ của Minh Thái Tổ) đem quân đánh kinh đô, lên ngôi hoàng đế tức Minh Thành Tổ. Minh Thành Tổ niên hiệu là Vĩnh Lạc, bỏ Nam Kinh dời đô lên Bắc Kinh (Yên Kinh).

Thời Minh Thái Tổ và Minh Thành Tổ cho xây cất một trường thành mới vì trường thành cũ xây cất từ đời Tần Thủy Hoàng nhiều chỗ đã sụp đổ. Trường thành mới cách xa trường thành cũ về phía Nam, dài 12,700 cây số, trao cho 9 chư hầu, mỗi chư hầu một khúc để trấn giữ.

Đối Thái Tổ cũng như Thành Tổ vừa dùng vũ lực, vừa vận dụng ngoại giao để chia rẽ các bộ lạc du mục. Qua những thắng trận vào những năm 1410, 1422, 1423, và 1424, quân Mông Cổ không còn xâm lấn Tàu.

Về phía Nam, Thành Tổ cũng muốn mở mang bờ cõi. Nhân dịp Hồ Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần, Thành Tổ sai Trương Phụ xâm chiếm Việt Nam, đặt “*bố chính ti*” để cai trị, nước Chiêm Thành cũng phụ thuộc ti này.

Trước khi đoàn viễn-chinh lên đường, Thành Tổ đã chỉ-thị cho tướng Chu Năng như sau: “*Một khi binh lính vào nước Nam, trừ các sách vở và bản in của đạo Phật và đạo Lão, còn thì mọi sách vở, văn tự, cả những dân ca, sách dạy trẻ đều phải đốt hết. Những bia nào của Trung quốc xây dựng từ trước thì đều giữ-gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá-hủy cho hết...*”

Về chính trị, Minh Thái Tổ bỏ cơ quan “*Trung thư tỉnh*” và không dùng chức tể tướng, gom sáu lục bộ (bộ lại, bộ lễ, bộ hình, bộ binh, bộ hộ, bộ công) trực tiếp dưới quyền điều khiển của hoàng đế.

Để củng cố chế-độ, nhà Minh lập thêm một “*đô sát viện*”, cơ quan này không khác gì một cơ quan tình báo hay thanh tra ngày nay.

Về binh bị, quyền thống-xuất quân đội thuộc đô đốc phủ. Sự điều-khiển quân đội đi chinh phạt thuộc bộ binh...

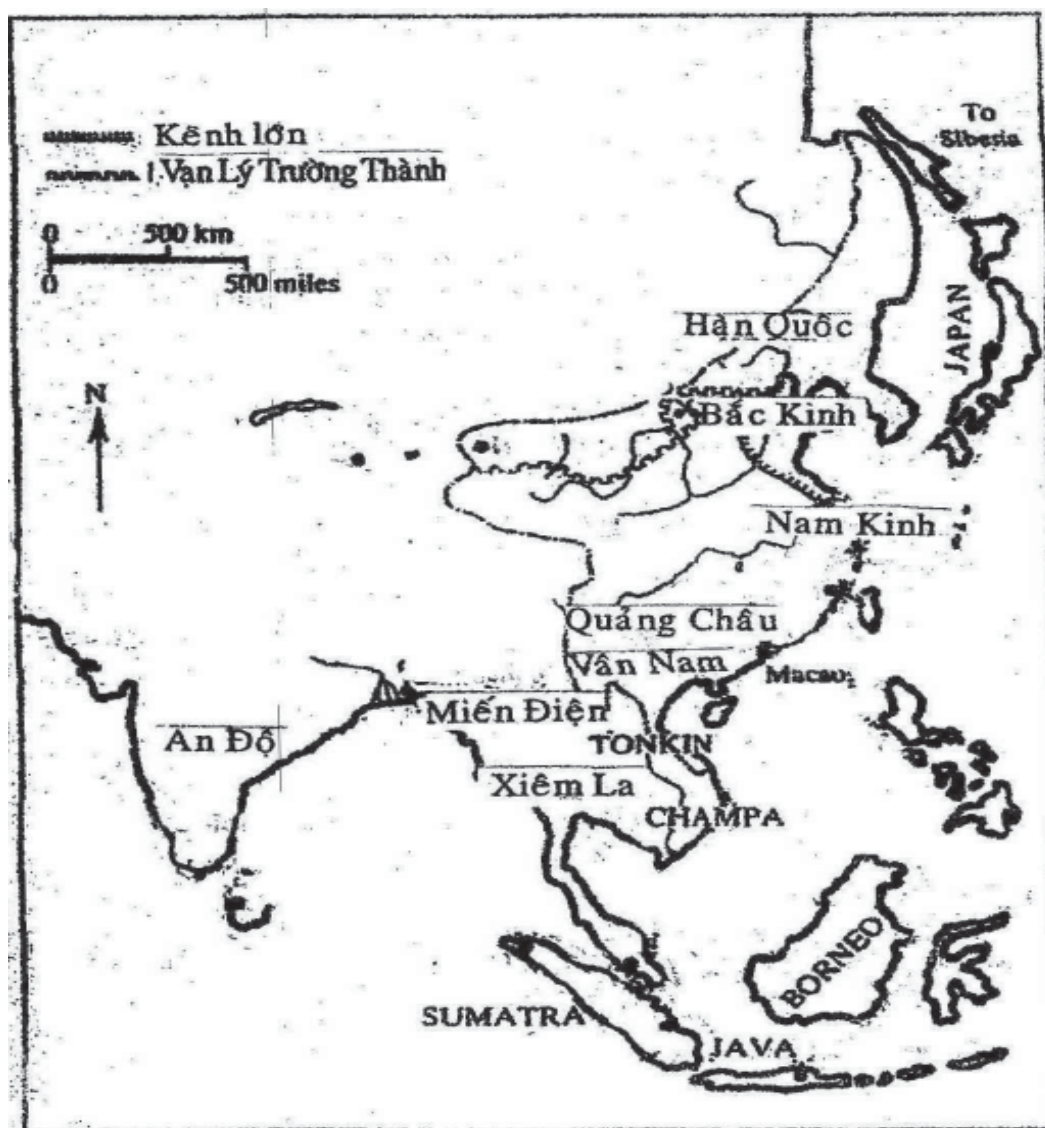
Năm 1635, miền Tây Bắc Trung Hoa đói kém. Loạn nổi lên khắp nơi, trong khi đó, dân Mãn (vốn là sắc dân Kim, làm chủ một phần Hoa Bắc đời Tống), dân số chỉ trên 1 triệu người, tấn công Tàu, thắng 10 vạn quân Minh, chiếm được hết miền Liêu Đông.

Năm 1642, một nông dân Lý Tự Thành được nông dân ùn-ùn theo bao vây Khai Phong, đánh tan quân triều đình tới giải vây, danh tiếng vang dậy. Sau khi chiếm được Khai Phong đem quân chiếm Thiểm Tây. Tháng 2 năm 1644 lên ngôi vua, lập một triều đình có đủ lục bộ.

Lý Tự Thành đã thành công một cách dễ-dàng, nhưng sau đó bị quân của Ngô

Tam Quốc hợp với quân Thanh đánh bại.

Quân nhà Thanh chiếm được Bắc Kinh và thấy miền Nam suy nhược, liền đem quân đánh Dương Châu. Tháng 6 năm 1645 tới Nam Kinh, nhà Minh tới đây chấm dứt.



Bản đồ Trung Quốc thời Nhà Minh

*** Sử Luận:**

Khi nhà Minh đem quân chiếm nước Việt, cai-trị rất tàn-ác: bắt dân Việt khai mỏ vàng, săn voi trắng, mò hạt trân-châu, cấm dân nấu muối riêng, bắt nạp cống đủ điều, thuế-má nặng-nề,... Hơn 20 năm, dân tình khổ-ải trăm bề.

Lê-Thái Tổ trước tình thế quốc-dân đau khổ, quyết chí dẹp loạn, cứu nước.

Quan cai-trị người Minh biết ngài là hào-kiệt nước Nam, cố dụ ngài ra làm quan, ngài từ chối mà nói rằng: *“Làm trai ở trên đời nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo-bo làm đầy tớ người.”*

Đầu xuân Mậu-Tuất (ngày 7/2/1418), trong bầu không-khí linh-thiên của ngày tết dân-tộc, Lê-Lợi dựng cờ khởi-nghĩa ở Lam-Sơn và truyền hịch đi khắp nơi kêu gọi toàn dân vùng lên đuổi giặc.

Gần 10 năm gian-khổ, ba lần phải rút về Chí-Linh, nhiều khi khốn-đốn, vợ con bị giặc bắt, lương-thực khô cạn,... nhưng vẫn kiên-trì. Sau ngài đuổi được Phương-Chính, chém đầu Liễu-Thăng ở núi Mã-An, bắt sống Thôi-Tụ, Hồng-Phúc, quét sạch quân Minh, tái dựng nền tự chủ của nước nhà.

Sau khi đánh bại nhà Hồ (Hồ-Quý-Ly), quân nhà Minh thi-hành một chính-sách thống-trị rất sâu độc. rất phong-kiến, rất thực-dân, không còn lời nào tả xiết! Mục-đích thâm độc của nhà Minh là bắt người Việt đồng-hóa với người Tàu. Từ ăn mặc, cúng tế, học-hành,... việc gì cũng bắt theo như người Tàu. Những di-tích, đền-đài của người Việt thì chúng phá-hủy, sách vở, châu báu cùng đàn bà con gái bị bắt đem về Tàu rất nhiều!

Chính-quyền trung-ương được tổ-chức bằng ba đầu cai-quản (triumvirat): Đô-chỉ-huy-sứ (cầm đầu quân-sự), án-sát-sứ và bố-chính-sứ (chỉ-huy quyền tư-pháp và dân-sự). Chế-độ quân-sự tập quyền này trói tất cả nhân lực, vật lực, tài lực Việt vào một thể-chế cực-kỳ nghiêm-mật. Công-nhân bị khống chế dưới “hương lăm” (nơi thu hết thóc gạo Việt), nhà buôn bị khống chế bởi thương-vụ cục (nơi thu thuế má và chiếm hết các lời lãi), thầy tu bị khống-chế dưới tăng-khu, tăng-kỷ và tăng-cương, thầy bói cũng bị cai-quản bởi một ty cục sở tại, muối bị khống-chế dưới “diêm-thuế cục”. Ngoài các quân khu, tư-pháp khu, còn các hành-chánh khu, tất cả những cơ-cấu ấy khép lại thành những gọng kìm xiết chặt người Việt. Chúng đã dùng lưỡi lê bắt ép người Việt mặc áo Tàu, nói tiếng Tàu, cắt tóc, để răng trắng, mặc áo khách, bắt các nhân tài Việt (như Lê-Tắc làm quyền An-Nam Chí Lược, Nguyễn Văn-An xây thành Bắc Kinh), giả vờ dụ các nhân-tài ra rồi giết đi, hiếp tróc đàn bà con gái, di dân tù tội sang tranh cướp, đoạt-chiếm tài-sản người Việt,... diệt chủng người Việt bằng cách lao-động, đầy ải cho kiệt sức (mò trai đáy bể, kéo gỗ trên rừng, săn tê-giác trên núi...), hạn-chế kinh-tế, năng-lực và văn-hóa thủy-chuẩn của người Việt.

Trong tình-huống ngặt-nghèo như vậy, Bình-Định vương Lê-Lợi làm thế nào để vận-động được quần chúng ?

- Dùng sấm truyền gây dư-luận qua khẩu vận (*bằng miệng dân loan-truyền*). Hiệu-năng không những để các anh-hùng thảo-dã biết đến con người lãnh-tụ của mình mà còn gây được lòng tin mãnh-liệt nơi dân-chúng.

- Về quân-sự, *“chiến-lược địa-lý đã vạch ra theo thế tam-giác: Lục-Hoa, Hòa-Bình và Tân-Viên sơn. Ở đây, nguyên-tắc hành binh, “tàng ư cửu địa chi hạ, động ư cửu thiên chi thượng” (lúc cần để dưỡng quân thì thật kín-đáo an-toàn, khi tham trận thì vũ lộng chín tầng trời). Sự lấy thời-gian đổi lấy không-gian là chiến-lược chính*

của hoàn-cảnh ấy”.

- Về ngoại-giao, một mặt ly-gián Chàm với Tàu, một mặt mua chuộc sự trung-lập của họ và vạch rõ cho họ biết cái lợi hại sự trung-lập cho tương-lai của họ. Các bộ-lạc thiểu số cũng được vận-động vì mệnh-vận chung của giải đất mà hỗ-trợ tích-cực tinh-thần cùng vật-chất.

- Về cách-mạng, người lãnh-đạo có một tinh-thần “tự thắng”. Mạnh-Tử xưa có nói: “*Trời sắp giáng đại mệnh cho ai tất bắt người đó óc mồi, gân nhừ, tim héo, phổi mòn, đủ chiều khôn-khở, bách chiết thiên ma, làm cho người đó động lòng đứng dậy mà lớn lao lên*”. Người nào muốn đi tìm lẽ sống cho dân-tộc đều phải nan hành khổ hạnh, người đó phải là **thắng nhân**, phải **tự thắng** tất-cả những yếu hèn, dục vọng dốt-nát, chia-rẽ,...làm vắn đục tình người. Thắng nhân là cuộc đấu-tranh tự thắng trên thể-xác, tri-thức; tự thắng trên thể sống chính mình và với người.

Bình-Định Vương Lê-Lợi đã từng-trải biết bao gian-nan, đã sống thực-tiến trong đời sống của quốc-dân với dân-tộc để quyết tâm vạch ra con đường chính-xác sống còn của dân-tộc; đã nắm vững lấy cương-vị chủ-đạo của mình mà gánh-vác lấy sứ-mệnh cứu dân cứu nước.

Dấn thân con đường cách-mạng có khác-chế mình có thắng chính mình mới giúp người để thắng. Có làm chủ chính mình thì mới giúp người làm chủ, giúp toàn dân làm chủ đất nước. Cách-mạng xã-hội chỉ có thể thực-hiện được khi song hành với cách-mạng bản thân.

Cứu lấy nước nhà nghĩa là tranh-đấu lại chủ-quyền về mình, chủ quyền đó phải là căn-bản và chân-chính ở mình, tự quyết, tự trị, tự lập, không thể dùng hình-thức giả-tạo hay vay mượn.

Con đường và phương-hướng chính-trị của dân-tộc phải do ánh-sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ đường, làm nền-tảng của mọi chính-trị và cách-mạng.

Đem **đại-nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cho cuồng bạo**. Sau khi chiến thắng lại vẫn sẵn-sàng đem báu vật triều-cống, Bình-Định vương Lê-Lợi tiếp-nối tinh-thần trách-nhiệm của người lãnh-đạo đối với toàn dân. Không vì những cao-ngạo, tự-ái nhất thời mà quên quyền-lợi lâu dài của dân-tộc.

Tóm lại, cuộc cách-mạng phát động bởi Bình-Định Vương Lê-Lợi là một khuôn-khổ trọn vẹn trên mọi mặt và mọi nguyên-tắc của **dân-tộc cách-mạng**.

*** NHÀ THANH (1644 - 1911)**

Thuận Trị tức Thanh thế tổ, vị vua Thanh đầu tiên, lên ngôi từ lúc lên 7 tuổi, và chỉ thọ đến 23 tuổi.

Chính sách nhà Thanh có những điểm giống như nhà Nguyên, cấm hai dân tộc Mãn - Hán kết hôn với nhau, bắt người Hoa (Hán) phải dùng y phục và cạo đầu, gióc tóc như dân Mãn. Đời Thanh bãi bỏ lệ lập thái tử mà chọn con nào tài giỏi để kế vị.

Về chính thể giống như nhà Minh.

Sau khi Thế tổ mất, Khang Hi lên ngôi tức Thánh Tổ (1662 - 1722).

Năm 1715, Khang Hi dẹp loạn ở Tây Mông Cổ, đuổi giặc tới Tây Tạng chiếm

1- Lý-Đông-A, Chu-Tri Lục IV, Sóng-Đáy xb. 1965, Saigon.

Lhassa, biến Tây Tạng thành một nước bảo hộ của Thanh triều.

Trong đường hướng mở rộng biên cương, Mãn Thanh đụng độ với Nga muốn tìm đường qua phương Đông để thông ra biển. Năm 1650, Nga đã tiến tới Hắc Long giang, Nga phải *thương thuyết. Năm 1669 hiệp ước Hi Bố Sở (Nertohinsk) được ký kết giữa Nga và Mãn Thanh.*

Tiếp Khang Hi là Thanh Thế Tông (Ung Chính 1723-1735) cầm quyền, áp dụng “pháp gia”. Ung Chính cầm quyền được 12 năm, tiếp đến Càn Long tức Thanh Cao Tông (1736-1795).



Đời Khang Hi tự-hào về “*thập toàn vũ công*” (mười vũ công hoàn hảo), Khang Hi cũng như Ung Chính tích-lũy nhiều tiền bạc dùng để mở rộng biên cương Tàu.

Cần Long đã thắng bộ lạc Chuẩn Cát Nhĩ, một bộ lạc mạnh nhất của Mông Cổ và một bộ lạc Hồi ở Tây Vực, Cần Long gom đất của hai bộ lạc này nhập làm một thành Tân Cương, cử quan cai trị.

Năm 1772 và 1776, Cần Long cử binh đến Tứ Xuyên (Tây biên cương) để dẹp hai bộ lạc Đại Kim Xuyên và Tiểu Kim Xuyên.

Đời Cần Long dẹp yên Đài Loan. Đời Ung Chính mở rộng biên giới tới Quý Châu, nhưng dân nơi đó là người Miến thường nổi loạn, đến đời Cần Long mới dẹp yên.

Từ năm 1766-1770, 4 lần quân Tàu tràn sang Miến Điện.

Riêng năm 1766, Cần Long phái hơn hai vạn quân xâm chiếm Miến Điện bị hao binh tổn tướng nhưng kết quả cũng được Miến cầu hòa và cứ 10 năm Miến phải cống Tàu một lần.

Vua Cần Long cũng can thiệp vào Việt Nam. Cần Long đã sai Tôn Sĩ Nghị đem quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam xâm lăng Việt Nam. với danh nghĩa “Phò Lê”. Vua Quang Trung Nguyễn Huệ hay tin, đem quân ra Bắc, Tôn Sĩ Nghị đã bỏ cả ấn tín thoát thân. Muốn cho dân chúng được nghỉ ngơi, tuy chiến thắng nhưng vua Quang Trung vẫn cầu hòa và xin thụ phong (1789)...

Đời Cần Long (Thanh Cao Tông) nạn tham quan đã lan tràn khắp nước, tiếp đời Gia Khánh (Thanh Nhân Tông) loạn lạc nổi lên ở nhiều nơi: năm 1795 Bạch Liên giáo ở Tứ Xuyên, Hà Bắc, Thiểm Tây; loạn “Bát Quái giáo”, Nghĩa Hòa Đoàn đều nổi lên với khẩu hiệu “*phản Thanh phục Minh*”. Các đời kế tiếp từ 1821-1911 Trung Hoa chịu sự uy hiếp của các cường quốc phương Tây.

- Năm 1840 chiến tranh nha phiến giữa Anh với Tàu bùng nổ lần thứ nhất. Năm 1842 điều ước Nam Kinh, một điều ước đầu tiên đặt địa vị bình đẳng giữa hai nước ký kết với nhau (Tàu không còn danh nghĩa Thiên Triều) gồm những điểm chính:

- * Tàu cắt nhường Hương Cảng cho Anh.

- * Khai phóng năm hải khẩu: Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba, Thượng Hải.

- * Bồi thường cho Anh 21 triệu đồng bạc Mễ Tây Cơ...

- Năm 1856 xảy chiến tranh nha phiến thứ nhì giữa liên quân Anh Pháp với Tàu . Năm 1860, nhà Thanh phải ký điều ước gồm các khoản:

- * Công sứ của Anh, Pháp đều được tự do cư trú ở Bắc Kinh.

- * Mở thêm nhiều thương khẩu: Ngưu Trang, Đẳng Châu, Đài Loan, Viên Thù, Triều Châu, Quỳnh Châu.

- * Người dân Anh, Pháp mà phạm tội ở trên đất Tàu thì do lãnh sự của họ xử, nếu có tranh tụng giữa người Tàu với người Anh hoặc người Pháp thì quan lại Tàu cùng xử với lãnh sự Anh hoặc Pháp.

- * Sửa lại chế độ quan thuế.

- * Mở thêm thương khẩu Thiên Tân.

Bồi thường cho Anh và Pháp mỗi nước 8 triệu lạng bạc.

Nhân cơ hội Tàu trong thì nội loạn, ngoài thì bị Anh, Pháp uy hiếp bèn nhay vào xâu xé Tàu.

Ngã đã lợi dụng vấn đề biên cảnh mà chiếm được gần 700 ngàn dặm vuông ở

biên cương Tây Bắc Tàu.

Theo gót Anh, Pháp, Nga, Nhật chiếm quần đảo Lưu Cầu (sau đặt tên là Okinawa).

Năm 1894, Triều Tiên cầu cứu Tàu để dẹp loạn Đông Học. Nhật đã chuẩn bị chiến tranh từ mấy năm trước, nay nhân dịp đuổi quân Tàu ra khỏi Triều Tiên rồi tiến cả vào đất Tàu. Tháng 3 năm 1899 điều ước Mã Quan (Shimoneseke) được ký kết, đại khái

Tàu phải thừa nhận:

- Triều Tiên (Cao Ly) thoát ly khỏi Tàu.
- Cắt nhượng cho Nhật nam bộ Phụng Thiên và bán đảo Liêu Đông, nhượng thêm Nhật đảo Đài Loan, đảo Bình Hồ và các đảo phụ thuộc.

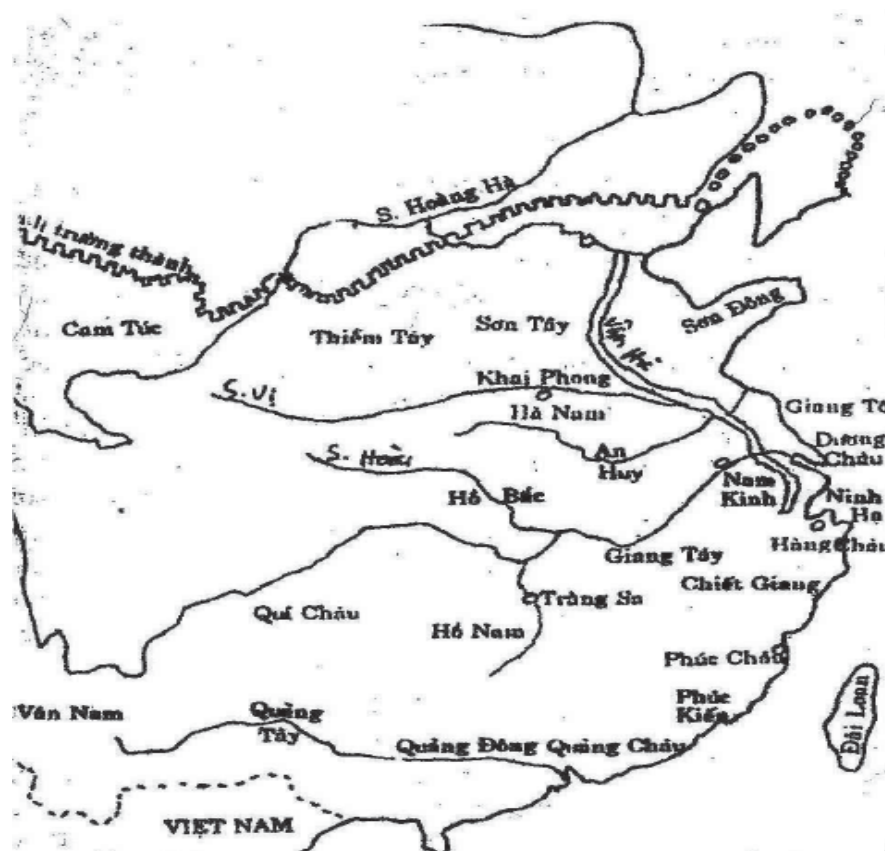
- Bồi thường 200 triệu lạng cho Nhật

- Bỏ hết các điều ước bất bình đẳng từ trước giữa Tàu và Nhật.

- Người Nhật được lập công xưởng ở các thương khẩu, các hóa phẩm của Nhật chế tạo được hưởng tối huệ quốc về thuế khóa...

Sau hòa ước Tân Sửu (1901) Từ Hi thái hậu bị dân chúng vạch tội, muốn dụ lòng dân nên đã phái năm đại thần đi Nhật, Anh, Đức khảo-sát chế độ lập hiến, nhưng không thực tâm.

Năm 1911 từ cuộc nổi loạn hỏa xa ở Tứ Xuyên, đến các cuộc khởi nghĩa ở Vũ Xương, Trung Hoa Dân Quốc được thành lập, nhà Thanh chấm dứt sau 260 năm cai trị, và cũng là thời kỳ chấm dứt chế độ “quân chủ” trên 2000 năm.



Bản đồ Trung Quốc thời Mãn Thanh

*** Nhắc đến đời nhà Thanh, con dân Việt cần ghi nhớ công đức của Vua Quang Trung đại phá quân Thanh.**

Năm 1788, vua Càn-Long sai Tôn-Sĩ-Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam sang đánh nước Việt.

Tôn-Sĩ-Nghị kéo quân đến Kinh-bắc (Bắc-Ninh), vua Chiêu-Thống ra chào mừng rồi theo quân Tàu về Thăng-Long.

Vua Chiêu-Thống tuy thụ phong, nhưng các văn thư đều phải đề niên-hiệu Càn-Long, ngày ngày đến dinh Sĩ-Nghị châu-chức việc quân quốc. Người bấy giờ cho rằng: “ Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, không thấy vua nào hèn-lụy đến thế. Tiếng làm vua mà phải theo niên-hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bầm đến quan tổng-đốc, thế thì có khác gì đã bị nội thuộc Tàu ? ”

Bắc-Bình-vương Nguyễn-Huệ được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-Long, lập-tức hội các tướng-sĩ bàn việc đem binh ra đánh. Các tướng sĩ đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Bắc-bình-vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn sơn, ngày 25 tháng 1 năm Mậu-thân (1788), vương làm lễ lên ngôi hoàng-đế, rồi tự mình thống-lãnh thủy-bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Tới Nghệ-an nghỉ 10 ngày để mộ thêm binh, cả thấy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi...

Vua Quang Trung truyền cho tướng-sĩ ăn tết Nguyên- đán trước, để đến hôm trừ-tịch sẽ cất quân. Vua định ngày mùng 7 tháng Giêng sẽ vào thành Thăng-Long mở tiệc ăn mừng...Ba quân (tiền quân, tả quân và hữu quân) được lệnh, đến hôm 30 tiến binh ra Bắc. Khi quân sang sông Giản-Thủy, cánh nghĩa quân của vua Lê tan vỡ. Vua Quang-Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú-Xuyên bắt sống trọn toán quân Tàu đóng ở đấy, vì thế không có tin báo về; những quân Tàu đóng ở làng Hà-Hồi, Ngọc Hồi đều không biết gì cả. Nửa đêm ngày 3 tháng Giêng năm Kỷ-dậu (1789), quân vua Quang-Trung vây kín đồn Hà-hồi, bắc loa lên gọi, quân sĩ dạ ran. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, rúng động tinh-thần, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân lương và đồ khí-giới. Sáng mờ-mờ ngày mùng 5, quân Tây-Sơn tiến đến làng Ngọc Hồi, quân Tàu bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ thấm nước quấn ở ngoài, rồi sai quân kiêu dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí-giới theo sau. Vua Quang-Trung cỡi voi đi sau đốc chiến, quân ta vào gần đến cửa đồn, bỏ ván xuống, rút dao xông vào chém. Quân Tàu địch không nổi, xôn-xao tán-loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân các đạo khác cũng toàn thắng. Tôn-Sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng-hốt không kịp thắt yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông. Quân các trại nghe tin như thế, xôn-xao tan rã chạy trốn, tranh nhau qua cầu, cầu đổ sa cả xuống sông chết chìm vô kể.

Vua Quang-Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa vào thành Thăng-Long, sai tướng đem binh đuổi quân nhà Thanh đến cửa Nam-Quan, những dân Tàu ở gần Lạng-Sơn sợ khiếp, dất-dúi nhau mà chạy, từ cửa ải về phía Bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào.

Vào thành Thăng-Long, vua Quang-Trung ra lệnh chiêu an, bắt được cả ấn tín của Tôn Sĩ-nghị bỏ lại, trong những giấy tờ bắt được có tờ mật dụ của vua Càn-Long: “Việc quân không nên hấp-tấp. Hãy đưa hịch truyền thanh-thế đi trước, và cho các quan

nhà Lê họp nghĩa binh, tìm tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối-địch với Nguyễn-Huệ, thử xem sự thể thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai tự quân đuổi theo, đại binh ta theo sau, như thế không khó nhọc mà nên công to, đó là mẹo hay hơn cả. Ví bằng, người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn-Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang chỉ đường họa phúc, xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân đi đường biển sang đánh mặt Thuận-Hóa và Quảng-Nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau. Nguyễn-Huệ trước sau bị địch, tất phải chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên; từ đất Thuận-Hóa Quảng-Nam trở vào Nam thì cho Nguyễn-Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra thì phong cho tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiểm-chế cả hai bên, rồi sau sẽ có xử trí.”

(Trích theo Lý Đông A, Chu Tri Lục IV, Sóng Đáy xb. 1965.)

*** Chế Độ Cộng Hòa:**

Nhân vật biểu-tượng cho chế-độ Cộng Hòa là Tôn Văn (Tôn Dật Tiên, Tôn Trung Sơn), sinh năm 1866 Quảng Đông.

Năm 14 tuổi được gửi sang ở với người anh tại Hawaii. Sau 3 năm lại được gửi sang Hương Cảng học y-khoa.

Năm 1894 lập Hưng Trung hội, năm sau khởi nghĩa định chiếm Quảng Châu nhưng việc không thành phải trốn qua Honolulu và sang Anh.

Năm 1900, khởi sự lần hai lại thất bại, Tôn Văn đi vận động tuyên-truyền khắp Đông Nam Á, những nơi có nhiều Hoa kiều.

Năm 1905, đổi Hưng Trung hội thành Đồng Minh hội và xuất-bản Dân Báo vạch rõ đường lối của đảng.

Năm 1911, lực-lượng đã khá mạnh, 14 trên 18 tỉnh của Tàu hưởng ứng phong-trào cách mạng, đuổi các tổng đốc của Thanh triều, lập chính quyền cách mạng địa phương.

Tôn Văn sau khi tiếp xúc với Hoa Kỳ và Pháp về nước được đại biểu 14 tỉnh bầu làm Đại Tổng Thống lâm thời ở Nam Kinh.

Do Viên Thế Khải làm trung gian, thuyết phục được vua nhà Thanh Phổ Nghi bằng lòng thoái vị, và trao chức tổng thống cho Viên.

Năm Tân Hợi 1911 được coi là năm đầu của chế độ Cộng Hòa Dân quốc.

Tiếp thay, sau đó Viên Thế Khải đã giải tán lưỡng viện quốc hội mà thay thế bằng một ủy ban chính trị, ban bố hiến pháp mới mà tổng thống có quyền chuyên chế, quyết định mọi việc thành ra Trung Hoa Dân Quốc chỉ có danh, còn ý nghĩa cách mạng Tân Hợi hoàn toàn mất hết.

Tuy làm tổng thống trong ba năm vẫn chưa thỏa ý, Viên Thế Khải dự định lên ngôi hoàng đế. Nhiều nơi phản đối, Viên bỏ ý định xưng đế, tuy nhiên tháng 5/1916 nhóm cách mạng ở Quảng Châu thành lập chính phủ Cộng Hòa và bầu Lê Nguyên Hồng làm Tổng Thống. Viên ưu phiền và từ trần vào tháng 6 năm 1916. Lê Nguyên Hồng lên làm tổng thống, gọi là chính phủ Bắc Kinh.

Thừa dịp Trung Hoa gặp nhiều khó khăn, liệt cường Nga, Anh và Nhật tính xâu xé Trung Hoa thêm. Nhật tham lam hơn cả. Sau khi đã ép Viên Thế Khải cho Nhật xây cất năm con đường xe lửa ở Mãn Châu, Nhật còn đưa ra những yêu cầu khác nếu chính phủ Bắc Kinh chấp nhận thì không khác gì Trung Hoa chấp nhận thành một thuộc địa của Nhật.

Kết quả toàn dân Tàu đã đứng lên chống Nhật:

Đệ nhất thế chiến (1914-1918) kết liễu, hòa hội Versailles (Paris) năm 1919, chính phủ Bắc Kinh và chính phủ Quảng Châu (của Tôn Văn) đều cử đại diện với hy vọng đồng minh cùng trả lại cho Tàu những quyền lợi của Đức ở Sơn Đông, nhưng đoàn đại biểu Tàu đã thất bại. Tức thì phong trào học sinh ở Bắc Kinh biểu tình và lan rộng.

Ảnh hưởng của phong trào này, liệt cường và hội nghị 9 nước họp tại Hoa Thịnh Đốn năm 1921-1922 để xét lại vấn đề Sơn Đông. Liệt cường đã ép Nhật trả đất tô tá Giao Châu cho Tàu và Nhật phải rút quân theo từng thời kỳ.

Hội nghị cũng đưa ra một số qui-tắc như:

“Liệt cường tôn trọng sự độc lập và chủ quyền của Tàu .

Tôn trọng, bình đẳng giữa về thương mại và kỹ nghệ trên đất Tàu.

Liệt cường không được lợi dụng lúc Tàu loạn lạc để mưu chiếm những quyền lợi đặc biệt.”

Năm 1917, cuộc cách mạng vô sản ở Nga thành công. Năm 1921 đảng cộng sản Tàu được thành lập, đứng vào hàng ngũ đệ tam quốc tế.

Năm 1925, chính phủ Bắc Kinh bị lật đổ, Tôn Văn được mời lên Bắc Kinh để bàn việc thống nhất, hai bên chưa kịp thảo luận Tôn Văn từ trần.

*** Trung Hoa Dân Quốc**

Giai Đoạn thống nhất 1926-1928: Giai đoạn này, nhân vật cần được đề cập là *Tướng Giới Thạch*. Tướng Giới Thạch sinh năm 1887 ở Chiết Giang, thuộc thành phần tiểu tư sản. Khi còn nhỏ theo Nho học, lớn lên theo học trường võ bị do Viên Thế Khải thành lập. Năm 1907 qua Nhật, theo học trường lục quân 3 năm.

Năm 1926, Tướng Giới Thạch được đề cử làm Tổng Tư lệnh quân dân cách mạng quân. Sau khi tựu chức, Tướng ban lệnh động-viên và đem quân Bắc tiến dẹp quân phiệt, triệt cộng sản.

Quân của Tướng tới đâu thắng đấy, chỉ trong vài tháng chiếm được Giang Tây, Hà Nam, rồi Hồ Bắc, Hán Khẩu và đến tháng 4/1927 chiếm hết các tỉnh quan trọng ở phía Nam sông Dương Tử.

Ngay sau khi chiếm được Thượng Hải, rồi chiếm được luôn Nam Kinh, Tướng lập kinh đô ở Nam Kinh, thành ra Tàu lúc đó có hai kinh đô: một ở Vũ Hân của Uông Tinh Vệ và một ở Nam Kinh của Tướng Giới Thạch.

Tháng 10 năm 1928, Tàu được thống nhất, Tướng Giới Thạch được đề cử làm Tổng Thống.

Nhờ Thế chiến II (1941-1945) Tàu được long trọng mời vào phe đồng minh chống Nhật. Thật là quá vẻ vang cho Tàu!

Hai trái bom nguyên tử nổ ở Nhật, Nhật đầu hàng vô điều kiện, phe Tướng cũng hưởng được cái danh thắng Nhật.

Theo thỏa hiệp giữa các đồng minh, Nga sẽ giải giới Nhật ở Mãn Châu. Tàu trách nhiệm giải giới từ Vạn lý trường thành trở xuống - lập tức tướng Cộng sản Chu Đức chiếm tất cả các tỉnh từ sông Dương Tử lên tới Trường Thành có quân Nhật chiếm đóng rồi tiến lên Mãn Châu, Mông Cổ. Tướng ra lệnh cho Nhật chỉ được

giao khí giới cho quân Quốc dân đảng.

Giữa Tưởng và Mao không đồng ý với nhau về cách sắp xếp nhân sự hành chánh cấp tỉnh, và khác nhau, Tưởng thì muốn quốc gia thống nhất, các tỉnh trưởng phải tùy thuộc trung ương, Mao thì muốn dùng chính sách liên bang, mỗi địa phương có quyền tự trị.

* Thời Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch, năm 1940 đã quy định tám con đường phát triển của nòi Hoa trong bộ “ Đông Á Địa Lý “:

- 1- Tây Bá Lợi Á,
- 2- Tây Tạng Ba Tư,
- 3- Tân Cương,
- 4- Ấn Độ,
- 5- Việt, Thái, Miến, Tân Gia Ba,
- 6- Nam Dương liệt đảo,
- 7- Úc châu,
- 8- Thái Bình Dương đông liệt đảo, Hàn.”

Vụ tàn sát nhân dân Y-Khắc Chiếu năm 1943, cuộc trấn áp bằng vũ trang ở Tân Cương năm 1944, vụ tàn sát tập thể trên 5 ngàn người dân Đài Loan đòi độc lập 1947...

Từ năm 1948 Cộng ồ-ạt tấn công, chiếm được Mãn Châu, Thiên Tân rồi Bắc Kinh, tiếp tiến về Hoa Nam. Năm 1949, Tưởng đem hết lực lượng đánh trận Hoài Hải (Huai Hai), nhưng kết quả Quốc Dân đảng thiệt gần triệu quân. Sau đó cộng sản vào Nam Kinh. Đến ngày 1.10.1949 Mao tuyên bố thành lập *Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa*. Tưởng bay qua Đài Loan,

* Đài Loan:

Nói tới Đài Loan là phải nói đến “long nảo”. 3/4 số long nao dùng trên thế giới là do nơi Đài Loan. Đài Loan, diện tích chỉ bằng 1/3 Bắc Việt. Theo bản thống kê năm 1970 dân số được 13 triệu.

Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Đài Loan trở về Tàu. Năm 1950, Tưởng Giới Thạch đem 300,000 quân qua, quyết lập lại trật tự và chấn-hưng kinh tế.

Đầu năm 1959, Hoa Kỳ còn do dự về sự thừa nhận. May mắn cho Tưởng, ngay sau khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, chính phủ Truman (Hoa Kỳ) lại viện-trợ cho Tưởng, và nhất là chính quyền Eisenhower, chính sách Hoa Kỳ công khai che-chở cho Đài Loan.

Hậu quả Tàu có hai chính thể: Trung Hoa Dân Quốc (Chính quyền do Tưởng Giới Thạch cầm đầu tại Đài Loan) và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (01-10-1949) do Mao Trạch Đông làm chủ tịch tại lục địa Tàu.

* **Trung Cộng**

Tuy Tàu chia làm hai chính thể, nhưng về đối ngoại, cả hai chính thể đều cùng một chủ trương “*Vì Tàu cho Hán dân và bênh vực Hoa kiều ở hải ngoại.*”

Tháng 5/1951 Trung Cộng xua quân chiếm Tây Tạng.

Năm 1959, dân Tây Tạng nổi lên ở Lhasa, Mao đưa quân đàn áp dữ dội, đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng phải chạy qua Ấn Độ.

Tiếp truyền “*hội chứng Đại Hán*”, các nhà lãnh đạo Tàu dù ở dưới chính thể nào cũng không bao giờ chấp nhận vai trò thứ yếu của Tàu trong vùng Á châu, và cũng không bao giờ thỏa-mãn với đất đai rộng lớn hiện có của mình.

Trung Cộng đã tranh chấp, gây hấn với Liên Xô, với Ấn Độ về đất đai, lấn đất Mông Cổ, ngang-nhiên chiếm Tây Tạng, đe dọa đảo Đài Loan, tranh chấp chủ quyền đảo Điếu Ngư Đài với Nhật Bản, đoạt Hoàng Sa và Trường Sa, dời ai Nam Quan vào sâu đất Việt...

*** Ngoài ra, Trung Cộng còn kiểm soát:**

Xâm lăng lãnh thổ Qua Những Hiệp Định Thân Hữu.

Sự phát-triển kinh-tế đi đôi với quân-sự đã làm cho Tàu càng bày tỏ tham-vọng trở nên một siêu cường bá-chủ thế-giới.

Tư lệnh hải quân Tàu đã từng công khai tuyên bố: “*Vì sinh tồn, Tàu cần dầu khí và ngư nghiệp ở Nam Hải. Cá sẽ là nguồn protein cho hơn tỷ dân Tàu.*”

Mao Trạch Đông khi mới chiếm trọn lục địa Tàu, trong một bài nói về biên-cương cũ của Trung Quốc, Mao đã đề-cập tới một số chư hầu trước của Tàu bị các đế quốc phương Tây chiếm đoạt như Nhật chiếm Cao Ly (Đại Hàn), Đài Loan, Lưu Cầu, Bành Hồ; Anh chiếm Miến Điện, Buthan, Népal và Hồng Kông; Pháp chiếm An Nam; Bồ chiếm Macao,... Trung Cộng sau đó còn đe-dọa sự ổn định của Đông Nam Á bằng cách dùng các mẫu hạm diễu oai tại các hải phận Việt Nam, Phi Luật Tân, Đài Loan, Nhật Bản,...

Gần đây, Tàu tuyên-bố thẳng thừng cho thế giới thấy “*Mục đích của Bắc Kinh tại vùng biển Đông là tái lập với bất cứ giá nào sự nguyên-vẹn lãnh thổ của đế quyền Tàu*”.

Nguyên vẹn lãnh thổ của đế quyền Tàu là bao gồm những chư-hầu mà xưa kia phải triều cống để tránh binh đao cho xứ sở mình, mà các sử gia khi đọc danh từ “*triều cống*” đều hiểu lầm là thuộc lãnh thổ của Tàu, như các xứ Tây Tạng, Tây Bá Lợi Á, Tân Cương, Việt, Thái lan, Miến Điện,..

Trong cuốn “*Tân Trung Quốc Sử Lược*” ấn hành năm 1952, Trung Cộng đã ghi lãnh thổ Tàu bao gồm: Miến Điện, TháiLan, ViệtNam, Kampuchia, Lào, MãLai, Singapore, Phi Luật Tân.

- Tàu có trăm phương ngàn kế, với sách lược vô cùng thâm độc để xâm lăng Việt Nam. Cuối thế kỷ 20, sau khi thất bại dạy cho Việt Nam một bài học hồi đầu năm 1979, Tàu chuyển sang thủ đoạn “*tầm ăn dâu*”, lấn chiếm đất và biển qua những hiệp ước bất bình đẳng:

- Hiệp ước nhượng đất ngày 30 tháng 12 năm 1999: Để thực thi hiệp ước trên đất liền, vào 27 tháng 12 năm 2001, hai bên đã làm lễ cắm mốc để thiết lập đường ranh giới mới.

Qua hiệp ước biên giới, Trung Cộng đã lấn chiếm đất của Việt Nam ở biên giới như sau:

- Khu vực Nam Quan khoảng 0.62 km².
- Khu Bàn Dốc (cột mốc 53) bị mất 0.8km².
- Khu huyện Cao Lộc (cột mốc 25,26, 27) ở Lạng Sơn.
- Khu vực Khảm Khâu (cột mốc 17,19) ở Cao Bằng.
- Khu Minh Tân (cột mốc 14) ở Hà Tuyên. Chiều sâu lấn vô hơn 1 cây số, và

`chiều dài hơn 4 cây số!

- Khu vực cầu ngầm Hoàng Mô tỉnh Quảng Ninh bị mất khoảng cây số vuông.
- Các thị trấn Ái Điểm (cột mốc 43) thị trấn Bình Mãng bị chiếm mỗi nơi khoảng 0.5 cây số vuông.
- Khu vực Phia Un (cột mốc 94, 95) huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng bị mất khu vực núi Phia Un có mỏ mangan. Tổng diện tích là 2.2 cây số vuông.
- Khu vực Kim Mu, Kim Ngân, Mãn Sơn bị lấn sâu vào Việt Nam 2.5 cây số. Tổng diện tích là 22.5 cây số vuông.
- Khu vực Nà-Pàn, Léo Trình (cột mốc 29, 30, 31) ở Cao Bằng bị lấn sâu vào Việt Nam 1.3 cây số, tổng diện tích là 8.45 cây số vuông.
- Khu vực cột mốc 63-65 (Trà Lĩnh, Cao Bằng) dài 8 cây số, bị lấn sâu vào Việt Nam, tổng diện tích 16 cây số vuông.
- Khu Cao Pa Mờ (cột mốc 1 và 2) tỉnh Hà Tuyên dài 4 cây số, lấn sâu vào Việt Nam 2 cây số, tổng diện tích là 8 cây số vuông.
- Khu vực Trà Mần, Suối Lũng (cột mốc 136, 137) huyện Bảo Lạc, Cao Bằng có diện tích là 3.2 cây số vuông. Vùng này có mỏ than chì.
- Khu vực xã Nâm Chảy (cột mốc 2,3).

* Về hải phận, những quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Tàu gọi là Tây Sa và Nam Sa - Theo chứng tích lịch sử hiện còn tàng trữ tại các văn khố Việt Nam cũng như quốc tế là một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

“Cứ theo tài liệu ghi trong Hồng Đức Bản Đồ dưới thời vua Lê Thánh Tôn (1460-1479), ông Đỗ Bá tự Đào Phủ biên soạn trong sách “Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ” phổ biến vào năm 1639 đã mô tả về “một bãi cát vàng” dài ước chừng 400 dặm, ngang 20 dặm, chạy từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh (Sa Huỳnh) thuộc tỉnh Quảng Ngãi và cách bờ biển khoảng 135 hải lý. Bãi cát vàng được xác nhận là đảo Hoàng Sa. Ngoài ghi nhận kể trên, trong quyển I, Hoàng Việt Địa Dư Chí của Phan Huy Chú, quyển 6 bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đại Nam Hội Điển Sử Lệ của Quốc Sử quán triều Nguyễn, Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn, tất cả các tài liệu này có ghi chép nhiều dữ kiện liên quan đến Hoàng Sa.

Dưới triều đại các vua Gia Long, Minh Mạng đều có cử quan trông coi, do đặc cũng như đã dựng miếu trên đảo. Trong thời Pháp thuộc đã có nhiều cơ quan hành chánh cũng như khí tượng do người Pháp đặt ra. Nha Thương chánh được thành lập từ 1920 (Service des Douanes) đã tổ-chức tuần du quanh đảo để đề phòng và ngăn-ngừa buôn lậu. Năm 1925, hải học viện Nha Trang cũng đã cử một nhóm bác học ra đảo để nghiên cứu. Người Pháp cũng đã có nhiều công trình khí tượng trên đảo và đến năm 1932 thì lập cơ sở Đại Lý Hành Chánh (Délégation Administrative des Parcelles) do Dụ số 10 ngày 20-3-1933, Bảo Đại năm thứ 13 thì đảo được đặt trực thuộc tỉnh Thừa Thiên. Một đơn vị quân lực VNCH cũng đã thường trú tại Hoàng Sa cho đến khi bị Trung Cộng đánh chiếm vào năm 1973.

Không những chứng tích lịch sử, địa lý Việt Nam mà ngay cả các chứng minh của ngoại quốc đều xác nhận Hoàng Sa thuộc Việt Nam. Tài liệu của Hòa Lan ghi rõ dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), một đoàn tàu gồm ba chiếc của Hòa Lan là Veenhuizen, Schagen, và Grootebrock (Journal de Batavia ấn hành vào các năm 1613, 1634, 1636) của công ty Đông Ấn thuộc Hòa Lan đã đi từ Batavia đến Tourane (Đà Nẵng hiện nay) rồi nhổ neo đi về hướng Formosa (Đài Loan). Trên đường đi vào ngày

21-7-1634 thì gặp bão, hai chiếc kia đến được Formosa, nhưng chiếc Grootebrock bị bão làm chìm gần đảo Paracels (Hoàng Sa) ngay vĩ tuyến 17 Việt Nam. Thuyền trưởng Huijch Jansen và một số thủy thủ đã dùng thuyền nhỏ đến vùng duyên hải thuộc sứ đảng trong của chúa Nguyễn với hy vọng mua thuyền lớn để cứu vớt những thủy thủ bị kẹt lại trên đảo Hoàng Sa. Họ mang theo 5 thùng bạc và 3570 réaux đựng trong 17 bao. Nhưng khi đến đất liền, họ không được giúp đỡ như mong ước, trái lại còn bị đặc trách hải môn và thương thuyền tịch thu tất cả tiền bạc mang theo. Sau khi trở về Batavia bình an, thuyền trưởng chiếc Brootebrock đã báo-cáo tự sự với chính quyền của ông.

Hai năm sau vào ngày 16 tháng 3 năm 1636, thương gia Hòa Lan tên Abraham Dutjeker tìm đến Faifoo tức Hội An, xong từ đó ra Thuận Hóa (Huế) xin yết kiến chúa thượng Nguyễn Phúc Loan (nối ngôi cha là Nguyễn Phúc Nguyên) để xin giao thương, đặt thương điểm, đồng thời xin chúa Nguyễn trả lại số tiền đã bị tịch thu. Chúa Thượng tiếp đón Dutjeker rất hậu, nhưng cho rằng sự việc đã xảy ra từ thời vua cha. Hơn nửa viên chức hành sử vụ tịch thu đó về sau đã bị xử trảm, nên chẳng còn chứng tích. Để đền bù các thiệt hại của người Hòa Lan, chúa Thượng chấp thuận giao thương buôn bán và Abraham Dutjeker về sau là trưởng thương điểm.

Về phía Pháp, tài liệu càng đầy đủ chi tiết hơn. Trong quyển *Mémoire sur la Cochinchine* của Jean Baptiste Chaigneau (1769-1852) và trong quyển *Univers, Histoire et Description de tous les Peuples*, xuất bản năm 1833, có đoạn nói về đảo Paracels mà thời đó người Việt gọi là “Bãi Cát Vàng” (Hoàng Sa) gồm những đảo san hô chằng-chịt, thuộc xứ Đàng Trong cai quản. Hoàng đế Gia Long đã thân chinh vượt biển đến tiếp thu quần đảo, và vào năm 1816, vua long-trọng kéo cơ Việt Nam tại đó.

Về quần đảo Trường Sa mà Tàu gọi là Nam Sa (Nansha) nằm cách xa đảo Hoàng Sa 350 hải lý, về phía Nam và cách bờ biển tỉnh Phước Tuy- Bà Rịa 500 cây số. Những đảo này do san hô tạo thành và có vị thế chiến lược quan trọng trên đường hải hành từ Trung quốc đến Nam Dương và bán đảo Mã Lai...

Cuốn *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ* ghi rõ dưới thời chúa Nguyễn, ngoài đội Hoàng sa còn có đội Bắc Hải chuyên đi thám sát và thu nhặt hải sản như ba-ba, đồi-môi, hải sâm, cá heo trong quần đảo Trường Sa cho chính quyền. Những người làm việc này được miễn đóng thuế thân và các thứ thuế khác.

Năm 1927, tàu De Lanessan của Pháp đã tới khảo sát Hoàng Sa cũng như Trường Sa. Đến năm 1930, chính quyền Pháp tại Đông Dương chính thức cử phái đoàn ra cắm cờ trên đảo và đến năm 1933 lại phái 3 chiếc tàu mang tên *Alerte*, *Astrobale* và *De Lanessan* đến từng các đảo nhỏ trong quần đảo Spratley (Trường Sa) để cắm cờ. Việc thu nhận các đảo Amboya Cay (An Bang), Spratley (Trường Sa), Itu Aba (Ba Đình) và Loài Ta, Thị Tu đã có thông báo chính thức về việc xác nhận chủ quyền trên quần đảo Trường Sa, được đăng tải trên Công Báo Đông Dương (*Journal Officiel de L'Indochine*) ngày 25-9-1933, trang 7784.¹

Do nghị định của toàn quyền Đông Dương ký ngày 21-7-1933, quần đảo Trường Sa được sát nhập vào tỉnh Bà Rịa (Phước Tuy).

Công pháp quốc tế về lãnh hải ấn định: Các đảo ở gần quốc gia nào thì thuộc

1- Đồng tác giả: Lê Đình Châu, Cao Hoài Đức, Thường Nhựt Thủy, Vĩnh Như, “Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng”, *Tù Sách Việt Thường*, 2005., trang 109.

quyền sở hữu của quốc gia đó. Sự ấn định về thềm lục địa càng rõ ràng hơn. Thềm lục địa là phần đất nằm dưới mặt nước biển nối liền từ bờ biển của một quốc gia trải dài cho tới lúc có độ sâu 200 fathom (fathom = 18828 mét). Các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa đều có thềm lục địa nối liền với bờ biển Việt Nam không có khoảng cách cũng như không có độ sâu quá mức công pháp quốc tế quy định.

Những chứng minh lịch sử và dẫn giải kể trên cho thấy rõ ràng chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi phái đoàn chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tham dự hội nghị quốc tế nhóm họp tại San Francisco năm 1951 không quốc gia nào phản đối.”

Thế mà do hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Tàu ký tại Bắc Kinh ngày 25 tháng 12 năm 2000 giữa bộ trưởng ngoại giao Tàu Đường Gia Truyền và bộ trưởng ngoại giao Việt Nam cộng sản Nguyễn Duy Niên ký. Sự phân chia theo hiệp định là:

- 53.23% diện tích vịnh Bắc Bộ thuộc Việt Nam.
- 46.77% thuộc Trung Quốc.

Tổng diện tích toàn vịnh Bắc Bộ là 126250 cây số vuông.

Với sự phân chia cũ của hiệp ước Patenôtre (1885) theo tỷ lệ 62/38 - Đáng lẽ ta có đủ lý lẽ để đòi thêm, nhất là dựa trên công pháp quốc tế về luật biển thì ta đã bị Trung Quốc ép buộc một cách vô lý để họ lấn tới. Diện tích bị mất thêm là gần 10000 cây số vuông!!!¹

- **Xâm Lấn qua Hình Thức Di Dân Qua Du Khách.**

Sự đi lại giữa hai nước Tàu và Việt Nam **không cần chiếu khán xuất nhập cảnh** là một nguy cơ về mặt dân số và đồng hóa. Người Hoa thường trực ở Việt Nam dưới dạng du khách và thương gia, họ tiếp tục vào Việt Nam không ồ-ạt nhưng liên tục, tích lũy từ 1 triệu đến triệu rưỡi. Di dân người Tàu đang là một đe dọa khủng-khiếp cho Việt Nam. Đó là đoàn quân thứ năm phát triển đồng bộ với cuộc Nam tiến lấn đất ở biên giới Việt Trung, giành đất ở Biển Đông và bao vây ở biên giới Việt Lào.

Trong quá khứ, Tàu đã làm những gì với các nước láng giềng của họ trong chính sách di dân và biên giới?

- Tàu và Liên Xô có chung chiều dài biên giới khoảng 4300 cây số. Họ đã có một cuộc chiến đẫm máu vào năm 1969. Liên Xô phải dùng hỏa tiễn để tiêu diệt quân Tàu. Sau đó hai bên ký một hiệp định về biên giới năm 1977, nhưng Tàu vẫn lén-lút cho quân lính lấp đá và đồn bao cát bỏ xuống bờ sông Amur để lấn ranh Liên Xô.

Khi Liên Xô xin gia nhập vào cơ quan mậu dịch thế giới (WTO), Tàu chỉ đặt có một điều kiện để hỗ-trợ Liên Xô là cho phép người lao động Tàu được vào Liên Xô miễn chiếu khán nhập cảnh. Một khi đã vào được Liên Xô, họ dùng mọi cách để ở lại hợp pháp. Ông Andrei Chermenko, vụ trưởng vụ di trú Liên Xô đã từng phát biểu rằng người Tàu dùng mọi hình thức để hợp pháp hóa sự hiện diện của họ, chẳng hạn như kết hôn với người bản xứ, hoặc kinh doanh để tạo sản nghiệp lớn để dễ dàng trong việc lưu-trú vì tài sản lớn của họ...!¹

1- Phùng Ngọc Sa, “Vì Sự Phản Bội của CSVN, Trung Cộng Chiếm Đoạt Hoàng Sa và Trường Sa:”, Báo Bách Việt, tháng 3/1995

Sự di dân của người Tàu qua đường biên giới vẫn là nỗi ám ảnh của chính quyền Liên Xô. Theo ước tính của các chuyên gia thì đến năm 2010 dân số Tàu tại vùng cận Đông của Liên Xô sẽ lên đến 10 triệu và kiểm soát từ 30 đến 40% nền kinh tế của vùng này. Vì vậy gần đây ông Viktor Ishayev, toàn quyền vùng Khabarovsk quyết định không cấp quyền công dân cho người Tàu dù đã kết hôn với người bản xứ, mặc dù người ngoại quốc khác được hưởng quyền này.

Với Ấn Độ, bắt đầu từ năm 1950 đã có những căng thẳng giữa hai quốc gia. Tháng 10 năm 1962 Tàu đưa 9 sư đoàn chiếm đóng dọc theo biên giới 3225 cây số vùng biên giới Hy mã Lạp Sơn và Tàu. Hai nước đã nổ súng đụng độ về biên giới rất khốc liệt. Kết quả là Tàu đã đẩy lui Ấn Độ sâu 50 cây số vào vùng đất Aksai mà Ấn Độ cho là thuộc chủ quyền của họ, và Tàu đơn phương tuyên bố đình chiến. Mười hai năm sau khi ngưng chiến, một cuộc họp song phương về biên giới tổ chức tại Tân Đề Li (Ấn Độ) vào năm 1994, một giai đoạn mới về sự bang-giao giữa Ấn Độ và Tàu bắt đầu, tuy vấn đề biên-giới giữa hai nước vẫn xảy ra những mâu-thuẫn gay-gắt.

Với Mông Cổ, sau 11 năm làm chủ Hoa lục, tháng 5/1960 Chu Ân Lai của Tàu sang thăm Ulaanbaatar của Mông Cổ để bàn về hiệp định hợp tác song phương, cả hai bên đã đạt được một hiệp ước về biên giới. Tiếc thay kỷ nguyên hợp-tác này tồn tại không lâu. Tàu luôn-luôn tìm cách lấn biên giới và cho di dân sang Mông Cổ. Năm 1981 dấy lên phong-trào trục xuất người Tàu ra khỏi Mông Cổ đã bùng nổ.

Với Bắc Hàn, qua chiêu bài “Mặt trận Giải Phóng” của thế giới, Mao quyết định chiếm Bắc Hàn để bảo-vệ mặt trận giải phóng. Mao lạc-quan tin rằng Hoa Kỳ sẽ bị bại trận tại Bắc Hàn. Rõ ràng là Tàu ý-thức cuộc chạm trán giữa họ và Hoa Kỳ là không thể tránh được, nhất là khi hạm đội thứ bảy của Hoa Kỳ bắt đầu bỏ neo ngoài khơi Đài Loan trong lúc quân đội Liên Hiệp quốc can thiệp vào cuộc chiến Triều Tiên. Họ muốn đem chiến tranh ra ngoài nước họ và Bắc Hàn là nơi Tàu chọn là “ao nhà” làm chiến trường đọ sức với địch thủ.

Với Tây Tạng, sau khi chiếm được Hoa Lục vào năm 1949, Trung Cộng lập tức đòi Tây Tạng phải chấp nhận quốc phòng Tây Tạng do Tàu kiểm soát. Đến ngày 7/10/1950 Tàu xua 40000 quân đánh chiếm Chamdo, thủ đô miền Nam Tây Tạng, mặc dù Ấn Độ, Hoa Kỳ, Anh quốc cùng một số quốc gia khác phản đối, Tàu không những làm ngơ mà còn thách-thức quốc tế bằng cách đưa thêm một quân đoàn tiến vào thủ đô Lhasa vào ngày 9/9/1951...

Về Việt Nam, chúng ta biết rằng con số người Tàu hiện đang sinh sống tại Việt Nam không ít và họ chiếm ưu thế trong lãnh vực kinh tế. Nay cho phép người Tàu vào Việt Nam không cần chiếu khán nhập cảnh sẽ tạo cơ hội cho một số trong đám họ ở lại, dù bất hợp pháp, điều ấy gây muôn vàn khó khăn cho đồng bào ta trong lãnh vực kinh tế. Đó là chưa kể đến vấn đề an ninh, chính trị.”

- Hình Thức Tân Thái Thú (Mặt Chính Trị)

Nhóm lãnh đạo Bắc Kinh ý-thức rõ rệt nền kinh tế của Trung Cộng có phát-triển nhanh chóng thì những bất ổn âm-ĩ trong xã hội sẽ giảm đi. Đây chính là điều mà Trì Hạo Điền cựu bộ trưởng quốc phòng kiêm phó chủ tịch đảng Cộng sản Tàu đã tuyên bố với các cán bộ cao cấp:

“Bao lâu nền kinh tế của nước Tàu được phát triển, dân chúng sẽ ủng hộ và yêu mến đảng Cộng sản. Trong khi phát triển kinh tế, chúng ta phải chuẩn bị chiến tranh đối đầu với Mỹ để bảo đảm rằng kinh tế phải tiếp tục phát triển. Để bảo đảm thế kỷ 21 là thế kỷ của người Tàu lãnh-đạo thế-giới...”

Trung Cộng đã tạo thành một khối chống Hoa Kỳ tại diễn đàn thế-giới, quan trọng nhất là Liên Hiệp Quốc cũng như các diễn đàn khác trong vùng Á châu, Phi Châu... Từ đó thách-thức quyền lãnh đạo của Hoa Kỳ trên thế giới, rồi làm suy yếu địa vị siêu cường của Hoa Kỳ để Trung Cộng có thể thay thế.

Dùng những nước châu Mỹ La Tinh, cận kề Hoa Kỳ làm ổ hoạt động tình báo, kể cả khủng bố cần thiết để đe dọa an ninh Hoa Kỳ. Khi đụng-độ trực tiếp với Hoa Kỳ, Trung Cộng có thể dùng một số nước Nam Mỹ làm tiền đồn tấn công trực-tiếp Hoa Kỳ.

Yểm trợ các nước khủng-bố đàn em ghét Hoa Kỳ ở Trung Đông như Syria. Iran, nhóm Hamas để gây bất ổn trong vùng làm Hoa Kỳ sa lầy, kiệt sức không đủ mạnh tay chặn đà bành trướng của Trung Cộng trong vùng Thái Bình Dương.

Dùng các nước trong vùng Đông Nam Á, Nam Á, Trung Á như là một tiền đồn an ninh cho Trung Cộng. Dùng các căn cứ quân sự của Trung Cộng tại các xứ này để bảo vệ cho việc vận chuyển dầu hỏa từ ngoại quốc về Trung Cộng trong lúc hòa bình, ngược lại sẽ là những căn cứ tiếp liệu khi có chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng.

Vùng Đông Nam Á, nơi có dân số đông, tài nguyên nhiều, Trung Cộng lại có sẵn đạo quân thứ 5 là những doanh thương Tàu nắm quyền kiểm soát kinh tế địa phương. Tại các nước này, tùy theo tình hình mỗi nước, các tòa đại sứ Trung Cộng trực tiếp chỉ đạo hay ngấm ngấm cho những mục đích ngắn hạn và dài hạn của Trung Cộng.

Việt Nam là một nước mà Trung Cộng muốn thôn tính nhất bằng mọi giá, vì Việt Nam là chốt ngăn duy nhất của dòng Bách Việt còn sót lại để chế ngự sức bành trướng của Trung Cộng xuống phương Nam. Thời cơ may-mắn cho Trung Cộng là vào năm 1991, khối Liên Xô sụp đổ, nhóm lãnh đạo Hà Nội mất chỗ dựa, bèn cúi đầu làm tay-sai cho Trung Cộng để bảo toàn đảng và quyền lợi. Đây chính là hình thức không cần thái thú từ Trung Cộng gửi qua cai trị Việt Nam mà dùng ngay bọn lãnh đạo Việt làm tay sai cho Trung Cộng (Tân thái thú).

Những việc làm phản bội đất nước của bọn “tân thái thú” như:

- Cho phép dân Trung Cộng tha hồ đi khắp Việt Nam mà không cần chiếu khán.

- Trung Cộng ra lệnh cho bọn tay sai ở bộ chính trị cộng sản Việt Nam làm xa lộ Trường Sơn để Trung Cộng lập các căn cứ quân sự kiên cố trong các hang núi cho chuẩn bị chiến tranh. (Biết đâu các căn cứ này chính là nơi đầu não Bắc Kinh trú ẩn để phòng khi Trung Cộng bị Hoa Kỳ oanh tạc. Lãnh đạo Bắc Kinh nghĩ là Hoa Kỳ không ngờ họ lại trú ẩn ở vùng Trường Sơn chứ không phải tại một căn cứ bí mật nào đó trong hẻm núi ở nội địa nước Tàu mà Hoa Kỳ đã chấm sẵn tọa độ oanh tạc). Xa lộ Trường Sơn này Trung Cộng có thể di chuyển quân nhanh chóng từ vùng Hoa Nam (tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây) đi qua Việt Nam, Lào, Campuchia xuống tận Thái Lan.¹

- Trung Cộng buộc cộng sản Việt Nam xây hơn 10 cây cầu bắc qua sông Hồng để tiện cho Trung Cộng đổ quân tràn khắp Việt Nam khi cần thiết. Trung Cộng viện trợ cho VC lập đường sắt chạy từ thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam nối tới Hà Nội để tiện việc buôn bán hay chuyển quân và vũ khí qua Việt Nam khi cần thiết.

1- Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Sảng, “Trung Quốc” Chánh Sách Di Dân và Lấn Chiếm Biên Giới”, <http://www.doi-thoai.combaimoi> ngày 1/14/2006.

- Trung Cộng yểm trợ tối đa cho chính quyền quân phiệt Miến Điện, đổi lại cho Trung Cộng mở xa lộ nối liền Vân Nam với Miến Điện. Năm 1989, Trung Cộng cung cấp cho chế độ quân phiệt Miến Điện 1.4 tỷ đôla vũ khí, đổi lại Miến Điện cho Trung Cộng sử dụng hòn đảo Hangyi ở ngoài khơi vịnh Bengal, tiếp cho Trung Cộng đặt một trạm kiểm thính trên đảo Grand Coco ở phía bắc của quần đảo Andaman của Ấn Độ trong Ấn Độ Dương để Trung Cộng dùng vào việc tình báo, kiểm soát và theo dõi những hoạt động của Ấn Độ và Hoa Kỳ trong vùng Ấn Độ Dương.

- Để tạo thế đứng chiến-lược trong vùng, biến vùng này thành sân sau của Trung Cộng và sau đó là bao vây Ấn Độ. Vì thế Trung Cộng thương-lượng với chính quyền Bangdalesh để lập căn cứ hải quân tại đây... Như vậy trong vùng Đông Nam Á, và Nam Á, Trung Cộng đã thiết lập một hệ thống nối liền các căn cứ quân sự trên đất liền và biển.

- Ở Đông Bắc Á, Trung Cộng dùng Bắc Hàn, tên đàn em để quấy rối. Ai cũng rõ nếu không có bàn tay Trung Cộng, chế độ Cộng sản khát máu Bắc Hàn đã sụp đổ từ lâu, chứ đâu có thể lâu-lâu lại mang vũ khí nguyên tử ra hù dọa thế-giới. . . .

Tham-vọng ngông cuồng của Bắc Kinh đã quá rõ ràng. Các nước tiểu nhược trên thế giới đừng vì quyền lợi của phe nhóm hay quốc gia mình mà hà-hơi cho Bắc Kinh để họ có dư thêm tiền bạc phá hoại thế giới. Bài học lịch sử về Hitler còn đó. Vì nhát sợ, vì cầu an, vì lợi lộc cho quốc gia mình, cho phe nhóm mình mà Tây phương và Liên Xô mới đầu đã làm ngơ, giúp cho Hitler đủ phương tiện xâm chiếm lân bang rồi khi đủ mạnh, Hitler quay sang đánh Tây phương và Liên Xô, gây ra thế chiến II làm chết hơn 60 triệu người.”

Có lẽ Âu Châu và Hoa Kỳ đã ý thức mối hiểm họa cho thế giới là Trung Cộng nên gần đây đã bắt đầu nghênh chiến với Trung Cộng qua hình thái triệt hạ kinh thương của Trung Cộng (phong trào chống làm giả thuốc uống, chống các trò chơi có thể bị ngộ độc do Trung Cộng biến chế, chống các hàng giả Trung Cộng xuất cảng, v.v...).

- . . .

* Trước tình-thế nguy-nan của đất nước, con dân Việt phải làm gì?

Ngày nay, thật là một tủi-nhục, có nhiều nhà khoa-bảng Việt đã thành lập những nhóm gọi là “nghiên-cứu”, nhằm tôn vinh “Thiên Triều Chủ Nghĩa”. hay tán tụng, ngâm nga thơ Đường, Hán mà coi nhẹ văn hóa “Tứ Di”!

Họ đã bị cấy vào trong đầu những hình ảnh một anh Tàu, như một Khổng Minh, một Tào Tháo, một Lưu Bị, một Quan Công, một Hán Cao Tổ, một Hàn Tín, một Lý Bạch, một Đào Tiềm, .. Khi bị cấy như thế tức là họ đã lãnh cái “sinh-tử-phù” vào trong đầu óc!

Đã từ lâu trên đường công-danh khác nhau trong mọi thời thống-trị, những thế-hệ học hành thường bị đầu độc bởi chính-sách văn-hóa, chế-độ tuyển lựa, lâu riết in vào trí não những thành kiến “vong bản”, coi những học-thuật ngoại nhập là quốc học, là tinh-hoa của dân tộc, là đường sáng và đường sống duy nhất! **Tệ hại hơn nữa là coi xã hội Việt như một mảnh đất hoang trống, tự nó chưa có một trồng tử nào!**

Các câu ngạn ngữ của tiền-nhân đã cảnh-giác điều vọng ngoại: “chiên chiên nuôi tu hú” hay “mẹ gà con vịt” hoặc

“Mồ cha không khóc, khóc mả mối,
Mả mẹ không khóc, khóc bối bông-bong”.

Tiếc hận thay, biết bao nhiêu người bôn-ba, lao-khổ, hy-sinh tính mạng để lo giải-cứu đất nước vì không vững tinh-thần dân-tộc nên đã “hớp” phải những tư-tưởng ngoại-lai, “phi dân-tộc”,

Dân Việt chúng ta từ ngàn xưa đến nay, mãi-mãi về sau luôn-luôn khẳng quyết

*Nam Quốc sơn hà nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư."*

(Lý Thường Kiệt)

(Núi sông nước Nam vua Nam ở. Sổ trời đã rõ-ràng phân định. Có sao lũ giặc lại xâm lấn? Tất giặc sẽ thảm bại.).

Quyết vì ‘Sống Còn ‘ của Dân Tộc, vì tương-lai sáng-sủa của toàn dân và tin-tưởng vào truyền-thống của đất nước là lẽ Tất Thắng chúng ta toàn dân Việt quyết thoát Tàu để xứng đáng là CON RỒNG CHÁU TIÊN.



Ngày nay, người Việt chúng ta có thể chỉ thẳng vào mặt bọn đầu não cầm quyền Bắc Kinh, bọn hậu duệ của “*Thiên Triều chủ nghĩa*”, dự kế thống-trị toàn cõi Đông Nam Á. Chúng không còn giấu-giếm được nữa ***khi những lãnh-thổ như Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Mã Lai, Singapore, Phi-Luật-Tân được vẽ vào một bản đồ và coi là lãnh-thổ của Trung Quốc từ năm 1840 đính kèm trong cuốn “Tân Trung Quốc Sử Lược”, ấn hành vào năm 1952.***

Nguyên-tắc chủ yếu của lịch-sử Tàu là “***Hung Hoa diệt di***” (*Hưng thịnh nòi Hoa, tiêu diệt các chủng tộc khác ở chung quanh*). Nguyên-tắc này được quảng-bá trong Hán nho: “***Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân***” (ba năm nuôi dạy tất trở thành dân Hoa); cũng giống như ngày nay được khoác ở ngoài cái áo thụng “***Viện khảo Cứu Khổng Học***”.

Phương thức chiếm lãnh là tất-cả đều phục-tùng dưới lưỡi lê của nòi Hoa “***Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ***” (gầm trời trên đất, không chỗ nào là không thuộc về vua Tàu.)

Việt Nam là một nước mà Trung Cộng muốn thôn tính nhất bằng mọi giá, vì Việt Nam là chốt ngăn duy nhất của dòng Bách Việt còn sót lại để chế ngự sức bành trướng của chúng về phương Nam.

- Chúng ta có thể chỉ mặt bọn Tàu mà nói: Các chú là dân xảo trá, cướp đất, cướp dân, vơ văn hóa của người làm của mình!!!

* Theo Will Durant, dân Trung Hoa kết-hợp với các dân-tộc bị trị mà tạo nên văn-minh đầu tiên cổ sử Đông Á.

* Lương Khải Siêu (1873-1929) là một trong số học-giả hiếm-hoi của Tàu đã thừa-nhận rằng Tàu có nguồn-gốc du-mục khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm chiếm các bộ-tộc ở lưu-vực Hoàng Hà, tiến về phương Nam, vượt Dương Tử, bành trướng lãnh-thổ từ Nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông,

* Theo Edward H. Schafer: “*Chẳng còn nghi-ngờ gì nữa, nghệ-thuật trồng lúa nước và thuần-hóa súc vật đã được người Tàu thu-hóa từ những chủng-tộc mà họ khinh-bỉ tại phương Nam xa-xôi.*”

* Theo Wolfram Eberhard, giáo-sư đại học ở California từng giảng dạy tại đại-học Bắc Kinh đã để ra nhiều năm nghiên-cứu về phong-tục, tín-ngưỡng của các sắc dân tại Nam nước Tàu cổ nhận xét như sau: “*Ý kiến cho rằng chủng-tộc Hán đã sản sinh ra nền văn-minh cổ đại hoàn-toàn tự lực do chính những tài-năng đặc-biệt của họ thì nay không còn đứng vững*”.

Và nhất là ngày nay, mấy chú tự hào là đã thành lập được vài trăm **viện khảo cứu Khổng học** ở nhiều nơi. Mục đích để đề cao văn hóa Tàu song song với phát triển kinh tế cho xứng với ngôi vị siêu cường?

Sự thực vai trò của Khổng Tử của mấy chú chẳng có gì để xứng với hốn danh “**Vạn Thế Sư Biểu**” như các chú đã tuyên xưng. Ta chỉ cần dẫn lại chính lời của Khổng Tử:

- Trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*”, Khổng Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” “= thuật lại mà không sáng-tác, tin và yêu cổ xưa. Điều này chứng tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà chỉ thuật lại của một nền văn hóa nào khác (Bách Việt ?)

- Tử Lộ vấn cường. Tử viết: “*Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Ưc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo – Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi. Nhẩm kim cách, Tử nhi bất yểm – Bắc phương chi cường dã, nhi*

cường giả cư chi. “ [Ông Tử Lộ hỏi về sức mạnh. Khổng Tử đáp: “*Đem lòng rộng rãi, hiền hòa dạy người, dẫu kẻ vô đạo cũng không báo thù, đó là sức mạnh của người phương Nam. Người quân tử cư-xử như vậy. Xông pha gươm giáo, ôm yên mặc giáp, đến chết không chán, đó là sức mạnh của người phương Bắc. Kẻ cường bạo cư xử như vậy.*] (Trung Dung - bài 10, Tử Lộ vấn cường).

- Riêng về con người của Khổng Tử, chính ông ta cũng tự cho là chưa xứng-đáng là quân tử. Sách Trung Dung- Lý nhân có ghi: “*Quân tử chi đạo tứ: Kỳ (Khổng Tử) vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã, sở cầu hồ thần dĩ sự quân vị năng dã, sở cầu hồ dĩ dĩ sự huynh vị năng dã, sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, vị năng dã. . .*” (Đạo quân tử có bốn (4) đức cốt yếu, nhưng Kỳ (Khổng Tử) chưa làm trọn được một. Phận làm con phải hiếu thuận với cha mẹ, ta chưa làm được; phận làm tôi phải trung với vua, ta chưa làm được; phận làm em phải kính nhường anh, ta chưa làm được; Cho đến phận hữu, trước phải ra tay giúp người, ta cũng chưa làm trọn...)

Chính Khổng Tử cũng chưa dám nhận là quân tử, thì tại sao thiên hạ lại tôn ông làm thánh? – Tử viết: “*Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm.*” (Như làm bậc thánh và bậc nhân thì ta há dám (Luận Ngữ –Thuật Nhi).

- Chúng ta cũng mạnh dạn chỉ vào mặt chúng (Tàu Chệt) mà nói:

“*Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang dã không có dân cư mà cũng không phải cuộc bành trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi rợ. Khi nền văn minh Tàu có bản sắc rõ rệt lần đầu tiên xuất-hiện tại bình nguyên Tàu thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó và họ đã có một trình độ phát-triển văn hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành trướng về phương Nam của người Tàu đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn hóa của họ.*”

(Herold J. Weins, ‘Han Chinese Expansion South China’ The Shoe Spring Press inc., 1967.)

- Các nhà bác học người Nga đã khai thác được kết quả trong các cuộc khai quật những di chỉ khảo cổ của Việt Nam từ thập niên 60 đã chứng minh nguồn gốc văn hóa Tàu cần phải được tìm kiếm từ văn hóa Hòa Bình.

- Tương tự, Charles O. Hucker: “*Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang dã không có dân cư mà cũng không phải cuộc bành trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi rợ. Khi nền văn minh Tàu có bản sắc rõ rệt của Tàu lần đầu tiên xuất-hiện tại bình nguyên Tàu thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó và họ đã có một trình độ phát-triển văn hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành trướng về phương Nam của người Tàu đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn hóa của họ.*”

(*History and Culture*”, The MacMillan Co. N.Y. 1964).





*Đại đế Quang Trung
Tranh Lê Trung*

III/ Kết

- Tin tưởng vào truyền thống anh dũng chống ngoại xâm của Tiên nhân,
- Tin tưởng vào tinh thần “Dân Chủ”, “Nhân Bản Hòa hài ” và “Dân Bản ” đã có từ ngàn xưa của Dân Tộc.
- Tinh thần bất diệt ‘Thời Đinh’ lấy ‘Lau Tre’ mà dẹp tan tình trạng ‘phân hóa’(Thập Nhị Sứ Quân) , lấy ‘Toàn Dân Đoàn Kết’ mà chống được quân Nguyên, lấy kiên trì mà đuổi được quân Minh, nên ta có thể cùng ca lên:

Kể từ đây

Đã sáu mươi ngàn lần

Mặt trời mọc ở phương Đông, ngọn-ngụt lửa

Mặt trời lặn ở phương Đoài, máu chứa-chan.

Kể từ đây, cũng đã sáu mươi ngàn lần

Trăng tỏ bóng nơi rừng thiêng đất Bắc

Trăng mờ gương nơi đồng lúa miền Nam

Ruộng dâu kia bao độ sóng dâng tràn

Hãy dừng lại! thời gian, trả lời ta có phải

Dưới vầng nguyệt lạnh-lùng quan ải

Dưới vừng dương thiêu đốt quan san

Sóng hưng phế xô nghiêng từng triều-đại

Mà chí lớn dọc ngang

Mà mộng lớn huy-hoàng

Vẫn nghìn thu còn mãi

*Vẫn ngàn thu **người áo vải đất Quy Nhơn***

*Ôi người xưa, **Bắc Bình vương!***

*Đống Đa một trận trăm đường giáp công
Đạn vèo năm cửa Thăng Long
Trắng gò xương chắt, đỏ sông máu màng.
Giờ đây lại đã xuân sang*

*Giữa cố quận, một mùa xuân nghịch lữ
Ai kia lòng có chợt mang-mang
Đầy vơi sầu xứ!
Hãy cùng ta, ngẩng đầu lên, hướng về đây tâm sự
Nghe từng trang lịch sử, thét từng trang.*

*Một phút oai thần dậy sóng
Tan vía cường bang
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót-vót mây năm mầu chiêm-ngưỡng
Dài mệnh-mông một giải tới Nam Quan*

*Bóng ấy đã in sâu vào tâm tưởng
Khắc sâu vào trí nhớ của dân gian
Một bành voi che lấp mấy ngai vàng
Ôi Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải
Muôn chiến công, một chiến công dồn lại
Một tấm lòng, muôn vạn tấm lòng mang
Ngọn kiếm trở, bao cánh tay hăng-hái
Ngọn cờ rung, bao tính mệnh sẵn-sàng.
Người cất bước, cả non sông một giải
Vươn mình theo dãy Hoàng Sơn mê-mải
Chạy dọc lên thông cảm ý ngang-tàng
Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại
Chín con rồng bơi ngược Cửu Long giang
Người ra Bắc, oai thanh mờ nhạt nguyệt
Khí thế kia làm rung động càn khôn.
Hịch ban xuống lời lời tâm huyết
Lệnh truyền quân, ai dám bước chân chôn
Gươm thiêng cửa võ
Giặc không mỗ chôn
Nát lũ tan đồn
Ôi một khúc hoàn ca hê gào mây thét gió
Mà ý tưởng, lòng quân hể bền sắt tươi son.
Để một mai bông thắm cỏ xanh rờn
Ca trống trận thôi lay bóng nguyệt
Mừng đất trời gió bụi tan cơn.*

*Chúng ta sẽ không hổ với người xưa
Một trận Đống Đa, ngàn thu oanh liệt.
Vì ta sau, trước lòng kiên quyết
Vàng chẳng hề phai, đá chẳng sờn.*

*Vũ Hoàng Chương.
Bài Ca Bình Bắc.*

Hai thực thể Việt - Tàu tại Trung Nguyên.

Theo địa-ly Trung quốc, phần đất giữa trung lưu hai sông Hoàng Hà và Dương Tử là phần lõi trong sứ-mệnh của thiên-tử thời phong-kiến, và cũng là **phần đất màu-mỡ** nên được gọi là “**Trung Nguyên**”. Sau thời đế-chế cực quyền, sứ quan Tàu gọi gồm chung bốn phía quanh nước Tàu là “**Tứ Di**” (*Bắc Địch, Nam Man, Tây Nhung, và Đông Di.*)

Ta cần lùi thời-gian vào khoảng vài ngàn năm, giữa cuối tiền-sử và đầu thượng-cổ để xem con người tại Hoa Lục đã sinh-hoạt như thế nào, trong khi đời sống còn dựa vào săn bắn, ngư chải, du-mục và canh-tác. **Bấy giờ, dân cư Hoa Lục đại-thể sống trên trung lưu hai triền sông Hoàng Hà ở phía Bắc, và Dương Tử ở phía Nam sinh-hoạt rất khác-nhau.**

Thượng và trung lưu triền Hoàng Hà là một cao nguyên hoàng thổ, không do triền này tạo nên, mà do gió mùa Tây Bắc **thổi cát từ Hãn Hải tới** lấp các thung-lũng giữa những đồi núi mà thành. Trừ vài khu rừng núi phía Tây Bắc, mùa hè hay có mưa lớn, còn khí-hậu cao-nguyên theo ven phía Nam mà đi về hướng Đông ra biển. Càng lên phía Tây Bắc, bờ các sông trong triền càng cao. Nhiều nơi dòng chảy ở dưới sâu, cách đồng điền ở trên hàng trăm mét. Cao nguyên này, chất đất rất tốt cho **đồng cỏ** và những ngũ cốc cần rất ít nước như **lúa mì, lúa mạch**.

Dân cư ở vùng này thuộc nòi Mông Cổ, lực-lưỡng và thô-phác. Thành phần phía Bắc và Tây Bắc sống bằng du-mục và săn bắn. Nhà cửa, quần áo hầu hết bằng da, len và da lông. Thành phần phía Nam và Đông Nam định cư trồng lúa mì, lúa mạch; nguồn lợi kinh-tế là săn bắn, chăn nuôi tại chỗ. Nhà cửa ở đây nhiều nơi là những hang khoét sâu vào hai bên bờ sông, ở nơi đủ cao để không bị ngập nước về mùa mưa và tuyết tan, nhưng cũng đủ thấp để tiện việc lấy nước về mùa khô. Những hang này, có hang dành cho người, có hang dành cho gia-súc. Ưu-điểm các hang này là mát về mùa hè, và ấm về mùa đông. Ngựa và gia-súc đặc-lực trong việc canh-tác, chuyên-chở và di-chuyển.

Người phương Bắc này đã sáng-tạo ra bánh xe để chế xe ngựa dùng vào việc chuyên-chở và chiến-tranh. Họ cũng biết quan-sát tinh tú để định phương hướng di-chuyển trên những đồng cỏ mênh-mông.

* Triền sông Dương Tử bồi lấp nên những thung-lũng và những đồng-bằng vùng Hoa Trung và Hoa Nam bằng **phù-sa** bào mòn từ những sườn đồi núi Tây Tạng, Tú Xuyên và Hoa Nam. Cả vùng này khí hậu ẩm-ướt, nhiều hồ đầm, rừng-rú, nhất là tre nứa, mùa hè nhiều mưa lũ, mùa Đông mưa tuyết. Hoa Trung khí hậu ôn-hòa, ấm về mùa Đông, mát về mùa hè. Hoa Nam khí-hậu nhiệt-đới, mùa hè nóng, mùa đông lạnh, nhưng không quá khác như ở vùng Cao-nguyên hoàng thổ. Thủy sản, và lâm sản cũng như thảo mộc và muông-thú thật phong-phú.

Dân cư ở đây có **nguồn gốc Nam Á**. Họ sống rải-rác thành những tập-thể lớn, nhỏ trên các sườn đồi núi, ven những hồ đầm, và trên những đồi đất cao ngày bồi thêm rộng để sau thành những đồng-bằng lớn nhỏ vùng Hoa Trung và Hoa Nam. Nhà cửa thường là những khóm nhà sàn, cất trên các hàng cọc cao. Nếu những nhà cửa trên mặt đất, vật-liệu có thể là tre, gỗ, gạch, đá và lá gồi.

Người dân vùng này **cấy lúa trên những ruộng nước**. gieo lúa rẫy và trồng rau dưới các thung-lũng hay trên sườn đồi núi. Nguồn chất đạm và chất vôi chính là do các sinh-vật thủy-sân tôm cua, trai sò và nhất là cá. Họ trồng bông và nuôi tằm để kéo sợi.

Chẳng những biết dệt vải, lụa mà còn biết nung sành, gạch (mỹ nghệ đồ sứ). Biết xây cất nhà cửa, và chế xe ngựa ít công-phu và kỹ-thuật hơn là chế-tạo thuyền bè. Tục ngữ Tàu có câu: “**Bắc cỡi ngựa, Nam chèo thuyền**” đã chỉ rõ sở-trường của mỗi miền.

Đức tính ở người Hoa Bắc là “**gồng mình**” để thích-ứng với môi sinh. Sống theo thiên-nhiên nên thô-phác, sơ-lậu. Cũng vì rèn mình sinh-hoạt trực-tiếp với hoàn-cảnh khắc-nghiệt nên con người Hoa Bắc lực-luồng và dũng-mạnh hơn người miền Nam.

Trong sinh-hoạt phát-triển, thành-phần du-mục có những ưu-diểm:

- Khỏe sức và to lớn hơn.
- Sinh-hoạt giản-dị hơn.
- Trang bị nhẹ-nhàng hơn.
- Động viên, kết tập dễ, mau.
- Tiến, lui nhanh-nhẹn nhờ sử-dụng ngựa và các chiến xa do ngựa kéo thành-thục hơn.

Dân cư vùng sông Dương Tử và Hoa Nam tuy được hoàn-cảnh thiên-nhiên phong-phù, và thời-tiết đỡ khắc-nghiệt, nhưng phải chế hóa thiên-nhiên nhiều hơn là dân-cư vùng cao-nguyên hoang thổ. Chẳng-hạn việc xây cất nhà cửa, không những phải sử-dụng tre gỗ một cách kỹ-thuật, mà còn phải nung gạch đá để bảo-vệ nơi ăn chỗ ở, chống mưa, chống lụt khác với việc dựng lều, khoét hang - Quàn áo cũng vậy, Hoa Bắc dùng da, lông, len, kỹ-thuật chế-tạo không mấy khó-khăn. Hoa Nam phải nuôi tằm, trồng bông để chế thành sợi, phải phát-minh cách dệt, cách may cắt, không kể những thêu-thùa, hoa mỹ. Đến cả việc săn bắn, Hoa Bắc dùng cung tên và đuổi thú trên lưng ngựa. Người Hoa Nam dùng nỏ và bẫy (*phải rình-rập và chờ thú tới mà hạ tại chỗ. Do đó chế nỏ và bẫy đòi-hỏi nhiều kỹ-thuật hơn chế cung*). Đến việc di chuyên, vận-tải cũng khác nhau, thuần-thục ngựa rừng, Sở-trường về vận-động tốc chiến, tốc quyết.

* Người dân vùng Nam Dương Tử, về vóc dáng dù ngày nay các dòng đã pha trộn vào nhau, nhưng đại thể **để phân-biệt với người Hoa Bắc hơn là với người toàn vùng Đông Nam Á**, nhất là với người Việt, Thái, Miên. Dân cư trong vùng Trường Giang, và Hoa Nam, kể cả thung-lũng sông Hồng, sử-quan Tàu trước gọi chung những cư dân vùng này bằng danh-từ **Bách Việt**.

Theo học giả Harold Weins đã viết trong tác-phẩm “*Han Chinese Expansion in South China*”:

“Giống Việt đã vào Trung quốc, **vùng Dương Tử giang**, được gọi là văn minh Viêm Việt thuộc văn-minh Thục Sơn. Nghiên-cứu trong số 300 chủng-tộc, có hai chủng-tộc ưu-việt là Thái và Việt. Thái ưu-việt về chính-trị, và Việt ưu-việt về văn-hóa.” (*The Viem Viet had entered into China by the Yangtze river. They called the Viem Viet civilization as Thuc Son's civilization. Among 300 races that were studied, the most eminent races were Thai and Viet. The Thai excelled in politics while the Viet excelled in culture.*).

Cuộc hội-thảo ở Berkeley vào năm 1978 đã đưa đến kết-quả việc ấn-hành cuốn “*The Origins of Chinese Civilization*”, nội-dung đã làm sáng-tỏ những vấn-đề về cổ sử Tàu, cổ sử Việt Nam và Đông Nam Á:

- Trong nội địa nước Tàu, **văn hóa miền Nam có trước văn hóa miền Bắc**.
- Văn hóa miền Nam Tàu có nhiều nét giống văn hóa Hòa Bình, và có sau văn-hóa Hòa Bình.

Trên khía-cạnh văn-hóa, vào năm 1953, hai nhà khoa-học Pháp A. Leroi-Gourhan và R. Poirier đã nhấn mạnh rằng: “*Vùng Đông Dương nằm trong khu-vực xuất-hiện con người từ rất sớm.*”

Tương tự, theo tiến sĩ Wilhelm G. Solheim II, giáo-sư nhân-chủng-học tại Đại-học đường Hawaii, trong bài “*Ánh Sáng Mới Dọi vào Một Quá Khứ Bị Quên Lãng*” đăng trên tập-san National Geographic tháng 3 năm 1971: “...

Quan-niệm cổ-diễn về thời tiền-sử vùng Đông Nam Á là sự di dân từ miền Bắc mang theo các kỹ-thuật quan-trọng xuống vùng Đông Nam Á. Tôi đề-nghị ngược lại là vào thời-đại Tân Thạch Khí, nền văn-hóa Bắc Trung Hoa phát-triển từ nền văn-hóa chi-nhánh của văn-hóa Hòa Bình, vào khoảng năm 6000 hay 7000 TTL,..”(...The traditional reconstruction of Southeast Asian prehistory has had migrations from the north bringing important developments in technology to Southeast Asia. I suggest instead that the first neolithic (that is, late Stone Age) culture of North China, known as the Yangshao, developed out of a Hoabinhian subculture that moved north from northern Southeast Asia about the sixth or seventh millennium B.C....”

Qua những điều nêu trên, **địa-bản của văn-hóa Việt khởi nguồn từ nền văn-hóa Hòa Bình, nền văn-hóa bản địa**, tỏa rộng trong vùng Đông Nam Á. **Chủ nhân (chủ thể) của nền văn-hóa ấy chính là dân Việt.**

Song-song với nền Văn-hóa Việt là nền văn-hóa **Hoa Hạ** (Tàu). Xét về văn-hóa Hoa Hạ đầu-tiên xuất-hiện, thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân- cư ngụ tại đó và họ đã có một nền văn-hóa cao. Như vậy **cuộc bành-trướng về phương Nam của người Tàu đã làm phong-phú cuộc sống cho họ.**

Giáo sư Wolfram Eberhard: “*Ý kiến cho chủng tộc Hán (Hoa) đã sản-sinh ra nền văn minh cao độ hoàn-toàn do tự lực, do những tài năng đặc-biệt của họ, thì nay đã không thể đứng vững. Chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn minh với chung quanh toàn là những dân tộc man rợ; mà chỉ có một nước Trung quốc với các nước chung quanh cũng văn minh như họ, tuy theo một đường lối khác*” (No longer see Chinese as a great civilizatiuon surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbors, who had civilizations of quite different types...)

(A History of China”, University of California Press, Berkely and Los Angeles , 1071.)

Harold J. Wiens, “Han Chinese Expansion on South China”, The Shoe String Press Inc., 1967.

Whether the historical data are reliable and further, whether the descriptions are sufficiently informative for classification purposes? Most researchers of Chinese history concede the astonishing degree of reliability of Chinese historical facts. Where fault is found with Chinese history, it is with the distortion resulting from omission of facts, particularly in the accounts dealing with the so-called “barbariana” or non-Han Chinese tribes people.

Ngay đến phương-diện học thuật, Tây hay Đông, ai cũng nghĩ Nho Học là của Tàu, đại diện Nho học là Khổng Tử, Khổng Tử, được tôn là “*Vạn thế sư biểu*” nhưng chính trong sách Luận Ngữ, mục “*Thuật nhi*”, Khổng Tử viết: “**Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ** = thuật lại mà không sáng-tác, tin và yêu cổ xưa.” Điều này chứng-tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn-toàn do Khổng Tử sáng-tác, mà **chỉ thuật lại từ một nền văn-hóa nào khác.**

Các điều nêu trên cho ta thấy hai dòng sống Mông Cổ ở Hoa Bắc, Hoa Trung và dòng Bách Việt ở Hoa Nam có những giao-thoa kể cả những trao đổi hàng-hóa, kỹ-thuật, đến tư-

\

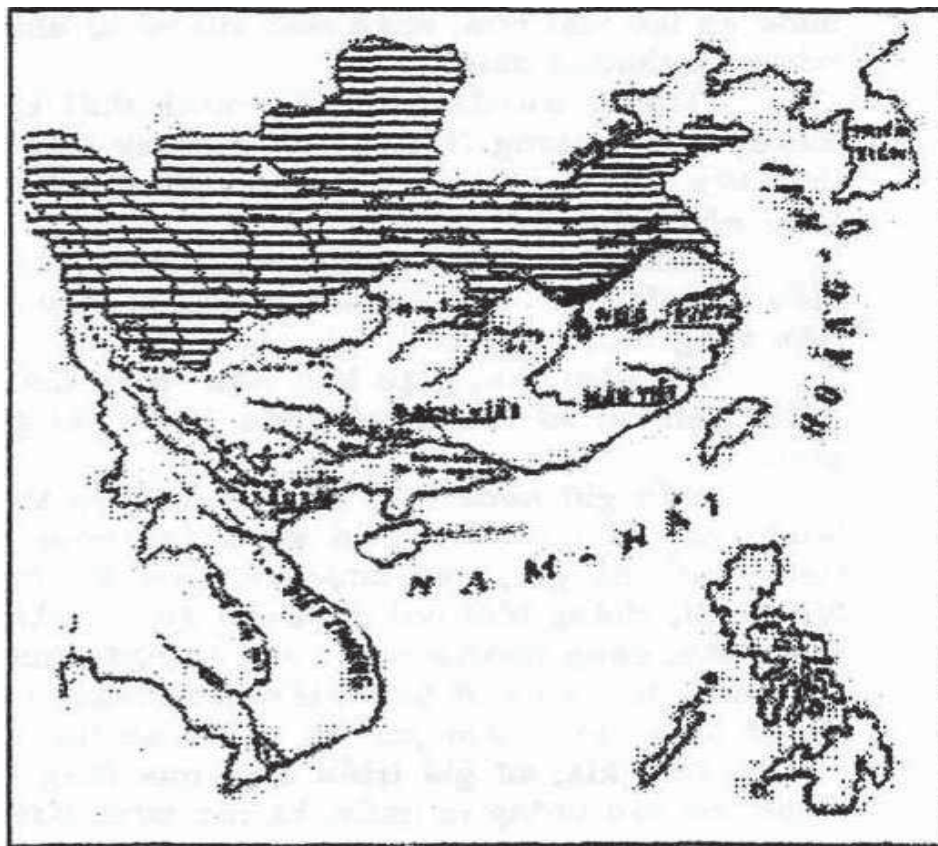
tướng, tín-nguỡng và dòng máu. Có những trao đổi tự nhiên, hiền-hòa, lại có những trao-đổi cưỡng-bách bằng những hành-động bạo-tàn như cướp bóc, hãm hiếp tạo ra hận thù.

Trong khí-thế phát-triển và tranh-đua vũ lực, thế mạnh về dòng Mông Cổ, vì họ sở-trường hơn về vũ lực, nhưng sinh-hoạt kinh-tế và văn-hóa thì người Bách Việt lại giỏi hơn.

Cuộc chiến đầu-tiên được nhắc tới trong lịch-sử Trung Nguyên là trận “*Hoàng Đế chiến Suy Vưu, bình Miêu Tộc*” (*Lãnh tụ liên quân Mông Cổ thắng Suy Vưu và dẹp yên Miêu tộc*). Sau trận này, ở Trung Nguyên ra đời một cộng đồng ổn-định **trong trật-tự phong-kiến** của một quyền-lực chúa-tể với những quyền lực địa-phương (*Thiên tử lãnh-đạo thiên-hạ và các vua chư-hầu là danh hiệu những thủ-lãnh địa-phương*).

Thoáng nhìn giai-đoạn giao-thoa này, nhiều người đã ngộ nhận “**Văn-hóa Việt là bản sao của văn hóa Trung Hoa**”, chẳng khác nào khi **cầm một giải lụa thêu đem lật ngược mặt trái cho là mặt phải!**

*



== Lãnh-thổ Trung-Quốc thời Hiên-Viên Hoàng-Đế

Những Ngộ Nhận

Trong Lịch Sử Trung Quốc &

Lịch Sử Việt Nam

Vĩnh Như

1 Ngộ Nhận về Lịch Sử Trung Quốc

Khảo cứu về lịch sử, văn minh cũng như triết học Trung Quốc là một việc rất khó khăn:

- Trước hết vì tác phẩm bất cứ loại nào cũng quá nhiều.

- Nỗi khó khăn thứ nhì là sách viết thời Xuân Thu Chiến Quốc đã bị nhà Tần thiêu hủy, mà trước thời Xuân Thu Chiến Quốc là thời quan trọng nhất trong lịch sử của sự hình thành văn minh Trung Quốc.

- Nỗi khó khăn thứ ba là vấn đề ngục thư. Loại này thì rất nhiều. Lý do chủ quan chính yếu là cố tình xóa bỏ nguồn gốc du mục (*Bắc dịch, Tây Nhung*) của tổ tiên mình và phủ nhận sự thâm hóa các tinh hoa của các dân tộc bản địa cùng các dân tộc ở phương Nam trong tiến trình hình thành văn hóa Trung Hoa.

Theo sử gia W. Eberhard vào khoảng năm 459 trước T.L., một học giả đã mang hoàng đế, một vị thần nhỏ trong địa phận Sơn Đông lên làm vua đầu tiên của dân Trung Hoa. Hành động suy cử này có lẽ nhằm giúp một vài lãnh chúa thời đó nhận quàng là hậu duệ hoàng đế để chính thức hóa việc tranh ngôi thiên tử với nhà Chu. Thuận theo đó, dần dần hoàng đế đã được hầu hết giới quý tộc Trung Hoa và kể cả nhà Chu tôn làm thủy tổ. Đã có thủy tổ rồi tất phải kiếm thêm, hoặc tạo thêm vài ba vị vua khác như Toại Nhân, Thần Nông, Phục Hy cho đủ Tam Hoàng Ngũ Đế (W. Eberhard, *"Histoire de la Chine"*, Payot 1952, trang 38). Giả thuyết này giúp cho sự giải thích vì sao Khổng Tử không hề nhắc đến hoàng đế. Phải chăng vì thuở sinh thời của Khổng Tử, ông thủy tổ của Trung Hoa còn đang ngồi ở một ngôi miếu nhỏ tại nơi *"khỉ ho cò gáy"* trong tỉnh Sơn Đông!

2- Dân Hán là một dân tộc thuần chuẩn ?

Theo sử gia Will Durant, người mà chúng ta gọi là dân Hán hiện nay không gồm một chủng tộc thuần nhất mà là sự kết hợp của nhiều sắc tộc khác nhau từ nguồn gốc cho đến ngôn ngữ và đặc tính. Ngoài ra tự nhận là người Hán hay người Đường là nhận lấy sự hãnh diện về một triều đại cường mạnh.

Như chúng ta đã biết thời Xuân Thu Chiến Quốc kéo dài trên 500 năm (722-221 tr. T.L.) chiến tranh triền miên. Tần Doanh Chính diệt xong sáu nước, thống nhất Trung Hoa, lên ngôi hoàng đế hiệu là Thủy Hoàng. Người Tây phương phiên âm chữ "Tần" thành chữ Chine hay China. Do đó không có giống dân nào gọi là giống dân Tần mà chỉ có dân do nhà Tần cai trị.

Nhà Tần ở ngôi được 15 năm. Hạng Tịch diệt Tần

lập Lưu Bang làm Hán vương ở đất Ba Thục và Hán Trung. Sau đó Lưu Bang diệt Hạng Vũ lên ngôi hoàng đế năm 202 trước T.L. tức Hán Cao Tổ. Hán vương là một tước vị, *do đó không có tộc Hán* trên mảnh đất mà ngày nay chúng ta gọi là Trung Quốc. Cho nên theo Wolfram Eberhard, ngày nay người ta đã biết rằng xưa kia không có một chủng tộc Hán và ngay cả người Hán cũng không có nữa. *Người Tàu thật ra chỉ là sự pha trộn dần dần theo một tiến trình vừa phiến toái và lâu dài của nhiều bộ tộc khác nhau.*

3- Ngộ nhận địa bàn của Trung Quốc từ thời lập quốc.

Theo một số học giả, cách đây khoảng bảy, tám ngàn năm, tộc Miêu đã sinh hoạt ở vùng Thảo Nguyên phía tây bắc sông Hoàng, còn tộc Di (*sau này người Tàu gọi là Bách Việt hay Viêm Việt*) sống định canh, định cư với nghề trồng trọt ở vùng châu thổ sông Hoàng. Lưu vực Hoàng Hà xa biển, khí hậu lạnh, đất đai khô cằn, cây cỏ thưa thớt, sinh vật hiếm hoi. Trái lại, lưu vực sông Dương Tử khí hậu ấm áp, cây cối xanh tươi, sản vật phong phú dễ sinh sống, con người hiếu hòa, thích nhàn hạ, ca hát, nhảy múa với tục mở hội mùa Xuân, mùa Thu.

Cách đây khoảng sáu ngàn năm, dân du mục người Khương (*cổ Tây Tạng*) từ phương Tây tới chiếm đất đai của người Miêu ở vùng Thảo Nguyên phía tây bắc Hoàng Hà. Trong lúc đó dân du mục cổ Turkic (*Thổ Nhĩ Kỳ*) từ Tây Bắc tới bình nguyên Hoàng Hà chiếm đất đai của người Di.

Dần dần văn minh du mục cổ Turkic được thuần hóa bởi văn minh nông nghiệp của người Di. Nhà Thương được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa tổng hợp du mục và nông nghiệp đầu tiên trong lịch sử của Trung Quốc.

~ Trung Quốc. Nhà Tần -phát khởi từ miền biên tải viễn Tây Trung quốc lúc bấy giờ. Trong thời gian ngắn ngủi 15 năm mà nhà Tần đã bành trướng lãnh thổ từ Nam Mông Cổ xuống đến tận Lương Quảng.

Như vậy cuộc bành trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong phú hóa cuộc sống cho người Hoa nguyên thủy và nền văn hóa của họ.

Theo Will Durant thì dân tộc xâm lăng (Trung Hoa) kết hợp với các dân tộc bị trị mà tạo nên văn minh đầu tiên cổ sử Đông Á. Lương Khải Siêu (1873-1929) là một trong số học giả hiếm hoi của Trung Hoa đã thừa nhận rằng Trung Hoa có nguồn gốc du mục khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm chiếm các bộ tộc ở lưu vực Hoàng Hà, tiến về phương Nam, vượt Dương Tử, bành trướng lãnh thổ từ Nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông, Quảng Tây. Họ chiếm đất, sang đoạt văn hóa, chiếm người nên dân số Trung Quốc tăng lên rất nhanh.

4- Ngộ nhận người Trung Quốc đã sản sinh ra nền văn minh cao nhất và lâu đời nhất.

Nhiều người Tây phương và giới trí thức khoa bảng Việt Nam lại dốc lòng tin vào những tài liệu, sử sách mà người Tàu đã ngụy tạo !

Lý do chủ quan chính yếu rất có thể là một hành vi cố tình xóa bỏ nguồn gốc du mục cũng như phủ nhận sự thâu hóa các tinh hoa văn hóa của các sắc dân bản địa trong quá trình hình thành một quốc gia Trung Hoa.

Trong bài tựa của cuốn “Chine” do Caroline Blunden và giáo sư Mark Elvin thuộc đại học Oxford làm chủ biên, một câu hỏi được nêu lên: *Liệu ngay cả chính người Trung Hoa có được bao nhiêu ý niệm về Trung Quốc xưa kia thực sự ra sao? Đây là một nền văn minh cổ xưa*

nhất của thế giới còn tồn tại. Xét theo sự liên tục về văn hóa, ấy vậy mà quá khứ của nó đã bị tái hiệu đính liên miên thay vì thực sự được bảo tồn... Chẳng những vậy, ngày nay đã chẳng còn được bao nhiêu tài liệu nguyên bản. Hầu hết chỉ là những bản sao của những bản sao... Đôi lúc kể cả những họa phẩm.”

Ngày nay dưới ánh sáng của khoa học, người Trung Quốc khó thể thực hiện ý đồ phủ nhận sự thâm hóa các tinh hoa văn hóa của các dân tộc bản địa trong quá trình hình thành văn minh Trung Quốc.

Theo Edward H. Schafer: *“Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nghệ thuật trồng lúa nước và thuần hóa súc vật đã được người Tàu thâm hóa từ những chủng tộc mà họ khinh bỉ tại phương Nam xa xôi.”*

Theo Louise Lavathes: Có lẽ bị ảnh hưởng của tộc Di, các pháp sư nhà Thương cũng khởi sự dùng một số lượng lớn yếm rùa phát xuất từ Nam Trung Hoa vào nghi lễ của họ. Louise Lavathes cho rằng tộc Di có một tập hợp văn hóa phức tạp bao gồm cả Đông Di lẫn Nam Di trải dài theo duyên hải Trung Hoa qua vùng đất cũ của Việt và Ngô (vùng *Triết Giang* và *Giang Tô* hiện nay) lên đến bán đảo Sơn Đông. Theo tác giả, nhà Thương đã thâm hóa từ dân tộc Di kỹ thuật trồng lúa nước, dẫn thủy nhập điền, đồ sơn mài, đồ tre, vải làm bằng vỏ cây, chế tạo thuyền dài, và nghệ thuật khắc, mài giũa ngọc.

Theo Wolfram Eberhard, giáo sư đại học ở California đã từng giảng dạy tại đại học Bắc Kinh đã để ra nhiều năm nghiên cứu về phong tục, tín ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc đã nhận xét như sau: Ý kiến cho rằng *chủng tộc Hán đã sản sinh ra nền văn minh cao đại hoàn toàn tự lực do chính những tài năng đặc biệt của họ thì nay đã không thể đứng vững. Hiện nay người ta đã hiểu rằng xưa kia không có một chủng tộc Hán và ngay cả người Hán cũng không có nữa. Vì thế chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn minh với chung quanh toàn là những dân tộc man rợ mọi rợ, mà chỉ có một nước Trung quốc và các quốc gia chung quanh cũng văn minh như họ tuy theo một đường lối khác.*

Theo ông Charles O. Hucker: Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang dã không có dân cư mà cũng không phải cuộc bành trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi rợ. Khi nền văn minh Trung Quốc có bản sắc rõ rệt của Trung Quốc lần đầu tiên xuất hiện tại bình nguyên Trung Quốc thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó và họ đã có một trình độ phát triển văn hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong phú cuộc sống cho người Hoa nguyên thủy và văn hóa của họ.

Theo học giả Joseph Needham, tác giả bộ sách vĩ đại *Science and Civilization in China* dài hơn mười ngàn trang, đã liệt kê 26 truyền thống mang đặc trưng của nền văn hóa Hòa Bình đã được người Việt cổ du nhập vào lục địa Trung Quốc theo vết chân di cư của mình như kỹ thuật trồng lúa nước, thờ cúng tổ tiên, làm dụng cụ bằng tre, kỹ thuật thuần hóa súc vật, tục mở hội mùa Xuân, mùa Thu, tục kén vợ gả chồng theo quan niệm tự do luyến ái, văn hóa về sông biển, v.v...

Một cống hiến vô cùng quan trọng của các dân tộc ở phương Nam (Bách Việt) vào nền triết học Trung Quốc là lý biến dịch của âm dương, bắt nguồn từ kinh nghiệm sống của nghề trồng lúa nước. Nhờ sống trong nền văn hóa nông nghiệp ổn định lâu đời, dân Bách Việt thường xuyên quan sát môi trường sống để cải tiến nông nghiệp và thuần hóa súc vật. Họ quan sát thời tiết vận hành của trăng, sao, gió để khám phá lý vận hành của âm dương trong vũ trụ và những hệ luận của nó. Sau khi chiếm đất đai của các sắc dân ở phương Nam (*Bách Việt*), dân du mục Hoa Hạ chiếm đoạt luôn những tinh hoa của nền

văn hóa nông nghiệp. Thực tế cho thấy dân du mục Hoa Hạ trước khi tiến chiếm miền Nam, họ chưa có ý niệm rõ ràng về lý vận hành âm dương nên họ không có từ âm và dương. Theo các nhà ngôn ngữ học hai từ Yin và Yang bắt nguồn từ hai tiếng Ina và Yang trong ngôn ngữ Đông Nam Á cổ đại (Bách Việt) với nghĩa gốc là mẹ và cha.

Có một sự thật chúng ta phải chấp nhận là dân Hoa Hạ đã có công rất lớn trong việc chi tiết hóa, rồi hệ thống hóa những kinh nghiệm sống cùng sự hiểu nghiệm về lý biến dịch tự nhiên của vạn vật, vũ trụ, tức lý vận hành âm dương thâu hóa được của dân trồng lúa nước từ thời nhà Thương. Họ xây dựng thành bộ Kinh Dịch làm nền tảng cho mọi hệ thống triết học, nền đạo học và các học thuật của Trung Quốc như y, lý, số, địa lý, phong thủy, dưỡng sinh v.v.... Hệ thống triết học và đạo học này lan tràn khắp vùng Đông Nam Á nên sau này mỗi khi người ta nói đến văn hóa Đông phương, người ta thường ngộ nhận rằng cái cốt lõi của hệ thống triết học và đạo học đó bắt nguồn từ nòi Hoa Hạ.

Qua những căn cứ trên, các di chỉ văn hóa khai quật được cũng như các tài liệu, giai đoạn hình thành nền văn minh Trung Quốc đã được xây dựng bởi các nền văn hóa du mục từ phương Bắc và Tây Bắc (*Thương Chu*) với ảnh hưởng của văn hóa trồng lúa nước của Bách Việt từ phương Nam. Điều này phù hợp với thuyết của Joseph Needham có bốn nền văn hóa cổ đại hội tụ thành văn hóa Trung Quốc: Văn hóa du mục cổ Tun Gusic (Mãn) từ phương Bắc; văn hóa du mục cổ Turkic (*Thổ Nhĩ Kỳ*) từ Tây Bắc; Văn hóa cổ Tibetan (*Khương*) từ phương Tây; và văn hóa Việt từ phương Nam và Đông Nam.

Như vậy không còn gì rõ hơn về sự đóng góp của dân tộc Việt và văn hóa Việt vào sự hình thành đất nước cũng như con người Trung Hoa ngày nay.

Dừng tin những gì người Trung Quốc nói và viết - Hãy nhìn những gì người Trung Quốc làm.

Người Trung Hoa luôn luôn tự hào là do chính tài năng đặc biệt của họ đã sản sinh ra nền văn minh cao nhất và lâu đời nhất. Ngày nay dưới ánh sáng của khoa học, người Trung Quốc khó có thể thực-hiện ý-đồ phủ nhận nguồn gốc du mục của mình và sự thâu hóa các tinh hoa văn hóa của các dân tộc bản địa trong quá trình hình thành văn hóa Trung Quốc.

Gần đây, vào năm 1986 một số di vật bằng đồng và đồng thau tìm thấy thuộc địa bàn nước Thục xưa (*văn hóa Sanxingdui*.) Những di vật này lâu đời hơn so với đồ đồng thời Thương (1,300 B.C.) mà dân Hoa Hạ thường hãnh diện. Chính quyền Trung Quốc cố tình mập mờ không nêu rõ rệt thuộc văn minh cổ đại nào, mà chỉ *ôm đồm gọi chung là cái nôi văn minh Trung Quốc*.

Sự đóng góp lớn lao của phương Nam vào nền văn minh Trung Quốc là một điều hiển nhiên, nhưng náo trạo du mục độc tôn, độc hữu của các nhà cầm quyền Trung Quốc từ cổ đại cho đến nay vẫn không thừa nhận.

Do đó, Edward H. Schaffer đã có nhận định: “*Thật là khó khăn để người Trung Hoa chấp nhận hoặc ngay cả ý thức được rằng họ đã vay mượn tư tưởng từ ngoại nhân...*”

*** Lấy Đức Trị Dân (Dĩ Đức Trị Dân) ?**

Năm 221 trước Tây Lịch, Trương Nghi dùng thuyết “Liên Hoàn” đã giúp nhà Tần thống nhất Trung Quốc, chấm dứt hơn 500 năm loạn lạc. Sau khi diệt Đông Chu, Tần Thủy Hoàng đã thôn tính các nước chư hầu, thống nhất Trung Hoa. Nhà Tần phát nguồn từ miền biên tải viễn Tây Trung quốc, với nguồn gốc man di (semibarbarian heritage) nên

rất tàn bạo. Vì áp dụng đường lối pháp gia quá khắc nghiệt nên nhà Tần chỉ cai trị được 15 năm thì mất vào tay nhà Hán.

Diễn hình, đời Tùy (605-617), Dạng Đế đã giết cha (Văn Đế) và thái tử để lên ngôi. Dạng Đế xa xỉ vô độ và rất bạo ngược, thích xây cung điện. Ông ta đã dùng trên hai triệu dân công để xây thành Lạc Dương, và vườn thượng uyển nối tiếp nhau, chu vi tới mấy trăm dặm (mỗi dặm bằng nửa cây số). Cứ mười người làm xấu, chết tới bốn, năm người. Một hôm, ông tỏ ý muốn tuần du phương Nam, một viên cận thần đã tâu: “Muốn đi phải từ Lạc Dương xuôi sông Hoàng Hà tới biển, rồi theo bờ biển tới sông Dương Tử, nhưng mùa đó biển lại động, tốt hơn là đào một con kinh nối Hoàng Hà với Dương Tử. Như vậy không sợ sóng gió mà lại biết dân tình nhiều hơn và coi được nhiều cảnh đẹp. Ông ta đồng ý, tức tốc ra lệnh đào kinh. Nam dân đinh từ 15 tuổi trở lên đều phải đi đào kinh. Có sách chép, số người đào kinh lên tới 3 triệu sáu trăm ngàn. Đó là chưa kể mỗi tổ năm gia đình phải chỉ định một người già hoặc một em trai nhỏ, hoặc một người đàn bà đem cơm nước cho người đào kinh. Ngoài ra, 5 ngàn lính đốc thúc cho việc đào kinh. Nhiều người chết vì đói sức!

Khi đào kinh xong, dân hai bên bờ lại phải điều đứng về việc tiếp rước một đoàn 50 chiếc long thuyền mà chính họ phải góp tiền để đóng. Chiếc ngự thuyền của Dạng Đế cao bốn tầng, dài hai trăm trượng. Trong thuyền có nội điện, một cung nhỏ và hai phòng rộng trang sức toàn bằng châu ngọc. Hoàng hậu có một chiếc thuyền riêng, phía sau là thuyền chở các phi tần, vương công đại thần. Hàng ngàn đàn ông mặc đồ tơ lụa kéo đoàn thuyền đó để tiếp sức với đoàn thủy thủ và để cho đẹp mắt.

Hai bên bờ sông Dương Tử cho trồng rất nhiều cây liễu - còn ở kinh đô Lạc Dương, vườn Tây uyển khi mùa thu lá rụng, Dạng Đế bắt lấy lụa màu cắt thành lá thành hoa treo lên cành.

Đến thế kỷ 19, người dân Trung Quốc vẫn còn bị coi như kẻ tội mọi. Yu Chunhe, một hoạn quan đời hoàng đế Giang Xu đã mô tả cảnh sống của dân Trung Hoa ở vùng Dong Ping như sau: “*Tất cả đều thuộc về lãnh chúa, đất đai, nhà cửa thú vật, và cả con người những bóng ma bị truất hết mọi quyền, kể cả quyền được sống, mà vận mệnh chỉ trong một từ “TÔI MỌI”. Mãi mai đến cùng cực là họ hoàn toàn trần trụi đến mức không còn lấy một sợi dây để tự treo cổ mình!*”

Ngay đến thời kỳ Mao Trạch Đông cầm quyền, trong kỳ đại hội trung ương đảng CSTQ lần thứ 8 tháng 5 năm 1958, Mao Trạch Đông đã nói: “*Tần thủy Hoàng vị vua này chỉ chôn sống 460 người gọi là nhà Nho, còn chúng ta đã hạ hơn bốn vạn sáu ngàn bọn hủ Nho trí thức phản cách mạng. Họ đã nguyện rửa ta là Tần Thủy Hoàng - Chưa đúng, ta còn bạo hơn Tần Thủy Hoàng gấp ngàn lần. Ta là người độc tài, ta nhìn nhận, nhưng rất tiếc họ đã bình phẩm ta chưa đúng và cũng chưa đủ vì có nhiều việc chúng ta cần phải bổ sung thêm cho đầy đủ hơn.*”

Châu Quế, một học giả Trung Hoa đã viết: “*Hễ chỗ nào có người Trung quốc ở qua, đất đai thường bị tàn phá một cách vô tội vạ, cầm thú bị săn bắn đến tuyệt chủng (thói quen của du mục). Bất cứ vào thời đại nào, làm người Trung quốc mãi mãi là một tai họa. Từ 5000 năm nay, người Trung quốc luôn luôn dày dọ trong đói khát, luôn luôn vật vờ trước cửa địa ngục, dở sống dở chết”. Chính vì điều thực tế này, không một người Trung quốc nào là không ước mơ được rời khỏi Trung quốc sang các nước khác sinh sống.*”, , , ,

*

Nhu Cầu Cuộc Cách Mạng Nhân Bản và Một Số Vấn Đề Hiện Tại.

Trước những khổ-nạn do sự bành-trướng của văn-minh du-mục, chính-sách thực-dân tìm thuộc địa lỗi thời...

Trước những bế-tắc của thời-đại, của sự thiên lệch các chủ-nghĩa gây cho nhân loại sống trong cảnh khủng-hoảng, bàng-hoàng, tưởng như bị lôi cuốn xuống vực thẳm hư vô...

Thời kỳ ngự trị của tư-bản, của máy móc, của khoa học đã khiến cho thế-giới loài người đầy rẫy những tủi nhục và bất bình. Bhững dân tộc bị linh-lạc, những nòi giống bị diệt vong, những giai tầng xã hội bị dày ải! Một văn minh lầm lẫn, đầy tội ác và hối hận! một lịch sử loài người thất-bại về kiến thiết.

Tất cả những thất bại làm nổi bật lên nhu-yếu của loài người:

* *Phải chấm dứt thống-trị dân-tộc.*

* *Phải chấm dứt cảnh người bóc-lột người.*

* *Phải xua đuổi được bóng dáng của chiến-tranh.*

* *Phải tạo những xã-hội hòa-hài trong một thế-giới yên vui.*

Trên đây đều là những nhu-yếu cấp-thiết, và càng cấp thiết khi loài người nắm trong tay những vũ khí ghê hồn có thể tiêu-diệt nhân loại.

* Cần có một ý-thức-hệ mới trong công cuộc ổn-định nhân-loại trên những nguyên-tắc chân bình đẳng, chân tự do, chân nhân ái và tiến-bộ.

Tìm về lịch sử nhân-loại và dân-tộc, có dân tộc nào chịu đựng những tội ác của loài người nhiều hơn và lâu dài hơn là dân tộc Việt? Có người Việt nào không cảm thấy trong lòng những đau thương và tủi nhục của chính mình và đồng loại?

Chúng ta cần phản-tỉnh và tự hỏi: “ *Trải 5000 năm nòi giống chưa bị diệt vong tất phải có một lẽ gì? và phải có việc gì để làm?*”

Trong phạm-vi dân tộc Việt, chúng ta hãy tiếp hợp truyền-thống 5000 năm của dân tộc, truyền-thống đấu-tranh bằng **dân tộc cách mạng** với tinh thần hiện đại, hoàn thành một cách mạng cho dân tộc trên con đường đi lịch sử và thăng tiến. Kinh nghiệm cho thấy, trên phương diện chính trị, đi mượn các tư tưởng ngoại lai nếu không phù-hợp với sinh-mệnh dân tộc như các tư-tưởng Tống Nho, Thanh Nho, Karl Marx, Mao,... đều đi hại cho đất nước.

Trên nền tảng của thời đại, làm công việc khơi dòng lịch sử, người Việt phải có một tinh thần mới, tránh mọi thành kiến, trở về trong đáy hồn lịch sử dân tộc.

Người Việt làm cách mạng là làm một “**công cuộc đổi đời**” **không thể không biết đến những thảm bại của những cuộc cách mạng đã đánh dấu vào lịch sử tiến hóa của nhân loại, để rút lấy những bài học “máu”!**

Cách mạng Việt phải là một công cuộc có sáng tạo tính, khoa học tính, dân tộc

1- Lý Đông A, “Chu Tri Lục 3” , Gió Đáy xb. 1966.

tính, nhân đạo tính, và biện chứng tính. Cách mạng Việt là một thể hệ triết học đấu tranh, thống nhất khoa học, triết học, và sử học, thống-nhất lý luận và hành-động.

“Ý nghĩa và tác-dụng của cách mạng là tu-chỉnh và cải-tiến xã hội sao cho hợp lý hơn, tiến bộ hơn, hy vọng hơn... Cách mạng phải có một tinh thần chuẩn bị sẵn, một nguyên-tắc tiềm-tàng sẵn, lại có một phong-khí tấm-nhuân sẵn, nung nấu sẵn từ chủ quan đến phối-hợp với thời-cơ, chờ thời-cơ thích hợp để bùng nổ.”

Dân tộc ta đã từng lịch-lãm:

* Hơn 1000 năm Bắc thuộc, các thứ-sử và thái thú thời Tây Hán đến Minh triều, dù mềm-dẻo hay tàn bạo đều thực-thi chính sách tiêu diệt và đồng hóa dân Việt. Các thái thú nham hiểm như Nhâm Diên, Tích Quang và Sĩ Nhiếp, họ khôn ngoan dùng thủ đoạn võ-về dân chúng hầu dễ-dàng làm thay đổi phong-tục, tập-quán mà họ tự nhận là khai hóa cho dân Việt! Chính sách đồng hóa từ Hoàng Đế kế truyền đời này tiếp đời khác, thực-hiện song song qua hai hình thức:

- Tiêu diệt dân bản xứ bằng phương-pháp thống-trị rất hà-khắc;
- Di dân chiếm đất.

*“Trung tâm quy luật của lịch sử Tàu là **“Hữu đức giả hữu thổ”** (có đức tất có đất đai), hữu đức ở đây phải hiểu theo kinh sử Tàu là “lấy tài hóa thu nhân tâm chứ không phải đạo đức. Cái quy luật này phối-hợp với ý chí dân Hán là **“Hưng Hoa, diệt Di”** để hình thành một lịch sử xâm lược... Chúng tộc được suy diễn theo lối **“Tam niên dưỡng chi giáo chi tất giai ngô dân”** (ba năm giáo dưỡng, tất sẽ thành dân Tàu), văn hóa được suy tiến sau chúng tộc, tiếp là kinh tế (hữu đức giả hữu thổ), và sau cùng là chính trị chiếm lĩnh **“Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ”** (Trong thiên hạ, không chỗ nào là không thuộc đất của vua Tàu), tất cả đều phục tùng dưới lưỡi lê **“Nhuông Di địch, phạt Man Khương”**!*

Chỉ cần thể-nghiệm cái sâu hận đời Hậu Trần và Lê Chiêu Thống đủ để biết cái dã tâm của Tàu.

Thời gần đây, chủ nghĩa Tam Dân của Tàu chỉ là một chủ nghĩa “chúng tộc xâm lược”. Năm 1885, Tôn Văn cực-lực chủ-trương chủng-tộc, y đề xướng ra nòi Hán diệt nòi Mãn. Bị thất-bại, khoảng 1911, y nêu lên “Ngũ tộc cộng hòa”, trong đó nòi Hán 90%, còn lại 10% là các nòi Mông, Mãn, Tạng và Miêu (Việt núi). “Ngũ tộc cộng hòa” chỉ là để dung-túng cho số đông nuốt số nhỏ và số đông càng có thêm đất.

Khoảng 1921-1922, Tôn Văn lại đề ra Đại Á Tế Á. Tôn Văn từng tuyên bố “Ta phải đem các dân tộc Thái, Việt,... liên hợp cùng chống đế quốc. Sự liên hợp là thôn tính vào...”

Tôn Văn đã không ngần-ngại nói thẳng với Cụ Phan Bội Châu: “Các ông bắt tất phải làm. ViệtNam chỉ là một tỉnh của Tàu, chúng tôi làm xong thì xong.” Tương tự, Tưởng Giới Thạch đã tuyên bố: “ViệtNam thuộc Tàu, ViệtNam để người Tàu làm giúp cho.” Trong giáo dục của Tàu, xu-hướng chính trị để gây mầm mống từ ấu học đến đại học đều dạy: ViệtNam là thuộc địa của Tàu, ta phải thu phục lại đất đai mất cũ của ta là Việt Nam.”

Sự chuẩn-bị quân sự để nhập Việt, bộ tuyên truyền và quân chính đã bí-mật phân phát các chiến lệnh:

- 1- Lợ ố Nam phồ (lấy vợ An-nam)
- 2- Dìn ố Nầm sìn (tiêu tiền An-nam)
- 3- Chì ố Nầm tì (ở đất An-Nam)

1- Lý Đông A, “Huyết Hoa”, Gió Đáy xuất bản, 1966, Saigon.

Hiện giờ đây nòi Hoa (Hán) đang còn uy hiếp sinh mệnh dân tộc ta. Cứ xét số Hoa kiều trong nước hợp với số Minh Hương, một số nội gián trên mặt nhân chúng quen thói lấy vợ người mà giữ gái mình. Sức lũng-đoạn kinh-tế từ đô thị đến thôn quê... cũng đủ làm cho ta thấy sự diệt vong trước mắt!

* Đến thời Pháp xâm chiếm Việt Nam, từ các hòa-ước 1862, 1883, 1884, Pháp đã chia cắt nước Việt làm 3 miền: Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nam kỳ là đất thuộc địa còn Trung và Bắc thuộc chính sách “bảo hộ”. Trên thực-tế, thực-dân Pháp nắm trọn quyền cai trị nước Việt. Nước Việt tuy còn vua, nhưng chỉ là danh hiệu, người Pháp trực-tiếp truyền ra ý chỉ, người Việt chỉ có quyền vâng dạ tuân hành!

Với chính sách “*chia để trị*”, đất nước Việt chia thành ba miền với ba chính-sách khác nhau: Người dân trong một nước muốn đi từ Bắc vào Nam lại phải có giấy thông hành, không khác gì đi ngoại quốc! Điều di hại có nhiều người miền Nam coi bà con ngoài Bắc như người nước ngoài (*tinh thần kỳ thị Nam - Bắc còn di hại đến ngày nay*)! ¹

Về thuế má thật là nặng nề! Chúng ta chỉ cần đọc đoạn văn trích dẫn trong cuốn “Việt Nam Vong Quốc Sử” của cụ Phan Bội Châu đủ để biết sự bóc lột của quan Đại Pháp: “*Lệ thuế đình của người Pháp chỉ có tăng chứ không có giảm. Một thôn quê nghèo không thể nào nộp đủ cả tiền công sưu, tiền công ích, bèn họp nhau bàn rằng: Cùng quẫn đến thế này, không có trời mà lên, không có đất mà xuống, chúng ta đem tất cả nhân đình lên kêu khổ với quý quan bảo hộ, mặc cho họ muốn làm gì thì làm, tưởng không có lý nào quan bảo hộ lại giết hết chúng ta ? Họ không ngờ người Pháp rất hiểm độc. Quan bảo hộ đã phán: Sao chúng mày không đem bán vợ con, gia sản, ruộng đất đi lấy tiền nộp thuế cho Đại Pháp chúng tao, có tiện hơn không? Dân thôn ấy hoảng sợ, chưa kịp suy tính, khóc lên nói với quan bảo hộ: Vợ con bán rồi, cửa nhà, điền địa cũng bán hết rồi, chỉ còn một mảnh trời trên đầu chưa bán được mà thôi! Quan Đại Pháp vỗ bàn cười lớn: Tốt, tốt, khoảng trời mày chưa bán được đem bán cho tao. Viết văn tự đi, viết xong tao miễn thuế cho. Văn tự ký xong, đám dân về lại thôn thì đội lính Pháp ngăn không cho vào và nói: Người thôn này đã bán trời cho Đại Pháp, trời ở trên đầu hay ở thôn này là sở hữu của Đại Pháp ... Bấy giờ người trong thôn lại khóc lóc, kêu lạy quan Đại Pháp cho chuộc khoảng trời trên đầu. Lúc này mới thực là vợ con, nhà cửa ruộng đất bán hết! Do đó mới có các câu sau đây:*

*“Không trời khổ lắm thay
Có trời sướng lắm thay
Vợ con tính sao đây
Không đất phải tiêu ma
Ta chuộc trời ta về
Trời kia không tuổi già.”*

Ngoài ra còn vớ-vét những tài-nguyên thiên-nhiên đem về mẫu quốc; đồng thời du nhập những tư tưởng xa lạ với dòng sinh mệnh Việt. Những tác phẩm còn lại ngày nay như: “*Giọt Lệ Thu*” của Tương Phố, “*Tố Tâm*” của Hoàng Ngọc Phách, “*Đoạn Tuyệt*” và “*Lạnh Lùng*” của Nhất Linh, “*Hồn Bướm Mơ Tiên*” của Khái Hưng” v.v... đều bị ảnh-hưởng ít nhiều từ văn học ủy-mị lãng-mạn, và tự do cá nhân một cách phóng-túg của Tây phương; xã-hội tự phân chia giai-cấp nên mới có câu “*phi cao đẳng bất thành phu phụ*” trong thời Pháp thuộc,...

Quả là:

1- Lý Đông A, “Chu Tri Lục 3”, Gió Đáy xb. 1966.

*“Làm thân nô-lệ dọa dằn
Khổ hơn trâu ngựa, đắng cay muôn phần!”*

*** Trong thời Phân Tranh Quốc Cộng:**

- Tại miền Bắc theo chủ nghĩa Mác - Lê - Mao, từ 1952-1956, gần một triệu người bức tử vì “*Cải cách ruộng đất*”. Đây là âm-mưu tiêu diệt truyền thống cùng cơ-cấu xã hội của dân tộc ta. Mười năm kháng chiến chống Pháp trở thành ngọn giáo xung kích cho nghĩa vụ quốc tế. Chiến trường ViệtNam trở thành chiến tranh ủy nhiệm giữa hai phe: Phe đệ Tam Cộng sản quốc tế do đế quốc Cẩm Linh lãnh đạo và phe tư bản do Hoa Kỳ cầm đầu.

Thật là chua chát và thương đau ! Trên bước đường “*lương đối cực*” Tư-bản và Cộng sản, dân tộc Việt đổ quá nhiều máu, lệ ! Mấy trăm ngàn dân Nhật chết nhấp-nháy vì hai quả bom nguyên tử, sáu triệu dân Do Thái thành tro trong những lò thiêu của Đức Quốc Xã. Nhưng những cái chết bi hùng hay thảm khốc này đều biết vì sao mà chết, do ai gây ra. Đây là những cái chết để tạo nên cái sống, trong những cái chết đó có nảy sinh những gì tốt đẹp do loài người hối-hận, do phản tỉnh hồi đầu,...

Đúng như giáo sư Nguyễn Thùy đã viết trong bài “Việt Nam, Địa Bàn Được Chọn” đăng trong nguyệt san Dân Ý số 22, tháng 7/1996 :” *Chiến tranh ViệtNam không thể - Những chết chóc trong cuộc chiến tại ViệtNam cho những ý nghĩa xa-xôi, lẫn-khuất, oan khiên để đến ngày nay vẫn còn là mối nhức-nối cho dân tộc Việt và cho thế-giới.*

Dân tộc Việt không chết cho mình. ViệtNam bị phân thành hai chiến tuyến, tự ghép mình vào mỗi bên, nhận lấy cái thân phận Horace và Curiace xưa kia, bị đẩy vào kiếp “gà chọi” đau thương, để bị ném tung ra đấu trường! Hai người thân cùng nhà bị cưỡng bức nhìn nhau trong hận thù đối thủ! Cả hai miền man di trong niềm tự hào lý tưởng của mình, thi đua bắn giết. Rồi ngày về trong vòng hoa chiến thắng, giữa tiếng hoan-hô mừng đón rập-rình, thoát nhiên thấy giữa loạn công huyên náo một trống không nhạt-nhẽo lê-thê. Ngôi nhà thân yêu không còn những giai điệu của ngày xưa và không còn tiếp mình trong niềm vui hồn nhiên thuở trước. Những chiếc lọ cổ bể nát bị ném vào xó-xĩnh hoặc bị quăng đi không thương tiếc! ảnh hình cha mẹ bụi bặm đục mờ nay bị gỡ xuống, thay vào đó là những chân dung xa dẫu dẫu. Rồi tự đáy tim bầm-giập vì chiến tranh, bỗng dâng lên niềm ai-oán: “Ta chưa hề chiến thắng - ta chưa hề chiến thắng! Tuổi trẻ đã chết đi trong những chiến thắng của mình!”

Còn lại những gì? Một quê hương rách nát, hàng triệu người xơ-xác rướm máu. Giữa bạo cuồng man rợ của lời hô, tiếng hét căm hờn, giữa náo loạn, giữa lọc lừa, tính toán giành tranh quyền lực, tất cả được nâng thành bạo lực...???

Phía đằng sau chiến tranh thật thê-thảm! Một xã-hội rộn ràng theo chỉ-thị, từ nụ cười, ánh mắt, tiếng khóc, lời kêu bên cạnh một xã-hội kiêu xa, lừa lọc, trưởng giả, lưu manh. Cuộc sống lạnh-lùng thê-thảm, điêu tàn vì nghĩa vụ với hy sinh; vì xiềng xích với gông cùm, từ ý nghĩ đến việc làm, đến cả lời ăn tiếng nói, chốn ở nơi đi, tất cả đem sức mình tuân phục theo một khẩu hiệu như những lưỡi dao, mũi kiếm, đầu súng dí mạnh sau lưng...”

* Chúng ta cũng đau khổ thực-chứng thứ “Dân Chủ giả hiệu.” Thanh niên thời đại lấy làm vinh-dự để nói đến dân chủ. Dân chủ ví như thần thánh, dân chủ là hình ảnh giàu có, bình-đẳng và khoa học. Nhưng than ôi! Dân chủ hiện nay chỉ là chủ nghĩa cá nhân, cho nên dân chủ chính thể là kết-quả chính trị của chủ nghĩa cá nhân. Trong nước dân chủ phải có tiền mới bình đẳng và sinh sản phải tùy khoa học phát minh mới tiến bộ. Chế độ tư bản dân chủ cố nhiên lúc đầu thay thế cho xã-hội phong kiến được coi là cứu thế, nhưng đi đôi với tiến hóa của lễ vô thường, từ thương nghiệp tư bản tiến lên công nghiệp tư bản làm cho trong nước giai cấp chia ly và chính trị đảng tranh. Lại từ công nghiệp tư bản tiến lên đến kim dung tư bản, sự cần dùng thị-trường nảy nở ra đế quốc thực dân, từ đó đến quân hóa tư bản gieo rắc chiến

tranh cho thế giới. Đến mạt kỳ, chế độ này làm cho nhân-chúng linh-lạc, gia đình linh-lạc, cá nhân linh lạc, ở đó mà quốc-gia linh-lạc!

Sự cần yếu cho tái sinh sản của tư bản nảy nở ra các hình thức bế-môn tỏa-cảng lối mới như khối “pound”, khối “monroe”, khối “yen”,...càng sùỵ-động cái dục vọng diệt chủng, vong quốc người khác bằng vũ khí kinh-tế, và nguy cơ chiến tranh cũng ở đó.

Từ thực chứng cho chúng ta thấy chỉ có khổ hạnh nan hành mới có thể cứu sống được đời; chỉ có đau khổ sâu đậm mới có thể đại giác, có đại giác mới đại nguyện, rồi từ đó tới đại hành trong đại đạo.

Chỉ có sự “trở về nguồn”, trở về đời sống dân chúng mới có thể phục-hưng dân tộc. Có nghiêm ngặt trên lập-trường Việt và lấy con “người” làm đối tượng để phục-vụ thì cách-mạng, chính-trị và kiến thiết mới thích-ứng dòng sinh mệnh dân tộc và “**thắng nghĩa**”.¹

Chính trị là lịch sử ngày nay, mà lịch-sử là chính-trị thời qua - Thời-đại là cuộc sống hiện đại. Tất cả những lời nói của dân chúng qua ca dao, tất cả những việc làm của dân chúng bằng sinh sống đủ để làm mục-tiêu, nền tảng cho phương-lược lâu dài về mọi mặt quốc-phòng, chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, văn hóa, xã-hội, nhân chủng và sinh hoạt của nước nòi.

Chỉ có thể-hệ thật tiền tiến mới đủ đại biểu cho tương lai.

Chỉ có thật đại đa số mới đủ đại diện cho dân tộc. Tương lai tỏ lộ trong óc mới của thời đại và viễn kiến.

Có hiểu đúng mới làm đúng. Trang Tử nói: “*Đường sống có bờ, đường biết thì vô bờ. Thế nhưng có biết mới sống được. Biết là kết quả của sự sống; sống với biết hợp nhất. Biết là trực của sự sống, là công cụ của đời sống, đồng thời là nền tảng và yểm trợ của sống.*”²

Đi tìm một “*Đường Sống Việt*” cho tương lai dân tộc mà không xa lìa dòng sống sử Việt, chúng ta hãy nhận lãnh những tinh-hoa của dân tộc qua nền tảng văn hóa dân tộc, nhất là kinh qua các triều đại huy-hoàng như Lý, Trần và Hậu Lê.

Về cốt lõi tinh hoa của dân tộc, chúng tôi xin trích đăng bài “*Nước - Đặc Tính Gốc của Nền Minh Triết Nhân Bản Việt*” của ông Vĩnh Như đăng trong bản tin “*Tâm Đàm*” số 11/2000 phát hành tại Úc Châu:

“Lúc này hơn bao giờ hết, chúng ta cần phải mở cửa đi sâu vào ngôi nhà tâm linh để thấu hiểu nguồn gốc “Đạo Sống Việt”, biết được đâu là tinh hoa của đạo sống Việt sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn các yếu tố của văn hóa Việt, hiểu rõ hơn phong cách và tâm hồn người dân Việt. Ngoài ra, đạo sống Việt sẽ giúp chúng ta hiểu rõ những bước đi của tiền nhân những suy nghĩ của tiền nhân, cung cách ứng xử của tiền nhân trước những thăng trầm của lịch sử để từ đấy tìm thấy dòng sinh mệnh của lịch sử nói riêng và văn hóa Việt nói chung; đồng thời giúp chúng ta tìm thấy đâu là hướng đi lâu dài và bền vững của dân tộc.

Những việc làm của tiền nhân có thể sai, có thể đúng. Sai và đúng, tất cả đều là những kinh nghiệm xương máu quý giá đối với chúng ta. Thái độ chất vấn lịch sử, đổ lỗi cho tiền nhân hoặc sùng thượng tiền nhân quá độ đều không hợp tình, hợp lý.

Cha ông làm lịch sử của thời đại cha ông. Chúng ta đang tham dự vào tiến trình làm lịch sử của thời đại chúng ta, và chúng ta có thể học hỏi được những lời khuyên dạy rút ra từ những kinh nghiệm sống ngàn đời đầy xương máu của dân tộc để làm cốt lõi cho tư tưởng của chúng ta sau khi đã lọc một cách sáng suốt và thực tế. Từ đó, chúng ta vận dụng để thực hiện một cuộc dung hóa mới.

1- Thắng nghĩa là thắng tất cả các chủ nghĩa hiện tại, thắng cả mặt vật chất và tinh thần.

2- Lý Đông A, “*Tâm Lý Thần Linh Học*”, Gió Đáy xb. 1966.

Cho đến nay, không còn nghi-ngờ gì nữa, khảo cổ học đã tìm được chứng tích dân tộc Việt là chủ nhân của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời hàng ngàn năm trước Tây lịch, có địa bàn sinh hoạt ở châu thổ sông Hồng và sông Mã khác hẳn với văn hóa du mục của Hoa tộc phát tích ở tây bắc Hoàng Hà.

Will và Ariel Durant đã viết trong cuốn “Lịch Sử Trung Quốc” cho rằng sự phát-triển của lịch sử Trung Quốc trải qua hai giai-đoạn hướng tiến của Hoa tộc thời thượng cổ là từ Tây sang Đông, còn từ nhà Hạ trở về sau là từ Bắc xuống Nam của đế quốc Tần ; nền văn hóa du-mục của Hoa tộc đã hấp thụ tinh hoa kinh-nghiệm sống hòa hài, lý **đối lập thống nhất** của nền văn hóa nông nghiệp thuộc Bách Việt trong đó có Lạc Việt. Chính nguyên lý “đối lập thống nhất” trở thành hạt nhân, làm nền tảng cho kinh Dịch.

Với lối tư duy phân tích của văn hóa du mục, Hoa tộc đã nhanh chóng chi tiết hóa, hệ thống hóa và phong phú hóa tinh hoa của văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, phát-triển thành nền văn hóa tổng hợp du-mục + nông nghiệp với một lâu đài trí thức đồ sộ, rồi đến lượt Hoa tộc phát-huy ảnh-hưởng trở lại các dân tộc phương Nam...

Thấu hiểu yếu tính gốc và nắm vững những nét đặc-trưng nền-tảng văn hóa Việt, không phải để quay về quá khứ, hoài cổ, mà là để tìm lại những gia tài quý báu do ông cha để lại mà chúng ta vô tình đánh mất.

1. Nước, nguyên lý mẹ của nền minh triết nhân bản Việt.

1-1. Đất nước, quê hương, quốc gia: Khởi thủy một vùng đất với thành phần chủ yếu là “nước”. Nước để giải khát, để rửa vết nhơ bẩn,... để trồng trọt, để nuôi sống muôn loài. Đi sâu vào đời sống người nông dân trồng lúa nước thì đất và nước là điều kiện quan trọng hàng đầu. Nước nuôi dưỡng cây lúa để sinh sản ra lúa gạo, nuôi sống con người. Bởi thế, từ lâu người nông dân trồng lúa nước coi đất và nước như cha mẹ sinh ra muôn loài, như thần linh, đúng hơn là một biểu-tượng mang tính thiêng liêng.

1-2. Nước, quê hương, quốc gia, đất nước:

Đối với nghề trồng lúa nước, nước là yếu tố quan trọng hàng đầu, “nhất nước nhì phân”,... Đất mà không có nước là đất chết. Từ nhận biết đó, ông cha tiến đến chỗ chỉ đúng một yếu tố duy nhất là nước để chỉ ý niệm quốc gia, nước Văn Lang, dựng nước, cứu nước, giữ nước, yêu nước...

Dùng đất và nước để chỉ ý niệm quốc-gia rồi chuyển ra chỉ dùng một yếu-tố duy nhất gọi quê hương mình là nước, nước Việt Nam. Một sáng tạo độc đáo! Một cái thấy chân xác!

Đó là tín hiệu chuyển tư tưởng. Điều đó cho thấy ông cha ta đã trực nhận đưa nhị nguyên (đất và nước) vào nhất nguyên (nước), tức đưa trạng thái phân biệt vào trạng thái vô phân biệt. Đó là cái biết không phân biệt của dân tộc Việt.

Đây là cơ sở hình thành tinh-thần tổng hợp và dung hóa của dân tộc Việt trên nền tảng của cái nhìn và là lối tư duy đối ứng. Tinh thần tổng hợp và dung hóa đó đặt nền tảng cho việc xây dựng lý nguyên nhất của nền minh triết Việt, một yếu tính giữ vai trò chủ đạo (nguyên lý Mẹ = nước)..

Cái biết không phân biệt đó là nền tảng của đạo sống Việt, phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài và nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương dung đối ứng, nó hóa giải, điều-hợp các mâu thuẫn giữa hai đầu cực đoan của cái biết phân biệt.

Cái biết phân biệt hai đầu cực-đoan - có không, tốt xấu, thiện ác, v.v... là

nguyên-nhân phát sinh các tư-tưởng “duy” (duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần,...) đối nghịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến tranh triền-miên khắp nơi. Nó cũng là nguyên nhân phát sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng hoảng, bế-tắc trong xã-hội làm khổ lụy con người trong đời sống vật chất và tinh thần...

1-3. Nước là nguyên lý “Mẹ” của nền minh triết nhân bản Việt.

Có lẽ trên thế-giới chỉ có người Việt gọi quê hương mình là nước, và cũng chỉ có dân tộc Việt mới có trò giải trí “múa rối nước”, rồi nào là “hội nước”, “đua thuyền cầu mưa”, “đánh trống cầu mưa”, “đánh trống cứu hạn”, v.v... Người Việt còn dùng hình ảnh nguồn nước để so sánh công ơn lớn lao của bà mẹ “nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.

Nước đi vào cội sâu thẳm của tâm hồn người Việt từ xưa và qua huyền thoại, nó đã trở thành cốt lõi của tiếng nói tâm thức dân tộc. Nó vô cùng thiêng-liêng.

Lòng sùng kính vua Rồng ở cội nước là hình ảnh của môi-trường sinh hoạt trồng lúa nước và sự nhận biết sự sống bắt nguồn từ nước.

Rùa vàng là biểu tượng của thế lực vô địch và huyền diệu của nước. Rùa vàng từ nước lên giúp vua Thục xây thành Cổ Loa và dâng móng vuốt để làm lẫy nỏ. Rùa vàng dâng kiếm báu cho vua Lê Lợi cứu nước. Xong việc vua trả lại kiếm trở về với nước qua tích “Hồ Hoàn Kiếm”.

Nước trở thành biểu tượng cho văn hóa tâm linh với hình ảnh “ly nước trong” nơi bàn thờ tổ tiên.

Nguyên lý mẹ đã theo dõi mỗi bước đi của dân tộc, đưa đường chỉ lối, dẫn giắt lúc gian nan, gây phấn khởi lúc vinh quang.

- Mặt khác, trong lãnh vực chính trị, thập niên 40, nhà cách mạng và cũng là nhà tư tưởng Lý Đông A đã phát hiện sức mạnh vô địch, sức mạnh nội tại nằm trong cái bản chất tưởng như yếu mềm của nguồn nước như hạt nhân làm bùng nổ các cuộc cách mạng, “tức nước vỡ bờ”. Ông đã viết: “Nguyên lý của dòng sông một dân tộc có thể lấy nguyên lý của thủy lực học (science hydraulique) mà chứng minh. Làn gió đáy sẽ thổi dạt-dào các luồng sóng đáy, sức nước nguồn từ mỗi vỡ bờ sẽ san bằng tất cả các sức mạnh của các bế-tắc với lượng nước bị ứ-tắc mà vỡ lở ra trong một phạm-vi quy định bởi sức lực, quy tắc và tinh thần nội tại... Các lần vỡ bờ từ Đinh, Trần, Lê, Nguyễn Huệ sẽ tái diễn trong một nền-tảng rộng và cao độ hơn bằng cả một sức lực lịch sử nhân chủng tích góp theo lý tắc Tôtêm Tiên Rồng của Bách Việt vạn năm trước mà giải quyết các vấn đề Đông Nam Á, tức Đại Nam Á - Úc châu một cách thỏa đáng.”

2. Những đặc tính của nguyên lý mẹ:

Điều nhận thấy trước hết, nguyên lý nước bao gồm cả tĩnh lẫn động, cả nhu lẫn cương.

2-1. Tính tĩnh của nước: Nước gợi lên hình ảnh vật thể lỏng, mềm, nhu thuận, tĩnh lặng, êm-dềm. Trong nền minh triết Việt, người trưởng thành là người biết chấp nhận những thách-đố của hoàn-cảnh mà lòng tĩnh lặng, sống an nhiên tự tại.

2-2. Tính động của nước: Nước tượng trưng của sự di động, phát triển mở rộng. Nước luôn luôn chuyển động, chảy xuôi dòng, tràn lan, không đóng khung cố-định, bất chấp đồng bằng hay vực thẳm, chỗ nào cũng len vào được, một đi không trở lại. Từ cơ sở đó, ông cha ý thức mọi việc luôn luôn chuyển động, không có cái gì đứng yên mà có được.

2-3. Tĩnh và động kết hợp trong một thể thống-nhất. Nước gợi hình ảnh tĩnh và động kết hợp trong một thể thống nhất không thể rời ra được. Nước bao gồm cả tĩnh lẫn động, cả cương lẫn nhu.

2-3-1. Động tĩnh: Việc kết hợp giữa những cặp đối lập động tĩnh, đất nước, cha mẹ, trống mái, ... chính là sự khái-quát-hóa đầu tiên trên con đường dẫn đến lý “**đối lập thống nhất**”. Lý “đối lập thống nhất” co âm điện-tử, dương điện tử và trung hòa tử. Điều đó cho thấy để tâm quan-sát, theo dõi, học hỏi những đặc tính của nước để ứng dụng vào việc trồng trọt, trồng lúa nước, dần dần người nông dân ý-thức được mọi vật, mọi hiện tượng, mọi trạng thái đều có hai mặt đối lập bằng hai tử âm dương, rồi âm dương cụ thể hóa thành tổ kép Tiên Rồng, cha mẹ chung của dân tộc.

2-3-2. Nhu cương: Nước là vật thể lỏng, mềm nhất nhưng không gì thắng nổi nó. Chính sức mạnh vô địch của nước nằm trong cái bản chất tưởng như yếu mềm ấy; nước chảy đá mềm. Sắt ngâm trong nước lâu ngày cũng phải rỉ; lửa gặp nước phải tắt. Người Việt thường chủ trương lấy mềm thắng cứng, lấy ít địch nhiều (thường dùng mai phục), lấy yếu đánh mạnh (hay đánh bất ngờ). Rốt cuộc lấy đại nghĩa thắng hung tàn...

Để chống lại quân xâm lăng hùng mạnh từ phương Bắc, dân tộc ta biểu dương sức mạnh vô địch của nước.

Dù chiến thắng vẻ-vang trên các trận chiến Bạch Đằng, Hàm Tử, Chi Lăng, Đống Đa,... các nhà lãnh đạo Việt chủ động cầu hòa, chịu triều cống xưng thần, thể hiện mặt uyển-chuyển nhu thuận của nước để đem lại sự an vui thái bình cho toàn dân. Đó là cảnh chấm dứt chiến tranh hết sức khôn ngoan và sáng tạo của người trí.

2-3-3. Lý tương đối: Sự sống bắt nguồn từ nước. Nước cần thiết cho sự sống của con người, nhưng nước cũng là mối hiểm họa đe dọa con người, nào là chết đuối, đắm thuyền, sóng thần, mưa bão, lũ lụt. Nước là một tai họa lớn mà dân Việt xưa đã phải lo chống đỡ vất vả, nạn lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng như phản-ảnh trong câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh...

Từ kinh nghiệm sống cụ-thể đó cho thấy nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể làm cho đắm thuyền. Triết lý sống đó được huyền thoại hóa và bác-học hóa qua biểu-tượng tổ kép Tiên Rồng với óc tưởng tượng vô cùng phong phú đầy sáng tạo trên nền tảng tư duy của đối ứng với cái nhìn liên tưởng : Tượng và dụng của Rồng là dương nhưng thể của Rồng là âm (ở dưới nước, tiềm phục); tượng và dụng của Tiên là âm, nhưng thể lại là dương (ở trên núi, tươi sáng).

2-3-4. Tư duy đối ứng: Kết-quả của sự ngắm nhìn dòng nước. Những kinh-nghiệm nhận thức được trong khi quan sát nước, và môi-trường sống, chuyển hóa vào tâm thức, phản-ảnh trong tư tưởng lối tư duy đối ứng và tổng hợp. Lối tư duy đối ứng này có thể gặp trong mọi lãnh-vực. Chỉ cần xét đến ngôn ngữ của người Việt thì thấy ngay người Việt nói đến đất thì phải nghĩ đến nước, nói đến cha là nghĩ đến mẹ. Nào là non sông, nước non, vui buồn, sống chết, thành bại, đầy vơi, vuông tròn, hay dở, v.v...

Tâm tư người Tây phương thích-hợp với luận lý đơn thuần, hay là hay, dở là dở, không có cái hay dở cùng chung trong một thể duy nhất. Họ khó tưởng tượng được có cái bao gồm được cả vuông tròn, đầy vơi vào một thể...

Lối tư duy đối ứng là tụ điểm hóa-giải đối lập, vượt thoát mâu thuẫn, đưa đến tổng hợp hòa hài (đối lập thống nhất). Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu tượng đối ứng, diễn đạt quan niệm đối lập thống nhất trong tư duy người Việt cổ.

2-4. Tính không chấp: Nước không cố-chấp một hình thức nào, thích-nghì với mọi hoàn cảnh, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, ở ao thì ngưng, ở sông thì chảy. Nước

tiếp nhận tất cả, nhưng chẳng có gì của riêng mình. Nước cũng không chấp vào một thể nào, khi ở thể lỏng, khi ở thể khí, khi ở thể rắn, tùy theo môi trường sống.

Cũng như bản chất bất định hình và bất định thể của nước, dân tộc Việt không chấp chặt một hệ-thống tư tưởng hay một thứ chủ-nghĩa hoặc hệ-thống tín ngưỡng nào. Chính vì thế mà Nho - Lão - Phật tổng hợp hòa hài dưới thời Lý - Trần. Từ cơ sở đó, ông cha cũng ý thức được rằng mọi hành động muốn đạt kết-quả tốt phải biết tùy thời, tùy chỗ, tùy việc, tùy người...

2-4-1. Tinh thần bao dung: Nước là vật có thể thu nhận tất cả, bất cứ thứ gì cũng có thể ném vào nước, dơ hay sạch, bất cứ mùi vị hay màu sắc gì. Cũng thế, dân tộc Việt có tinh thần bao dung “thương người như thể thương thân”,...

2-4-2. Thích nghi, thấu nạp, dung hóa: Nước là vật dễ dàng thích nghi với mọi hoàn cảnh và có thể thu nạp tất cả mọi vật. Nước cũng là dung-môi có thể hòa tan đa số vật thể khác. Thu nạp tất cả, nhưng vẫn giữ bản chất của mình. Mọi thứ ném vào nước đều được nước dung hóa một cách hòa hài.

Cũng thế, dân tộc Việt có tính thích-nghi rất cao, uyển-chuyển và linh động. Hơn một ngàn năm bị Hán tộc đô hộ với một chính sách đồng hóa vô cùng thâm độc, người Việt vẫn là người Việt, nói tiếng Việt và giữ được bản sắc dân tộc.

Dân tộc Việt cũng có tinh thần cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận mọi luồng tư tưởng ngoại lai, nhưng biết hóa giải mâu thuẫn, dung hóa mọi chủ trương cực-đoan để tránh tranh-chấp đối nghịch. Tất cả tinh hoa văn hóa hay đạo học, bất kể xuất xứ từ đâu, từ Ấn Độ hay Trung Hoa, hoặc Tây phương, một khi giao lưu với văn hóa Việt thì những tinh hoa nào phù-hợp với tinh thần người Việt đều trở thành chất liệu phong phú hóa văn hóa Việt.

2-5. Tự do, bình đẳng: Với đặc-tính di động, nước xuôi chảy khắp nơi, tự do len vào bất cứ chỗ nào, tự do thay đổi hình thức, tròn, dài, vuông,...tùy hoàn cảnh, tùy vật chứa và tự do thay đổi thể lỏng, khí, rắn tùy theo môi trường sống. Nước cũng thấu nạp mọi vật một cách bình đẳng, không phân biệt dơ sạch, không phân biệt mùi vị, màu sắc. Tất cả đều bình đẳng trong nước.

2-6. Nhẫn nhục: Ném bất cứ vật gì dơ hay sạch vào nước, nước thấu nạp tất cả mà không có phản ứng. Người nông dân trồng lúa nước học được bài học nhẫn nhục ở sự-kiện thực tế đó. Cái nhẫn nhục mà ông cha muốn nhắc-nhở là cái nhẫn của người trí, nhẫn nhục để thăng-hoa (bốc hơi) không phải nhẫn nhục cho qua ngày. Nhẫn như Rồng tiềm phục ở vực sâu, chờ thời cơ để quật khởi, tung hoành.

2-7. Tính tự nhiên của nước:

2-7-1. Bất tranh: Nước tự do xuôi chảy theo bản tính một cách tự nhiên, không tranh lán, nhưng không gì có thể cản.

2-7-2. Tự nhiên: Nước nuôi dưỡng muôn loài mà không xen vào làm trở ngại sự phát-triển tự nhiên của mỗi vật, để cho mọi vật được sống tự do cái sống của nó, được tự do phát triển bản tánh của nó.

2-7-3. Vô vi: Nước không làm gì mà không có cái gì mà nó không làm, nuôi dưỡng muôn loài. Nước xuôi chảy theo bản tánh tự nhiên, thấu nạp, thích nghi, dung hóa...bốc hơi, không vì lợi, không vì danh, nuôi dưỡng muôn loài mà không kể công,

cứ âm thầm xuôi chảy mãi, gặp chỗ sâu nằm im đó, không giữ gì làm của riêng, có dịp bốc hơi thành mây, gặp điều kiện thích hợp mây trở thành mưa, nước mưa trở lại tinh khiết, thấm vào đất nuôi muôn loài mà không bao giờ đòi hỏi gì. Sự hiểu nghiệm này được thần thoại hóa qua chuyện Thánh Tản Viên và Thánh Gióng với tinh thần “có việc thì đến, hết việc thì đi”.

2-8. Tính bốc hơi (thăng hoa) của nước: Ngoài tính bất định hình, bất định thể, đối lập thống nhất, dung nạp, hòa tan, thích nghi, tự do, bình đẳng, v.v... nước còn có tính bốc hơi, dứt bỏ tất cả, thoát xác mới bốc hơi được cho nên ngoài óc thực tế, tâm hồn người Việt còn có khuynh hướng dứt bỏ danh lợi (như thánh Tản Viên, thánh Gióng), dứt bỏ dục vọng thấp hèn, hướng tới chân - thiện - mỹ, hướng tới những giá trị tinh thần siêu việt vĩnh cửu.

2-8-1. Tự lắng trong, tự thanh lọc: Nước tự thanh lọc, tự bốc hơi, vượt thoát thể lỏng trở thành thể khí, gợi lên hình ảnh tự lực, tự thắng mình để thăng hoa. Tự thắng những yếu hèn, dục vọng, thú tính, ích kỷ, đố kỵ,... còn ẩn tàng trong tâm trí đang làm vẩn đục tình người trong chính mình. Nói cách khác, tự thắng là làm chủ những cảm thụ, những xúc-động, những tư tưởng hẹp hòi, cố-chấp, là làm chủ chính mình. Tự thắng là tiến trình dẫn tới nhân chủ. Đó là điều kiện cần và đủ để nhân tính làm chủ tư duy và hành động.

2-8-2. Trở về với bản chất, trở về nguồn: Nước xuôi chảy, tràn lan khắp nơi, thấm nấp tất cả dơ, sạch, mùi vị màu sắc, trăm sông đổ ra biển không giữ gì làm của riêng, bốc thành mây bay lên trời cao, mưa, nước mưa trở lại (về nguồn) tinh khiết, mát dịu, xuôi chảy êm đềm, thấm vào lòng đất nuôi dưỡng muôn loài.

Người Việt xưa với nghề trồng lúa nước có khái niệm về sự biến dịch tự nhiên của vũ trụ vạn vật muôn loài tuần hoàn không ngưng nghỉ. Sự hiểu nghiệm cụ thể thực-tế đó gợi lên hình ảnh của một bà mẹ sinh sản và nuôi dưỡng muôn loài. Đó là khái niệm đầu tiên dẫn đến con đường trở về với cái một, cái không phân biệt, cái bao gồm cả mâu thuẫn như nước bao gồm cả động tĩnh, cương nhu, lợi hại, v.v... Sự hiểu biết này được thần thoại hóa trong biểu-tượng đối lập mà thống nhất, Thần Tổ Kép Tiên Rồng, cha mẹ chung của dân tộc.



TỔP V
Cảm luận
ĐÀO TRƯỞNG NGÂM
của
Lý Đông A
(Trích Dẫn 10 bài)

① Đạo Trường Ngâm

1- Một vòng không đáy, đáy sinh người
Ngoảnh lại trông đi mấy việt khơi
Thường vậy vô danh vắng-vắng
Mà nay hữu thực bồi-bồi.

Tiết gìn thiên cổ tình khôn dãi,
Óc tính trăm năm, gan dễ phơi.
Khép mở hồng hoang vắn chuyển mãi.
Duy nhiên khoáy động ba nghìn trời.

2- Ba nghìn trời một khoáy thấy đầu
Đám bụi trần ai luống đục ngầu.
Sách hóa trắng tinh không một chữ
Gậy thần đốt trúc có hai đầu.

Sông Thao nước cuốn bên bồi lở,
Núi Tản mây vắn, độ bể dâu.
Đông, Tây một nhẽ xuyên kim cổ.
Vũ-trụ huyền hoàng mỗi Lạc Âu.

3- Mối Lạc Âu gỡ trải bao giờ.
Bơn cát ngàn tre, gió phất-phơ
Trúc lựa đã dày phen trĩ loạn
Son xanh còn chiếu dạ được thua.

Cương thường chấp nối hai kiếp lại
Văn vũ tri trường một nguyện xưa.
Hồn độn đã nhiều công mang mở.
Chôn mây cho mưa nắng hừng-hò!

4- Nắng mưa tâm sự ở trênn đời,
Tạo hóa như không, lọ có trời!
Đồng Trung Hoa đến mang làm cột,
Máy Pháp Lan sang để chém người.

Đạo nghĩa góm cho quân lợm khẩu
Nhân quyền khiếp cả lũ xanh người.
Ngẫm xem muôn vật đều đắc ý.
Rề-rạch Hồng Bàng tính cổ thời

5- Tính cổ thời ngày một đi đi
Trách ai cát củ gọi Hoa Di
Cỏ xanh kia, lấy bạo thay bạo
Gạch tía này, sướng chi khổ chi?

Sự tích thôi dầu hươu quạ
Sinh linh thế ấy phân ly
Xuân Thu ướm hỏi bởi vì vị
Hay bởi Xuân Thu bởi vì vị.

6- Bởi chút vị vì tính lẽ đời
Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi
Giang sơn dựng thuở ai tát bể
Quan lũ gây từ kẻ trụ trời.

Tác giả vô danh là gốc đạo
Noãn bào trăm họ, ấy giềng người.
Đáy dòng nước băng-băng chảy mãi
Chớp bể mưa nguồn nào có ngơi.

7 Chớp bể mưa nguồn kéo khắp miền
Xá chi tám gôi, xá truân chuyên.
Bút nghiên, đèn sách đều sai lạc,
Kim cổ, Đông Tây cũng hão huyền.

Ví biết lửa hương tìm chấp nối,
Là hay vàng đá đã trao truyền.
Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc
Đem cả muôn loài lên Duy Nhiên.



*V*ấn là người (*Le Style c'est l'homme.*), tương-tự, ngôn-ngữ Việt có câu “Người làm sao thì bào-hao làm vậy. ”.

Quả là đúng, qua cuốn “Đạo Trường Ngâm ” cho thấy tác-giả không những là một thi-hào, mà còn là một nhà tư-tưởng cách-mạng thời-đại, thiết-tha với vận-mệnh con người và dân-tộc.

Xưa nay, có biết bao thắc-mắc về vũ-trụ, về nguồn-gốc loài người,.. nhưng hầu hết các triết-gia, đạo-gia hay chủ-thuyết gia, mỗi người mỗi phái đứng trên một nền-tảng khác nhau (không cùng đứng trên nền-tảng người, để giải quyết việc đời, chuyện người) mà sinh ra bài-xích nhau, không có một kết-luận chung, thuận lý hợp tình hợp khoa-học và sáng-sủa cho loài người.

“Quan-niệm cố hữu của người Việt, **“Con người là cái tâm của trời đất ”**, tư-tưởng này cũng tìm thấy ở trong Việt Dịch “Nhân giả kỳ thiên địa chi đức” (người ta là cái đức của Trời Đất), hoặc trong Tượng truyện của quẻ “Thái”: “Thiên địa giao thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tượng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân” (Công việc của trời đất là tạo thiết ra vạn vật, nhờ con người chấn-chỉnh cho thỏa-đáng).

Vũ-trụ-quan của người Việt không phải là vũ-trụ-quan siêu-hình hay thần quyền, mà chỉ là bầu thiên-nhiên chuyển biến do những nguyên-nhân mà khoa-học có thể tìm hiểu được. **Chân-lý về vũ-trụ là phần chân-lý khoa-học. Không có con người, vũ-trụ chỉ còn là vũ-trụ vô hồn, trống rỗng.**

Một vòng không đáy, đáy sinh người.
Ngoảnh lại trông đi mấy vết khơi
Thường vậy vô danh vắng-vắng
Mà nay hữu thực bồi-bồi.
Tiết gìn thiên cổ tình khôn dãi,
Óc tính trăm năm, gan dễ phơi.
Khép mở hồng-hoang vẫn chuyển mãi.
Duy nhiên khoáy động ba nghìn trời...

(Đạo Trường Ngâm)

Chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận-dụng quy-luật “*Vạn vật tương-quan hỗ-tương ảnh-hưởng*”.

Do đó, đất nước, gió mưa vô tình diễn, nhưng qua sức con người thì: *Lúa vàng đồng, nong vàng kén - sáo diều vi-vu dưới trăng thanh gió mát, và thôn xóm, nơi-nơi vang dội tiếng vui cười.*”

Đặt con người làm chủ đạo nhân-sinh, tích-cực phấn-đấu để xây-dựng tư-thế cải tạo hoàn-cảnh, nên mới nói: “*Có trời mà cũng có ta*” (Kiều)

hay “*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều...*”

(Nguyễn Du)

Trong các truyện thần-thoại, thi-ca Việt đều đặt vị-thế con người làm chủ thể cuộc sống, con người làm gạch nối giữa trời và đất. Truyện ông Bàn Cổ không do thần minh, mà tự mình xuất-hiện, phán định âm - dương,

“*Bàn Cổ thủ xuất,
Phán định âm - dương...*”

Ông Bàn Cổ lớn đến đâu thì kích thước vũ-trụ lớn rộng đến đó. Truyện bà Nữ Oa “*đội đá vá trời*” đều đã nói lên vai-trò độc lập và “**Tán thiên địa chi hóa dục**” (con người trợ giúp công che trở của trời đất mà tài-bồi cuộc sống cho con người).

Tinh-thần này chính là tinh-thần “**nhân bản**” và “**nhân chủ**”, chúng ta thường tự

hào nước Việt có gần năm ngàn năm *văn hiến*. Văn là vẻ đẹp, văn biểu-thị cho người . Hiến cũng để biểu-thị cho người, bởi chỉ con người mới có “*hiến*”.

Con người hơn tất cả các động vật khác ở giác-ngộ tính, sáng-tạo tính, xã-hội tính và có lý-tưởng, có mục-đích cho cuộc sống. Cuộc sống tuy thường bị chi-phối bởi hoàn cảnh, luật-tắc, nhưng ý-chí con người lại có thể chuyển biến được hoàn-cảnh, luật-tắc.

Chính Nho không công-nhận quyền đặt-định của thần quyền hay hóa công. Vai người được sánh cùng Trời - Đất (*Thiên - Địa - Nhân, tam tài giả*). hay “Vạn vật đồng nhất thể”.¹

Sự xoay vần của Trời Đất nào ai thấy được, nhưng trần thế thì nhiều chuyện đau thương!

„, Ba nghìn trời một khoáy thấy đâu
Đám bụi trần ai luống đục ngầu.
Sách hóa trắng tinh không một chữ
Gậy thần đốt trúc có hai đầu.
Sông Thao nước cuốn bên bờ lở,
Núi Tản mây vần, độ bể dâu.
Đông, Tây một nhẽ xuyên kim cổ.
Vũ-trụ huyền hoàng mối Lạc Âu...

Khác nào

Trẻ tạo-hóa đành-hanh quá ngán
Chết đuối người trên cạn mà chơi.
Lò cừ nung nấu sự đời,
Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương!...
(Cung Oán Ngâm Khúc)

Tuy nhiên con người được sánh ngang cùng Trời - Đất, càng bị quay-cuồng càng ra sức vẫy vùng,

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
Chỉ làm trai Nam Bắc Đông Tây
Cho phí sức vẫy vùng trong bốn biển...
(Nguyễn Công Trứ)

1-- Đối với Nho học, con người linh hơn mọi động vật (Nhân linh ư vạn vật.). Do đó con người có thể dựa vào những tài nguyên thiên nhiên sẵn có để phục vụ cho đời sống mỗi ngày một tốt đẹp, tiện nghi hơn, do đó mới nói: “Tán thiên, địa chi hóa dục...”

hay: “Ta thay trời mở đất mệnh mông” (Trần Cao Vân)

Vũ-trụ hiện-hữu trên tự mình, tức là “**tư kỷ nguyên nhân**”, và con người không biết rõ đầu, cuối của nó đến cùng cực được, đành chịu “bất khả tri”, hay “**vô nguyên**” (vô cùng nguyên nhân), và cũng trong vận hành của vũ trụ mà sinh ra loài người,.. Cho nên mới nói “Một vòng không đáy,, đáy sinh người” ...

Do đó, vũ-trụ là một thực-thể, tự nó hiện-hữu và sinh-động từ một lực ở tự thân nó. Nói cách khác mọi vật (thực-thể) đều là **tư kỷ** và **tư hữu nguyên nhân**. (Tư = cái riêng, kỷ chính mình. Tư kỷ = cái bản thể riêng, ý-niệm . So-sánh với Âu-châu, tư-kỷ có thể dịch là **Ego**..)

Giống như Phật học đã ghi lại: Đức Phật khi mới sinh đã đi 7 bước đầu tiên, đã chỉ tay và phát biểu: “Thiên thượng địa hạ, duy “**ngã**” độc tôn.” Ngã đây là “chân ngã” hay “đại ngã” tức là bản-thể vũ trụ, mà con người là “tiểu vũ-trụ”.

Tương-tự, Thiên Chúa giáo có nhắc lại lời Chúa: “Ta là bản thể của mọi vật thể” (Je suis Être des êtres) (Ta là bản-thể của mọi bản-thể).

Sách hóa 3 tờ trắng chỉ dĩ vãng - hiện tại và tương lai có hay không là do nơi người; Gậy thần 9 đốt, chỉ nắm ở đốt 5 (nắm trung đạo), khi quay gậy thành vòng tròn, và coi như cầm vững tâm điểm.

. . .Mối Lạc Âu gõ trái bao giờ.
Bờn cát ngàn tre, gió phát-phơ
Trúc lựa đã dày phen trĩ loạn
Son xanh còn chiếu dạ được thua.

Cương thường chấp nối hai kiếp lại
Văn vũ trĩ trường một nguyện xưa.
Hồn-độn đã nhiều công mang mỗ.
Chồn mây cho mưa nắng hừng-hò!...

(Đạo Trường Ngâm)

“Sách hóa ba tờ trắng tinh, và Gậy thần chín đốt”, do trong huyền-thoại “Thánh Tản Viên”.

Một hôm đi ra rừng, bà Man Thị thấy một trẻ sơ sinh nằm trên lá, được chim tha mỗi và hồ cho bú. Bà mang về nuôi, đặt tên là Kỳ Mệnh. Lớn lên, mẹ nuôi già yếu, Kỳ Mệnh ra rừng hái củi về bán lấy tiền nuôi mẹ cho tròn chữ hiếu. Một hôm ra rừng đốn củi, thấy một cây gỗ to, cành lá rườm-rà, ước được nhiều củi, liền quyết định hạ. Lấy rìu đốn gốc, suốt cả ngày, cây gần đứt thì trời tối. Kỳ Mệnh bỏ về nhà, định hôm sau ra chặt nốt. Hôm sau ra thấy cây liền gốc như cũ, Kỳ Mệnh lại chặt lần nữa; ngày tàn mà cây chưa đứt hẳn. Lại bỏ về như hôm trước. Song ngày hôm sau ra vẫn thấy cây liền gốc như cũ. Rất lấy làm lạ mà trời lại tối quá, bèn tìm đến hốc đá gần cây nằm nghỉ đợi sáng ra tiếp-tục công việc dở-dang. Nửa đêm thấy một bà già, tóc bạc phơ, y phục như sương tuyết, cầm một cây gậy chỉ vào chỗ cây đã chặt. Bà đi quanh gốc cây, chỉ đến đâu cây lành đến đó, Kỳ Mệnh bèn chạy ra, níu lấy vạt áo bắt đền.: “Tôi nhà nghèo phải đốn củi bán nuôi mẹ, đã mấy ngày chặt cây không xong vì Bà đã ngăn-trở tôi, mẹ con tôi sẽ đói, xin đền trả công.” – “Cây này là nơi ta trú ngụ. Ban ngày ta đi chơi, tối về thấy bị phá. Ta biết đâu là con muốn chặt. Con là người hiếu nghĩa lại kiên tâm trì chí, và thông minh. Ta cho con cây gậy này, con có thể dùng vào nhiều việc để cứu đời, vừa nuôi mẹ, nuôi thân được.”

Gậy có đầu đen là đầu tử, điểm tới có thể làm cho kẻ ác đau khổ hay tiêu tán. Gậy có đầu đỏ là đầu sinh; chỉ đầu sinh vào vật nào mới chết, hay bệnh tật, có thể làm vật đó sống lại hay khỏi bệnh. Nay tên con là Nguyễn Thông, con khá dùng cây gậy cho có ích.

Khấu đầu tạ ơn. Nguyễn Thông về. Giữa đường thấy một con rắn nước trắng, mà kẻ chần trâu mới đánh chết. Nguyễn Thông bèn lấy gậy ra. Đem đầu gậy đỏ đặt lên đầu rắn, rồi rà đến tận đuôi, con rắn lành vết thương mà sống lại. Góc đầu nhìn người cứu nạn, rồi vội trườn mình xuống suối bơi đi mất dạng. Nguyễn Thông mừng thấy gậy có linh nghiệm. Ra về, và từ ngày đó dùng gậy để chữa bệnh cho dân làng, nhờ đó mẹ con sống ung-dung.

Rồi một sớm kia, có đoàn người rất đông đi vào phía lều mẹ con Nguyễn Thông. Người đi đầu là một chàng trai quần áo trắng lóa như bạc dát. Mũ cần ngọc, da ngăm-ngăm màu nước, môi thắm sắc san hô và mắt long-lanh tia sáng nhanh như lửa chớp. Chàng ta bảo tùy tùng đứng xếp một hàng ngoài ngõ, tiến vào trước mặt Nguyễn Thông tự giới-thiệu: “Tôi là con trai út Long vương, đi chơi quá bước lên trên cạn, chẳng may gặp nạn đến chết, may nhờ anh ra tay cứu mạng. Trình với vua cha, người cho tôi mang chút ít lễ vật tới tạ ơn anh cùng kính biểu mẹ già. Người lại có ý mời

anh xuống thăm thủy phủ để người được gặp mặt, và để biết bậc anh tài.”

Nói rồi hoàng tử Long phủ ra lệnh cho bọn người dẫn lễ vật vào, mở nắp quả ra bày lên chõng tre. Từ những quả đó, thoảng bay mùi long duyên hương với các vị thuốc quý, trân châu, san hô, sáng lóa cả nhà. Vị hoàng-tử giới-thiệu từng món . Với các công-dụng và giá-trị diệu kỳ. Nguyễn Thông từ-chối cho rằng công không xứng với của. Song hoàng-tử ngắt lời: “Không phải thế! Đây mới chỉ là một phần nhỏ để đền ơn trong muôn một, vì anh đã cứu nhiều người trần thế mà không bao-giờ nghĩ đến công lao. Những vật này có thể trước là giúp mẹ già có được đủ thứ cần-thiết khi anh đi thăm thủy phủ mà vắng nhà. Sau là giúp anh có đủ phương tiện cứu đời. Đức Long vương còn muốn tặng anh nhiều thứ quý nữa. Nhưng anh nên nhớ trước mặt người, anh chỉ nên xin quyển sách không có chữ nào. Anh mới là người xứng-đáng dùng quyển sách đó.

– Nay anh xin phép mẹ già và gấp thu xếp việc nhà, ta vội-vã đi kẻo muộn.” Nguyễn Thông đành cúi nhận cả phẩm vật lẫn lời mời. Xếp vội việc nhà, xin phép mẹ và xách gậy ra đi theo hoàng-tử Long cung. Gió cuốn mây bay đưa đoàn người đi nhanh. Tới biển Đông, hoàng-tử dang tay rạch nước ra làm đôi. Tạo nên một con đường đi xuống phủ Long vương. Được một quãng đã thấy cá voi, cá mập chờ sẵn, mỗi người ngồi trên lưng mà đi sau những loại cá màu sắc lộng-lẫy tỏa ánh sáng ngời, mỗi bước đi là gặp một điều mới-mẻ lạ-lùng thích-thú đến say mê, Nguyễn Thông không hết lời ca ngợi.

Đến Long phủ, Nguyễn Thông đã thấy đức Long vương đứng chờ sẵn nơi thêm ngọc, áo mào huy-hoàng. Theo lời giới-thiệu của hoàng-tử tiểu vương, Nguyễn Thông làm lễ triều kiến. Sau đó, đức Long vương ban yến và rất hài lòng về diện-mạo và đức-độ của Nguyễn Thông.

Long vương cho phép chàng tự-do đi du-ngoạn khắp nơi thủy cung và muốn lấy gì cứ việc tự tiện. . Nhận Nguyễn Thông là con, và đặt tên là Nguyễn Tuấn.

Tuy vui, nhưng ở lâu nơi thủy cung Nguyễn Tuấn nhớ mẹ. Nhớ dương gian nên xin phép trở về. Long vương bằng lòng và thấy Nguyễn Tuấn trở về tay không, liền hỏi: “Thủy phủ của ta không có gì đáng cho người vừa ý mà lấy sao? Thấy vẻ mặt Long vương nghiêm-nghị và lời nói có vẻ trách-móc. Nguyễn Tuấn quy thưa: Con thấy cái gì nơi thủy phủ cũng rất đẹp, rất quý. Song sức không sao lấy mang đi hết được, nên con chỉ ước sao được **quyển sách lựa bạch** đặt nơi bàn thờ ở hậu cung, nhưng sợ không dám lấy, mà cũng không dám xin, e làm phật ý vương phụ. Sau một hồi suy nghĩ, Long vương mỉm cười:

“Đó là **quyển sách ước vốn không có chữ**, song ai có lòng trong dạ sạch, trí sáng mà dốc sức nguyện cầu thì muốn gì được nấy.” Con thông-minh đức-độ, đủ sức gìn-giữ và xứng-đáng được dùng sách ấy. Ta bằng lòng cho con. Nguyễn Tuấn! Con khá dùng quyển sách, bày hương án làm lễ rồi tự tay Long vương cầm ban cho Nguyễn Tuấn. Tay cầm gậy, tay cầm sách, Nguyễn Tuấn cảm tạ Long vương, theo chân hoàng tử Long hầu đưa tiễn. Cả hai leo lên lưng cá voi ngồi mà trở về trần thế.

“Một hôm để thử xem quyển sách linh ứng ra sao, Nguyễn Tuấn tắm gội, trai giới rồi để sách trước mặt, đặt tay lên mà dốc lòng khấn cầu : - Ước gì có một cánh rừng ngay gần nhà. Vừa ước nguyện, vừa lần trang sách, tiếp theo đó đất rung, núi chuyển và một cánh rừng rậm-rạp phủ quanh nhà.

“ Vừa sợ-hãi vừa mừng vui, Nguyễn Tuấn định đi xem xét thì thấy khu rừng bít cả lối đi, bèn trở vào ngồi tĩnh trí đặt tay lên sách mà ước: - Ước gì có lửa đốt hết cây trên đường đi ra sông để lấy nước, tức thì lửa bùng-bùng nổi lên, đốt cháy cây

cỏ để lộ đường đi rộng lớn đến bờ sông.

“ Từ đó biết dùng **sách ước, gậy thần**, Nguyễn Tuấn ngày-ngày đi hành đạo, cứu dân độ thế.

Ta thấy :“ Khi vào xã hội người mới định phận và **hữu danh**, mà danh lại thay đổi mấy lần theo thể sống. Song danh đã biểu-tượng rõ bản-chất NGƯỜI khác người thường: Một đời sống lạ: **Kỳ Mệnh**, một người trí hiểu biết đến thông được với thần; **Nguyễn Thông**, một người tài xuất chúng, ngang thần thánh; **Nguyễn Tuấn** dù với danh nào, Nguyễn Tuấn vẫn đứng trên căn-bản NGƯỜI mà hành-sử giữa thế nhân với thế nhân (nhân bản, nhân chủ) gặp tiên với bao vật lạ, vẫn giữ thế NGƯỜI mà bất đền công không sợ. Gặp thánh (Long vương) với bao nhiêu giàu sang vẫn giữ thế sống của con NGƯỜI, không quá mê tham mà vong bản thế trần. Gậy thần, sách ước trong tay sử- dụng mà không lạm-dụng, nên **vô kỷ**. Giúp đỡ mà không kể ơn ấy là **vô công**, đi hay về nhẹ-nhàng không lưu-luyến, không gập vội như một bóng **vô danh**.

Tiên tự hiện-hữu ở lẫn thiên-nhiên. Tiên vốn có phép mầu-nhiệm, cây đã dẫn mà còn làm cho lành, lấy trí mà thử-thách, lấy tình mà điều-khiển. Biết rõ người tài đức thì trao gậy thần, chỉ bảo cách dùng êm-đềm mà người gan-dạ cũng tuân theo.

“Phép mầu của Tiên đã cứu Rồng. Thế ra Rồng tuy thuộc vào Tiên.

Long vương vốn tự hiện hữu, vốn hữu vi mà vô vi, mỗi việc mỗi suy-xét đắn-đo. Song suy-xét đắn-đo và làm tự-nhiên như nhiên, của cải giàu có là do thu vén xếp-đặt mà có cung điện, có kẻ phục-tùng, tuy thế chính bản thân còn phải quý trọng.

Qua huyền-thoại, ta thấy:

Cả câu truyện xây-dựng trên âm dương học, căn-bản của Kinh Dịch. Âm dương là bản-thể của vũ-trụ. Thời vị là điều-kiện thiết-yếu cho âm dương vận-động; luật tương sinh, tương khắc với ngũ hành, tương quan, tương đối là điều-kiện đầy đủ để âm dương sinh thành vạn vật. Âm dương vốn là hai khí, là hai nguyên-động-lực tương-quan, tương-đối, tương thối, tương phản, tương sinh, tương khắc mà cũng bị tương hòa, tương hợp. Khi nào âm dương tương đối, cân bằng thì hòa-hợp mà yên bình. Khi nói âm dương tương thối, tương khắc mà chênh-lệch thì ly loạn.

“Câu chuyện tỏ rõ những điều vươn lên cao, bày tỏ rõ ra, thuộc tượng dương là nơi bà Tiên thuộc tượng âm trú ngụ. Ấy là dương hàm âm. Bà Tiên ngày đi xa vắng, đêm mới hiển-hiện. Đêm thuộc thái âm, hàm tráng âm, lực âm đang thời hoạt-động mạnh. Bà Tiên thuộc âm có gậy thần thuộc thiếu dương, cái mầu của hoạt-động tương-lai. Gậy thần theo truyện có hai đầu, đầu sinh thuộc dương và đầu tử thuộc âm. Cũng theo truyền-thuyết, gậy thần gồm chín đốt. Người điều-khiển gậy thần nắm đốt giữa, để có sự cân bằng tương-đối. Như thế mới làm chủ được luật tương sinh, tương khắc, tức là sự hiệu-nghiệm, của sức mạnh, của hành sự ngụ trong gậy đó. – Như thế gậy thần khi ở thể tĩnh là một thể nhất quán thuộc thiếu dương. Khi ở thể động thì gồm hai phần: tráng âm tráng dương, tương đối cân bằng sẵn-sàng đi vào hành-động. Khi tác-động thì sức lực của cả chín đốt dồn vào có một đốt để hoặc tương thối, tương hợp hay tương phản mà chế hóa lẫn nhau theo như ý của người cầm gậy.”

“Sống trong xã-hội người, tất phải đấu tranh để sống còn, tiến nổi hóa. Đấu tranh phải có lý-tưởng và mục-đích. Mối tương quan và thống nhất là “Vũ-trụ - xã hội và tư-tưởng”. Con người không thể nào sống ngoài thiên-nhiên và xã-hội. Con người nhờ có tư-tưởng nên có thể biến cải thiên nhiên và xây dựng xã hội ngày một tiến.

(Mẫn Cầu)

Mối hòa-đồng giữa con người với thiên-nhiên đã được diễn-tả qua ca-dao:

*Gió vào ve-vuốt má đào;
Má đào quyện gió, lối nào gió ra?
(Ca Dao)*

Thiên-nhiên mang tình người, lòng người trải rộng vào thiên-nhiên

*Vì sương cho núi bạc đầu,
Vì chưng gió thổi cho rêu-rĩ hoa!
(Ca Dao)*

Thiên-nhiên, cây-cỏ cũng lây nét lãng-mạn, tình-tử của con người:

*Vì mây cho núi lên trời,
Vì cơn gió thoảng, hoa cười với trăng.*

hay *Non xanh bao tuổi non già?
Vì chưng sương tuyết hóa ra bạc đầu!
(Ca Dao)*

Xã hội được tổ chức chặt-chẽ, đầy đủ chứng-tích lịch-sử.¹ Đó là xã hội Âu Lạc của người Việt.

“Dấu-tích thành Cổ-Loa, kho tên đồng hàng vạn mũi đã tìm thấy ở Cầu-Vực (Cổ-Loa) không những là nguồn giải-thích cho truyền-thuyết nỏ thần mà còn là dấu-tích của một công-trình quân-sự, và liên-quan đến tổ-chức một đội quân hùng mạnh, quy-mô với tầm-mức một quốc-gia dưới một thể-chế trung-ương chặt-chẽ hơn thời Hùng. Có như vậy, quân-đội thời An-Dương Vương mới đủ khả-năng chặn đứng nhiều cuộc tấn-công quân-sự của Triệu-Đà, khiến Triệu-Đà phải dùng gian kế mới chiếm được Âu-Lạc.

Thời-Đại An-Dương Vương tuy ngắn-ngủi nhưng đã đánh dấu bước chuyển mình lớn trong lịch-sử Việt. Từ tinh-thần thái-hòa của một quốc-gia thuần-túy nông-nghiệp chuyển sang ý-thức dân-tộc thống-nhất chống ngoại xâm; từ cơ-cấu tổ-chức chính-trị “lạc-chế” (Trung-ương điều-hợp - địa-phương phân quyền) ở đời Hùng sang triều Thục, thể-chế trung-ương chặt-chẽ hơn.

*. . .Nắng mưa tâm sự ở trên đời,
Tạo hóa như không, lọ có trời!
Đồng Trung Hoa đến mang làm cột,
Máy Pháp Lam sang để chêm người.
Đạo nghĩa góm cho quân lợm khẩu
Nhân quyền khiếp cả lũ xanh người.
Ngẫm xrm muôn vật đều đắc ý.
Rê-rạch Hồng Bàng tính cổ thời ...*

(Đạo Trường Ngâm)

Có lịch sử nào bi thiết và oai hùng hơn lịch sử Việt ? Tìm về lịch sử nhân-loại và dân-tộc, có dân tộc nào chịu đựng những tội ác của loài người nhiều hơn và lâu dài hơn là dân tộc Việt? Có người Việt nào không cảm thấy trong lòng những đau thương và tủi nhục của chính mình và đồng loại?

1- Mời đọc Hai Triều Hùng Thục Sử Luận của cùng tác giả, xuất bản năm 2017.

Chúng ta cần phản tỉnh và tự hỏi: “ *Trải 5000 năm nòi giống chưa bị diệt vong tất phải có một lẽ gì? và phải có việc gì để làm?*”

Trong phạm vi dân tộc Việt, chúng ta hãy tiếp hợp truyền thống 5000 năm của dân tộc, truyền thống đấu-tranh bằng *dân tộc cách mạng* với tinh-thần hiện-đại, hoàn thành một cách mạng cho dân tộc trên con đường đi lịch sử và thăng tiến. Kinh nghiệm cho thấy, trên phương diện chính trị, đi mượn các tư tưởng ngoại lai nếu không phù-hợp với sinh-mệnh dân tộc như các tư-tưởng Tống Nho, Thanh Nho, Mác Lê, v.v.... đều di hại cho đất nước.

Dân tộc ta đã từng lịch-lãm:

* Hơn 1000 năm Bắc thuộc, các thứ-sử và thái thú thời Tây Hán đến Minh triều,... Dù mềm-dẻo hay tàn bạo đều thực-thi chính sách ***tiêu diệt và đồng hóa dân Việt***. Các thái thú nham hiểm như Nhâm Diên, Tích Quang và Sĩ Nhiếp, họ khôn ngoan dùng thủ đoạn võ-về dân chúng hầu dễ-dàng làm thay đổi phong-tục, tập-quán mà họ tự nhận là khai hóa cho dân Việt! Chính sách đồng hóa từ Hoàng Đế kế truyền đời này tiếp đời khác, thực-hiện song song qua hai hình thức:

- Tiêu diệt dân bản xứ bằng phương-pháp thống trị rất hà khắc.
- Di dân chiếm đất.

“*Trung tâm quy luật của lịch sử Tàu là “**Hữu đức giả hữu thổ**” (có đức tất có đất đai), hữu đức ở đây phải hiểu theo kinh sử Tàu là “lấy tài hóa thu nhân tâm chứ không phải đạo đức”.* Cái quy luật này phối-hợp với ý chí dân Hán là “**Hưng Hoa, diệt Di**” để hình thành một lịch sử xâm lược... Chúng tộc được suy diễn theo lối “**Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân**” (ba năm giáo dưỡng, tất sẽ thành dân Tàu), văn hóa được suy tiến sau chúng tộc, tiếp là kinh tế (***hữu đức giả hữu thổ***), và sau cùng là chính trị chiếm lĩnh “**Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ**” (Trong thiên hạ, không chỗ nào là không thuộc đất của vua Tàu), tất cả đều phục tùng dưới lưỡi lê “**Nhưỡng Di dịch, phạt Man Khương**”!

Dã tâm tiêu diệt dân tộc ta đã thể-hiện một cách quyết-liệt - sau khi đánh bại hai bà Trưng, Mã Viện đã thu lượm các trống đồng của dân Việt để đúc một cột đồng, khắc sáu chữ “**Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt**” (Cột đồng gãy, dân Giao Chỉ diệt vong- Sau này, thời Pháp thuộc, để uy-hiệp tinh thần kháng Pháp, chính quyền bảo-hộ Pháp đã mang mảy chém người sang nước Việt (Máy Pháp Lan sang để chếp người) . Ôi ! Gớm thay cho văn minh Dân chủ và nhân chủ của Tây Phương!

Về thời Bắc thuộc, chỉ cần thể-nghiệm cái sâu hận đời Tống và triều đại Minh đủ để biết cái dã-tâm của Tàu.

Will và Ariel Durant đã viết trong cuốn “*Lịch Sử Trung Quốc*” cho rằng sự phát-triển của lịch sử Trung Quốc trải qua hai giai-đoạn hướng tiến của Hoa tộc thời thượng cổ là từ Tây sang Đông, còn từ nhà Hạ trở về sau là từ Bắc xuống Nam của đế quốc Trung Hoa...

Với lối tư duy phân tích của văn hóa du-mục, Hoa tộc đã nhanh chóng chi-tiết hóa, hệ thống hóa và phong-phú hóa tình-hoa của văn-hóa nông nghiệp trồng lúa nước, phát-triển thành nền văn-hóa tổng-hợp du-mục + nông nghiệp với một lâu-dài trí thức đồ-sộ, rồi đến lượt Hoa tộc phát-huy ảnh-hưởng trở lại các dân-tộc phương Nam...

Trong cuốn “*The Birth of Vietnam*”, Keith Weller Taylor đã viết :

“ *Mười thế-kỷ nô-lệ, người Việt đã thực chứng dã tâm thống-trị cũng như linh-hội những điều hay, lẽ phải của Tàu, dân tộc Việt vẫn có thể tiếp-nhận, thưởng-thức những áng thơ Đường, nhưng vẫn sẵn-sàng chiến đấu bảo-vệ quê-hương mỗi khi bị xâm-lãng.*”

Lịch-sử Việt trải dài bao nhiêu vinh nhục để dân tộc được sống còn trước một đế quốc hùng mạnh trên địa cầu. Chính sách của **người Tàu không bao giờ từ bỏ tham vọng đô hộ Việt Nam**. Suốt chiều dài lịch sử qua 10 thế kỷ, Việt Nam đã tạo dựng cho mình một tinh-thần dân tộc và một nền tự trị đối đầu được với mọi manh tâm, và tham vọng của người bạn láng giềng. Tinh thần quyết tâm sắt đá này được un đúc, nung nấu qua ngàn năm đô hộ của phương Bắc. Nó bắt rễ từ tâm hồn và ý chí dân Việt không muốn mình trở thành người Hoa, hoặc chư-hầu của một đế quốc to lớn kia. Tổ tiên Việt biết nhận thức về cơ-cấu quốc gia, biết xây-dựng nền triều chính, có vua quan, và một xã hội với các giai tầng rõ-rệt, quán-quít, thân-thiết với nhau trong tương quan quân thần, huynh đệ...”

Ai thương-xót, ai cứu khổ, cứu nạn cho dân Việt ?!

-“Nghĩ mình, mình lại thương mình xót-xa!”.

Chỉ có sự “phản tỉnh sâu-sắc, mình phải tự cứu lấy mình trước;

“Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người cùng một gốc phải thương nhau cùng.”
(Ca dao)

Không ai thương mình hơn là chính mình, cha mẹ mình, ông bà mình, tổ tiên mình.

II Chính Khí Việt

Một ngày lạnh, nước người không tri kỷ

Ta vỗ án thét thành ca chính khí

Đông thê-thê như gió thổi u hồn

Thấu suốt tận lòng người trong cốt tủy.

Lòng sống chết, buồn vui bèn nổi dậy,

Thoắt lăm-le giục lòng người chọn lấy

Năm ngàn năm làn máu bén dạt-dào

Sóng lớp-lớp rộ ba tuần thuở ấy.

Tiếng vang-vang như thần kêu, quỷ hét

Trời ngập-ngập tựa quân khiêu, tướng thét

Gọi quá khứ, vị lai những u hồn

Muôn ngàn đời linh thiêng không sống chết.

Nước Mê Linh trắng thu còn vắng-vắng

Sông Bạch Đằng sóng vỗ thuyền cắc-cắc.

Non Chi Lăng gió cuốn rừng cung đao

Đồng Đống Đa xương người phơi man-mác.

Thuở “Sát Thát” chàm vai thê Đẩu xuất

Ngày “Bình Ngô” nổi cờ không khuất tất

Khi Cần Vương nhỏ mặt lũ gian hùng

Lúc cứu quốc vòng bên lao uất-uất.

Thà làm ma nước Nam, không vua Bắc

Đầu chẳng còn quyết không đường dóc tóc

Lửa đốt mình không phụ nợ non sông

Giây thắt cổ cho tròn trung nghĩa.

*Muôn ngàn đời linh-thiên không sống chết
Những trung hồn xưa, nay, mai oanh-liệt
Mở nguồn sống xưa, nay, mai nước nôi
Muôn ngàn đời đạt-dào chính khí Việt.*

(Lý Đông A)

Trong “Sử Hồn”, nhà tư-tưởng Việt, Lý Đông A đã viết: “Tất cả những tài năng đạo đức chỉ là hương thơm của đóa hoa “Nhân Ái” nở mãi không tàn. Nhân ái một khi được sáng-suốt viễn kiến, chế-độ hóa, thực-tiến hóa, quy-cử hóa mới chân-thực là nhân ái, có thực-hiện thực thể cho loài người và vũ-trụ. Đóa hoa nhân ái là cả một kiến-trúc lũy-lừng của lý-tưởng, cái lý-tưởng lập thể của nhân-loại. Đóa hoa nhân ái thấm vào thấu suốt mỗi sinh-mệnh làm những tiếng gọi sử mệnh, tiếng gọi vô thanh, vô hình. Chỉ có hương thơm, hương thơm của nhân ái. Nhân ái mà cũng đến bị bài-xích, bị lợi-dụng, bị chiêu-bài, bị đầu-cơ, thôi hết cả! Mà đến thế, trời đất mà đến thế! Ai là những người kỳ ưu thiện ý?

Đóa ái hoa còn là đóa trí-tuệ hoa. Bây giờ ta mới chân-thực hiểu thế nào là sinh tri. Sinh tri chẳng phải là nghiêm-ngặt và ấu-trĩ để ra đã biết, biết từ mới để. Sinh tri là trí-tuệ tự sinh, sinh ngay bằng sự bừng nở của trí-tuệ. Chữ giác-ngộ của Phật cũng một ý ấy. Tịch chiếu, hội-quan, quán-thông, quán-tưởng, trầm-tưởng, mặc-khải, đều là những thuộc-từ của sự sinh, sự tri. . . Phải có một sinh-mệnh dần-dụa nhựa sống, đầy đầy ánh sáng của xuân tình mới nảy-nở ra cái cơ sinh tri đó được.

Đóa “Ái Hoa” còn là đóa ngữ hoa, giải ngữ hoa, giải hoa ngữ, ngữ giải hoa, hoa với ngữ như sát chặt với nhau trên sự thăng-hoa tuyệt-diệu và tốt bậc của vóc tinh-thần thiết diện, linh-thiên ở những lời hùng-hồn của từ-bi hay của nhân ái hoa là tri-âm hoa với tri-âm ngữ, cái tinh-kết của sinh-mệnh đời-dời, khúc nhạc của vận-động thuở-thuở.

“Vườn xuân của nhân-ái hoa nở đầy lý-tưởng hoa: xuân thu hoa, ái hoa, tri âm hoa, trí tuệ hoa. Tiếng đồn dậy: tri-âm ngữ, đồng-chí ngữ, ái ngữ, lý-tưởng ngữ, vong quốc hoa (Nam thi) phải là nhịp uyển quỳnh, đủ cả tình tang của muôn tiếng...

“Dân-tộc Do Thái đã được lãnh-đạo trong các cuộc cách-mạng dân-tộc, cách-mạng chính-trị, cách mạng Câu Rút là siêu thanh của 89 và 17. Sự thờ phụng đáng tối cao và lý trí trước bàn thờ Tổ Quốc đã cảm chiêu nên lá cờ ba sắc. . .”

“Chỉ có sự vất-vả bằng độc lực với tinh-thần mạo-hiểm và sáng-tạo khi tự mình mới thể-nghiệm thấm-thía được biểu-hiện quyền sống còn, độc-lập, và tư-cách sống còn, chính nghĩa thật đúng-dẫn...

“Một văn-minh mới như đoá hoa tươi-tốt và to-tát sẽ nở bùng ra. Ví như thể nước Mỹ trải qua một thời nôi giống xâm-lược, máu và nước mắt, xấu ác hôi tanh ở trên mồ đồng da nở ra **đóa hoa tháng năm**. Đóa hoa Tháng Năm đó đã sum-sê, phủ kín cái mồ đồng tội ác lịch-sử kia. Đóa hoa ấy bón tưới bằng những chất-tố lịch-sử của mồ đồng đó.

“Tội ác của thực-dân phải đền bù bằng một sự hối hận thâm kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng-phạt mình cho khỏi lớn-vồn cái hình bóng tối-tăm của tội ác cứ lớn-vồn mãi trong tâm hồn. Đó là trường-hợp của 1865, Nam - Bắc chiến tranh cho cái lý-tưởng cởi mở dân-tộc da đen.

“Cuộc chiến-tranh ấy phải là thần thánh chiến-tranh, thuần vì lòng yêu thương, và nghĩa công đạo. Cuộc ấy phải là vị tha chiến-tranh, không tư lợi và không vị kỷ. . . Như còn muốn có chiến-tranh phải ca tụng những cuộc chiến-tranh thần thánh vị tha như thế. . .

“Thần thánh là đại-biểu của lý-tưởng, là hình tượng cao-cả lý-tưởng, cao-cả tuyệt đối, thật là lành và đẹp.

Phải coi tự mình là một vật mình phải thờ-phụng, và nâng lên thật lành và đẹp, đối với người cũng như thế. Nhưng mà lý-tưởng đó vào đời phải trải qua đấu-tranh, sự đấu tranh phải thắng cả tự mình với tất-cả những ác thế-lực nữa. Sự đấu-tranh đó nổ bùng bằng sự phá vỡ ngục Bastille, kiến-trúc của Phong kiến, chuyên-chế, bất đạo đức, bất-bình-dẳng. Bastille tượng-trưng của tội ác. Phá vỡ Bastille là thức-tỉnh dân Pháp với tất cả gậy gộc, xẻng, cày ra hoàn-thành trận Valmy đuổi hết xâm-lãng.. .

“Có những tấm lòng thuần nhân-ái to rộng và lớn-lao, nồng-nàn và chân-thật, cũng không phải là lối từ thiện, cũng không thể đem mua bán ngoài chợ được, ví như khó mà tả cho ra, vì đó là biểu-hiện của Phạm (Brahma), không bờ, không bến, cùng trước, cùng sau,

Lịch-sử Việt được sáng chói đến ngày nay cũng như mãi-mãi về sau là nhờ những gương anh-hùng vô danh cừng như hữu danh - Tất-cả đều là những đóa hoa thơm Bất Tử.

III Xuân Tráng Sĩ

Tráng sĩ hãy ngâm câu:

“Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?”

Cũng bởi vì

Lòng quyết tử tiến lên đường gió bụi,
Hai bàn tay thề phục lại sơn hà.
Thái Bình Dương lấp bằng nguồn tử nhục
Lấy máu đào rửa sạch máu yêu ma.

Thế cho nên

Tráng sĩ hãy cùng ta, tay cầm tay
Thu năm hồ đúc lại một hồ say
Đêm xuân đầu với rượu nồng, pháo nổ,
Hãy vui đi cho đỡ buồn xa Đất Tổ
Rồi ngày mai, từ ngày mai
Lý tưởng Việt như trời xuân sáng tỏ
Chép sử Việt, ánh sương phơi màu đỏ
Tráng sĩ cầm thanh gươm của Ông, Cha
Phần hồn xưa, giết giặc đòi lại nhà

Tráng sĩ hãy tiến lên

Những xâm lược, bóc lột hại sinh linh
Những buôn dân bán nước cầu tư vinh
Hãy giết sạch chó gờm tay sợ ác
Cho trong trắng nòi con Hồng cháu Lạc.

Rồi ngày mai

Rồi ngày mai thắng nghĩa tiếng ca

Sẽ vang lừng đây đó quốc-gia

Và tráng sĩ lại cùng ta cùng hát

Câu “Sát Thát”, “Bình Ngô” của ông, cha.

Từ thuở nọ
“Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan.”
Súng nổ ran!
Pháo nổ ran!
Cùng hân hoan!

(1942) Lý Đông A.

*Hồn lịch sử sống trong giây nguyên ước
Vẫn chu lưu, tồn tại há phong sương...?*

(Đạo Trường Ngâm)

“Cành lau bắt đầu tham dự vào lịch sử dân tộc từ thế kỷ X, một vận hội mới và cũng là một phục hoạt lớn lao của Hồng Lạc, khởi dựng nền độc-lập và thống-nhất cho quốc-gia Việt.

Cành lau điểm trên không và thời-gian một ý-nghĩa và giá-trị tuyệt-vời, ý-nghĩa và giá-trị sống đó đi-đôi với sứ-mệnh và lý-tưởng của hồn sử Việt.

Quốc hiệu “Đại Cồ Việt” xuất-hiện với “cành lau, xung-động tự đáy hồn để phát tiết ra hết thảy thực-thể lý-luận của dân-tộc. Cành lau dễ mọc và dễ sống trên đồng lầy, giữa thôn quê, trong bãi vắng, đi-đôi với đời thiếu-niên thanh-khiết của Đinh Bộ Lĩnh.

Cờ lau là cờ của hồn cũ tỉnh lại, hồn và sóng đáy cuộn lên, cờ của giống nòi Đại Cồ Việt, nối dõi thế-hệ dân-tộc.

Cờ lau khơi mở đời sống mới, đời sống anh-hùng về tương-lai, đã thắng hết cả và cõng mở cháu con bằng vinh-quang vô thượng. Cờ Lau là cờ của một thế-hệ sinh ra để dựng một văn-minh Vạn Thắng.

Cho đến ngày nay, trên bãi hoang, nơi thôn-dã, những cành lau phe-phẩy trước gió, còn nhắc lại thuở oai-hùng, tất-cả những sống còn oanh-liệt cũ, và đến ngày nay, đã vi-vu vắng-vắng những tiếng gọi xa-xăm, dần-dà gần lại, lạnh-lãnh vào bộ óc và cõi lòng chúng ta, thức-tỉnh trong đáy hồn và đáy tầng cuộc phục-hoạt lớn-lao và vẻ-vang...

Mạnh Tử xưa có nói: “Trời sắp giáng đại mệnh cho ai, tất bắt người đó phải ọc mồi, gân nhừ, tim héo, phổi mòn, đủ chiều khốn-khổ, bách chiết thiên ma, làm cho người đó động lòng đứng dậy mà lớn lao lên.” Cho nên người nào đi tìm lẽ sống cho dân-tộc đều phải nan hành khổ hạnh. Người đó phải là “Thắng Nhân” đã. Người đó phải thắng chính mình, rồi mới có thể thắng được mọi ngoại vật, Có được vậy mới có thể đem lại chân hạnh phúc cho mình, cho dân-tộc và một **xuân thu hoa** cho nhân loại.

“Phải đối phó với một kẻ thù sát nách, vừa đông vừa mạnh gấp nhiều lần, chúng luôn-luôn nhòm ngó đất Việt chúng ta như hổ đói rình mồi. Các triều-đại xưa kia chỉ cần thiếu cảnh-giác đôi chút là có thể tạo cơ-hội cho chúng thừa cơ xâm-lược.

“Trong lịch-sử kháng-chiến của dân-tộc ta, không thiếu gì những trận đánh làm cho quân giặc “thất điên bát đảo” vào những buổi “Sát Thát”, Bình Ngô, Dẹp Thanh, Phá Tống do những tướng tài dưới sự lãnh-đạo của các vị anh-hùng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v...

“Quá trình lịch-sử Việt đã cho thấy: suốt một ngàn năm bị Tàu đô-hộ, với chính-sách cai-trị tàn bạo, tiêu hủy đền-đài di-tích lịch-sử, cộng thêm ý đồ thâm độc, chủ-trương Hán hóa. Để được tự-do và có chủ quyền cho vận mệnh mình, và cho dân-tộc. Không đổ máu, tuyệt không xoay chuyển được thời-đại.

Cuộc đấu tranh sống còn của dân Việt với nòi Hán được thể-hiện rõ trong sáu chữ: “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt”. Người dân Việt ý-thức được và bảo nhau cứ đi ngang qua cột đồng của Mã Viện thấy một cục đá dưới chân đồng trụ thì không thể nào diệt được dân Việt, nó càng thể-hiện lòng yêu nước thương nòi của dân-tộc Việt.

Lịch-sử Việt đã chịu biết bao vinh nhục để dân-tộc được sống còn. Nhờ tinh-thần dân-tộc và lòng quyết tâm sắt đá được un-đúc. Tinh-thần này đã bắt rễ trong tim óc, trong tâm-hồn và ý-chí của tổ tiên chúng ta, và tất cả con dân nước Việt chỉ vì không muốn trở thành dân Tàu.

Chúng ta có thể tự hào và hãnh-diện rằng: Chưa có dân-tộc nào đau khổ và nổi bật hơn lịch-sử dân Việt về sức mạnh chiến-đấu cho nền độc-lập tự chủ của mình. Một ngàn năm bị Tàu đô-hộ là một ngàn năm tranh đấu sống còn cho dân-tộc. Dân Việt vẫn bảo-tồn được gia-tài văn-hóa, ngôn-ngữ, và truyền-thống bất-khuất của Tổ Tiên.

Việt vẫn là Việt, Hán vẫn là Hán, điều đã làm cho nhiều sử-gia cũng như những nhà nghiên-cứu cổ học, sử học trên thế giới phải ngạc-nhiên, và cho đó là phép lạ không thể nào giải-thích được.

Xuân Thu Hoa

Chi Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng ngày trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn-hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi hương

“Đinh Tiên Hoàng khi cờ lau Vạn Thắng
Trần Hưng Đạo khi Vạn Kiếp chi cơ
Lê văn Hưu khi chép pho sử thặng
Hàn Nguyễn Thuyên khi đọc tế ngư tồ.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi hoa

‘Lê Thái Tổ khi Bình Ngô Đại Cáo
Còn non sông anh khí vẫn bàng-bàng
Lê Hồng Đức khi vườn Quỳnh chính giáo
Còn non sông nắng hóa vẫn chang-chang.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi quang

Nguyễn Quang Trung khi bình Thanh thệ chúng
Nguyễn văn Thành khi chén rượu diếu tang
Phan Sào Nam khi chép pho vong quốc
Còn là hồn Đại Việt sống vô cương.

Đại Việt chi ký

Xuân thu chi hương.

(Xuân Thu Hoa/ XY Lý Đông A)

Người Tàu, một sắc dân tự coi mình như một trung-tâm tinh-hoa văn - hóa dưới gầm trời, thế mà giáo sư W.J.F. Jenner đã khẳng-định trong *The Roots of China's Crisis*", trang 26:

“Trung quốc không có khái-niệm công-dân vì từ đời nhà Tần dân-chúng đã thừa-hưởng một khái-niệm duy chính quyền trung-ương mà thôi. Quan-niệm này cho đến nay vẫn còn sinh-động. Ngoài ra, nhà Tần còn truyền thừa là người dân không có một lãnh-vực riêng tư nào có thể ngăn chặn khi chính quyền trung-ương có ý định can-thiệp vào.”

Phải chăng, tác-giả đã căn-cứ vào *lịch-sử tứ Di xâm chiếm Tàu* (Nhà Kim (1115-1234), nhà Nguyên (1280-1341), nhà Thanh (1644-1911) ,...) mà cho người Tàu không có tinh-thần dân-tộc?

Ngược lại theo nhà Việt học Paul Mus cho rằng cấu-trúc xã-hội nông nghiệp là làng xã mà dân-tộc Việt đã bảo-tồn từ thời lập quốc cho đến nay, và *“Làng xã đã là yếu-tố cấu thành quốc-gia Việt Nam, và chỉ qua làng xã, trong lúc lâm nguy mới có thể hiểu được tinh thần dân-tộc của người Việt...”*

Dân-tộc là cả suốt dòng lịch-sử. Dân-tộc Việt hàm chứa ngay trong hình ảnh:

*“Mẹ Việt Nam không son, không phấn
Mẹ Việt Nam chân lấm, tay bùn.”*

Thấy sản-nghiệp là thấy tiền nhân, là thấy hồn thiêng sông núi. Tổ tông và những nét trong nếp sinh hoạt không tan rã theo thời-gian, theo cơ thể, mà in sâu và lưu truyền nơi con cháu. Ở dân-tộc là cả những gì gọi là “Quốc Hồn”, “Quốc Túy”, là tinh-thần, là văn-hóa, là hình ảnh những ngày cuối năm âm lịch, trên khắp nẻo đường đất nước dân Việt lũ-lượt về quê ăn tết,...

Tinh-tự dân-tộc Việt là:

Giải giang sơn gấm-vóc hình chữ “S” chạy dài từ ải Bắc quan tới mũi Cà-Mâu, mà bao đời đã tô thắm bằng máu lệ và mồ-hôi của tiền nhân;

Là con đường cái quan chạy suốt ba miền, có những khúc lượn theo dãy Trường Sơn hùng-vĩ,

*Đường vô xứ Nghệ quanh co
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

(Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu)

Là những bờ đê dọc theo sông Hồng để ngăn lụt,
Là những con đường nằm giữa hai hàng tre xanh rì-rào, tâm sự.
Là tiếng văng tre kéo-kẹt trong trưa hè, hòa với lời ru êm-ả:

*“Lời ru, ru ngủ, ru ngoan,
Ru hồng má trẻ, ru an lòng già
Ru từ tim mẹ, tay bà
Ru trắng gác núi, ru gà gáy sương
Ru cho bát-ngát tình thương
Cho con khôn lớn, bốn phương đợi chờ...”*

(Nguyễn Hải Phương)

Nên dù có ở nơi chân trời, góc biển thì người dân Việt:

*Ai đi muôn dặm non sông
Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy*
(Ca Dao)

mà lòng thổn-thức:

*Ngửng trông mây bạc lưng-chùng
Phải chăng cố quận dưới hàng mây kia?
(Ca Dao)*

Và muôn đời hằng tha-thiết:

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời “nguyện ước thề non”
Nước đi chưa lại non còn đứng không
Non cao những ngóng cùng trông
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày
Sương mai một nắm hao gầy
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương
Trời tây chiếu bóng tà dương
Càng phơi vẽ ngọc nét vàng phai pha
Non cao tuổi vẫn chưa già
Non thời nhớ nước, nước mà quên non
Dù cho sông cạn, đá mòn
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra biển lại mửa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non, nước nước không nguôi lời thề.*

(Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu)

Có lẽ không một lịch sử dân tộc nào trên thế giới lại hùng-tráng, kiên-trì đấu-tranh giành độc-lập và bảo quốc tồn chủng như lịch-sử của dân-tộc Việt:

*Trang sử Việt đời đời hào-kiệt
Dư đồ Nam gấm vóc huyết hoa
Gương tiền nhân: trung, dũng, trí, hòa
Tiếp hậu thế tương lai bất diệt.*

(Duy Khang)

Khi tìm hiểu về lịch-sử, văn-hóa Viễn Đông, nếu dựa vào sử sách Tàu, người Tây Phương thường dễ ngộ nhận về các danh-từ “*triều cống*”, hay “*nap cống phẩm*” (to pay tribute) mà có thể hiểu sai tư-thế của nước “*nap triều cống*” cho Tàu!

Theo “The American Heritage Dictionary of The English Language, New College Edition 1980, page 1370 đã giải thích chữ Tribute:

“- A sum of money or other valuables paid by one ruler or nation to another as acknowledgment of submission or as the price for protection by that nation.

- Any payment made for protection.

- In feudal times, any payment or tax given by a vassal to his overlord.”

(Cống phẩm: Một khoản ngân lượng hay đồ vật có giá trị của một nước đem nạp cho một quốc gia khác như là một nhìn nhận sự phục-tùng hay là trả giá cho sự bảo hộ.

Dù ở nghĩa nào, ta cũng thấy “*cống phẩm*” đều chỉ rõ tính cách “*bất bình đẳng*” hay “*lệ thuộc*”.

Do đó, khi đọc đến chữ “*tribute*” (*cống phẩm*), người Tây phương không cần suy xét sử trình giữa hai nước trong giai- đoạn đó như thế nào, mà chỉ hiểu “*triều cống*” qua “*tribute*” để cho ngay là quốc-gia nạp triều cống là quốc-gia “*lệ thuộc*” nước Tàu. Cũng vì thế, họ không thể nào hiểu nổi vì sao ***sau nhiều lần đại thắng mà chính quyền Việt Nam lại phải cầu hòa với kẻ bại trận là Tàu?***

Đối với tinh-thần đấu-tranh, lịch-sử Việt đã hùng-hồn minh-chứng sự anh-dũng qua nhiều thời-đại:

* Thời Bà Trưng, nước ta bị ngoại thuộc đã lâu, phục-tùng Hán chế cho là quen, bị bọn quan lại thống-trị cho là việc thường ngày, hưởng chi đương lúc nhà Hán trung hưng, thu thập được nhiều trí dũng, thế mà Trưng Vương, phận đàn-bà góa, búi tóc đứng lên, trai tráng trong nước đều cúi đầu nghe lệnh, các quan to ở 50 thành trì cũng đều không dám chống-cự. Tướng giặc là Lưu Văn Thúc diệt được quần hùng, chống nổi đại địch, khi đối đầu với hai bà cũng phải ăn trưa ngủ muộn lo nghĩ cơ mưu - Mã Viện Phục Ba tướng quân khi đóng ở Lãng Bạc cũng phải lo xa nghĩ kỹ, ẩn mình ở bên hồ sâu. Tiếng tăm hai Bà oai-dũng chấn-động cả nước Tàu.

* Thời nhà Tống, tể-tướng Vương An Thạch có ý dòm-ngó nước Việt. Xã-hội Tống đề xướng hiến-pháp, đem kinh-tế quốc-dân lệ-thuộc sự chỉ đạo của chính-phủ, và một mặt chính phủ lấy chính-trị xâm-lược làm phát-triển.

Lý triều ta bèn sai Tôn Đản và Lý Thường Kiệt đem 10 vạn quân, chia làm 2 đạo tiến đánh. Các trận Ung, Khâm, Liêm của Lý Thường Kiệt đã phát-huy triệt-để trên quân-sự là “*lấy công làm thủ*” đáng ghi trong sử sách.

* Thời Trần, ba lần đại thắng quân Nguyên (Mông Cổ), đã làm cho Thoát Hoan hết vía, chui ống đồng trốn lủi về Tàu.

Đời Trần Nghệ Tôn (1370), nhà vua thường nói: “*Tiền triều ta lập quốc đều tự có pháp độ riêng, chứ không theo của Tàu. Bởi vì Nam - Bắc đều tự chủ lấy nước mình, không nên phỏng chép của nhau*”. (Hồ Bạch Thảo, “*Những Nét Đặc Trưng về Lịch Sử Việt Nam*”, master print, 2002)

* Thời Hậu Lê, (1418) quân ta chém Liễu Thăng ở núi Mã Yên, bắt sống Thôi Tụ, Hoàng Phúc và vài vạn tù binh ngoài thành Xương Giang. Vương Thông phải cầu hòa, xin vua Lê mở cho con đường về nước.

* Nguyễn Huệ (Nguyễn Quang Trung), một thiên-tài quân-sự đã biểu-hiện qua các trận Đống Đa, Quy Nhơn, và Gia Định là hoàn toàn tiêu-diệt địch quân.

Khi được tin quân Thanh đã sang, đóng ở Thăng Long, ngài đã cười mà nói rằng: “*Chúng nó sang phen này là mua cái chết mà thôi. Ta đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn, sau khi chúng thua trận, tất chúng lấy làm xấu hổ lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều. Ta sao nỡ thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thị Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến-tranh. Đợi mười năm nữa, nước ta dưỡng được sức, phú cường rồi thì ta không còn phải sợ chúng nữa.*”





IV **Lưỡi Gươm Việt**

Thép Văn Lang lò Viêm Hồng ¹ nung đúc
Búa Lô Truy ² rèn giữa bể dâu từng
Góp ba núi năm sông đầy tắm dục
Sấm sét nhòang chớp múa lưỡi gươm cứng.

Thuở Vạn Kiếp ³ tiên trao khét oanh liệt
Ngày Lục Niên ⁴ đã hiện thét quang vinh
Rửa lấy máu gột mài bằng xương thịt
Giết muông Hồ, thú Hán nước uy linh.

Nhut Bình Trọng ⁵ nhọn nhọn giữ một mực
Tựa Lê Lai ⁶ gần ngật xung chín lần
Rửa lấy khí gột mài bằng trung trực
Sởn gai người chém đảo sóng ba quân.
Vĩ Bình phú ⁷ ngư long bay xàoxạc
Bằng phiến minh tuyết lửa thốt chập-chành
Rửa lấy óc gột mài bằng sáng tác
Nổi phong trần cuốn quét khắp đân thanh.

Thép Văn Lang toàn tinh thần tái luyện
Thép Văn Lang sắc lên nhường bay biến
Lưỡi gươm Việt lại là gươm Duy Dân
Thế hệ mới mở văn minh hùng kiện.

Lưỡi gươm Việt vương đấu gồm thánh chiến
Lưỡi bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm
Quy long trận vung lên áp cổ kìm
Vào hình sắc ra không huyền ảo biến. ⁸

Hỡi con nhà Lạc Âu nước trăm Việt
Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt ⁹
Nổi mây mù sấm sét gió mưa ran

Cả vũ trụ hét lên ca kỳ tuyệt.

Quy long trận,¹⁰

Kỳ tuyệt ca.

*Lý tưởng Việt chan chan ánh sáng lò
Lưỡi gươm Việt phơi-phới hồn ông cha
Tráng sĩ Việt đường đường chí đạp ba.*

Kỳ tuyệt ca

Quy long trận

*Đứng núi Tu Di cầm guồng Nam Bắc
Chém sắt Côn Ngô¹¹ thu đồ Hà Lạc
Cắt búi Kim Chiên,¹² bắt tiêm y thác.*

*Cùng một lưỡi gươm vẫy nên Vạn Thắng
Cùng một lưỡi gươm trở đến thái bình
Muôn muôn năm còn mãi mãi chân hình
Vóc tinh-thần thiết diện quỷ thần kinh.*

4822 T.V. Thái Dịch Lý Đông A.



Chú-thích:

1- Thép Văn Lang : Tượng trưng cho thể chất rắn chắc, bền bỉ , tinh thần bất khuất, khí vũ hiên ngang.

-Viêm Hồng : Danh hiệu dân tộc Bách Việt., lấy từ chữ Viêm = Viêm bang, Viêm đế. Hồng = Hồng Lạc

-2 Búa Lôi Truy : Búa tầm sét.- Tẩm dục : Tẩm gội cho nước thấm vào.

3- Vạn Kiếp : thuộc làng Kiếp Bạc (Hải Hưng), đại bản doanh đức Trần Hưng Đạo chống quân Nguyên.

- Tiên trao: Tác giả biểu dương thanh kiếm tiên trao cho đức Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp thật là oanh liệt (Phải chăng đây là thanh “Phi thiên thần kiếm” thượng đế đã hứa cho trước khi Thanh Tiên Đồng Tử vâng lệnh xuống trần?) .

4- Ngày Lục Niên Dã hiên: Thành Lục Niên ở núi Hồng Lĩnh thuộc tỉnh Nghệ An. Lê Lợi lấy ba nơi: Lục Niên, Lam Sơn và Hòa Bình làm thế tam giác địa động để chống Minh.

5- “Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực : Trần Bình Trọng bị giặc bắt, giặc dụ hàng và hứa cho làm vua. Ông một mực trung kiên và khẳng khái nói: “ Thà làm ma nước Nam không thềm làm vua Bắc”.

6- “Tựa Lê Lai ngất ngất xung chín lần” : Lê Lai khẳng khái thay vua Lê Lợi xông ra giữa chín lần gươm giáo chết để cho tương lai dân tộc sống.

7- Ví Bình Phú; Ngư long : Bình phú = Bài thơ bèo; tác giả là Giáp Hải (có tên là trạng Bèo)’ Ngư long: Ngư = cá, long = rồng.

Khi Mạc Đăng Dung “Dâng sớ đồ, quỳ gối chốn biên cương” làm hoen ố nét đan thanh trong lịch sử ngoại giao của ta, nên bị bọn thiên triều khinh khi dòm ngó. Năm Đinh Dậu (1537) vua nhà Minh sai Cửu Loan làm đô đốc, Mao bá Ôn làm tán lý quân vụ đem quân sang đóng gần cửa Nam Quan, đưa bài thơ “Bèo” cho triều đình nhà Mạc với ngụ ý khinh khi, hỗn xược thách triều đình họa thơ.

8-“Vào hình sắc, ra không, huyền ảo biến”: Có tính cách thời gian.

Vào: nhập thế hành động bằng hình thức sức mạnh, cách mạng bằng vũ công.

Ra không : Xuất thế bằng văn tự kiến thiết, thái bình (vô vi).

9- Khoa nửa triết : Triệt = vòng bánh xe; khoa = khua, vung tay, múa, coi như một thế gươm đặc biệt.

10- Quy long trận Kỳ tuyệt ca:

Quy Long trận: lý thuyết về Kiến quốc.

Long = Rồng: Biểu tượng nhập thế (Dương- Sức mạnh phá hoại) ”

11- Sắt Côn Ngô : Gươm Côn Ngô chém ngọc, chém đá như chém bùn (Ván Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn, mục phẩm vật loại, trang 484).

12 -Cắt búi Kim Chiên : phỏng đoán: Cắt búi tóc (chém đầu) của giặc Kim – rạch áo giặc Thát sau khi gạt giáo đâm người).

(Mẫn Cầu.)

Chất liệu un-đúc nên lưỡi gươm Việt: Thép Văn lang, lò Viêm Hồng và búa Lô Truy (búa tầm xét nhà trời là yếu tố tự nhiên vũ trụ khách quan rèn giũa) dãi dầu qua thời gian, trải bao cuộc biến thiên dâu bể, và được thấm nhuần những tinh hoa của núi sông. Ngăn ấy yếu-tố tổng-hợp lại trở thành lưỡi gươm sắc bén, kỳ diệu và uy linh.

Vốn có ba loại kiếm Việt: **Bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm**:

-**Bảo kiếm** là những thanh gươm do tiên trao vào tay những bậc anh-hùng cái thế với một sứ mệnh thiêng liêng “**cứu nước giữ nòi**”, dẹp tan loài cường bạo ngoại xâm. Lưỡi gươm mà thuở ở Vạn Kiếp, Tiên trao cho đức Trần Hưng Đạo là thanh “Phi Thiên Thần Kiếm”, người anh hùng Hưng Đạo đã từng rút lên một cách oanh liệt trong những trận tiêu diệt quân Nguyên (Mông Cổ). Cũng như lưỡi gươm ngày ở Lục Niên hiện ra nơi đồng nội để trao vào tay người anh hùng Lê Lợi. Trong mười năm chống giặc, ánh thép thét lên từng hồi là quân Minh phải đổ ra từng núi xương sông máu, để đem lại sự thắng lợi quang vinh cho dân tộc. Đây là những lưỡi gươm rửa bằng máu, gọt mài bằng xương thịt, những lưỡi gươm giết muông Hồ, thú Hán.

Đến như những **khí kiếm** là những lưỡi gươm có sức bén nhọn bằng khí tiết của lòng trung-trực, khảng-khái, kiên-cường bất-khuất của những bậc anh-hùng, lấy hùng khí áp-đảo quân gian, làm cho quỷ khốc thần kinh như Trần Bình Trọng như một mực nói: “Thà làm ma nước Nam chứ không làm vua đất Bắc” cũng như Lê Lai khảng khái xông ra giữa chín lần gươm giáo chết để cho tương lai dân tộc sống. Cái chính-khí ngằn-ngặt làm tan rã chín vòng vây của quân Minh.

Lưỡi **tuệ kiếm** còn có giá-trị sắc bén tuyệt-vời, làm áp-đảo cả tinh-thần kẻ địch, làm sức mạnh đẩy lui cả một âm-mưu thôn-tính, xua đuổi cả một đoàn quân tàn-bạo như hổ đói rình mồi. Đó là tinh thần sáng-tác, ví như bài “Bình Phú” của trạng Giáp Hải. Chỉ mới lú ra một chút lực-lượng “**Ngư long bay xào-xạc**” cũng đủ làm cho Hán quân hết vía.

Bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm đã vung lên, mở ra từng khoảng thời-gian oanh-liệt, ly-kỳ và rực-rỡ lịch-sử Việt.

Dĩ-vãng oanh-liệt là nhường ấy; hiện tại phải nên như thế nào? Còn tương lai? .

“Hỡi con cháu nhà Bách Việt! Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt” xông vào trong mặt trận “Quy Long” làm nổi mây mù sấm sét gió mưa ran. Cho cả vũ trụ hét vang lên lời ca “Kỳ Tuyệt”.

Sự sắc bén của tuệ kiếm là rửa lấy óc để gọt mài bằng sáng tác, tạo ra sức mạnh làm bùng lên những cơn gió bụi cuốn quét đi hết cái gọi là đan thanh của đối phương.

Thép Văn Lang được nung đi đúc lại, rèn giũa, gọt mài từ thời đại này qua thời đại khác, càng tôi càng già, càng luyện càng tinh, thần khí mỗi lúc một thăng hoa, cho nên gọi là toàn tinh thần tái luyện.

Lưỡi gươm Việt dùng vào những cuộc chiến đấu vương đạo, mở ra những cuộc thánh chiến bằng chính nghĩa cao cả là cứu nước giữ nòi. Bằng những lưỡi bảo kiếm là những thanh gươm thần trao vào tay những bậc anh hùng cái thế. Bằng khí kiếm: Tinh thần bất-khuất, lòng khảng-khái, chí hiên-ngang, và bằng tuệ kiếm, hồn sáng-tác chan chan.

Đem tập trung những thế kiếm anh linh vào một trận Quy Long làm áp đảo cả cổ kim.”

Quá trình lịch-sử Việt đã cho thấy: suốt một ngàn năm bị Tàu đô-hộ, với chính-sách cai-trị tàn bạo, tiêu hủy đền-đài di-tích lịch-sử, cộng thêm ý đồ thâm độc, chủ-trương Hán hóa. Để được tự-do và có chủ quyền cho vận mệnh mình, và cho dân-tộc. Không đổ máu, tuyệt không xoay chuyển được thời-đại.

Chúng ta có thể tự hào và hãnh-diện rằng: Chưa có dân-tộc nào đau khổ và nổi bật hơn lịch-sử dân Việt về sức mạnh chiến-đấu cho nền độc-lập tự chủ của mình. Một ngàn năm bị Tàu đô-hộ là một ngàn năm tranh đấu sống còn cho dân-tộc. Dân Việt vẫn bảo-tồn được gia-tài văn-hóa, ngôn-ngữ, và truyền-thống bất-khuất của Tổ Tiên. Việt vẫn là Việt, Hán vẫn là Hán, điều đã làm cho nhiều sử-gia cũng như những nhà nghiên-cứu cổ học, sử học trên thế giới phải ngạc-nhiên, và cho đó là phép lạ không thể nào giải-thích được.



V TIỀN LONG CHÂU HÀNH ¹

- 1/ Non Kỳ² nước Nhuế³ mấy thu trường
Đi lại tìm nơi dấu cổ hương
Đỉnh Dốc Bòng-Bong⁴ nhiều ái ố
Lưng đèo Cắc-cổ⁵ lăm tang thương
Kinh luân mệnh vận là văn vũ
Doanh đường⁶ thiên dân ấy thánh vương
Mấy hóa muôn xưa nhà Hồng Lạc
Thực hư ai biết khách cương thường.⁷
- 2/ Mấy thiêng thủ quốc vẫn còn chân
Hồng Lạc muôn xưa dấu định phân
Mình ngự ngôi thần⁸ lâm đế cực
Tay vịn chuôi đầu⁹ bá thiên luân¹⁰
Nước non Lạc Nhuế¹¹ cơ hiển thánh
Con cháu Rồng Tiên buổi chấn xuân
Đại địa từ xưa không huyết táng
Đan thanh một điểm tự thông thần.
- 3/ Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà
Lục lục hồng hồng chẳng phải xa
Núi Tản sông Thao¹² guồng¹³ đất đập
Xuân kỳ¹⁴ thu nhuế¹⁵ trạm thời thoa
Cơ thiêng¹⁶ núi Ngự¹⁷ tầng non ngọc¹⁸
Trăm triệu¹⁹ đùn xây cửa động hoa
Nam Bắc không ngừng xoay tỵ ngọ
Ngàn năm ta lại biết là ta.
- 4/ Bác ngư lạc lối nhập đào nguyên
Hốt hoảng trông với một cảnh tiên
Ấy phủ Động Đình ngày dẫn oán
Hay gò Bồng đảo lúc chiêu duyên
Ba sinh nợ cũ tình cố đế
Một tác hồn oan dạ Đỗ Quyên
Nhấn có Long vương phiến tỵ chút
Lên xem nước thủy cửu huyền thiên.
- 5/ Cổ kim chơi xóa tựa đo cờ
Non nước còn ta đến tận giờ
Buổi đóng Phong Châu hồn Lãng Bạc
Khi quân Lam Thủy lúc Hoa Lư
- 7/ Hình hài thấp thoáng bóng tinh anh
Dâu bể tìm trong trúc sử xanh
Đụn thóc cây tiền kho giáo dưỡng
Gậy thần, sách ước vốn kinh doanh
Sông Hằng nước Hán đều quy lại
Đảo Úc tầng A cũng phục quanh.
Ruộng đất muôn xưa nhà Bách Việt
Hồng Bàng còn để mối tân canh.
- 8/ Chuông vàng đại bác rầy rên đồng
Rớt máu oan oan chữa nhật hồng
Ngán núi Kinh Thiên bao nắng hạ
Thương dòng nước ngược mấy mưa đông
Hăm tư giáo hóa giếng cương kỷ
Mười tám Hồng Bàng mối Tổ tông
Tháp cuốn Thà Bà mây Ngũ Lĩnh
Qua sông ta lại chở sang sông.
- 9/ Bước chân cao thấp mãi không cần
Chỉ vị đan thanh chút nhọc nhằn
Trở lại hồng hoang khai nguyệt quật
Dò vào cửu cực nắm thiên căn.
Cương thường không ngoại guồng thân mệnh
Giáo dưỡng gồm trong trục vũ văn
Giữ được Xuân Thu tròn vẹn mãi
Còn nhờ tri kỷ tắc bản khoản.
- 10/ Đất đỏ trời xanh giữa một ta
Chung quanh vẫn cửa nước non nhà
Theo đường tiên mở đem chiêm xuống
Vạch lối Rồng xây lấy ngọc ra
Tim óc xoay vần được tuế nguyệt
Tay chân tạo tác nổi sơn hà
Đấy ai suốt hết thần cơ nhỉ
Tảng đá đầu ghềnh chắc nở hoa.
- 11/ Vận hội ngàn năm dễ mấy lần
Quét thanh lang sỏi mở canh tân
Anh hùng dậy khắp vùng lau lách
Tuần nghệ ra đầy chốn giáp lân

Vật thần thụy ứng ngày chân mệnh
Khí chính thâm tàng chốn hóa cơ
Nguyệt quật thiên căn ai biết được
Văn minh ta chẳng thiếu đồ thư.

Đại cáo lại ban lời Bách Việt
Quỳnh ca luôn tấu khúc Duy Dân
Trời Nam chung bọc Rồng Tiên cả
Nhắc để lên đài sống vạn xuân.

6/ Guồng máy linh lung độ chuyển vần
Non xanh nước biếc có kinh luân
Truyền danh đã hẳn là linh dị
Ứng thụy rồi ra mới tác dân
Hư thực anh hùng trông rõ thực
Giả chân hào kiệt biết rành chân
Xưa nay bất trắc cơ khôn nói
Để hỏi đời ai biết thế nhân.

12/ Một lối vô danh há dễ bàn
Đem nguồn cảm hứng núi non ngàn
Cơ trong vật lý nên thần dụng
Đạo ở nhân tình chớ dị đoan
Một nếp Duy Dân cầm chính trị
Trăm con Hồng Lạc hết gian truân.
Tiên Long châu ấy nơi hùng thắng
Để lại năm sau chốn ẩn nhàn.

4822 T.V. Thái Dịch Lý Đông A

Giải nghĩa các từ-ngữ:

1-Tiên Long châu hành” là một hành khúc nói về quê hương lãnh thổ của dân tộc thuộc dòng giống Tiên Long. Hành: Hành là hành khúc, một thể văn vần có tiết điệu gồm những lời ca có điệu nhạc để trình diễn một đề tài.

2- Non Kỳ : Kỳ diên Lĩnh, theo “Tân Quang Dư Địa học” xuất bản tại Trung quốc “Kỳ diên Lĩnh là một trong những các núi: Kỳ diên Lĩnh, Đại dữu lĩnh, hai dãy chính này cùng với các dãy: Việt Thành, Đô Lũng và Manh Chữ gọi là Ngũ Lĩnh thuộc địa giới tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây. Tài liệu còn ghi vào Quảng Đông xưa kia là đất của người Bách Việt cùng với tỉnh Quảng Tây hợp xưng là “Lưỡng Việt sơn địa”.

3- Nước Nhuế: Theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh chưa là “Tên một nước cũ. Theo một tài liệu khác thì Nhuế là tên một nước thuộc đời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu) bên Tần. Hiện ở phía Nam huyện Triệu Ấp thuộc tỉnh Thiểm Tây còn một cái thành cổ gọi là “Nhuế thành” tức là thành nước Nhuế.

4-Dốc Bồng Bong: Cách Chi-nê khoảng 6 cây số trên đường Phủ Lý, Chi-nê. Dốc này về phía Chinê thì rất dốc lại thêm đường chữ chì ngoằn ngoèo rồi như mở bồng-bong nên gọi là “dốc Bồng Bong”. Nghe nói ở đó có một loại cỏ gọi là cỏ Ái Ô.

5- Đèo Cắc Cớ : Tên một hang núi thuộc núi Phật Tích, tục gọi là Sài Sơn (chùa Thầy). Theo truyền thuyết trong đèo có hang là nơi xưa kia nhà sư Từ Đạo Hạnh đã trú ẩn ở đấy. Theo ca dao trong cuốn “Gương Phong Tục”, hội Chùa Thầy có hang Cắc Cớ, “trai chưa vợ chảy hội chùa Thầy”. (Chú thích: Hang Cắc Cớ, đường vào hang chỉ một người đi lọt. -Ngày hội đông đúc trai gái chen lấn nhau, trai lấy thế làm vui nên thường muốn đến, nhưng nay hang đã lấp rồi).

6- Doanh dưỡng : Doanh = gây dựng cho tràn đầy; dưỡng = nuôi nấng. Doanh dưỡng cũng như nói dinh-dưỡng, nói việc nuôi nấng sung túc chất bổ béo.

7- Khách cương thường : Người lãnh đạo gây dựng và duy trì kỷ cương cho quốc gia xã hội.

8- Ngôi thần : Vị trí của sao Bắc Đẩu ở trên trời (Theo Luận Ngữ, thiên “vi chính” : “Vi chính dĩ đức thí như

9-Bắc thần cư kỳ sở nhi chúng tinh cũng chi.” : Lấy đức làm chính trị ví như sao Bắc thần ở ngôi chính của nó mà các sao khác đều hướng về với nó).

10- Bá thiên luân : Nắm giữ bánh xe trời.

11-Lạc Nhuế : Tên nước cũ của dân Việt. Sách Minh Lễ chép: Núi có danh ở An Nam có 21 ngọn thì Tần Viên là nhất.

12- Sông Thao : Theo địa dư chí Nguyễn Trãi toàn tập: Sông Thao là ngọn sông Hoàng thủy cũng 500 năm một lần nước trong. Sông Thao tức là đoạn sông Hồng từ Việt Trì trở lên phía trên. Hoàng thủy không rõ ở đây Nguyễn Thiên Túng muốn chỉ sông nào? Sông Thao là ngọn sông Hoàng Thủy? Phải chăng Hoàng thủy là sông Hồng? (Nguyễn Thiên Túng viết lời tựa chú trong Địa dư chí, là người đồng thời với Nguyễn Trãi). Theo Văn Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn”: “Sông Thao ở Hưng Hóa tức hạ lưu sông Lan Thương ở Vân Nam, sông Phú Lương là hạ lưu của sông Lan Thương. Nước ta gọi dòng Phú Lương là sông Tây Nhị Hà vì sông ấy tuy từ sông Lan Thương chảy xuống nhưng cũng là hạ lưu của sông Tây Nhị Hà.

13- Guồng : Guồng máy, động cơ, cơ thiêng, máy hóa, v.v. . . . Đất đạp= nghĩa như địa trục của trái đất, con đường ngang qua trái đất từ Bắc cực đến Nam cực. Phải chăng câu này nói: Núi Tản sông Thao là cái trục của trái đất tức là trung tâm điểm lấy đó làm xuất phát điểm cho văn minh nhân loại trong tương lai? Nói tóm lại: Ý nghĩa chủ yếu của câu “Núi Tản sông Thao guồng đạp đất” là nói về cái địa lý chính trị trong chủ trương Rộng Tiên nhà.

14- Xuân Kỳ : Xuân là mùa đầu trong 4 mùa của năm. Kỳ : non kỳ đã giải nghĩa ở trên. Đây cũng là danh từ biểu tượng, nhưng là biểu tượng hòa biểu tượng. Bởi vì Xuân là biểu tượng của thời gian. Còn kỳ là biểu tượng của không gian, như vậy trong nó đã có vũ trụ của nó rồi.

15- Thu Nhuế: Thu là mùa thứ 3 trong 4 mùa của năm. Nhuế là nước nhuế đã giải thích ở trên. Cũng như Xuân Kỳ, Thu Nhuế là danh từ biểu tượng hòa biểu tượng vì: Thu là biểu tượng của thời gian, Nhuế là biểu tượng không gian. Thu Nhuế cũng có vũ trụ riêng của nó. Mặc dù vậy, Xuân Kỳ, Thu Nhuế vẫn cứ phải là một cái “trạm” để cho mọi thời gian giao thoa với mọi không gian . Xuân Thu là dĩ vãng, hiện tại và tương lai của thời gian và cùng giao thoa với Kỳ Nhuế là không gian cổ đại của Tổ Tiên nòi Viêm Việt, cùng với Thao Tản hiện nay đất nước của con cháu Lạc Hồng hướng về tương lai vô tận. Như vậy thì sự giao thoa hay cái “trạm thời thoa” mẫu nhiệm biết là nhường nào? Nói tóm lại ý nghĩa chủ yếu của câu ‘ Xuân Kỳ Thu Nhuế’ trạm thời thoa là nói về cái triết lý chính trị trong chủ trương “Rộng Tiên nhà”.

16- Cơ Thiêng : Máy thiêng đã nói ở trên.

17- Núi ngự : Núi có chỗ vua ngự . Căn cứ vào sự ghi chép của Văn Hội trong Tản Viên sơn Thánh ngọc phả: “đoạn nói về núi Tản có chép: “Ở trên có bốn chữ :Thánh Tổ Hùng Vương” phải chăng do đó mà danh từ núi ngự?

18- Non ngọc : Cũng căn cứ theo tài liệu trên trong bản chúc thư có ghi câu thứ nhất là “Thấu lĩnh Ngọc Tản Linh Sơn”.

19- Trẫm triệu : Điềm lành ứng hiện. Có nơi chép là “trâm tạo”, “chấm tạo, “chấm triệu”, những chữ chệch có lẽ vì chép sai nên không có nghĩa. Chúng tôi thấy rằng “trẫm triệu” là điềm báo trước là

20- Ba sinh : Con người ta sống có mối duyên nợ ràng buộc trong ba nấc thời gian : Quá khứ – hiện tại – và tương lai. Thí dụ: Anh B đương sống, sự sống của anh B đã do ông A là dĩ vãng sinh ra, máu sống của ông A dĩ vãng cuộc sống được sống trong cơ thể anh B, rồi anh B lớn lên lấy vợ sẽ sinh ra cháu C. Một dòng máu truyền thống nối A, B, C lại gọi là kiếp “ba sinh”.

21- Cố đế : Thất chặt từ trước.

22- Do- Đào nguyên : Nguồn đào, động đào là nơi tiên ở.

23-Phủ Động Đình : Nơi nguồn gốc xuất phát của dân tộc Lạc Việt.

24- Dẫn noãn : Sinh ra trứng (Truyện bà Âu Cơ và Lạc Long quân lấy nhau sinh bọc trứng nở trăm con.

25- Bồng quỳên : Tên con chim quốc do hồn Thục Đế mất nước thác sinh ra.

26- Long vương : Có bản chép lại là Long Chương. Có lẽ Long vương thì đúng hơn. Vì Long vương là vua Rộng tức là Long Quân.

27- Rước thủy hay Nước Thủy ? Chúng tôi đã hỏi nhiều người, nhưng không có giải đáp rõ rệt. Thêm cả chữ “của” hay “của” nữa. Ở đây, chúng tôi mạn phép để phỏng đoán: Đoạn thơ này, tác giả giới thiệu về khu Động Đình. Động Đình là nguồn xưa gốc cũ, là cái nơi của Tiên Long. cho nên hai câu cũng không ở ngoài ý nói về Tiên Long. Câu trên là lời gọi Long Vương lên xem “rước nước” trên cửa huyền thiên. Huyền thiên là chỗ Tiên ở. Nghĩa là gọi Rộng lên với Tiên. Việc này đúng như lời giao ước khi chia tay (Huyền sử kể rằng khi chia con, Lạc Long quân có dặn: Nếu có việc gì thì cùng gọi, không được bỏ nhau”. Huyền sử cũng kể: Long vương thường hay xuống chơi thủy cung, lâu ngày không về. Trong triều đình có việc khó giải quyết, dân Văn Làng thường ra bờ sông bờ biển gọi: “Bố ơi bố về mà xử kiện cho con”. Vậy thì câu: “Nhấn có Long vương phiền tý chút” cũng là lời gọi Long vương mà thôi.

28- Phong Châu : Nơi đóng đô của nước Văn Làng thời Hùng vương cũng là quê của hai bà Trưng. Hiện nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phú.

29- Lãng Bạc : Tên hồ, nơi quân hai bà Trưng chống quân Mã Viện. Hồ Tây?

30- Lam thủy : Lam Sơn (tên núi). Lương Thủy (tên sông) đều thuộc vùng Thanh Hóa là nơi xuất phát cuộc cách mạng Lê Lợi.

30- Vật thần : Đồ vật có tính cách thần diệu thiêng liêng như: Gậy Thần, sách ước chẳng hạn.

31- Thụy ứng : Diễm lành ứng hiện.

32- Chân mệnh : Số mệnh chân chính của các bậc chân nhân ra đời cứu dân cứu nước.

33- Hóa cơ : Trong tự nhiên vận động.

34- Nguyệt quật : Gọi là hang trắng, thực ra nó siêu hình, chỉ là khí âm, một trong hai nghi đối đầu với “dương”.-

35- Thiên căn : Gọi là gốc trời, thực ra nó siêu hình, chỉ là khí dương, một trong hai nghi, đối đầu với âm nghi của thái cực. Kinh Dịch nói: “Nên thăm dò nơi nguyệt quật thì mới biết được mọi sự vật. Nếu chưa nắm được thiên căn sao biết được con người”. (Tu thám nguyệt quật phương chi vật; vị nhiếp thiên căn khởi thức nhân). Tượng của nguyệt quật là quẻ “cấu”, nó là âm vừa mới lộ dương. Tượng của thiên căn là quẻ “phục” hay là (bác). nó là dương vừa mới nảy từ trong âm. Bởi vậy chữ thiên căn hay nguyệt quật không bao giờ đi một mình cả. Vì lẽ một dương thì không sinh, mà một âm thì không lớn.

36- Tác dân : Tác động có hiệu quả trong quần chúng.

37- Bất trắc cơ : Cơ hội không thể lường được.

38- Tầng Á : Các nước Á đông.

39- Đảo Úc : Úc châu

40- Chuông vàng : Ông Tín Hải có nêu lên một số chuông làm nghi vấn.: Chuông Quỳnh Lâm là một trong bốn đại khí truyền quốc của Đại Việt? Theo truyền thuyết chuông này không kêu. Chuông do Không minh Không lấy đồng đen của nhà Đường đúc nên, tiếng chuông vang xa gọi được cả trâu vàng con tìm về với mẹ (?) Tiếng chuông đã thức tỉnh hồn nước cũ, ây thế mà phải nhận chìm xuống hồ Tây, tại sao? Chúng tôi nghĩ rằng tất cả mọi thứ tiếng chuông dóng lên trong chiều hôm, ban sáng (chiều mộ) có tiếng ngân nga rền rĩ xoáy vào trong thâm tâm, nơi tiềm thức có giá trị cảnh giác lớn lao về những rắp máu oan oan tới nay còn chưa nhạt hồng. Còn như chuông chùa Quỳnh Lâm đánh rằng nó là một trong bốn đại khí truyền quốc, nhưng nếu nó không kêu thì chắc không phải là ý tác giả muốn nói là chuông vàng đại báo rầy rền đồng! Đến như chuông do Không Minh Không lấy đồng đen của nhà Đường đúc nên, tiếng đồng vang xa gọi được cả trâu vàng con tìm về với mẹ (?). Người ta nói đồng đen là mẹ vàng. Con tìm về với mẹ là nghĩa ấy chăng ? Nếu không gọi được hồn nước, đại báo được mối cảnh giác quốc dân thì chuông của Không Minh Không cũng chỉ có giá trị truyền kỳ huyền thoại. Chưa chắc đã đem mà giải thích cho đúng vào với ý nghĩa câu thơ ở đây.

41- Đại báo : Báo động lớn, cũng như đại cáo, tuyên cáo cho tất cả quốc dân của từng thế hệ.

- Rầy rền đồng : Tiếng đồng vang dậy rền rĩ, ngân nga thấm thía sâu trong tiềm thức con người.

42- Rắp : Tiếng cũ. Nói tai nạn xảy ra trùng điệp, tiếp diễn ra cùng ở một chỗ đó. Chỗ đó là lịch sử Việt. Lịch sử Việt là một chuỗi đấu tranh, thế hệ này đổ máu, thế hệ sau nối tiếp, đổ máu chỉ vì mục đích chiến đấu đòi lại độc lập và tự do. Dòng máu oan oan kia hãy còn nóng hổi chưa nhạt màu hồng. Hình ảnh kia gợi trong tâm trí dân tộc bằng tiếng chuông vàng đại báo, nhắc nhở lòng cảnh giác về mối phần uất căm hờn đối với kẻ thù phương Bắc.

43- Núi Kinh Thiên : Theo nghĩa đen là ngọn núi cao chọc trời, chống trời.

44- Nắng hạ : Theo nghĩa đen là sức nắng gay gắt như thiêu như đốt của mùa Hạ. Nghĩa bóng nói sức dã man tàn bạo của âm mưu xâm lược thống trị, áp bức, bóc lột vô cùng hiểm độc của bọn đế quốc.

45- Hăm Tư hay Năm Tư ? Chúng tôi cho rằng có lẽ vì tam sao thất bản, hoặc vì đánh máy sai,. Bởi vì chữ “H” và “N” trông lơ mơ dễ nhầm lẫn. Chúng tôi nhận định rằng chữ Hăm tư có nghĩa hơn. Hăm tư giáo hóa tức là 24 điều giáo hóa của vua Lê Thánh Tôn, niên hiệu là Hồng Đức (Lê Hồng Đức khi vườn quỳnh chính giáo). Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim có chép : “Ngài lại đặt ra 24 điều, sức cho dân xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt”. Sử lược lại viết: “Xem những công việc của vua Thánh Tông thì ngài thật là một đấng anh quân, những việc văn trị và sự vũ công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng Đức. Nhờ có vua Thái Tổ thì giang sơn nước ta mới còn và nhờ có vua Thánh Tôn thì văn hóa nước ta mới thịnh. Vậy nên người An Nam không bao giờ quên công đức hai ông vua ấy.

46- Nền cương kỷ : Giềng mối, hệ thống trật tự của quốc gia. Tất nhiên nội dung 24 điều giáo hóa kia đã chứa đựng đầy đủ các chi tiết của một nền đạo lý dùng để hun đúc nên những con người toàn diện của giống nòi Tiên + Rồng theo chủ trương “Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà”. Lại nữa, 18 đời Hùng vương trong xã hội Hồng Bàng, mọi sáng tạo, mọi cơ chế trong quốc gia Văn Lang; Văn hóa: Lạc hầu; võ bị : Lạc tướng; kinh tế: Lạc điền; chính trị: Lạc chính; Xã hội: Lạc dân; Chính sách trung ương tập quyền, địa

phương phân quyền. Song vua với dân như bố với con. Theo truyền thuyết: Mỗi khi dân có điều khó xử với nhau, liền chạy ra bờ sông, bờ bể gọi “Bố ơi bố! Về xử kiện cho con”.

47- Tháp cuốn Trà Bà : Trà Bà có nơi chếp là Trà Bà. Có ý kiến cho rằng: Có lẽ là chà và (Java) một địa điểm ở phía Nam đối diện với điểm ở phía Bắc là Ngũ Lĩnh. Có chỗ viết “Gió đèo Ngũ Lĩnh mây quan Trà Bà”. Câu thơ ghi cái không phận trên địa phận. “ Ruộng đất muôn xưa nhà Bách Việt” cũng như ngày nay nói: “Mây ải Nam quan sóng Cà Mau”. Điểm trên cùng và dưới cùng của lãnh thổ hình chữ “S”.

48-Trà Bà? Trà Bà? Đồ Bà? Có sự sai lầm về chữ Hán chăng? Chữ Đồ (), chữ Trà () khác nhau một nét. Thêm một ý kiến nữa cho rằng: Đồ Bàn kinh đô của nước Chiêm Thành cũ, mới có tháp xây với các cửa cuốn. Cũng là một địa giới nước Việt ở phía Nam..

49- “Qua sông ta lại chở sang sông”: Ngụ ý là những kinh nghiệm lịch sử trên đây. Tác giả đã tìm ra và thể nghiệm cho người sau noi theo. Minh qua sông rồi còn trách nhiệm dắt người khác qua “Tự giác, giác tha”.

50- CỬ CỤC : Cũng gọi là cử trừ, do những nét vạch trên lưng con rùa mà tổ tiên người Việt đã tìm thấy trên sông Lạc nên gọi là Lạc Thư và đã phát minh ra “Cử Trừ Hồng Phạm”. Nguyên tắc áp dụng những quy luật vũ trụ vào đời sống xã hội loài người.

51- “Đất đỏ, trời xanh, giữa một ta” : Trên là trời, dưới là đất, giữa là ta. Câu thơ trên đây cũng như câu của Phật nói: “Thiên thượng, địa hạ duy ngã độc tôn”. Chữ ngã là ta,. Ta là con người, có nhiệm vụ lập tâm cho trời đất.

52- “Chung quanh vẫn của nước non nhà” Ta cũng vẫn ở giữa nước non nhà, nghĩa là ở giữa dĩ vãng và tương lai, nên ta có trách nhiệm “Kế vãng khai lai”, xây đắp lại cõi “Thần châu

53 “Theo đường Tiên nữ mang chiêng xuống Vạch lối Rồng xây lấy ngọc ra”

54- Chiêng: Theo truyền thuyết ở một làng nọ đầu năm tế thần, quen như thường lệ, ông chủ tế chạy vào trong một khu rừng nơi đây ông chủ tế sẽ thấy một cái chiêng thần. Ông mò tìm về để tế. Tế lễ xong, ông đem trả vào chỗ đó. Dân làng cho rằng chiêng của Tiên cho mượn. Như thế có tiếng chiêng đó, cuộc tế mới thành. Do đó mới thông được với thần minh. Chúng tôi nghĩ rằng truyền thuyết trên đây ít có giá trị căn cứ., Trong Kinh Thi, thiên Quốc Phong bài 184 nói: :”Bố tiến quân thì đánh trống. Mẹ hô lui thì khua chiêng. Như vậy, chiêng là hiệu lệnh của Mẹ (tiên), trống là hiệu lệnh của cha (rồng). Tiến quân là xử việc đời, lui là trở về chỗ xuất phát, nơi yên định tàng trữ, nơi có nguyên lý mẹ. Để hiểu một cách có lý chứng hơn nên hiểu rằng: “Chiêng của tiên là một biểu tượng cũng như nói vật thần là cái bí quyết hiệu năng khi hành sự mà mình nắm được. Còn “ngọc” thì ta thấy trong kiến trúc người ta đắp hay tạc, khắc hình rồng bao giờ cũng để trong miệng rồng một viên ngọc. Ngọc đó là biểu tượng cái tinh hoa của Rồng. Vậy ý nghĩa cũng chỉ là nắm giữ được cái tính chất hiệu năng của triết lý hành xử.

55- Vận hội : Cơ hội tốt, vẫn xoay đến để mình nắm được.

56- Tuấn nghệ : Tuấn là tốt đẹp, tài giỏi. Nghệ là tài năng học vấn kỹ thuật đều gọi là nghệ. Đời xưa cho: Lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (cầm cương cưỡi ngựa) thư (viết chữ), số (học là lục nghệ. Nói chung là nhân tài.

57- Giáp: Xưa tổ chức bảng giáp để kiểm tra nhân số, cứ 10 nhà làm một giáp.

58- Lân : Xóm. Giáp lân hiểu như hàng xóm .

59- Quỳnh ca : Những khúc ca ở vườn Quỳnh thời vua Lê Thánh Tông tượng trưng văn hóa thời thái bình.

60- Thần dụng : Áp dụng một cách tài tình thần diệu.

61- Dị đoan : Mỗi khác. Đạo là ở tình người , đạo người là đạo không xa người. Nếu bỏ người mà đi tìm chỗ khác, đi tìm vào những mối khác ấy gọi là dị đoan.

Hành khúc nói về khu Tiên Long Châu. Tiên Long châu là khu vực bao quát tất cả mọi mặt đời sống của dân tộc Bách Việt qua không gian, thời gian diễn tiến. Tác giả tìm nơi dấu vết của cố hương, nghiên cứu mọi mặt đời sống của Tổ Tiên từ dĩ vãng đến hiện tại để rồi dự phóng một đường hướng cho tương lai, với mục đích xây đắp lại cho dân tộc sống vinh quang trong một cõi Thần châu xán lạn dài muôn thuở.



Thay lời bình-giải.

***Hồn Thiêng Sông Núi:**

“Người ta tưởng-tượng cung-kính đứng trước bậc đền thiêng của anh-hùng dân-tộc, nghe cảm hứng những tiếng của đời xưa theo dòng sống sử ngược vang-vọng lại hiện-tại để mà cảm-hứng lấy Tổ Hồn, Quốc Hồn, Sử Hồn, kể chi những hần-học, hò kêu, thúc-giục.

Ở trước bàn thờ của các thế-hệ trước mà dân Việt đang còn sùng kính, há không phải những tiếng thực-tế sao?

Chúng ta biết cái tác-dụng lịch-sử tàn ác, cái cấu tặc sinh ra nòi Hồng Việt và bắt nòi Hồng Việt than, bắt nòi Hồng Việt hỏi, có ai giải-cứu cho người Chăm, người Thổ, người Mường? Chỉ có người Hồng Việt. Đau-đớn thay dân Ngái, dân Mường, dân Thổ, dân Mán, dân Kha, dân Mèo, dân Nùng nòi-giống của chúng ta. Một tiếng chuông chùa hồi thoi bây giờ không còn nữa. Chính là chỉ đồng vọng tiếng khèn, tiếng hân của Mế Hê, tiếng lòng của Khu Lân, Khu Lân người anh hùng cứu quốc của Đại Việt. Có ai biết cái tiếng của đất nước nòi đường ngược? Có ai còn nghe thấy cái tiếng ấy? Một làn gió lạnh của Hồn Uyển! Ghê-gớm thay cái đãi lọc muôn đời trong lịch-sử!!!

Cả một tâm-trạng Bách Việt sống trời dậy. Đất Bách Việt hãy còn, không còn mà thực còn trong lòng của cõi chết để làm cái đáy vực, cái rốn bể của tiến-hóa. Chúng ta cả Bách Việt cứ giác-ngộ Bách Việt và nòi giống ấy đã chân-chính sống lại đó, sống sâu-sắc, sống triệt-để, sống bộc-liệt, sống oai-hùng.

Ai hát lại chiến ca của người da đỏ? Ai hát lại xa-xam của người da đen? Những câu hỏi mả-mai đó nó lật nhào hết cái đạo-đức kỳ-quặc của văn-minh thế-kỷ XVII, XVIII, XIX, XX Tây lịch.

Người Atzèque sống lại hay người Mexique trôi tàn? Âu châu của nòi Hy La còn mãi hay Âu Châu của người Barbares sống lại? Đều là những nghi-ngờ thiên vạn cổ.

“Tiếng gọi của Sử như một tiếng động vang trong sương, ra tỉnh vào mê, không dứt dạt-dào với muôn đời gọi lên một hồn nghĩa vụ. Sự đào-thải với tái sinh qua các cuộc mưa nắng Xuân Thu biểu-hiện lên một tình-cảm, đó là tâm sự của sử. Tất cả những lời máu và thủ ký của sử còn lại với tiếng gọi và tâm sự của nòi giống trong cái di sản toàn bộ của Sử. Thủ hỏi di-sản của sử có những gì? Cả một nòi giống trên sự thực sống biết, sống tình thần và vật-chất theo một phương-châm dẫn dắt bằng một linh-hồn của sống ấy, nghĩa là cả một thiên-hạ hiện-tại để làm cho ngày mai và cả một thiên-hạ ngày mai làm cho ngày kia nữa. Tất cả những chuốt lọc thiên-nhiên và nhân vi trong đời người đã để lại của quá khứ những gì làm nền-tảng và điều-kiện cho ngày nay. Lê văn Hưu cũng như Trần Hưng Đạo, Hàn Nguyễn Thuyên cũng có ý-nghĩa như Lê Thái Tổ làm nên cả một truyền-thống của dòng máu Việt. Những chất-liệu linh-hồn ấy đã hòa thân vào ý chí sống chung và cả đời-đời thành những lượng-tử (quantum), năng-tử (neutron) hoạt-động hơn, nó chuyển-động tất-cả một kết-cấu nguyên hình chất (protoplasma) của nòi giống, một văn-minh trọn vẹn và đầy-đủ, ví như văn-minh đời Hồng Đức đặt ra cái cương-thường trăm thuở (24 điều giáo hóa) làm đề-cương cho pháp-luật. Dưới cái cương-thường đó tổ-chức nên một sinh-mệnh chung cho cả đạo-đức, văn đức, vũ công và kinh-tế. Lịch-sử còn chuốt lọc và mài-giũa... Ngày “Bình Ngô” phục-hoạt lại ngày “Bông Lau”. Chu văn An cũng như Nguyễn Du di thần nhà Lê cũng như di thần nhà Trần đều là những hạt giống khí-tiết và những mô-phạm của chân tài-tử. Chỉ có những sĩ khí-tiết và những chân tài-tử mới sống được ở trong sự sống của hồn sử và quốc hồn.

Hồn của sử là hồn đáy tầng của nòi giống, đáy lòng mỗi người, đáy sống của Tổ

Tiên truyền đời mãi-mãi...

“Người ta cũng như con vờ, sống ngắn-ngủi như thế, nhưng mà sống vô cùng, vì loài người còn sống mãi-mãi, mỗi con vờ có ý-thức và tư-tưởng là một tế-bào hoạt-động của sinh-mệnh Xuân Thu. Người ta cũng như con dã-tràng xe cát bể Đông, nhọc lòng mà không công-cán nào, nhưng mà là có công-cán lớn vì loài người còn nhớ mãi công-cán của mỗi dã-tràng ấy. Người ta cũng như con thiêu-thân, chui đầu vào lửa mà chết. Nhưng mà mỗi sự hy-sinh cho ánh-sáng của loài người là mở đầu cho mỗi đụn-đẩy văn-minh. Vai Atlas có ai khiến vác quả địa-cầu? Chu văn An thế mà dâng biểu giết nịnh! Những công-việc đó đều là công-việc của Hồn Sứ, của tất-cả loài người cũng như của mỗi dân tộc.”¹

***Tìm Cội Nguồn:**

*Non Kỳ nước Nhuế, mấy thu trường
Đi lại tìm nơi dấu cố hương
Đỉnh Đốc Bòng-Bong nhiều ái ố
Lưng Đèo Cắc-Cổ lấm tang thương*
(đoạn 1/Tiên Long Châu hành)

* Tìm lại cố-hương ư ? Với chiều dài lịch-sử gần 5000 năm, trải nhiều sóng gió và tang thương, sự tìm lại cố hương quả là một vấn-đề rất khó-khăn và càng tha-thiết.

Nay chỉ còn dựa vào những di-tích, đền-đài, truyện xưa sách cũ, các ngành học như khảo-cổ học, di-truyền học, dân-tộc học, ngôn-ngữ học, v.v...

- Theo Cổ sử. và Truyền Thuyết: Vua Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông (Viêm Đế) nhân tuần-thứ phương Nam, đến núi **Ngũ Lĩnh** gặp Vụ Tiên, tâm đầu ý hợp, cưới về sau sinh ra Lộc Tục.

Vua Đế Minh **lập đài**, tế cáo Trời Đất, phong Lộc Tục tức Kinh Dương vương làm vua phương Nam.

Kinh Dương Vương lên ngôi năm Nhâm Tuất (**2879 tr. D.L.**), đóng đô ở Phong Châu, nay thuộc Sơn Tây. Vua Kinh Dương lấy con gái vua **Động Đình** là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm tức Lạc Long Quân, kết hôn với Âu Cơ, sau sinh một bọc, nở ra trăm con trai.

Một hôm Lạc Long bảo với Âu Cơ: Trăm con khôn lớn, cần phải phát-triển, xây-dựng tương-lai cho chúng. Ta đem năm mươi con xuôi về **thủy phủ** (miền biển), nàng đem 50 con lên núi (cao nguyên), phân trị các miền. Dù lên rừng xuống biển, hễ có việc gì thì báo cho nhau biết.

Âu Cơ dẫn 50 con lên Phong Châu, bấy giờ là huyện Bạch Hạc, dựng người con trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng vương. Hùng vương đặt quốc-hiệu là Văn Lang, chia nước làm 15 bộ.

Theo ‘*Lĩnh Nam Chích Quái*, quyển 1, Hồng Bàng thị truyện, nước Văn Lang :

- * Đông giáp Nam Hải, tức biển Đông,
- * Tây tới Ba Thục.
- * Bắc tới hồ Động Đình.
- * Nam tới nước Hồ Tôn, (Chiêm Thành).

Nước chia làm 15 bộ hay quận, gồm:

- Việt Thường, - Giao Chỉ, - Chu Diên, - Vũ Ninh, - Phúc Lộc, - Ninh Hải, - Lục Hải, - Dương Tuyền, - Chân Định, - Hoài Hoan, - Cửu Chân, - Nhật Nam,

1- Lý Đông A, “Sử Hồn”, 1945.

- Tượng quận,
- Quế Lâm,
- Văn Lang.

(Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, ngoại kỷ, quyển 1)

Do sự tích Tiên Rồng trên được truyền tụng trong dân gian, nên dân Việt khi nói về nguồn gốc mình cho là con cháu Rồng Tiên.

Bàn về huyền-sử:

Huyền-sử là yếu-tố quan-trọng trong việc tìm về gốc nguồn.

“Huyền-sử chính là di-sản văn-hóa, là sự kết-hợp chặt-chẽ bản-chất của truyền-thống, tính liên-tục của văn-hóa, sự quan-hệ giữa già với trẻ và thái-độ của con người về quá-khứ. Cái cơ-năng của huyền-thoại là làm tăng giá-trị của một truyền-thống, rồi dựa vào truyền-thống này, qua việc thần-thánh-hóa các hiện-tượng thời cổ xưa, để tạo một giá-trị và uy-tín siêu-việt.” (Taryo Obayashi).

“Bộ huyền-thoại của một dân-tộc là đạo sống của dân-tộc ấy. Nếu mất huyền-sử thì bất-cứ một dân-tộc nào, kể cả những dân-tộc văn-minh nhất cũng sẽ sụp-đổ khủng-khiếp.” (Karl Jung)

“Không có bộ huyền-sử thì không thể thành một dân-tộc. Dân-tộc nào không có bộ huyền-sử không thể được coi là có văn-hóa hay văn-minh...” (Laurens Van Der Post, Pattern of Renewal, Pendel Hiull, p. 9)

Huyền-sử của một dân-tộc không những là một quốc-bảo, mà còn là kho-tàng bất-tận cho nguồn thi hứng và sáng-tác. Hai tay Atlas nâng trái địa-cầu hùng-tráng bao nhiêu thì truyện Phù Đổng Thiên Vương thi vị và hào-khí bấy nhiêu.

Huyền-sử là cốt-lõi của sử học, huyền-sử rộng-rãi hơn chính sử, biên sử. Huyền-sử bao-gồm dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai. Đặc-tính của huyền-sử là vượt thời-gian. Cái lõi của huyền sử là ở ý-nghĩa ẩn-tàng trong câu truyện. Giá-trị của huyền-sử thường đặt trên triết-học nhiều hơn là sử-học.

Trên thế-giới, đa-số các quốc-gia đều chọn hèm đơn làm Tôtem (biểu-tượng cho dòng giống):

Như: Pháp chọn gà,

Đức chọn chim ưng

Nhật chọn Thái Dương thần nữ.

Riêng Việt, chọn hèm kép “Tiên Rồng”.

Tiên : Thanh-thoát, tao-nhã (Âm)

Rồng: Uy-dũng, hùng-vĩ (Dương).

Tiên + Rồng nói lên con người có hai yếu-tố căn-bản tinh-thần và thể-chất. Tinh-thần phải trong sáng, cao-thượng, thanh-cao; thể-chất cần hùng-mạnh, uy-dũng.

Lạc Long quân lấy bà Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành trăm người con. Trăm ở đây có nghĩa là nhiều, trăm họ, trăm dân Việt, hay ‘Bách Việt’, trăm bộ-tộc Việt trải dọc theo sông Dương Tử. Nhóm 50 bộ-tộc theo cha xuôi biển, về chốn Nam-thủy, không những lập thành các xứ Mân Việt, U Việt,... mà còn tiến xuống phía Nam, và vượt trùng-dương đi tìm đất mới. Đây là cuộc di-cư lớn trong lịch-sử nhân-loại bằng đường biển do đại tộc Việt thực-hiện trong thời tiền sử và sơ sử, kéo dài cả ngàn năm. Nhóm xuôi Nam đã tời bán-đảo Đông Dương và Mã Lai, quần-đảo Phi Luật Tân,

Nam Dương, rồi chuyển sang cực Đông.

Nhóm theo mẹ lên núi, sang phía Tây (vùng ba tỉnh: Quý Châu, Vân Nam, Tứ Xuyên), tạo thành các sắc dân Thái, Miên, Môn và di-chuyển sang tới miền Trung Ấn.

Theo Ngô Thời Sĩ: “*Xét theo thiên Vĩ Công, nước Việt ở về phía nam đất Dương Châu. Theo sách Thiên-quan từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên-ngưu đến sao Chức-nữ bảy độ là tinh kỳ. Kể về sao thì ở về ngôi sừu, cùng một phân với nước Ngô. Cõi Nam là Việt môn, có rất nhiều nước như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt, cho nên gọi là Bách Việt. Bởi vì miền này ở về phía nam Dương Châu nên gọi là Nam Việt. Vùng đất từ núi Ngũ Lĩnh xuống phía nam thuộc về Nam Việt.*”

Ông Đào Duy Anh kể rõ thêm một số địa điểm “U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, *Lạc Việt ở An Nam*. Gần đây, Lăng Thuần Thành (Ling Shun Sheng), giáo-sư đại-học Đài Loan còn ghi thêm một vùng nữa cho dân Bách Việt, đó là tỉnh Hồ Nam.

Sách Chúc Phương Thi cũng công-nhận từ Dương Tử Giang xuống Nam, các dân-tộc không phải là Hán, các dân ấy là **Cửu Mân** (9 giống Việt), **Bát Lạc** (8 giống Lạc), Lạc Việt, Tam Ân (3 giống Ân), và Bách Việt (*nhiều giống Việt*).

Tóm lại, Bách Việt trong sách sử Tàu dùng để chỉ sắc dân cư-ngụ tại miền Nam sông Dương Tử, mà người Hoa Hán phải chiến-đấu khi họ bành-trướng từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam. Lãnh-thổ của các bộ-tộc Bách Việt theo huyền-sử là nước Xích Quỷ, bắc giáp Hồ Nam, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Tứ Xuyên, đông giáp biển Đông. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc khoảng thế-kỷ III trước T.L.

Sử sách ghi nhận các nước Hồ Việt (ở Hồ Nam), U Việt ở Triết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Quảng Tây, Diên Việt ở Vân Nam, Lạc Việt (Bắc Việt Nam), Chiêm Việt (đảo Hải Nam), v.v.... Các nước này nằm kế-tiếp nhau từ nam sông Dương Tử, qua lưu-vực sông Hồng, xuống tận bình-nguyên sông Mã. Nói chung, các xứ Việt nằm kế-tiếp từ hữu ngạn Dương Tử giang qua lưu-vực Việt Giang, Hồng Hà tới tận bình-nguyên sông Mã. Khu-vực này được ghi nhận vào cuối đời Chiến quốc ở Trung quốc (*thế kỷ 3 trước Công nguyên*).

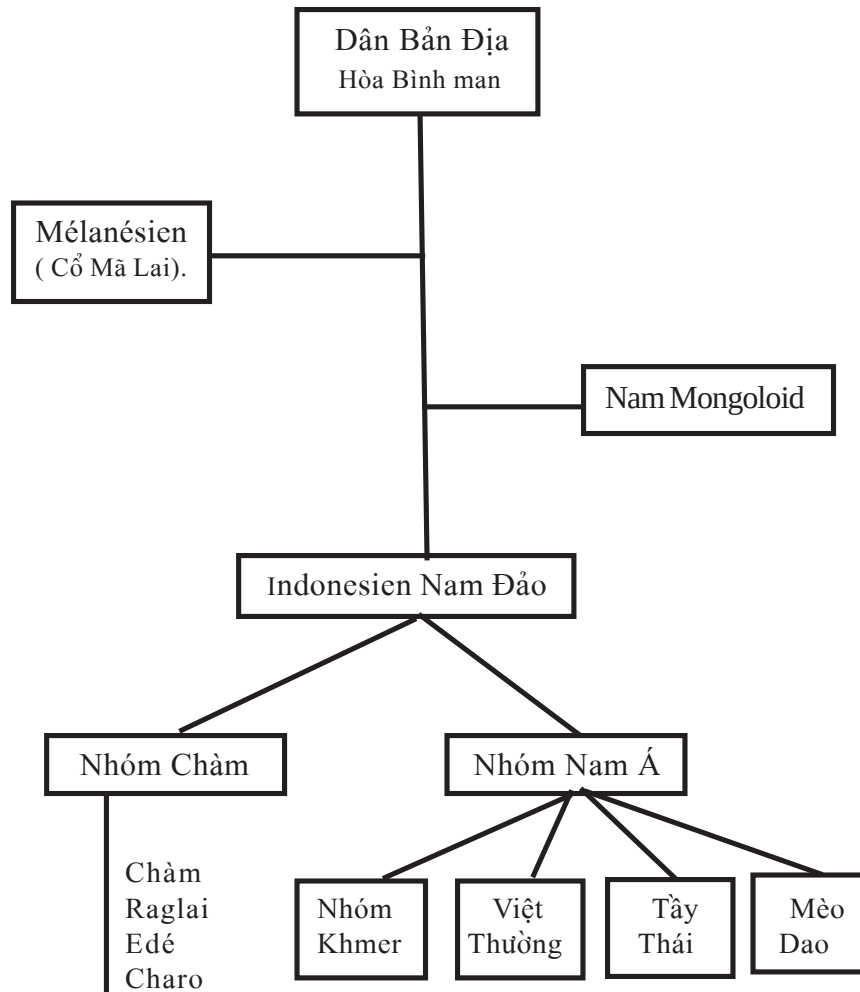
Từ khi Hiên Viên (Vua thủy tổ của nòi Hoa) chiến Suy Vưu, chiếm lấy vùng Hoàng Hà và Dương Tử Giang. Tiếp sau đó, dân Bách Việt phải linh-lạc (*Nam thiên*) khắp nơi, kể ở lại thì bị đồng-hóa!

Các quốc-gia ở vùng Đông Nam Á hiện nay cần được nhớ lại, nghe lại những lời ca ‘**não-ruột**’ trên bước đường xuôi Nam của các bộ-lạc Bách Việt:

- Người Việt cổ Mường hiện nay theo các tài-liệu về nhân-chủng học thì lớp người Việt cổ Thượng gốc bản-địa Đông Nam Á là sắc-tộc Mường ở rải-rác từ Hòa Bình đến Thanh Hóa, Nghệ An, nhân-số gần 300,000 người. ***Người Việt Mường coi như dòng Việt cổ giữ được thuần-chủng về văn-hóa nhất vì ít giao-tiếp với ngoại nhân, kể cả thời bị nội thuộc Tàu.***

Sau hết, học-giả Joseph Needham trong tác-phẩm vĩ-đại của ông, *Science and Civilization in China* có ghi: “*Anh-hưởng văn-hóa Hòa Bình còn là những tập-tục truyền thống đã theo vết chân di dân mang vào Trung quốc như tục xâm mình, tục mai táng bằng cách ngồi bó gối, tục thờ cúng tổ tiên, tục mở hội mùa xuân, mùa thu, kén vợ, kén chồng theo quan-niệm tự-do luyến ái, chứ không theo tục cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, văn hóa về sông biển, và quan-trọng nhất là cách phát âm và cách cấu-trúc ngôn tự.*”.

SƠ ĐỒ HÌNH THÀNH CHỦNG TỘC VIỆT



* Theo Di Truyền Học:

Theo định-nghĩa chuyên-môn về di-truyền học:

“Những tế-bào (cell) của động-vật cũng như thực-vật đều chứa yếu-tố DNA. DNA (Deoxyribo Nucleic Acid) tạo nên gene, và chính các gene đã làm cho muôn loài có sắc-thái đặc-biệt như mắt xanh, da nâu,... DNA có thể bị thay-đổi bằng cách chuyển-đổi các genes giữa các loại khác nhau, như ta có thể cấy một gene từ loài cá sống ở biển lạnh Bắc Atlantic vào một cây dâu tây (strawberry), khiến cây dâu tây có thể sống trong băng lạnh...” (The celles of all plants and animals contain DNA; it ‘s like blueprint for life, which is passed from generation to generation DNA is made up of genes, and it’s the genes that carry the information which make plants, animals and humans have specific characteristics such as green eyes or brown skin... DNA can be changes by transferring genes between and within different living things - you might, for example, try putting a gene from a fish that lives in the very cold sea of the North Atlantic into a strawberry so it can survive a frost...)

[Choice Magazine, Feb. 1997, published by Australian Consumers ‘ Association.]

Do đó, tương-quan giữa ngôn-ngữ và di-truyền học, thì “Trong hai (hay nhiều hơn) sắc dân đã phân-tán, bao-giờ cũng phân chia cả gene lẫn ngôn-ngữ.” (In two or

more population that have separated, there begins a process of differentiations of both gene and language.”

(Cavalli Sforza Paolo Menozzi, Alberto Piazza The History Geography of Human Gene, 8.5, p-380).

Các nhà di-truyền-học và học-giả nghiên-cứu về Đông Nam Á đều chủ-trương người Việt và cư dân Đông Nam Á nói chung đã mang “gene” Nam Á, và nói tiếng Nam Á như tổ-tiên họ từ thời Băng-hà (iced age). **Nói cách khác, họ là người bản xứ, chứ không phải di từ Tàu, hay từ hải đảo Thái Bình Dương tới.**

- Theo giáo-sư J.Y. Chu và đồng-nghiệp của ông cho rằng: “Cư dân ở miền Đông Trung quốc ngày nay là hậu-duệ của dân Đông Nam Á di lên.” *(The phylogeny also suggested that it is more likely that ancestor of the population currently residing in East China entered from Southeast Asia - J.Y Chu - The National Academy of Sciences, USA, Vol. 95, issue 29 July 1998).*

Căn-cứ vào các dữ-kiện nêu trên, ta có thể xác-quyết **dân Hoa (Tàu) và dân Việt là hai sắc dân khác-biệt.**

Giả-thuyết cho rằng người Việt có nguồn gốc từ Tàu là giả-thuyết nằm trong manh tâm muốn xóa nhòa nguồn-gốc Việt để dễ-dàng Tàu hóa!

Sau biến cố “Đốt sách chôn nho sinh” (Phần thư khanh Nho) vào thời Tần. Các nhà nghiên-cứu về Tàu đã có nhận-định như Caroline Blunder, và giáo-sư Mark Elkin thuộc đại-học Oxford: “*Liệu ngay cả chính người Tàu có được bao nhiêu ý-niệm về Tàu xưa kia thực-sự ra sao? Đây là một nền văn-minh cổ xưa của thế-giới còn lại. Xét theo sự liên-tục về văn-hóa, ấy vậy mà quá-khứ của nó đã bị tái hiệu đính liên-miên, thay vì thực-sự được bảo-tồn.*”

Về chủng-tộc, (qua công-trình khảo-cổ, nhân-chủng, ngôn-ngữ, địa-chất, di-truyền DNA,...) xác-quyết **chủng-tộc Việt không phải gốc từ Tàu, mà là người bản địa (HoaBinh-man) sau pha-trộn với các chủng: Cổ Mã-Lai (Mélánésien), Nam Mongoloid, Nam Đảo (Indonésien).**

Các nhà di-truyền học và học-giả nghiên-cứu về Đông Nam Á đều chủ-trương người Việt và cư dân Đông Nam Á nói chung mang gene Nam Á, và nói tiếng Nam Á như tổ tiên họ từ thời Băng hà (Iced age). **Nói cách khác, họ là người bản-xứ, chứ không phải từ Trung Quốc,, hay từ hải đảo Thái Bình Dương tới.**

- Nhà nhân-chủng S.W. Ballinger và đồng nghiệp đã nghiên-cứu DNA của 7 dân-tộc Đông Nam Á đã kết-luận **thuộc chủng Mongoloid phương Nam, mà Việt Nam là trung-tâm của DNA, từ đó lan-tỏa khắp vùng Thái Bình Dương.**

- Giáo sư Christian Pelzes chuyên nghiên-cứu về Đông Nam Á thuộc đại học Hawaii đã nhận-định: Trong các tiểu-bang và các nền văn-hóa xã-hội đa dạng, quần đảo Hawaii có quan-hệ gần nhất với ViệtNam về phương-diện địa-lý và dân-tộc.



* **“Về hình thức**, bài “Tiên Long Châu Hành” là một bài thơ dài gồm 12 bài Hán luật đi liền một mạch, nhất quán. Cái nhất quán của nội-dung đã tìm hiểu qua tổng quát đến chi tiết. Bây giờ tìm hiểu qua cách bố cục là con số 12 của hình-thức. Số 12 như thế nào? Theo Thiệu Khang Tiết: “Số của trời đất là 12 vạn 9 ngàn 600 xuân là một nguyên (12.9600). Nguyên chia làm 12 hội, mỗi hội là 1 vạn 800 năm. Nói về 12 hội là: Tý, Sửu, Dần Hợi. Năm có 12 tháng, ngày có 12 giờ nó lưu hành diễn biến theo những quy-luật tự-nhiên của vũ trụ vận động. Hành khúc này cũng có 12 đoạn tương ứng với những quy-luật vận-động tự nhiên vô cùng huyền diệu. Tương ứng tương hợp giữa 12 đoạn thơ cùng với 12 vận hội như thế nào?”

Đoạn 1-2 thơ ứng hợp hội Tý Sửu là lúc trời đất mới mở-mang (Thiên khai ư Tý, địa tịch ư Sửu). Bắt đầu vào ngày, nhất dương sinh là quẻ Phục. Trời đất còn hỗn mang, ngày chưa sáng, thơ thì Non Kỳ nước Nhuế mấy năm trường mịt-mù tìm-tòi dấu vết cổ hương. Thôi thì đỉnh dốc bông bong gỡ chưa ra, lưng đeo cắc có còn lấm tang thương mờ mịt đất trời, mãi đến đoạn 3 là Dần. Số 3 là số trời, trời đất dần sáng. Giờ dần là giờ của người (Nhân sinh ư dần). Người lúc đó lên ngôi “nhất nguyên”. Kể từ Dần là 1 đếm đến 3 là Thìn. Thìn là Rồng. Ta thấy ngay chữ Rồng đang vẫy vùng đứng đầu đoạn thơ số 3 (Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà). Hãy xem kỹ lại đoạn thơ này sẽ thấy được chủ ý của tác giả đặt tiền đề của đề tài Tiên Long châu hành ở đoạn này. Thật là quan trọng hết sức. Với tác giả thì phải chăng đoạn này là : “Thái bình làm sách ước để xây đắp cõi Thần Châu”.

“Nét bút tài tình của tác giả là khéo đưa cái phong-cảnh kỳ-dị đột hiện ra trước mắt một ngư phủ chưa từng thấy bao giờ làm cho tâm-trạng của bác ngư khi chợt thấy phải hoảng-hốt. Chữ hốt hoảng nói lên được tất cả những nét thần kỳ của cảnh vật Động Đình.:

- Động Đình là gốc tinh-hoa của Tiên Long Châu, cũng là cái nôi của Bách Việt.
- Đông Đình là Bồng Đảo, là Thiên Thai nhà của Tiên Long chiêu duyên kết-hợp mà sinh ra một bọc trăm trứng trăm con.
- Động Đình là nơi kết hợp duyên nợ ba sinh của mối tình Tiên Long cũng là duyên nợ Tổ Tông truyền của con cháu Rồng Tiên.

• Đoạn 5 “Non nước còn ta đến tận giờ” – “TA” tác giả tự xưng, dù là một siêu nhân lịch sử cũng không thoát cái duyên nợ Tổ truyền. Cho nên hậu thân chàng rể trên gò Bồng Đảo lúc chiêu duyên là ai? Chính tác giả người đã nắm được số 5 là số giữa đốt trúc của Gậy Thần mà quay guồng Tý – Ngọ (Nam Bắc không ngừng xoay Tý Ngọ) - Trục của Tý – Ngọ là số 5 ở giữa , số 1 đến số 9 trong bài thơ này.”

(Lời bàn của Mẫn Cầu)

“ Nam Bắc không ngừng xoay Tý Ngọ ” thì lẽ nào con người được sánh ngang với Trời Đất cũng có lúc mưa tuôn, sóng vỗ - Quyết ra tay chèo lái với cuồng phong (Nguyễn Công Trứ)

Thời cơ đến, chính là

*“Vận hội ngàn năm để mấy lần
 Quét thanh lang sỏi mở canh tân
 Anh hùng dậy khắp vùng lau lách
 Tuấn nghệ ra đây chốn giáp lân
 Đại cáo lại ban lời Bách Việt
 Zùynh ca luôn tấu khúc Duy Dân
 Trời Nam chung bọc Rồng Tiên cả
 Nhắc để lên đài sống vạn xuân. . . ”*

(Đoạn 11 trong Tiên Long Châu Hành 4822 T.V. - XY Lý Đông A)

Ngày nay cũng là lúc tuyên đọc “Hịch Thời Đại ”

ĐUỐC DIÊN HÔNG XXI

Trước thế loạn, vụ **nhân-bản**, hòa-đồng nhất thể,
Nước suy vong, khơi **cỗi-nguồn**, hội-tụ đồng tâm.

Nào phi-thuyền không gian vút chín tầng mây;
Nào máy bay không người lái; tàu ngầm lặn sâu ngàn mét, tên lửa xuyên dương;
Trước chướng tai đầy gai mắt, Tàu Chiếm vênh mặt bá quyền, Biển Đông xâm chiếm ..
Chú bé Bắc Hàn cuồng ngông, hăm-he hạt nhân nguyên tử, hù dọa lung-tung,...

Nhìn về quốc nội:
Cái tội Cộng quân
Phản dân, hại nước
Hết mức ngu đần,
Làm thân nô lệ
Tàu Cộng gian tham.
Đúng một lũ quyền gian cướp xã tắc
Đòi sống thừa, sống nhục, sống tôi đòi!
Hèn với giặc,
Ác với dân.

Nay cần dạy bảo:
Điên-đảo say mê
Mác Lê lú-lấp
Mất gốc quên nguồn
Là phường bội bạc.

Cảo thơm cần nhắc: “*Trúc xinh, trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.*” (Ca Dao)

*Trời đường sáng bỗng dừng mờ mịt
Nhìn tương lai tắc tị đường thông.
Nhớ xưa, chợt mộng qua đình,
Ngày xuân lễ hội, dân tình vui chơi!..*

* Ôi, vật đổi sao dời
Mòn hao dân vực
Bàn Giốc, Nam Quan,
Lấn tràn Đông Hải
Tàu cải Hoảng - Trường
Bức tường hải lộ.

* Hộ quốc an dân
Thập phần tuột dốc!
Nói dóc thật gân
Đúng gần miệng hố
Lũ ngổ thông-manh.

* Dân sinh bế tắc
Kinh tế thụt lùi
Dù cui là giỏi
Mòn-mỏi miếng ăn
Tình-anh sao được?..

* Sách-lược hộ dân
Ngu dân một lũ
Ấp-ủ Mác Mao
Lao-đao đất nước.

* Mộng ước văn-minh
Thêm sinh cướp giết
Duy Vật còn ca
Càng sa đói rách !

Sử sách đời xưa:

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư . . .
(Lý Thường Kiệt)*

*“Nào Triệu, Trưng phát cờ nương tử
Tình đồng bào, máu chảy ruột mềm.”*

Đình Tiên Hoàng vườn cờ lau Vạn Thắng,
Dẹp sứ quân, thống nhất sơn hà.
Đời tiền Lê, Đại Hành câu cá,
Chân đạp cung Đoài,
Ngừng cao đầu nói *“Thọ tử Nam Sơn.”*

Tiếp Lý - Trần : Tam Giáo đồng quy,
Tâm hưng Việt Đạo
‘Nội Thánh Ngoại Vương’
Ba lần bại Nguyên.

Nguyễn Quang Trung
Trên bành voi bình Bắc.
Chấn động biên cương,
Không chó kêu, gà gáy,...
Thế mà nay: Tù phạm làm sao!
Đứng vào hạng chót!

Mau mà tỉnh-thức:
Hãy nhớ xem:
Tàu từng áp-bức:
- Nuốt gọn các vùng
Nam Quan, Bàn Giốc.
- Chúng vẽ lưỡi bò
Liếm ngoạm biển Đông.
- Tại vùng biên-giới, biển đất Việt thành nơi phế-thải.
- Di dân đầu-tư
Giả như lương thiện
Chiếu-khán không cần
Đạo quân thực sự
Gián điệp nằm vùng.

Môi trường ô nhiễm
Thâm hiểm bọn Tàu.

*Trọng, tay sai cúi đầu nhận lệnh,
Đem mệnh dân trao mặc buông trôi !
Ôi thôi, đất nước đi đời
Năm ngàn văn hiến đến thời diệt vong?*

Nên nhớ rằng:

*Gốc Tàu Chệt tử đâu mà đến?
Tây Vực hoang, lưng ngựa sang Đông.
Xuôi Nam cướp đất Lạc Hồng,
Gây bao khổ nạn Con Rồng cháu Tiên.
Mượn của người gây phiền sử sách.
Hãy nhớ lời “Bất tác” Khổng Khâu.
Thương thay cái lũ “Thiều Châu”
Vênh-vang mượn cấp của người làm vinh!.*

* Hãy phản tỉnh, cùng ca hồn nước:

- Tự vùng lên, rửa nhục non sông
- Lắp từ lâu cột đồng Mã Viện
- Hãy hô vang: Đại Việt oai phong!
- Giống Tiên Rồng vang trong bốn cõi,
Làm rạng danh kim cổ anh-hùng.

*Đốt lau sậy cháy bùng khắp chốn,
Xua cho tan Tàu khốn xâm-lãng,
Cùng tôi đòi Việt Cộng gian manh!
Cho lang sói vượt nanh rơi rụng.*

*Quốc miếu tụng, Diên Hồng chính đạo
Phất quân ca ‘Sát bọ’ húng tâm
Đem thái hòa cho dân an lạc,
Để danh thơm ghi tạc nhiều đời.*

Khởi Xuân Đinh Dậu, 2017.

Duy Khang.



*Đặng Dung mài gương
dưới trăng*

VI Quốc Sĩ

Nhấp chén rượu mài gương giận chém đá
Tấc cỏ thân ngiệt tử có ai chia
Buổi Âu phong Á vũ vẫn còn mơ
Chưa thức dậy cùng ta tuyết quốc sĩ

Vương nhiều đồ chờ-chờ hoen nét dĩ
Thẹn những phường tranh chấp mượn tay ai
Gương Minh vào, Thanh đến lại Tây lai
Ngai vàng nặng để e-chê non nước.

Thẹn những kẻ quyền gian cướp xã tắc
Bêu sòng thừa thác nhục chốn tha hương
Dâng sớ đồ gùy gói chốn biên cương
Tiếng sét đánh hồng hồn quân biếm chúa.

Thẹn những thuở sinh ra quân lộn chó
Thân ăn nằm còn nghĩ đến ông cha
Gác cửu trùng đau thảm chết muôn nhà
Dem đất nước phó cho làn sóng cả.

Thẹn những đứa cân đai mang sóng xã
Chi đội trời đập đất đã bù nhìn
Chạy trước hươu góm lũ chó săn nền
Chi trách được mụ Cù tâm dạ Hán

Thẹn những thuở miếu đình ngồi tương tán
Chén thanh trà bồi hoàng tửu đình chung
Mặt diện tường sao biết việc ô long
Con thuyền đỗ sóng bèo ai giữ lái.

Thẹn những bậc i-ô chi lái-nhãi
Mãi sân Trình, cửa Khổng mãi Ba Lê
Mộng hầu quan tử xú lạc đường quê
Quê nước ở trong hồn người tự chủ.

Thẹn đất nước dưới chân giày uế xú
Người Lâm Thao, Bến Ngự lương tâm cơ
Mà bướm hồn xuân nửa năc lòng thơ
Để đàn nhạn Cô Tô dài thoi-thóp

Thẹn dân nước trong sống còn ngoi-ngóp
Cũng vua quan phẩm sắc cũng giàu sang
Miếng thịt xoi luồn-lọt mà đình đang
Lương để thẹn ngàn năm người dạ ngựa.

Thẹn những phường thất phu xanh đỏ khố
Cũng vênh vang ra phết bạc thày cô
Đoái chẳng ai Sát Thát lại bình Ngô
Quân hồn để sừng sừng gươm Vạn Thắng
Thẹn những bậc yếm khăn chi lẳng-những
Chẳng xem người mũi chỉ giục chinh nhân
Cũng theo dõi những vãi Hậu Dinh ngâm
Để bút-rút ánh trăng trâm cửa Sát.

*Nghĩ đến nổi nước non lòng tan nát
Có ai còn nhớ chữ tượng phu chăng
Núi Lam Sơn còn sống lại thánh vương
Để nhớ lại nước non nòi Đại Việt.*

XY Lý Đông A

Nhấp chén rượu giải sầu, chém đá đập tan niềm uất hận - Có ai cùng chia sẻ nỗi bất bình trong lòng kẻ cô thân nghịệt tử? Trong lúc nhiều người mãi-mê như bị cuốn lôi vào phong-trào “Mưa Âu, Gió Á”, chưa tỉnh thức để cùng rửa sạch mối “Quốc Sĩ” (mối sỉ nhục chung của đất nước).

Vuông nhiều điều phủ trên giá gương bị hoen dỉ phai mờ! Ôi cảnh thay! Hận thay cho những phường tranh chấp chỉ mong nhờ cậy thế lực ngoại lai, mà không biết nhìn thẳng vào tấm gương xưa: Hết bị Minh vào áp-bức, tới Thanh đến dày-vò, rồi lại đến Pháp đô hộ. Cái nét uơn hèn, bấu víu, và coi nặng ngai vàng mà mặc cho non nước phải ê-chề, điều đúng!

Thẹn cho kẻ cường gian (Mạc Đăng Dung) giết vua để tranh quyền, để rồi phải bêu diếu kiếp sống tủ nhục ở ngoài biên cương, phải tự trời mình, qùy gối dâng sớ đồ, cắt đất để hàng giặc! Đó là một tiếng sét đánh làm hoảng hồn quân biếm chúa (giết vua cướp ngôi).

Phải hổ thẹn nhìn cái thời sinh ra những hạng như lợn, chó - chỉ biết ăn không nằm rồi, không nghĩ gì đến tổ tiên, cha ông. Trên chín bề lều son có biết đâu đến nỗi đau khổ chồng-chất nơi muôn dân, nữ đem đất nước phó cho làn sóng dữ!

Đáng thẹn cho những đứa cân đai (chức tước) mang sóng xả. Cũng mang thân “đầu đội trời, chân đạp đất” nhưng tư cách để đâu? Mà toàn chỉ là những thân bù nhìn không hơn không kém! Lại còn lũ chó săn chạy trước hươu chỉ dành cho địch, Mình là dân nước mà còn làm thế, huống trách gì mục Cù Thị, nó vốn là người Hán, bảo sao nó chẳng có tâm dạ với Hán. Thẹn những nơi miếu đình, ngòi không tán tụng nhau, nào trà, nào rượu ngon, chia nhau miếng đỉnh chung, bàn đến việc thịnh suy, xấu tốt của nước nhà thì mờ-mờ mịt mịt, trơ cái mặt diện tường (ngớ ngẩn)! Con thuyền sóng đổ bèo trôi, ai là người lái giỏi?

Thẹn cho những bậc tự nhận là trí thức, vẫn lải-nhải cái thời học nhờ viết mượn, hết i-ô, i-a của Khổng sân Trình lại đến Ba Lê (hết Tàu học đến Tây học). Chẳng qua cũng như con khỉ bắt chước người, cũng học tắm rửa rồi đội mũ áo. Theo hết cái này đến cái khác, lạc-lỡ quên cả đường về quê nhà đất tổ! Quê nước ở đâu? Quê nước chỉ có thể có được ở ngay trong tâm hồn con người biết tự chủ.

Thẹn khi thấy dân nước đương sống quần-quai dưới gót giày ướ-xú của kẻ thù - Người Lâm Thao (Nguyễn Thái Học), Bến Ngự (Phan Sào Nam) bao tâm cơ lo lắng, trực-tiếp hy sinh. Trong khi đó thì những tinh-thần như “Hồn Bướm Mơ Tiên” tiêu tưng ý chí, những mối tình ngang trái “Nửa Chừng Xuân” làm náo lòng thơ, khiến cho dàn nhạc ở đài Cô Tô phải thôi-thóp chờ báo tin chiến thắng của đoàn quân Việt báo

thù nước Ngô chưa hề động tĩnh!

Lòng then-thùng khi thấy dân nước đương trong tình trạng sống còn thoi-thóp, thế mà những ai đó vẫn vua quan, phẩm sắc, vẫn giàu sang! Miếng thịt xôi luôn cúi mà đỉnh-đang, lòe-bịp người khác, chỉ làm tủi cho vong hồn các chiến-sĩ từ ngàn xưa mang tinh-thần “da ngựa bọc thây” ngoài chiến trường.

Then cho những phường thất phu, lính khố xanh, khố đỏ chẳng biết nhục-nhã, còn vênh-vang ra phết bậc thày cô với mọi người. Chẳng biết gì đến tinh thần “Sát Thát”, “Bình Ngô”, để quân hồn phải sượng-sùng với gương Vạn Thắng!

Then cho những bậc yếm khấn (phụ nữ) chỉ biết lẳng-những theo chồng, sao chẳng xem gương bà Thái Phi đem tài nội trợ, đường kim mũi chỉ ra làm giám quốc giúp vua, để khích lệ vua quan quay trở lại chiến thắng Chiêm Thành. Mũi chỉ giục chinh nhân thành công như thế đó, đâu phải như những kẻ theo đòi những vãi hậu đình ngâm, để tủi hờn cho ánh trăng chìm nơi cửa sông.

Nghĩ đến non nước, tình dân mà lòng tan nát. Có ai còn nhớ rằng mình là người dân Việt, dòng máu anh hùng, đường-đường là đáng trượng-phu phải nên như thế nào? Có còn nhớ bậc thánh vương khởi nghĩa ở Lam Sơn rửa thù tuyết sỉ như thế nào? Hãy đứng dậy. làm sống lại thời oanh-liệt xưa để mở lại nước non nòi giống dòng Đại Việt

(Giải thích của Mẫn Cầu)

*** Quốc Gia Nạn & Dân Tộc Nạn.**

Nhân-loại là một, dân-tộc có nhiều. Từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, con người đều chung nhân tính tuy màu da khác nhau. Vì hoàn-cảnh địa-lý phân-bố, phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ lịch-sử tích-lũy mà thành nhiều dân-tộc. Mỗi dân-tộc đều có dòng sống sử riêng, văn hóa riêng, và mỗi dân-tộc là một cơ-năng trong bản-vị nhân-loại.

Muốn cộng-đồng thế-giới có hòa-bình, mỗi cơ-năng quốc-gia trong bản-vị quốc-tế phải được bảo-toàn, tôn-trọng. Lấy quốc-gia này tiêu-diệt quốc-gia kia, đó là tự triệt phá một cơ-năng trong bản-vị toàn thể, tiêu-diệt một dòng sống sử trong nhân-loại, một bản sắc văn-minh hay một đặc-thù trong nhiều sắc-thái của nhân-loại.

Ai cũng biết “quốc-gia” là một thực thể mà tiếng Anh hay Pháp gọi là “*nation*”; Ở mặt vật-lý là một lãnh-thổ gồm địa phận, hải phận và không phận; Về sinh-lý là một xã-hội kết hợp nhiều sắc tộc; Ở mặt tâm lý là một ý chí và một chiều hướng tồn tiến để rạng sáng lên thành một nền văn-hóa đặc-thù.

Quốc-gia lâm nạn khi một hay cả ba mặt trên bị một thế-lực nội tại hay ngoại nhập trấn áp, kìm-hãm, sử-dụng cho quyền lợi của họ khiến đời sống tập-thể không phát-triển được và nhân dân sống trong cảnh lầm-than, tủi-nhục.

Khi Cao Bá Quát thốt lên với khẩu-hiệu:

“Bình Dương, Bỏ Bản vô Nghiêu Thuấn,

Mục dã sơn điền hữu Võ Thang.”

thì quốc-gia nạn chính là do chế-độ vua quan triều Nguyễn. Giải-quyết quốc nạn trong trường hợp này chỉ cần lật đổ chế-độ ấy bằng một quyền lực do nhân-dân xây-dựng và nắm giữ. Ngày nay, ai cũng thấy rõ giới lãnh-đạo cộng sản Hà-nội thực-tế đã trở thành “*bù-nhìn*” (*tân thái thú*), đồng-thời cũng là công-cụ bành-trướng một cách không tiếng súng của **bá quyền Bắc Kinh**.

Đạo quân thứ 5 của Trung Cộng ở Việt Nam đã luôn-luôn túc-trực dưới dạng “*du khách*” không chiếu khán, cộng với các gian thương Hoa Kiều trước ở địa-phương, Trung Cộng có thể coi đây là một công-cụ của họ. Đạo quân này có khả-năng xâm chiến khi cần thiết.

Hơn 60 năm qua, Trung cộng đã gài mạng lưới tình báo, gián-điệp suốt mặt từ thượng tầng cơ-sở đến hạ tầng địa-phương. Điều hiển-nhiên mà ai cũng thấy rõ các thương gia người Tàu (*phe Bắc Kinh*) gián-tiếp điều-hành hệ-thống kinh-tế Việt ngày nay.

Bọn cầm quyền “*bù-nhìn*” Hà-nội nhất-nhất vâng lệnh quan thầy Bắc Kinh.

Tinh thần “*dựa dẫm*” (tay sai) của bộ chính-trị Cộng sản Việt Nam đã được chính bọn tay sai xác-định trong nghị quyết ngày 20-5-1988: “*Thay vì dựa hẳn vào một vài nước như trước đây ta đã làm, nay cần phải đa dạng hóa và đa phương hóa quan-hệ quốc tế.*”

Sau khi Liên Xô sụp đổ, tiến trình bình thường hóa Việt - Trung đã khiến Việt Nam đi giạt lùi cả ngàn năm. Cộng Sản Việt đã làm sống lại chính sách “*thần phục*” và triều-cống từng được áp-dụng từ 968 đến cuối đời Tự Đức.

Hình-thức “*thần phục*” hay “*cúi lạy*” được thể-hiện qua vụ hai đại tướng Võ Nguyên Giáp và Lê Đức Anh trong hội-nghị thượng đỉnh (1991) lưỡng đảng và nhà nước Trung Cộng với Việt Nam!

* Về chính-trị, đảng Cộng sản Việt Nam đã tỏ rõ tính cách “*Phi Dân Tộc*” và “*Phi Dân Bản*” !

Điển-hình, theo điều 4 của Hiến Pháp ngày 15-4-1992 của Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa quy định: “***Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội.***” Do đó, ta thấy các nghị quyết của bộ chính-trị và ban bí thư, các chỉ thị của các cấp ủy đảng chi-phối hệ-thống văn bản pháp luật bao gồm hiến pháp. Thật là “*phi dân tộc*” và “*phi dân bản*”.

Xưa nay, thành-lập một tổ-chức hay đảng phái là để phục-vụ cho đất nước và dân tộc, ngược lại, đảng Cộng Sản lại bắt dân, bắt nước tuân phục chúng!

Đảng lãnh-đạo toàn-diện. Đảng nắm trong tay cả ba quyền hành-pháp, lập-pháp và tư-pháp. Đảng nắm chính quyền bằng cách nắm guồng máy nhà nước (*cơ quan hành-pháp*). Quốc-hội dưới sự lãnh đạo của đảng.

Trong bài thuyết-trình trước Hội-Thảo Chính-trị tại Washington, D.C. vào ngày 23 & 24 tháng 4, 1996, luật-sư Trần-Thanh-Hiệp đã nêu lên tính cách “*độc-tài toàn trị*” của đảng Cộng-sản:

“*Từ-ngữ “toàn trị” ít người dùng vì dư-luận thường đồng-hóa độc-tài với toàn trị. Giáo-sư xã-hội học người Pháp rất nổi tiếng, Raymond Aron đã đưa ra năm đặc-tính để định-nghĩa hiện-tượng “toàn trị”. Ta có thể tóm-lược như sau: Thứ nhất, độc quyền của mộtđảng trong sinh-hoạt chính-trị. Thứ hai, một ý-hệ cũng có tính-chất độc quyền. Thứ ba, độc quyền của đảng này về bạo-lực và các phương-tiện thuyết-phục con người. Thứ tư, sự phụ-thuộc của mọi hoạt-động kinh-tế, nghề-nghiệp vào ý-hệ cũng như vào chính-sách, đường lối của đảng ấy. Thứ năm, sự khủng-bố con người bằng ý-hệ và công-an cùng mật-vụ.*

“*Đảng cộng-sản Việt-Nam có đủ năm đặc-tính này và như vậy đảng này là đảng “toàn trị”. Toàn trị khác độc-tài ở chỗ không những nó muốn chiếm-đoạt quyền-lực chính-trị mà nó còn muốn thống-trị con người về cả tình-thần lẫn thể-xác. Vì vậy, nó không ngần-ngại can-thiệp vào tất-cả mọi mặt của đời sống. Giữa phần đầu thế-kỷ này, người ta đã có dịp biết đến hai loại “toàn trị” đó là toàn trị phát-xít và toàn trị quốc xã. Tới phần sau thế-kỷ, người ta còn biết thêm một loại toàn trị mới ghê-gớm hơn, đó là cộng-sản. Điều đáng kinh sợ nơi toàn trị là ý-đồ của nó nhằm*

“siêu thực” làm thực. Chế-độ “toàn trị” đã khinh-miệt nhân quyền, coi rẻ phẩm-giá sinh mạng con người hiện đang sống bằng xương bằng thịt để chỉ nhìn-nhận mẫu người mộng-ảo chế-tạo trong một tương-lai ngày càng xa vời.

*“Khởi cần nhắc lại thêm rằng toàn bộ cộng-sản ở Đông Âu và Liên Xô đã sụp đổ bởi không thể áp-đặt vô-hạn-định cái thế-giới “siêu thực” Mác Lênin. Cộng-sản ViệtNam vẫn còn theo đuổi ý-đồ áp đặt “siêu thực” nên vẫn còn nói **“đi lên chủ-nghĩa xã-hội là con đường tất yếu của nước ta”**, vẫn còn bắt mọi người phải tôn-sùng chủ-nghĩa Mác Lênin, phụ đỉnh tư-tưởng Hồ Chí-Minh. Nhưng tiếc rằng, chẳng ai biết cái “chủ-nghĩa xã-hội” mà các tên lãnh-đạo cộng-sản đang nhắm đi tới, đích-thực nó ra sao và đi tới đâu ? ”*

Dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam cộng thêm những mưu-toan xâm-lược dưới nhiều hình thức của Tàu không những đã gây nên *“Quốc gia nạn”* đồng thời sinh ra *“Dân tộc nạn”*.

Dân tộc nạn là sự rạn nứt lâu dần đi đến tan rã khối tập thể nhân dân và nhất là **sự xâm-nhập những nét văn hóa ngoại lai và sự phá bỏ văn hóa dân tộc** trong một tinh thần *lợi danh vọng ngoại*.

Nếu quốc gia nạn được kịp thời giải quyết thì những nứt rạn dân tộc được hàn gắn lại, Trường hợp trái lại, quốc gia nạn càng kéo dài, hoặc bị giải-quyết một cách lưỡng gạt thì chẳng những quốc gia nạn vẫn còn mà nứt rạn dân tộc càng sâu rộng, trầm-trọng thêm!

Dân tộc là một dòng sống kết tập từ nhiều nguồn hay từ một nguồn chính yếu. Dân tộc có một đời sống tập thể riêng, một cộng đồng có nếp sống văn hóa đặc thù, và một lịch sử chuyển biến thịnh suy. Dân tộc lâm nguy khi tinh thần tập thể tức ý chí sống còn, tiến hóa chung bị rã-rời, tinh thần bảo toàn nếp sống văn hóa bị suy yếu, và tinh thần tự hãnh ở nếp sống đặc-thù không còn. Nếu tình trạng này đi đến kết thúc tức là dòng sống dân tộc tịch diệt, mặc dầu về mặt sinh lý tuy vẫn còn những con người mang huyết chủng của dòng sống cũ đang sinh hoạt trên lãnh thổ hay tại một nơi nào khác nhưng chỉ là những *xác cũ hồn mới*!

Những sinh hoạt không hồn nếu có chỉ là những váng bọt vật-vờ trên dòng nước chảy, trước sau những huyết chủng này cũng tan hòa, biến mất trong dòng mà chúng bị cuốn theo. Đó là tình trạng những dân tộc bị tịch diệt.

Dân tộc Việt đang trên bờ vực thẳm qua hai mặt “quốc gia nạn” và “dân tộc nạn” do bọn cầm quyền Cộng Sản Việt.

Bản chất biến cố lịch sử mà dân tộc Việt bị mắc vào trong thời gian cận-thị của triều đình Nguyễn (*Nguyễn Gia Long*), tiếp là thời kỳ Pháp đô hộ, chuyển sang thời gian đưng độ giữa hai siêu cường Nga-Mỹ lấy đất Việt làm trận tuyến, **tệ hại hơn ngày nay trên danh nghĩa độc lập và thống nhất, nhưng thực tế yếu hèn, lệ thuộc, van xin, cầu cạnh, băng hoại, bất lực**.

Tinh thần tập thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình tự dân tộc đã kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lưỡng gạt một cách quá sức tưởng tượng, một mặt chính những tình cảm ấy tuy không chính thức bị cấm đoán nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn giải *“yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa”*!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh, đê tiện, giả dối. Càng trẻ càng điêu ngoa, trắng tráo. Tập đoàn cộng sản đã đào tạo cho lớp trẻ thay vì nuôi dưỡng *“nghĩa khí, hào hiệp”* thì lý tưởng khao khát của thanh niên thời đại là làm sao được

tuyển vào hàng ngũ tổ-chức gọi bằng danh-từ “đảng”, và khi được tuyển vào đảng chỉ biết bảo-vệ quyền lợi đảng trên hết, dù đi ngược lại quyền lợi dân-tộc và đất nước! Tinh-thần dân-tộc đã hoàn-toàn bị phá-hoại. Những ngôn ngữ, những việc làm liên quan đến văn-hóa, lịch-sử dân-tộc chỉ là những công-tác hóa trang, tuyên-truyền!

Tất cả những nét văn-hóa truyền lại từ ngàn xưa tại nông thôn như tổ-chức thôn ấp, đình miếu, tộc đường,... thậm chí đến cả gò đồng, cây đa, con ngòi cùng với danh hiệu, tất-cả đều đã bị triệt phá, thay hình đổi dạng, khiến một người đi xa lâu ngày trở về không khác nào đến xứ lạ, và tất nhiên những thể-hệ trẻ lớn lên là lớn lên trong một khung cảnh hoàn-toàn không còn liên-quan đến quá-khứ!

Những cứ điểm văn-hóa dân-tộc đã đương-đầu với cả ngàn năm đồng hóa thời Bắc thuộc và hóa giải cả 8, 9 trăm năm cái học-thuật mị ngoại của thời vua chúa và cũng đã chối bỏ được văn-hóa lai-căng, bồi-bấp thời Pháp thuộc - **Những cứ điểm làng mạc quê mùa ấy đã bị tập-đoàn cộng sản triệt-hạ! Trọng tội này, tập đoàn cộng sản Hồ Chí Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng đối với lịch-sử dân tộc Việt?**

Những nguy kịch này không riêng ở trong nước, mà còn ở thành-phần dân-tộc nơi hải ngoại. Chỉ trong vòng ít năm tới đây, số người Việt ở hải ngoại còn nói được tiếng Việt trong giao-tế hàng ngày với nhau liệu còn được bao nhiêu? Số người còn có những kiến-thức về lịch-sử, và thường-thức được những tinh-tế trong văn-chương Việt lại càng thưa-thớt hơn nhiều! Những khối người nhỏ-nhoi trôi giạt khắp nơi trên thế-giới khác nào những tảng băng trôi giạt tới các biển nắng ấm đang tan rất mau những bản-chất của dòng sống dân-tộc Việt!

Quả là một tình-trạng bi-đát cho Mẹ Việt Nam!!!

Hãy cùng nhau:

“Đứng dậy anh em
Thét vang cho trời uất hận
Vung tay cho gậy xích xiềng
Đứng dậy anh em!
Cùng nhau phá tan bầu khí quyền,
Của uơ hèn, nhục nhã, đau thương,
Của Việt Nam đau khổ trăm đường.
Quét sạch chúng những tên da vàng nô vong khắc nghiệt.
Vùng lên anh em!
Giữ vững quê hương của ngàn năm oanh liệt
Thu giang sơn về cho dân Việt kiêu hùng.
Hãy giương cao cờ đại nghĩa Quang Trung.
Phá cho sạch, đốt cho tan đêm mịt mù u tối.
Theo ngọn lửa vinh quang HÙNG ĐẠO VƯƠNG soi đường chỉ lối.
Đứng dậy thét vang!
Xua lang sói, hùm beo chạy tít về ngàn.
Bắt chúng
Trả đất sống,
Trả tự do,
Trả lại quyền làm người vươn cao ngẩng mặt...”
(Thái Hòa)

VII Chim mồi

Hỡi chim mồi trong lồng
Tịch mịch có buồn không?
Tháng tháng ăn mấy đấu,
Ngày ngày trả mấy công?

Ví thung-thăng ngoài nội,
Đâu phản bội đồng tông.
Gây hót đau hoa lá,
Xun-xoe chạnh cảnh lòng

*Dem thân người bú mớm
Làm gương lắm kẻ trông.*

4821 T.V..

Từ xưa đến nay, mỗi quyền lợi vốn hấp-dẫn lòng người, và vì quyền lợi người ta đã gây ra nhiều tội ác, tên tuổi bị lưu xú muôn đời.

Thời Pháp thuộc, Nguyễn-Thân cho đào mộ nhà ái quốc Phan-Đình-Phùng, lấy cốt đốt thành tro rồi trộn vào thuốc súng để bắn.

Đời Hậu lê, Lê Chiêu-Thống chạy sang Tàu cầu cứu, do đó nhà Thanh đã mượn có phò Lê” để đem quân xâm-lăng nước Việt;

Bên Tàu, thời nhà Thanh, Ung-Chính đã hãm hại anh em và giết cả cha để đoạt ngôi...

Ngược dòng lịch-sử Việt, Kiều-Công-Tiến mutu bại Dương Diên-nghe; Dương-Tam-Kha cướp ngôi của cháu Ngô-Xương-Ngập... Tất cả cũng chỉ vì hai chữ “Lợi” và “Quyền”.

Đối nghịch với “lợi” và “danh” là “trung” và “nghĩa”.

*“Có trung hiếu nên đứng trong trời đất
Không công danh thà nát với cỏ cây”*

(Nguyễn Công-Trí)

Công ở đây là những công-trạng như đóng góp thăng-hoa cho tập-thể, tài-bồi cho sự sinh tồn của nòi giống, hy-sinh bảo-vệ đất nước,... Danh là tiếng thơm muôn thuở (khác với danh lợi bất chính), đời đời được nhắc đến tên để làm tấm gương sáng cho hậu thế.

Tương-tự, “Sống ở làng, sang ở nước”, câu tục-ngữ tuy ngắn gọn, nhưng nói lên đầy đủ ý-nghĩa của cuộc sống làm người.

“Sống ở người cũng như sống ở muôn loài, sống là sống trong một dòng nối-tiếp trong thời-gian và không-gian. Vật hay người, không một cá thể nào tự sinh, mà phải nảy sinh từ

một dòng sông. Không một cá-nhân nào sống được nếu không sống trong một tập-thể. Ở người, tuy cá-nhân có nẩy-nở được sắc-thái riêng, đánh dấu cuộc sống của mình, những sắc-thái này cũng nằm trong sắc-thái chung của dòng sông và mức-độ nẩy-nở cũng tùy theo hoàn-cảnh và điều-kiện mà dòng sông của nó đã và đang trải, khác nào như hoa nở là nhờ ở tiết xuân và những điều-kiện tưới bón. Sắc-thái, hoàn-cảnh, và điều-kiện mà khác thì cuộc đời cá-nhân cũng bị ảnh-hưởng, dầu có những yếu-tố cá tính.

Chính nhờ có nối-tiếp rộng và lâu nên cuộc đời cá-nhân không thật sự chấm-dứt. Dòng sông còn thì cá-nhân còn. Cá-nhân chỉ thật sự chết khi dòng sông truyền từ trước đến nó và từ nó về sau đã bị chấm-dứt.

“Sống ở làng, sang ở nước”, sống đây là sinh hoạt trong nếp văn-hóa chung. Sang là tạo nên công danh, sự-nghiệp, được hưởng những biệt-đãi hơn người trên bình-diện quốc-gia. Tuy-nhiên, trong làng thì không thể khoe sang, khoe giàu, bách-dịch xâm-phạm đến tinh-thần hòa-đồng. Kiêu-căng, bách-dịch trong làng sẽ bị cô-lập. Chính nhờ yếu-tố làng xã mà người Việt không mất bản-sắc sau cả hơn ngàn năm Bắc thuộc với đủ mọi thủ-đoạn đồng-bóa.”

Những danh-nhân đời đời nhắc đến vì họ đã biết sống cho chính mình và sống cho tập-thể.

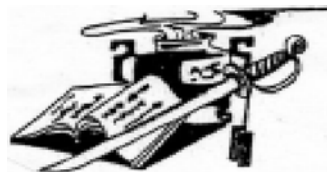
“Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu ”

(Ca-dao)

Không có tự-bãnh tập-thể, tôn-trọng cái gốc của mình thì khó có những thành-đạt lớn. Bởi tinh-thần tự-bãnh, tự-trọng tập-thể mình là động-cơ thúc đẩy những nỗ-lực vượt qua những khó-khăn nhất thời, nhất là vượt qua những thỏa-mãn tầm-thường. Nhân-loại tiến hóa không phải do sức một dòng sông mà cần sự chung đưng của nhiều dòng giao-tiếp nhau. Vấn-đề chính là tồn-tại trong giao-tiếp để góp sức tiến-hóa. Giả-tưởng một ngày nào đó nhân-loại chỉ còn một dòng sông duy nhất đã toàn thắng thì ngày ấy nhân-loại cũng bắt đầu tàn lụi.

Người Việt tiếp-nhận cuộc sống không trên chủ-điểm cá-nhân, mà là thành-phần của nhiều tập-thể: gia-đình, quốc-gia, xã-hội. Do đó, con người có nhiều nghĩa-vụ để gánh vác. Những nghĩa-vụ gánh-vác đạt được kết-quả tới đâu thì sự-nghiệp của một người phải đợi tới khi chết mới biết. Cũng chính sự-nghiệp ấy mới là hình-tích, là căn-cước đích-thực của một người dưới con mắt xã-hội và nhất là của con cháu. Những thành-tích nối truyền sẽ tạo nên thanh-danh, bề-thể của một dòng sông.

Những cái chết của Bà Triệu, Trần-Bình-Trọng, Đặng-Dung, Phạm-Hồng-Thái,... cũng như những chiến-thắng của hai bà Trưng, Ngô-Quyền,... đều sáng chói và bất-diệt.



VIII *Hàn Mế Châu*

Đưa Trọng Thủy tham gì sắc Mế Châu
Vì linh quang thần nỗ chút nhiệm mầu.
Vì Cổ Loa thành cao, hào lại rộng
Vì non sông gấm vóc nòi Viêm Âu.

Biết thân em duyên đó nợ nần đâu
Dấu đoạn trường đem rắc lối giặc Tàu
Thân bách chiến nổi cha sâu cô tức
Giá băng ngồi em tiếc để thằng ngâu.

Máu oan em đọng lại ngọc trân châu
Khối oan em thề rửa máu thằng ngâu
Sóng oan em thề tát bầu bể ác
Hồn oan em chẳng bỏ cõi Viêm Âu.

Ấy năm năm nòi Hán mấy hạ cầu
Đường Quế Lâm Nam Hải ngất mây sâu
Hồn Việt Thường còn hú nuôi Mế Châu.

4822 T.V.

Truyện Mỵ Châu và Trọng Thủy.

Song-song với thời An Dương vương ở Âu Lạc thì bên Tàu, Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng là ông vua tàn bạo (Phân thư khanh Nho = đốt sách và chôn sống Nho sĩ) đã lệnh cho Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân xâm - lược Âu Lạc, nhưng đều thất bại vì An Dương vương có nỏ thần chống trả.

Triệu Đà bèn dùng gian kế, đề-nghị cầu hôn giáng hòa, với thâm ý dùng con trai mình làm nội gián, dò xét bí-mật quốc-phòng Âu Lạc. Ngay tình, An Dương vương vì cũng mong cho dân mình được yên ổn sinh-nhai, nên đã đồng ý cho Trọng Thủy (con trai của Triệu Đà) kết hôn cùng Mỵ Châu (con gái An Dương vương).

Theo phong-tục thời bấy giờ, Trọng Thủy được ở rể. Trọng Thủy vốn khôn-ngoa, khéo-léo nên được lòng An Dương vương, và được Mỵ Châu rất mực yêu thương.

Lâu dần, Trọng Thủy khéo-léo hỏi vợ về nỏ thần. Quá tin ở chồng, Mỵ Châu đem nỏ thần cho Trọng Thủy coi. Trọng Thủy bèn tráo lấy giả thay vào. Ít lâu sau, xin phép về thăm nhà. để đem bí-mật của nỏ thần cho cha là Triệu Đà.

Trước khi lên đường, Trọng Thủy bảo Mỵ Châu Tôi vì đạo hiếu phải về thăm nhà. Nay tôi về thăm cha, nếu chẳng may có loạn, tôi làm thế nào để tìm được dấu vết của nàng. “Mỵ Châu trả lời: Nếu gặp cảnh biến, thiếp có chiếc áo lông ngỗng, thiếp sẽ rải lông ngỗng ở mỗi ngã rẽ để làm dấu vết.”

Sau khi lấy cắp được nỏ thần, Trọng Thủy trao bí-mật quốc phòng của Âu Lạc cho cha. Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc. Khi quân Triệu đánh thành Cổ Loa, An Dương vương đem nỏ thần ra bắn. Vuốt rùa thần đã mất, nỏ thần trở nên vô hiệu. An Dương vương bèn cùng Mỵ Châu lên ngựa chạy về hướng Nam.

Mỵ Châu ngồi sau yên ngựa, qua mỗi ngã rẽ, rút lông ngỗng rải xuống đường. Nhà vua ngạc-nhiên, chạy đến đâu cũng bị giặc biết đường mà bám sát! Đến Mộ Dạ cùng đường, nhà vua định tự vẫn thì thần Kim Quy hiện lên nói:

- “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy”. An-Dương vương chợt hiểu rằng con gái đã làm hại mình, bèn tuốt gươm. Mỵ-Châu biết mình phải chết, khẩn rằng:

“Làm phận nữ nhi, nếu có lòng phản nghịch vua cha, khi chết xin trở thành cát bụi. Nay chỉ vì bị lừa dối, xin được biến thành ngọc trai để tỏ lòng trong sạch và nỗi oan-khiên của thiếp”.

Chém xong Mỵ-Châu, An-Dương vương cầm sừng tê-giác nhảy xuống biển. Thần Kim-Quy mở đường rẽ nước cho nhà vua xuống thủy-cung. Máu Mỵ-Châu chảy xuống biển, loài trai biển ăn máu đó rồi máu kết thành ngọc-trai.”

Theo dấu lông ngỗng, khi Trọng Thủy tới Mộ Dạ chỉ còn thấy xác Mỵ Châu. Quá đau lòng, bèn ôm xác vợ nhảy xuống giếng gần đó tự vẫn! Về sau giếng đó được kêu là “Ngọc Tỉnh ” (Giếng rửa ngọc).

Ngày nay, tương truyền ngọc trai ở Mộ Dạ đem rửa vào giếng nước, nơi Trọng Thủy tự vẫn, ngọc trai sẽ sáng đẹp vô ngần.

Nhà Thục diệt vong!

Sử Luận

Qua truyện trên, ta thấy: Rồng và rùa là hai vật quý trong tứ linh (Long, ly, quy, phụng). Rồng được chọn làm vật tổ (Đi đôi với hèm kép Tiên Rồng), rùa cũng được đề cập vào triều Hạ, Việt Thường hiến rùa thần, tiếp sau đời hậu Lê, người anh hùng đất Lam Sơn

được rùa vàng nơi hồ Hoàn Kiếm dâng gương.

Như vậy, rồng và rùa tượng-trưng cho hồn sử, hồn đáy tầng của nòi giống, đáy sống của tổ tiên truyền đời mãi-mãi.

Rồng, rùa hay gương thần là tinh hoa của nòi giống, là khí thiêng của sông núi, là



An Dương vương & Mỵ Châu chạy về Nam Hải.

sức mạnh chính nghĩa của truyền thống bất khuất. Tuy nhiên, sức mạnh của gươm thiêng hay nỏ thần cần được người anh-hùng dân-tộc sử-dụng để cứu nước giữ nòi, chứ không tạo dựng quyền-lợi cho cá-nhân hay phe phái.

Nỏ thần hay gươm thiêng chưa đủ để chiến thắng ngoại xâm. Điều quyết thắng là nhờ ở lòng dân, lòng quân, trên dưới một lòng. Gốc nước là dân, nhà cầm quyền không biết lấy lòng kboan-nhân đại độ, nghĩ cách làm cho dân no, dưỡng dân cho biết điều hay lẽ phải thì dân đâu có mến đức mà hết lòng hết dạ trong lúc đất nước nguy-nan.

Cuộc hôn nhân giữa Trọng Thủy (nòi Hán) với Mỵ Châu (dòng Việt), có thể nói là cuộc hôn nhân gián-điệp giữa nòi Hán và dòng Việt. Trọng Thủy ở ngay trọng địa của bộ chỉ-huy quân-sự Việt. Dừa vào lòng tin cậy của Mỵ Châu, Trọng Thủy đã tìm được cách chế của nỏ thần (liên châu thần nỏ) và các vị trí phòng thủ trong thành Cổ Loa. Khi có tất-cả các chi tiết quan-trọng cần-thiết, Trọng Thủy lấy cớ về thăm nhà để đem tất-cả những bí-mật. Triệu Đà mới hoạch-định được kế-sách hạ thành Cổ Loa,

Đây cũng là kinh-nghiệm gián-điệp đầu-tiên trong lịch-sử Việt và cũng là bài học muôn đời về **tuyệt-đối bí-mật quốc-phòng**.

Thời-đại An Dương vương tuy ngắn-ngủi, nhưng đã đánh dấu bước chuyển mình lớn trong lịch sử Việt - Từ tinh-thần thái hòa của một quốc-gia nông-nghiệp chuyển sang ý-thức dân-tộc thống-nhất chống ngoại-xâm.

Nhà Thục thay thế triều Hùng chỉ là sự xung-đột nội bộ. Ngay truyền-thuyết dân-gian cũng không coi Thục-Phán như kẻ ngoại-xâm, nên đều tôn thờ cả hai triều Hùng - Thục.

Mặc-dầu triều-đại An-Dương Vương ngắn-ngủi (257 - 208 trc. T.L.) nếu so với triều Hùng, nhưng lại ghi nhiều biến-chuyển của thời-đại:

Tên nước Âu-Lạc phản-ảnh sự kết-hợp của hai yếu-tố Âu và Lạc, hay có nghĩa là nước Âu của người Lạc-Việt? “Âu” gắn liền với các khái-niệm nước Tây Âu, người Âu Việt, nàng Âu-Cơ, huyện Tây Vu (biến âm của Tây Âu), của “lạc” theo nghĩa hẹp là người Lạc Việt ở vùng nước Văn-lang gắn liền với khái-niệm ruộng Lạc, dân Lạc, Lạc-tướng, lạc-hầu,...và có thể cả chim Lạc, vật tổ nữa. Theo nghĩa rộng hơn thì Âu-Lạc là nước Âu của những người Lạc tộc vốn sống ở miền Lĩnh Nam và vùng Bắc Việt. Nước Âu của người Lạc-Việt thay thế nước Văn-Lang cũng của người Lạc-Việt. Có thể nói nước Âu-Lạc ra đời như kết-quả một cuộc nội biến. An-Dương vương là người Lạc-Việt chứ không phải là một nhân-vật ngoại tộc đến chinh-phục, thôn-tính, đồng-hóa nước Văn-Lang.” (Lê Văn-Hảo, “Hùng-Vương Dựng Nước”, Tập 4, tr. 419, Nhà xb. Khoa-Học Xã-Hội, 1974.)

* **Về mặt xã-hội**, cùng trong khối văn-minh Bách-Việt và gần-gũi Lạc-Việt, nên trong thời-kỳ An-Dương Vương, đời sống dân chúng Âu-Lạc tương-tự thời Hùng Vương: những ngôi nhà sàn kê cánh đồng lúa; những ngày hội đội mũ lông chim múa hát, tiếp-tục đức những trống, thạp đồng nổi tiếng, thủ công-nghệ phát-triển cao, sản-phẩm bền hơn trước,...

* **Về Di-tích khảo-cổ:**

Những công-cụ bằng đá được thay-thế bằng kim-loại. Những lưỡi cày bằng đồng dài hơn, lớn hơn và cứng hơn đã tìm thấy tại xóm Nhồi (Cổ-Loa).

Khảo-cổ học đã xếp các di-chỉ trong thời An Dương-Vương thuộc nhóm “Di-chỉ khảo-cổ học Đường-Cổ”. Đó là các di-chỉ đã phát-hiện và khai-quật ở: Phú-Xuyên, Đại-Áng (huyện Thường-Tín), Nam-Chinh (huyện Ứng-Hòa), Vinh-Quang, Chiền-Vậy (huyện Hoài-Đức), Hoàng-Ngô (huyện Quốc-Oai), Gò Chùa Thông (huyện Thanh-Trì), Đình Chàng, Đường-Mây (huyện Đông-Anh).

Thời-kỳ Âu-Lạc đã bước sang thời-đại sắt. Một số lưỡi cuốc sắt đã tìm thấy như ở

Đường Mây, Chiền Vây, Đình Chàng. Sự chế-tạo đã biết bổ thép vào sắt làm cho công-cụ cứng và sắc hơn.

Tuy công-cụ bằng đá, đa-số đã được thay-thế bằng kim-loại, nhưng đặc-điểm số đồ đá trong nhóm di-chỉ Đường-Cổ, chủ-yếu là *rìu bốn mặt*. Kỹ-thuật chọn đá, cách chế-tác không còn được chú-ý như trước, và số lượng cũng giảm rất nhiều.

Đặc-điểm đồ đồng trong nhóm Đường-Cổ là các loại công-cụ như lao, giáo, rìu, mũi tên. Những công-cụ này có thể vừa dùng cho việc sản-xuất nông-nghiệp vừa dùng làm vũ-khí khi có chiến-tranh. Di-chỉ ở Vĩnh-Quang và Đình Chàng phát-hiện được loại rìu xéo gót vuông có trang-trí hoa-văn hình vuông.

Nhìn chung, đồ đồng trong nhóm Đường-Cổ có kích-thước, kiểu dáng giống đồ đồng ở di-chỉ Thiệu-Dương và Đông-Sơn, đồng-thời có một số đặc-điểm giống di-chỉ thuộc thời-đại đồng thau ở trung-du và đồng-bằng Bắc-Việt.

* Về đồ gốm, nhóm Đường-Cổ làm bằng đất sét pha cát mịn, nguyên-liệu được chọn lựa một cách cẩn-thận, độ nung cao, ít thấm nước, màu sắc thường là trắng mốc, hồng nhạt, tốt hơn đồ gốm thuộc giai-đoạn Gò-Mun.

Dấu-tích thành Cổ-Loa, kho tên đồng hàng vạn mũi đã tìm thấy ở Cầu-Vực (Cổ-Loa) không những là nguồn giải-thích cho truyền-thuyết nỏ thần mà còn là dấu-tích của một công-trình quân-sự, và liên-quan đến tổ-chức một đội quân hùng mạnh, quy-mô với tầm-mức một quốc-gia dưới một thể-chế trung-ương chặt-chẽ hơn thời Hùng. Có như vậy, quân-đội thời An-Dương Vương mới đủ khả-năng chặn đứng nhiều cuộc tấn-công quân-sự của Triệu-Đà, khiến Triệu-Đà phải dùng gian kế mới chiếm được Âu-Lạc.

Sách “Lĩnh Nam Chích Quái” kể: “Khi nước Nam nội thuộc nhà Đường, Cao-Biền sang làm Đô hộ, muốn trấn-yểm các nơi linh-tích, bắt đứa con gái 17, 18 tuổi chưa chồng cho ăn hoa quả, mặc áo quần tề-chỉnh, sang trọng đặt ngồi lên ngai rồi rình khi cất nhắc chân tay, thốt-nhiên chém đi. Thường hay dùng thuật ấy để trấn-áp bách thần. Khi Biền dùng mẹo ấy để trấn-áp thần núi Tản thì thần cưỡi ngựa trắng đứng trên mây mà lướt đi.

Cao-Biền than rằng: “*Linh khí nước Nam còn thịnh-vượng lắm, không tài nào mà trừ được*”.

Lại một buổi sớm, Cao-Biền đứng ở cửa Đông Nam La thành trông ra bờ sông Tô-Lịch thấy trong sông nổi cơn gió to, sóng đánh cuộn-cuộn, mây kéo mù-mịt rồi có một người dị dạng mặc áo vàng, đầu đội mũ đỏ, tay cầm hốt vàng có bóng thấp-thoảng như mây phủ, mãi đến lúc mặt trời gần cao ba trượng mà chưa tan. Cao-Biền lấy làm lạ, muốn dùng thuật trấn-áp, bèn đem vàng bạc đồng sắt chọn huyết mà chôn xuống cùng với lá bùa yểm. Đêm ấy, mưa gió sấm sét âm-âm, có tiếng quỷ thần hò hét quát tháo kinh-thiên-động-địa.

Một lát sau, bùa yểm cùng vàng, bạc, đồng, sắt đều bị sét đánh bật tung lên tan ra như bụi cát bay tán vào trong không trung. Cao-Biền sợ hãi than rằng: “*Ở xứ này có thần thiêng như thế, ta nên về Tàu, chớ ở đây lâu tất có ngày mang họa*.”

* Sự-kiện An-Dương Vương xây thành đến đâu lở đến đó, và cho là yêu quái phá-hoại. Đó chỉ là “*thần-cách-hóa*” hành-động phản-đối của một số dân, lính bị bắt buộc phải phục-dịch, hoặc dời xóm làng đi nơi khác, dành đất cho khu-vực xây thành. Ngồi ngoài ra, *xy theo hình trơn ĩc thì ỉt l@i th%o cho vĩa tĩ tĩnh, trong bịn ra thì ỉn, nhĩng CỖch ti%on v@o thì ỉt xa (ti%on theo hình trơn ĩc)*.

An-Dương Vương có “*linh quang thần nỏ*” (*nỏ thần hay liên nỏ*), với thành cao hào rộng thế mà triều-đại chỉ tồn-tại 50 năm (257-207 tr. Tây Lịch), và cuối cùng bị mất vào

tay Triệu-Đà, đủ chứng-tỏ điều-kiện bảo-vệ đất nước cốt ở tinh-thần bất-khuất và đoàn-kết của toàn dân.

* Mỗi tình oan trái của My-Châu với Trọng-Thủy hay cuộc hôn-nhân gián-điệp của nòi Hoa với tộc Việt, ông Pazzi tác-giả cuốn “Người Việt Cao Quý” đã có những nhận xét sâu sắc: *“Bài học lịch-sử của dân-tộc Việt là chuyện cô gái My-Châu lấy người ngoài nước tên là Trọng-Thủy mà cơ-nghiệp nhà vua sụp-đổ tan-tành, đất nước bị lệ-thuộc lâu dài.*

*“Có lẽ do những phản-ứng sâu xa, do những kinh-nghiệm lịch-sử, người Việt vẫn khinh ghét rất đậm-đà tất-cả những phụ-nữ lấy chồng nước ngoài, nhất là khi nước ngoài ấy thuộc về các dân-tộc đã làm hại đến quyền lợi vật-chất hay tinh-thần của họ. Trong ngôn-ngữ ngày xưa có câu thành-ngữ “**thằng Ngô con đĩ**” để chỉ người Tàu và các bà vợ Việt mặc dầu họ vẫn tiếp đón niềm-nở văn-hóa Trung-quốc và quý-trọng nền văn-hóa ấy...”*

Thế nhưng, trong trường-hợp để đổi lấy sự hòa-bình hay mở-mang bờ-cõi thì vua Anh-Tôn nhà Trần sẵn-sàng gả con gái yêu của mình là Huyền-Trân Công-chúa cho Chế-Mân để lấy hai châu Ô và châu Ri.

An-Dương Vương chém My-Châu, thái-độ người Việt khinh-khi gái Việt lấy người nước ngoài nếu không vì lợi-ích cho quốc-gia dân-tộc,...đều nói lên “*Nợ nước nặng hơn tình nhà*” trong văn-hóa Việt.





Đường vua Đinh

*Đường vua Đinh tre già măng lại mọc
Nếp sống còn, nòi Việt tiếp muôn xưa
Hồn Vạn Thắng tràn-lan tờ gấm vóc
Mỗi cung còn ghi mỗi nắng và mưa.*

*Đường vua Đinh người nay nhưng lối cũ
Nếp cội hoài phần nộ mạch tân sinh.
Thành Trảng An rập-rình cơn khói lửa
Mỗi phong-trào sắp sửa mỗi trùng rình.*

*Đường vua Đinh người rầy mà tiếp trước
Hội Thái Bình mang mở cuộc rồng mây
Cờ Bông Lau đập-dìu đầy non nước.
Ánh huy-hoang sáng rực khắp Đông Tây,*

*Đường vua Đinh đã bước
Nghịệp vua Đinh còn đây.*

*Hang Luồn, giốc Sỏi, mấy Ghềnh Mây.
Giặc Tống, quân Hầu nép móng vây
Sóng Hoàng Long dạt-dào sóng vỗ
Động Hoa Lư rầm-rập bão bay;
Phục lại ngàn năm giờ phút ấy,
Đường vua Đnh cũ lại là đây.*

4823 T.V.

A/ Lược-Sử

Năm 945, Dương-Tam-Kha tiếm vị (cướp quyền của cháu là Ngô-Xương-Ngập) gây sự suy yếu cho triều Ngô, lòng người ly tán. Do đó có nhiều thổ-hào ở các nơi đều xưng lên tự quyền, xưng là sứ quân.

Năm 965, Ngô-Xương-Xí tức Thiên-Sách Vương được tôn lên làm vua, nhưng không đủ uy quyền nên đến năm 967 cũng trở nên một sứ quân trong 12 sứ quân tranh-chấp kéo dài 20 năm. Theo “Việt Sử Tiêu Án” và “Đại Nam Nhất Thống Chí”, 12 sứ quân gồm:

- 1- Ngô-Xương-Xí giữ Bình-Kiều thuộc phủ Nam-Sách (Hải-Dương)
- 2- Đỗ-Cảnh-Thạc hay Đỗ-Cảnh-Công giữ Đỗ-động-giang (huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà - Đông)
- 3- Trần-Lãm (Trần Minh-Công) giữ Bố-hải-Khẩu (tỉnh Thái-Bình)
- 4- Kiều-Công-Hãn xưng là Kiều-Tam-Chế chiếm giữ Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc)
- 5- Nguyễn-Khoan tức Nguyễn-Thái-Bình hay Thái-Bình Công giữ vùng Tam-Đài

(phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh-Phú ngày nay)

- 6- Ngô Nhật-Khánh giữ Đường-Lâm (Phú-Thọ, Sơn-Tây)
- 7- Lý-Khuê xưng là Lý Lang-Công giữ Siêu-Loại (Thuận-Thành)
- 8- Nguyễn-Thủ-Tiếp, xưng là Nguyễn-Lĩnh-Công giữ Tiên-Du (Bắc-Ninh)
- 9- Lữ-Đường, xưng là Lữ Tả-Công giữ Tế-Giang (Văn-Giang, Bắc-Ninh)
- 10- Nguyễn-Siêu, xưng Nguyễn-Hữu-Công giữ Tây-phù-Liệt (Thanh-Trì, Hà-Đông)
- 11- Kiều-Thuận xưng là Kiều-Lĩnh-công giữ Hồi-hồ (Cẩm-Khe, Sơn-Tây)
- 12- Phạm-Bạch-Hổ xưng là Phạm-Phòng-Át giữ Đằng-Châu (Hưng-Yên)

Khi sứ-quân Trần-Minh-Công mất, Đinh-Bộ-Lĩnh thay quyền, đem quân về Hoa-Lư (Ninh-Bình), chiêu-mộ hà-o-kiệt, hùng-cử một phương.

Đinh-Bộ-Lĩnh hàng phục được sứ-quân Phạm-Phòng-Át, phá Đồ-động-giang của Đồ-Cảnh-Thạc. Từ đó, đánh đâu được đó nên được tôn là Vạn-Thắng Vương. Chỉ trong một năm Vạn-Thắng Vương bình được 11 sứ quân. Năm 968 Vạn-Thắng Vương lên ngôi hoàng-đế, đặt quốc-hiệu là “Đại Cồ Việt”, đóng đô ở Hoa-Lư.

Đinh-Tiên-Hoàng sắp-đặt triều-chính, mở đường cho thời-kỳ thực-sự độc-lập và tự-chủ của nước nhà.

B/ Sử Luận

Theo nhà cách-mạng Lý-Đông-A quy-định từ thời Hồng-Bàng đến thời Đinh làm 4 thời-kỳ:

** Thời-kỳ cự-tuyệt từ Hồng-Bàng đến Trưng Vương.*

** Thời dung-hòa là đời Khúc với chế-độ tự-trị Tiết-độ-sứ.*

** Thời phản-tĩnh là đời Ngô (Ngô-Quyền) với chế-độ tự trị vương và 12 sứ-quân.*

** Thời sáng-tạo là đời **Vạn-Thắng** (Đinh). Một giai-tầng đầy và trung-kiên có **hoa lau** làm hiệu.*

Vạn-Thắng nghĩa là:

-Thắng hơn ngàn năm đô-hộ và đồng-hóa, lập nên một nền-tảng của cuộc độc-lập và tồn chủng.

-Thắng tất cả cuộc thất-bại trên đấu-tranh cũ, lập nên xuất-phát điểm của cuộc thắng lợi mai sau, bảo-vệ cho nòi giống.

-Thắng tất cả các cuộc thỏa-hiệp, dung-hòa và phản-tĩnh không triệt-để.

-Thắng tất cả tự-trị, lập nên dòng-dõi của một văn-minh mới dân-tộc.

-Thắng tất-cả mọi chia-rẽ và cắt-cứ bên trong lập nên cuộc thống-nhất.

-Thắng tất-cả các tính ương-hèn và quy-lụy của mặt tầng, lập nên thói quen của tranh-đấu.

*-Thắng tất cả các sự tự trị và phân-hóa trong trận-doanh tranh-đấu là thời tranh bá đồ vương và quân-phiệt cũ, lập nên nền móng **dân bản bình dân chính-trị**.*

Sự thành-công của Vạn-Thắng mở ra thời-Đại-Việt mới là thành-công của đầy tầng dân-tộc để phát-huy ra những vinh-dự Lý - Trần.

Quốc-hiệu “Đại Cồ Việt” xuất-hiện ra là bởi hồn lau. Từ xung-động của “Hồn Lau” mà phát-tiết ra thực-thể lý-luận của dân-tộc. Cành lau dễ mọc và dễ sống trên đồng lầy, giữa thôn quê, trong bãi vắng, đi đôi với đời niên-thiếu thanh-khiết của

Đình Bộ-Lĩnh, tỏ-lộ hết được đời sống thực-tiến của quốc dân trên lịch-sử và thế-giới.

Những nhu-yếu thực-tiến trong dòng sống tiềm lưu của bình-dân, chỉ có đại-chúng mới thể-nghiệm chân-chính đáy hồn chủ-nghĩa của dân-tộc, dẫn-dắt và mở đường cho lịch-sử của thời-đại sứ quân. Cành lau là cờ hiệu chiến-đấu của nước nòi mưu-cầu lấy thống-nhất và độc-lập, vững trong và chống ngoài.

Cờ lau là cờ Vạn Thắng, là cờ của dân-tộc Vạn Thắng, bình-dân Vạn-Thắng, chiến-đấu Vạn-Thắng...

Cờ Lau là cờ của Hồn cũ tỉnh lại, Hồn và sóng đáy cuộn lên, cờ giống nòi của Đại Cồ Việt sống lại, nối-dối thế-hệ dân-tộc đã đứt hơn ngàn năm, xa hơn vạn năm trên lịch-sử.

Cờ Lau ... cho đến nay, trên bãi hoang, nơi thôn-dã, những cành lau phe-phẩy trước gió, còn nhắc lại ai-oán thuở oai-hùng tất cả những sóng còn oanh-liệt cũ, và sau ngàn năm (thế-kỷ X- thế-kỷ XX) đến ngày nay, giữa lúc nòi giống muôn vàn nguy-cơ, đã vì-vu vắng-vắng đưa những tiếng gọi xa-xăm dần-dà gần lại, lạnh-lãnh vào trong bộ óc và cõi lòng của các thế-hệ chúng ta, thức-tỉnh trong đáy hồn và đáy tầng một cuộc phục-hoạt lớn-lao và vẻ-vang. Nhưng bông lau chỉ mọc ở xứ nóng, chỉ mọc ở bãi hoang, trong biểu-tượng của những linh-hồn giàu thể-nghiệm. Bông lau còn nêu dựng hình-ảnh của muôn ngàn hồn tử-sĩ trên lịch-sử bất-tử, phát-phơ với làn gió, sóng và nắng yêu của bể Nam lớn, đời-đời không dứt gọi, kêu, và sống giám-thị cho thời thế tang thương !



(X)

Chiến Sĩ Tử

Chợt thức mình một gói.
Sào-xạc lá sừng mai.
Lạnh kùng con quệt rồi,
Nào-nùng nhỏ những ai.

Những thanh-niên Lạc Hồng,
Lăn mình chốn tang-bồng.
Tử bỏ nơi yên ấm,
Gian-khổ² vì non sông.

Ngày kia khởi ải bay,
Rũ áo ra đi ngay.
Từng bao thừa sống chết,
Son-sắt dạ khôn lay.

Vào ra hang hùm beo
Bạt thiệp chốn hiểm nghèo
Đói rét thân gầy rạc,
Lăn-lút mệnh cheo-leo.

*Các anh cúi đầu nghĩ,
Cửu vết đời đau thương.
Quên mất ngừng mắt lệ
Tặng mây bạc vẩn-vường.*

*Các anh nắm tay quyết
Tiêu-diệt quân địch thù
Ôm ấp bầu tâm huyết,
Quên phất chốn phòng thu.*

*Các anh tung gót bước,
Đâu không là chiến trường.
Quên hẳn đằng sau trước,
Người sợ người kính thương.*

*Tất cả có Duy Dân
Tất cả bởi nhân quần
Chúng ta vì lý tưởng,
Con đường sáng vô ngần.*

*Những người bạn thiên cổ
Yêu nhau chịu đựng nhau.
Đồng chí là nghĩa đó
Phú quý mà chi đâu.*

Cùng tôi ngậm-ngùi than
Hãy tìm trong gian-nan
Một nền triết-học mới,
An-ủi tác bàng-hoàng.

Trầm-mặc trong rừng rậm
Còn tinh-thần tre lau.
Ánh vinh-quang lâm-lãm
Trong người phải tìm đâu.

Nghĩa Duy Dân phần đầu
Máu giống nòi nung nấu
Thiên cổ anh em ta,
Chút vị vì mắc mấu.

Cách-biệt đây nhỏ-nhung
Phong quang ít lúc chung.
Đàn chim rừng riu-rít
Cất cánh đã bay tung.

Một ngày mai chiến sĩ
Một văn minh hùng vĩ
Một triết học đẩy lên
Nghĩa Duy Dân đồng chí..

4822 T.V.

Cảm luận:

Vào tiền bán thế-kỷ XIX, nhà Nho Nguyễn Công Trứ đã hào-hùng nói lên “*Phận sự làm trai*”,

*Vũ-trụ chúc phận nội
Đấng trượng phu một túi kinh luân.
Thượng vị đức, hạ vì dân
Sắp hai chủ quân - thân mà gánh vác...*

Quả vậy, sống ở đời không những sống cho mình, mà còn cho gia đình, quốc gia và dân tộc. Sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ vãng và tương lai.

Sống có nghĩa là tranh-đấu. Có tranh-đấu mới có tiến-bộ. Nhưng tranh-đấu phải nằm trong mục-đích tiến-hóa chung của tập-thể.

Một điều mà ít được chú-ý là cái “ta” cá-thể như sinh thể mất đi vì lẽ này hay lẽ khác, nhưng những cái “ta” tập-thể-tính vẫn tồn-tại trong ký-ức của tập-thể và vẫn có sức tác-động mạnh. “Hồn” danh-nhân thường là chất men làm hăng-say cả một dân-tộc trong đấu tranh sinh tồn.

Ở sống người cũng như ở muôn loài, sống là sống trong một dòng sống nối tiếp. Vật hay người không một cá thể nào tự sinh, mà phải nảy sinh từ một dòng sống. Tất cả những cái “ta” mà ta có đều là thụ-đắc trên đường trường sinh-hoạt với xã-hội. Cái ta trí-thức chính là do sự thụ-đắc nơi học-đường, sách vở; cái ta chủ-nhân là do thụ-đắc trong những sinh-hoạt kinh-tế... Nói chung danh phận một người đều do nó xây-dựng trong khuôn-khổ một xã-hội.

Có nước, có nhà rồi mới có thân. Cái bản thân con người của chúng ta là sản-phẩm của dân tộc. Bởi vậy, ca dao mới có câu::

*“Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn...
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.”*

Tuy chỉ một câu thu gọn, nhưng sâu-sắc mang đầy-đủ hình ảnh một cây gồm gốc với những cành và ngọn, liên-hệ đến một gia-tộc gồm ông Tổ với nhiều ngành, rộng hơn đó là hình-ảnh một dân-tộc.

Trong một dòng tộc, con cháu sinh-hoạt đông-dảo, thịnh-vượng, tất cả là nhờ ở Tổ Tiên. Tương tự, cây kia cành xanh, tươi ngọn là nhờ có gốc.

Thấy được sự chuyển động của sự sống từ gốc lên cành, lên ngọn, là thấy được sự sống đang chuyển từ tổ-tông đến con cháu. Không những thế, mà còn thấy được cả sự tài-bồi của con cháu, khác nào như nhựa nguyên từ gốc lên ngọn, và nhựa luyện từ ngọn chuyển về gốc.

Tổ tông với con cháu tuy hai mà một, cũng như gốc và cành ngọn. Gốc mà bỏ liều, để sâu mục, cằn-cỗi thì cành, ngọn sẽ héo mòn.

Thấy được sự chuyển-động của sự sống từ gốc lên ngọn, và từ ngọn tới gốc là thấy được sự sống của Tổ Tông với con cháu. Nếu gốc mà bỏ liều, sâu mục thì cành, lá sẽ héo-hon, ngược lại cây kia bị chặt đi cành lá, thì gốc cũng khô cằn!

Thấy được sự chuyển động của sự sống từ gốc lên cành, lên ngọn, là thấy được sự sống đang chuyển từ tổ-tông đến con cháu. Không những thế, mà còn thấy được cả sự tài-bồi của con cháu, khác nào như nhựa nguyên từ gốc lên ngọn, và nhựa luyện từ ngọn chuyển về gốc (2 chiều).

Tổ tông với con cháu tuy hai mà một, cũng như gốc và cành ngọn. Gốc mà bỏ liều, để sâu mục, cần-cối thì cành, ngọn sẽ héo mòn.

Cũng nhờ có nối tiếp rộng và lâu, nên cuộc đời cá-nhân không thật sự là chấm dứt. Dòng sống còn thì cá nhân còn. Cá nhân chỉ thật sự chết khi dòng sống truyền từ trước đến nó về sau bị chấm dứt..

Khi bàn về Dân-tộc, nhà giáo Lý Chánh Trung đã viết: “*Dân-tộc ví như biển cả im lặng, con dân chỉ là những đợt sóng nối-tiếp nhau, rì-rào trong khoảnh-khắc để rơi vào yên lặng. Nhưng đó không phải là im lặng của sự chết, mà chính là sự sống đang lặng-lẽ vươn lên xuyên qua lòng vũ-trụ,... Họ biết rằng quá-khứ không phải là hư-vô, mà sẽ được giữ lại trong cái thực tại siêu-việt của dân-tộc cho đến tận cùng lịch sử.*”

Khi nước nhà gặp nạn ngoại xâm, thì bốn-phận con dân phải xung-phong ra trận giữ nước.

Phù Đồng vườn vai thành lớn, ý nói bình-thường thì nhỏ, nhưng một khi ý-thức bùng-tỉnh thì có thể trở nên lớn lao vô-cùng.

Cho nên là con cháu Rồng Tiên, khi nước nhà gặp nguy biến,

*Những thanh-niên Lạc Hồng,
Lăn mình chốn tang-bồng.
Tử bỏ nơi yên ấm,
Gian-khố vì non sông.*

là điều hạnh-diện cho phận sự làm trai.

Ngày nay, toàn dân đã thấy rõ những chiêu-bài như “*Tứ hải giai hunh đệ*,” “*Á Đông của người Châu Á*”. hay các chủ thuyết, chủ nghĩa “*Tự Do*”, “*Dân Chủ Đa Nguyên*”, “*Tư Bản*”, “*Cộng Sản*”, “*Cộng Hòa Xã Hội*” v.v., Tất-cả đều là những **bùa-chú ngoại lai** - Ngoại xâm dùng nó để che-đậy mưu-đồ xâm-lăng qua hình-thức mới - theo đuôi những người Việt không ngoài cái mồi nhử vinh hoa phú quý nhất thời mà gây nguy hại cho đất nước và đồng bào, nên cần phải:

*Trầm-mặc trong rừng rậm
Còn tinh-thần tre lau.
Anh vinh-quang lắm-lắm
Trong người phải tìm đâu.*

Ở đời, sống làm người lương-thiện đã khó, song linh-hội được một lý-tưởng đúng đắn lại càng khó hơn. Sách xưa có viết: “*Sớm nghe được Đạo hay, chiều có chết cũng vui vậy*”. Tiếc thương thay, biết bao nhà trí-thức chỉ vì lúc tuổi xuân, vội tin vào một lý-thuyết, một chủ -ghĩa phiến diện hay vì thời-điểm cấp-bách không còn lựa chọn, đem thân lao vào chốn bùn lầy nước đọng, để rồi khi hoàng-hôn chợt tỉnh thì đời mình và liên hệ gia đình đã trải quá nhiều buồn thảm, hối hận thương đau!

*“Tiếng thở như lời than bao đêm thao-thức thật thà tìm-tòi chân-lý,
tê ra tâm ruồng.”*

(Bùi Giáng, trong tác phẩm Trần Đức Thảo những lời trăng trối, xb. 2013).

Điều-kiện để

Trở thành một chiến-sĩ cách-mạng Duy Dân.

I/ Kiên định lập trường dân tộc:

Lịch sử nhân loại có biết bao nhiêu dân tộc đã bị tịch diệt! Mỗi dân tộc có một đời sống tập thể riêng, một cộng-đồng có nếp sống văn-hóa đặc-thù. và một lịch-sử chuyển biến thịnh suy.

“Dân-tộc lâm nguy khi tinh-thần tập thể tức ý-chí sống còn tiến hóa chung bị rã-rời, tinh-thần bảo toàn nếp sống văn hóa bị suy yếu, và tinh thần tự hãnh ở nếp sống đặc thù không còn. Nếu tình trạng này đi đến kết-thúc. tức dòng sống dân tộc tịch diệt, mặc dầu về mặt sinh-lý tuy vẫn còn nhưng chỉ là những xác cũ hồn mới!

“Bản chất biến cố lịch sử mà dân tộc Việt bị mắc vào trong thời gian cận thị của triều đình Nguyễn (Nguyễn Gia Long), tiếp là thời kỳ Pháp đo- hộ, chuyển sang giai đoạn đụng độ giữa hai siêu-cường Nga - Mỹ lấy đất Việt Nam làm trận tuyến - tệ hại hơn, ngày nay trên danh nghĩa độc-lập và thống-nhất nhưng thực tế yếu hèn, lệ thuộc, van xin, cầu cạnh, băng hoại và bất lực,...

Tinh thần tập thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình tự dân tộc bị kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường gạt một cách sống-sượng, một mặt chính những tình cảm ấy tuy không bị cấm-đoán nhưng lại bị hưởng đi một cách vô nghĩa, như “*yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa*”!

Phải ý thức rõ rệt “Mỗi dân tộc có dòng sống sử riêng, văn hóa riêng, và mỗi dân tộc là một cơ năng trong bản vị nhân loại. Muốn cộng đồng thế giới có hòa bình, mỗi cơ năng dân tộc trong bản vị quốc tế phải được bảo toàn, tôn trọng. Lấy dân tộc này tiêu diệt dân tộc khác đó là tiêu diệt một dòng sống sử trong nhân loại.

Qua lịch sử Việt, trí thông minh, lòng dũng cảm của người Việt không thua một dân tộc nào trên thế giới, nhưng đem so sánh với dân Nhật ngày nay, Nhật Bản thắng tiến, còn Việt thì thụt lùi! Phải chăng, nhiều thế-kỷ qua, chúng ta đã lạc-lỡng về tinh thần dân tộc?

Các câu ngạn ngữ của tiền nhân đã cảnh giác điều vọng ngoại cho con cháu: “*chiên chiên nuôi tu hú*” hay “*mẹ gà con vịt*” hoặc

“*Mồ cha không khóc, khóc mả mới,*

“*Mả mẹ không khóc, khóc bối bồng bong*”

Tiếc hận thay, biết bao nhiêu người bôn-ba, lao khổ, hy-sinh tính mạng để lo giải cứu đất nước, vì không vững tinh thần dân tộc nên đã “*hợp*” phải những tư tưởng ngoại lai, “*phi dân tộc*”, không những chẳng giúp gì cho dân, mà còn gây nhiều tai ách cho quốc gia Việt!

Có yêu dân tộc mới có lòng tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, địa dư của dân tộc.

“*Lịch sử là sự tiêu biểu toàn bộ ý chí sinh tồn và ý chí thực hiện của loài người.*” Nói cách khác “*Lịch sử là chính trị đã qua*”, cho nên có học hiểu lịch sử mới đủ tư cách bàn về chính trị, mới thấu hiểu công lao của tiền nhân đã dày công xây dựng đất nước.

Có hiểu được những việc đã qua (lịch sử) mới lĩnh hội được những kinh nghiệm thương đau hầu vạch rõ cho đường hướng tương lai.

Xưa nay, “*Động lực sinh hoạt của loài người, diễn tiến của lịch sử dân tộc và nhân loại trong tương quan giữa người với thiên nhiên, giữa người với người là sự vận động hỗ tương giữa ba xu-hướng: hướng tâm - hướng tha - hướng thượng của bản vị người qua nguyên*

lý tự kỷ - ỷ tha- hổ tương vận động và kết hợp.”

“Theo sử quan của DUY DÂN, y cứ trên kinh nghiệm tích-lũy của nhân loại, sự khảo sát về vũ trụ, về loài người nên cho rằng lịch sử loài người có bốn thời kỳ: nhân đạo sơ khai, nhân đạo thành lập, nhân đạo tăng tiến và nhân đạo ổn định.”

Cũng theo sử quan Duy Dân: thời gian hiện tại chỉ là thời kỳ chuyển hình dưới áp lực của “*hướng tâm cách mạng*” để hình thành một thế giới mới “**Quốc Tế Tập Đoàn An Toàn**” Quốc dân mỗi nước sẽ giác-ngộ nhân chủ mà tiến lên nắm giữ vận mệnh của nước mình, đó là khuynh hướng “*Quốc dân dân-chủ chính trị*”.

Riêng nước Việt, toàn dân sẽ phản tỉnh. Bị tủ nhục đau thương dưới ách thống trị của đế quốc trắng cũng như đỏ và nhất là “thiên triều chủ nghĩa” của Hán tộc, toàn dân thể nghiệm mình xác con đường đi đúng là “*Cách Mạng Tồn Chung*”, và người dân Việt chỉ còn tìm thấy tin cậy ở chính mình, ở sức mạnh vô địch của toàn dân, ở chủ lực cách mạng đầy tầng là đại đa số dân chúng, là sức gốc, mặt trận gốc.

II/ Tu Dưỡng tự thắng

Trong Huyết Hoa, nhà tư tưởng Lý Đông A đã viết:

“Sống nghĩa là bả ác được tự mình Hãy nên tự giác (Connais-toi toi mêm) Hãy tự kiến lập lấy một sinh mệnh hệ thống, lấy cái chủ ngã tối viên mãn ở trong nơi tự mình, làm tối cao thống súy cho tự mình.”

“Phật, Tinh, Ma là thể thống nhất trên chế độ loài người. Chỉ có cuộc thánh chiến giữa Phật và Tinh, Ma, khi Phật thắng mới mong mang được ánh sáng và thanh thoả cho loài người.”

“Phải coi tự mình là mục-đích, tuyệt không phải coi là thủ-đoạn, như thế tự mình với đời sống mình là thực thể của cái lý tưởng trong thuần lý tính hiện thân trên thế gian. Phải làm cho tự mình thành một mục-đích của cái lý tưởng đó.”

“Đấu tranh tự thắng là tự thắng trên thể xác, tự thắng trên tình tự, trí tuệ; tự thắng trên thể sống với mình và với người, loại bỏ phần xấu-xa tiêu-cực mà phát triển phần tích-cực.

“Khí chất là chủ thể con người. Sao cho thận vững, tim trong, óc sáng, mình nhẹ tay mạnh . Sao cho có một nhân cách trọn vẹn, kinh sinh., khí vũ, đạo đức, trí thức và văn mỹ . Sao cho có được một tinh thần cao thượng: Tổ Quốc, chính nghĩa, lý tưởng, nhân cách và danh dự. Sao cho có một hiệu suất thích đáng . Cứu quốc, tồn chủng, độc lập, thống nhất, thắng nghĩa và kinh dương.”

Tự thắng trước hết là tự thắng tất cả những yếu hèn, dục vọng, dốt nát, chia rẽ, đã man còn ẩn tàng trong chính mình. Nhân chủ chính là tiến trình để tự thắng. Các bậc tu hành, các nhà đạo đức, các anh hùng nghĩa sĩ,... đều là hiện thân của cuộc đấu tranh tự thắng.

Tục ngữ ta có câu: “*Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa*” cho nên tu ở nơi mình là chìa khóa của thời đại, là tiêu đích đi đến VÔ UỶ, TỰ TẠI, VÀ GIẢI THOÁT.

Lập tâm có chí thành thì nhiệt lực mới tăng tiến - Nhiệt lực có tăng tiến mới đưa con người lên thiên tài.

“Cuộc sống con người ví như khi bước ra khỏi nhà để đi đến một mục đích, địa điểm nhất định thì phải sẵn có mục tiêu”

“Thiết lập một phương châm sống và lý tưởng làm nguyên bản. Có thể nói “Nhân sinh

chi kế tại ư xuân” (Lúc thanh niên chính là lúc mình lập chí).

“Lấy dân tộc làm đối tượng lập tâm, lập chí thì cá nhân phải biết nhận thức lịch sử của dân tộc, biết sống đời sống lịch sử, biết cảm ứng lịch sử của dân tộc.

Nhận thức lịch sử của dân tộc là đọc và truy hiểu lịch sử của dân tộc, tìm lấy triết sử trong lễ sống còn của dân tộc, lấy đó mà làm lễ sống cho mình và cho dân tộc.

“Sống đời sống lịch sử là đem lễ sống của đời mình hòa trong lễ sống của dân tộc, đem hồn mình cảm chiếu vào hồn lịch sử, vào quá trình diễn biến của giống nòi.

“Bởi lòng người như con vượn, ý người như con ngựa, dục người như con lợn (heo). Vượn hay nhảy, ngựa chạy rong, lợn (heo) ì-ục lười biếng. Cho nên phải gột rửa những thú tính trong mình sau khi lập tâm, lập chí để bước vào con đường đại nghĩa.

“Có sạch sẽ mới thơm tho, sáng láng. Đó là chủ chốt của “minh tâm” hay “kiến tính” trong Phật giáo.

* Phải gột rửa những thói hư tật xấu ở trong những cử chỉ, ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày như:

- Tính kiêu kỳ đơn độc không muốn cùng làm (hợp tác), cùng tiến.
- Tính trưởng giả, xa hoa, không thiết thực.
- Tính phù phiếm, lãng mạn.
- Tính bừa bãi, vô tổ chức.
- Tính phong kiến, tráng sĩ anh hùng rơm.
- Tính ba phải, ủy mị.

Để tiêu giảm những tính xấu trên, cách sống cần giản dị, thanh đạm, theo kế hoạch tổ chức và luôn luôn hướng thượng.

* Những căn bệnh tâm lý về lịch sử như:

- . Tâm lý thù oán tổ tiên
- . Tâm lý miệt thị tổ tiên
- . Tâm lý quên bỏ tổ tiên
- . Tâm lý kiêu nịnh tổ tiên
- . Tâm lý làm lẫn nguồn gốc.

- Tâm lý về cuộc sống:
 - . Gột rửa tâm lý tham sống sợ chết.
 - . Gột rửa tâm lý chán sống, sợ chết
 - . Gột rửa tâm lý phó mặc rủi may

Để đời sống có một sinh thú, có mục đích phải làm và quyết tiến tới, những lúc cần có thể chết một cách vinh quang danh dự để gây một thúc đẩy cho người đi sau.

- Những căn bệnh tâm lý về hiện tại:
 - . Tâm lý thù ghét xã hội
 - . Tâm lý coi mọi thứ vô nghĩa (quảng phiếm xã hội)
 - . Tâm lý giai cấp đơn độc
 - . Tâm lý cá nhân đơn độc
 - . Tâm lý dân tộc đơn độc.
 - . Tâm lý thế hệ đơn độc
 - . Tâm lý sinh hoạt cầu thả
 - . Tâm lý bạo khí sinh hoạt
 - . Tâm lý dao động sinh hoạt

- Tâm lý bệnh thái đối với thời gian:

- . Gột rửa tâm lý hoài vọng quá khứ, hoài nghi tương lai, thù ghét hiện tại.
- . Gột rửa tâm lý chán chường quá khứ,
- . Gột rửa tâm lý tự mãn, tự túc với hiện tại.

Để tránh những bệnh thái đối thời gian, nên kiểm thảo dĩ vãng, rút kinh nghiệm để tin tưởng tươi sáng cho tương lai.

- Những bệnh thái cá nhân:

. Bệnh thái tiềm di mặc hóa (sống với cái xấu chung quanh rồi dần dần nhiễm hóa)

. Bệnh thái tự kỷ ám thị (tự tạo thành kiến về một người, một sự)

. Bệnh thái thôi trọc (bị người khác khuyến dụ như thôi miên, tin tưởng mù quáng như tỉnh như mê).

Con người bao gồm: Tâm - vật - sinh, cho nên thể xác, tâm linh và cuộc sống cần được tăng tiến.

- Về thể xác cần được săn sóc, bảo trì và phát triển. “*Phải làm sao thân ta hoàn toàn hóa thành một thiện cụ cho ta và một khí cụ cho đoàn thể ta*”. Muốn được vậy, phương pháp dinh dưỡng phải được thực hiện đúng mức, sự luyện tập phải nhắm cho cơ thể được bền bỉ, dẻo dai, sông lâu, sống khỏe.

Về tâm linh bao gồm “nội tĩnh” và “ngoại tĩnh”

“Nội tĩnh là bảo tồn các khí lực nơi trong người, bảo tồn các thiện tính tiên thiên và tự thành, bảo tồn các kinh nghiệm, kiến thức tích lũy.

Nội tĩnh chính là hàm dưỡng tình lý, nuôi dưỡng tính tình, gìn giữ sâu xa rung cảm, chín chắn suy nghiệm sự việc, hành động, thể thái nhân tình, ôn-nhu hoà-nhã xử thế.

Nội tĩnh cũng là phản tỉnh, nhìn lại chính mình, trông suốt đáy lòng mình, tìm lấy nguyên ủy và hệ quả của mỗi rung cảm suy tư, hành động, lấy lẽ công chính, khách quan mà tìm phải trái để ăn năn, sửa chữa và chuẩn bị cho bước đường sắp tới. Phản tỉnh cũng là quay mặt trở về trông suốt cái thâm tâm của xã hội và loài người, cái uyên nguyên, cứu cánh của trời đất.

Ngoại tĩnh là lặn mình trong khổ hạnh, thiệp liệp non sông, nhân tình, thế thái.

Cần đắm mình thể nghiệm cảnh trí đất nước, non sông; tắm nhuần nghệ thuật, phong tục xưa và nay; cần thực tiễn thực nghiệm hành động trong các lao vụ, kỹ thuật, học thuật.

Cần dầu dãi, nắng mưa, xông pha nguy hiểm, thử thách sự chịu đựng trong lý tưởng phục vụ.

Ngoại tĩnh cũng là học, hiểu và hành các kiến thức của loài người trong mọi lãnh vực....

Thành đạt bước “tu dưỡng tự thắng” không những thành nhân mà còn có thể “thắng nhân”. Có sáng láng, thanh cao thì khác gì như ngôi sao “*Bắc đẩu, chúng tinh cùng chỉ.*”

Nên hiểu rằng: “*Sự sống bắt nguồn từ sự chết (Nguồn mỗi sống vươn lên từ mỗi chết). Đại giá của hy sinh là vinh quang, đại giá của sự chết là sống còn mãi mãi của loài người, đại giá của quyết chết là thành công, đại giá của lý tưởng là ý nghĩa với một công năng tích cực cho vũ trụ, một ý nghĩa hiện thực trong sát na và vi trần của vô thường.*”

Có ba yếu tố chính cho sự thành công của cách mạng và kiến thiết: Thiên hiểm (thời cơ), địa hiểm (quân sự, địa lý), và nhân hiểm (nhân tài). Yếu tố nhân tài là yếu tố quyết định. Cho nên tự thân một chiến sĩ cách mạng phải mài rũa sao cho sắc bén để có thể phụng sự đắc lực cho dân tộc. Sự đào luyện và hun đúc chỉ thực hiện được bằng sự tu dưỡng. Tu dưỡng là phương pháp, thủ đoạn và cũng là mục đích thực hiện phạm trù NGƯỜI. Chỉ có những con người tu dưỡng mới thắng được mình rồi thắng nhân mà gánh vác cho

công việc của thời đại.

Theo Thái Dịch Lý Đông A,

Thắng nhân là gì ?

A/ Thắng Nhân là thắng tự mình (gột rửa)

1. Thắng vượt mọi bệnh thái (mặc cảm) tâm lý do cá-nhân hay hoàn-cảnh gia đình xã-hội tạo ra.

2- Thắng mọi yếu kém về mặt sinh-lý, nhân thể.

3- Thắng vượt mọi yếu kém tâm-lý, tính-tình , ý-chí.

B/ Thắng nhân là kiến-lập một cuộc sống mới, thành-tạo một con người mới, con người nhân chủ (tu-duỡng và làm việc).

1- Trọn vẹn được mình (*chính kỳ sở mệnh*).

2- Cởi được hết sức sống tiềm-tàng vô-tận và sinh-động của bản thân: *sống đúng, sống thực, sống hết mình*.

3- Trọn vẹn được xã-hội (*tận kỳ sở năng, toại kỳ sở nhu*), đóng-góp hết sức vào mình. *Giải phóng dân-chúng - Phục-hung dân-tộc - Kiến-lập văn-minh nhân chủ - Thực-hiện thái-bình vạn xuân*.

Tại sao phải tu-duỡng thắng nhân ?

A- Thắng nghĩa Duy Dân đòi-hỏi những thắng nhân.

Triết-học Duy Dân lấy con người làm mục-đích, không phải là phương-tiện.

Mục-đích tạo thành con người mới trong một cuộc sống mới đúng với bản-vị người.

B- Cách-mạng Duy Dân lấy con người lấy con người làm mục-đích, không phải là phương-tiện

Mục-đích tạo thành con người mới trong một cuộc sống mới đúng với bản-vị người.

C/ Khai-triển cứu-cánh của cách-mạng Duy Dân.

Cách mạng Duy Dân *không nhằm tranh-đoạt chính quyền mà nhằm một cuộc đổi đời toàn-diện, triệt-để và hướng thượng*. Phân tích ra:

1- Mục đích ngắn hạn:

Tranh đòi độc lập, giải phóng dân tộc (*Cứu quốc tồn chủng*).

2- Mục-đích trung hạn:

Thực hiện tiến bộ xã-hội, đem lại no ấm hạnh-phúc cho toàn dân.

3- Mục-đích dài hạn:

Kiến-lập văn minh Nhân Chủ và thực hiện thời đại Thái Bình Vạn Xuân cho dân tộc và nhân loại.

4- Mục-đích suốt dọc mọi thời kỳ cách-mạng Duy Dân:

Cởi mở hết sức sống dạt-dào vô tận và sinh-động cho mọi người, và cho toàn thể nòi người sống biết, sống thực, sống hết được cuộc sống của con người và thực hiện ***giải-phóng con người***

Mọi cuộc vận động chính trị khác chỉ là phương-tiện, cho nên tránh vết xe

của các cuộc cách mạng trước chỉ lấy con người làm phương-tiện, lấy việc tranh-đoạt chính quyền và thống-trị nhân-dân làm mục-đích.

Cách-mạng Duy Dân đặt vấn-đề tu dưỡng Thắng Nhân trong giai-đoạn bí-mật.

Thành-công của Duy Dân trông vào sự thành công trên mọi ngôn luận. hành-vi, tư-tưởng, tình cảm của mọi đảng-viên.

Tu-Dưỡng Thắng Nhân như thế nào ?

A- Tu-duỡng Thắng Nhân là gì?

1-Là bắt đầu sống có thức-tỉnh, có tự chủ, có ý-thức.

- Quan tâm ghi nhận và phán xét mọi vật trong đời sống hàng ngày của bản thân.

- Quan tâm ghi nhận và phân-tích mọi mặt trong đời sống hàng ngày của những người chung quanh.

- Quan tâm theo dõi và phân-tích các sự kiện xã-hội và chính-trị.

2- Quyết tâm gột rửa nếp sống sai-lạc cũ:

- Tự kiểm-điểm ưu khuyết trong đời sống sinh lý, tâm lý, và xã-hội của bản thân.

- Gột rửa những bệnh thái tâm-lý.

- Chỉnh lý những thiếu kém về sinh-lý.

- Tinh-tiến về mặt tri-thức và nhận thức.

B/ Xây dựng quyết tâm sống một đời sống mới.

1- Người làn chủ động, là trung tâm đối với tự nhiên và xã-hội. Có người có tất cả, không có người, có cũng như không. Người là nguyên nhân và cứu cánh của mọi hoạt-động tư-tưởng của con người.

2- Sống chết ở tự mình, có không ở nơi mình, thành bại ở nơi mình.

- Thời, không hoàn-cảnh là phụ.

- Quyết tâm, cố gắng của mình mới là chính.

- Được mình được tất cả - Được tất cả được mình.

C/ Xây-dựng một chủ thể vững mạnh.

1- Tự mình thấp đuối mà đi.

2-Sống có chủ đích, có lý tưởng cao đẹp.

D/ Tổ chức đời sống hàng ngày của bản thân, gia đình.

1- Tận dụng thời giờ cho tiện lợi cả việc chung và việc riêng.

2- Vui hưởng cuộc sống trọn vẹn mỗi ngày, thanh bạch nhưng tươi trẻ, làm việc hết sức mình nhưng không thái quá, ưu tư nhưng không sầu muộn.

3- Tự túc và tri túc một nếp sốngn giản-dị, vừa đủ, nhanh-nhẹn gọn-gàng.

4- Thu xếp mọi mặt trong đời sống hàng ngày của bản thân và gia đình để **luôn sống trong tư thế “sẵn-sàng”** của một cán bộ cách mạng trong tình thế nguy-nan

E/ Cùng sống, giúp tiến mọi người chung quanh.

1- Gây nhân tích đức.

- 2- Thêm bạn bớt thù.
- 3- Cùng sống chứ không tranh sống.
- 4- Mình tiến thì người được tiến.

F/ Cùng toàn dân tạo sự nghiệp lớn cho Dân-tộc.

- 1- Tham-gia cách mạng để tranh đòi độc-lập, giải-phóng dân chúng, thực hiện tiến bộ xã-hội và kiến lập văn minh mới.
- 2- Thành nhân để thành công. Thành công trong thành nhân.
- 3- Tu-duỡng Thắng Nhân không thể hoàn tất, chỉ bằng thực hiện tự mình mà còn bằng thực hiện chung của toàn xã-hội.

Tu-duỡng Thắng Nhân bằng cách nào ?

A/Năm điều-kiện để tu-duỡng thắng nhân.

- 1- Có quyết tâm chí nhiệt, chí thành (Lập đại nguyện).
- 2- Quyết tâm gột rửa con người khỏi nếp sống sai lầm.
- 3- Quyết tuy-duỡng con người mới. Sống đời sống Việt và đời sống người, dù gian-nan khó-khăn thề nào cũng không nản chí, không ngừng nghỉ bỏ cuộc.
- 4- Tự thấp đuốc mà đi lên. Dám tự mình tự học, tự làm, tự đủ. Dù còn một mình cũng vẫn tiếp-tục.
- 5- Có phụ đạo tốt, có sự giúp đỡ thêm bằng:
 - a) Tài liệu tham-cứu, hướng-dẫn, gợi ý.
 - b) Trực tiếp được người có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng giải thêm.
 - c) Các phương tiện tập luyện và tu gột rửa.

B/ Hai phương-pháp chính:.

1- Nội tỉnh:

- * Quay về mình, vào nội tâm mình.
- * Tu tâm, dưỡng tính.
- * Suy nghiệm mọi mặt về đời sống riêng và chung.
- * Cảm-nghiệm quá khứ, chiêm-nghiệm hiện tại, hoạch định tương lai.
- * Phân-tính và thức tỉnh, nghỉ đi nghiệm lại một ngày một mới.

2- Ngoại tầm:

- * Tiếp giáp ngoại giới làm việc đời. Thấm thấu từ bên ngoài vào làm xúc-tích bên trong.
- * Từng trải nhân tình thế-thái và việc đời vô cùng phức tạp, tế nhị luôn diễn biến.
- * Tắm nhuần thân thể trong gió mưa, gian lao để tạo thành một tấm thân **Bách chiết thiên ma**.
- * Tôi luyện ý chí tư tưởng, tâm tư trong văn nghệ, lịch sử dân tộc.
- * Đào luyện khả năng, giải quyết công việc một cách mau lẹ chính xác, kết quả hợp lý, hợp tình.

C/ Ba phương-pháp phụ:

1- Tự kỷ ám thị (Tự mình nhắc nhở mình, tự mình nhấn nhủ mình để gây thêm tin tưởng, quyết định.)

2- Dùng các phương-pháp tâm-lý học.

* Phân tâm (phân tích tâm lý của mình và người trong mọi tình huống và trạng thái.)

* Trò chơi tâm lý: Đặt mình vào một hoàn cảnh giả tưởng để tập phản ứng và tìm cách giải quyết đúng.

3- Gây chấn động tâm lý nội tâm

D/ Các phương pháp bổ cứu khác:

1- Thuốc thang.

2- Tập luyện võ thuật, khí công, Yoga.

3- Tập luyện về mặt sinh lý, tập diễn thuyết, tập dưỡng sinh, tập điều tức (điều hòa hơi thở).

4- Học hỏi qua sách vở, tài liệu về các vấn đề liên hệ như tâm lý học, xã hội học.

*** Những điều kiện cần thiết cho đấu tranh cách mạng:**

- Sự giác ngộ chân chính về những nhu cầu cấp bách.
- Một quyết tâm mạnh mẽ.
- Một phương châm chính trị đúng chắc để đưa dẫn một đấu tranh quyết liệt.
- Tự chuẩn bị đầy đủ vật chất và tinh thần.
- Một thời cơ quyết định để nắm giữ thành công lâu bền.
- Một nền tảng cách mạng Việt, một phản ứng lớn lao của toàn dân tộc, đồng lao cộng lực vào đấu tranh sắt máu.
- Trên nền tảng nhân loại, sự phản ứng của các nhược tiểu dân tộc và các giai-tầng bị áp bức biết liên kết trong đấu tranh cấp thiết.
- Trong phạm vi thời đại, phải liên kết quá khứ với tương lai.

*** Kinh nghiệm lịch sử:**

- “Chỉ có sự vất-vả bằng độc lực với tinh thần mạo hiểm thì khi tỉnh lại mới thể-nghiệm thấm-thía được quyền sống còn, độc lập và chính nghĩa thật đúng đắn. Một văn minh mới như đóa hoa tươi tốt sẽ nở bùng ra. Ví như đất Mỹ trải qua một thời nôi giống xâm lược, máu và nước mắt, xấu ác hôi tanh đã nở ra Hoa Tháng Năm. Đóa hoa ấy bón tưới bằng những chất tố lịch sử của mồ đồng tội ác và đã sum-sê phủ kín mồ đồng đó.

“Tội ác của thực dân và chế độ nô lệ phải đền bù bằng mọi sự hối hận thâm kín nơi đáy lòng. Có khi người ta phải tự trừng phạt mình cho khỏi lờn-vờn cái hình bóng tối tăm của tội ác. Đó là trường hợp của 1865, Nam Bắc chiến tranh cho cái lý tưởng cởi mở dân tộc da đen. Cuộc chiến này phải là thần thánh chiến tranh, thuần vì lòng yêu thương, và nghĩa công đạo. Cuộc chiến này phải là vị tha chiến tranh, không tư lợi và không vị kỷ...

“Dòng sống có trong sạch thì đời sống mới được an ủi trong linh hồn. Những lờn vờn của hối hận, đau thảm và tối tăm có hết đi thì đời sống mới có hạnh phúc và hòa bình chân chính.

“Loài người muốn hết chiến tranh phải nhắm mắt lại rồi bừng mắt ra bằng cuộc chiến

tranh sau rốt là cuộc phán quyết sau cùng, phải tiêu diệt ngay tự mình nếu tự mình có tội lỗi. Như muốn còn có chiến tranh phải ca tụng những cuộc chiến tranh thần thánh Việt hay 1865...

“Kant, người hy vọng và thất vọng cuộc bùng nổ 1789. Trong niềm hy vọng của Kant ba cái luật lớn của luân lý, hợp lý chủ-nghĩa là phải coi mình là mục-dịch chứ không phải là thủ-đoạn. Tự mình với đời sống tự mình là thực thể của cái lý-tưởng trong thuần-túy lý tính hiện thân trên thế gian. Phải làm cho tự mình và đời sống tự mình thành một mục-dịch.

“Phải coi tự mình là một vật mình phải thờ phụng và nâng lên thật lành và đẹp, đối với người cũng như thế. Nhưng lý tưởng đó vào đời phải trải qua đấu tranh, sự đấu tranh để thắng cả tự mình (tự thắng) với tất cả những ác thế lực nữa.

Sự đấu tranh đó nổ bùng bằng sự phá vỡ Bastille, kiến trúc của phong kiến, chuyên chế, vô đạo đức và bất bình đẳng, là tượng trưng của tội ác. Phá vỡ ngục Bastille là làm thức tỉnh toàn thể dân Pháp với tất cả gây gộc, xéng, cày ra hoàn thành trận Valmy đuổi hết xâm lăng.

“Cái khí thế của nó sinh ra Napoléon. Cái trí tuệ của nó cải biến hết thủy tư tưởng và chế độ trên thế giới...

“Có những tấm lòng thuần nhân ái to rộng và lớn lao, nồng-nàn và chân thật, cũng không phải là lỗi từ thiện, cũng không thể đem mua bán ngoài chợ được, vì đó là biểu hiện của Phạm (Brahma) không bờ, không bến, cùng trước, cùng sau, Phạm từ-bi và hỷ-xả. Cho nên Gandhi là Mahatma, là Thánh Hùng, là kỳ nhân đời nay. Phải hiểu Gandhi bằng hiểu dân tộc tính của Ấn Độ. Cho nên hơn 300 triệu người Thiên Trúc ngày nay thiếu Gandhi không được...

“Mục tiêu và lý tưởng của Gandhi là do quan niệm Vệ Đà góp thành, không thể để cho những nhà chính trị đời nay và khoa học khâm phục được Gandhi với lý tưởng chính trị lành-mở càng tỏ rõ cái địa vị lịch sử và sứ mệnh tinh thần của mình...

“Nòi giống Phật không có sát sinh thực từ trong lòng tự nguyện mà ra. Gandhi dùng thủ-đoạn hòa bình và tiêu cực, bất hợp tác (1925), bất bạo động (1939) thực từ đó mà ra. Tự xả và tuyệt thực là vũ khí chính trị của ông. “Tự cấp” và “tự tạo” là công cụ kinh tế của ông; Trong Gandhi, mục đích cho hết thủ đoạn, thủ đoạn ấy phải là mục đích nhân ái trùm hết chính trị, tinh thần trùm hết lịch sử và lý tưởng Brahma trùm hết tương lai...

“Người ta đã tốn bao nhiêu lời lẽ ca tụng những cái lớn lao của thời Tam Quốc nước Tàu cùng các cuộc 89, 17 của Pháp với Nga. Hai thời kỳ này tuy nhiên trong hành trình đã dắt theo bao nhiêu những hắc muội của dã man cùng cực làm nên hối hận day dứt của tâm hồn ảo-não cho đạo đức của Sĩ.

“Chủ trương dùng văn hóa trùm lấy cả Á Đông và thực hành chính trị của nền nông nghiệp qua âm dương học trên chữ “Lễ” để suy-động bởi một cơ trí “Thiên triều chủ nghĩa”, hay “Hán tộc thiên hạ chủng tộc đế quốc chủ nghĩa” để diệt chủng bốn chung quanh! Người Việt còn được thừa hưởng cuộc đấu tranh thất bại của tổ tiên mình, cái vết máu nhơ-nhớp và cột đồng Mã Viện: “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt”

“Tương tự, Stalinisme làm cho cuộc cách mạng 1917 mất hết “nhân loại toàn tính”, mặc dầu thế, cũng đưa Nga Xô lên một địa vị của “Thiên triều chủ nghĩa”. Cái biện chứng duy vật có tác-dụng thời đại và địa phương, nên nếu Marx mang Nga quốc hóa trên biện chứng đó thì Staline cũng chỉ thực hiện một Thiên triều chủ nghĩa Komitern, một thứ Tsarisme.”

“Thế giới muốn ổn-định phải giác-ngộ không một “thiên hạ chủ nghĩa”, hoặc đội lột dân chủ, hay đội lột Tam Dân, hoặc trắng-trợn nhu Phát Xít.

“Quản Trọng nói “Nước lớn nhiều thì hợp các nước lớn vào đi đánh các nước nhỏ để làm bá đạo. Nước nhỏ nhiều thì hợp các nước nhỏ lại đi đánh các nước lớn để làm vương đạo”. Hãy hối-hận, hãy luôn luôn đề-phòng và cảnh tỉnh khi đi tìm nhân nghĩa và đạo đức. Dân chủ, vương đạo nếu chỉ nắm được cái vỏ của nó, cái bóng của nó trên bao nhiêu hoa mỹ mà mất thực thể thì chỉ là những sâu cay cho loài người...

“Người Á Đông, nhất là những người trong hệ văn hóa chữ Nho tất biết đến chủ nghĩa Tam Dân mà Tôn Văn, người sáng tạo ra nó.

Người Tàu đã tôn Tôn Văn lên làm quốc phụ, chủ nghĩa Tam Dân còn là những nguyên-tắc quốc sách tối cao đủ biết nó ẩn-tàng tham vọng của đế quốc Hán.

“Tôn Văn còn được người ta tôn là đạo sư của cách mạng cho các dân tộc nhỏ yếu, cố nhiên chủ nghĩa Tam Dân phải ở địa vị chỉ đạo.

“Nhưng tiếc thay, cái thùng “tả phí lù hủ lớn” đó, người Tàu lại đánh cho kêu, rồi lại la hò rối-rít, đối với thế giới nên coi đó như trẻ con ra đánh cái mẹt để cứu mặt trời khỏi bị mặt trăng che lấp (nhật thực) mà thôi.

“Tam Dân chỉ là một chủ nghĩa dân tộc, dân quyền với dân sinh cho nòi Hán trên đường xâm lăng các nước khác, đúc các dân tộc khác vào một lò để thống-nhất,... Đây là ý nghĩa của dân tộc! Còn dân quyền là một thứ quốc dân chủ chuyên chính mà một đảng (Quốc Dân đảng Tàu) cầm quyền mãi). Dân sinh là một thứ quốc gia tư-bản cực quyền mà bọn tài-phiệt và nho sĩ phải làm trung kiên. Thứ chủ nghĩa này đi đôi với sự lũng-đoạn chính trị của Tưởng Giới Thạch cùng bọn đầu trùm Quốc Dân đảng Tàu đã tạo ra một chiêu-bài nhân đạo rất lớn ví như cái màng nhện đã mắc chết bao nhiêu con ruồi vong quốc Việt, Hàn.

“Tam Dân trên chính trị là một học thuyết. Nếu lấy ý nghĩa đúng đắn của triết học mà nói, nó không thể gọi là một chủ nghĩa, nó chỉ có thể gọi là ba nguyên tắc quốc gia xã hội, mặc dầu kể sau hết sức nối liền Tam Dân với học thuyết Khổng Tử và truyền thống của Tàu... Những lý tắc duy sinh nằm trong Kinh Dịch và Trung Dung phát quật lên để gắn liền chủ nghĩa duy sinh mới (Trần Lạp Phu) và cũ (Kinh Lễ, Lễ Vận) nhưng lại bị lũng-túng với sự gán ép những nguyên lý đó với dân tộc và dân quyền. Sự phát minh kiến thiết giai đoạn luận của Tôn Văn có thể ví như sự phát minh cách mạng giai đoạn luận của Lénine, chỉ là liều thuốc cứu-cấp cho một học thuật với một dự-kế không trọn vẹn, tự trong mâu thuẫn của biện chứng mà không còn tinh nghĩa.”

“Còn nói đến dân chủ Tây phương? Thanh niên lấy làm vinh-dự để nói đến dân chủ. Dân chủ ví như thần thánh, dân chủ là hình ảnh giàu có, bình đẳng và khoa học. Trong nước dân chủ phải có tiền mới bình đẳng và sinh sản phải tùy khoa học phát minh mới tiến bộ. Chế-độ tư bản cố nhiên lúc đầu mới thay thế cho chế độ phong kiến thực là cứu thế, nhưng đi đôi với lẽ tiến hóa, từ thương nghiệp tư bản tiến lên công nghiệp tư bản làm cho trong nước giai cấp chia ly và chính trị đảng tranh. Tiếp từ công nghiệp tư bản tiến lên “kim dong tư bản”, sự cần dùng thị trường sinh ra đế quốc thực dân, từ đó đến quân hóa tư bản gieo rắc chiến tranh cho thế giới...”

“Dân chủ phải gồm các điều kiện toàn dân trực tiếp, tập trung và chân thực, dân chủ ấy mới có thể vững chắc. Lý tắc của dân chủ là “làm nghĩa vụ đi để hưởng quyền lợi” (droit et devoir). Song ta thấy nghĩa vụ không chiều người, cho nên phải có một lý tắc mới của dân chủ mới “Có cơ hội đó, làm nghĩa vụ đi để hưởng quyền lợi” (chance, droit et devoir).

“Xã hội là một tổ chức nhân tính. Do đó sự điều khiển nhân sinh phải coi là sự thiết kế đi đôi với một giáo dục trọn vẹn và đầy đủ.

“Những chủ nghĩa như Nazi, phát xít, Tam Dân hay Cộng sản, không thể thực hành được ở nước ta. **Nền tảng xã hội Việt, kế hoạch đồng nhân của Việt là một sách-lược liên hợp giải-phóng của tất cả các dân tộc nhỏ yếu trong Đại Nam Hải cùng một huyết thống Viêm và một văn hóa Môn từ muôn năm về trước, nó là chính sách cách mạng mà không phải là một cương-lĩnh xâm-lược.**

“Đời sống của quốc dân và dân tộc như dòng nước chảy không dứt. Người Việt trong đời sống quốc dân, lịch sử và thế giới chỉ có thể nói được: **“Ta sống cả một muôn năm ở trong ta, lấy sức ngằm đó đứng lên chuẩn bị cho thời đại ngày nay.”**

Thế-hệ của thanh niên và tầng cấp 98% của quốc dân Việt chính là đáy tầng dân tộc Việt, là sức gốc của Việt.

“Sự thống trị của dị tộc bàn cứ trên mặt tảng thỏa hiệp với đặc quyền. Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh mặt tảng và đặc quyền mà trở về đáy gốc.

“Sự thống trị của dị tộc thành lập trên sự cần-cối của nòi giống. Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh hết cần-cối mà chìm xuống đáy rễ để đâm lên những chồi mới.

“Làn gió phục-hưng dân tộc không thổi trên mặt tảng, trái lại chỉ thổi dưới đáy tảng để cuốn dậy làn sóng đáy. Những gió ấy và sóng ấy duy nhất có lực lượng để lật đổ hết thảy những thứ gì trên mặt tảng.

“Không gì thổi réo-rất, nghiêng rít bằng làn gió đáy. Nó như thổi hết thảy 5000 năm, tất cả những hơi lạnh người chết và hơi rợn linh hồn của toàn thể thiêng liêng chồng chất. Gió ấy như một chiếc roi thép quất chúng ta dậy, đau buốt tới xương tủy, thấm tận đáy hồn dân tộc và đáy lòng mọi người. Sự phục hưng ở đó mà ra, làn gió ấy tự ở đáy sử mà thổi, sẽ lôi cuốn hết đáy tảng, đoàn kết lại một mặt trận gốc,

*** Thắm-thấu nỗi đau về Quốc Gia Nạn:**

Mặc-dù tập-đoàn Cộng sản Hànội đã cưỡng chiếm miền Nam, thống-nhất lãnh-thổ suốt từ Nam ra Bắc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trên danh nghĩa, tuy “ôn-ào”, hô to “độc lập” và “thống nhất”, nhưng tiếc thay, trên thực-tế mọi lãnh-vực của đất nước Việt đều bị nước ngoài chi-phối, và thao-túng!

Ngày nay, dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam do tập-đoàn Cộng Sản lãnh-đạo đã để Trung Cộng (Tàu) chiếm nhiều đất đai của nước Việt!

Những quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Hoa gọi là Tây Sa và Nam Sa.

“Cứ theo tài-liệu ghi trong Hồng Đức Bản Đồ dưới thời vua Lê Thánh Tôn (1460-1479), ông Đỗ Bá tự Đào Phủ biên soạn trong sách “Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ ” phổ-biến vào năm 1639 đã mô-tả về “một bãi cát vàng” dài ước chừng 400 dặm, ngang 20 dặm, chạy từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh (Sa Huỳnh) thuộc tỉnh Quảng Ngãi và cách bờ biển khoảng 135 hải lý. Bãi cát vàng được xác nhận là đảo Hoàng Sa. Ngoài ghi nhận kể trên, trong quyển I, Hoàng Việt Địa Dư Chí của Phan Huy Chú, quyển 6 bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đại Nam Hội Điều Sử Lệ của Quốc Sử quán triều Nguyễn, Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn, tất cả các tài liệu này có ghi chép nhiều dữ-kiện liên-quan đến Hoàng Sa.

Ngoài ra, Công pháp quốc tế đã ấn-định: Các đảo ở gần quốc gia nào thì thuộc quyền sở hữu của quốc gia đó. Sự ấn định về thêm lục địa càng rõ-ràng hơn. Thêm lục địa là phần đất nằm dưới mặt nước biển nối liền từ bờ biển của một quốc gia trải dài cho tới lúc có độ sâu 200 fathom (fathom = 18828 mét). Các quần-đảo Trường Sa và Hoàng Sa đều có thêm lục địa nối liền với bờ biển Việt Nam không có khoảng cách cũng như không có độ sâu quá mức công pháp quốc tế quy-định.

Những dẫn giải kể trên cho thấy rõ-ràng chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngoài ra, khi phái đoàn chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tham dự hội nghị quốc tế nhóm họp tại San Francisco năm 1951 không có quốc-gia nào phản đối về chủ quyền hai quần đảo này thuộc Việt Nam.

Thế mà do hiệp-định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc ký tại Bắc Kinh ngày 25 tháng 12 năm 2000 giữa bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc Đường Gia Truyền và bộ trưởng ngoại giao Việt Nam cộng sản Nguyễn Duy Niên ký. Sự phân chia theo hiệp định là:

- 53.23% diện tích vịnh Bắc Bộ thuộc Việt Nam.

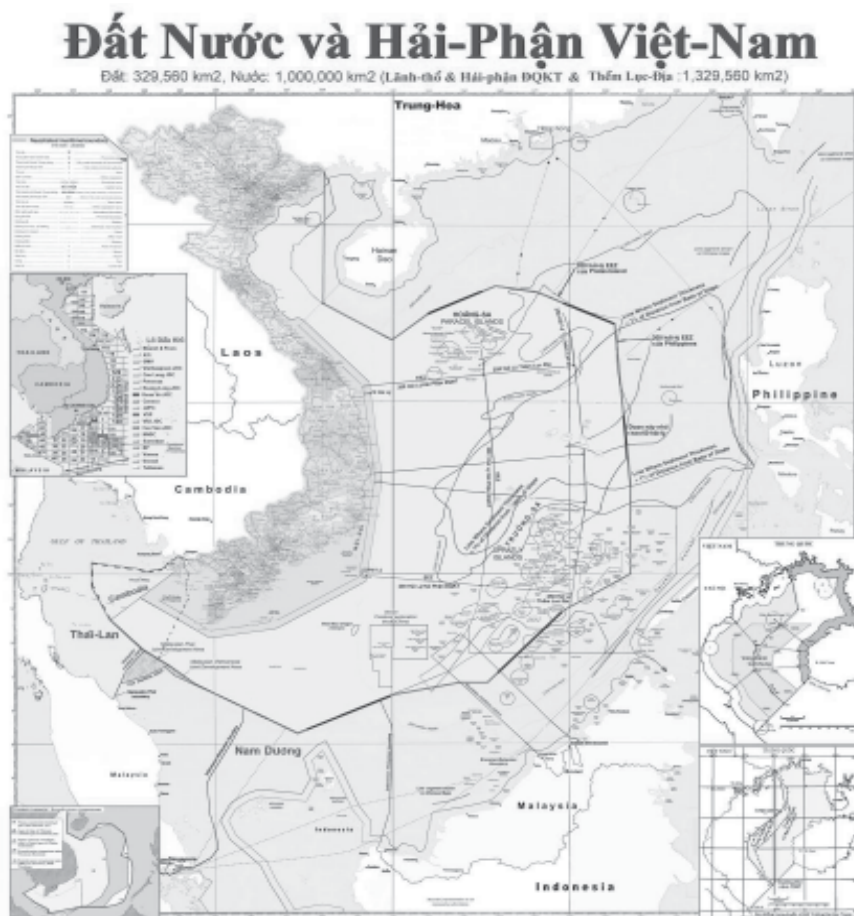
- 46.77% thuộc Trung Quốc.

Tổng diện-tích toàn vịnh Bắc Bộ là 126250 cây số vuông.

1- Lý Đông A, “Xuân Thu”, 6-11-1943.

2- Lý Đông A, “Bông Lau”, 1943.

Với sự phân chia cũ của hiệp ước Patenôtre (1885) theo tỷ lệ 62/38 - Đáng lẽ ta có đủ lý lẽ để đòi thêm, nhất là dựa trên công pháp quốc tế về luật biển thì ta đã bị Tàu ép buộc một cách vô lý để họ lấn tới. Diện tích bị mất thêm là gần 10000 cây số vuông!!!¹ (Nếu dựa trên công pháp quốc tế về luật biển, như vậy, ta đã bị Tàu ép buộc một cách vô lý để họ lấn tới.)



- Về kinh tế:

- Tình trạng buôn lậu trầm-trọng ở biên-giới Việt-Trung gây nguy-cơ cho nền kinh-tế VN bị phá sản. Hiện nay có thể nói hàng hóa Tàu chế tạo từ xe đạp, bình thủy, bàn ủi, kim may, v.v.... đến vật dụng nhà bếp cũng tràn ngập từ thành thị đến thôn quê. Tình-trạng này dẫn đến sự bóp nghẹt các ngành sản-xuất trong nước. Đó là chưa kể đến mảnh-mung đút-lót các viên chức tham-những của chính quyền để nắm lấy các cơ-sở sản xuất, các mối đầu-tư béo bở. Lối lũng-đoạn kinh-tế như thế là cách xâm-lược không tiếng súng.

- Một thủ-đoạn vô cùng hiểm ác là Tàu đã đơn phương thực-hiện dự-án với kế-hoạch xây một chuỗi đập ở thượng nguồn sông Mekong. Họ đã thực-hiện xong 6 đập: Manwan, Bashaoshan, Jinghong, Xiaowan, Naguzadu và Mengsong.

1- Phùng Ngọc Sa, "Vi CSVN Phản Bội", Trung Cộng Đoạt Hoàng Sa và Trường Sa:", Báo Bách Việt, tháng 3/1995

Việc Tàu ngăn đập, tạo hồ lớn ở thượng nguồn Mekong sẽ gây ra những hậu-quả nguy hại cho dân Lào, Kampuchia và đặc-biệt là dân Việt Nam ở cuối nguồn. Đây là một đại họa trực-tiếp đe-dọa sự sống còn của dân tộc Việt Nam vì mất nguồn phù-sa bón ruộng, mất nguồn thủy sản để sinh sống. Mặt khác, nước biển sẽ tràn ngập đồng ruộng vùng đồng bằng sông Cửu Long, và từ đó nhận chìm cả vùng Cà Mau và vùng duyên hải Nam Việt Nam. Chuỗi đập đó có khả-năng chặn giữ khoảng 120 tấn phù-sa hàng năm. Hiện-tượng gần đây có cá sấu vào các vùng nước ngọt là vì vậy.

– Hàng hóa Tàu tràn ngập qua các ngã biên giới một cách dễ-dàng, giá rẻ hơn hàng nội địa từ 40 đến 50%.

Biết bao nhiêu giai-đoạn Tàu nhằm triệt tiêu nền kinh-tế Việt Nam.

Sau 1975, Tàu đã tung ra nhiều đòn:

Mua móng chân trâu với giá cao làm nông dân ham tiền đã giết trâu, bỏ phần bán thịt, phần bán móng chân trâu bỏ với giá cao. Trong khi máy cày còn khan hiếm, thợ máy chuyên môn chưa sẵn-sàng, cộng chính sách “*hợp tác xã*” bỏ tư hữu, gây nhiều ruộng Việt đành bỏ hoang!

- Những năm đầu 1975, 76, 77 đồng tiền Việt Nam còn giá trị, sau đó liên-tiếp bị Tàu in ra bạc giả Việt Nam. Có lẽ để tránh nguy-cơ phá sản, bên Việt Nam bèn phá giá một đô-la ăn bằng nghìn một, ngàn hai, ngàn rưỡi tiền Việt!

- Tung tin “*thịt mèo ngon và rất bổ*”, mua mèo với giá cao, nên dân Việt bèn bán mèo sang Tàu gây nạn chuột đồng phá hại mùa màng!

Tàu còn áp dụng nhiều biện-pháp bổ sung như chính sách xuất khẩu bán phá giá, còn gọi là đầu mại (dumping), giá mặt hàng Tàu bán ở vùng biên rẻ hơn nội địa Tàu. Đó là mặt trái của quan-hệ Việt - Trung mà mục-tiêu lâu dài là biến kinh-tế Việt Nam thành nền *kinh tế ngoại biên (économique périphérique)* theo định-nghĩa của Raoul Prebisch, tương-ứng với quan điểm “*Tứ Di*” của Tàu.

- Về hành-chánh, lãnh-vực lãnh-đạo quốc gia: Tàu đã không cần đến vị-thế quốc gia! Để cho dân Tàu tự do qua lại Việt Nam, Tàu đã mua chuộc tay sai của chúng, một tên giám-đốc sở di trú mà lại có thẩm quyền như một bộ trưởng bộ ngoại giao để ký sắc lệnh “*không cần chiếu khán đối với người Tàu nhập cảnh Việt Nam!*”

Sự đi lại giữa hai nước Tàu và Việt Nam **không cần chiếu khán xuất nhập cảnh** là một nguy cơ về mặt dân số và đồng hóa. Người Hoa thường-trực ở Việt Nam dưới dạng du khách và thương gia, họ tiếp-tục vào Việt Nam không ồ-ạt nhưng liên-tục, tích-lũy từ triệu đến triệu rưỡi. Di dân người Tàu đang là một đe dọa khủng-khiếp cho Việt Nam.

Đó là *đoàn quân thứ năm phát-triển đồng bộ với cuộc Nam tiến lấn đất ở biên-giới Việt Trung, giành đất ở Biển Đông và bao-vây ở biên-giới Việt Lào.*

Vấn đề nguy hiểm về Hoa Kiều tại Đông Nam Á vì họ sẽ trở thành một đầu cầu vững chắc cho cây cầu xâm lược được bắc từ Tàu trong tương lai.

“*Đối với Hoa Kiều cả hai chính phủ Tàu đều cùng can thiệp mạnh-mẽ với các chính-phủ liên-hệ để giảm bớt các biện-pháp có thể nguy hại đến quyền lợi (bất chính) của tập-thể này tại các nước.*

“*Một nước Tàu nhỏ đã được thành hình trong lòng Đông Nam Á để sẵn-sàng trở thành quân tiền phong ghi chiến-tích đầu tiên trong cuộc bành trướng của người Tàu ở nơi này. Thật vậy, ngày nay không ai còn ngờ-việc Sin-ga-pua đã trở thành một nước Tàu nhỏ, nhưng ngay từ 1960, nằm trong dự kế Trung-hoa-hóa.*”¹

1-Lê Đình Thông, “*Mười năm Quan Hệ Việt Trung, Tham Luận hội thảo chính trị 96 tại Washington DC ngày 23, 24/4/ 96.*”

Tàu Cộng ra lệnh cho bọn tay sai ở bộ chính trị cộng sản Việt Nam làm xa lộ Trường Sơn để Tàu Cộng lập các căn-cứ quân sự kiên-cố trong các hang núi cho chuẩn bị chiến tranh. (Biết đâu các căn-cứ này, chính là nơi đầu não Bắc Kinh trú ẩn để phòng khi Tàu Cộng bị Hoa Kỳ oanh tạc. Bọn lãnh-đạo Bắc Kinh nghĩ là Hoa Kỳ không ngờ họ lại trú-ẩn ở vùng Trường Sơn, chứ không phải tại một căn-cứ bí mật nào đó trong hẻm núi ở nội địa nước Tàu mà Hoa Kỳ đã chấm sẵn tọa-độ oanh tạc). Xa lộ Trường Sơn này Tàu Cộng có thể di chuyển quân nhanh chóng từ vùng Hoa Nam (tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây) đi qua Việt Nam, Lào, Campuchia xuống tận Thái Lan.

- Tàu Cộng buộc cộng sản Việt Nam xây hơn 10 cây cầu bắc qua sông Hồng để tiện cho Tàu Cộng đổ quân tràn khắp Việt Nam khi cần thiết. Tàu Cộng viện trợ cho VC lập đường sắt chạy từ thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam nối tới Hà Nội để tiện việc buôn bán hay chuyển quân và vũ khí qua Việt Nam khi cần thiết.

Nếu quốc gia nạn được kịp thời giải-quyết thì những nứt rạn dân tộc được hàn gắn lại, Trường-hợp trái lại, quốc-gia nạn càng kéo dài, hoặc bị giải-quyết một cách lường gạt thì chẳng những quốc-gia nạn vẫn còn, mà dân tộc nạn càng sâu rộng, trầm-trọng thêm!

Dưới chế-độ Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Việt Nam cộng thêm những mưu-toan xâm-lược dưới nhiều hình-thức của Tàu không những đã gây nên “Quốc gia nạn” đồng thời sinh ra “Dân tộc nạn”!

* **Dân tộc nạn** là sự rạn nứt lâu dần đi đến tan-rã khối tập-thể nhân dân và nhất là sự **xâm-nhập những nét văn hóa ngoại lai và sự phá bỏ văn hóa dân tộc** trong một tinh-thần lợi danh vọng ngoại.

Những sinh-hoạt không hồn nếu có chỉ là những váng bọt vật-vờ trên dòng nước chảy, trước sau những huyết chủng này cũng tan hòa, biến mất trong dòng mà chúng bị cuốn theo. Đó là tình trạng những dân tộc bị tịch diệt.

Tinh-thần tập-thể sinh tồn tức là lòng yêu nước và tình tự dân-tộc đã kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt nhân dân thấy mình bị lường gạt một cách quá sức tưởng tượng, một mặt chính những tình cảm ấy tuy không chính thức bị cấm đoán, nhưng lại bị hướng đi một cách đến thành vô nghĩa với những dẫn giải như “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa”!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh, đê-tiện, giảo-quyệt. Càng trẻ càng điêu-ngoa, trăng-tráo.

Tập-đoàn cộng sản đã đào-tạo cho lớp trẻ thay vì nuôi dưỡng “nghĩa khí, hào-hiệp” thì lý-tưởng khao-khát của thanh niên thời đại là làm sao được tuyển vào hàng ngũ tổ-chức gọi bằng danh từ “đảng”, và khi được tuyển vào đảng, chỉ biết bảo-vệ quyền lợi đảng trên hết dù đi ngược lại quyền lợi dân tộc và đất nước!

*** Cương lĩnh Cách Mạng Việt**

Cương lĩnh 1: Con đường chính trị của nòi giống trong xã-hội loài người,

1862 trở về trước, dân tộc ta chỉ hạn chế trong thiên hạ nòi Hán. 1870-1918 thế giới hóa mà trải qua 49 năm đó là thời kỳ 1919-1939 loài người trong cuộc đấu tranh của 3 trận doanh quốc tế (dân chủ tư bản, cực quyền chủng tộc, cộng sản thống trị). Cuộc hỗn chiến 1939-1945 chuyển hình, đặt để hướng tâm 1 chế độ thế giới mới.

Dân tộc nhân tố, giai cấp hình thể và tâm lý trào lưu của thế giới trong khoảng hỗn chiến quyết định xu hướng tương lai của chúng ta.

Cương lĩnh 2: Những bài học lịch sử của chình trị quốc gia.

Dân tộc căn bản lập trường.

Lập trường 1840

* Đối Tàu: Trung tâm quy luật của lịch sử Tàu là *Hữu đức giả hữu thọ* (lấy tài hóa thu nhân tâm), quy luật này phối hợp với ý chí của nòi Hán *Hùng Hoa diệt Di* hình thành một tấm lịch sử xâm lược. Cái nguyên tắc chủ yếu ấy từ cổ tới nay đã từng thực hành mà còn có thể nói có chứng cứ rằng vẫn thực hành.

Cương lĩnh 3: Xã hội kết cấu của dân tộc.

Giai tầng trung kiên và chủ lực hình thành từ đời Vạn Thắng, trải qua ngàn năm bèn gan tranh đấu và ngưng kết tinh hoa đời Lý, Trần chập chững dưới Lê, Nguyễn, phủ phục ẩn tàng dưới thời Pháp thuộc, đây là lý tác Tiên Rồng của Totemisme,

Cương lĩnh 4: Hình ảnh, chế độ. sự nghiệp cách mạng và kiến thiết (đời sống xã hội của dân tộc).

Tất cả đáy tầng và mặt tầng có một yêu cầu là ‘**Cứu quốc tồn chủng**’.

Cương lĩnh 5: Thời đại văn hóa quốc tế.

Văn hóa, khoa học, quân sự và kinh tế tư bản chủ nghĩa, quân hóa công nghiệp qua một thời kỳ chuyển mình dưới áp lực của xu hướng hướng tâm cách mạng tất sẽ hình thành một thế giới mới trên nền tảng văn hóa ổn định có 4 tính chất:

- * Quốc tế tập đoàn an toàn (bloc mà không phải security collective).
- * Dân tộc hướng tâm vận động.
- * Quốc dân dân chủ chính trị hóa.
- * Quốc dân kinh tế xã hội hóa.

Cương lĩnh 6: Thủy chuẩn văn hóa của dân tộc.

Thời đại Đại Việt mở màn một tinh thần khoa học chủ nghĩa kết hợp với Tam giáo cũ, di sản nối liền tự đó vào văn hóa trình độ quốc tế bằng **Thắng Nghĩa**.

Cương lĩnh 7: Chính trị phương châm của quốc gia.

Căn cứ học thuật trong chính trị phương châm bằng tất cả các công việc phát triển và nghiên cứu đạo lý của cách mạng của kiến thiết, đạo lý của chính trị, tất cả triết học, khoa học, thuật học và sử học tập đại thành dưới học thuật của biện chứng pháp.

Cương lĩnh 8: Đấu tranh ccương lĩnh.

Dự kế cách mạng chỉ là biện chứng của quốc vận trên hai thời kỳ:

- * Các đế quốc tự chối bỏ nhau trên mặt tầng.
- * Toàn dân nòi giống đáy tầng phục hưng và phục hoạt trên các cơ sở cách mạng đặc biến, đột biến và thuế biến.

Cương lĩnh 9: Kiến quốc quy mô.

Kiến quốc quy mô, tuyệt đối không để tư kiến và vũ đoán, lại còn không được đem vị trí riêng của mình đặt lẫn vào bàn toán ấy, đó là yếu điểm duy nhất của nhà lãnh đạo trong sự chỉ huy vận mệnh của dân tộc.

Đôi dòng về Thái Dịch LÝ ĐÔNG A

Về tiểu-sử Thái Dịch Lý Đông A đến nay, ngay đến các vị cựu đảng viên của Duy Dân đảng cũng ít người biết trọn vẹn!

Phải chăng trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập, nhất là phải đối đầu với những công-cụ đảng mà Thái Dịch Lý Đông A phải giữ mật mọi điều về hình tích cũng như chương trình hoạt động cho cách mạng.

Chính vì thế khi viết về Lý Đông A, không thể nào viết một cách chi tiết, đầy đủ mà chỉ có thể dựa vào những điều nói lại của một số kỳ cựu đảng viên Duy Dân, và qua tài liệu hay sách vở của Thư Ký Trưởng Lý Đông A.

Ở đây, phần chính tiểu sử của Thái Dịch Lý Đông A đều dựa theo:

* “*Lý Đông A với Công Cuộc Cách Mạng Dân Tộc*” của Thái Hùng B, Mùa Hạ 1989 (4868 Tuổi Việt)

* Vô Ngã Phạm Khắc Hàm, “*Triết Lý Lý Đông A, quyển 1*”, 1997.



A/ **Thân Thế:** Lý Đông A tên thật là Nguyễn Hữu Thanh sinh ngày 1 tháng 11 giờ Mùi năm Canh Thân (10/12/1920) tại làng Bối Cầu (Vôi), xã Yên Tập, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nơi sản sinh ra nhiều nhân vật văn học như Nguyễn Khuyến). Cụ thân sinh là Nguyễn Chi Phương hiệu Phương Tường. Năm lên 3 tuổi, anh đã đọc, viết thông thạo chữ quốc ngữ và đọc được nhiều chữ Nho do người cha giảng dạy. Năm lên 4 tuổi, cụ thân sinh nhờ một người cháu họ đã lớn tuổi vốn là thầy đồ, thầy đồ Khuê kèm anh học. Ông đồ Khuê kể lại: “Anh ấy thực là một thần đồng, trong vòng 8 tháng đã học hết chữ của tôi”. Lên 5 tuổi, anh học Pháp văn để thi vào lớp năm cấp tiểu học ngày này ở tỉnh lỵ Hà Nam. Sau khi tốt nghiệp bằng cơ thủy (Certificate d’étude primaire Franco-indigène) anh không có ý dự thi tuyển vào hai trường Bảo Hộ (Bưởi) hay trung học Pháp Albert Sarraut, mà lên Hà Nội cốt để tìm sách đọc ở ‘trung-ương thư viện’ và thư viện Viễn Đông Bác Cổ. Anh đã phát nguyện theo gót các nhà tiền bối, hiến trọn thân mình cho việc cứu dân, cứu nước. Lòng ái quốc chưa đủ, anh quyết tâm nghiên cứu để đưa ra một học thuyết cách mạng dân tộc làm phương châm chỉ đạo.

Anh trú tại phố Sinh Từ, tối đi kèm trẻ tại tư gia, suốt ngày ở thư viện. Anh nhờ một người bạn lớn tuổi cùng trọ một nhà, dẫn anh vào thư viện và mượn những sách anh cần. Một số học sinh và sinh viên nhận thấy anh nhỏ xiu mà lại rất siêng năng lui tới thư viện, tò mò ngồi cùng bàn để xem anh đọc những loại sách nào. Do đó, việc mượn sách thư viện không còn khó khăn đối với anh nữa. Anh đọc đủ loại: khoa học, triết học, sử địa, chính trị, kinh tế, xã hội, văn nghệ,... Anh coi rất nhanh, có những bộ sách chỉ coi bằng mục lục rồi lướt qua các trang mà vẫn nắm được nội dung. Thư viện trung ương không đủ tài liệu về sử Việt, anh phải tìm vào Viễn Đông Bác Cổ học viện, hy vọng nơi đây có đủ tài liệu. Anh quan sát những di vật đào được từ đồ đá đẽo, đồ đá mài, đồ đồng, đồ gốm, các vũ khí cổ, anh tìm đọc những sách của các nhà bác học khảo cứu về văn minh Bắc Sơn, Đông Sơn giải thích về sự hiện diện của giống nòi Việt trên lưu vực sông Hồng và sông Mã. Anh không thỏa mãn với những giả thuyết thời đó,

Theo anh, nòi giống Việt có một lịch sử lâu đời, nòi giống Việt đã có một nền văn minh. Theo anh, muốn mưu đồ sự nghiệp cứu quốc, tồn chủng phải tìm hiểu gốc tích của nòi giống, phải tiếp thu được cái di tích của tổ tiên, phải hiểu đời sống, cách sống của cha ông ra sao. Sức sống của chúng ta chính là sức tiềm tàng tích lũy của bao thế hệ đã qua, vạch ra được

lộ tuyến chính trị đúng đắn cần phải hiểu cái nền tảng xã hội ngày nay, với tất cả các điều kiện văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội không để cho chúng ta trong con đường quốc tế tương lai, bất chước những chủ nghĩa ngoại lai được.

Cuối năm 1934, anh dọn nhà từ phố Sinh Từ đến sống chung với mấy người bạn ở đường bờ sông (Quai Clémenceau) cho tiện đường đến Viễn Đông Bác Cổ Học Viện...

Trong đầu thập niên 30, sau khi đập tan được cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Pháp bắt đầu thay đổi chính sách cai trị. Họ mở thêm các trường Cao đẳng để sau khi các sinh viên tốt nghiệp được tuyển chọn vào các ngành cai trị. Mong ước của đa số thanh niên thời ấy là làm quan, lương bổng cao hậu. Một thiếu số trí thức cảm thấy cái nhục của dân vong quốc, không muốn uốn gối khom lưng, tìm sống bằng nghề tự do ưa thích nhất là nghề dạy học ở các tư thục...

Trong giới lãnh tụ cách mạng nước ta ở thời kỳ này, anh trẻ tuổi nhất, nhưng chí lại lớn vô cùng:

*“Đầu xanh học làm thánh
Được cả học làm vương
Vì muôn sinh chắp mánh
Cho toại chí mười phương”
(Thánh Đồng Ngâm)*

Đảng cách mạng D.D. , trên quá trình thành lập cũng giống như bất cứ một đảng cách mạng Việt nào, xuất phát từ một nhóm bạn bè thân nhau. Tiểu tổ hạch tâm đầu tiên họp ngày 15/9/1937, anh đứng ra tuyên thệ chịu trách nhiệm lãnh đạo đảng D.D. lấy bí danh là Thuần, bút danh là Thái Dịch – Lý Đông A. Các ủy viên khai sáng ngày này hầu hết đã khuất, như Tư Long, Thái Kim, Việt Bằng, Hoài Nam, Đỗ Khuê. Đồng chí Nguyễn Duy Mỹ tức Tư Long bị Việt Minh Cộng Sản ám sát tại ấp Thái Hà vào tháng Tư/1945. Đồng chí Việt Bằng bị giết ở Cao Bằng, cụ Đỗ Khuê chết bệnh năm 1946!

Lý Đông A là một trong 4 người đã tổ chức vụ khởi nghĩa chống Pháp tại Lạng Sơn (tháng 9, 10-1940), với tư cách chính ủy Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, bí danh Hoàng Lương. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, ông cùng một số đồng chí chạy sang Liễu Châu, Tàu.

Về cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn, Phục Quốc quân lập bản doanh tại bản Tài Lại, bộ tư lệnh gồm có: Ô Trần Trung Lập chủ tịch, Hoàng Lương chính ủy, Đoàn Kiểm Điểm quân ủy, Ngô Ba quân lương, tài chánh. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, nghĩa quân chia làm ba toán di tản sang Tàu. Toán 1 do Ô Trần Trung Lập chỉ huy bị Pháp tiêu diệt gần hết trên đường đi. Số còn lại bị bắt, trong đó có ông Trần bị Pháp đem ra xử bắn tại sân bay Mai Phả, Lạng Sơn. Toán 2 do ông Hoàng Lương đưa thoát sang Tàu, năm sau được vào thụ huấn quân sự tại Liễu Châu Quân Học viện và tham gia quân đội Trung Quốc đánh Nhật. Năm 1945, tất cả đều xin giải ngũ để trở về Việt Nam. Toán 3 do Ô Từ Khắc Quỳnh bí mật đưa về Hà Nội để hoạt động quốc nội. Bị nội phản, ông Quỳnh và 5 đồng chí bị Pháp bắt và xử tử hình.

Tháng 11 năm 1943, Lý Đông A triệu tập hội nghị gồm các đồng chí đảng viên kỳ cựu, các trưởng quản cơ quan và một số cán bộ đã về nước như Việt Bằng, Thái Phong, Thái Năng, Thái Đức, Thái Tố,...quyết định thành lập Tổng Đảng Bộ của Việt Duy Dân đảng, anh được tôn làm Thư Ký trưởng. Bốn bản tuyên ngôn được phát hành ở thời kỳ này.

Năm 1945, sau hai trận đụng độ với Cộng sản tại Nga My (tháng 9/45) và Hòa Bình (tháng 4/1946), ông tuyên bố giải tán Tổng Đảng bộ, và biệt tích từ đó.

Cụ Phan Thanh Long, một đồng chí của Lý Đông A cho biết:

Năm 1939, ông LDA có lên Trúc Lâm Yên Tử tu tập thiền định và đã chứng ngộ ở đây. Cuối năm 1940, sau cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn, ông dẫn một số đồng chí sang Tàu, và trở lại Việt Nam vào năm 1943. Ông đặt cơ sở cách mạng tại Hòa Bình và Bắc Ninh. Mỗi khi về

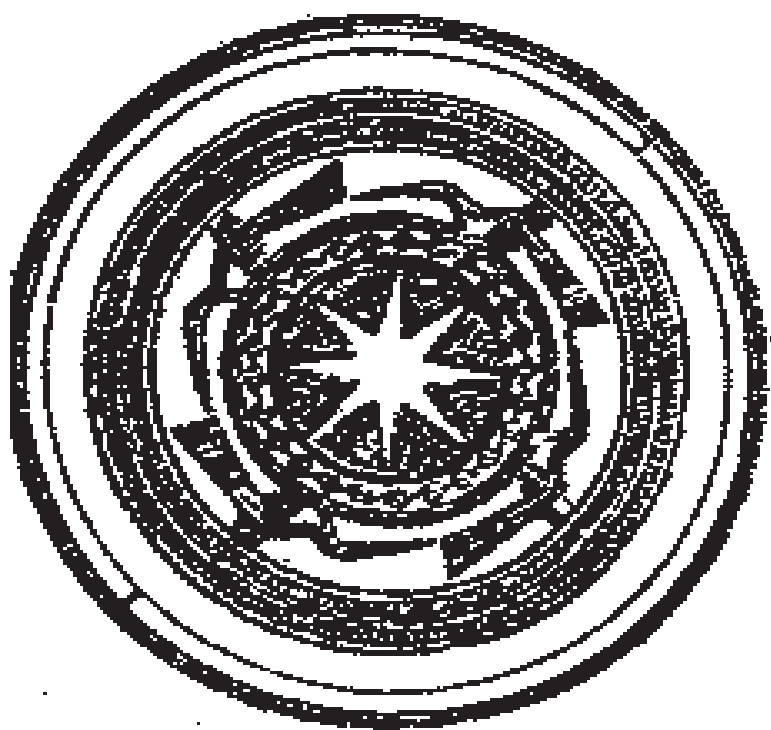
Hà Nội, ông thường tạm trú tại chùa Quán sứ và chùa Quảng Bá.

Để tóm kết phần tiểu sử, xin đăng lại bài “Tự Hào” của chính Lý Đông A:

Tự Hào

Chàng thiếu niên trí thánh, hành chữ vương
Sinh ra đời gặp lúc đại nhiễu nhương,
Dân muôn nhà trầm luân trong nước lửa,
Chàng thiếu niên gằm thét động bi thương.
Phấn hùng tâm gột mài tìm lẽ sống,
Đặt tấm thân dày dạn giữa gió sương.
Ngày công thành hẹn trước như cứu chúa,
Cầm trong tay vận mệnh và kỷ cương.
Chàng thiếu niên gốc cháu con Hồng Lạc,
Máu nóng sôi, hồn nóng lửa Viêm phương.
Năm ngàn năm trong mạch sống chan chứa,
Hoa thiên tài bùng nở nước Đông Dương
Lòng trong trắng như vầng trời cao sáng,
Đức uy nghi tiên cách khác ai thường.
Tình yêu thương những ngày thiên mệnh sớm
Vì giống nòi trút lại chẳng tơ vương.
Vết phấn đấu như rồng bay tuyệt cảnh,
Tài lược thao cái thế có ai đương;
Lưỡi gươm thề quyết mở đường Vạn Thắng
Gồm một nhà trăm giống Việt Kinh Dương.
Chàng thiếu niên rượu thần thơ lại thánh.
Nét tâm đan mở miệng có văn chương.
Bước Duy Dân dòng Xuân Thu tha thiết,
Uống Năm Hồ, ngâm trăm thuở cương thường.
Trang bất tử bước chân hùng khải khái,
Vẻ hồn nhiên linh nhạc nảy cung thương,
Thường than câu “Thiên hạ thù nhân khắp”
Thoắt xem mình đầu tóc đã pha sương!
Gánh tài tình tự hẹn thời mưa gió
Dẹp cuồng lan xây đắp cõi kim cương.
Thân lui về tiêu dao không ngày tháng,
Muôn ngàn đời tài tử nhất danh trường!
Chàng thiếu niên tự hào thân lẫn lộn,
Đáng cháu con Hồng Lạc mặt dương dương.
Chàng thét rượu mở tờ buông bút sử
Tự hào mình, mình hát, lại mình thương.
Rằng nghìn trước, nghìn sau, nghìn năm nữa,
Có ai cùng Thái Dịch hú hồn hương ?!

(Trích Tự Hào – Thơ Thái Dịch – LĐA)



Những Tuyên Ngôn
của Đảng Cách Mạng
Đại Việt Duy Dân



TUYÊN NGÔN

Ngày Thành Lập Tổng Đảng Bộ

Chúng tôi nhận thấy rằng nước nòi Việt chúng ta suốt trên bốn ngàn năm có thừa, trải qua bao nhiêu bước đường vật lộn với bão táp bốn bề, từ lúc Văn Lang mở cõi, đầu người kể được vài muôn, tiến đến ngày nay, nhân dân năm sáu mươi triệu đời nào cũng như đời nào chật-chẽ sum vầy dang tay chống giặc, chỉ có một mục-đích trung tâm là tranh đòi lấy một sống còn độc lập. Con đường với phương hướng chính trị mỗi dân tộc đều do cái ánh sáng từ đáy hồn lịch sử tỏa ra chỉ nẻo rất thành thực và sáng suốt, đặc tính của mỗi dân tộc, đặc điểm của mỗi lịch sử phát-triển,, nền tảng của mỗi hình thể, quy định hết cả cái vận mệnh và xuất lộ của mọi chính trị và cách-mạng.

Chúng tôi lại nhận thấy rằng : Phàm người nào sống ở nơi giữa quốc dân , đau cái đau của quốc dân, vui cái vui của quốc dân, tai nghe mắt thấy cái sống dào dạt trong đời sống quốc dân, tất cảm thấy và giác ngộ trên lý tính thực tiễn cái ngày mai của quốc dân thế nào. Quả vậy, quốc dân không vì một chủ nghĩa, chế độ hay pháp luật đó, phải mới mẻ từ cái nền tảng với những điều kiện hiện thời mà sản sinh ra cho thời đại, mới mẻ và hiện thực.

Chúng tôi còn nhận thấy rằng: Một viễn kiến sâu sắc và chính-xác đi với sự nắm giữ được chắc-chắn những xoay vần của thời-đại và thành tựu của tương lai là tất yếu trong công cuộc dẫn dắt quốc dân. Nước nòi sở dĩ vượt được khó-khăn, phá hết nguy hiểm, rửa được hết đau nhục, cởi mở đời sống , cởi mở cháu con và làm lớn lao tổ tiên bền mạnh trên con đường sống, còn, nối, tiến, hóa của mình được là nhờ ở sự lo xa, nghĩ dài, thấy đúng đó. Hiện tại là cái nút vi-diệu của quá khứ và tương lai, trên vận động thất buộc nên, nó không tiêu diệt được những mâu thuẫn và nhược điểm ẩn nấp tự trong nó, nên chúng ta bao giờ cũng như bao giờ đều phải sẵn sàng đối phó với những cái gì có thể có về tương lai.

Chúng tôi đã căn-cứ ở những điều nhận thấy trên, xét nét lại suốt lịch sử diễn tiến của thế giới loài người và mỗi giai-đoạn phát-triển của nó từng mỗi bờ cõi. Lại đem hiện thể ngày nay tường tận nghiên cứu để suy trắc ra cái hình thể đương nhiên của quốc dân mai sau trên mọi mặt, đặc biệt trên kinh tế, xã-hội và chính trị. Cái hình thái tổng thành của văn hóa quốc tế mai sau, chúng tôi còn chú ý nữa, vì đời sống và đường sống, cách sống của mỗi dân tộc trên thế kỷ 20 này trở đi càng ngày càng khít chặt với đời sống, đường sống, cách sống của loài người. Các chế độ, chính sách và văn hóa quốc tế thế nào đều có ảnh hưởng rất lớn-lao và sâu sắc đến chế độ chính sách và văn hóa dân tộc.

Chúng tôi còn trở lại mình , tìm tòi lập-trường gốc gác của nước nòi Việt ta suốt từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20 này, kiểm thảo lại từng bước đi của nước nòi trên các nền tảng và điều kiện để nắm giữ lấy cái dây diễn tiến đó liền với dây diễn tiến của lịch sử ta, từ tối cổ đến giờ, nối nó với bước đi hiện giờ và về sau.

Chúng tôi chẳng bỏ qua không suy nghĩ kỹ càng cái lập trường gốc gác của ta từ đầu thế kỷ 20 này cho đến năm 1939 là đầu cuộc thế-giới đại chiến thứ hai này; lại cái lập trường gốc gác của ta trong giai đoạn rất nghiêm ngặt từ 1939 đến năm 1950 đây; rồi từ năm 1950 đến cuối thế kỷ 20 này sang thế kỷ 21, chúng tôi cũng đã thấy được mối-mạnh và bờ cõi rõ-rệt của nó , đặc biệt trên chính trị, kinh tế và xã-hội của từng thời kỳ.

Chúng tôi đã kiểm thảo lại và suy trắc ra văn hóa thủy chuẩn của dân tộc hiện nay thế nào, chúng ta cần đoán định cho nó một tình chất, giá trị và trình độ lấy đó làm xuất phát điểm cho mọi sự nghiệp nay và mai nếu chúng ta cần muốn có một bước chắc chắn trên một quãng đường mà chúng ta cần phải đi, yêu cầu có một chỗ bắt đầu và một chỗ để đi tới.

Phải quốc dân chúng ta cần có bát cơm đầy, manh áo ấm, đời sống vui, vận hòa bình, bước tiến hóa... Ngày nay mỗi yêu cầu đó phải đạt tới bằng một phương thức nào và sự đạt tới đó trên một hình thái nào của cách-mạng và kiến thiết, mỗi công việc gì muốn có một phương thức để làm tới một hình thái nào. Dù sao cái nền tảng kinh tế và kết cấu xã-hội của mỗi dân tộc qui định ra và chỉ thừa nhận những công việc nào thích hợp với tự mình.

Chúng tôi tuyệt không dám vì cái xán lạn của mỗi phương trời rút lại cho ta một ánh hoàng hôn;

Chúng tôi cũng không dám vì cái cấp lợi của mỗi thế lực thí bỏ cho ta một thìa cháo cúng huyền hoặc mà cả gan bỏ cái lộ tuyến của dân tộc mình đem áp dụng một chủ nghĩa nào ra thành một chính cương, rồi mong thực hiện nó ra một chế độ cho dân tộc.

Chúng tôi không như mỗi chính đảng nào hy vọng lấy hai phần trăm dân chúng trên mỗi giai tầng thiên lệch trong quốc dân ra lãnh đạo, xúy đồ 98 phần trăm quốc dân khác. Trái lại, chúng tôi lấy cái sức lỗi và nền gốc 98 phần trăm quốc dân đó ra làm chủ lực của quốc gia, nhưng không mất sát 2% quốc dân khác.

Chúng tôi nguyện vì toàn dân Việt mang hết sức ra cống hiến. Dân tộc hiện bây giờ và mai sau đây, mỗi sự nghiệp nào làm ra đều do cái nền tảng tối đại đa số quốc dân và toàn thể quốc dân đó làm nền tảng định đoạt hết những phương thức và hình thái.

Chúng tôi chỉ nhu-yếu những nhu yếu của quốc dân, hy vọng những hy vọng của quốc dân, lý tưởng những lý tưởng của quốc dân, những tâm lý bình diện cho đến những tâm lý lập thể của quốc dân đáp dựng một cái khuôn dáng trung thực của tất cả đời sống lịch sử hiện tại nối với tương lai của dân tộc.

Lịch sử hết cả dân tộc trên thế giới cũng như lịch sử của dân tộc ta, đời sống hiện thực của các dân tộc trên thế giới cũng như đời sống hiện thực của dân tộc ta đã chứng tỏ rõ ràng: *Tất cả những cử động của mỗi dân tộc trong ngày thường và khi lâm biến đều xuất phát từ những xung động của cái lý tính thực tiễn của đời sống thực thể rất thành thực, thiết cận và tinh mẫn.* Cái luật tắc tự nhiên của mỗi dân tộc phải đứng dậy bênh giữ lấy sống còn, nối, tiến hóa của mình. Trong mỗi tiềm lưu sinh hoạt của quốc dân, ta đều nhận thấy sự thống nhất các đảng phái cốt ở sự kiến lập một chủ trương hợp lý và đứng vững làm một tin tưởng cho mỗi phần tử không phân chia trên mỗi cái nhỏ nhất ở lý luận với kỹ thuật mới được.

Nếu chúng ta, tất cả các đồng chí trong cách mạng thử nghĩ đem những chính kiến phức tạp của chúng ta tẩm nhuần vào thứ nước “để rửa” (baptême) tinh khiết của cái lý tính thực tiễn, thuần chân trong đời sống thực thể và hoạt động của quốc dân kia, tất chúng ta đã có cơ hội mà lạng giải nhau; đồng thời nếu mọi sự việc của chúng ta luôn luôn được chiếu rọi bởi sử thể nghiệm cái ánh sáng thực tiễn và thuần chân đo, tất tiến bộ hơn nhiều. Chúng ta xin hãy học tập lấy những xung động và lý tính thực tiễn của quốc dân. Sự xuất thần bằng mỗi cảm chiêu và hun đúc bằng mỗi lý luận khác nhau làm xa

chúng ta đi, tất nhiên sự trở lại với toàn quốc dân sẽ khít gần chúng ta rất dễ.

Đúng ở trên sự thực hiểu mình, dẫn một vạch đến sự thực hiểu quốc tế, cái vạch đó ăn khít với cái vạch dẫn từ trên sự thực hiểu hiện đại với tương lai, chúng tôi đã dự kiến một con đường của dân tộc cả trên cách mạng với kiến quốc. Ở sự tìm thấy con đường đó, nó mở cho chúng tôi một phương hướng và một lý tưởng. Sự nối liền cái thực tế của quốc dân với cái ý niệm dân tộc và sự theo dõi từ tâm lý bình diện đến tâm lý lập thể của quốc dân; những việc đó lại còn bảo rõ cho chúng tôi hiểu biết những việc làm tất yếu trong mọi cái quá trình đi lên trên con đường sống lịch sử và sống quốc dân của Việt.

Cho nên cái chính trị phương châm của chúng tôi là cả những nhận thấy vừa kể trên, tóm lại trong cái chủ trương tối cần cứu nước giữ nòi (cứu nước, tồn chủng) mà Phan Sào Nam tiên sinh đã di chúc lại cho chúng tôi tất cả. Từ cái chủ trương gần nhất đó để đi làm một lý tưởng xa hơn là xây đắp toàn bộ một sinh mệnh thể hệ kết hợp với toàn bộ một dân tộc văn hóa thể hệ cho nước nòi Việt. Trong một quá trình làm lụng đo, chúng tôi tuân theo một cương lĩnh hai tầng ba mặt là Cách mạng phải toàn diện, triệt để và hướng thượng đi đôi với sáng tạo phải toàn diện, triệt để và hướng thượng. Tất cả những căn cứ hiện thực trên cho chúng ta một lý tưởng, một hệ thống học thuật mới là chủ nghĩa DUY DÂN, lấy đó làm chỉ đạo nguyên tắc cho công cuộc.

Chúng tôi đã không nghĩ đem một chủ nghĩa nước ngoài hay lâu đời nào ra chụp vào đời sống quốc dân, nhưng chúng tôi cũng chẳng nghĩ đề ra cùng quốc dân một chính cương, chính sách nào hết, vì đời sống quốc dân rất hoạt động nền nếp, không thể nào mang được một cách máy móc những văn bác cổ ra tìm chỗ nào mà đóng lại các vở tuồng. Lại vì đời sống quốc dân rất thống nhất, không thể xé lẻ được mà mong đem một vài ba chính sách, chính cương hay khẩu hiệu (giảm thuế, bỏ sai) mang ra vá vúi và bổ cứu vào đời sống, một khi đời sống quốc dân trải qua một chuyển biến sẽ yêu cầu những phương năng toàn thể dễ dàng chẳng sẽ vô vị làm sao? Ấy thế, cái nền tảng dân tộc ngày nay không thể xé lẻ được, chúng ta cần phải có một *Dân Tộc chủ trương* và một *Dân Tộc Chủ Nghĩa* cụ thể, tường tế mà không thể xé lẻ được.

Chữ “*giải phóng*” đã hàm hồ không có một bờ cõi thiết thực, cũng như những chữ “tự do, bác ái” chỉ là những phụ kiện của công việc ngày nay. Cái quan niệm cách mạng của chúng ta phải cho ăn sát vào tính chất và thực thể của những nhu yếu thật thiết thân của dân tộc biểu hiện ra bằng những tên gọi của các việc làm có mật thiết liên hệ với nhau. Người Việt ta ngày nay còn đang tối tăm mặt mày dưới bọn xâm lược suốt mặt, không có dư địa đâu mà nói quốc dân dân chủ nghĩa hay thế giới chủ nghĩa. Cũng như người Việt ta ngày nay còn đang túi bụi chân tay vào cầu sống còn, chưa có thanh nhàn mà cãi nhau suông về hình thức dân chủ nào được.

Cái khổ tâm nhất của chúng ta là phải tập trung sức lực vào “*cứu quốc tồn chủng*”. Cứu lấy nước nhà, nghĩa là tranh đòi lại chủ quyền về mình, cái chủ quyền đó phải căn bản và chân chính về ở mình tự quyết và tự trị, tự lập, không thể dùng hình thức “giả độc lập” hay chủ quyền sứ mề nào tồn tại. Cái hàm nghĩa đó đi đôi với hàm nghĩa giữ lấy nòi giống cho thuần túy, ý nói tìm hết các phương thức và phương pháp kiến lập một hình thức và một hình thái chính trị nào thực có thể làm cho dân chúng được sống còn một cách rộng rãi (tự do), đầy đủ (bình đẳng), vui vẻ (bác ái), tiến bộ (văn minh).

Hai công việc ấy cùng làm vì nó mật thiết liên hệ với nhau, cũng như nói không có một nòi giống thì làm gì nói đến có một quốc gia. Ví thử, ở bộ phận Trung, Nam, Bắc nước nhà, mỗi bộ phận lại một giống, ba giống đó còn nói gì lập một trung tâm cứu nước?

Một chủ quyền đặt dựng lên không căn cứ vào dân tộc nguyên tắc, không có một chủ lực để duy hệ cái chủ quyền đo, lấy ai mà nói quốc gia.

Cho nên công việc đi sau đó không phải là giản đơn, chỉ tính đến lập một chính phủ hay một chế độ, mà toàn bộ cái sự nghiệp sinh mệnh của dân tộc tung hợp với toàn bộ cả thể hệ văn hóa của dân tộc phải gây dựng, vun trồng sáng tạo nên, làm cho dân tộc có cả năng lực sống, còn, nối, tiến, hóa trên cái nền tảng thực thể một sinh hoạt chắc chắn và đầy đủ lại phù giữ cho cái sinh hoạt đó một cách thực sáng sủa và mỹ mãn; đấy là sinh mệnh với văn hóa, hai thứ là một thôi.

Vậy để thích ứng với sứ mệnh lớn lao trên công cuộc cách mạng của chúng ta phải toàn diện từ nhân chủng sinh hoạt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa cho đến mọi thứ gì, từ mọi cái hữu hình đến vô hình, từ mọi cái rất nhỏ đến cái rất to, từ mọi cái rất thấp đến cái rất cao.

Công cuộc cách mạng của chúng ta còn phải triệt để, từ đầu cho đến cuối đường làm dở dang, từ thất bại làm cho đến thành công quyết chớ nản chí, từ ngọn đến gốc chớ có lừng lơ, từ hình thức đến nội dung tuyệt không phù diễn.

Lại cách mạng của chúng ta phải hướng thượng, từ hiện tại phải trông về tương lai, chớ có để vận mệnh của chúng ta dật lùi, từ bảo cổ phải làm cho tiến tiến, chớ để văn minh của ta thoái bộ.

Cho nên phá hoại, chúng ta phải biết dự trước cho nó một cực hạn tuyến, lấy sáng tạo mà chuẩn bị cho quốc dân một chuyển di trực về kiến thiết. Cách mạng đã như trên, sáng tạo cũng không thể thiếu một phương diện và một tính chất nào được. Trọng yếu nhất là làm sao cho cách mạng với sáng tạo của chúng ta mãi sau bền vững được trên con đường hướng thượng. Ta há chẳng thấy cách mạng của thế giới từng chứng tỏ cho ta hay rằng cách mạng có thể dật lùi được đấy ư! Vấn đề đó quan hệ ở như chủ trương mà hơn nữa ở như chuỗi nắm.

Cái chủ trương có thiết thực, để làm ngay thực được có bước đi rõ rệt, có bờ cõi chắc-chắn, có nền tảng vật chất, có căn cứ xã-hội, có bối cảnh quốc tế, cái chủ trương đó cứ từng bước mà thực hiện ra không dứt hướng thượng một cách ổn tiến và không lung lay cả về lý luận với thực tiễn.

Nhưng mà để làm ra cái chủ trương kia, chuỗi nắm phải là nơi quốc dân, thực có tự lực mà nắm giữ lấy, suy động lấy. Nếu chuỗi nắm ở một kẻ độc tài hay nhà lãnh đạo, hoặc giả ở một giai cấp đặc thù số ít (như trong trường hợp dân tộc ta) thế tất ở một cái bạo ngược của dục vọng, ở mọi cái phù bạc của đạo đức, ở mọi cái thất thố trong hành vi, và ở mọi cái ngông cuồng trong kiêu ngạo; không những cách mạng có thể để cho vong quốc, cát cứ, hoạt đầu quyết định rằng không thể nào hướng thượng được.

Cho nên muốn cho dân chúng xác thực nắm giữ được cái chuỗi nắm của cách mạng, điều kiện trên hết là ý thức cách mạng và văn hóa cách mạng phải để thấm nhuần sâu sắc trong đáy tầng. Như hoàn cảnh chúng ta ngày nay, ít nhất phải gieo rắc trong tâm lý quốc dân để phụ giúp cho những xung động của lý tính thực tiễn của quốc dân có một phương hướng và đường lối chính đáng tất cả những cơ bản khái niệm của đời mới bằng những nguyên tắc rất dễ dãi, giản quát, thuần túy, tinh thành, thiết thực và tiến tiến. Ở đây, chúng tôi xin đề ra mấy điều này:

1- Dùng đấu tranh bằng mọi mặt, sắt máu (vũ lực) cũng như bằng đầu óc (chính

trị) rất gay gắt để đạt tới mục đích cứu nước và giữ nòi.

2- Dùng dân chúng bằng mọi hình thức côi gốc mà dân chúng tự ý tổ chức kinh tế với sinh hoạt của tự mình rất chặt chẽ để đạt tới đời sống tiến bộ.

3- Dùng cần lao bằng mọi gắng sức suốt mặt của dân chúng tự động, làm nên để dụng dồi một sinh mệnh lâu dài cho dân tộc.

4- Dùng sáng tạo bằng một thể nghiệm trong thực tiễn và sinh hoạt mà ra để vun trồng một văn hóa sáng sửa cho nòi giống.

Cuộc chiến tranh thế giới lần này đã diễn tiến đến một giai đoạn nó làm cho chân chính bộc lộ cả mặt thực của nó rồi, nguyên nhân của nó cũng như kết quả của nó thế nào, ta không khó mà đoán định ra một cách quá rõ-rệt. Bây giờ chúng ta càng hiểu rằng mỗi một sự phân tích, mỗi một công cuộc thế-giới, nếu đem con mắt chủ quan của mỗi một chủ nghĩa ra mà nói bậy đều sai lầm hết.

Sự thất bại đau đớn từ xưa tới nay của các cuộc vận động cách mệnh của các dân tộc nhỏ yếu đều do ở sự huyênh hoặc mọi lời tiên tri học thuyết, hay mọi lời hứa hẹn chính sách đó, không tự tìm lấy được một phương hướng và con đường quyết định của tự mình mở ra một cuộc đấu tranh chính xác.

Lập trường của chúng ta cũng như lập trường của mọi dân tộc nhỏ yếu phải tu chỉnh lại. Trông cái nguyên nhân của cuộc chiến tranh này và kết cục thực tế của nó, cũng như trông đến những lý tưởng chiến hậu phôi bày ngoài mặt của nó phải xem bằng con mắt hiện thực, con mắt biết chịu trách nhiệm với vận mệnh của nòi giống mới được.

Sở dĩ loài người có chiến tranh cũng như trong cuộc chiến tranh này, người ta còn sợ một cách rất có lý do, sẽ có những cuộc chiến tranh quy mô to tát nữa sẽ bùng ra đi sau nữa, chỉ vì không phải bởi loài người ngu xuẩn quá, hay bởi loài người anh hùng qua, thực bởi dưới đáy tầng thế giới còn nhiều áp bức quá và nhiều bất bình quá mà nên.

Thuần túy cuộc chiến tranh này chỉ là để quốc chủ nghĩa tranh bá chiến, không phải chân chính vì những mâu thuẫn của tư bản với lao công, của thực dân với đế quốc mà ra, hay của đế quốc chủ nghĩa với cộng sản chủ nghĩa mà ra. Đích xác là bởi thế cho nên thế giới còn có lý do sợ chiến tranh nữa, bởi những mâu thuẫn kia chưa thành thực hay còn tiềm phục tự nó sẽ dần dà lớn lên để gây chiến tranh sau chiến tranh này. Thế giới có muốn hết chiến tranh phải giải quyết ở vấn đề này đã:

1- Làm sao cho các dân tộc gần tuyệt diệt phải phục hưng cho hết bất bình?

2- Làm sao cho các dân tộc đang bị áp bách được cởi mở ra cho hết bất bình?

3- Làm sao cho giai cấp bị đè nén được cởi mở ra cho hết bất bình?

4- Làm sao cho các dân tộc nhỏ yếu được bảo chương dưới một chế độ tự do ở trong thể-chế tập đoàn an toàn của tự do?

5- Làm sao cho xã-hội chỉ còn kết cấu bằng một giai cấp không giai cấp?

6- Làm sao cho các dân tộc nhỏ yếu có được văn hóa riêng của tự họ? Làm sao các chính chế được hợp lý hóa?

Ấy thế, cho nên dân tộc ta phải tự quyết một phương hướng và con đường độc đặc bởi lịch sử và vấn đề thế giới quy định nên, khơi rót lại cho ta để cầu sống, còn, nổi, tiến,

hóa, cần phải đi thế nào và cách nào. Chúng ta không thể làm đuôi cho bất cứ một đế quốc chủ nghĩa nào để tưởng cầu nó thí bỏ cho một cái “hẹn độc lập nào” hay “giả độc lập” nào. Vì thế cho nên *Mặt Trận Gốc* nước nòi của nhân dân ta phải tổ chức nên, quyết tâm nhằm hưởng sống của tự mình, trước hết bằng sức mình và máu mình, tranh đòi với bất cứ một đế quốc chủ nghĩa nào.

Ngay nay trừ Nhật và Pháp là hai kẻ thù số một của chúng ta, đang giày vò, giết tróc, áp bức chúng ta trong trăm năm nay không kể sao cho xiết đau nhục và thảm thương; Ngoài hai kẻ thù đó ra, thực tại chúng ta ngày nay chưa thể và đứng vội vàng tưởng đến thân ai và bài ai vội. *Mình là chủ thể bạn hay địch chỉ là ngoại thể.*

Trước mắt ta, những kẻ không chuyên vào việc gốc, tưởng đi ỷ lại vào người, mong người chia cơm xẻ áo cho thật là ngu xuẩn, vô liêm sỉ, nô lệ. Nếu chỉ có chuyên vào ỷ lại để mà không một chút cơ sở trong quốc dân, dầu có danh nghĩa của cách mạng, mà chỉ là mua bán thực thể của giống nòi, thật là bán nước, việt gian, quan liêu; nhưng mà gọi những cuộc giao thiệp không danh dự đó là “*cách mạng ngoại giao*” thì choáng lộn quá.

Sở dĩ gọi là cách mạng ngoại giao, chúng tôi thiết nghĩ: Trước hết “*cách mạng ngoại giao*” là quốc dân dùng thủ đoạn và hành vi cách mạng mà xiển đạt cái giá trị với cái yêu cầu ngoại giao của mình để đạt tới mục đích tối cao của nước nòi trên phương diện cách mạng.

Đồng thời cách mạng ngoại giao, nó còn tức là chuẩn quốc phòng ngoại giao mà đồng thời là chuẩn quốc dân ngoại giao. Phải gọi là chuẩn, vì thực tại trên công pháp, chúng ta chưa có nước, có dân hẳn để mà ngoại giao; nhưng mà gọi được là quốc phòng vì chúng ta cần phải đứng trên lập trường gốc gác của lịch sử, bên vực các quyền lợi, tư cách, giá trị và danh dự của dân tộc trên lịch sử, ở đó chúng ta đừng tưởng lầm là phòng bị nếu không tưởng lầm cái việc đổi chủ làm tôi (dịch chủ tái nô). Cách mạng quyết không coi rẻ quốc thể đến đó mà gọi là thủ đoạn.

Lại nữa, còn gọi là quốc dân, vì tuyệt không thể lấy danh nghĩa của cả một dân tộc để đi “*ngoại giao*” cho riêng một đảng, hy vọng lấy lực người ngoài hét ra lửa với dân chúng, đồng thời phải nhận chân công việc cách mạng thần thánh và lớn lao này là một công cuộc quốc dân, tuyệt không phải sự ăn lương và chịu chỉ huy, với lại thù phụng để giao thiệp lấy sinh hoạt trước của mọi đảng nào, mặc dầu quốc dân cách mạng thật không đi đôi và không dung cho nó những hình thức “*cách mạng của nghề nghiệp*” và “*cách mạng của thành kiến*”.

Chúng tôi không quên rằng đối ngoại phải như vậy mà đối nội đối với các dân tộc nhỏ hơn mình, chúng ta phải tuyệt đối tuân theo dân tộc nguyên tắc, tôn trọng sự sống, còn, nổi, tiến, hóa, và văn minh của họ cũng như ta.

Chúng ta phải kiên quyết đề ra cái chính sách *đồng đẳng, hợp tác, liên phòng, cùng sống và giúp tiến*. Chúng ta đã được thể nghiệm lịch sử 4000 năm tranh đấu lấy sống, còn, nổi, tiến, hóa và tổ hồn, lại được thể nghiệm cả hai cuộc thế giới chiến tranh rồi. Những bài học đó, chúng ta phải tiếp thụ lấy những chỉ bảo và kinh nghiệm, Chúng ta không quên những đau đớn của chúng ta mà cởi mở hết những đau đớn của người khác.

Lại hình thể đã qui định cho chúng ta một cuộc tập đoàn an toàn cho đến cả một cuộc tập đoàn cách mạng chung của tất cả các dân tộc nhỏ yếu ở Viễn Đông này là tất yếu cho tự ta và các giống nòi cùng số phận với ta, đều muốn được có ánh sáng của sống còn và tiến hóa, đây là con đường chung của mọi dân tộc nhỏ yếu nữa.

Lịch sử ta có một đặc điểm hơn hết thế giới; cái đặc điểm đó thể hiện ra trên các thế kỷ bằng một dây chuyền tiếp của dân tộc cách mệnh. Cho nên nói đến hình thái, phương thức và phương pháp cách mạng của chúng ta ngày nay, những nguyên tắc để chỉ dặt cho chúng ta đến thành công, chúng tôi có thể cam-đoan bảo chứng rằng: Chỉ mang những bài học cũ còn gần đây trong hai kỳ “Sát Thát” (Trần - Nguyên chiến tranh), Bình Ngô (Lê Lợi) cũng thừa để làm việc, sung thực nó bằng những lý luận, tổ chức với kỹ thuật hiện đại. Cách mạng cũng như hết mọi việc, thế giới chỉ cho chúng ta hay được những tính phổ thông với những tính tóm tắt, tuyệt không thể cố gắng hiến cho chúng ta được những điều chỉ bảo đặc biệt và thiết thực bằng tự thân cuộc sống lịch sử của dân tộc chúng ta đã trải qua trên thực tế và hiện tại.

Việc làm của chúng ta đi theo với những nguyên tắc quá sơ lược mà chúng tôi đã kể trên cũng cần đem bày tỏ với quốc dân.

Chúng tôi đã trông thấy những thói quan-liêu và những cái tôi vô ý thức trong nhiều đảng về già mà thời gian đang đào thải; sở dĩ cái hoàn cảnh khó khăn vô cùng của hiện nay đi đôi với lòng mệt nhọc, chán chường của nô-lệ sử nước ta. Chúng ta cần phải luôn luôn đem những khí lực mới vào, tiêm khởi cho sống còn ngày một dào dạt dũng khí, những khí lực mới đó ở trong những cách thức làm việc thực mới của cách mạng. Lại nữa, đời nay là đời tổ chức, lý luận và kỹ thuật đi đến tối cao độ của khoa học văn minh, cái luật tắc ưu thắng liệt bại không thể tránh được cho mọi dân tộc đem so sánh tổ chức, lý luận và kỹ thuật với các dân tộc khác. Chúng tôi bao giờ cũng đâm-dăm lấy đó làm lo.

Chỉ có một nhãn quan to lớn mới để ra được một phương châm dai chắc, một phương châm dai chắc mới để ra được một chính sách hợp toán mà thủ đoạn thích hợp phải đi sau một chính sách hợp toán. Chúng tôi nói rằng: Nếu ít nhất không có được một kế hoạch cách mạng từng thời kỳ 30 năm và một phương lược kiến quốc 500 năm thì căn bản không sờ mó vào đâu mà làm được việc.

Ở đây với sự tận tụy nghiên cứu khoa học của chúng tôi mà phát minh ra “Dự Kế Cách Mạng”. Chúng tôi mong lấy đó làm một vũ khí có hiệu lực và viên mãn nhất để đánh đổ kế hoạch chính trị của những kẻ địch hiện tuyệt đối siêu việt hơn ta cả về tinh thần và vật chất. “Công tâm vi thượng”, tâm đây là châm đối cái thành tựu tối cao của khoa học mà nói, chúng ta để mà phá quân địch, tinh thần, vũ khí của chúng ta phải hun đúc lên cũng bằng cái thành tựu tối cao, cao hơn quân địch một trù để mà thắng nó.

Chúng ta đem dũng cảm, đem “dự kế cách mạng” ra làm việc, tất cả nghiên cứu của giáo dục với cách mạng, y theo một viễn kiến, đi từng bước chân có kế hoạch sẵn sàng. Kế hoạch đó thành lập trên sự nắm giữ hết được tất cả những thời thế, hình thế, cơ thể và cảnh thế thực tại mà xếp đặt ra, chỉ đạo cho hết các cơ cấu, chuẩn bị và thực tiễn được vững chắc mà tiến hành. Để thích ứng cho “dự kế cách mạng”, tất cả lý luận và thực tiễn của cao thâm công tác, dự kế thống chế về khoa học quản lý đã sáng định ra bằng bao học lý và kinh nghiệm các mặt khoa học mà kết tinh nên. Mọi công việc nếu làm trên nền tảng của khoa học và số học, tất cả những cái đo để xúc tiến kỹ thuật làm việc và thay đổi không khí làm việc trong cách mạng, kiến lập những lý-luận cơ-cấu thật khỏe khoắn và tiến bộ trong cách mạng. Chúng tôi tin nếu cách mệnh chúng ta không thành công bằng nó, thì ít nhất nó cũng là một kích thích lớn trên giai đoạn này.

Mỗi cuộc quốc dân vận động có cái đặc điểm là toàn dân đều nổi dậy, lấy sào, gậy, dao, cày, ra thay cho súng đạn mà giết giặc trên thời này, xúc tiến cái thân thể lớn lao và suốt mặt đó rất cần mà chính hợp với thời cơ. Chúng tôi mong với sức lực mong

manh của chúng tôi ra làm, hiệp sức với công việc to tát của các đảng đã làm, cái mục tiêu hiện tại của chúng ta hãy tập trung vào sự thức tỉnh dân chúng, thực hiện công việc đo, hơn là lôi kéo quần chúng về riêng thế lực mình. Cái đấu tranh cương lĩnh của chúng tôi chú trọng vào đó làm tối cao để đi đến sự thực hiện nó, chúng tôi chuẩn bị đã làm, hiện đang làm và còn làm bằng tất cả những phương pháp cần dùng trong khi sự tổ chức vũ lực và đoàn thể của dân chúng coi trọng hơn là Tổ Đảng.

Chúng tôi với cách mạng và kiến quốc, đã đề nghị cùng quốc dân một kế hoạch, toàn thể và kỹ càng thống nhất mà không xé lẻ. Như trên nói tất cả quy mô đó, chúng tôi đã xuất bản và đang tiếp tục xuất bản cuốn Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Phô bao quát hết thấy các vấn đề với những phương án tất yếu, giải thích và bày tỏ rõ rệt những vấn đề và phương án đó, mà tiếc ở bản Tuyên Ngôn này chúng tôi không thể đem qua mà nói qua cho suốt hết cả, ngay đến cái phác lược của cuốn sách đó nữa. Hy vọng quốc dân có nhiều điều trở bảo, tu sửa và bổ sung cho chúng tôi.

Nếu cuốn sách đó chẳng phải là nam châm của nước nòi trong thời đại này, ít nhất hẳn nó cũng là một bộ tài liệu để tham khảo cho mỗi ai có chí cầu học và cầu làm.

Chúng tôi tin rằng: trước thời thế này đây. người dân Việt chúng ta ai hẳn trong đáy lòng đều cảm giác sâu sắc thấy chúng ta đang, sắp và sẽ phải có một cử động quyết liệt nào, nó cởi mở thời đại, gây dựng cháu con và rửa nhục cho Tổ Tiên. Chúng ta hẳn thấy cái hy vọng lớn lao nhất của loài người ở lại trong cuộc đời đời các nòi giống.

Chúng tôi còn tin rằng: Trước mắt chúng ta bây giờ đây tyhời gian nô lệ đã qua 100 năm, cái thời kỳ phục hưng mà khốn khó nhất nay chỉ cũng còn trọn vẹn 7 năm, từ nay cho đến năm 1950 để quyết định và thử thách cái gắng sức của giống nòi. Sự sống còn hay diệt vong sẽ chưa định hẳn vận mệnh mình trong từ giờ tới cuối hết thế kỷ 20. Thời gian đi vượt dân tộc ta quá, hãy mau mau gắng sức chủ quan mà đi kịp, nếu không đi vượt được khách quan, chỉ có thể chúng ta mới mong sống còn với ánh sáng.

Chúng tôi lại tin rằng: Bản đảng để thích ứng với nhiệm vụ và hoàn cảnh đặc biệt trong giai đoạn này, đặt Tối Cao Đảng Bộ ra, cái sứ mệnh chủ yếu là để cùng các đảng đồng chí cùng góp sức mạnh vào công cuộc thần thánh của quốc dân. Cái cố gắng của chúng ta vì Tổ Quốc, Chính nghĩa, Lý tưởng. Nhân cách và danh dự thế sẽ quyết được bền dai, mặc dầu cay đắng, không phụ làm dân của nước nòi, làm người của thời đại.

Đả đảo Nhật, Pháp!

Phục Hưng Việt!

Chúng tôi còn tin nữa rằng: Cờ Lau Vạn Thắng, Sát Thát chầm vai, ngày Bình Ngô oanh liệt, buổi Mê Linh oai hùng, trận Đống Đa rực-rỡ với những ngày Cần Vương khởi nghĩa sẽ diễn lại trên đất nước chúng ta bằng một quy mô suốt hết và một kết quả thắng lợi ở kỳ này, cơ đồ phục hưng sẽ kiến lập lên bằng lòng yêu với máu đào, bàn tay với mồ hôi, bộ óc với sáng tạo, những yếu tố đó còn là những khởi điểm của hết mọi dân tộc văn minh.

Chúng tôi thành khẩn và tín ngưỡng dự chúc nước nòi Việt chúng ta muôn muôn năm, cách mạng thành công và phục hưng hùng tráng.

Duy Dân Đảng toàn thể kính cẩn tuyên ngôn.

Ngày 1 tháng 1 năm 1943 tại Hòa Bình

Thay mặt toàn thể Tổng Đảng Bộ,

Thái Dịch Lý Đông A

Tuyên Ngôn của Duy Dân Học Xã

Nòi giống Việt ta, đời đời vật lộn lấy độc lập và đã đời đời từng đã tới mục đích đó.

Chỉ duy chúng ta, trên lịch sử cũng như về tương lai , bao giờ cũng giữ đều con đường chính trị riêng biệt.

Khá tiếc những gắng sức của tổ tông chúng ta chưa bao giờ mang được nòi giống nước nhà tự đứng lên một lập trường siêu nhiên cả. Cố nhiên những nguyên nhân vật chất và hình thể ảnh hưởng nhiều lắm.

Nhưng cái nguyên nhân chủ yếu là bởi chưa dựng đôi được một nền văn hóa độc lập phù giúp cho ý thức độc lập sẵn có, phát huy hết mức dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc chí của ta ra, lấy nó mà cải tạo vật chất và hình thể trong bước đi của văn minh. Ý thức với vật chất , dưới cái tiền đề của tổ chức, vận dụng và mài gọt lẫn nhau mà phát minh một tác dụng quyết định.

Cho đến ngày này, cũng như từ những ngàn năm xưa, mỗi lần quốc gia bị giặc ngoài xâm lược đè nén, bao nhiêu đau nhức chồng ép lên trên đã làm cho nòi giống mỗi lần phản tỉnh, tự trở về kín gánh trong đáy hồn của sử và gốc đời của Tổ. Những ý thức, năng lực, ý chí, trí thức và đạo đức cũ đem lại để làm một sức sống chủ đạo cho hiện tại, đưa dất nó lên con đường muốn đi của dân tộc.

Sự tranh đấu nảy mầm từ đó làm dân tộc lớn lao và sáng láng lên sau mỗi đêm đen uất ức, mà đời sống mới cũng từ đó mà xây dựng lên trên những nền tảng của mỗi hình thể mới

Cái bước đi bây giờ đã quyết định. Chúng ta bắt đầu làm từ “*cứu nước giữ nòi*” , trải qua một quãng đường cách mạng lần sáng tạo vừa suối mặt, triệt để mà phải đưa đến hưởng thượng để đạt tới sự gây trồng xây đắp toàn bộ một sinh mệnh thể hệ và toàn bộ một văn hóa thể hệ, tom góp lại một thể cho dân tộc.

Cho nên ngày nay cho tới ngày mai, tất cả các suy nghĩ, cảm giác, nói năng, việc làm hết thảy đều lấy mục đích đó làm tối cao và thần thánh mà đi lên , hùng tráng và bền mạnh.

Thế kỷ mới đem đến một hình thể mới , gió Mỹ mưa Âu với buôn bán, bóc lột và chiến tranh mang liền đến cho ta một khích thích mới.

Những tinh thần, công cụ và vũ khí mới đưa vào tay chúng ta, một khích thích mới, chúng ta nắm lấy, tự đi đả phá , cởi buông và mở mang một cõi đất mới trên ý thức triết học tràn khắp và ăn sâu muôn thể làm bằng sự tìm lẽ thực của sự thực trên sự thực . Một lẽ sống mới với những chuyển vận mới trong xã hội và thế giới mà thức tỉnh mọi dân tộc.

Hãy đứng dậy bằng những công cụ và vũ khí đó tự mình quyết làm đợt sóng của tự mình.

Dưới sự khích thích mới này, chúng ta ngoài mọi công việc lớn lao nữa, là đi khai thác một ý thức mới của chúng ta trên con đường lịch sử của dân tộc. Chúng ta muốn kiến thiết một nền Dân Tộc Học Thuật để cho đi đôi với cuộc Dân Tộc Cách Mạng mà mở đời sống tương lai .

Có những căn cứ và nền tảng dân tộc ở đó đề ra những dân tộc sắc thái, dân tộc học thuật do đó mà lập nên, nó là tính đặc thù, bằng cái tính đặc thù kết hợp lại có xương có thịt (organiquement = hữu cơ) mà thành tính tóm quát, cái bờ cõi tinh thần giới chung của suốt loài người.

Tự nhiên, tư tưởng và xã hội thống nhất trên những định lý nhất quán. Nhưng mà tự nhiên xã-hội và tư tưởng bao giờ cũng không dứt vận động xoay vần tự mình và xoay vần lẫn nhau. Ở cái biện chứng của những cuộc vận động đó, nó quyết định cái thể hệ đặc thù của xã-hội trong tự nhiên và của tư tưởng trong xã-hội.

Xã hội đã tu chỉnh lại những luật tắc tự nhiên sâu suốt trong tự thân nó, cũng như tư tưởng trong lãnh vực của nó đã sửa chữa những luật tắc xã hội sâu suốt trong tự thân nó. Vì thế mà khoa học của tự nhiên, khoa học của xã-hội và khoa học về bản thân của tư tưởng có những tính chất nhất quán với nhau, trong khi mỗi thứ lại có những đặc thù riêng rẽ

Chúng ta đem hết cả quy nạp lại dưới cái tiền đề của Nhân Loại học. Nguyên thủy sử và lịch sử học, lấy ba tri thức đó làm trung tâm điều khiển hết mọi tri thức, mong tìm ra cho dân tộc và loài người những chân lý thực tiễn của loài người phải dùng đến để giải quyết vấn đề loài người.

- Nhân loại sử học: Để tìm tòi nắm giữ và vận dụng những luật tắc phát sinh, vận động và diễn tiến về các mặt sinh lý, tâm lý xã hội và dân tộc sinh hoạt của loài người trên những nguyên lý và sự thực của sinh mệnh và làm lụng.

- Nguyên thủy sử cho chúng ta hiểu rõ rệt, cầm chắc-chắn cái bối cảnh nguyên thủy của loài người sơ sinh cùng tất cả những trạng thái, hành vi gì của loài người, lúc đó nhờ thế nào mà sống, còn, nối, tiến, hóa.

- Lịch sử học để biểu lộ hết các luật tắc và thực chứng của diễn tiến trên mỗi nền tảng và mỗi các điều kiện thế nào, tất cả những kinh nghiệm và bài học quý báu của đời sống có thực và đã thực diễn của loài người. Chúng tôi đã gạt bỏ hết những nghi-ngờ và tưởng tượng trên hình-nhi thượng (métaphysique), gạt bỏ hết những phiền toái lẫn những máy móc.

Loài người sống có xương có thịt và rất cơ năng; lịch sử xiết bao linh động và hoạt bát, tuyệt không thể đem những luật tắc riêng biệt trong tự nhiên thuần túy và trong tinh thần thuần túy ra làm thẳng mực, bắt lịch sử với loài người bó theo.

Cho nên, chúng tôi đã tu chỉnh lại hết các triết học Duy Vật, Duy Tâm và Duy sinh, tất cả trên tiền đề với lý tắc của nó, chúng tôi lấy tiền đề với lý tắc của loài người, lý luận với chế độ dùng được của loài người mà suy diễn ra các triết học với tư tưởng phải chịu theo cuộc sống thực tiễn của loài người trên lịch sử và hiện thực chỉ huy.

Chỉ có thế mới tìm ra được chân lý, vì chân lý nào cũng phải chịu sản sinh ra trong xã hội sống.

Ấy thế, trên triết học Duy Dân chủ nghĩa và trên Chính trị Duy Dân chủ nghĩa, nghĩa là một chủ nghĩa của chúng tôi, căn cứ của nó đã nói rồi, nhưng nội dung và phần ứng dụng của nó là châm đối những hiện thực của tình cảnh mà lập hiện nên.

- Những lý tắc cũ không thể ứng dụng được vẹn cả.
- Những phiền toái ngổn tre của tự hình thức lý tắc chỉ để đùa với danh từ mà thôi.

- Những thiên cận, hẹp hòi của thực dụng lý tắc chỉ để gây bàn tính “ông chủ”, số học lý tắc chỉ có thể để riêng rẽ cho số học, chứ mang ra xã hội.

Phật học mang biện chứng vào niết bàn.

Hégel chỉ biết biện chứng lý tắc của logique bản thân.

K. Mark quên mất loài người không phải thuốc hóa học.

Lại còn lối biện chứng không hoàn thiện của Kinh Dịch trong nhà Nho Duy Sinh, đem biện chứng quá trình vạch thành một cái phễu rót xuống hình thức lý tắc.

Tóm lại, những sai lầm của mọi lý tắc đó là ý thức với kinh tế đều do ở sự vận dụng nó không tự nhiên hay tinh thần mà thôi.

Duy Dân hay Duy Dân Chủ nghĩa đặt để ra biện chứng pháp mới của nó trên cái căn cứ và bản vị xã-hội gọi là Xã-hội biện chứng pháp. Tự nhiên, xã-hội và tư tưởng luôn luôn thống nhất trên sự vận động, nhưng sự vận động của nó không phải là hình cái phễu, cũng không phải là hình tròn ốc thẳng tuột. Sự vận động của nó hai mặt: tự thân xoay vần và xoay vần lẫn nhau. Cho nên kết quả của vận động đó là kết hợp với vận động làm nguyên nhân vận động lẫn cho nhau mà hình thành một tự nhiên, xã hội với tư tưởng vô cùng biến hóa, rất phức tạp, nhưng rất cơ năng.

Đạo học, sử học và khoa học trên tính năng của ba khoa học đó phải tom góp mà làm những phân tích cơ bản cho mỗi hiện tượng xã hội, chỉ có sự phân tích bằng cả ba mặt tóm góp lại thế mới đúng đắn với cơ năng của loài người không sai mà suy ra những luận đoán vững vàng đối loài người.

Cho nên sự thành lập thể hệ nghĩ đúng, tin đúng, nghĩa đúng trong xã hội phải trở lại lên trên sự tái diễn của cả cái hệ thống rộng lớn của cảm giác, suy nghĩ và nói năng. Những cao thâm khái niệm phải dưới sự nắm giữ được trật tự của lý tắc, nhân quả của lịch sử, phân bố của địa lý và đặc tính của dân tộc mới hoàn toàn sống của loài người mà quyết định những giả định của xã hội.

Phải đứng trên những tiền đề đo lường được, thấy biệt được, cảm giác được có thể sự thành lập của toàn bộ triết học và tư tưởng của xã-hội để được phù hợp với sự thực, phát triển và dự tính đúng chắc mới có thể làm lãnh đạo quyết định và thông minh cho tất cả cái tổ chức nhân sinh, mới có thể có được một xuất phát điểm cực khó khăn, một tình tự cực bách thiết và một bờ cõi cực thực tế.

Mỗi xuất phát phải đứng trên một bản vị quyết định, xong cái bản vị đó phải là cái bản vị tom góp các điều kiện sinh mệnh, toàn thể nguyên thủy, liên tục đặt vào một trình tự thật chắc chắn, linh động và biến hóa để kết luận.

Sinh mệnh là nền tảng, nguyên tố thứ nhất của lịch sử. Sinh mệnh trông lên lịch sử của xã-hội là dân sinh, cái biểu hiệu độc đặc của nó là “ngã tướng” (le moi). Nhưng mà cái cơ năng của sinh mệnh cũng như của dân sinh là thực hiện một thứ cộc liên tiếp không dứt động và hưởng thụ của gần hết cả những xung động, động tác và hành vi để phát triển tự mình và khoáng trương tự mình ra ngoài, nó là ý thức với kinh tế động tác.

Nguyên lý của nhân sinh thực hiện sử quan đặt để trên những nhận xét đó phối hợp với cái nền tảng nguyên tố thứ nhì của lịch sử là “xã hội sử quan”. Sự hợp quần phải là đầu mối của sinh hoạt tập thể và văn minh. Cho nên xã-hội sinh hoạt phải là tiền đề của tất cả trình tự của lịch sử biện chứng

Dưới cái tiền đề đó, kinh tế sinh hoạt với ý thức sinh hoạt là hai cơ cấu và quan hệ; đồng thời là hai biện chứng và biểu hiện không dứt vận động xoay chuyển nhau. Từ sự vận động của cái tuần hoàn tác dụng của hai nguyên nhân lẫn nhau đó mà xúc tiến hết

thấy các cơ cấu và quan hệ.

Kinh tế yêu cầu một tiền đề “*việc làm của loại người nào*”. Cho nên lấy tự nhiên kinh tế làm tối cao thì tuyệt sai, tuyệt phi kinh tế mà do đó người ta cũng có thể xem thấy rằng không thể có một vòng tròn ốc loe thẳng tuột lên sở vị một hình thức của “*cao đẳng tự nhiên kinh tế*” nào hết, chỉ có thể lên đến “*khoa học kinh tế*” và “*cao cấp khoa học kinh tế*”, nhưng mà cái phẩm từ “*khoa học*” giả định trước một tổ chức đảng phái thêm cơ năng và phức tạp đó.

Với hai nguyên tố nền tảng trên nguyên tố dân tộc rất trọng yếu, nó là cội gốc cho sự hợp quần đầu tiên của loài người, có một y cứ đó mà dựng dôi lên trong khi trông suốt mạch đường tiến hóa, sự phát triển của nó bằng “*hướng tâm vận động*”, và sự khoáng trương của nó bằng “*hướng thượng vận động*”.

Cho nên ngày nay, (thế kỷ XX) và ngày sau vẫn còn là một nguyên tắc không thể bỏ được cho mỗi hình thức quốc gia, quốc tế hay thế-giới nào, sản sinh ra nguyên tắc của xã-hội sinh hoạt thấm nhuần trong xã-hội “dân tộc” nào cái cơ năng của kinh tế sinh hoạt, và ý thức sinh hoạt sản sinh ra các tầng cấp hình thái cá nhân, gia đình, gia tộc, nghề nghiệp, giai cấp, tôn giáo, trình độ, năng lực, vân vân...

Sự vận động của cơ năng đó không đặt để trên biện chứng từ chính đến phản quay về hợp (these, antithèse, synthèse) và mỗi lần thay đổi hẳn nội dung của sinh hoạt. Cho nên dân tộc nguyên tắc tuy là nền tảng sản sinh ra các tầng cấp, hình thái, nhưng mà mỗi hình thái trọn vẹn của dân tộc sinh hoạt phải hình thành trên cái cơ cấu và quan hệ rất hòa hài và bình đẳng của các tầng cấp, hơn nữa là không có tầng cấp đối lập, chỉ còn là thuần túy cơ năng phân lập.

Ba nguyên tố nền tảng là sinh mệnh, xã-hội và dân tộc trên đó là khởi điểm lại còn là thăng mực của lịch sử tiến hóa. Sử quan của chúng tôi đặt để đến sự quy nạp suốt lịch sử vào ba nguyên tố đó diễn dịch ra bốn nguyên tắc rộng rãi khác nữa:

- Cái duyên cách của loài người.
- So sánh của văn minh.
- Phân bố của tự nhiên.
- và biện chứng của xã-hội làm những công việc phân tích của mỗi sử ký liên tiếp và nhất quán với nhau trên tổ chức cơ năng của đời sống thành thực cũng như phải phản ảnh ra trong sử quan.

Một hiểu biết suốt mặt góp vào những tinh thần công cụ phải thật tinh xảo và nhuệ lợi, đem dùng trên một thứ bậc làm việc rất hiệu lực đúng chắc, những vốn liếng học thức thực sâu sắc và đầy đủ là căn bản trong sự tìm tòi, vận dụng và nắm giữ cái lẽ sống và lẽ thực của loài người sống thực.

Kinh tế là cơ cấu, là quan hệ của xã-hội, ý thức cũng như kinh tế, hai cái đó còn là biện chứng và biểu hiệu của xã-hội nữa.

Loài người bất cứ trên thời đại, xã hội và văn hóa nào, cái gắng sức góp trút vào hết sự đuổi theo hình bóng của lý tưởng và phạm trù “*một con người*” đi đôi với cái gắng sức ấy, để mà thực hiện, nó là sự gắng sức đuổi theo cái lý tưởng phạm trù một xã hội nhân tính.

Xã hội là một tổ chức của tính người, kinh tế là diên trường vật và phát đạt vật của tính người đó; mà chính trị cũng như giáo dục dùng để điều độ tính người hình bóng

của lý tưởng và phạm trù “*một con người*” đi đôi với cái gắng sức ấy, để mà thực hiện, nó là sự gắng sức đuổi theo cái lý tưởng phạm trù một xã hội nhân tính.

Xã hội là một tổ chức của tính người, kinh tế là diễn trường vật và phát đạt vật của tính người đó; mà chính trị cũng như giáo dục dùng để điều độ tính người.

Cho nên, chính trị là tom góp công việc, thiết kế và chấp hành dân sinh, mà giáo dục phải là khởi điểm và chung điểm của chính trị.

Sự thực hiện phải diễn dịch ra bằng tính người trên ba mặt: cá nhân, xã-hội và dân tộc cùng hòa hài tiến triển. Cho nên sinh mệnh triết học phải đi đôi với triết học của việc làm phối hợp lại làm chỉ nam cho thực triển của mỗi chính trị đúng đắn.

Những quan điểm chúng tôi đã sơ lược kể qua bằng sự tung hợp tất cả những nhận xét đó với những nhận xét hình thể toàn loài người với dân tộc mình ngày nay và ngày mai nữa. Xuất phát từ những quan niệm trên, chủ trương thực tiễn về cách mạng và chính trị trong bước này, đối dân tộc ta đã trọn vẹn hình- thành một dân sinh thực hiện triết học mong đào tạo cho nòi nước một nhân sinh quan bền mạnh và tiến thủ.

Thắng nghĩa chính trị trên các nguyên tắc của nó (toàn diện, tiểu gia, bình sản, nguyên tằng, công chế, kinh kỷ) phối hợp Duy Dân Dân Chủ và Cơ Năng hiến pháp ra đời, để bằng một tổ chức cội gốc của dân chúng, khít chặt với cơ cấu của quốc gia làm nên một xã hội thực dân chủ và bền mạnh.

Bình sản kinh tế với công độ chế độ mà hình thái sinh hoạt và vật chất tất phải kinh qua trên giai đoạn này phải tiến lên “*cao đẳng khoa học kinh tế*”.

Sinh hoạt giáo dục bằng hành động và khoái hoạt hun đúc cho con em chúng ta một thể người có *thận vững, tim trong, óc sáng, mình nhẹ, tay mạnh*.

Trung tâm tu dưỡng là sự tiềm tu của mỗi người bằng tự mình để cho phát huy được các cơ năng của sinh mệnh mình, lại còn chú trọng vào sự phát huy được nét dân tộc tính, dân tộc tình và dân tộc chí của nòi giống. Có thể mới tiến hóa nổi, mỗi người làm việc rõ rệt vì Tổ Quốc, Chính Nghĩa, Lý tưởng, Nhân cách và Danh dự (Phong cách). Đại Nam Tông Hóa là thể hệ tinh thần ra để đoàn kết các dân tộc nhỏ yếu trong cõi và ngoài cõi, sum vầy lại đứng trên con đường riêng biệt của nhỏ yếu mà đi. Có thể số phận của nhỏ yếu mới mong cứu vớt lấy tự mình bằng sức tự mình được.

Cộng sản chủ nghĩa cũng như tư bản chủ nghĩa và vô luận một hình thức của mỗi dân tộc chủ nghĩa nào cũng đều phải đặt dưới sự tu chỉnh về lý luận của học thuyết và lý luận của thực tiễn. *Chúng ta có con đường của chúng ta để riêng đi, cũng như chúng ta có một nền tảng với các điều kiện đặc thù qui định chúng ta. Muốn để được cứu vớt phải đi bằng quan điểm, thái độ với việc làm riêng của chúng ta.*

Cuốn Việt Duy Dân Chủ nghĩa Quốc Sách Thảo Án Toàn Pho tuy chưa được hoàn thiện hẳn, song trong giai đoạn hiện tại, chính là một thành tựu lớn lao của chúng tôi. Chúng tôi cho xuất bản và hiện nay kế tục cho ra cuốn đó làm chỉ nam cho bản xã trong sứ mệnh và chức việc của bản xã, phải gắng sức theo, làm trên con đường cống hiến và phụng thờ dân tộc. Cuốn đó gồm 7 bộ:

- Mở quyển (để tóm tắt cái căn duyên chủ nghĩa).
- Giới thiệu (mang sơ lược các yếu điểm ra bằng lời văn dễ dãi, phô bày cùng mọi người).

- Lập Học (Bộ óc của cả học thuật đã gây dựng bộ óc mới cho mỗi người mới trong đời mới).

- Thiết Giáo (giáo dục, huấn luyện và tu dưỡng là công cụ tất yếu cho nước nòi và xã-hội).

- Kiến quốc (tất cả các chính sách và kế-hoạch xây đắp đời sống dân tộc).

- Đồng Nhân (một con đường cách mạng đi chung của tất cả các dân tộc nhỏ yếu trong và ngoài cõi).

- Tổ Đảng (Dùng một sức lõi làm nguyên động lực của cách mạng và kiến quốc).

Bảy bộ đó ở trong bao gồm hết thảy các lý luận trên học thuyết cho đến lý luận của thực tiễn. Lý luận trên học thuyết hợp thành các lý luận cơ cấu của Đảng (Duy Dân chủ nghĩa), lý luận trên thực tiễn hợp thành các hành động cơ cấu (Dự kế cách mạng). Chúng tôi đã chuẩn bị trên toàn các phương châm lâu dài, các đối sách từng kỳ với dự định của kỹ thuật cần dùng mỗi bước đi của dân tộc không cần có đảng cũng như xã hội vô giai cấp.

Đảng với gia cấp chỉ là những cơ cấu trong quá độ. Chúng tôi khát khao bao nhiêu một dân tộc cách mạng không quá độ.

Cho nên bản xã với bản đảng sản sinh ra là mong trong kỳ quá độ đó kiến thiết cho xã hội và dân tộc một hình thái sống còn vững vàng, khỏe khoắn và bình đẳng.

Xã hội đang ở trong cái phương châm đó, tuyệt không thể không lấy toàn dân làm đối tượng và mục tiêu để tiến hành cách mạng và kiến quốc, một mặt trận gốc nước nòi của toàn thể nhân dân trên hình thức một quốc dân vận động mà quốc dân tự động đứng dậy lấy gậy, sào, cày, cuốc, bừa, rửu ra mà giết giặc trên suốt mặt đất nước, cần phải dựng dõ lên. Chỉ có thế quốc dân mới nắm được cái chuỗi chốt của công cuộc ngày nay toàn diện, triệt để và hưởng thượng.

Chúng tôi Đảng và Xã lấy Duy Dân chủ nghĩa làm Đệ Nhất Thắng Nghĩa của dân tộc, làm Căn Bản Nghĩa của đại chúng, nhưng chúng tôi tuyệt đối bài bác bất cứ một chế độ lý luận chuyên quyền nào làm nghẹt ngào tiêu diệt hết các cơ năng sáng tạo phát minh và sống tiến của dân tộc trong bước này đang cần phải có để phát huy đến dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc chí mà kiến lập trên tự do hoạt động và bình đẳng một dân tộc văn minh và sáng láng.

Bản Xã (Duy Dân Học Xã) vậy là dưới sứ mệnh và chức việc, một mặt nghiên cứu, và phát dương học thuật với văn hóa của dân tộc, một mặt trừ bị và thiết kế cách mạng và kiến quốc của dân tộc mà sản sinh ra giữa một thời đại gian nan, khốn đốn nhất, lại là một thời đại để xoay đổi sang sung-sướng, sáng láng nhất của dân tộc này, nó là một kỷ nguyên mới cho sử Việt.

Bản xã để thích ứng với sứ mệnh và chức việc mình tổ chức ra các ban chuyên môn: Triết học, Sử địa, Chính trị, Giáo dục, Kinh tế, Kỹ thuật và văn nghệ. Tất cả các ban ấy trên bản vị của mình và hướng tâm là làm việc hết sức, hết lòng cho công việc cứu nước giữ nòi bằng một cương lĩnh cách mạng và sáng tạo cùng đi với ba mặt toàn diện, triệt để và hưởng thượng để đạt tới lý tưởng xây đắp một đời sống văn hóa toàn bộ cho dân tộc.

Cái tính chất chính trị hóa của dân tộc đó yêu cầu một nghiên cứu với phát minh đều phải có những điều kiện chiến đấu, thành viên tiên tiến, khoa học và dân tộc. Nếu để cách mạng cho đời sống thì ý thức và học thuật cũng phải cách mạng nữa mới xong,

mới có thể đi đôi với mọi mặt tranh đấu cho cứu nước, ý thức và học thuật còn là những công cụ và vũ khí cứu nước vô cùng viên mãn và hiệu lực.

Lịch sử đã từng cho ta những chứng cứ sắt đá như thế, ý thức của lịch sử trải qua mỗi kỳ phải mỗi kỳ mỗi mài gọt cho sắc nhọn hơn, sáng suốt hơn, tiến hóa hơn để thi chứng với văn minh mỗi kỳ càng ngày càng cao độ hơn, lợi hại hơn, và tiến hóa hơn.

Chúng tôi đích xác không thể thắng nhiệm được công việc nặng nề này cho suốt và chắc, cho thông minh và khách quan. Nhưng mà chúng tôi với tấm lòng thành khẩn, cúc cung tận tụy mà làm, lại còn nhờ mong hết thảy các đồng chí và nhân sĩ trong ngoài chỉ bảo, giúp đỡ và bổ sung cho thật nhiều.

Công cuộc lớn lao và thần thánh của dân tộc không phải riêng ai bảo liệu được mà cũng chẳng riêng ai bỏ chỉ được trách nhiệm lớn lao đó. Cái sống dạt-dào của đời sống lịch sử, quốc dân và thế giới yêu cầu chúng ta có một lý tính thực tiễn thật thuần túy, tinh thành và tiền tiến của lịch sử thế giới và quốc dân.

Chúng tôi trong việc làm và trên thành tựu, nhất định gặp nhiều trở ngại vì những cách ngại và ngộ hội nhất định có thể không làm vừa lòng những người thỏa hiệp với ý thức của quân giặc, cũng như “đi lầm” với ý thức lịch sử của giống nòi.

Ai mà không tự thấy chân lý của mình là đủ và đúng? Dù sao cũng là những cực đoan. Để mà dễ hiểu nhau và dễ gần nhau, chỉ có sự giác ngộ thấu triệt cái sống còn thực tiễn và cái lý tính thực tiễn của lịch sử với quốc dân làm liều thuốc vạn năng.

Để kết luận, chúng tôi chúc dân tộc ý thức và dân tộc văn minh không dứt dạt-dào một nguồn sống mạnh mẽ và sáng láng.

*Duy Dân Học Xã toàn thể, kiêm
Thư Ký Trưởng Thái Dịch, thay mặt kính cẩn tuyên ngôn.*

*Thái Dịch Lý Đông A
tháng 2 năm 4822 tuổi Việt.*



BỊ VONG LỤC

Của Duy Dân Học Xã *ngỏ cùng toàn thể các* **Đảng Phái, Nhân Sĩ, Đồng Chí, Đồng Bào Việt.**

1.- Quan điểm của chúng tôi đối với cụ PHAN SÀO NAM.

Đích xác mỗi nhân vật, từ ý thức đến sự nghiệp, đều bị bối cảnh của lịch sử, nhân tố của hoàn cảnh chế hạn, nhưng mà sự thành công với danh vọng của nhân vật đo chỉ có thể đạt tới được khi ý thức với sự nghiệp phối hợp với yêu cầu của xã hội, nền tảng của thời đại, với con đường của nước nòi.

Cụ Sào Nam dưới cái tiền đề đó đã xứng với quyền uy và danh dự của Cụ đối với công cuộc cứu nước giữ nòi của giống nòi. Cụ ít nhất cũng là một cái nút trọng yếu trên làn dây xích lịch sử của dân tộc, không có Cụ không thể được. Nhưng không ít nhân sĩ và một hai đảng phái, vì tư kiến và tác dụng riêng của mình, đã nhiều phen chẳng nề hà công kích và còn vu vạ cho Cụ là khác!

Bất quá lấy con mắt khách quan với tấm lòng thành thực trông nghiệm đời sống lịch sử và quốc dân của Việt, bằng một thái độ không có bảo lưu (retenu) và phản tưởng (arrière pensée) để trông nghiệm Cụ Sào Nam, thì không những đã phải kính mến Cụ, mà còn phải gắng sức làm nối liền lịch sử nước nhà với Cụ và nối Cụ với hiện tại cùng là tương lai nước nhà, phát dương cái dây chuỗi liên lạc và con đường đi đó nữa.

Nếu muốn đả đảo Cụ thì không cần nữa, vì chính Cụ đã bị quân địch giam cầm. Nhưng nếu muốn phá đổ cái uy vọng của Cụ để mang Marx, Lénin, Staline, Trosky, Tôn Văn, Cường Để hay bất cứ một uy vọng khác nào để thay vào chỗ Cụ, mong đạt được tác dụng chính trị của mình ở trong tâm lý và hành động của quốc dân thì thực bất trí, sai lầm và không có hy vọng làm tới được. Những khuynh hướng đó trên sự thực của tiền đề còn mang đến những hậu quả đáng tiếc và đáng trách nữa mà thôi. Đồng thời nếu chỉ biết mang tên tuổi Cụ ra làm chiêu bài mà tuyệt không hiểu đến và không phát dương cái lộ tuyến chính trị của nước nòi ra thì cũng chỉ là những hành vi xui khiến bởi đã tâm danh lợi và đối trá mà thôi.

Con đường lịch sử của dân tộc là ở những đặc tính phát triển phối hợp với hình thể diễn tiến của thế-giới đến đâu vạch chỉ ra đến đấy theo một phương hướng với phương châm đặc định trong cái ánh sáng đầy hồn của lịch sử tỏa ra, chỉ nẻo rất thành thực, sáng suốt rồi không thể xúy đồ sửa đổi, quặt quẹo sai uốn theo dục vọng của thiểu số được, cũng như giá trị lịch sử của Cụ Phan Sào Nam không thể vì một tác dụng nào của thiểu số, mang vu vạ, quay quắt, mà làm mai một đi được. Nếu trong giai đoạn này, cố ý để phiến động làm thành cái bất hạnh đó, không những đã không chịu tìm để hiểu và lấy Cụ Sào Nam làm khởi điểm của một sử ký hành động mới mà phát dương ra thành một thể hệ của cách mạng và kiến quốc mới, còn đứng trên một thành kiến chính trị mà phán đoán quốc dân thì sai lầm to. Cụ, trên cái chủ trương căn bản là cứu nước giữ nòi, chính là mô tả và đại biểu suốt mặt lại chắc chắn cho lý tính thực tiễn và đời sống thực tiễn của lịch sử với quốc dân. Những trước tác khác nữa của Cụ có quan hệ đến cách mạng còn chứng tỏ cái cương lĩnh rất đúng phải của con đường đi với phương châm cùng phương

hướng lịch sử của nước nòi.

Hiểu một người là nghiệm, đuổi theo cái tâm lý quá trình của người đó trên sự phân tích khoa học những cơ sở và bối cảnh thời đại của người đó. Các giá trị chỉ có thể đầy đủ biểu hiện trên cái thứ bậc động, không dứt động của sự thế, phê bình với hồ giá người và vật đều phải đứng trên những nguyên tắc và tiền đề đó.

Duy Dân chủ nghĩa là tự cụ Phan trong thực tiễn cách mạng sáng định ra. Sự sáng định đó không thể sản sinh trên ngẫu nhiên hay đồ soạn. Nó phải có những căn cứ và tiền đề triết học của nó; tiếc vì Cụ, thời gian với tiện lợi đã không dành lại cho cơ hội để đầy đủ xiển dương ra. Cái chính cương của Duy Dân chủ nghĩa, lúc cụ thảo thành chỉ là một ít nguyên tắc thô sơ của ứng dụng mà cái ứng dụng đó phải trông vào thời đại với hiện trạng cho thích hợp khi chúng ta học tới, để muốn cho chúng ta có một hồ giá đúng đắn thì phải để mắt vào cái trọng yếu của thời gian tính và thực tính đo. Để hiểu thấu Duy Dân chủ nghĩa còn phải thông suốt thấu cái lịch trình sơ đầu trong cấu thành của nó, một thể hệ triết học trọn vẹn nào cũng không thể có ngay được.

Xã hội là một vật phát đạt, ý thức cũng thế, không những Duy Dân chủ nghĩa phải thế mà hết thảy mọi chủ nghĩa đều phải thế. Cho nên Duy Dân chủ nghĩa trên thời đại diễn tiến mà biểu hiện ra trọn vẹn, đầy đủ trên mọi mặt, chính cương của Duy Dân chủ nghĩa, trong phần ứng dụng của nó chuyển dời những nhu yếu của thời đại. Sự tiến hóa của ý thức nước ta đã đem đến sự tiến hóa của Duy Dân chủ nghĩa. Một thời đại mới đang đợi để cải tạo và xây dựng bằng Duy Dân chủ nghĩa vậy.

Triết học của Cụ lấy dân tộc văn minh làm khởi điểm, cho nên chủ trương cứu nước giữ nòi, chính là khởi điểm của hết thảy hành động để đạt tới sự kiến lập toàn bộ một dân tộc văn minh. Cái ý nghĩa và giá trị của “*Cứu nước giữ nòi*” như thế nào, trong tờ Tuyên Ngôn chúng tôi đã nói qua.

Dân tộc văn minh chính là một thể hệ luôn luôn thêm trên diễn tiến những khởi điểm và yếu tố của nó gồm bằng hết cả lòng yêu với máu đào, bàn tay với đất đai, trí óc với sáng tạo, trên cái dây xích lịch sử của dân tộc tính, tình, chí, bằng dân tộc tự lực trong sự dẫn dắt của con đường đi sáng suốt mà hoàn thành.

Cuốn “*Việt Dân Tộc Văn Minh Khởi Điểm Sử*” gồm những hàm nghĩa đó với xiển dương cái năng lực tiềm tàng của đáy tầng gốc gác đã biểu hiện trên một giai đoạn lịch sử phản Pháp và diệt Việt gian, giữ đất nước và tổ hồn bằng toàn dân và toàn diện tranh đấu đòi sống tự do của dân tộc với những yêu cầu thực tiễn của dân chúng.

Nhưng mà đã có nhiều người công kích cuốn “*Pháp Việt Đề Huê*”. Thực tại cuốn đó là một công cụ để xây dựng tinh thần cách mạng; tất cả những động tác của quốc dân trong thời kỳ uể-oải và muộn màng, phải bằng sự phản tỉnh, tự tin mà chuyển vận thành một ý chí cách mạng đã. Cái nhỡn quang chính trị của Cụ và cái thủ đoạn hòa bình trong thời kỳ mà Cụ không thể không bằng thủ đoạn đó để thức tỉnh quốc dân, cùng với thời đại càng chứng minh là lớn lao sâu rộng.

Bao nhiêu tấm lòng của Cụ đã biểu lộ trong các tập “*Lưu Cầu Huyết Lệ Thư*” và “*Hải Ngoại Huyết Thư*”, hơn nữa là trong “*Lời Khai Trước Tòa Án*”, lời lẽ tưởng còn in sâu trong trí óc quốc dân cho đến ngày nay và ngày mai nữa.

Hành vi của Cụ trong nước và ngoài nước, với Cụ, chính mở ra một kỷ nguyên mới trong vận động cách mạng nước ta từ trên tinh thần, lý luận, tổ chức và kỹ thuật, đặc biệt mỗi khởi điểm cho chúng ta thâm khắc nhất là những sách lược về cách mạng ngoại giao

của Cụ trên học lý và sự thực phải để làm tấm gương chung cho ngày nay và ngày mai: *Một nhân cách siêu nhiên, đứng ở trên một lập trường nghiêm chỉnh, có một thái độ trực triệt và hành động quả đoán, đó là điều kiện đạo đức của mỗi cách mạng nhân viên của Cụ Phan Sào Nam. Cho nên Cụ là một chuyển biến điểm cho lịch sử cách mạng nước nhà, là liên lạc điểm của quá khứ với tương lai.*

Chúng tôi thiết nghĩ và tin sâu rằng: Chúng ta phải tích cực tiếp thu những di sản tinh thần và sự nghiệp của cách mạng, lấy **cứu nước giữ nòi** làm xuất phát, bằng một cương lĩnh mà sáng tạo phải đi đôi với cách mạng trên cả ba mặt toàn diện, triết để và hướng thượng để đạt tới sự kiến lập toàn bộ một dân tộc văn hóa với sinh mệnh thể hệ cho nước nòi, chỉ đạo bởi ánh sáng của sử Việt và lý tắc mới của Duy Dân. Tất cả lý luận với hành động trên cái tiền đề dân tộc hóa từ nay mà đi phải thống nhất trên sự nhận xét Cụ Sào Nam với sự thấu suốt con đường đi lịch sử của nước nòi bằng sự thể nghiệm đời sống thực tiễn và lý tính thực tiễn của thế giới lịch sử và quốc dân.

II.- Quan Điểm của chúng tôi về các nguyên nhân thất bại của Cách Mạng ta từ trước.

Cách-mạng là một công cuộc phi-thường, nhất là cách mạng của nước ta trên lập-trường và hoàn-cảnh khó-khăn nhất lại càng làm tăng thêm những nhân tố gian khổ ở bên trong; nhưng mà cách mạng tất nhiên thành công. một mặt bởi sự thể diễn tiến của lịch sử đúc thành, một mặt bởi sức nhân vi trau chuốt nên. Nhưng nếu chỉ đem những nhận xét ngoài lông da và thông thường tóm quát mà phán đoán những giáo huấn của một trăm năm lịch sử cách mạng của ta thì không thể thấu suốt và nắm giữ được những kinh nghiệm sâu sắc và riêng biệt của nó, đã thế tất không thể vận dụng được chân thực những bài học cũ đã trở ra những nguyên tắc và khuyên dạy những thể cách nào để tìm ngay ra con đường đi chân chính của cách mạng và tìm tòi các cách thức cải biến với sáng tạo những hành vi cách mạng cần yếu cho ngày mai.

Cách mạng phải có toàn thể tính và sáng tạo tính, những phương châm và phương hướng lịch sử của nước nòi trên một phần gốc gác là cố định và đặc định. Những yếu tố chủ-quan với khách quan không dứt phát triển và biến hóa còn đặt để và đóng gờ trên cái biện chứng luật tắc của từng kỳ cách mạng; còn chủ yếu nữa là phải nhận thức cho đúng chắc, nắm giữ cho bền bỉ và vận dụng cho khéo léo cái sức chủ của cách mạng với những sức phụ của cách mạng.

Nền tảng của cách mạng sản sinh ra trên cái nền tảng của xã-hội kết cấu đi đôi với ý-thức tiến hóa và kinh tế quan hệ xoáy lộn lẫn nhau mà diễn thành. Ở trong đó phải vẽ vạch được một phương trình thức kỷ hà học, từ tâm lý bình diện tới tâm lý tập thể của quốc dân trên lý tính và sinh hoạt thực tiễn, cái hình ảnh đó phản ảnh nên một chế độ với tất cả những kỹ thuật và tinh thần tất yếu phải có cho công cuộc cách mạng.

Con đường đi của cách mạng với phương châm, phương hướng của nó phải chỉ là một với con đường đi lịch sử của giống nòi, với phương châm, phương hướng ấy. Phải biết đo lường cái sức sống và trị số của trào lưu lịch sử tiềm tại trong tinh thần và vật chất sinh hoạt của quốc dân làm cái thủy chuẩn thành tựu của thời cơ cách mạng trong chủ quan. Đồng thời, cái lập trường gốc gác của dân tộc đó phải đem phối hợp với hình thể biên tế của thế giới, tất cả để làm cái thủy chuẩn thành thực của thời cơ cách mạng trong khách quan. Hai cái điều kiện chủ quan và khách quan của thời cơ đó đối với cái quan hệ chặt chẽ rút dây động rừng của quốc tế xã hội ngày nay càng đi đến thống nhất. Nhưng mà cái lập trường gốc gác của dân tộc đối với sự tung hoành của đóng mở của quốc tế chính trị không phải như vấn đề thời cơ giản đơn như thế để quyết định các hành vi và phương hướng của mình.

Sự hình thành cái trận tuyến của các dân tộc cùng lập trường và hoàn cảnh các dân tộc nhỏ yếu với mạnh lớn bất cứ thuộc về hình thái đế quốc chủ nghĩa nào quy định ra những đặc tính của cách mạng. Các dân tộc nhỏ yếu có một quan điểm cách mạng chung, phải làm sao cho chung một con đường đi, Nhưng con đường đi đó phải khơi đặt, chọc thủng trong màng phủ của một hay các phe đế quốc mà tìm một lối sống còn của mình. Không thể vì một hứa hẹn lý tưởng hay một lý thuyết tiên tri nào mà làm căn cứ để phán đoán và quyết định cái nguyên tắc hành động của mình, chỉ có thể mới thành công.

Đồng thời nền tảng xã hội của các giống nòi nhỏ yếu quy định một hình thái với phương thức cách mạng cũng riêng biệt trên sự chuyển vận lớn lao và kịch liệt của toàn dân đấu tranh. Lịch sử sẽ diễn thành bằng các hình thức đặc biệt, đột biến và thuế biến cho mọi mặt sinh mệnh và văn hóa cho các dân tộc đó. Xuất lộ của mỗi dân tộc ngoài các nguyên nhân khách quan, các nguyên nhân chủ quan của xã hội kết cấu, dân chúng yêu cầu và văn hóa thủy chuẩn của mình còn nhu yếu một suy nghĩ cho sâu và đúng.

Phương châm của chính trị, cương lĩnh của đấu tranh và sách lược của cách mạng phải y cứ vào những nguyên tắc kể trên mà đặt để sự gắng sức trong chuẩn bị các tiền đề, phải hoài nghi cả đến việc dự liệu một cách mạng phá hoại cực hạn tuyến với kiến thiết chuyển di trực trong quá trình diễn biến lúc đã thành công. Tất cả những lý luận tổ chức với kỹ thuật theo các nền tảng độc đặc để thích hợp với những độc đặc tính đó không thể không khách quan mà điều tra, phân tích mà sáng tạo.

Cho nên một chính trị lãnh đạo phải kiến lập nên bằng cả cái thế hệ của các lý luận cơ-cấu và hành động cơ cấu cho khỏe khoắn và ưu việt. Lãnh tụ nhân tài phải bồi dưỡng mà không để phá; cán bộ nhân tài phải trau giồi cho xứng đáng, phải phối hợp với sự sáng định với chính trị phương châm, chính lược phương hướng, cách mạng sách lược, đấu tranh cương lĩnh cho thực đúng chắc và viển kiến, lại thực tế để mà hình thành một cách mạng trận doanh cho đủ đối phó với yêu cầu của hy vọng và sự thực.

Cách mạng trận doanh như trên đã nói, phải là toàn dân lấy làm đối tượng tổ huấn ở trong. Sự liên lạc với các dân tộc nhỏ yếu hết thảy trên thế giới, nếu mà thành công còn là một bảo đảm chắc chắn cho vận mệnh của cách mạng, một xuất lộ ra quốc tế vũ đài phải còn có một hậu thuẫn trong quốc tế viện trợ tổ chức nên bằng các cá nhân, đoàn thể với giai cấp nguyên ủy rất tinh thành mà không có tác dụng chính trị liên hiệp với ta nữa.

Cách mạng ngoại giao phải lấy những nguyên tắc đó làm cội gốc, Chỉ có thể thời không đưa cách mạng đến con đường thỏa hiệp và đem dân chúng đi làm lâu-la cho quốc tế đế quốc và mới có công hiệu ích lợi cho mục đích của các nòi giống nhỏ yếu.

Trong cái quá trình hành động tiến lên chiến đấu của cách mạng trận doanh, vấn đề lãnh đạo xây đắp trên vấn đề nắm giữ và vận dụng được luật tắc của đấu tranh cách mạng. Không thể vì nhiệt trào hay lãnh trào của mỗi công việc và dư luận quốc tế nào, một thái độ và hành vi của mỗi chính phủ nào mà quên được vật lộn và hăng tiến. Quốc tế đấu tranh có tính chất vĩnh cửu, không để tự mình trong dây chuỗi đờ gian đoạn được.

Hơn nữa, cái cương vị của nước nòi mình phải đứng chắc chắn, không lung lay, siêu nhiên trước mỗi biến thể của thế giới. Cái hiệu quả thực tế của cách mạng sản sinh từ máu, sắt, hành vi của quốc dân bằng kịch liệt đã được quốc tế có tính chun từng biểu hiện rất co duỗi trên thời gian với không gian của lịch sử.

Nhưng mà để cho chuỗi nắm thành công không lạc phương hướng, ohả bả ác được trung tâm. Cái trung tâm đó tức là cái gốc gác, năng lực cứu nước giữ nòi chân chính ở nội tại ta. Chủ quan phải tự sức sống lại mà khách quan đã biến đấu tranh vào thăm thấu đấu tranh. Nắm giữ được trung tâm đó mới có thể nắm giữ được trận thế cho phương

hướng rõ rệt không bị hỗn hóa, thỏa hiệp, cho sách lược bao giờ cũng hợp thời và hợp cương lĩnh. Nằm giữ được quần chúng bền chắc có cái liên hệ thống nhất của các nước nhỏ yếu cũng cần như nhau.

Ngoài ra, một kỹ thuật cách mạng cho hiện đại và tinh thần cho siêu thoát, văn hóa cách mạng cho thấm nhuần sâu sắc trong quần chúng cần yếu trên cái bản chất và sách lược toàn thể có kế hoạch của cách mạng. Kinh tế không phát đạt và ý thức không khích lệ là hai nguyên nhân đệ nhất của thất bại trong cách mạng của các nước nhỏ yếu. Nhưng mà dưới chế độ thực dân, các nguyên nhân thất bại đó phải khắc phục bằng những nguyên tắc kể trên; nếu hành động cách mạng không thể thống nhất được trên sự vận dụng đó thì nguyên nhân thất bại là ở đó nữa.

III.- Quan Điểm của Chúng Tôi với Tình Thế Hiện Giờ.

Hiện giờ đây chúng ta hãy phản tỉnh lại. Sinh tồn và tuyệt diệt của nước nhỏ chúng ta không thành vấn đề gì cho thế giới cả. Nếu sở dĩ người Việt mà nói “*Việt Nam vấn đề của thế giới vấn đề*” là không tự nguyện, hoạt đầu và nói khoác không căn cứ. Người nước ngoài mà nói “*Việt Nam vấn đề của thế giới vấn đề*” thì không phải là chân chính ở thiện ý mà ra, tất ở nơi một tác dụng đầu cơ để phiến động dân chúng ta, hoặc ở nơi tấm lòng từ thiện tôn giáo của chính trị mà ra. Cái thiện ý đối với Việt Nam” phải xuất phát từ một chỗ thực hiện sâu sắc “*cái giá trị sinh tồn và tư cách lịch sử của dân tộc Việt mới đúng.*”

Việt Nam vấn đề hiện chỉ cho tự mỗi người chúng ta thực không phải và chưa, vì “vấn đề” đó phát sinh trên lịch sử, đã làm một thích khách, dư luận ảnh hưởng và tác dụng thực tế tốt xấu, hay tốt mà xấu, xấu mà tốt cho “con mắt” thế giới và “bộ óc” thế giới cả. Chúng ta đừng bắt chước đại dốt và ngờ nghệch rỗng tuếch những tư-lệnh đài của quốc tế trên ngang dọc đóng mở. Chúng ta thực phải phản tỉnh lại nhiều.

“Việt Nam vấn đề” nếu hiện giờ có thành một vấn đề trong phạm vi và trình độ rất nhỏ nào là vì Việt Nam đó. Vì nguồn gốc của chiến lược và quyền ích sau chiến tranh nên trả lại cho Tàu, cho Pháp, của Nhật của Mỹ hay của quốc tế công quản, tuyệt chẳng phải vấn đề dân tộc Việt Nam trên lịch sử. Giá trị tư cách bản thân biểu hiện ra một hình thể cần phải được tôn trọng nền độc lập, sinh tồn, nếu không thì tuyệt chẳng phải vì như thế.

Cho nên Việt Nam vấn đề là vấn đề của tự ta, bản chất của nó khác với “Ấn Độ vấn đề” và “Chi-na vấn đề”. Nhưng mà sở dĩ “Việt Nam vấn đề” chưa và không thể thành “thế giới vấn đề” một mặt là bởi chủ quan của cách mạng chúng ta đích xác chưa đủ vượt được khách quan. Mỗi lần chúng ta đứng dậy để thực giải quyết lấy thì cơ trên mà bị đế quốc chủ nghĩa thực dân nó thừa sức hơn ta mà dìm đi.

Tính chất và hình thái của cuộc chiến tranh này một trăm phần trăm là tranh bá chiến của cả hai mặt trận đế quốc chủ nghĩa, *một là tài quyền, một là cực quyền*. Nó là chủ đạo của độc xác (rôle) khác đích xác bị hỗn hóa theo nó mà nên mặt trận. Cho nên, chiến hậu tình thế bằng một sự thực diễn tiến thì chi phối rõ rệt bởi sự xoay vần của quốc tế tư bản tái sinh sản quốc phòng (reproduction en capital) phối hợp với các nhân tố dân tộc, giai cấp trận doanh và các trào lưu văn hóa gom góp lại, mà tất nhiên tiến lên trên một xã hội biện chứng pháp sẽ quy định ra một chuyển hình mà một hình thái thế giới mới sẽ dựng dôi lên bằng một thứ đế quốc mới tập đoàn an toàn tư bản xã hội hóa, quốc dân chính trị mới.

Cho nên tất cả các lý tưởng và dư luận về chiến hậu trong thời kỳ này nó có một

trung tâm sự thực trên và tiến triển lên bằng tất cả những tiến triển của tâm lý và chiến tranh đồng thời khoáng rộng. Cái rõ rệt nhất là nó có mấy đặc tính, ta cần xét lại:

1/ Cả hai bên Trục Tâm và Đồng Minh cùng công nhận cần phải có một trật tự mới ở trên cái lý luận “*tập đoàn an toàn*” mà kinh tế chiếm một địa vị đầu óc.

2/ Cả hai bên vì chiến tranh với tâm lý xã hội diện tiến mà chính trị càng xu hướng sang quốc dân dân chủ chuyên chính, mà kinh tế càng chặt chẽ đặt để trên sự thực là chính phủ can thiệp, khống chế và quốc gia tư bản xã hội hóa.

3/ Cả hai bên cùng cố sức lấy mấy nước chủ yếu làm chủ đạo mà vũ trang cảnh sát phải làm hậu thuẫn cho trị an (gọi là hòa bình và an toàn vững chắc lại lâu dài).

4/ Các nước nhỏ yếu bao giờ cũng như bao giờ, đứng dưới cái tai vạ “chia tang”, *tuyệt không có một dư địa cho thực hiện hoàn toàn tự quyết*. Đặc biệt các lý luận chủng tộc lối Á Đông và các lý luận kinh tế lối Âu Mỹ càng có cái xu hướng bóp chặt các nước nòi đó càng bị chết nghẹt về tương lai.

5/ Mặt ngoài cùng, là các chuyện một tướng hòa bình và đại đồng để hứa hẹn qua nửa da nửa thịt là chỗ biểu hiện rất kịch liệt các ý thức tư lợi, lĩnh đạo dục vọng và mâu thuẫn tranh giành. Mặt trong, hẳn chính xem ở các cách thức thực thi mọi chiến quốc mà thấy những lập tâm vị kỷ làm chủ đạo cho chiến thời và chiến hậu chính sách.

Anh và Pháp (De Gaule) là hai thế lực cố kết nhau để bảo trì đế quốc chủ nghĩa và lật đổ Đại Tây Dương hiến chương. Nga có lập ý riêng biệt, Mỹ thì chần chọc, khó khăn giữa sự quả quyết có lập với tham gia quốc tế hoạt động; Tàu thì xướng lại cái “*Chủng tộc thiên hạ chủ nghĩa*” rất gay gắt tối tăm và nguy hiểm. Cũng như Nhật, Đức, Ý chặt vật trong sự chia vạch các vọng sống.

Nếu bản vị của thế giới ngày mai đây còn là quốc gia tài phú và quyền lực thì các tâm lý và hành động mật sát, ghen ghét, ích kỷ, thù hận là tất nhiên. Dân tộc tự quyết với kinh tế hồ huệ chủ nghĩa theo đó hai nước ký điều ước lợi ích ngang nhau (réciprocité) chỉ là những phụ kiện để thay đổi mặt mũi theo sự thay đổi quyết định của tái sinh sản.

Các nước nhỏ yếu như nếu bất chước Ấn Độ và đầy năng lực, chặt chẽ liên hệ thành một mặt trận thống nhất suốt địa cầu, trông rõ con đường đi sống còn giữa bụi lửa tất phải có được một quyết tâm mới, để chỉ huy những hành động mới mà rẽ lấy một lối đi đích xác đứng đắn của tự mình, như thế mới có thể nắm giữ về quyền lợi độc lập, sống còn, tự chủ, tự quyết của mình.

Cho nên cái lập trường gốc gác của chúng ta phải đúng chắc và sâu sắc, tìm xem trong chuỗi dây lịch sử qua, nay, mai mà đặt để cho chúng ta một phương châm và những phương hướng cách mạng. Dù sao thân thế của ta thế nào, ba phần tư là tùy theo sức lực ý chí và việc làm của chúng ta. Mình là chủ thể, thù với bạn chỉ là ngoại vật. Trong lập trường của ta hiện nay, tạm bỏ tiếng thù với bạn đi, mà nói một loạt các đế quốc là đối tượng đấu tranh của chúng ta là rất đúng. Cụ Sào Nam ngày xưa trông thấy cái họa Lùn sau cái họa Pháp. Lùn với Pháp đây, chúng ta chỉ cho nó là kẻ thù nguy hiểm trước mắt trong thời kỳ quá độ. Còn phải đề phòng những kẻ thù sau Lùn với Pháp nữa. Nếu nó thua còn nguy hiểm nhiều hơn nữa.

Để cho các đế quốc chủ nghĩa trên mặt tăng tự tiêu diệt nhau, vận động đày tăng, sức lực của toàn dân chúng, ta đứng lên trong một thời cơ tối hậu mà tiến hành một đấu tranh quyết định để xua đuổi một loạt ra ngoài, đó là tình thế và việc làm tất yếu của cách mạng, chúng ta phải nhận xét mà cả quyết đó!

Chúng ta đã không thể tha thứ cho những kẻ thỏa hiệp, nhưng chúng ta là các phần tử tranh đấu tất không thể có thái độ ỷ lại và quan vọng nào. Nếu còn có, nó là một sự bất hạnh đả kích rất lớn cho cái tất nhiên của chúng ta phải tự sức sống lại, hiện nay không dừng cho chúng ta còn giờ phút nào chậm trễ mà lầm lỡ lịch sử được!

IV.- QUAN ĐIỂM CỦA CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI CÁC CÔNG VIỆC CẤP KÍCH PHẢI LÀM NGAY BÂY GIỜ.

Một cái biểu hiện rõ-rệt và đặc biệt nhất trong bốn ngàn năm thời gian lịch sử ngày nay của nòi Việt là bằng một chuỗi dây liên tiếp không dứt của các cuộc đấu tranh sắt máu cho sống còn độc lập chống xâm lược gọi là **dân tộc cách mạng**. Chúng tôi xét nét lại lịch sử có thể quả quyết bảo đảm rằng cuộc cách mạng ngày nay cũng chỉ là nối tiếp các cuộc cách mạng từ xưa trên con đường lịch sử nhất quán của dân tộc, nên tất cả những luật tắc, kinh nghiệm bài học lịch sử của ta từ xưa, đặc biệt để mang toàn bộ ứng dụng cho công cuộc ngày nay của chúng ta, cũng thừa mà tranh đòi lấy thắng lợi cho cách mạng và kiến quốc.

Đại khái, nếu làm theo Lê Lợi buổi sơ đầu đấu tranh, làm như Đinh Tiên Hoàng cho buổi dẹp trong độ ngoài, làm như Quang Trung lúc bắt đầu thành công chuyển sang kiến quốc, làm theo Trần triều lúc khác là kiến quốc ngay sau khi bắt đầu kiến thiết. Bốn bước đi và bốn cách làm, đó là chìa khóa cho cả một thời đại chúng ta cho thấy quyết thắng và thành công. Sự vận dụng cố nhiên yêu cầu một dân tộc giản đơn, cả quyết mà thấu suốt lại dũng cảm.

Chúng ta thế nào cũng phải nắm giữ trên nguyên tắc và sự thực, học được các biện chứng pháp xã hội của công cuộc cách mạng là **đặt để trước một cực hạn tuyến cho phá hoại và kịp thời sửa sang một chuyển di trực cho kiến thiết**. Bất quá cái biện chứng pháp luật tắc đó phải an khít liền và cùng vận động không sai lầm với cái biện chứng pháp luật tắc của vận nước kỳ này là thừa cơ các đế quốc chủ nghĩa trên mặt tảng tự phủ nhận nhau mà phát huy toàn thể cái sức lực lớn lao ngấm ngấm của đáy tầng lên phủ định hết, không thỏa hiệp suốt mặt đến đáy và hưởng thưởng mà thành công.

Cho nên nòi giống Việt phen này phải có một mặt trận gốc gác của toàn đáy tầng dân chúng và sử Việt, để ra gánh vác cái sứ mệnh nặng nề của thế kỷ. Sự xác thành đó phải tuyệt đối ở trên sự nhận xét rất rõ rệt và sâu sắc, lấy dân tộc làm Nhất Thống, nghĩa là lấy dân tộc tự lực làm căn bản pháp, phối hợp với sự thể nghiệm Đại Bi, Đại Nguyên của dân chúng ở trên cái lý tính thực tiễn, ở trên đời sống quốc dân và lịch sử, trau dồi thêm bằng những nguyên tắc thực giản đơn, đúng chắc, tóm quát, hưởng thưởng để uốn thẳng, và thổi mạnh cho sức xung động của cái lý tính đó.

Mặt trận gốc trên những chủ chỉ và hành vi của nó, hoặc có kế hoạch và tổ chức bởi hết thảy các đảng phái gom góp nhau lại mà triển khai ra một chỉ huy cơ cấu rất thống nhất, rất linh hoạt và hiệp điệu, hoặc không có kế hoạch và tổ chức mà phát hiện ra bằng phương thức tự động của mọi người làm thành một cuộc toàn dân cách mạng.

Nếu tất cả nghiên cứu giáo dục với cách mạng đều đồng thời cùng làm trên một kế hoạch với hành động thống nhất thì cuộc đấu tranh càng nắm giữ được cơ thắng lợi và hưởng thưởng rất chắc chắn. Sự đặt để một hồi sinh căn cứ địa của dân tộc trên quân sự địa lý, kinh tế địa lý, chính trị địa lý và giáo dục với văn hóa đã hun đúc lên, chính là sự kiến lập một đầu óc thực thể cho sự chỉ huy hết thảy các hành động và cho sự nắm giữ quyền tự chủ bằng sự quyết định cái vận mệnh thiêng liêng của nước nòi.

V.- QUAN ĐIỂM CỦA CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI CUỘC THỐNG NHẤT MẶT TRẬN CÁCH MẠNG NƯỚC TA CŨNG LÀ TIẾN LÊN MỘT BƯỚC CÁCH MẠNG VÀ KHI THÀNH CÔNG PHẢI NGHĨ CÁC PHƯƠNG PHÁP THIỆN HẬU THỂ NÀO ?

Chúng tôi từng đã nói mỗi đồng chí nếu đã đều trở về thể nghiệm sâu sắc cái lý tính thực tiễn của đời sống lịch sử và quốc dân thì sự trở về đường đi của lịch sử nền tảng của xã hội, xuất lộ của dân tộc, hình thể của quốc tế, lấy các nhận xét đo mà tìm thấy cái ánh sáng thực thể của lãnh đạo thì sự thống nhất sẽ hoàn thành bằng cách rất dễ dãi. Sự thống nhất thành một Mặt Trận Cách Mạng, trong giai đoạn nào mà nội giống mắc nạn cũng cần yếu cho đấu tranh, nếu muốn cho vững chắc thành công. Nhưng sự thống nhất bản thân có được vững chắc, đáng tin thờ cho dân chúng không, thực rất khó khăn cho được chân chính, vì chính sách với nhân sự có chân chính không.

Nếu bây giờ đảng phái nào, đồng chí nào công nhận thấy chúng ta cần phải đạt tới một độc lập căn bản, một giải phóng căn bản với một chính quyền căn bản đủ tin, đủ cây và đủ làm việc, có lợi ích cho toàn thể nước nòi trên một quan điểm, bước đi với một sách lược thành thực nhất chí. Mặt trận thống nhất đó phải kiến lập lấy một thủ não đảng bộ rất khỏe khoắn, thành thực, phải siêu thoát trên ghen ghét và tư lợi, phải thông minh để chỉ huy cho được nhanh nhẹn và hoạt động; các lý luận cơ cấu và hành động cơ cấu cũng phải thống nhất lại, ăn sâu và lan khắp. Các chủ nghĩa nào, chính cương nào cũng phải có được một tiêu chuẩn dân tộc, nghĩa là thích hợp cho mỗi giai đoạn và một nguyện vọng nung đúc dưới tiền đề vận mệnh của dân tộc chung. Dân tộc chủ trương cha con chính suốt mặt đến đáy và hưởng thượng tất phải được toàn dân chúng ủng hộ chấp hành và lịch sử tiếp thu; dân tộc hành động suốt mặt đến đáy và hưởng thượng tất được toàn dân ủng hộ.

Chúng tôi thấy rằng hiện giờ đây đảng phái không thống nhất không chương ngại cho cuộc tự động cách mạng quốc dân của sức gốc nước nòi mai đây, chỉ cần các đảng phái đều nhận rõ cái mục tiêu để xúc tiến **Mặt Trận Gốc** vô hình đó mà cùng làm. Sự Tổ Đảng phải là thứ yếu sau các việc đoàn kết dân chúng và kiến lập vũ lực cho dân chúng. Nhưng mà sự chia rẽ bao giờ cũng đau đớn, như nhuốc mà còn có hại cho cuộc thế không ít.

Mặt trận gốc nước nòi toàn thể nhân dân Việt phải tổ chức lên mau mau, dưới một dân tộc chủ trương, triển khai một dân tộc hành động cũng thống nhất. Chỉ có thế thì mới có một lực lượng lãnh đạo, mới thực tại phát sinh một hiệu lực thích hợp với tình thế của lịch sử và hy vọng của dân chúng. Sự đi đến đoàn kết và thống nhất đảng phái phấn đấu mà phấn đấu để khắc phục những nhỏ nhen, đối trá, tư lợi, thành kiến, dục vọng, mơ mộng, lầm lỗi của bản thân càng khó khăn hơn để nhu yếu một gắng sức hơn.

Lại tiến lên một bước để hỏi: Cách mạng vừa khi thành công dưới điều kiện cách mạng mặt trận đã thống nhất, cũng như cách mạng mặt trận chưa thống nhất phải nghĩ đến trước những tình thế có thể xảy ra, đáng vui hay đáng tiếc cũng có, cần phải có trước những phương án thiện hậu. Nếu chúng tôi đã đề ra Duy Dân chủ nghĩa với kế hoạch cách mạng quá trình kiến lập **Mặt Trận Thống Nhất** thì quân chính cương lĩnh và kế hoạch chính trị của chúng tôi cũng nên đề ra trong khi đó. Nhưng mà các vấn đề quốc thể với chính thể lúc ấy sẽ rất gay go, các việc có thể xảy ra tranh giành và nội loạn với tất cả những hậu quả khôn hay. Vì những cơ trên mà phát sinh ra còn cần phải có kế hoạch trước mà kịp thời xử lý. Nhưng một thái-độ khai thoát, bởi có một nhận xét thành thực và chịu

trách nhiệm với nước nòi dự có từ trước, phải đi đôi với một kế hoạch nào đó mới có bổ ích thực tế.

Sự triệu tập Quốc Dân Toàn Thể Đại Hội, dù ai cũng cho là cần và có ích, nhưng mà số phận lịch sử của dân tộc còn tiến lên hơn một bước, hình thức đầy đủ quyền năng, viễn kiến và vững tay lái hơn để đối phó với thời gian mà mang đến một bảo chương thực tế hơn. Cho nên, sự ủy nhiệm cho một đảng nào đủ tư cách, hợp nguyện vọng và đủ điều kiện hơn hết, ra lập một chính phủ khỏe khoắn hơn hết, chuyên trách làm việc thực cần yếu hơn hết mới quyết định.

Sự đề phòng nội loạn với phòng bị ngoại xâm và ngoại lực can thiệp cần phải bằng thủ đoạn cách mạng ngoại giao rất dững cảm với thủ đoạn quân chính rất thỏa đáng mà thực hiện. Vấn đề đảng phái phải giải quyết bằng chế độ hợp pháp cạnh tranh và chính trị phê phán. Nhưng mà lúc ấy bất cứ các đảng phái nào đã bị nhơ nhục vì thỏa hiệp với thù giặc của nước nòi hoàn toàn phải đào thải đi mới được. Nếu có thể một chính trị công khai, công luận và công quyết lúc ấy sẽ để sự chọn lọc và trao gửi quyền của toàn thể dân chúng, tất nhiên danh chính ngôn thuận hơn hết mọi cuộc bạo lực nào có một xúy đồ riêng.

Thái Dịch Lý Đông A
(1943) 4822 TV.



Làn Gió Đáy

“Ngoài những kẻ Việt gian buôn nước, có những kẻ tự nhận làm cách-mạng mà đầu-cơ với hoạt-dầu. Những kẻ không có chính kiến nào xác thật, lung-lay thỏa-hiệp, những con người ấy thường tự xưng “vô đảng” nhưng đảng nào cũng có hết. Thường chỉ vì cái địa-vị sống còn, không danh dự mà khuấy nhọ mọi việc của cách-mạng. Vì không có một lập-trường xác đáng, chẳng có một thái-độ trực triệt. Điều kiện yêu nước của họ phải là phụ thuộc của những điều-kiện cá nhân. Chủ-nghĩa thời cơ là thủ đoạn của họ. Đối với họ dễ-dàng theo đuôi ngoại quốc. Vì theo đuôi nên kiến giải của họ không có nền tảng. Ở họ, bệnh “thiếu máu” và “thiếu óc” cho cách mạng của dân tộc, và cũng chính vì đó mà sinh chia rẽ về lý luận cũng như hành động, nhưng lại ồn-ào như trò “bán cao đôn hoàn tán”!

“Chỉ có sự sống thực tiễn trong đời sống thực tiễn của quốc dân với dân tộc mới soi sáng cho con đường đi của cách mạng và kiến quốc. Vì vậy, lịch sử là quyển truyền phả và là môn học cao sâu duy nhất cho nguyên-tắc lãnh-đạo. Chính trị là lịch sử ngày nay, mà lịch sử là chính trị những ngày qua. Thời đại là cuộc sống bây giờ, lịch sử là cuộc sống những buổi qua. Sự vận hành của hai thời gian đó kết hợp nên và quy định ra con đường của ngày mai.

“Tất cả những lời nói của dân chúng bằng ca dao, tất cả những việc làm của dân chúng bằng sinh sống đều là những mục-tiêu nền tảng cho những phương lược kiến thiết lâu dài mọi mặt cho nước nhà.

“Chỉ có thể-hệ thực tiễn-tiến mới đủ đại-biểu cho tương lai.

“Chỉ có tầng cấp đại đa số mới đủ đại biểu cho dân tộc.

“Tương-lai tỏ lộ trong óc mới của thời-đại và viễn kiến,

Thế-hệ của thanh niên và tầng cấp 98% của quốc dân Việt chính là đáy tầng dân tộc Việt, là sức gốc của Việt.

“Sự thống trị của dị tộc bần cứ trên mặt tầng thỏa hiệp với đặc quyền. Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh mặt tầng và đặc quyền mà trở về đáy gốc.

“Sự thống trị của dị tộc thành lập trên sự cần-cỗi của nòi giống. Mạch máu và tâm hồn của nòi giống vì thế tránh hết cần-cỗi mà chìm xuống đáy rễ để đâm lên những chồi mới.

“Làn gió phục-hưng dân tộc không thổi trên mặt tầng, trái lại chỉ thổi dưới đáy tầng để cuốn dậy làn sóng đáy. Những gió ấy và sóng ấy duy nhất có lực lượng để lật đổ hết thảy những thứ gì trên mặt tầng.

“Không gì thổi réo-rất, nghiêng rít bằng làn gió đáy. Nó như thổi hết thảy 5000 năm, tất cả những hơi lạnh người chết và hơi rợn linh hồn của toàn thể thiêng liêng chồng chất. Gió ấy như một chiếc roi thép quất chúng ta dậy, đau buốt tới xương tủy, thấm tận đáy hồn dân tộc và đáy lòng mọi người. Sự phục hưng ở đó mà ra, làn gió ấy tự ở đáy sử mà thổi, sẽ lôi cuốn hết đáy tầng, đoàn kết lại một mặt trận gốc,¹

Biết thay đổi cách nhìn về cuộc sống và lịch sử sẽ mang lại nhiều bài học, nhiều phong-cách tích-cực mới-mẻ và khoáng-đạt. Diễn biến phức-tạp của lịch sử và văn hóa là mấu-chốt của cuộc thăng tiến trong cuộc sống loài người. Vì điều này mà người ta đưa ra nhiều cách nhìn, nhiều diễn giảng về văn hóa, lịch sử dẫn đến những chướng-ngại, xung đột kéo dài có khi hàng thế-kỷ, cùng hàng triệu người gục ngã, lịch sử loài người đã và đang trải nghiệm điều này., Lắng tâm suy nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan đúng đắn.

1- Lý Đông A, “Bông Lau”, 1943.

Đây là phương cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác. Lắng tâm suy nghiệm là một cách nhìn văn-hóa lịch sử tương-đối khách-quan đúng đắn. Đây là phương cách gạt bỏ những rối-rắm trong tâm hồn để từ đó có cái nhìn chính-xác về quá khứ, hiện tại và tương lai, tránh được hời-hợt, hồ-đồ theo thời.

Lắng tâm suy nghiệm về cách làm sáng cái tâm, biết cách mở lòng mình còn gọi là thức tâm. Suy nghiệm không hẳn là suy-tư, vì suy-tư nhiều khi ngã về cái lý xa-rời thực-tế, quên mất cuộc sống đang sinh động trước mắt, khi suy nghiệm phải nhìn vào thực tại, vào vấn đề truy tìm về quá khứ để rút ra kết luận cho tương lai.

Lắng tâm suy nghiệm là cách suy nghĩ lấy mục đích là sự thức tâm để không bị lừa gạt, phỉnh nịnh. Cuộc đời này có làm việc, thoạt nhìn thấy tốt đẹp, nhưng khi có thời gian suy nghiệm, đối chiếu vào thực-tế thì lại hoàn toàn không như ta tưởng-tượng.

Người xưa còn đưa ra cách nhìn những việc và người của quá khứ để rồi suy nghiệm cho hiện tại. Đây cũng là cách giúp ta tránh được cho ta những lầm lẫn.

Khi nói đến sai lầm, chúng ta lại thấy có những sai lầm nhẹ-nhàng thoáng qua, song cũng có những sai lầm mà di hại lâu dài, và nặng-nề nhất là những sai lầm về văn hóa, lịch sử. Cứ lấy ngay cuối thế kỷ 19, và thời kỳ đầu thế kỷ 20, chúng ta đã thấy có biết bao nhiêu là những sai lầm về lịch sử, về văn hóa dẫn đến những hậu quả tai hại cho dân tộc. Vì vậy, ngoài ra cho rằng nếu như ta mất tự chủ về kinh tế thì chỉ vài ba kế-hoạch ngũ niên là có thể đổi mới; nếu mất tự chủ về chính-trị thì chỉ vài ba cuộc đảo chính là phục hồi, nhưng nếu mất tự chủ về văn hóa thì điều này phải mất nhiều đời, nhiều trăm năm chưa chắc. Cho nên nhà tư tưởng Việt, Lý Đông A đã cảnh-giác: “Nuôi trí sinh nhân tài, nuôi tâm sinh thiên tài, nuôi thân sinh nô tài”. Trong tác phẩm “Huyết Hoa”, người đã nhắc-nhở:

“Nội dung và kết cấu của văn hóa, tự thân nó là tổng nghiệp của toàn thể loài người trong dòng sống lịch sử xã hội và thời đại.” Cũng trong dòng suy nghĩ đó, người đã quảng diễn là lịch sử văn hóa của loài người có đặc-trưng là “Viết bằng máu”, sự tiến triển của xã hội loài người được thể-hiện qua biện-chứng khoa học, từ quy luật kinh tế của xã hội phát-triển không ngừng ảnh-hưởng tới những suy tư của thời đại,

Đó chính là nhân của tương-lai. Việc “thay cũ đổi mới” diễn tiến theo chu-kỳ vòng xoáy tròn ốc có nút thắt. Từ hạt nhân của thời đại để diễn tiến theo đường vòng đi lên mở ra một xã hội mới “Xuất lộ cho dân tộc, quốc gia, xã hội...” Như thế, ta thấy những bế-tắc của xã hội sẽ là “xuất lộ” cho một xã hội thăng tiến hơn.

“Lịch sử cuộc cách mạng 1789 ở thế kỷ 18 tại Pháp đủ bắt đầu nảy mầm từ những thế kỷ trước với các nhà tư tưởng, các triết-gia như Diderot, Montesquieu, J. J. Rousseau,... Những cuộc cải tổ vươn lên đó phải là tiến trình tư-tưởng quan niệm của người dân phối hợp với những điều-kiện bên ngoài xã hội gồm cả chủ quan lẫn khách quan dẫn tới cuộc bùng nổ rũ sạch cội đời cũ đầy mục nát, thối rữa của những tệ đoan, “chọc thủng màn đen bằng đấu tranh, hy sinh và vun bồi mà đưa lại những hương thơm, ánh sáng và gió thoảng... Ánh sương mai đã thấm-nhuần những tia sáng bình-minh lóng-lánh, sóng tân sinh đang dạt-dào khắp trong lòng người.”

“Tình sương nguyệt ánh điểm hưng thì.”

Thiết nghĩ chuyến “ra khơi” nào cũng cần phải có một thủy thủ đoàn tài giỏi, sành sỏi phương hướng chính xác và những phương tiện dồi-dào. Đoàn “thủy thủ” đó được soi sáng bởi lý tưởng cao đẹp của dân tộc, với lòng quyết tâm cao ngất, với phương tiện đầy đủ thì sớm muộn gì cũng sẽ tới đích, tạo nên cuộc hành trình đầy thích thú và gạt hái nhiều thành quả tốt đẹp, đem lại hoa thơm, trái ngọt cho cuộc hành trình của dân tộc Việt.

*

Tóm lược

Chủ Nghĩa Duy Dân

I/ BỐI CẢNH PHÁT SINH :

* Sự thất-bại ê-chề kiếp sống con người do những tư-tưởng, chủ-nghĩa thiên lệch (Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh,...)

* Thảm cảnh đọa-đày của nòi giống Việt cùng các sắc dân khác và giai tầng bị áp bức, thúc-đẩy một phản tỉnh sâu rộng.

* Sự tàn sát nhân loại do phát-triển tối cao độ của khoa-học đem phục-vụ cho chiến tranh , phân chia theo tư-tưởng thiên lệch. Do đó phát-sinh một giác-ngộ lớn-lao của loài người.

II/ CHỦ TRƯỞNG :

* Đối với dân-tộc Việt, lấy “Cứu quốc tồn chủng” làm cốt cán,

* Về tư-tưởng, phản-tỉnh chân ý-nghĩa toàn diện của loài người.

* Lấy kiến-thiết đời sống con người ở chính bản-vị người. Vật-tâm-sinh thống-nhất.

“...Con đường với phương-hướng chính-trị mỗi dân-tộc đều do ánh sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ nẻo, quy-định hết cả vận mệnh và xuất lộ của mọi chính-trị và cách-mạng...”

“Hết thấy các chủ-nghĩa, chế-độ hay pháp-luật đều từ nơi quốc dân mà sinh ra mới thích-hợp, mới đúng chắc và thiết-thực giải-quyết những nhu-yếu, hy-vọng và lý-tưởng của quốc dân...”

(Việt DDB Tuyên Ngôn)

“...Chủ nghĩa “Z” không vì cái xán lạn của mỗi phương trời rớt lại cho một ánh hoàng hôn; cũng không vì cái cập lợi của mỗi thế lực thí-bỏ một thìa cháo cúng, huyền hoặc mà cả gan bỏ cái lộ-tuyến của dân-tộc mình, đem áp-dụng một chủ-nghĩa nào ra thành một chính cương, rồi mong thực-hiện nó ra một chế-độ cho dân-tộc...”

“Duy Dân đảng lấy sức lỗi và nền-tảng gốc 98% quốc dân ra làm chủ-lực của quốc gia, nhưng không mặt sát 2% quốc dân khác. Duy Dân nguyện vì toàn dân Việt mang hết sức ra cống-hiến...”

“Lập-trường dân-tộc chân-chính quyết không thể làm đuôi cho bất-cứ một đế-quốc chủ-nghĩa nào để tưởng cầu thí-bỏ cho một hứa-hẹn độc-lập hay “giả độc-lập” nào. Vì thế, “Mặt Trận Gốc” nước nòi của nhân-dân Việt phải tổ-chức nên, quyết tâm nhắm hướng SỐNG, CÒN tự mình...”

III/ ĐẶC THÁI CHỦ NGHĨA “Z” :

- * Đối với dân-tộc Việt, lấy “Cứu Quốc Tồn Chung” làm cốt cán.
- * Trên tư-tưởng, lấy giác-ngộ triệt-để các thiên lệch của các tư-duy hiện-tại để phản tỉnh chân ý-nghĩa toàn diện của loài NGƯỜI.
- * Lấy kiến-thiết đời sống con người ở chính bản-vị NGƯỜI, NGƯỜI hòa-hợp Vật-Tâm-Sinh.

IV/ TỔNG CƯƠNG :

- * Xã-hội NGƯỜI lấy con NGƯỜI làm gốc.
- * Lấy TÍNH NGƯỜI, y cứ cho tổ-chức xã-hội.
- * Làm cho con người tự nắm giữ được đời sống, sinh mệnh mình.
- * Tổ-chức chính-trị là phương-kế tổ-chức nhân sinh (sự sống cho con người).
- * Lấy kinh-tế làm căn-bản cho quyền lực NGƯỜI.
- * Lấy hôn-nhân duy-trì sinh-tồn nòi giống, loài người.
- * Lấy giáo-dục giác-ngộ tự-chủ con NGƯỜI.
- * Giải-quyết đồng thời hòa-hợp các phương-diện: chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, hôn-nhân.
- * Lập một nền dân-chủ, nhân chủ, duy-trì bằng công-dân tăng-chế và cơ-năng hiến-pháp.

DUY DÂN HỌC THUẬT

Nhiên - Nhân - Dân

- 1- Con người: nhất nguyên, tuyệt đối.
- 2- Xã hội: Đa nguyên, tương đối.
- 3- Nhiên: Vô nguyên, đương nhiên.

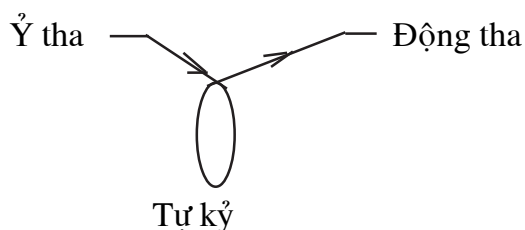
Tam Nhân:

- 1- Nhân bản phải là tối cao căn-cứ.
- 2- Nhân tính phải là tối-sơ xuất-phát. (4 tính: Nhu-yếu tính, tự-vệ tính, sắc-tính và xã-hội tính.
- 3- Nhân chủ phải là tối-định tiền đề.

chìa khóa của Thắng Nghĩa:

- Căn-bản nghĩa: Tự-nhiên -xã-hội- và tư-tưởng thống-nhất.
- Căn-bản học: (Ba phạm-trù tự-nhiên -xã hội- tư tưởng thường hằng vận-động thống nhất. Do đó khoa-học, sử-học, đạo-học phải thống-nhất.
- Căn-bản luận: Bản thức luận, nhận thức luận, phương-pháp luận thống nhất.
- Căn bản quan: Duy Tâm -Duy Vật- Duy Sinh thống-nhất.

Quá trình “Hỗ-tương nguyên-nhân”:



Tự kỷ: tự thân, tự mình

Ỗ tha: Từ ngoài vào (như sức hút)

Động tha: vận-động tự mình ra ngoài (sức đẩy).

BIỆN CHỨNG DUY NHIÊN:

Cấu-thức 5 điểm:

- * Đạo kỷ, tự kỷ nguyên-nhân
- * Tinh-thần (chất) và vật chất (lượng) hỗ-tương nguyên-nhân.
- * Vận-động và kết-hợp, hỗ-tương nguyên-nhân.
- * Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.
- * Hỗ-tương nguyên-nhân: Đạo kỷ.

[Huyết Hoa: Đạo kỷ = Tự kỷ nguyên-nhân, Vận-động và kết-hợp là hỗ tương nguyên nhân, Bản-vị và cơ-năng là hỗ-tương nguyên-nhân, Hỗ-tương nguyên-nhân là tự-kỷ nguyên-nhân; tự kỷ, ỹ tha hỗ-tương vận-động và kết-hợp].

BIỆN CHỨNG DUY NHÂN:

- Nhân vận-động và phát-triển theo hình xoáy tròn ốc có nút tết.
- Cấu-thức 5 điểm (biện-chứng duy nhiên) chi-phối vận-động và phát-triển của nhân (Vạn vật tương quan).
- Nhân khám-phá ra 3 tầng chân-lý: Vô nguyên đương nhiên – nhất nguyên tuyệt-đối và đa nguyên, tương-đối.

BIỆN CHỨNG DUY DÂN:

- Các quy-luật của biện-chứng duy nhân chi-phối mọi vận-động và phát-triển của duy dân.
- Xã-hội duy dân với tự-nhiên đối-lập thống-nhất.
- Cá-thể với tập-thể đối-lập thống-nhất. Bảo-thủ và cấp-tiến đối-lập thống nhất.
- Động bao giờ cũng tìm về tĩnh. Dân luôn-luôn tìm cách trở về nhân.
- Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.

6- Lục dân:

Dân-tộc độc-lập.

Dân-văn sáng-hóa.

Chỉnh-sức dân-trị.

Dân-vực trọn-vẹn.

Dân-đạo phát-dương.

Quảng đại dân sinh.

A/ CHÍNH TRỊ :

Định-nghĩa: Chính-trị là thiết-kế và chấp-hành nhân sinh, lấy giáo-dục làm khởi điểm và là chung điểm.

Chủ-trương “2 tầng 3 mặt”: Đả-phá đi đôi với xây-dựng. Triệt-để, toàn diện, và hướng thượng.

Cơ Năng Hiến Pháp. (Đan quyền)

- * Phân mệnh (Quốc-tế bản-vị) Tam nhân chủ-nghĩa.
- * Phân công (dân-sinh bản-vị): Lục dân chính-sách.
- * Phân lợi (nhân-cách bản-vị) : Toàn-dân-sinh chính-trị, toàn-dân-quân quốc dân giáo dưỡng.

Tổ Chức và Áp Dụng:

- Quân điền cho nông-nghiệp.
- Lương bổng (minimum salary).
- Thuế-má.
- Quốc doanh.
- Ngân hàng.
- Cải-tạo thiên-nhiên.
- Phân-phối dân số.

Cơ Năng Tổ chức: (10)

- Chính-trị tối cao quyền-lực: Quốc dân đại-hội, đại-biểu tối-cao quyền lực, Tham chính đại-hội.
- Chính-trị quyết định: Quốc-dân khu mật viện.
- Chính-trị thiết-kế: Lập pháp viện.
- Chính-trị chấp-hành: Hành chính viện (9 bộ)
- Quốc-dân công lý: Tư pháp viện.
- Chính-trị bồi-dưỡng: Quan chính viện. (Tam phối, tứ công)
- Chính-trị tư-cách: Khảo thí viện.
- Chính-trị cương-kỷ: Giám-sát viện.
- Chính-trị khai xúc tiến: Tổng văn hóa viện
- Chính-trị khai minh: Chính-trị phê phán viện.

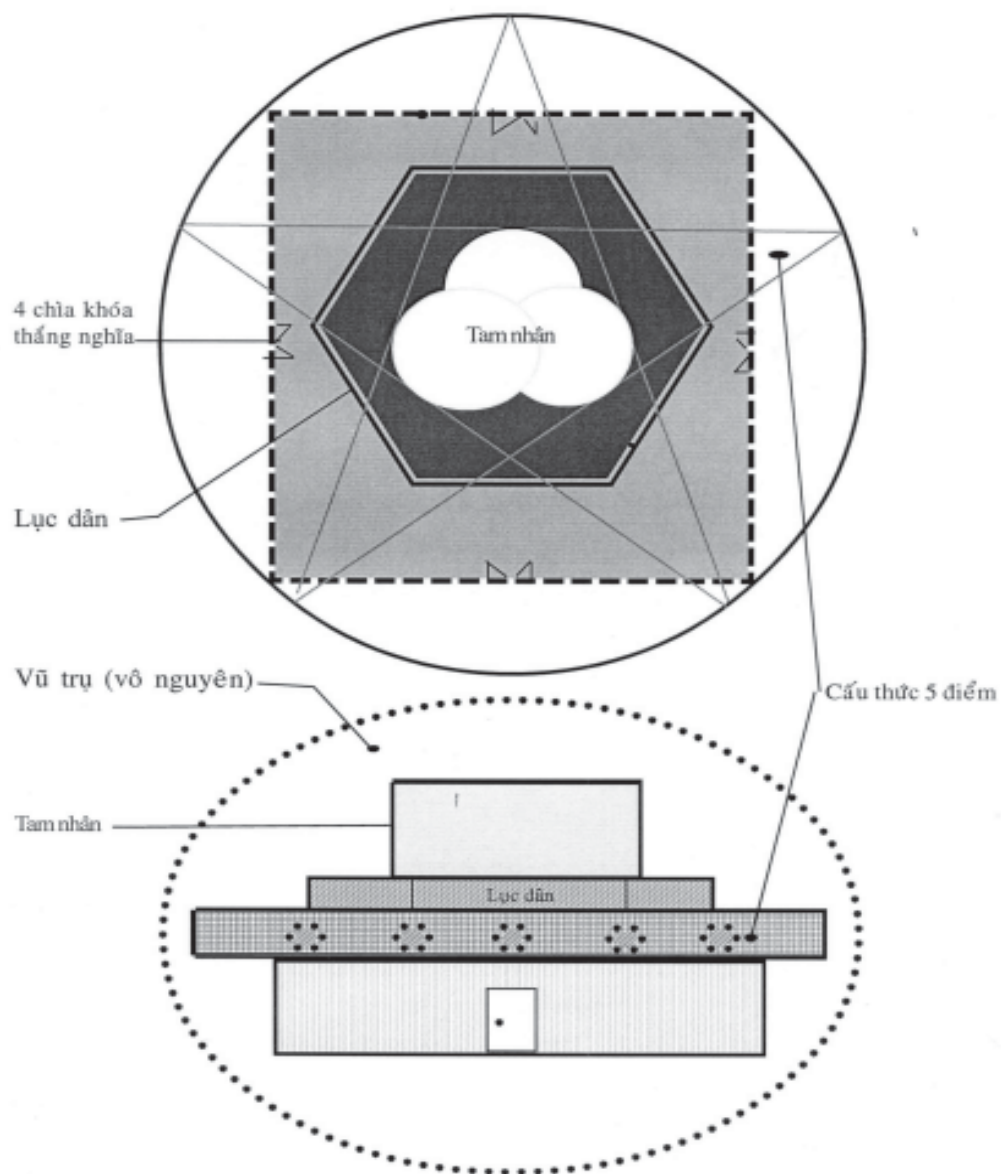
B/ GIÁO DƯỠNG:

Chủ-đích: Thiện cụ cho đời sông cá-nhân và xã-hội.
Khoa học , Sử-học , Đạo-học thống-nhất.
Xã-hội - vũ-trụ - tư-tưởng thống-nhất.

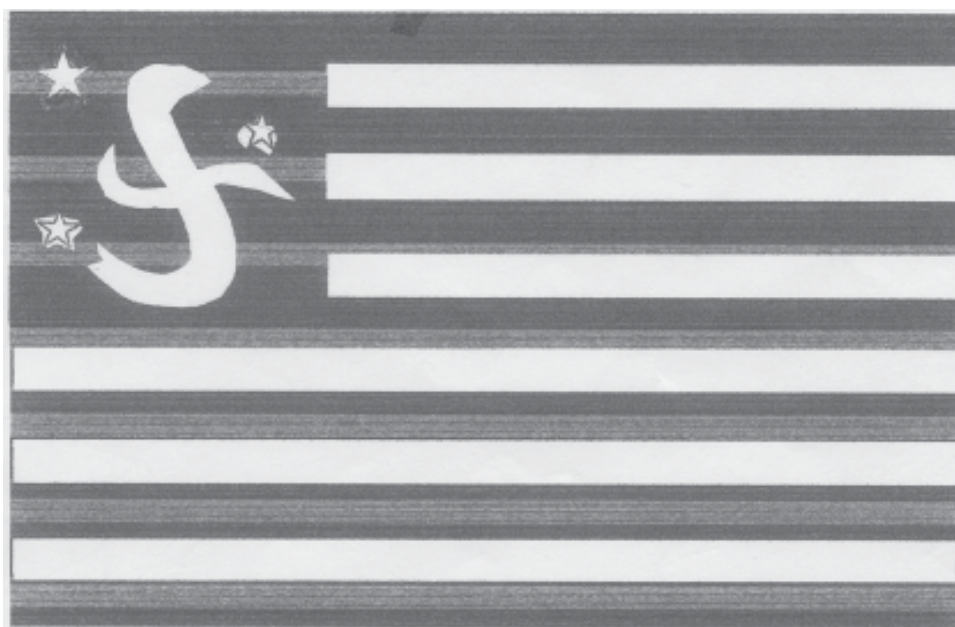
- * 4 Nguyên-tắc: Toàn-thể tính, bình-đẳng tính, trách-vụ tính và tổ-chức tính.
- * 4 Khoa mục: Đạo-lý, chính-trị, quân-sự, kinh-tế.
- * 5 ngành giáo: Kỹ-nghệ, quản-lý - văn-xã- thể-dục - khoa-học.
- * 4 nhiệm vụ: Bảo-tồn bản-thân, Đủ nghị-lực, Phẩm-hạnh, Đủ khả-năng.
- * 6 Sinh Hoạt Học Đường:
 - Thể-cách vững-mạnh.
 - Có phong-thái.
 - Y chiếu vào lý-tưởng & mục-đích của dân-tộc.
 - Tổ-quốc, chính-nghĩa.
 - Chính-trị, kinh-tế.
 - Đạt tối độc-lập, tự-do, thăng-tiến, tự-chủ.

C/ KINH TẾ : Quốc-dân tư-bản xã-hội hóa kiến-thiết

- * Tán Dục (Tán thiên địa chi hóa dục)
- * Kiến chế
- * Bình sản, tư hữu
- * Tứ công: Công bản, công lao, công phối, công độ.
- * Tam phân: Phân mệnh, phân công và phân lợi.



Ngôi Nhà Biên Chứng Duy Dân



Hình cờ Duy Dân

CỜ DUY DÂN

(Dựa theo tài-liệu của Thái Phượng viết ngày 12/4/1992)

1/ Hình Dáng:

Hình chữ nhật, chiều dọc bằng 2/3 chiều ngang. Ở phía trên góc bên trái (sát cán cờ), có một khoảng chữ nhật nền đỏ, chiều ngang bằng 1/3 chiều ngang lá cờ; chiều dọc chiếm 4 vạch đỏ. Trên nền đỏ của hình chữ nhật này có hình Rồng cánh Phượng (còn gọi là cánh Tiên, màu trắng và 3 ngôi sao 5 cánh cũng màu trắng. Hai sao đặt bên trái hình Rồng và 1 sao ở bên phải lập thành một thế tam giác. Ngôi sao bên trái to nhất ở vị trí ngang đầu Rồng là sao Việt, hai sao còn lại bằng nhau và nhỏ hơn sao Việt (8/10) ở hai bên đầu nét ngang cánh Phượng là sao Hôm và sao Mai. Ngôi sao bên ở dưới nét ngang cánh Phượng, theo đường thẳng đứng với sao Việt, còn ngôi sao bên phải ở lấp lửng đầu nét ngang cánh Phượng. Đôi cánh Phượng trắng, hơi chênh lệch từ trái sang phải. Ở giữa thân Rồng, cánh Phượng có cánh trái vươn lên, cánh phải hơi chúc xuống. Hình Rồng cánh Phượng trông giống như chữ Vạn hay chữ Thập, nên gọi là Vạn Việt hay Thập Việt.

7 vạch đỏ song song, xen kẽ với 6 vạch trắng, bề dọc mỗi vạch bằng 1/13 chiều dọc lá cờ.

2/ Ý Nghĩa:

a/ Màu Sắc:

* Màu đỏ là màu máu lửa, chỉ năng lửa Viêm Phương (Lưỡng hỏa thành viêm. Viêm : hơi lửa, chỉ phương Nam. Ý nói lên Viêm Việt đã có một nền văn-minh sáng lạn khắp phương Nam. Màu đỏ còn tượng trưng cho sức mạnh đấu tranh của nòi Việt.

* Màu trắng biểu-hiện ánh sáng văn-minh tỏa ra khắp nơi. Màu trắng thường làm nền cho các màu, nên tượng-trưng tính thanh-khiết, lòng tao-nhã, óc bao-dung của nòi Việt.

b/ Các hình:

* Hình Rồng cánh Phượng (hoặc cánh Tiên)

Rồng biểu tượng cho sức mạnh (lúc động, khi bay bổng, làm mưa làm gió trên không trung), sức nhấn-nại ẩn-tàng đầy phong-độ của người ẩn-dật.

Phượng biểu-tượng sự cao-sang, tinh-khiết, văn-vẻ.

Tiên biểu-tượng thanh-cao, nhân-ái, tươi-vui và trường-tồn.

Hình Rồng cánh Phượng là biểu-tượng Tiên Rồng, vật tổ của nòi Việt.

Đầu Rồng nhìn ra biển Đông (Đại Nam Hải) hướng về các nước Phi-Luật Tân, Mã Lai, đuôi Rồng quay sang phía Tây, tỏa ánh-sáng ra các nước Lào, Thái, Miên; còn thân Rồng uốn cong hình chữ S tượng-trưng bờ biển nước Việt, trông vào biển Đông, bao lớn Thái Bình Dương, chiếm vị trí trung tâm vùng Đông Nam Á, tỏa ánh-sáng văn-minh ra khắp bốn phương, hợp các nước cùng dòng-dõi thành một liên-bang chặt-chẽ (Liên Bang Đại Nam Hải).

* Ba Ngôi Sao:

Sao lớn nhất là sao Việt, đứng trên hai sao Hôm và Mai (tuy 2 mà là 1), biểu tượng sự vận hành của trời đất, làm nổi bật ý nghĩa “Tự Kỷ Nguyên Nhân, là vô sai biệt phạm trù”. Ba sao cũng biểu hiệu cho 3 nguyên tắc căn bản là NHÂN BẢN, NHÂN TÍNH VÀ NHÂN CHỦ.

* Sáu Vạch Trắng:

Sáu vạch nhắc-nhở 6 nguyên-tắc của Duy Dân Kiến Thiết: Dân-tộc,

dân đạo, dân-sinh, dân-văn, dân-trí, dân-vực (Lục Dân).

* 7 Vạch đỏ: Tượng-trưng cho lửa Viêm chiếu sáng khắp Đại Nam Hải (kết hợp các nước trong vùng thành Liên Bang Đại Nam Hải).

GHI CHÚ: Theo Ô. Thái Phượng, ủy viên Trung Ương Đảng 1945: “*Lá cờ thứ nhất xuất hiện tại quốc nội 1942 đến tháng 9/1945, hình chữ nhật sát cán cờ có nền xanh da trời, đầu và đuôi rồng khá phức tạp, đôi cánh phượng giống như lá cờ hiện tại, còn 3 ngôi sao tất cả đều ở bên phải thân Rồng theo đường thẳng đứng* (Sao Việt lớn hơn đặt ở trên cùng).

Mùa Thu năm 1945, một tiểu-ban được thành-lập để sửa đổi lá cờ theo chỉ thị của Tối Cao Thư Ký Trưởng. Vì có sự trục-trặc về liên-lạc nên có hai lá cờ xuất-hiện từ tháng 10/1945:

a/ Lá cờ của chi bộ Hà Đông như lá cờ mô tả ở trên.

b/ Lá cờ của chi bộ Thăng Long (và nhiều chi bộ khác): **Hai cánh phượng cùng cụp xuống**. Lá cờ này đã được treo trong “*Lễ Truy Diệu*” Thái Kim và các đồng-chí Duy Dân hy-sinh vì Tổ Quốc vào cuối tháng 10/45 do Tối Cao Thư Ký Trưởng chủ-tọa. Sau đó TCTKT cho chỉ-thị sửa lại đôi cánh phượng giống như lá cờ của chi bộ Hà Đông.

Lời ca: Đại Nam Hải Bách Việt Ca

Nắng Viêm chan hòa suốt cõi Đại Nam Hải sáng va tươi
Máu Rồng Tiên pha với trăm giống dòng
Cùng gốc xưa đất cũ, văn hóa Môn
Đứng lên! Anh em nòi, đứng lên phục Tổ Hồn, cùng thân ái dang tay cùng đấu tranh.

Đứng lên! Việt, Thái, Miên, Lào, Mường, Mã Lai, Pa-Pou, Chàm, Ngái, Tày, Phi-Líp-Pin

Hãy đứng lên! Lấy sống, còn, tiến, nối, hóa chung muôn ngàn năm

Xua đuổi hết xâm lược, đè nén và khi lừng

Đứng lên họp lại cùng sống chung, tiến liên phòng

Đồng đẳng trên mặt trận Duy Dân vẻ vang

Hoàn thành Đại Nam Hải Cộng Hòa Liên Bang

Đứng lên: Việt, Thái, Mèo, Miên, Lào, Mường, Mã Lai, Pa-pou, Chàm, Ngải, Tày, Phi-Lip-Pin!

Hãy đứng lên! Máu sôi như sóng cồn dòng sóng đầy

Máu hun đúc thành văn-minh sắt

Rửa thù cha, mở mày cháu con

Cõi Đông Á một khối vương tròn muôn ngàn năm.

Bài “Đại Nam Hải Bách Việt Ca là đảng ca, tượng trưng tinh thần tranh đấu của đảng, nên:

1- Chỉ hát hay cử nhạc khi cần thiết (hội họp hay ngày lễ của Đảng, v.v...)

2- Khi nghe thấy lời ca hay điệu nhạc, tất cả các đảng viên Duy Dân phải lập chính (đứng nghiêm). Trong những trường hợp bất khả kháng, các đảng viên cũng phải giữ thái độ nghiêm trang (Khí tụt và khí tụt trong tâm hồn, thể hiện trên nét mặt).

3- Cấm ngắt hát hay cử nhạc trong những lúc, những nơi không thích hợp, hay cho những người không đủ tư-cách nghe.

Phiên âm
(từ phải sang trái & từ trên xuống dưới)

Tha hưởng vọng quốc.

Tha hưởng vọng quốc huyết tâm thi

Nhất tử u hoài thiên cổ bi.

Hoang địa lô hoa trình thể¹ nghiệm,

Tĩnh sương nguyệt ánh điểm² hừng thì.

Duy Khang, Canh Ngọ niên, 1990

1- Thỉnh ý ở đoạn ‘Cành lau chỉ mọc ở bãi hoang’ biểu tượng cho tinh thần giàu thể nghiệm, cho hình ảnh muôn ngàn tử sĩ bất tử, đời-dời không dứt, dạt dào nguồn sống mặc cho thời thế xoay vần....’ trong tập Sử Hồn của Thái Dịch Lý Đông A.

2- Thỉnh ý ở đoạn: Những thốn-thức, những đau thương máu và nước mắt phải là ánh sương mai róc-rách suốt tự đáy lòng người Việt cho đến suốt cảnh vật. Ánh sương mai đã thấm thía ánh bình minh long lanh, sóng tân sinh dạt-dàom khắp lòng người Việt. Đây là trầm triệu của Di Lạc, trong tập Huyết Hoa.

Thư Mục **Lý Đông A**

Hay Thư Mục về Chủ Nghĩa Duy Dân.

Bộ chủ-nghĩa Duy Dân được gọi là “Đại Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho, gồm 4 bộ chính:

I-Bộ Huấn gồm 11 “**Chu Tri Lục**”. Bộ này chỉ đưa ra 10 Chu Tri Lục, vì Chu Tri Lục 10 với lý do đặc biệt chưa được đưa ra hiện nay.

Chu Tri Lục I: Chín Vấn Đề Thế-giới - Thời Đại - Nhân Loại.

- 1- V/d Thế-giới: a/ Nòi giống bị diệt vong
b/ Nòi giống bị áp bức cần được giải phóng.
c/ Giai-tầng bị áp-bức.
- 2- V/d thời-đại: a/ Chiến tranh ác sát.
b/ Hình thức, thể chế nào để ổn định thế giới.
c/ Làm thế nào giải thoát chiến tranh và nắm giữ vận mệnh thế-giới.
- 3- V/d nhân-loại: a/ Chân lý 3 tầng: đương nhiên - Tuyệt đối - Tương đối.
b/ Chế độ nào để thực bình đẳng, tự do và nhân ái.
c/ Thế nào là một văn minh chân chính, thực tại.

Chu Tri Lục II: 9 tiết yếu cách mạng.

Tiết yếu I: Chủ nghĩa Duy Dân sinh ra để:

- Chối bỏ tất cả cái dã-man trên loài người.
- Chối bỏ những cái chia rẽ trên loài người.
- Chối bỏ những cái đau khổ trên loài người.
- Chối bỏ những cái thừa thãi có hại trên loài người.
- Chối bỏ những cái giả dối buôn loài người.
- Chối bỏ những cái cùm buộc loài người.

Tiết yếu 2: Phát hiện ra một vũ-trụ quan, một nhân sinh quan, và một chính trị quan thực đúng chân lý, thực hợp nhân loại.

Tiết yếu 3: Tinh thần mới phải có là tinh thần nhân bản, phương pháp mới là phương pháp nhân tính và ý chí mới là ý chí nhân chủ.

Tiết yếu 4: Phương châm của đấu tranh là toàn diện, triệt để và hướng thượng.

Ngoại địch: Đã và đang thành lập cuộc thực dân trong cõi Hồng Việt.

Địch nhân đang can thiệp bằng vũ lực.

Địch nhân tối hậu âm mưu khuy du và trở ngại sống còn.

Nội địch: Hạng công cụ đảng

Hạng tư đảng vô ý thức.

Hạng phản cách mạng, quan liêu công cụ, chó săn, tay sai.

Thời địch: Nhược điểm văn hóa.

Nhược điểm cách mạng vận động.

Khắc phục thời địch.

Tiết yếu 5: Xác định lập trường tranh đấu và thắng lợi là thắng lợi chung.

Tiết yếu 6: Thời cơ

Tiết yếu 7: Dự kế và vũ lực cách mạng.
Tiết yếu 8: Tinh thần đấu tranh là lấy nhân đạo phục vụ loài người.
Tiết yếu 9: Duy chỉ Duy Dân chủ nghĩa, Duy Dân biện chứng và Duy Dân đảng mới giải quyết v/đ sống còn cho loài người.

Chu Tri Lục 3: 9 cương lĩnh cách-mạng Việt:

Cương lĩnh 1: Quốc-t ế biên-tế phát-triển.
Cương-lĩnh 2: Dân-tộc căn-bản lập trường.
Cương lĩnh 3: Xã-hội kết cấu của dân-tộc.
Cương-lĩnh 4: Dân-chúng yêu cầu của dân-tộc (Cứu quốc, tồn chủng)
Cương lĩnh 5: Thời-dại văn hóa của quốc-tế.
Cương lĩnh 6: Thủy-chuẩn văn-hóa của dân-tộc.
Cương lĩnh 7: Chính-trị phương châm quốc-gia.
Cương lĩnh 8: Đấu tranh cương-lĩnh.
Cương lĩnh 9: Kiến quốc quy mô.

Chu Tri Lục 4: Chín kinh nghiệm quốc sử làm giáo huấn.

Không đọc sử không đủ tư cách nói việc quốc gia. Đọc sử không giải được nghĩa và không nắm được thể dụng, không thể có được bản lĩnh về chính trị.

Phần 1: Nòi giống Việt tức Viêm, Miêu, Thái, Hải Đại, Mã Lai tộc có từ hơn một muôn năm trước, bản cú suốt cội Đông Nam Á?

Các nòi giống và nòi Hán được thừa hưởng những gì về văn hóa Môn?
Thần Nông, Viêm đế Thuấn phai chăng là nòi Việt?
Trạng huống Nam thiên của nòi Việt mất trung tâm và chia ra Bách Việt?
Sự liên hệ giữa các nước Sở, Ngô, Việt và Việt Đại Việt?
Trạng huống của sự tái kiến lại trung tâm sinh hoạt Việt bởi đời Việt Thường mà lập ra Hồng Bàng?

Theo sử Tàu, búi tóc về mình Việt, Ngô, Sở Miêu cũng thế.

Phần 2: Cả một lịch sử Tiểu Việt ta là cuộc đấu tranh máu sắt không ngừng giữa ta và Hán.

Phần 3: - Sự dung hòa ba nền văn hóa Tàu - Ấn Việt bắt đầu từ đời An Dương vương và Triệu.

Thời cự-tuyệt là từ Hồng Bàng đến Trưng vương.
Thời kỳ dung-hòa là đời Khúc với chế độ tự trị tiết độ sứ.
Thời phản-tĩnh là đời Ngô với chế độ tự trị vương.
Thời sáng-tạo là thời Vạn Thắng.

Phần 4 :

Cuộc chiến tranh Lý - Tống là sự xung đột giữa thể chế dân bản với thể chế đế quốc.

Phần 5 : Sự thắng lợi của cuộc kháng Nguyên là một bài học lớn-lao cho đạo lập quốc trên suốt mặt văn hóa.

Phần 6 : Cuộc dân tộc cách mạng của Lê Thái Tổ là mẫu mực trọn vẹn nhất của các cuộc dân tộc cách mạng, cũng như cuộc Trần Nguyên chiến tranh là mẫu mực của hai điển hình xã hội, kinh tế tương phản, chiếu ứng vào hai trận doanh chiến lược đời nay, chỉ khác nhau trên kỹ-thuật.

Phần 7 : Nguyễn Quang Trung là một mẫu mực anh hùng của thiên tài sáng tạo quá thời và là một tiếc hận cho người Việt trong vận tiến hóa trước.

Phần 8 : Phan Sào Nam là chìa khóa nối liền lịch sử từ 1865 đến 1940 của nước Việt mà địa vị danh dự làm tối cao lãnh tụ của cách mạng Việt.

Phần 9 : Bối cảnh thời đại sản sinh ra Duy Dân Thắng Nghĩa đi đôi với sự bùng nổ tất nhiên của mặt trận gốc.

X.Y. Lý Đông A 3/4/4822 (13/4/1943)

Chu Tri Lục 5: Chín điều mục giải thích về kiến thiết Duy Dân

1- Nhu cầu của kiến thiết:

Lực lượng dành vào phá hoại chỉ có chừng, nhưng dành vào kiến thiết thì vô chừng.

2- Bối cảnh của kiến thiết: Chúng ta tự trong mình nắm giữ được cái quyết tâm thiên vận cổ đó, bằng cái bối cảnh sơ phác, chúng ta thu sức lực lại mà đi lên.

3- Nền tảng của kiến thiết: là nền tảng của quốc gia. Đất đai, dân chúng, tư nguyên, trí lực, kiện khang lực đều là nền tảng của kiến thiết.

4- Phương châm của kiến thiết: Phương châm duy nhất là chủ nghĩa Duy Dân. Thái bình tiêu chuẩn là những quy định thực tiễn, thành lập Duy dân nhân chủ trên kiến trúc nhân chủ là nền tảng của thái bình được thực hiện cho toàn dân.

5- Triển khai của kiến thiết.

Sự cải tạo thiên nhiên bằng thác thực quốc sách và tán dục kỹ thuật. Kinh nghiệm loài người sống cải tạo tự nhiên mà ứng dụng vào kiến thiết của cách mạng gọi là kiến chế.

6- Nguyên tắc của kiến thiết: Đảng chỉ là phụ đạo và giám sát. Đảng quốc dân hóa.

7- Biện chứng của Kiến thiết: Nó không phải là quân chính, huấn chính hay hiến chính của Tam Dân chủ nghĩa, nó không phải là quá độ cộng sản chủ nghĩa... Chuẩn bị thời cơ của kiến thiết ở ngay trong quyết định thời cơ của cách mạng mà thành cái trục chuyển dời. Quyết định thời cơ của kiến thiết ở ngay chấm dứt quá độ thời cơ mà thành cái trục biện chứng.

8- Đấu tranh của kiến thiết : Trong kiến thiết có luật đối hợp, trong phá hoại có kiến thiết.

9- Quốc dân là mục đích của kiến thiết. Kiến thiết là mục đích của phá hoại.

Chu Tri Lục 6:

Quan điểm 1: -Học là cái phươngbng châm, phương thức và phươngpháp tìm dò, giải thích nắm giữ và vận dụng trước sự thức.

Hiểu là tác dụng của học đạt được tới yêu cầu trên.;

Dạy, là truyền thụ cho người cái học đó.

Quan điểm 2: - Triết học sử là cái vận động biện chứng và cơ năng của các ý thức hình thái và doanh lũy Duy Tâm, Duy Vật và Duy sinh tranh đấu lẫn, điều hợp lẫn, để cuối cùng tung hợp, thống nhất và rộng nghĩa vào một ý thức tập thể là Duy Dân.

Nhân loại hay nhân văn v.v... chỉ là dây rợ lịch sử, không phải cái tranh-dấu đòi kiếp của phái duy tâm và duy vật không có rút cục và sự điều hòa duy sinh (hay lưỡng nguyên).

Không phải cái phản ảnh bình diện và mơ hồ của mục đích cầu sinh.

Không phải cái vận hành định mệnh và kiệt tác của tuyệt đối tinh thần hay là thượng đế tối cao.

Quan điểm 3: - Làm gì có một đời sống loài người thuần túy duy vật trên luận lý triết học duy vật? Làm gì có một đời sống loài người trên thuần túy triết học duy tâm? Làm

gì có một đời người trên thuần túy triết học duy sinh?

Sự thực là trên nền tảng loài người và vận động lịch sử của loài người, Duy tâm, duy vật và duy sinh chỉ là những điều kiện với phạm trù tự nhiên thẩm thấu vào hoạt động đó.

Quan điểm 4: Sự thất bại trên cơ bản lý luận của duy vật triết học ở ngay sự vận dụng biện chứng sai khớp với lịch sử. Sự thất bại trên thuần túy lý luận của duy vật triết học ở ngay sự mù tịt cái bản thể nhân loại trên kiến thiết nhân loại. Sự thất bại trên thực tiễn lý luận ở ngay sự thất bại sự thực của Cộng sản cách mạng 1917. Cộng sản chủ nghĩa chỉ là quá độ của vô chính phủ chủ nghĩa. Không thể có được vô chính phủ chủ nghĩa cũng như không thể có được chủ nghĩa cộng sản thuần túy bởi nhân tính và bản thể của loài người.

Quan điểm 5: Những quan điểm siêu hình về ‘thần’ phát dẫn nên bởi cái tiến hóa của tri thức trên tinh thần hoạt động của loài người, mang lên siêu hình không phải đã hẳn được MANG NÓ vào duy nhiên bộ phận là cứu cánh. ‘Thần’ chỉ là phản ánh cái tâm lý quan trọng của loài người từ sau ngày xã hội đã tương đương tiến bộ và dừng lại trên giai đoạn hưởng thụ và bảo thủ.

Quan điểm 6: Cái sinh nguyên mà lý luận Tam Dân đặt định vào làm thủy tổ vũ trụ chỉ là cái tế bào của hữu cơ sinh vật. Thà nói thẳng rằng sinh vật là khởi điểm của triết học duy sinh. Cái trung tâm quy luật cầu sinh mục đích là tối cao tiêu điểm và vận động của xã hội không có được tác dụng quyết định cho tiêu chuẩn chân lý loài người. Loài người cố nhiên phải sinh sống, nhưng sinh sống phải là điều kiện thông qua một nền tảng gì? một điều kiện gì? bằng một phương thức nào? Có một chỉ đạo nào?

Quan điểm 7: Loài người khi nào đã đứng trên nền tảng vững chắc nhân chủ, giác ngộ rõ rệt cái nguyên tắc nhân bản của xã hội trong vũ trụ, kiến thiết được sống còn theo hoàn toàn nhân tính là khi ấy không còn nghi-ngờ gì nữa về cái tuyệt đối chân lý có tìm được cho loài người không?

Quan điểm 8: Phạm trù luật tắc, phương pháp thuần túy khác với các thủ biện chứng (duy tâm biện chứng, duy vật duy sinh biện chứng, thực dụng lý tắc, v.v.,) bởi ở cái căn cứ, xuất phát và nền tảng vận dụng quyết định cái phương hướng và thành tựu của nó.

Quan điểm 9 : Tạo hóa ở tự nhiên, mà sống chết ở loài người. Sự khám phá ra cả một thể hệ học hiểu tung hợp nhân loại và cao độ đưa đến sử xây dựng cả một thể hệ văn minh

Chu Tri lục 7 : Chín chỉ nam nhân chủ:

1- Tán dục : Triệt để cải tạo tự nhiên cho nên chính sách nhân chủ thứ nhất là bằng công tác tài bồi được tảo hóa, điều lý được âm dương (khí hậu), v.v...

2- Kiến chế :

* Duyên sơn chính sách: Địa động quốc phòng lên một thành hiệu chắc chắn, đem sinh hoạt quốc gia thủy chuẩn hóa.

Kế xã chính sách: Thành thị hóa thôn quê.

3- Cương thường:

Cương thường là tất cả các qui định tự tính và đương nhiên của công nhận loài người. Thế giới hòa bình và hạnh phúc phải ở các quốc gia các người đều lấy DUY NHÂN CƯƠNG THUƠNG làm chủ luật thực tiễn chính trị trên bản thể thực tiễn kỹ thuật, thái độ và học thuật.

4- Cơ năng :

Quốc thể phải là cơ năng liên hợp. chính phủ phải thành lập trên hiến pháp phân công, quốc dân hoạt động phải theo nguyên tắc duy dân dân chủ. Ba điều ấy ở trong dân chủ có vận động quốc dân tăng, có chuyên môn tính, có tư cách tính, có tự giác tính. quốc

dân đoàn là cơ sở tổ chức của nhân dân toàn thể thuần túy nhân chủ. Triệt để dân chủ trên tam phân (phân công, phân mệnh, phân lợi) và ba yếu-tố (biện chứng dân chủ cơ hội nghĩa vụ, quyền lợi) thống nhất trên bình đẳng.

5- Tiểu gia: Cương thường, cơ năng, nội tắc, kiến chế, tiểu gia, kiện khang, bộ mệnh, v.v... đều là các chủ trương chân xác đem được cho xã hội thực tiễn cái nguyên vẹn của xã hội tự tính nhân chủ.

6- Bộ Mệnh: Sự giao du trai gái được tự do mà trong sạch. Làm sao cho tình dục được điều hòa, sinh lý khỏi bị thiên kỳ phát triển, khỏi bị xã hội bệnh hoạn.

7- Bình sản : Một chế độ dân chủ trên kinh tế phải bằng tự chủ và bằng quốc gia bảo ác, bằng xã hội hợp tác, phát triển cơ năng nhân loại.

8- Kiện khang :

Yếu tố thứ ba của nhân chủ chính trị là giáo dục. Giáo dục phải nhân bản hóa, nhân chủ hóa, nhân tính hóa mới là giáo dục nhân loại. Một nền kiện khang giáo dưỡng của sinh hoạt giáo dục bằng khoa học giáo pháp, lý tưởng giáo khoa, viễn độ giáo trình v.v...

9- Vận hội :

Sự chi phối được vận mệnh là bản tính nhân chủ của loài người bằng trí huệ và tự giác viên mãn trong tự động điều chỉnh và trí tuệ chỉ huy của quốc dân sinh hoạt và quốc gia hoạt động.

Chu Tri lục 8 : Chín phê phán về các đảng phái:

1- Phàm đã gọi là chính đảng phải đủ chủ nghĩa, tổ chức, sách lược với quy phạm hành động. Các chính đảng đi đôi với:

a/ Nền tảng và điều kiện sinh hoạt lịch sử.

b/ Nền tảng và điều kiện sinh hoạt thế giới.

c/ Nền tảng và điều kiện sinh hoạt quốc dân.

2- Sai lạc ngay trên nguyên tắc và tiền đề chỉ đạo lý luận.

3-Sai lạc trên công cụ và vũ khí tinh thần, hay là không có nữa.

4- Sai lạc trên văn dụng thực tiễn.

5- Sai lạc trên lập trường căn bản và siêu nhiên của mình.

6- Sai lạc trên căn cứ xuất phát xã hội của chủ trương, không có óc, không có tay, và không có mắt.

7- Sai lạc trên cách mạng đạo lý ở nơi đặt con toán toàn trừ vào sức lực trần trường của quần chúng, không có bảo ác thực tế của quyết thắng.

8- Sai lạc riêng cho kẻ nói: Chỉ co thực tiễn, phi lý luận.

9- Trào lưu lịch sử, một sứ mệnh và tác dụng lịch sử của các đảng phái.

Văn minh quan Duy Dân đem loài người về bản thể loài người, về chủ đạo tự giác và tự chủ của loài người, đem quốc dân về bản thể quốc dân và đem quốc gia hoạt động về tự giác và tự chủ của quốc dân.

Kiểm điểm ba chủ nghĩa Duy Thần, Duy Vật, Duy Sinh, ta thấy :

- Mỗi chủ nghĩa đều xây đắp một nền tảng triết học trên một quan niệm về vũ trụ. Phạm trừ vũ trụ quan thường thiên về siêu hình mà thiếu mất khoa học thực tiễn.

- Mỗi triết học chỉ nghiệm cú một điều kiện hoạt động của xã-hội, như thế chỉ nắm giữ được một mặt mà không tung hợp được toàn thể sự thực. Cho nên một chủ nghĩa mới để được xứng đáng làm tiêu chuẩn cho nhân sinh vạn cổ phải chú trọng vào:

- Giải phóng cho loài người khỏi bóng tối siêu hình của vũ trụ quan và tỏ ra rằng loài người là một thể sống đặc biệt, một vũ trụ đơn độc tự trị trong vũ trụ toàn thể, khác với

sự vận động của vật chất.

- Quyết định hẳn cái chân lý lấy chân lý làm y quy cho đời sống tinh thần, và nền tảng cho đời sống thực tiễn. Sự quyết định một chân lý cần yếu cho loài người để đi đến sự thành thực giác ngộ.

Tập đại thành tất cả các ngành, ngọn, học , hiểu từ xưa đến nay để đặt định vấn đề nào vào địa vị ấy.

Ngoài ra đối chiếu vào thể sống của loài người, từ xưa đến nay chẳng bao giờ có đời sống loài người thuần túy duy tâm, duy vật hay duy sinh.

Chu Tri lục 9 : Cương lĩnh giản dị và tất yếu của Duy Dân chủ nghĩa và cách mạng hành động Đại Việt Quốc Dân đảng.

Chu Tri lục 11 : 9 chỉ thị cách thức làm việc thời kỳ quân sự hóa.

- 1- Trách nhiệm quyết tâm.
- 2- Thực tế công tác.
- 3- Bí mật cẩn thủ.
- 4- Quân sự tổ huấn.
- 5- Kinh phí vận động.
- 6- Thực vật chuẩn bị.
- 7- Tham mưu nghiệp vụ.
- 8- Hành-chánh tu hoạch.
- 9- Quân kỷ chấp hành.

II- **Bộ Nhã** gồm những bài văn xuôi dùng để hun-đúc và nuôi-dưỡng tinh-thần dân-tộc. Cuốn “**Huyết Hoa**” đã gom được nhiều bài liên-quan đến bộ sách này.

III- **Bộ Thông** gồm những bài thơ soạn ra để rèn luyện ý-chí và khí-phách Duy Dân. Đa-số các bài được một số cán-bộ Duy Dân đóng thành tập thơ “**Đạo Trường Ngâm**”.

IV- **Bộ Mô** tức **Đại Việt Mô** viết về đấu-tranh thực-tiến và kiến-thiết cách-mạng Duy Dân. Bộ Mô bao gồm 7 tập có tên ghi sau:

a- “**Mở Quyển**” dùng để huấn-luyện cán bộ nắm được mạch sống của dân-tộc ta từ ngàn xưa, thấy được sử hồn của dân-tộc trước khi vào đường tranh-đấu.

b- “**Tổ Đảng**” đề ra những nguyên-tắc tổ-chức và vận-hành cơ-cấu để tiến hành cuộc cách-mạng. Tập này gồm 12 chương:

- * Đảng Sách
- * Đảng Lược
- * Đảng Thể
- * Đảng Chế
- * Đảng Huấn
- * Đảng Hiến
- * Giáo Vận
- * Tuyên Truyền
- * Đảng Chiến
- * Quân Chính
- * Đảng Cơ
- * Đảng Công.

c- **Lập Học** đưa ra những công cụ tinh-thần và kỹ thuật lập thành một học-thuật được phò-trợ bằng “**văn ngữ học**” để hoàn-thành sự sống có văn-hóa.

d- “**Thiết Giáo**” đưa ra những phương-cách hữu hiệu để cách-mạng Duy Dân, đào-tạo những con người đứng danh nghĩa “người” cho nòi giống.

e- “**Kiến Quốc**” đưa ra thiết-kế sinh-hoạt cho quốc dân Việt để nòi giống được sống còn, nối, tiến, hóa tiếp truyền dòng sống sử Việt xưa, nay và muôn đời sau.

f- **Đồng Nhân** sự cùng sống với người là nền tảng sinh-hoạt của nhân loại. Tập này đặt vấn-đề văn minh và lập quốc y tựa trên nền-tảng chủng tộc, vì nòi giống là gốc của quốc dân, và quốc dân là gốc của quốc gia.

g- **Giới Thiệu**, tập này giúp cán-bộ hiểu thêm một cách dễ-dàng về chủ nghĩa Nhân Chủ Duy Dân, nhất là hỗ-trợ cho việc học tập bộ Huấn.

(Quyển Duy Nhân Cương Thường do nhà xuất-bản Gió Đáy in năm 1969 tại Chợ Lớn là rút từ các tập: Cơ Năng, Cương Thường Duy Nhân, trong Kiến Quốc và Giáo Dưỡng Học Thuyết, Giáo Dưỡng Chế Độ, và Tu Dưỡng trong Thiết Giáo.).

Ngoài bốn bộ chính trên, còn thêm hai bộ:

1 - Thái Dịch Ngoại Thư gồm các tập viết về lịch sử Việt Nam như tập “**Duy Dân Việt Sử Thông Luận**”, các tập viết về triết học Duy Dân như “**Nền Triết Học Chính Thống Duy Dân**”, và các **tập luận về Dịch Lý, Bình Giải Sấm Ký Dân Tộc**.

2- “**Thái Dịch Bình Thư**”, tập này không thấy xuất hiện, nhưng được một số cán bộ Duy Dân đồng thời với Thư Ký Trưởng Lý Đông A xác-nhận là có.

Mở Quyển.

Trong cảnh vô cùng nguy nan cho nước nòi Việt.

Trong khi tất cả các đảng phái đều lệch phương hướng.

Trong khi thế-giới đi vào bế tắc mà một cuộc tàn sát sẽ làm điêu linh dân tộc Việt.

Trong khi tất cả lý thuyết trên thế giới đã cáo chung.

Duy Dân ra đời là cả một quá trình lịch sử 5000 năm của nòi giống kết tinh.

* Mỗi chủ nghĩa tìm một đối tượng thiên lệch, thiếu sót rồi căn cứ vào đó mà kiến thiết con người thành ra không đáp ứng nhân tính.

* Mỗi chủ nghĩa phát sinh để phản đối một cảnh xã-hội đồi bại - Cho nên từ một thiên lệch này bước qua một thiên lệch khác có khi quá khích hơn.

* Mỗi chủ nghĩa đã có một mục đích kiến thiết con người nhưng chỉ là vá vúi không nhất quán cho nên không kiến thiết nổi con người.

* Mỗi chủ nghĩa phát sinh ở một thời kỳ ấu trĩ của con người nên đã cố gắng hiến những phương án thích ứng vào từng phương diện của con người mà **không thể hiện được toàn bộ**.

* Có những chủ nghĩa áp dụng luật tắc tự nhiên nên không thích hợp với loài người.

Thế giới cần những tư tưởng mới, một phương hướng mới và những phương án kiến thiết con người mới mẻ hơn.

* Cái lầm lẫn chí tử của Grothius (Hugo Grothius 1583-1645, nhà văn Đức chuyên viết về luật công pháp quốc tế), Rousseau (Jean Jacques Rousseau 1712-1778, triết gia

Pháp chuyên viết về giáo dục và chính quyền.) và Marx cho xã-hội tự tính là xã-hội cộng sản nguyên thủy, vì hãy còn tranh chấp, cướp bóc lẫn nhau, chưa có nhân vi thì có thể gọi là xã hội sao được.

* Duy nhiên: Giải quyết những vấn đề cứu cánh nguyên thủy - Sự khám phá ra cực chất sẽ có khoa học chứng minh là một bước tiến của nhân loại. Do sự khám phá mà bản chất vô nguyên để tư tưởng khỏi sa vào la vông tâm, vật hay sinh, tư tưởng không còn bị nghẽn ở chỗ bất khả luận.

Tiếc rằng sau thời Lý - Trần, chúng ta đã đi nhiều bước lạc hướng, rồi quanh quẩn trong “*mê hồn trận*”!!!

- Về mặt giáo dục, vì nền chính trị, chính sách xã hội và toàn trình giáo dục không ăn khớp với nhau nên xảy ra hiện tượng dù có tốt nghiệp đại học nếu không là con cháu đảng viên hay là đảng viên đảng Cộng Sản thì khó lòng tìm được việc làm!

Chương trình giáo dục Việt Nam hiện đại không nhằm đào tạo những khối óc, bàn tay cùng trái tim của thế hệ thời đại để kiến thiết sinh mệnh con người, để xây dựng gia đình và tu tạo toàn diện xã hội!

Học thuyết của giáo dục là biến hóa khí chất, bồi dưỡng khí chất, và phát huy khí chất. Khí chất là chủ yếu của con người.

* Giáo dục sao cho có được một sinh khí mạnh mẽ “*thận vững, tay mạnh, mình nhẹ*” tức là “*kiện khang giáo dục*”.

* Giáo dục sao cho có được một tinh thần cao thượng, chính nghĩa, lý tưởng, nhân cách và danh dự (óc sáng, tim trong) tức là “*hoàn thiện giáo dục*”.

* Giáo dục sao cho có một hiệu suất thích đáng để thăng hoa cuộc sống cho chính mình và cho xã hội. Do đó châm ngôn của giáo dục là “*làm sao cho thân ta thành một thiện cụ cho chính ta và cũng chính là khí cụ cho xã hội.*”

Biện chứng của giáo dục là tu tiến “*thủy tạo*” (*đức tính bẩm sinh*) để đạt đến “*thành tạo*”.

Bản thể của giáo dục là đúc kết thành quả của quá khứ và hiện tại để mưu cầu cải tiến và sáng hóa cho tương lai. Sứ mệnh của con người trong xã hội là phục vụ người, vì người và cho người.

Tiến trình của nhân loại phải đấu tranh với thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên để ích dụng cho nhân sinh, do đó phạm trù của giáo dục phải *thống nhất ba mặt: khoa học - Sử học và Đạo học* (triết học).

Tương lai lâu dài của dân tộc tùy thuộc vào chính sách giáo dục của quốc gia. Với một nền giáo dục què quặt hiện nay: phi nhân bản, phi dân tộc, phi hòa đồng quốc tế, phản khoa học, không tôn trọng truyền thống và coi nhẹ quốc sử, triết học thì khép kín, ... quả là điều “*đại bất hạnh*” cho dân tộc!

- Về mặt y-tế, để xứng đáng có một truyền thống anh dũng văn minh, với lịch sử lâu dài có hơn 4,000 năm văn hiến, “*ăn vóc, học hay*” thì chúng ta không thể nào chấp nhận hoàn cảnh thiếu vệ sinh cơ bản, phi an sinh xã hội, thiếu dinh dưỡng ở thiếu niên, người già không được săn sóc, cách chữa trị phản khoa học, v.v...

“*Một tinh thần minh mẫn*” không thể nào tìm thấy trong một thân thể bệnh hoạn, đó là một chân lý không thể phủ nhận. Vận mệnh của dân tộc tùy thuộc vào ý chí và sức mạnh của con dân.

Ai cũng rõ tình trạng hiện nay, sống trong một hoàn cảnh: ăn uống thiếu dinh dưỡng, ở đô thị thì thở hít trong không khí bụi bặm, nơi thôn quê thì thiếu vệ sinh, thành phố thì ngày

đêm ồn ào tiếng động, nhà ở thì chật-chội, khi bệnh hoạn thiếu thuốc men, y sĩ chưa đủ túc số để phục vụ, một số y sĩ tốt nghiệp cũng chưa đủ cung ứng ở đô thị, đã thiếu lại vì tham lam nên dù làm việc công hay tư cũng dễ quên đi truyền thống “*lương y như từ mẫu*”!

Để tiến tới một nền y tế tương đối hữu hiệu phục vụ dân chúng, nhà cầm quyền cần có một quốc sách kiến thiết lâu dài, toàn diện, liên hoàn và điều hợp chu đáo.

Để cấp thời tránh được tình trạng quá đông dân cư ở đô thị, chính phủ cần có kế hoạch phân phối lại tình trạng cư trú và sản xuất của dân chúng.

Sách Tham Khảo

Sách Trích Dẫn & Tham Khảo

- 1- **Phan Bội Châu**, “*Việt Nam Vong Quốc Sử*”, nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957.
- 2- **X. Y. Thái Dịch Lý Đông A**:
 - “*Đạo Trường Ngâm*” Duy Dân Học Xã in xong 1967.
 - “*Huyết Hoa*” Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sài Gòn.
 - “*Huyết Hoa*” Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Dân Tộc Việt, xb. 1986 tại Hoa Kỳ.
 - “*Việt Duy Dân Đảng Tuyên Ngôn Ngày Thành lập Tổng Đảng Bộ*”.
 - “*Chu Tri Lục*”, Nhà Xuất Bản Gió Đáy”, 1967 tại Sài Gòn.
 - “*Duy Nhân Cương Thường*”, Nhà xuất bản Gió Đáy, 1969 tại Sài Gòn
 - “*Nền Triết Học Chính Thống*”, tài liệu chụp lại từ bản đánh máy..
- 3- **Vô Ngã Phạm Khắc Hàm**, “*Triết Lý Lý Đông A*”, Bản thảo, 1998.
- 4- **Phạm Việt Châu**, “*Trăm Việt Trên Vòm Định Mệnh*”, xb. tại Hoa Kỳ năm 1997.
- 5- **Tư Mã Thiên**, “*Sử Ký*” Nhữ Thanh dịch, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1988.
- 6- **Hồ Bạch Thảo**, “*Những Nét Đặc Trưng Về Lịch Sử Việt Nam*”, Mister Print, California, 2002.
- 7- **Thuận Đức, Âu Đại Nhậm, Trịnh Bá**, “*Bách Việt Tiên Hiền Chí*”, người dịch Trần Lam Giang, Thư viện Việt Nam ấn hành, 2006.
- 8- **Ngô Gia Văn Phái**, “*Hoàng Lê Nhất Thống Chí*”, nhà xuất bản văn học Hà Nội, 2002
- 9- **Thái Phượng**, “*Tìm Hiểu Chủ Nghĩa Duy Dân*”, Bản thảo năm 1990.
- 10- **Ngô Gia Văn Phái**, “*Hoàng Lê Nhất Thống Chí*”, nhà xuất bản văn học Hà Nội, 2002.
- 11- **Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt**, “*Vấn Đề Văn Học Dân Gian*”, xuất bản 2011.
- 12- **Nguyễn Huy Hân**, “*Nguồn Gốc Loài Người*” Bản thảo năm 2008.
- 13- **Trần Thái Đạo**, “*Mô Hình Kinh Tế Bình Sản*”, tiểu luận.
- 14- **Phong Trào Quốc Dân Việt Nam Hành Động**, “*Nhân Chủ Học Thuyết*”, Việt Long xuất bản 2000.
- 15- **Nguyễn Đăng Thục**, “*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*”, nhà xb. TP HCM 2001.
- 16- **Mai Chi**, “*Vẽ Phác Một Hệ Tư Tưởng*”, bản thảo 1994.
- 17- **Trí Vũ - Phan Ngọc Khuê**, “*Trần Đức Thảo Lời Trăng Trối*,” Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, mìn 2014.

Annotated Bibliography

1- C.P. Fitzgerald, "*China, A Short Cultural History*", Frederick A. Praeger, Publisher, N.Y. 1964.

Used Chinese sources wherever possible to indicate something of the economic background which in part at least determines the pattern of a culture.

2- Harold J. Wiens, "*Han Chinese Expansion on South China*", The Shoe String Press Inc., 1967.

Whether the historical data are reliable and further, whether the descriptions are sufficiently informative for classification purposes? Most researchers of Chinese history concede the astonishing degree of reliability of Chinese historical facts. Where fault is found with Chinese history, it is with the distortion resulting from omission of facts, particularly in the accounts dealing with the so-called barbarians or non-Han Chinese tribes people.

3- Herrlee Glessner Creel, "*The Birth of China*", Frederick Ungar Publishing Co., New York, 1970.

In writing to present as casual flat statements propositions which the specialists in this field may consider startling, or even untrue and incapable of demonstration.

4- Kenneth Scott Larouette, "*The Chinese Their History and Culture*", New York, The Macmillan Co., 1964.

Chinese culture influenced profoundly all its immediate neighbours - Notably the Japanese, the Korean, the Semi-northern people to the North and West and the Asiatic people to the South?

5- Shryock J.K., "*The Origin and Development of the Cult of Confucianism*", New York, 1912, reprint 1966.

The Cult of Ancestor, an old religion in Far East? Not a religion, but a humanism - In the point of view of Viet-namense culture.

6- Wang Gungwu, "*The Chineseness of China*", Hongkong Oxford University Press, Oxford New York, 1991.

As long as the future Chineseness is still unclear, the world outside will continue to be ambivalent about China's traditional self image.

7- Wilhelm G. Solheim H. Ph. D., "*New Light On A Forgotten Past*", National Geographic, Vol. 139, March 1971.

In view of the new excavations to speculate on how the pre-history of Southeast Asia may someday be reconstructed.

8- Wolfram Eberhard, "*A History of China*", University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

The account of China history here given is based on a study of the original documents and excavations, and on study of recent research done by Chinese, Japanese, and Western scholars, including author's research. No longer see China as a great civilization surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbours, who had civilizations of quite different types.

Tham Khảo Sách Ngoại Quốc:

1-**Arthur Cotterell**, “*China, A Cultural His tory*”, First Mentor Printing, October, 1990.

2-**Fitzgerald**, “*China, A Short Cultural His tory*”, Frederick A Pracger Publisher, N.Y. 1961.

3-**Wolfram Eberhard**, “*A History of China*”, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

4-**Herold J. Wiens**, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc. 1967.

5-**Herlee Glessner Creel**, “*The Birth of China*”, Frederick Ungar Publishing Co., New York, 1970.

6-**Henneth Scott Latourette**, “*The Chinese Their History and Culture*”, New York, The Macmillan Co.. 1954

7-**Wilhelm G. Solheim H. Ph. D.**, “*New Light On A Forgotten Past*”, National Geographic, vol. 139, No. 3 March, 1971.

8-**Charles O. Hucker**, “*China’s Imperial Past*”, Stanford University Press, Stanford California, 1975

*

*Thư-từ giao dịch
xin gửi về:
Ô. Đình Khang Hoạt
900 S. Pueblo St.
Gilbert, AZ. 85233
Email: hoatkding@gmail.com*

*Copyright © 2018 by Duy Khang
All rights reserved*